

Phan Thị Minh Lễ và Pierre Ph. Chanfreau
Phan Tín Dụng dịch



PHAN THANH GIẢN

NHÀ ÁI QUỐC, NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG
CHO MỘT VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

PHAN THANH GIẢN

NHÀ ÁI QUỐC, NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG
CHO MỘT VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

Phan Thị Minh Lễ và Pierre Ph. Chanfreau

PHAN THANH GIẢN
NHÀ ÁI QUỐC, NGƯỜI MỞ ĐƯỜNG
CHO MỘT VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
Những năm cuối đời: 1862-1867

Phan Tín Dụng *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TS Nguyễn Ngọc Anh; TS Nguyễn Tuệ Anh; Nguyễn Cảnh Bình;
TS Nguyễn Tuấn Cường; Vũ Trọng Đại; TS Phạm Sỹ Thành; TS Trần Toàn Thắng;
ThS Đậu Anh Tuấn; PGS TS Lê Anh Vinh; TS Trương Minh Huy Vũ.



ĐƠN VỊ BẢO TRỢ TRUYỀN THÔNG

TẠP CHÍ TIA SÁNG



<https://www.facebook.com/tiasang.tapchi>
Website: <http://tiasang.com.vn/>



<https://www.facebook.com/tramdocvn>
website: <http://tramdoc.vn/>

Mục lục

<i>Lời cảm ơn</i>	11
<i>Viết tắt</i>	14
<i>Phạm lệ</i>	15
<i>Niên biểu</i>	19
<i>Tài liệu tham khảo để lập bảng niên biểu</i>	28
<i>Tóm tắt tiểu sử Phan Thanh Giản (1796-1867)</i>	29
<i>Dẫn nhập</i>	42

Phần đầu tiên

Vai trò của Phan Thanh Giản trong giai đoạn 1862-1867

Cuộc tiếp xúc ngoại giao đầu tiên Pháp-Việt.....	47
Các sắc lệnh bách hại.....	49
Ý tưởng thôn tính đầu tiên.....	50
Viễn đông miễn cưỡng mở ra với phương Tây.....	54
Sự sáng suốt của một số học giả Việt Nam.....	55
Người pháp không chỉ đến để bảo vệ người Công giáo!.....	55
Huế bác bỏ các đề nghị hòa bình của Charner.....	56
Tự Đức đã bàn bạc ra sao với các quân thần.....	59
Một vị quan cởi mở: Phan Thanh Giản.....	60
Những phương sách của Nguyễn Bá Nghi.....	61
Cuộc nổi dậy của Tạ Văn Phụng ở Bắc Kỳ.....	64

Nghị hòa của đô đốc Bonard, tháng 5 năm 1862	67
Đàm phán tiếp tục.	69
Những ảo tưởng của Tự Đức.	70
Hòa ước Sài Gòn ngày 5 tháng 6 năm 1862	72
Bonard giải thích tại sao ông ký hiệp ước tháng 5 năm 1862.	75
Nhiệm vụ bất khả thi mới cho những sứ giả không may	76
Tự Đức tỏ vẻ hợp tác	78
Chỉ dụ của vua An Nam (ngày 15 tháng 7 năm 1862).	79
Phan Thanh Giản – tổng đốc Vĩnh Long.	80
Lo lắng của Bonard đối với hoạt động chính trị của các thừa sai ...	89
Chấp hành hiệp ước	90
Quản định và sự hai mặt của Tự Đức	92
Tự Đức hy vọng chuộc lại các tỉnh bị mất.	101
Bước đầu cho những thay đổi có thể đối với hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862	102
Phan Thanh Giản dẫn đầu phái bộ đến Pháp	106
Thay đổi chính phủ.	118
Sứ mệnh của Aubaret ở Huế (tháng 6 năm 1864), ngoại giao của Phan Thanh Giản có thành công?	118
Báo cáo quyết định của Chasseloup-Laubat	119
Phan Thanh Giản – Kinh lược đại thần của các tỉnh miền Tây	130
Pháp bất ngờ tấn công Vĩnh Long, Phan Thanh Giản tự tử.	132

Phần thứ hai

Phan Thanh Giản bị chỉ trích thiếu khách quan

Bị Tự Đức kết án	138
Bị Phan Huân và nhóm văn thân kết tội (năm 1862)	142

Bị chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (miền Bắc) kết án năm 1963	145
Bị Nguyễn Khắc Đạm, Trương Hữu Kỳ và Phạm Văn Sơn kết án ..	161
Sự trở mặt gây kinh ngạc của sử gia Phạm Văn Sơn (1967)	164
Hội thảo Vĩnh Long (1994): Bước đầu phục hồi ngân ngại	167
Trần Mạnh Hảo ngoan cổ bảo vệ luận chứng đã bị phản bác của Trần Huy Liệu.	178

Phần thứ ba

Phục hồi danh dự cho Phan Thanh Giản

Nguyễn Đình Chiểu	182
Phạm Phú Thứ	183
Thơ khuyết danh thực sự sáng tác cuối thập niên 60 của thế kỷ XIX	191
Nguyễn Thông hay Nguyễn Văn Thông (1827-1884)	192
Tùng Thiện Vương	194
Phạm Viết Chánh	195
Phương Thành	196
Yêu cầu khai phục chính thức đầu tiên (1885)	197
Sớ tâu vua về 14 đạo khai phục cho Phan Thanh Giản và các đại thần khác	199
Chỉ dụ khai phục chính thức cho Phan Thanh Giản của vua Đồng Khánh (1886)	199
“Tập văn” của Trương Vĩnh Ký (1889)	203
Sắc của vua Bảo Đại cho tái lập phụng thờ Phan Thanh Giản (1933)	205
“Một hành động nhân văn” của tác giả khuyết danh Mây Trắng Ngao Châu, báo điện tín ngày 12 tháng 8 năm 1945. . .	206

Trường Sơn Chí so sánh Phan Thanh Giản với Socrate (khoảng năm 1950).....	207
Lòng kính trọng của Phù Lang Trương Bá Phát 1967.....	207
Lòng cảm khái kính trọng của Giáo sư Nguyễn Hồng Huy.....	208
“Hiện tượng Trương Công Định” của Hồ Hữu Tường.....	208
Ông dũng cảm gánh chịu những sai lầm của Tự Đức.....	209
Chính sách bài đạo Thiên Chúa của Tự Đức	210
Chính sách mới của Huế cho người Công giáo nhiều tự do hơn...	219
Tình cảnh nguy khốn của vương quốc	221
Những thất bại quân sự chống chất	227
Hòa ước Sài Gòn tháng 5 năm 1862.....	229
Những thất bại quân sự liên tiếp của Đại Nam sau hòa ước với người Pháp	230
Chiếm đóng thu hẹp hay tiếp tục chinh phục?.....	233
Chính sách của De La Grandière	235
Sứ mệnh của Aubaret đã thất bại như thế nào	245
Sự hai mặt của Tự Đức bộc lộ	253
An Nam tích tụ những bất bình đối kháng.....	254
Thư của Phan Thanh Giản gửi bà De La Grandière.....	258
Thái độ nhập nhằng của Tự Đức	261
De La Grandière chuẩn bị thôn tính	262
Tối hậu thư.....	269
Pháp thôn tính ba tỉnh	271
Phan Thanh Giản ca tụng đô đốc Bonard	278
Bàn giao quyền lực	280
Nhà tổ chức	282

Đô đốc ca ngợi những lợi ích của thuộc địa mới	291
“Thái thú” De La Grandière.....	294
De La Grandière công bố thắng lợi	297
Tưởng thưởng cho những người cộng tác An Nam	299
Nguyễn Tri Phương bào chữa cho Phan Thanh Giản	300
Dừng bách hại tôn giáo?.....	300
Phan Thanh Giản chuẩn bị tự tử.....	302
Giây phút hấp hối của Phan Thanh Giản, ngày 4 tháng 8 năm 1867	305
Lời chia buồn của đô đốc.....	310
Việc “chiếm đóng” được mưu tính trước	311
De La Grandière bệnh vực Phan Thanh Giản.....	316
Sự phản đối chậm trễ của bộ trưởng	319
<i>Kết luận</i>	321
<i>Thư mục</i>	330
<i>Mục từ tra cứu</i>	340
<i>Phụ lục tài liệu</i>	346

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Bản đồ Nam Kỳ lục tỉnh.....	14-15
Chân dung Phan Thanh Giản	16
Liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công đồn Don-Taï [forts de Don-Taï], bờ sông Đà Nẵng (Tourane) ngày 21 tháng 9 năm 1859	51
Những thống đốc-đô đốc (thống đốc quân sự) đầu tiên của Nam Kỳ	54

Yến tiệc ở Vĩnh Long, Nam Kỳ được Phan Thanh Giản tổ chức cho Đô đốc Bonard.....	102
Phái bộ An Nam đến Toulon	117
Phái bộ An Nam ở Paris.....	119
Hoàng đế Pháp tiếp đón phái bộ An Nam ở Điện Tuileries.....	121
Chân dung Chasseloup-Laubat.....	126
Trụ sở ở Sài Gòn của nhà buôn Eymond và Delphin Henry, thời chính quyền de La Grandière (năm 1864)	135
Chân dung Tự Đức.....	145
Hội thảo về Phan Thanh Giản ở Vĩnh Long, năm 1994	182
Phan Thanh Giản, Kinh lược đại thần Nam Kỳ	189
Văn Thánh Miếu ở Vĩnh Long	216
Chữ khắc trên bia mộ Phan Thanh Giản.....	220
Gabriel Aubaret (1825-1894).....	259
Trang đầu tiên của lá thư, viết bằng chữ Hoa, Phan Thanh Giản gửi cho bà de La Grandière, ngày 1 tháng 4 năm 1867	277
Pháo binh và lực lượng viễn chinh hạ thành Vĩnh Long	289
Sáng 20-6-1867, Phan Thanh Giản lên tàu <i>Ondine</i> thương thảo với de La Grandière.....	293
Tượng bán thân Phan Thanh Giản ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long ..	354
Trang đầu tài liệu <i>Châu bản triều Tự Đức</i> (1848-1883)	355
Tượng bán thân Phan Thanh Giản ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long của đồng bào miền Nam	
Trang đầu tập tài liệu <i>Châu bản triều Tự Đức</i> (1848-1883) mà tác giả tham khảo khi nghiên cứu tình hình Đại Nam cuối thế kỷ XIX, xoay quanh giai đoạn cuộc đời đầy thăng trầm của Phan Thanh Giản	

LỜI CẢM ƠN

Trước hết chúng tôi xin gửi lời cảm ơn đến ông bà Tử tước Gilles de La Grandière, vì đã hoan hỷ và rộng lòng mở ra cho chúng tôi tiếp cận nhiều tư liệu quý giá của gia đình. Với sự đồng ý của gia chủ, chúng tôi đã có thể khám phá các tài liệu chưa được công bố, là một trong những yếu tố thiết yếu củng cố cuộc chứng minh của chúng tôi.

Chúng tôi cảm ơn Giáo sư Văn Tạo, cựu Chủ tịch Viện Sử học Hà Nội, đã cho phép chúng tôi tham khảo các tài liệu của hội thảo năm 1994.

Chúng tôi rất biết ơn ông Nguyễn Chiến Thắng, Giám đốc Hội Văn hóa Vĩnh Long đã cung cấp những bức ảnh chụp “Văn Miếu” của thành phố cũng như bức tượng bán thân của Phan Thanh Giản.

Cũng xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô Denise Phùng, nghiên cứu sinh tiếng Hoa, đã giúp chúng tôi định nghĩa chính xác các thuật ngữ viết bằng chữ Hán cổ. Chúng tôi cũng cảm ơn các ông Nguyễn Văn Sử, Nguyễn Chương Thâu, Trần Viết Ngạc và nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam khác, mà danh sách ở đây rất dài, qua thư từ và trao đổi trong quá trình thực hiện đã cung cấp nhiều bài báo hữu ích.

Chúng tôi rất biết ơn các nhân viên thư viện của Viện Hàn lâm Khoa học Hải ngoại (l’Académie des Sciences d’Outre-Mer), phố Lapérouse, vì sự giúp đỡ mà họ dành cho chúng tôi trong quá trình nghiên cứu.

Đối với tất cả các nhân viên của Keystone, chúng tôi nợ các bạn phần bản sao hình vẽ lấy từ tờ *L’Illustration* khi hoàn thành tác phẩm này.

Cuối cùng, chúng tôi muốn bày tỏ lòng biết ơn đến ông Phan, giáo sư danh dự tại Ecole de Mines¹, chính sự động viên của ông đã có tính quyết định đối với việc hoàn thành công trình này.

Các nhà sử học Claude Lange, Philippe Devillers và Giáo sư Alain Forest đã giúp cho chúng tôi những lời khuyên quý giá cùng lòng kiên nhẫn vô tận khi đọc và sửa bản thảo.

1. Tên ngày nay là École nationale supérieure des mines de Paris (thường được gọi là Trường Mô). Trường được thành lập năm 1783 dưới triều vua Louis XVI. (BT)

[Từ đây trở về sau, các chú thích không ghi chú gì thêm là của các tác giả; các chú thích để “ND” do người dịch bổ sung, “BT” do biên tập viên bổ chú.]

*Tặng hai con,
đã vì tình yêu mà ủng hộ mẹ
trong suốt quá trình làm việc này.*

P.T.M.L

VIẾT TẮT

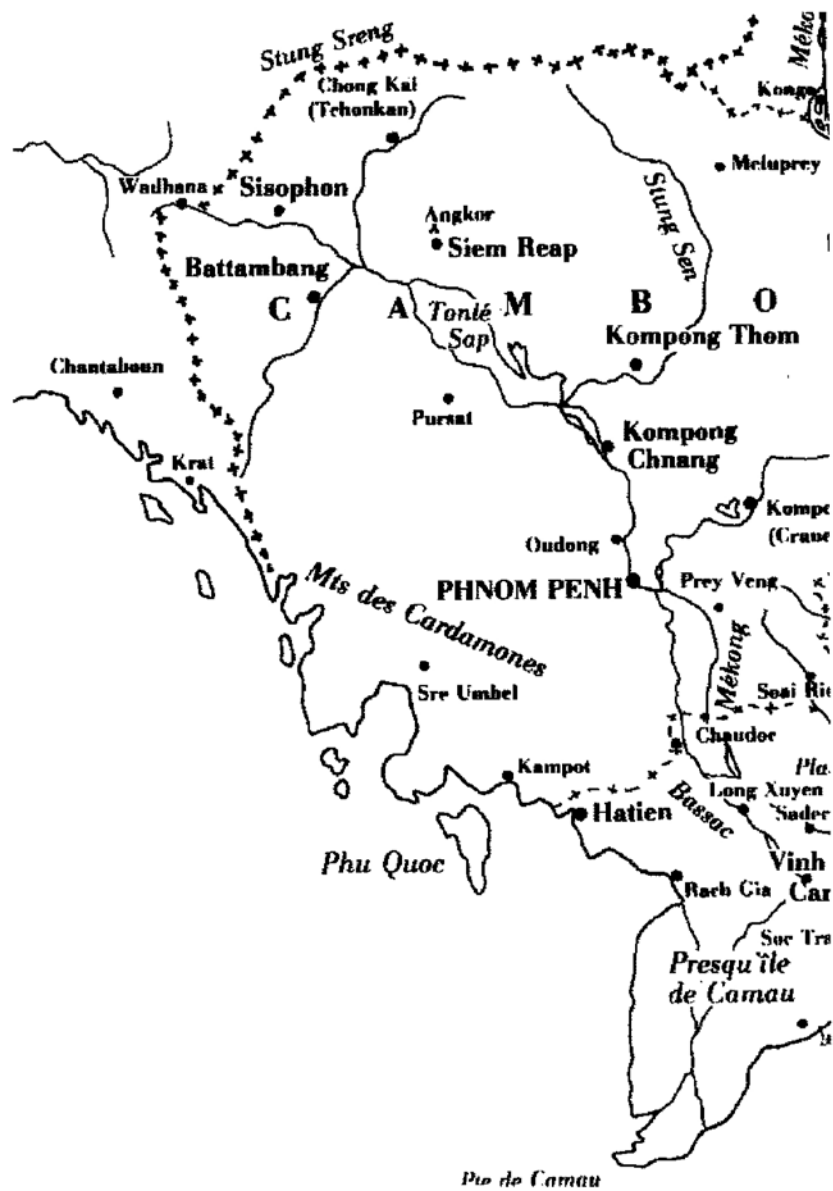
- A.V.N.2** Archives vietnamiennes 2 – Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh
- B.A.V.H.** Bulletin des Amis du Vieux Huế – Tập san *Đô thành hiếu cổ*
- B.S.E.I.** Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises – Tập san *Hội Nghiên cứu Ấn-Hoa*
- C.A.O.M.** Centre des Archives d’Outre-Mer – Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại
- C.B.** *Châu bản* – Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)
- M.D.** Mémoires et documents (Asie) Archives du Ministère des Affaires étrangères, relations politiques – Văn khố Bộ Ngoại giao (Pháp)
- N.C.L.S.** *Nghiên cứu lịch sử*, Hà Nội
- P.T.G.** Phan Thanh Giản
- T.S.S.D.** Tập san *Sử Địa*, Sài Gòn
- V.N.** Việt Nam
- (7-1)** Các phẩm trật của quan chế, số đầu chỉ phẩm (từ 1 đến 9), số thứ 2 chỉ trật (ví dụ: 7-1 là Chánh thất phẩm, 5-2 là Tòng ngũ phẩm, v.v.)

PHÀM LỆ

Ghi chú của tác giả:

- *Chữ in nghiêng*: được sử dụng cho trích dẫn và tên sách.
- Các mục lấy từ *Châu bản* có hai loại ngày tháng, loại đầu theo lịch âm, loại thứ hai theo lịch Grégorien (Tây lịch).

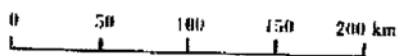
BẢN ĐỒ NAM KỲ LỤC TỈNH



BẢN ĐỒ MIỀN TÂY NAM KỲ



Poulo Condore



BẢN ĐỒ MIỀN ĐÔNG NAM KỲ

Nguồn: *Histoire de l'Indochine* của Philippe Héduy



Chân dung Phan Thanh Giản

(Bản sao chụp lại từ bản gốc được lưu ở Bảo tàng, Paris - © A. Salles)

NIÊN BIỂU

Quy ước viết tắt: PTG = Phan Thanh Giản; VN = Việt Nam

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
Cuối triều đại nhà Minh (khoảng năm 1644): tổ tiên PTG di cư từ Trung Hoa xuống Bàu Sen, huyện Bồng Sơn, tỉnh Bình Định.	1644. Trung Hoa: Bắt đầu triều đại Mãn Châu nhà Thanh. 1651. Roma: A. de Rhodes xuất bản cuốn <i>Từ điển Việt-Bồ-La</i> . 1664. Pháp: Thành lập công ty Đông Ấn của Pháp và Hội Truyền giáo Hải ngoại. 1687. VN: Chúa Nguyễn đóng đô tại Phú Xuân (Huế). 1693. VN: Sáp nhập Bình Thuận. 1698. VN: Sáp nhập Biên Hòa và Gia Định. 1708. VN: Mạc Cửu đến Hà Tiên. 1755-1759. VN: Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát giành được tất cả lãnh thổ ở Bắc Bassac (Ba-thắc) từ tay người Cao Miên. 1757. Ấn Độ: Người Anh khởi đầu cuộc chinh phục.

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1770. Khởi nghĩa Tây Sơn. Gia đình PTG rời Bình Định đến định cư tại làng Bảo Thạnh, tổng Bảo Tri, huyện Vĩnh Bình, tỉnh Vĩnh Long.	1760-1780. Tây Âu: Bắt đầu cách mạng công nghiệp.
1796. PTG sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo.	1789. Pháp: Cách mạng Pháp.
	1801. VN: Nguyễn Ánh chiếm được Phú Xuân.
	1802. VN: Nguyễn Ánh tiến ra Thăng Long. Bắt đầu nhà Nguyễn và triều đại Gia Long (1802-1820).
	1804. Pháp: Hoàng đế Napoléon I lên ngôi. Bắt đầu Đế chế thứ nhất.
	1815. Pháp: Napoléon I bại trận (Waterloo) và thoái vị. Phục hồi chế độ quân chủ.
	1819. Malaysia: Người Anh chiếm đóng Singapore.
	1820. VN: Minh Mạng lên ngôi (1820-1840).
1825. PTG đỗ kỳ thi Hương (đậu Cử nhân) tại Gia Định.	
1826. Đỗ Tiến sĩ (xếp hạng hai trên mười), là người Nam Kỳ đầu tiên đỗ bậc này.	
1827. Được bổ vào <i>Hàn lâm viện biên tu</i> , giữ chức <i>Hình bộ Lang trung</i> (đứng đầu Hình Bộ ty).	

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
Làm Tham hiệp tỉnh Quảng Bình. 1828. Quyền nhiếp Tham hiệp Nghệ An, sau đó trở lại giữ chức tại Quảng Bình. 1829. <i>Thừa Thiên Phủ doãn</i>, thăng làm <i>Lễ bộ Thị lang</i>, rồi <i>Hiệp trấn Ninh Bình</i> (Phó tổng đốc Ninh Bình). 1831. Được điều đến Quảng Nam để dập tắt nổi loạn. Sau đó quân của ông thất bại tại rừng núi Chiên Đàn, bị cách chức nhưng vẫn được giữ lại phục vụ tại Quảng Nam. 1832. Được phục hàm <i>Kiểm thảo</i>, sung <i>Nội Các Hành Tẩu</i>, sau đó được thăng <i>Hộ bộ Ngoại lang</i> (quan điều hành dưới quyền của Bộ Hộ) và quyền ấn <i>Thừa Thiên Phủ doãn</i> (Phó Tỉnh trưởng kinh đô). Thăng <i>Hồng Lô Tự khanh</i> (Phụ trách Nghi lễ dân sự tại Triều đình) và được cử làm Phó sứ của sứ bộ sang Trung Hoa.	1830. Pháp: Cách mạng tháng 7 – Louis Philippe lên làm Hoàng đế Pháp, mở ra Chế độ quân chủ tháng 7 (Đế chế thứ hai). Pháp bắt đầu chinh phục Algeria. Anh: Khai trương tuyến đường sắt Liverpool-Manchester. 1832. Pháp: Tạp chí nữ quyền đầu tiên ra đời.

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1834. Khi trở về, bổ nhiệm <i>Đại lý tự khanh</i> tại Bộ Hình sung <i>Cơ mật viện đại thần</i> (thành viên Cơ mật viện). 1835. Trong nhiệm vụ tại Trấn Tây. Trên đường về, khi đi ngang tỉnh Bình Thuận thì gặp được phiến quân và cướp biển. Được bổ nhiệm làm <i>Quảng Nam Bố chánh Hộ lý Tuần phủ Quan phòng</i>. 1836. PTG dâng sớ can ngăn Hoàng đế Minh Mạng bấy giờ tỏ ý muốn ngự du Quảng Nam. Phạt ý, Hoàng đế ra lệnh cho Võ Duy Tân thuộc Cơ mật viện tra xét. PTG bị giáng chức và làm hiệu phái tỉnh Quảng Nam. Gần hai tháng sau, ông được thăng lên <i>Nội các Thừa chỉ</i> (bộ phận chuyên nhận sắc lệnh Triều đình trong nội các), rồi thăng <i>Hộ bộ Lang trung</i> (đứng đầu Hộ bộ), tiếp đến là <i>Thủ Thị lang</i> (Chánh văn phòng cho Thượng thư.)	1834-1842. Châu Âu: Phát triển mạng lưới đường sắt. 1837. Anh: Nữ hoàng Victoria đăng quang.

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1838. Được đặc phái đi Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa để chủ trì một cuộc tổng duyệt binh. Trở về Lại bộ. Sơ ý quân đóng quốc ấn trên một tờ sớ tâu đã được Hoàng đế châu phê, bị giáng xuống <i>Lang trung</i> (trưởng phòng tại Bộ) và bị điều đến miền núi Chiên Đàn, Quảng Nam, để tuyển mộ thợ mỏ khai thác mỏ vàng. Sau đó bị điều đi Thái Nguyên để khai thác mỏ bạc.	
1839. Được gọi trở lại Triều và bổ làm <i>Thông chánh sứ ty Phó sứ</i>, rồi <i>Hộ bộ Thị lang</i>. Đã đề nghị giảm nhẹ một bản án cho đồng hương Vương Hữu Quang, người đã dâng lên vua một tấu chương đầy những kết luận sai lạc và hoang đường, (PTG) bị giáng xuống <i>Thông chánh Phó sứ</i> vì Hoàng đế phật ý với sự bảo vệ này.	1839. Trung Hoa: Chiến tranh nha phiến.
1840. Được bổ nhiệm làm <i>Thừa Thiên trường Phó chủ khảo</i> (phó chủ khảo ở Trường thi Thừa Thiên), bị giáng một cấp do sơ suất khi sửa một bài thi. Ngay sau đó, thăng chức <i>Binh bộ Thị lang</i>.	
1841. Được thăng <i>Tham tri</i> và chịu trách nhiệm sự vụ ở Cơ mật viện.	1841. VN: Thiệu Trị lên ngôi.

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1847. Được bổ làm <i>Hình bộ Thượng thư</i> và thành viên Cơ mật viện. 1848. Trở thành Lại bộ Thượng thư. 1849. Giữ chức vụ <i>Giảng Quan</i> và <i>Tả Kỳ Kinh lược Đại sứ</i>, làm Tổng đốc Bình Phú. 1851. Làm <i>Nam Kỳ Kinh lược Phó sứ</i>. 1852. Cùng Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương dâng lên một tấu chương 8 điểm. Hoàng đế ban cho ông một chiếc khánh vàng, mang dòng chữ: <i>Liêm, Bình, Cần, Cẩn</i>.	1842. Trung Hoa: Hiệp ước Nam Kinh, người Anh giành được Hồng Kông và mở cửa năm cảng, trong đó có Quảng Châu, Thượng Hải và Phúc Châu, để giao thương với phương Tây. 1847. Pháp bắn phá Đà Nẵng (Tourane). Thiệu Trị băng hà. Tự Đức đăng quang. 1848. Pháp: Cách mạng tháng 2, tuyên bố về nền Cộng hòa thứ hai. Xóa bỏ chế độ nô lệ ở các thuộc địa của Pháp, tất cả thuộc dân trở thành công dân Pháp. 1851. Pháp: Cuộc đảo chính. 1852. Pháp: Napoléon III, Hoàng đế Pháp, khai sinh cửa hàng bách hóa.²

2. Năm 1852, Aristide và Marguerite phát triển Le Bon Marché thành một đại cửa hàng với hàng hóa bày biện trong một không gian rộng, sang trọng, giá cả cố định, ghi rõ ràng. (ND)

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1853. Được gọi trở về Triều và thăng <i>Thự Hiệp Biện Đại Học Sĩ</i> (tòng nhất phẩm), nhận chức <i>Binh bộ Thượng thư</i>. Dâng sớ điều trần với Hoàng đế, đệ trình các phương lược cải hóa cho Nam Kỳ lục tỉnh: chính sách vỗ yên người Khmer, bớt các tệ nạn tích tụ từ lâu, ban ân huệ rộng rãi, phục hồi đường lối các Nho gia, sản xuất xe trâu, sửa chữa lăng mộ bề tôi có công trạng và tổ chức chăm nom tu sửa. Chủ trì soạn <i>Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục</i> (Gương lịch sử).	1854. Nhật Bản: Chuẩn tướng hải quân Hoa Kỳ Perry đe dọa nhằm giành lấy một hiệp ước cho phép người Mỹ neo đậu tại hai cảng của Nhật Bản là Shimoda và Hakodate.
1856. Hoàng đế ban thưởng một ngọc bội.	1857. Ấn Độ: Cuộc nổi dậy Cipayes.
	1858. VN: Pháp tấn công Đà Nẵng.
1859. Đà Nẵng (Tourane) và Định Biên trong tình trạng báo động. PTG gửi cho nhà vua một bản tấu chương về sách lược chiến tranh, hòa bình và quốc phòng.	1859. VN: Sài Gòn bị Pháp chiếm đóng.

<i>Tiểu sử Phan Thanh Giản</i>	<i>Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài</i>
1862. PTG và Lâm Duy Hiệp được chỉ định làm Toàn quyền đại thần để đàm phán hòa bình. Hiệp ước ngày 5 tháng 6 bao gồm việc nhượng cho Pháp ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, cùng khoản bồi thường trị giá 4 triệu đồng trong vòng 10 năm. Hoàng đế tỏ ra không hài lòng. PTG được bổ nhiệm vào Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp vào Bình Thuận. 1863. Đúng đầu sứ bộ đến Paris và Madrid. 1864. Khi trở về, được bổ nhiệm làm <i>Hộ bộ Thượng thư</i> và Toàn quyền đại thần, chịu trách nhiệm đàm phán với Aubaret, Đại diện toàn quyền của Pháp.	1860. Trung Hoa: Lực lượng viễn chinh Pháp-Anh chiếm Bắc Kinh, cướp phá Thanh Y Viên³. 1861. VN: Pháp chiếm Mỹ Tho. Mexico: Pháp bắt đầu cuộc viễn chinh. Nước Mỹ: Nổ ra cuộc Nội chiến Hoa Kỳ. 1863. Thụy Sĩ: Thành lập một hiệp hội sau này trở thành Hội Chữ thập đỏ. 1864. Cao Miên: Pháp thiết lập nền bảo hộ.

3. Thanh Y Viên là tên cũ của Di Hòa Viên. Năm 1860, trong Chiến tranh nha phiến đã bị phá hủy, về sau được trùng tu và mang tên mới là Di Hòa Viên. (NBT)

Tiểu sử Phan Thanh Giản	Những sự kiện ở Việt Nam và nước ngoài
1865. PTG, 69 tuổi, xin nghỉ hưu nhưng bị từ chối. Được thăng làm <i>Kinh lược đại thần</i>. Ông đã phục hồi cho Lâm Duy Hiệp, người bị xóa tất cả các danh hiệu sau khi chết vì bệnh tả. 1866. Xin Hoàng đế từ chức vì lý do tuổi già và bệnh tật. Hoàng đế từ chối và khiển trách, yêu cầu ông phải hoàn thành nhiệm vụ. 1867. Quân Pháp chiếm các tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên. PTG, để tránh đổ máu vô ích, ra lệnh binh lính đầu hàng theo lệnh của ông. Ông gửi cho Triều đình một tờ sớ cuối cùng với ấn, phẩm phục và các bằng sắc phẩm trật khác của ông. Sau 17 ngày nhịn ăn, ông tự vẫn bằng thuốc phiện trộn với giấm. Phan Thanh Giản mất ngày 4 tháng 8 năm 1867. 1868. Ông bị giáng chức <i>sau khi chết</i>, bị xóa tên khỏi bia tiến sĩ. 1885. Vua Đồng Khánh cho khai phục một phần phẩm hàm. 1933. Vua Bảo Đại cho khai phục mọi phẩm hàm.	1865. Nhật Bản: Hoàng đế phê chuẩn các hiệp ước với người nước ngoài 1868-1912. Nhật Bản: Thời kỳ Minh Trị tiến hành hiện đại hóa Nhật Bản.

Tài liệu tham khảo để lập bảng niên biểu

Histoire du monde (Lịch sử thế giới), Larousse, 1998, tập 6, 7 và 8.

Bulletin des Amis du Vieux Huê (B.A.V.H.):

- Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)” (Ngài Phan Thanh Giản, Thượng thư An Nam (1796-1867)), B.A.V.H., 1915.
- H. Le Marchand de Trigon, “Le traité de 1862 entre la France-Espagne et Annam” (Hiệp ước năm 1862 giữa liên quân Pháp-Tây Ban Nha với Đại Nam), B.A.V.H., 1918.
- Ngô Đình Diệm, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864)” (Sứ đoàn của Phan Thanh Giản (1863-1864)), B.A.V.H., 1919.
- Trần Xuân Toán, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (suite)” (Sứ đoàn của Phan Thanh Giản – phần tiếp theo), B.A.V.H., 1921.

Daudin Pierre và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Giản (1796-1867) et sa famille d’après quelques documents annamites* (Phan Thanh Giản (1796-1867) và gia quyến theo một vài tài liệu của An Nam), Nguyễn Văn Cửa ấn hành, Sài Gòn, 1941, 121 trang.

Gernet Jacques, *Le Monde Chinois* (Thế giới Trung Hoa), Armand Colin, Paris, 1972, 765 trang.

Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française* (Những năm đầu tiên của Nam Kỳ, thuộc địa của Pháp), Challamel Aîné, Paris, 1874, 2 tập.

Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, Tân Việt, Sài Gòn, 1950, 119 trang.

Tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (số 7-8), Sài Gòn, 1967.

TÓM TẮT TIỂU SỬ PHAN THANH GIẢN (1796-1867)¹

Tổ tiên của Phan Thanh Giản, Phan Văn Chơn, ông tổ sáu đời, và Phan Văn Biên, ông tổ năm đời, xuất thân từ một gia đình danh tiếng ở Trung Hoa, sau di cư đến tỉnh Bình Định thuộc Đại Nam vào cuối triều đại nhà Minh (khoảng năm 1640).

Khoảng năm 1770², dưới triều Cảnh Hưng, đời vua cuối cùng nhà Lê, do những biến loạn của cuộc nổi dậy Tây Sơn, Phan Thanh Sứ (ông bác của Phan Thanh Giản) cùng ông nội là Phan Thanh Tập đưa gia đình vào Nam lánh nạn.

Đầu tiên họ định cư tại Thang Trông (nay là Mỹ Tho)³, sau đó dời đến Mân Thít⁴, gần Vũng Liêm (Vĩnh Long hiện nay). Cuối cùng, Phan Thanh Ngạn (hay Xán), cha của Phan Thanh Giản đến sống ở làng Bảo Thạnh, hiện thuộc tỉnh Bến Tre⁵. Năm 1798, ông làm thơ lại ở tỉnh này. Ông cưới bà Lâm Thị Búp (1776-1802).

1. Theo B.A.V.H. năm 1915; Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille*, sdd; Phan Thanh Giản, *Tự truyện*.

2. Bài viết của Đào Thái Hạng, “Son Excellence Phan Thanh Gian...”, B.A.V.H., 1915, tldd, đề cập đến năm 1778 là năm họ Phan Thanh khởi hành từ Bình Định vào Nam, còn Phan Thanh Giản, trong cuốn *tự truyện* của mình, cho là năm 1770.

3. Ngày nay, Thang Trông thuộc huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. (BT)

4. Cũng có tên là Mang Thít, gọi theo tên con sông Mân Thít hay Mang Thít là ranh giới tự nhiên với Vũng Liêm. Huyện Mang Thít ngày nay có trung tâm huyện lỵ là thị trấn Cái Nhum. (BT)

5. Ngày nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (BT)

Chính tại làng Bảo Thạnh, năm 1796 Phan Thanh Giản ra đời. Mẹ ông qua đời ở tuổi 26, khi ông mới lên sáu; cùng năm đó (tức 1802), Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi Hoàng đế An Nam, lấy hiệu Gia Long.

Năm 1803, Phan Thanh Ngạn tái hôn với Trần Thị Dương [Dương], để có người yêu thương chăm sóc và dõi theo việc học của cậu bé Giản dưới sự dạy dỗ của Nguyễn Văn Noa, nhà sư ở chùa Phú Ngãi.

Năm 1815, vì tính cách cương trực và lời lẽ thẳng thắn quá mức mà địa vị cho phép, Phan Thanh Ngạn bị vu khống và kết án một năm tù. Phan Thanh Giản, lúc đó mười chín tuổi, ngay lập tức đến cầu xin Hiệp trấn¹ Lương của tỉnh Vĩnh Long hãy cho anh ta thay cha làm những việc sưu dịch áp lên tù nhân. Cảm động trước lòng hiếu thảo của chàng trai trẻ, vị Hiệp trấn đã chấp nhận, đồng thời khuyến khích anh tiếp tục học hành. Ông thậm chí còn đề nghị, sau khi Phan Thanh Ngạn mãn hạn tù thì nên để con trai ở lại Vĩnh Long, nơi anh dễ dàng theo đuổi việc học hơn.

Phan Thanh Ngạn cảm kích chấp nhận. Thái độ đáng chú ý và hành động hiếu thảo của chàng trai nổi tiếng khắp toàn tỉnh, khiến một góa phụ giàu có, bà Nguyễn Thị Ân, rất cảm động. Biết Phan Thanh Giản rất nghèo, bà quyết định giúp đỡ vật chất cho anh, gồm sách vở giấy mực, quần áo và cả thực phẩm. Để đáp lại tấm lòng ân nhân, chàng trai cần mẫn học hành và thành tài.

Không biết được chính xác lần kết hôn đầu tiên của Phan Thanh Giản (với Nguyễn Thị Mỹ) là khi nào. Cặp vợ chồng trẻ có một con gái chết non. Người vợ trẻ cũng qua đời ngay sau đó.²

1. Hiệp trấn: chức quan văn cao thứ hai, sau Trấn thủ, ở một trấn. Sau cải cách hành chính năm Minh Mạng 12 (Tân Mão 1831), chức Hiệp trấn bị bãi bỏ, thay bằng Bố chính/chánh, Trấn thủ được hay bằng Bố chính/chánh sứ. (BT)

2. Có sự nhầm lẫn trong các nguồn tài liệu về ngày chính xác của cuộc hôn nhân đầu tiên. Cuốn tiểu sử *Chân dung Phan Thanh Giản* (của Nguyễn Duy Oanh, thuộc Tủ sách Sử học, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, Sài Gòn, 1974, tr. 14-17) và tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (số 7-8, Sài Gòn, 1967, tr. 111) đều xác định cuộc hôn nhân này diễn ra trước năm 1825, trong khi các tài liệu của Hoàng Xuân (1935, tr. 5, P. Daudin và Lê Văn Phúc (1941, tr. 19) và Nam Xuân Thọ (1950, tr. 9) ghi năm 1826.

Năm 1825, ông đỗ *Cử nhân* trong kỳ thi hương ở Gia Định. Khi Phan Thanh Giản dự kỳ thi này, bà Nguyễn Thị Ân tặng ông một bộ áo dài được Phan Thành Giản trân quý giữ đến cuối đời.

Năm 1826, bảy ngày trước khi đi Huế dự kỳ thi Tiến sĩ tổ chức ba năm một lần, ông tái hôn¹ với bà tên Lê người Long Hồ, nhưng bà không có con nên sau đó bị xuất.

Ông thi đỗ, trở thành *Tiến sĩ* đầu tiên có xuất thân *Nam Kỳ* (Cochinchine).²

Bước đầu, ông được bổ nhiệm làm Hàn lâm viện Biên tu (7-1)³, trong vòng chưa đầy hai năm, liên tiếp được thăng cấp Hình bộ Lang trung rồi Tham hiệp⁴ tỉnh Quảng Bình. Năm 1828, ông được bổ nhiệm làm Quyền nhiếp Tham hiệp tỉnh Nghệ An.

-
1. Không phải là ngày được chứng thực bởi bài thơ của Phan Thanh Giản:

*Vợ mới cưới bảy ngày
Sáng chiều lo bếp nước.
Nay ta lên đường xa
Việc nhà phải gánh vác.*

*Từ thuở vương mang mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Đường mây cười tỏ ham dong ruổi,
Trưởng liêu thương ai chịu lạnh lùng.
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy ai cùng.
Mấy lời dặn bảo cơn ly biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỡi lòng.*

trích bài “Cuộc đời Phan Thanh Giản (1796-1867)” của Trần Quốc Giám, tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (số 7-8), Sài Gòn, 1967, tr. 96-148.

2. Tại kỳ thi năm 1826, có 10 người đỗ trong số 200 thí sinh: 7 từ Bắc Kỳ, 2 từ Trung Kỳ và 1 từ Nam Kỳ.

3. Xem lại trang 12 trong sách này.

4. Tham hiệp (hay Tham hiệp trấn): chức quan văn tại các trấn dinh, sau quan Hiệp trấn, được đặt ra và dùng trong một thời gian ngắn thời Nguyễn, là cố vấn cho quan Hiệp trấn.

Chức Tham hiệp nguyên là chức Ký lục xưa. Năm Minh Mạng 12 (Tân Mão 1831), đổi chức Hiệp trấn thành Bố chính sứ phụ tá Tổng đốc và đổi chức Tham hiệp trấn thành Án sát sứ phụ tá Tuần phủ. (BT)

Cùng năm, ông kết hôn lần thứ ba với Trần Thị Hoạch, con gái của một quan án sát ở Quảng Trị, và có sáu người con.

Năm sau (1829), ông được thăng chức Thừa Thiên phủ Phủ doãn (3-1).

Ít lâu sau, được bổ nhiệm làm Lễ bộ Thị lang, đứng đầu Nội các¹, và năm sau (1830) được thăng chức Phó tổng đốc Ninh Bình (Bắc Kỳ).

Năm 1831, ông được bổ nhiệm làm Hiệp trấn tỉnh Quảng Nam.

Lúc đó ở tỉnh này có phong trào nổi dậy, dẫn dắt là những người Mọi gốc Chiên Đàn; Phan Thanh Giản bầy giờ phái một đội binh đến hiện trường để dập tắt nổi dậy nhưng đội quân rơi vào phục kích và bị tiêu diệt.

Chịu trách nhiệm cho thất bại này, ông bị giáng hết cấp bậc và làm công việc *Hiệu phái* (phụ việc, không có chức tước gì) ở Quảng Nam.

Năm 1832, ông được phục vị, nhận chức Kiểm thảo (7-2) (tra xét giấy tờ) sung Nội các Hành tẩu; sau đó ông liên tiếp được thăng làm Hộ bộ Viên ngoại lang (5-1), Thừa Thiên Phủ thừa (4-2) và Hồng lô Tự khanh (4-1) tức Phó sứ sang nhà Thanh, Trung Hoa.

Hoàn tất nhiệm vụ của mình ở Bắc Kinh, vì có công đặc biệt nên ông được thăng Đại lý Tự khanh (3-1), sung Cơ mật viện đại thần.

Năm 1835, trở về từ Trấn Tây (biên giới Nam Kỳ và Cao Miên), nơi trước đó ông được phái đi làm đặc sứ hoàng gia (Khâm phái), khi đi ngang qua tỉnh Bình Thuận, Phan Thanh Giản nhận được lệnh vua ở

1. Nội các (dưới thời nhà Nguyễn): cơ quan hành chính được thành lập từ thời Minh Mạng, phụ tá nhà vua, chuyên trách giải quyết các công việc về văn thư, giấy tờ như xét duyệt các văn bản trước khi trình lên vua, làm phiếu nghị, thư bài, soạn các bản phúc đáp, kính sao bản vua phê, phụng sao lời chỉ dụ, sao lục phát giao công văn, coi giữ ấn tín, kiểm ký, long bài, lưu giữ Châu bản, và các ngự chế thi văn v.v.

Không giống như chức Nội các trong các triều đại xưa hoặc sau này, trách nhiệm của chức Nội các thời Nguyễn được giới hạn trong việc quản lý công văn và ấn tín như coi giữ và giải quyết văn thư đến và đi từ Triều đình, cùng việc giữ ấn tín, ngự chế, v.v. Các trách nhiệm của cơ quan Nội các thường được biết như cố vấn vua và triều đình về những vấn đề quốc sự không nằm trong trách nhiệm của Nội các thời Nguyễn, mà được giao cho cơ quan cùng thời là Cơ mật viện. (BT)

lại đó để đàn áp phiên quân Chăm. Lần này, ông hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Sau đó, ông được bổ làm Quảng Nam Bố chánh Hộ lý Tuần phủ quan phòng.

Mùa xuân năm 1836, Minh Mạng tỏ ý muốn tuần thú Quảng Nam trong tháng Năm. Phan Thanh Giản dâng sớ can ngăn vua, giải thích rằng chuyển thăm vào thời điểm này trong năm sẽ cản trở công việc đồng áng và do đó làm dân bất mãn.¹

Nhà vua rất phật ý, cho rằng Phan Thanh Giản coi thường khi gợi cho vua một đoạn văn lấy ý của Mạnh Kha (Mạnh Tử), “ông mượn ý và cách trả lời của Mạnh tử với vua nước Tề”².

Tuy nhiên, ngay lập tức có lệnh dừng tất cả việc chuẩn bị cho chuyến đi của nhà vua đến Quảng Nam. Nhưng, để kiểm tra những gì trình bày trong báo cáo mà Phan Thanh Giản dâng trước triều, Ngự sử Võ Duy Tân³ được phái gấp đến Quảng Nam âm thầm tiến hành điều tra. Trong báo cáo, vị quan này cho rằng dân chúng Quảng Nam tỏ ý rất vui mừng được đón rước nhà vua. Ông chỉ thêm nhiều sơ thất trong nhiệm vụ của

1. Dịch nghĩa: Hoàng Thượng, dân chúng trong vùng đã biết bệ hạ sẽ ngự giá đến thăm nên rất vui sướng hân hoan. Tuy nhiên, vụ gặt mùa hè vừa qua gần như mất trắng. Mà đúng vào tháng Tư và tháng Năm, nông dân phải ra đồng. Không phải nói là dân chúng không thể cùng một lúc phải đón tiếp ngự giá và vừa phải cày ruộng. Hạ thần kính mong Bệ hạ nên tạm đình là chuyến đi để cho phép dân chúng cấp thời có cơ hội lo toan việc đồng áng.

[Nguyên văn: Đại giá tuần hạnh, hạt dân văn giả mạc bất hân nhiên. Đàn kim hạ hòa cáo khiếm tứ ngũ nguyệt gian, hựu đương canh thực thời hậu. Nhất phiên cung ứng cố thử thất bị. Thỉnh thả tạm đình, tỳ dân đắc chuyên lực điền lý. (ND bổ chú)]

2. Lời Mạnh Tử nói với vua Tề: Và bây giờ Hoàng thượng đi săn! Chỉ nghe thấy tiếng vó ngựa của vua, tiếng xe ngựa, tiếng rầm rập của cờ xí lộng lẫy gần lông vũ lượn trong gió, dân chúng quá sức bất mãn, và mỗi người cau mặt, tự bảo, “A! Vua rất mê săn bắn! Do đó, ông ta không biết rằng chúng ta đã tận cùng nghèo khổ; những người cha không biết con trai của mình như thế nào; những người vợ bị chia lìa khỏi con cái của họ; gia đình ly tán! Thần dân bất mãn vì nhà vua không cho họ tham dự vào thú vui của mình. (Mạnh Tử, bản dịch tiếng Pháp của Pauthier, tr. 228 và 229, “Thương Mạn”, Chương II), trong B.A.V.H., bài viết của Đào Thái Hạnh, “Son Excellence...”, tldđ, tr. 213, ghi chú 1.

3. Võ Duy Tân, quê Nghệ An, đậu Cử nhân vào năm Gia Long thứ 12 (1813), làm quan lên đến bậc cao nhất là Tư nghiệp Quốc tử giám dưới triều Minh Mạng.

quan lại địa phương và nhiều những nhiều khi làm nhiệm vụ của các nhân viên cấp dưới ở Quảng Nam. Phan Thanh Giản bị giáng xuống hàng lục phẩm, làm Hiệu phái.

Tuy nhiên, hai tháng sau, ông được phục hồi chánh ngạch làm Nội các Thừa chỉ (5-2), phụ trách việc nhận sắc lệnh; sau đó được thăng cấp làm Hộ bộ Lang trung (4-1), Thủ thị lang sung Cơ mật viện.

Năm 1838, ông được chỉ định chủ trì cuộc tổng duyệt binh các tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa. Nhiệm vụ hoàn thành, ông tiếp tục giữ chức vụ cũ trong bộ Hộ.

Một ngày nọ, một sớ của một quan hàng tỉnh về vấn đề tài chính, dù đã được nhà vua châu phê và gửi trả lại, bị thiếu ấn triện của vua. Với chức trách Biện lý ở Hộ bộ lại vừa là quan trực hôm đó, Phan Thanh Giản chịu trách nhiệm gấp đôi về sơ suất này, bị giáng chức nhưng vẫn giữ nhiệm vụ Biện lý.

Bị chuyển vào Quảng Nam để chỉ đạo khai thác mỏ vàng ở vùng đồi núi Chiên Đàn, vài tháng sau khi nhận nhiệm sở, Phan Thanh Giản báo cáo với vua về vô vàn khó khăn, trở ngại không thể giải quyết đã ngăn trở việc tìm kiếm kim loại quý này. Sau đó ông được gửi đến tỉnh Thái Nguyên (Bắc Kỳ) và cũng sớm báo cáo rằng hai mỏ bạc ở Tông Tinh và Nhân Sơn trữ lượng quá nghèo nên khó mà ra quyết định khai thác.

Năm 1839, khi xem xét các nhiệm vụ lâu nay ông đã trải qua, nhà vua gọi ông về Kinh và giao chức Thông chánh sứ ty Phó sứ và ngay sau đó thăng cấp Hộ bộ Thị lang.

Bấy giờ, một vị thượng quan là Vương Hữu Quang bị buộc tội đã gửi cho Triều đình một báo cáo sai sự thật và vu khống¹. Ủy ban điều tra, bao

1. Năm 1839, Minh Mạng sai Nguyễn Bá Nghi (quê Quảng Ngãi, Phó bảng, Thượng Thư giai đoạn 1859-1870), sau đó là quan trong Nội các, chấp bút viết vờ tuồng *Quần tiên hiển thọ*. Vờ tuồng này đã được đích thân vua sửa và nhuận sắc, và đưa ra trước Triều. Vương Hữu Quang, hôm đó chịu trách nhiệm thực hiện nghi lễ cầu mưa thuận gió hòa, không ngăn được những cơn mưa dù đã rất cố gắng. Vì vậy, ông đã dâng sớ lên vua, trong đó, với những lý lẽ huyền hoặc, cho rằng vờ tuồng *Quần tiên hiển thọ* làm cho Thần minh quở phạt. Sau khi đọc tấu chương này, vua ra lệnh đưa Vương Hữu Quang ra điều tra vì tội nói dối.

gồm các quan lại cao cấp trong Triều, đề nghị giáng hết các cấp bậc và phán quyết tội ở mức nặng nhất là khi quân. Chỉ riêng Phan Thanh Giản không chịu ký vào tấu chương, đề xuất xem tội phạm chỉ là phạm một lỗi hành chính. Tin chắc rằng Phan Thanh Giản bảo vệ Vương Hữu Quang vì hai người là đồng hương Nam Kỳ, nhà vua thất sủng, giáng cấp ông làm Thông chánh Phó sứ, đồng thời bắt đi làm Hộ lý ở Thương trường.

Năm 1840, được bổ nhiệm làm Thừa Thiên trường Phó chủ khảo, nhưng bị giáng cấp vì sơ suất khi sửa một trong những bài thi cử nhân của thí sinh Mai Trục Trung đã phạm lỗi trùng vận¹.

Năm sau, ông được thăng cấp Binh bộ Thị lang, đến năm Thiệu Trị thứ nhất (1842) thì thăng hàm Tham tri sung Cơ mật viện (2-2).

Vào tháng 2 năm 1843, Khâm thiên giám² bẩm báo trên bầu trời có một thiên thạch xuất hiện, nhà vua ra chỉ dụ cho tất cả các quan giải thích thẳng thắn về hiện tượng này. Câu trả lời của Phan Thanh Giản

đây là cuộc điều tra mà sau đó Phan Thanh Giản từ chối ký vào kết luận đã được hội đồng quyết định. Thái độ này của Phan Thanh Giản đã được báo cáo lên vua, nhà vua lập tức phúc đáp bằng một chỉ dụ: *Vương Hữu Quang không cầu được thời tiết tốt, cố đổ lỗi cho vua. Y cũng nhận ra rằng những ngày đó ta đã khó ở, y cho phép mình dùng lời lẽ bất kính bằng cách cho rằng ta có lỗi với Trời đất và Thần linh, thật đáng ghê tởm! Đúng chuyện huyền thoại Quần tiên hiển thọ do Nguyễn Bá Nghi viết và ta đã nhuận sắc và chú thích ở một số chỗ liên quan đến Táo Chúa (Thần bếp) và Tụng Sư (Thần kiện tụng). Ta đã không không bao giờ đùa cợt Thần linh, nói gì đến Trời đất. Huống chi Vương Hữu Quang tự đưa ra so sánh trong sự việc này, gửi cho ta một xét đoán cầu xin tha thứ của Đình thần hội đồng cho y, bao gồm các quan lại của Đốc, Phủ, Bố, Án có mặt tại Kinh cho lễ mừng thọ tất cả ý kiến là giáng chức và trừng phạt y nghiêm khắc nhất. Nhưng như ta chưa xác định những điều lễ để quở trách y, ta không muốn hành động vội vàng. Tại sao Phan Thanh Giản từ chối ký vào tấu chương của Hội đồng? Tại sao Bùi Ngọc Qui, Nguyễn Công Trứ và Doãn Uẩn, những thượng quan lúc đó họ đưa cho ta một bản tấu yêu cầu giáng chức hai bậc cho Vương Hữu Quang và vẫn giữ lại chức? Hãy để ta giải thích ngay cho thần dân về điều này – trích Lương Khê văn thảo (Tuyển tập Phan Thanh Giản), tập 1. tr.19, đăng trên B.A.V.H. (1915); và bài của Đào Thái Hạnh, “Son Excellence....”, tldđ, tr. 214-215.*

1. Lỗi trùng vận: một trong những lỗi nghiêm trọng ở một bài thơ Đường. (BT)
2. Khâm thiên giám: chuyên quan sát và chiêm nghiệm âm dương bói toán, các hiện tượng thiên văn, thời tiết, làm lịch, coi ngày, báo giờ để định mùa vụ cho dân, giữ đồng hồ báo canh ở điện Càn Chánh, và giữ trọng trách tư vấn triều đình về các vấn đề địa lý và phong thủy. (BT)

biểu lộ cùng lúc sự tinh tế khôn khéo trong ý nghĩa, sự tôn kính với nhà vua và nhận thức sâu rộng về những yếu nhược của Quốc gia¹.

Duy nhất bài sớ của ông được nhà vua tán thưởng.

Năm 1847, Phan Thanh Giản được bổ nhiệm làm Hình bộ Thượng thư, thành viên Cơ mật viện, vì đã có công trạng xuất sắc cho Quốc gia.

Năm 1848, năm thứ nhất triều vua Tự Đức, ông được bổ nhiệm làm Lại bộ Thượng thư.

Năm 1849, ông giữ chức Kinh diên Giảng quan, tức người can gián của Hoàng đế.

Cùng năm (1849), ông được bổ nhiệm làm Tả kỳ Kinh lược Đại sứ, Tổng đốc Bình Phú (Bình Định và Phú Yên) và chịu trách nhiệm chỉ đạo (Kiêm an) đạo Thuận Khánh (Bình Thuận và Khánh Hòa).

1. Hoàng thượng, ngai vàng vua ngự trị là nơi của Trời, dân chúng mà ngài cai quản là dân của Trời, và cuối cùng, đạo lý mà Ngài theo để trị vì thiên hạ cũng được coi là đạo lý của Trời. Nói nôm na, Trời đã trao thiên mệnh cho Ngài làm mọi sự nhân danh trời đất và ở cương vị của mình. Còn để kiểm soát sự việc và hành động của mình. Đây là lý do tại sao người quân tử cẩn trọng theo các phép tắc mà không phân định mọi người và suy gẫm về những gì chưa được suy tôn và công nhận là đạo lý. Vậy, tùy thuộc vào nhà vua làm tròn bốn phận của mình một cách không thể chê trách đối với thần dân bởi vì Trời ban phúc cho Ngài.

Bệ hạ, kể từ khi lên ngôi, nghiêm cần tuân thủ bốn phận của mình và hành pháp “sử mệnh theo ý Trời: hồng ân ban cho dân chúng và bổng lộc cho triều thần. Lòng tốt của Ngài đã chạm đến Trời, nên Trời Đất bày tỏ sự hài lòng của mình bằng cách khiến đưa đến phúc hạnh thay vì làm xuất hiện điều bất thường trên không. Có thể gán cho sự hiện diện của hiện tượng ở đây không: bất chấp sự đón tiếp nồng hậu mà Hoàng thượng luôn dành cho những lời thẳng thắn, những ước nguyện của đại diện của mình ở các xứ khác nhau của quốc gia không thường triều kiến, bất chấp sự khoan dung của Hoàng thượng, sự cứu giúp và ơn huệ không đủ hiệu quả để an ủi dân chúng. Các đại thần vây quanh ngai thực hiện cải cách và các quan đầu tỉnh không thật quan tâm đến những khốn khổ xảy ra với dân. Trong những năm gần đây, thù địch đã không ngừng xuất hiện ở phía Tây; trật tự chưa được thiết lập ở biên giới; quân binh được nuôi dưỡng ở khắp nơi trong vương quốc và người dân sống không yên bình. Có thể vì những điều trên mà Trời đã cho chúng ta thấy dấu hiệu đe dọa này? Bệ hạ, cho phép hạ thần để nghị với Ngài:

1. Giờ phút rồi rồi bệ hạ nên triệu các đại thần kỳ lão bàn với họ về chính trị thời cuộc, quốc kế biên phòng, và

2. Ra lệnh cho tất cả các quan, không có ngoại lệ, mọi điều đang xảy ra trong dân chúng phải nói cho hết trước Ngai vàng, và qua việc suy ngẫm để khắc phục tình trạng hiện tại. Một khi tệ nạn của quan chức đã triệt căn và sức mạnh của quân đội chúng ta sẽ có thể đối phó với bất kỳ cuộc tấn công nào xảy ra, Giang sơn của Bệ hạ sẽ tự nhiên trở nên cường thịnh.

Khi rời Triều đình để nhận nhiệm vụ mới, Phan Thanh Giản gửi lại cho nhà vua một bức thư đề xuất nhiều cải cách cho nội các cũ nhằm cải thiện tình hình quân lính và dân đình.

Mùa xuân năm 1851, ông được bổ nhiệm làm Kinh lược Phó sứ Nam Kỳ, Tổng đốc Gia Định và Kiêm tri các đạo Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang và Hà Tiên.

Năm 1852, hợp ý với Kinh lược Chánh sứ Nam Kỳ Nguyễn Tri Phương (người gốc Quảng Nam, Thượng thư, Đô thống, bị thương nặng trong một trận đánh ở Hà Nội vào ngày 20 tháng 11 năm 1873), Phan Thanh Giản dâng lên Triều đình tám khuyến nghị¹.

Ông cũng xin từ chức Kinh lược và trở về Kinh đô.

Bằng một sắc lệnh đặc biệt, Tự Đức giữ ông lại, ban cho ông một *kim khánh* có khắc các chữ *Liêm, Bình, Cần, Cán* (có nghĩa là “thanh liêm, bình dân, tích cực và thông minh”). Tháng 10 năm 1852, do lưu lại Nam Kỳ quá lâu, Tự Đức cho gọi ông về Huế và thăng cấp ông lên Hình bộ Thượng thư, Hiệp biện Đại học sĩ (1-2) tức người giáo huấn cho vua (Giảng quan), và sung Cơ mật viện đại thần.

Trong số điều trần về chính sách của Nam Kỳ, Phan Thanh Giản đề trình lên cho Tự Đức sáu chương trình² mà sau khi xem xét, nhà vua ra lệnh thực hiện.

1. Tám khuyến nghị là:

1. Xin bảo trọng Thánh thể;
2. Công vụ hoạt động tốt;
3. Bãi bỏ những lạm;
4. Tiết kiệm và giản dị;
5. Loại bớt sủng thần và nịnh thần;
6. Chăm lo lựa chọn quan chức;
7. Tiết độ trong việc trưng dụng nhân lực;
8. Tăng lương và tiền công.

2. Sáu chương trình là:

1. Di dân sang Cao Miên;
2. Cứu trợ cho người nghèo;
3. Áp dụng chính sách tự do;

Ít lâu sau, Phan Thanh Giản được bổ nhiệm làm chủ biên bộ *Việt sử thông giám*.

Năm 1856, ông được ban thưởng một ngọc bội.

Năm 1859, kẻ địch công khai đe dọa Đà Nẵng (Tourane), Gia Định và Biên Hòa, các thành viên của Cơ mật viện thảo luận về vấn đề chấp nhận chiến tranh hay thương nghị hòa bình.

Phan Thanh Giản tâu với nhà vua rằng hiện tại ông thấy không có gì khẩn cấp hơn là làm cho dân chúng thịnh vượng và hạnh phúc, duy trì hòa bình và bảo đảm an ninh đời sống chung.

Tự Đức, chấp thuận và ban khen Phan Thanh Giản vì sự khôn ngoan và kinh nghiệm.¹

Năm 1862, Đô đốc Bonard, Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Sài Gòn đã gửi tối hậu thư đến Triều đình Huế.

Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp (từ Bình Định) được gửi vào Nam Kỳ làm Chánh sứ và Phó sứ toàn quyền đại thần.

Đến Gia Định, nhận ra tình thế mong manh của đất nước, họ nhận định buộc phải ký kết nhượng lại cho Pháp ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, ngoài ra phải trả 4 triệu đồng bạc bồi thường chiến tranh.

Tin tức về đến Triều, nhà vua quả trách nặng nề những người đại diện. Phan Thanh Giản khẩn cấp được gọi đi nhậm chức Tổng đốc Vĩnh Long, tiếp tục thương thảo các điều kiện hòa bình với đô đốc chỉ huy quân đội Pháp ở Nam Kỳ. Những điều đình của ông với vị đô đốc không cho kết quả khả quan như Triều đình mong đợi, ông liền bị miễn nhiệm chức Tổng đốc Vĩnh Long. Đồng sự Lâm Duy Hiệp cũng bị cách chức cùng lúc với ông, sau thì qua đời.

4. Cải thiện giảng dạy;

5. Đường giao thương và phương tiện giao thông (sản xuất xe kéo bò, trâu);

6. Dạy tu lễ mỗ cho những bề tôi có công trạng

1. *Từng trải và tràn đầy ý tưởng khôn ngoan, khanh đề xuất với quả nhân những gì quan chức trẻ mới đến thậm chí không nghĩ. Quả nhân tin tưởng vào sự khôn ngoan của khanh và hy vọng rằng khanh sẽ làm mọi thứ có thể để giúp duy trì vinh quang và việc làm của khanh.*

Năm 1863, Phan Thanh Giản được gọi trở lại Huế và được chỉ định là Đại diện toàn quyền, Trưởng Phái bộ đi Pháp (*Như Tây chánh sứ*).

Tự Đức, trao đổi với ông về việc nhượng ba tỉnh, vua hỏi liệu chẳng ông đã bị buộc phải ký hiệp ước hay vì có kế hoạch riêng khác.

Thưa rằng: Thần xem thời thế đã kỹ, không làm thế không được. Nay thần vâng mệnh đi sứ, việc thành hay không thành là do ở 2 nước kia, thần chỉ biết hết lòng hết sức mà thôi.¹

Trên đường đến Pháp, ông đã sáng tác một số bài thơ, tập hợp lại được gọi chung là *Lương Khê thi thảo* (tuyển thơ Phan Thanh Giản). Những thi phẩm này đã được dịch và đang trong quá trình xuất bản dưới sự chủ trì của Phan Thị Minh Lễ.

Mặc dù thời đó văn hóa phương Tây chưa được truyền bá ở đế quốc An Nam, Phan Thanh Giản là một trong những người đầu tiên quan tâm và đưa vào thơ mình những từ vựng khoa học ban sơ Pháp-An Nam.

Phan Thanh Giản viết bằng *quốc âm* trong du ký về chuyến đi sang Pháp, mô tả tốc độ của tuyến đường sắt Marseille-Paris², chuyến thăm các đại công xưởng, xí nghiệp, đền đài và các di tích quan trọng. Ông ghi nhận trình độ tiên tiến của nền văn minh kỹ thuật phương Tây và sức mạnh quân sự của Pháp.

Hoàn thành nhiệm vụ trở về vào năm sau (1864), ông được bổ nhiệm làm Thượng thư bộ Hộ.

Do chuyến thăm chính thức đến Huế của ông Aubaret, Đại diện toàn quyền Pháp ở An Nam, Phan Thanh Giản được chọn làm đại diện của An Nam (Toàn quyền đại thần), chịu trách nhiệm ký kết các hòa ước với Pháp.

Tháng 2 năm 1865, Phan Thanh Giản được giao đại diện nhà vua (Nhiếp Tê) chủ trì đại lễ Tế Nam Giao.

1. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, Quốc Sử quán Triều Nguyễn, bản dịch do Tổ Phiên dịch thuộc Viện Sử học thực hiện, Nxb. Giáo Dục, 2006, tập 7, tr. 814. (BT)

2. *Nhanh hơn nhiều so với chim và ngựa*,

Cỗ máy này thường xuyên di chuyển một quãng đường ngàn dặm trong một ngày.

Năm đó, ông đã hơn 69 tuổi. Ông thỉnh nguyện trước vua, nài nỉ được nghỉ hưu vì tuổi tác và kiệt sức¹.

Vua úy lạo và nói rằng: Khanh nên cố gắng để khích lệ những người hậu tiến...

Tổng đốc Vĩnh Long báo cáo tình hình nguy cấp của ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, Tự Đức, vốn biết rõ rằng ba tỉnh bị cô lập này sẽ không còn giữ được, bèn nghiêm túc cân nhắc lựa chọn một viên quan đã có được cảm tình và sự tin tưởng của Pháp để gửi đi đàm phán với họ. Theo đề nghị của nhiều quan, Phan Thanh Giản được phục chức cũ và được bổ nhiệm Kinh lược sứ hay Tổng trấn, phụ trách thương thuyết với đại diện của Pháp tại Nam Kỳ (Kinh lược đại thần).

Phan Thanh Giản lập tức thỉnh cầu nhà vua phục chức cho đồng sự của ông, Lâm Duy Hiệp, người bị giáng chức cùng lúc với ông vì đồng lý do. Nhà vua chấp thuận.

Năm 1866, Phan Thanh Giản nhắc lại thỉnh cầu nghỉ hưu của mình vì lý do sức khỏe.

Nhà vua trách mắng rằng:

Phan Thanh Giản đang cần cho làm được thành hiệu, mà chưa làm xong, đã vội xin về hưu mưu khỏi tội lẹ, ý kiến của bậc lão thành, sao lại nói ra câu như thế, định trút bỏ cho ai? [...]

Trong tháng 6 năm 1867, Đô đốc de La Grandière chỉ huy một hạm đội lớn cập bến ở Vĩnh Long và gửi tối hậu thư tới Phan Thanh Giản, yêu cầu nhường cho Pháp ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Ngay lập tức Phan Thanh Giản lên chiến hạm thương thuyết. Nhưng những nỗ lực của ông không có kết quả. Sau đó, ông đình đạc đầu hàng

1. Thân vốn không có sở trường gì khác, ngày thường tự nghĩ chưa báo bổ được tí chút nào, đương nghĩ cố gắng ra sức, mong báo đền được xứng đáng; nhưng cảnh bóng dậu gần xế chiều, tự biết tinh thần sức vóc không được như trước, không làm thế nào được. Lại mình giữ chỗ phiên dịch, công việc phần nhiều quên sót. Hồi tưởng lại người ta đến 70 tuổi như cỏ bộ cây liễu, đã trải mùa thu, dầu có lòng quyến luyến thiết tha, nhưng sức ngựa đã hết, rất lo ứng phó không chu, để lầm lỡ công việc, nên không dám không lấy tình thực trình bày. (Theo Đại Nam thực lục, sđd, tập 7, tr. 944. (BT))

2. Theo Đại Nam thực lục, sđd, tập 7, tr. 991. (BT)

không đòi hỏi gì cho bản thân, nhưng thỉnh nguyện đô đốc đảm bảo yên bình cho dân chúng và để Triều đình An Nam quản lý ngân khố; tất cả được đô đốc chấp nhận.

Ngay khi ông vừa rời đi, thành Vĩnh Long bị lính Pháp chiếm đóng. Liên sau đó, ông biết tin thành An Giang và Hà Tiên cũng chịu chung số phận. Ba tỉnh liên tiếp bị mất trong năm ngày.

Phan Thanh Giản, nhận là người chịu trách nhiệm về cam kết với Pháp, đã gom lại từ kho bạc của ba tỉnh này một triệu đồng bạc để trả phần chiến phí.

Thế là xong, ông xếp lại lễ phục, ấn tín và con dấu “Kinh lược” cùng một di ngôn viết tay gởi cho Tự Đức¹.

Sau khi nhịn ăn vài ngày, vào ngày 4 tháng 8 năm 1867, ông đã uống thuốc độc tự tử.

Khi đó, ông được 71 tuổi.

Năm 1868, theo lệnh của Tự Đức, Phan Thanh Giản bị tước tất cả phẩm hàm. Tên của ông bị đục khỏi Bia Tiến sĩ.

Năm 1886, năm thứ nhất đời vua Đồng Khánh, Phan Thanh Giản được khai phục nguyên hàm với sắc phong thụ hiệu, tên ông ngay sau đó được vinh danh khắc lại trên Bia Tiến sĩ.

Ngoài tên chính thức, Phan Thanh Giản còn có bốn bút danh: Tỉnh Bá, Đạm Như, Lương Khê và Mai Xuyên.

Ông có hai người con trai: Phan Thanh Liêm và Phan Thanh Tôn.

Người thứ nhất làm đến Thượng thư và người thứ hai giữ chức danh Hương lộ Tự Thiếu Khanh (4-2), Viên ngoại trong Cơ mật viện.

1. *Nay đang lúc gặp vận bất, giặc nổi lên ở ngoài Kinh kỳ, yêu khí khắp biên giới, việc bờ cõi ở Nam Kỳ nay đến như thế, nhanh chóng có thể không thể ngăn được, tôi nghĩa nên chết không dám tạm sống, để hổ thẹn đến vua cha. Hoàng thượng rộng biết xưa nay, xét kỹ trị loạn, thân công hiến thân trong ngoài cùng lòng giúp đỡ, kính cần Trời, Phật, vô thương dân nghèo, lo trước tính sau, thay đổi đường lối, thế lực còn có thể làm được, tôi đến lúc sắp chết nghẹn lời không biết nói gì, chỉ ứa nước mắt trông về Kinh mà miễn tiếc, mong muốn vô cùng mà thôi.* (Theo Đại Nam thực lục, sđd, tập 7, tr. 1058-1059. (BT))

Dẫn nhập

Cuốn sách này không có tham vọng bổ sung cho một loạt sách báo liên quan đến tiểu sử của Phan Thanh Giản¹. Mục đích của chúng tôi ở đây là trình ra các tài liệu chưa được công bố để xem xét, đối chứng với thời kỳ gây tranh cãi nhất trong cuộc đời vị đại thần này, và trình bày cho độc giả những suy kiến mà các tài liệu mới gợi ý cho chúng tôi. Chúng tôi hy vọng có những đóng góp nhất định cho việc khai phục một nhân vật có những hành động xen lẫn với các sự kiện rất quan trọng đã đưa đến hậu quả làm lụi tàn một đế chế độc lập, một đế chế chìm vào nhiễu loạn thời cuộc, trở thành thuộc địa của một quốc gia phương Tây nhưng vẫn không mất đi bản tính, để trong vòng chưa đầy một thế kỷ đã xoay sở để bắt kịp trình độ các cường quốc lớn độc lập khác.

Vì ông là Đại diện toàn quyền được nhà vua ủy quyền ký hiệp ước thảm họa năm 1862; được bổ nhiệm dẫn đầu phái bộ An Nam, chịu trách nhiệm cố thương thảo để phía Napoléon III chấp nhận giảm thiểu cho các điểm chính trong những điều khoản hiệp ước, và sự giảm thiểu này không được như mong đợi; cuối cùng, là Kinh lược đại thần ba tỉnh miền Tây, ông đã chọn cúi đầu trước tối hậu thư của quân đội Pháp và ký dâng ba tỉnh khác để tránh cuộc thảm sát vô ích, mặc dù ông đã kiên trung tự tử² đúng với tư cách một môn đồ Nho giáo mẫu mực, bị phế truất và giáng cấp theo lệnh vua Tự Đức, người giao ông nhiệm vụ mà

1. Các bài báo trên *B.A.V.H.* qua các năm 1915, 1918, 1919 và 1921, tài liệu đại dẫn ở trang 44 trong sách này; Lê Thanh Tường, *Un patriote Annamite admirateur de la France* (Một nhà yêu nước người An Nam rất được phía Pháp kính trọng), Xb. Nam Kỳ, 1938; Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd.

2. Túc năm 1867.

ông vốn biết không thể thực hiện. Tên ông khắc trên Bia Tiến sĩ đã bị đục bỏ.

Mặc cho thái độ của ông được các đối thủ người Pháp ngưỡng mộ và tôn vinh, đầu cuối cùng ông được khai phục sau 19 năm¹ theo lệnh vua Đồng Khánh, và năm 1933, dưới triều vua Bảo Đại, ông được khai phục mọi chức danh Hiệp tá Đại học sĩ, Kinh lược đại thần, Tổng trấn Nam Kỳ, và cư dân làng Long Hồ đã đặc biệt xây dựng một ngôi đền thờ phượng ông², nhưng một lần nữa quá khứ của Phan Thanh Giản bị tấn công dữ dội, trong hoàn cảnh chính trị đặc biệt, hội nghị thảo năm 1963, một số nhà sử học Việt Nam đã đi xa đến mức buộc ông tội phản quốc!

Từ khi còn trẻ, chúng tôi đã học những điều như mọi học sinh Việt Nam ngồi trên ghế nhà trường được dạy về nhân vật lịch sử này, với những điều dường như quá bất công làm chúng tôi phẫn nộ. Vì thế nhiều năm sau, khi những nghiên cứu học thuật hướng chúng tôi vào lịch sử Việt Nam, nghiên cứu về cuộc đời Phan Thanh Giản là điều đương nhiên. Chúng tôi phải thừa nhận ở đây, những khám phá chính yếu phần lớn nhờ may mắn. Cuộc gặp tình cờ với một thành viên trong gia đình con cháu Đô đốc de La Grandière³ đã dẫn chúng tôi đến chỗ gặp được gia đình này. Lòng tốt của ông bà Gilles de La Grandière cùng sự quan tâm đáng quý họ dành cho nghiên cứu của chúng tôi đã lo nốt phần còn lại. Ngài Tử tước de La Grandière giao cho chúng tôi bốn tập bản thảo thư từ đặc biệt của Đô đốc từ năm 1863 đến năm 1868.

1. Túc năm 1886.

2. Tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (số 7-8), tldd, tr. 171.

3. De La Grandière, Pierre-Paul-Marie (1807-1876). Sinh ngày 28 tháng 6 năm 1807 tại Redon. Gia đình ông, người gốc Anjou, trong thế kỷ trước có sĩ quan kiệt xuất trong Hải quân. Ông vào trường hải quân Angoulême ngày 1 tháng 4 năm 1820, năm 1863 kế nhiệm Đô đốc Bonard làm thống đốc Nam Kỳ thuộc Pháp. Nhờ những phẩm chất nổi bật của nhà quản lý, nhà tổ chức, chính trị gia và chiến lược gia, từ năm 1864 ông đặt Cao Miên dưới sự bảo hộ của Pháp và quản lý để mở rộng, năm 1867, lãnh thổ này được giao phó cho ông, năm 1867 thôn tính ba tỉnh miền Tây, Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên. Ông về Pháp năm 1868 và qua đời tại Quimper năm 1876.

Ông thậm chí còn cho phép chúng tôi tham khảo một tập tài liệu chưa được mở từ sau cái chết của đô đốc, trong đó chúng tôi phát hiện ra một lá thư viết tay¹ của Phan Thanh Giản gửi cho bà de La Grandière, phu nhân đô đốc. Sau khi nghiên cứu kỹ tất cả các tài liệu này, chúng tôi dẫn đo. Mong muốn dài lâu của đô đốc đối với việc chiếm giữ ba tỉnh miền Tây, tuy không tỏ ra cho người An Nam thấy nhưng vốn dĩ họ đã có nghi ngờ, những chuẩn bị bí mật để hoàn thành nó khi ông phán đoán ra tình thế thích hợp, sự im lặng trong vấn đề liên quan đến Phan Thanh Giản tuy có vẻ như ông đánh giá cao sự cởi mở và trung thực của con người này, câu chuyện chi tiết về cuộc tấn công bất ngờ ở Vĩnh Long, vụ việc đã kết thúc tàn nhẫn nhiều năm giữ lễ trong quan hệ ngoại giao, tất cả những yếu tố này trở nên rõ ràng. Để bảo vệ Phan Thanh Giản, chúng tôi sẽ phải thể hiện thái độ được đô đốc giữ kín, chỉ thể hiện trong các mối quan hệ thư tín của ông. Chính ông [Tử tước] de La Grandière là người nhắc chúng tôi khỏi sự dẫn đo đó khi viện dẫn bốn phạm chúng tôi có để hy sinh vì sự thật lịch sử. Chúng tôi rất biết ơn ông ấy.

Nguồn tài liệu thứ hai đến từ quỹ vi phim² của Bộ Ngoại giao Pháp. Mặc dù được công khai từ lâu, các vi phim này giúp chúng tôi cập nhật một số tài liệu mà theo quan điểm của chúng tôi là cho đến nay còn chưa được khai thác.

Cuối cùng, tác phẩm chính yếu thứ ba cho phép chúng tôi minh định sự vô tội của Phan Thanh Giản chính là một tác phẩm Việt Nam được phát hiện hoàn toàn tình cờ năm ngoái. Đây là những văn bản được Viện Khoa học Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh tuyển chọn và tóm tắt năm 1979, mang tên *Châu bản triều Tự Đức*. Những văn bản này thể hiện nổi bật trách nhiệm của Tự Đức và một số quần thần trong Triều. Chúng cũng nêu bật sự bất công của truyền thống thời đó vốn liên quan hệ trọng đến quan chức. Bất kỳ hành động chính trị hay hành

1. Bằng chữ Hán.

2. M.D. Asie. Micr. N° 27-28-29-29bis.

động nào khác đều được quy định bởi giáo huấn của Khổng Tử, quy tắc tối thượng là tuân theo lệnh vua không bàn cãi; thứ hai là hoàn thành sứ mệnh vua giao phó; thứ ba (hiếm khi được tuân theo) là không được có thất bại nghiêm trọng. Đó là những gì Phan Thanh Giản thụ nhận đích xác về đạo đức [Nho gia] mà hiện nay được coi là vô tình, [nhưng bấy giờ] đã làm các sĩ quan hải quân Pháp ngưỡng mộ khi chứng kiến phẩm cách nơi ông ở những khoảnh khắc cuối đời. Họ so sánh ông với những anh hùng vĩ đại trong sách *De viris Illustribus* của Plutarque¹.

Chúng tôi xếp đặt luận chứng của chúng tôi trong ba phần. Phần đầu mô tả các sự kiện liên quan cuộc đời Phan Thanh Giản giữa năm 1862 và năm 1867, như các sử gia đã biết cho đến nay.

Phần thứ hai xem xét lại tất cả các công kích nhắm vào Phan Thanh Giản.

Ở phần thứ ba, chúng tôi trình bày tất cả các lập luận cho phép phục hồi toàn diện con người Phan Thanh Giản dưới ánh sáng của các tài liệu, phần chưa công bố.

Trước một thế hệ người Việt Nam tốt đẹp hãnh diện về cội nguồn Việt Nam ngày nay, chúng tôi cho rằng trong số những nhà yêu nước vĩ đại, thông minh và mong muốn canh tân đất nước – như Phan Bội Châu², Phan Châu Trinh³, Huỳnh Thúc Kháng⁴, Ngô Đức Kế⁵ – lão thần 70 tuổi, được nhà vua bổ nhiệm làm trưởng phái bộ An Nam chính thức đầu tiên đến Pháp, Phan Thanh Giản, cũng là một trong những người cấp tiến Việt Nam đầu tiên dám kêu gọi mọi người *thức tỉnh* và mở mắt trước những tiến bộ mà người phương Tây đạt được:

1. E. Luro, *Le pays d'An Nam*, Paris, 1897, tr. 102-103. “Cuộc đời lỗi lạc mà tôi vừa tóm tắt chứng minh rằng Nho giáo cũng có thể sinh ra những con người mà những người lừng lẫy kiên cường nhất cũng phải công nhận.”

2. Giai đoạn 1867-1940.

3. Giai đoạn 1872-1926.

4. Giai đoạn 1876-1947.

5. Giai đoạn 1878-1929.

*Từ ngày đi sứ tới Tây Kinh,
Thấy việc Âu Châu phải giết mình.
Kêu rú đồng ban, mau tỉnh dậy,
Hết lòng năn nỉ, chẳng ai tin.¹*

1. Tập san *Sử Địa*, tldđ, Sài Gòn, 1967, tr. 180, trích *Lương Khê thi thảo*.

PHÂN ĐẦU TIÊN

Vai trò của Phan Thanh Giản trong giai đoạn 1862-1867 theo các tài liệu được biết cho đến nay một loạt “nhiệm vụ bất khả thi” thảm họa

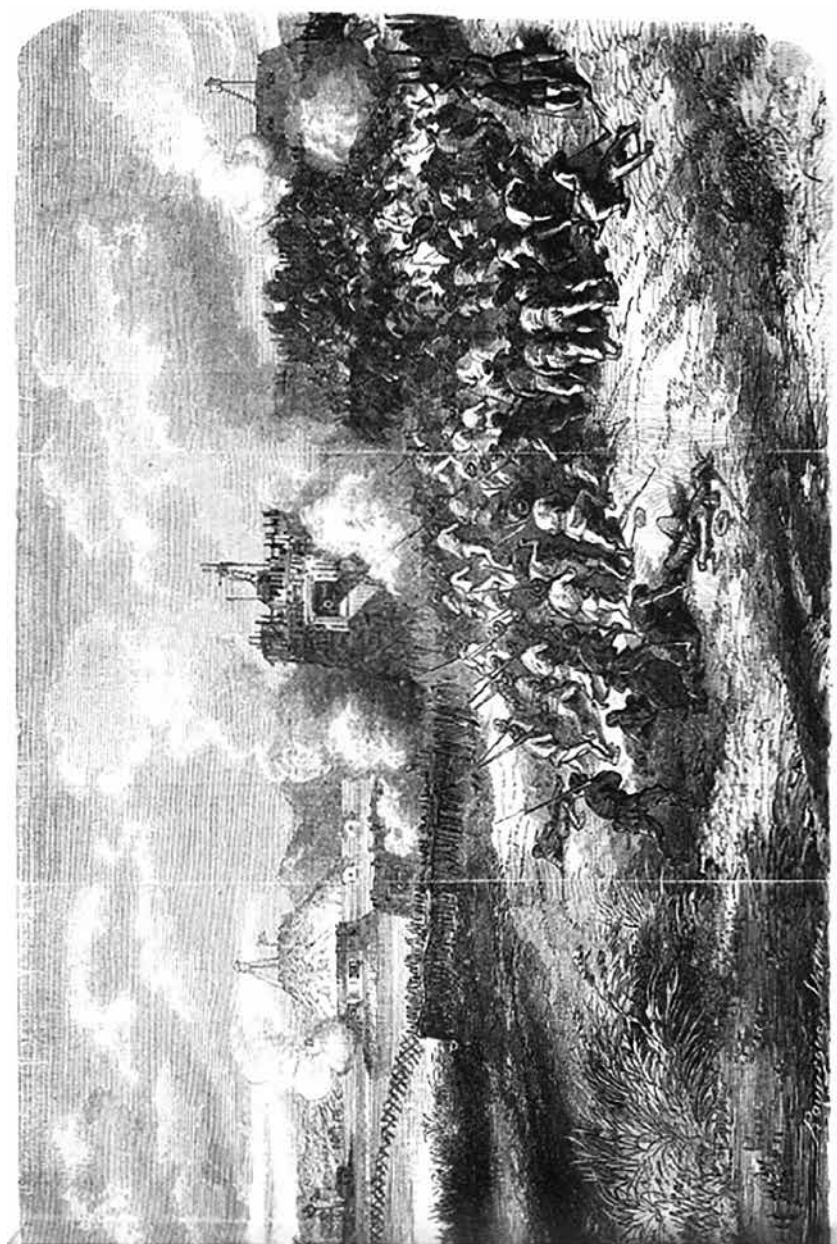
CUỘC TIẾP XÚC NGOẠI GIAO ĐẦU TIÊN PHÁP-VIỆT

Trong thời kỳ Cách mạng Pháp và Đế chế thứ nhất, mối quan hệ Pháp-An Nam chính thức được biết đến là một hoạt động mở đầu ngăn ngừa đã bị gián đoạn với phái bộ đến Versailles¹ của giám mục Adran, cùng Hoàng tử Cảnh. Tuy nhiên, kể từ bước chuyển biến đáng chú ý của tu sĩ Dòng Tên người Avignon, Cha Alexander de Rhodes², Công giáo Pháp không ngừng gửi đến Nam Kỳ và Bắc Kỳ các nhà truyền giáo. Chính phủ Trung hưng và nền Quân chủ tháng Bảy tìm cách gây dựng lại quan hệ chính thức³. Thật không may, sau thái độ khá nhân từ của Gia Long, biết ơn một số người Pháp đã giúp ông chinh phục ngai

1. Ngày 28 tháng 11 năm 1787.

2. Ở Nam Kỳ (1624-1627), ở Bắc Kỳ (1627-1630), ở Nam Kỳ (1640-1645), nhà ngôn ngữ học đáng chú ý, tác giả của cuốn giáo lý tiếng La-tinh An Nam (1651) và đặc biệt là người sáng tạo, phiên âm tiếng An Nam, chữ Quốc ngữ cùng với Cha François de Pina.

3. Chuyến đi đến Tourane của Bougainville con vào tháng 1 năm 1825, mang theo lá thư của Louis XVIII gửi cho Minh Mạng. Ông không được phép đến Huế, nhưng một buổi tiếp kiến long trọng được dành riêng cho ông. Thất bại tương tự năm năm sau đã xóa sổ một sứ mệnh khác. (xem Philippe Hédouy, *Histoire de L'Indochine 1624-1954*, Société des Productions littéraires, Paris, 1983, tr. 44).



Liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công đồn Don-Tai [forts de Don-Tai], bờ sông Đà Nẵng (Tourane) ngày 21 tháng 9 năm 1859

Nguồn: *Histoire de l'Indochine* của Philippe Hédouy

vàng, tiếp theo là thái độ bài Thiên Chúa giáo và chống người Âu của những người kế vị: Minh Mạng¹, Thiệu Trị² và Tự Đức³.

Kể từ cuối thế kỷ XVIII, nhiều sự kiện diễn ra ở vùng Viễn Đông, các sự kiện mà tất cả quần thần Triều đình Huế dường như không nhận thức đầy đủ. Sự tiến bộ to lớn của các cường quốc phương Tây đối với phương Đông và vùng biển phía nam⁴ ngày càng áp ứ ngò vực với “quỷ nước ngoài”. Tiếp xúc với các nhà truyền giáo, việc cải sang đạo Thiên Chúa của một số lượng lớn người Việt Nam, được dung thứ từ thế kỷ XVI, bắt đầu được coi là mối nguy hiểm đối với sự toàn vẹn quốc gia.

CÁC SẮC LỆNH BÁCH HẠI

Minh Mạng ban hành sắc lệnh bách hại đầu tiên vào năm 1825, sau đó lần thứ hai vào năm 1833. Tuy nhiên Thiệu Trị (1841-1847) khoan hòa hơn với người theo đạo Thiên Chúa. Dưới áp lực cảnh cáo được Đô đốc Cecille gửi đến năm 1845, vị vua này đã thả Đức cha Lefèbvre, Đại diện Tông tòa Nam Kỳ, đã bị kết án tử hình, cùng năm nhà truyền giáo mà ông đã cho bắt tại Huế. Họ được đưa đến Singapore trên chiếc tàu Pháp *Alemène*⁵. Thật không may, đoàn viễn chinh của Đại tá hải quân Lapierre, thay thế Đô đốc Cecille⁶ tại Nam Kỳ, bằng hai tàu chiến

1. Trị vì từ 1820 đến 1841.

2. Trị vì từ 1841 đến 1847.

3. Trị vì từ 1847 đến 1883.

4. Lập ra Công ty Ấn Độ và Hội Truyền giáo hải ngoại (1664). Người Anh bắt đầu cuộc chinh phục Ấn Độ (1757). Cách mạng công nghiệp ở châu Âu (1760-1780). Khám phá Biển Nam của người phương Tây (1763-1770). Cuộc chiếm đóng Singapore của người Anh (1819). Phát triển mạng lưới đường sắt và tàu thuyền hơi nước ở châu Âu (1834-1842).

5. Cha Claude Lange, *Histoire du Christianisme au Vietnam. L'histoire, la terre, les hommes, sous la direction d'Alain Ruscio* (Lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam: lịch sử, vùng đất, con người do Alain Ruscio chủ biên), Nxb. Harmattan, Paris, 1989.

6. Hải quân Pháp trình bày những sự kiện này, không phải là một cuộc tấn công của Pháp, mà là một phản ứng trước một cuộc phục kích của Việt Nam. Xem thêm sách của Đô đốc Jurien de la Gravière, *Le Combat de Tourane* (Trận Tourane), và của Philippe Héduy, *Histoire de l'Indochine*, sđd, tr. 52.

Victorious và *Glory*, đã phá hủy một đội thuyền buồm Việt Nam ở Vịnh Tourane (ngày 15 tháng 4 năm 1847), sự việc này khơi dậy trở lại cuộc bách hại người theo đạo Thiên Chúa.

Thiệu Trị mất năm 1847. Con trai thứ hai của ông, vua Tự Đức, ban hành lần lượt hai sắc lệnh bách hại vào năm 1848 và 1860.

Do đó, dường như cả những nỗ lực ngoại giao và biểu dương vũ lực đều không khuất phục được Triều đình Huế hoặc buộc họ biểu lộ nhân đạo hơn với các nhà truyền giáo Công giáo và người cải đạo An Nam.

Nhưng sự ngoan cố của các quan lại chống người theo đạo Thiên Chúa đã biến đổi những cái ban đầu chỉ là “sự hậu thuẫn tinh thần cho các nhà truyền giáo” trong cuộc chiến thực sự mà những kẻ tham chiến không cân sức. Người An Nam tự nhủ rằng vài ngàn người châu Âu, đang gặp trắc trở và khó khăn với khí hậu nhiệt đới¹ khác với bản quán, sẽ dừng lại sau khi thất bại trong cuộc chiến chết chóc và nhanh chóng rút lui². Nhưng ít ai nhận ra sự vượt trội rõ ràng của phương Tây, cả về công nghệ, vật chất, về vũ khí và tổ chức, kỷ luật và chiến thuật quân sự.

Ý TƯỞNG THÔN TÍNH ĐẦU TIÊN

Mặt khác, vòng xoáy chiến trận không thể tránh khỏi³ – kết thúc bằng chiến thắng của phương Tây và thất bại của người An Nam – đem

1. Thư của Ph. Aude tr. 93, được trích trong sách của Charles Lemire, *La Foi coloniale. Khi tiến đánh Tourane (1859), 600 người chết vì các bệnh thời khí* (Nguyên văn: *Lors de l'expédition de Tourane (1859), 600 hommes étaient morts de maladies inhérentes au climat*).

2. Charles Lemire, sđd.

3. Ngày 26 tháng 9 năm 1856 phá hủy pháo đài bảo vệ Tourane (Đà Nẵng). Từ ngày 30 tháng 8 năm 1858 đến ngày 3 tháng 2 năm 1859, Đô đốc Rigault de Genouilly chiếm Tourane, sau đó để lại một đơn vị đồn trú, thừa thắng tấn công thành Sài Gòn. Quân đồn trú Tourane bị quân An Nam tấn công, chiến hạm quay lại giải cứu và vào tháng Tư, sau những cuộc đàm phán bất tận và không thành công với các quan, đã chiến thắng vào tháng Chín, quân đội Pháp-Tây Ban Nha tấn công các cứ điểm Trung Kỳ. Được thay thế bằng Đô đốc Page, người này theo lệnh của Paris, quay lại thành phố Tourane sau khi thực hiện một màn biểu dương vũ lực cuối cùng bằng cách chiếm đèo Hải Vân (ngày 18 tháng 11 năm 1859).



Rigault de Genouilly



Bernard Jauréguiberry



De La Grandière



Page



Bonard



Chamer

NHỮNG THỐNG ĐỐC-ĐÔ ĐỐC (THỐNG ĐỐC QUÂN SỰ) ĐẦU TIÊN CỦA NAM KỲ

Nguồn: *Histoire de l'Indochine* của Philippe Héduy

đến cho người Pháp các lãnh thổ chinh phục mới. Những nơi này lập tức được tổ chức, quy hoạch, xây dựng; khai thác xuất khẩu hàng hóa phục vụ giao thương cũng bắt đầu ra đời. Do đó, từng chút một, ý tưởng thực dân càng mạnh mẽ, không chỉ trong số những thực dân mới, mà còn trong chính những kẻ viễn chinh và liền sau là Chính phủ Pháp; tuy nhiên, điều này, cho đến nay, vẫn bị cấm trong các bài phát biểu chính thức.

Nhiều tài liệu chứng minh rằng những ý định “bành trướng” từ lâu đã là nền móng cho mục đích tiến hành các cuộc viễn chinh khác nhau chống lại Đế quốc An Nam, mặc dù trong các tài liệu chính thức của Pháp, vấn đề lâu nay chỉ là kháng cự lại các cuộc đàn áp người theo đạo Thiên Chúa do người Việt Nam gây ra. Vào ngày 25 tháng 11 năm 1857, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp [Walewski] đã gửi thư¹ cho Hamelin, Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, ở trang 3 ông nêu:

... những nỗ lực vô ích mà chúng tôi thực hiện theo hướng này trong nhiều trường hợp đã cho thấy cần thiết phải mời Ngài Chuẩn đô đốc Rigault de Genouilly ưu tiên cho phương cách nào cho hiệu quả nhanh và chắc chắn hơn. Với kinh nghiệm và kỹ năng của mình, để hoàn thành nhiệm vụ mà Hoàng đế giao phó, khi đến bờ biển Vương quốc An Nam, viên tướng này phải chiếm giữ vịnh và lãnh thổ của Tourane. Làm chủ vị trí này, ông ta sẽ phải thị sát, đồng thời làm sáng rõ tại chỗ tất cả các thông tin cần thiết và tham gia xem xét, một mặt là tầm quan trọng của kết quả thu được, mặt khác là sự hy sinh có thể chấp nhận và cơ hội mang lại, nếu những nỗ lực này có xu hướng thiết lập sự bảo hộ của Pháp ở Nam Kỳ hoặc nếu phải giới hạn ký kết một hiệp ước hữu nghị, thương mại và hàng hải, theo quy định bồi thường thỏa đáng những cuộc đàn áp các nhà truyền giáo chúng ta, an ninh trong tương lai phải là mục tiêu của một quy định chính thức [...] trong mọi trường hợp, sự thừa nhận bảo hộ hoặc đơn giản là ký một hiệp ước, Ngài Chuẩn đô đốc Rigault de Genouilly phải giữ

1. C.A.O.M. GGI, thư mục gốc 11110.

chắc chắn lấy Tourane nhằm bắt buộc Chính phủ An Nam thực hiện đầy đủ các cam kết của họ. [...]

Đã ký: Bá tước Walewski (trang 5 và 6).

Và, như một phụ lục của bức thư này là lá thư của Bộ trưởng Hamelin gửi cho Chuẩn đô đốc Rigault de Genouilly¹:

Trong mọi trường hợp, điều đó có nghĩa là ngài hoặc một trong những sĩ quan trong sư đoàn của ngài phải hoàn tất chiến thuật, cần phải chiếm giữ vùng Tourane và đóng quân vững chắc ở đó. [...]

Trong một bức thư mà Legrand de La Liraye đã gửi vào năm 1862 cho Napoléon III², ta không thấy được cái gì giống như là kết luận cho sự tường trình giới thiệu Trung Kỳ, Nam Kỳ và Bắc Kỳ, *cơ hội và quyền can thiệp vũ trang và chiếm giữ với bất cứ giá nào*.

Một số cố vấn của Napoléon III, như Hầu tước Chasseloup-Laubat³, Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa, đề cập rất rõ ràng mong muốn mở rộng lãnh thổ trong một đoạn của ghi chú⁴ để ngày 18 tháng 3 năm 1863, thể hiện chính xác, dường như từ Bộ Hải quân:

1. C.A.O.M. Indochine Amiraux tài liệu 11110, phần 1, (bản gốc). Rigaut de Genouilly, Charles (1807-1873): sinh ra ở Rochefort, vào Ecole Polytechnique năm 1825. Ngày 14 tháng 2 năm 1857, Chuẩn đô đốc ở Brest, ông nhận được lệnh gia nhập sư đoàn hải quân của Viễn Đông. Ngày 31 tháng 8 năm 1858, ông cập vịnh Tourane, tấn công và chiếm pháo đài, chiếm giữ và tổ chức phòng thủ trước khi tiến về phía nam một lần nữa. Ngày 2 tháng 2 năm 1859, chiếm Sài Gòn và trở về Pháp ngày 19 tháng 10. Được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Hải quân năm 1867, ông thay thế Chasseloup-Laubat, sau qua đời tại Paris ngày 4 tháng 5 năm 1873 ở tuổi 66. (B.S.E.I. 1933, “Đô đốc Rigaut de Genouilly” của André Baudrit.

2. C.A.O.M. GGI. Tài liệu 11106. Vấn đề An Nam.

3. Chasseloup-Laubat, Justin-Napoléon-Samuel-Prosper (tên thường gọi là Prosper), Hầu tước thứ 4 của họ Chasseloup-Laubat, sinh ngày 8 Germinal, năm XIII, (29 tháng 3 năm 1805) tại Alexandria của Ý, thuộc Marengo. Thượng nghị sĩ Pháp, Bộ trưởng Algeria và Thuộc địa; hai lần Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa; Bộ trưởng Chủ tịch Hội đồng Nhà nước; mất tại Paris ngày 29 tháng 3 năm 1873. (Albert Duchêne, *Un ministre trop oublié: Chasseloup-Laubat*, Société d'éditions géographiques, maritimes et coloniales, Paris, 1932, 298 trang, tr. 275-276.)

4. M.D. Asie. Micr số 28, p. 379.

Như vậy, theo suy nghĩ của hai Bộ trưởng lúc đó¹, toàn bộ Hạ Đàng Trong, gồm sáu tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Định Tường, Hồng Hố, Ang (sic) Giang [An Giang] và Hà Tiên, và bao gồm của sông Mê Kông hoặc sông Cao Miên, cũng như của kênh Kankao hoặc Hà Tiên, chúng ta chắc chắn. [...]

Hiệp ước của chúng ta được ký kết vào ngày 5 tháng 6 năm 1862, bởi Tổng tư lệnh Quân Viễn chinh, thay vì bảo đảm cho chúng ta sáu tỉnh Hạ Đàng Trong thì chỉ trao cho chúng ta ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường. [...] cuối cùng ngài đã không yêu cầu Chính phủ An Nam bất kỳ nhượng bộ nào đối với Cao Miên. Đô đốc Bonard² có lẽ đã có những lý do tuyệt vời để hài lòng với những gì ông đã đạt được.

VIỄN ĐÔNG MIỀN CƯỜNG MỞ RA VỚI PHƯƠNG TÂY

Mặt khác, quan niệm phương Tây về tầm quan trọng của giao thương giữa các cư dân không ảnh hưởng đến người Việt Nam, văn hóa tổ tiên đã xem nhẹ các hoạt động buôn bán và quân sự trong gần một ngàn năm. Vào thế kỷ XIX, đế chế vĩ đại Trung Hoa, mà Việt Nam vốn là chư hầu, trở thành miếng mồi của các cường quốc châu Âu: năm 1839, Chiến tranh nha phiến nổ ra; năm 1842, Hiệp ước Nam Kinh đã trao Hồng Kông cho người Anh và mở cửa năm cảng Trung Quốc (trong đó có Quảng Châu, Thượng Hải và Phúc Châu) ra giao thương với người

1. Có nghĩa là tại thời điểm ký kết hiệp ước, tháng 6 năm 1862.

2. Bonard, Louis, Adolphe: Sinh ngày 27 tháng 3 năm 1805 tại Cherbourg. Vào Ecole Polytechnique năm 1826. Thống đốc Guyana từ 1853 đến 1855. Được bổ nhiệm làm Tổng tư lệnh các lực lượng Pháp tại Nam Kỳ năm 1861, nơi ông thực hiện một chiến dịch ngắn nhưng xuất sắc, cho phép ông chiếm lấy Biên Hòa, Vĩnh Long và Gò Công. Sau đó, ông bắt đầu tổ chức xứ sở và ép buộc Tự Đức, Hoàng đế An Nam, ký Hiệp ước Sài Gòn (ngày 5 tháng 6 năm 1862), trao cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Vì lý do sức khỏe, ông buộc phải trở về Pháp và qua đời vào ngày 31 tháng 3 năm 1867. (Văn khố Bộ Hải quân: CC 7 N: 250).

phương Tây. Năm 1860, quân đội viễn chinh Pháp-Anh chiếm Bắc Kinh và cướp phá Thanh Y Viên. Bản thân Nhật Bản, xưa nay bế quan và đối nghịch với mọi giao tiếp bên ngoài, dần dần mở ra dưới ảnh hưởng của phương Tây: năm 1854, một tàu chiến Mỹ buộc người Nhật phải mở hai cảng cho giao thương; vào năm 1865, Hoàng đế Nhật Bản phê chuẩn các hiệp ước với ngoại quốc và, từ năm 1867 đến năm 1912 tức thời Minh Trị, Nhật Bản nhanh chóng hiện đại hóa.

SỰ SÁNG SUỐT CỦA MỘT SỐ HỌC GIẢ VIỆT NAM

Ở Việt Nam, chỉ có rất ít học giả¹ am hiểu thời cuộc thế giới và nhận rõ sự cách biệt giữa nền văn minh phương Tây so với văn minh của xứ sở. Họ cảm nhận được nguy hiểm mà cách biệt này gây ra cho quê hương; trái với đa số quan lại Triều đình ủng hộ việc bế quan, họ lại đề nghị mở cửa cho nước ngoài kèm theo đó là những văn minh kỹ thuật, nền học vấn mà họ thấy cần phải nhanh chóng tiếp thu. Tuy nhiên, hầu hết lớp học giả thức thời này lại nhận được một nền giáo dục Thiên Chúa giáo, và vì vậy, rất tiếc, không được lắng nghe và thậm chí có thể bị bức hại. Một trong số quan lại Triều đình hiếm hoi nhận thức được mối nguy hiểm mà Việt Nam đang phải gánh chịu, lại thêm sự lạc hậu về công nghệ, và dám ủng hộ những ý tưởng cởi mở hòa bình với nước ngoài trước nhà vua, đó chính là Phan Thanh Giản.

NGƯỜI PHÁP KHÔNG CHỈ ĐẾN ĐỂ BẢO VỆ NGƯỜI CÔNG GIÁO!

Hơn nữa, không phải là không có lợi ích để nhận ra các cuộc đàn áp chống lại người Công giáo không phải là lý do duy nhất cho các cuộc tấn công Pháp-Tây Ban Nha. Ngay từ năm 1841, người sẽ trở thành

1. Ví dụ: Nguyễn Trường Tộ, Trương Vĩnh Ký.

Napoléon III tương lai đã kêu gọi rằng¹ *động cơ duy nhất [mà] luôn chi phối việc thành lập các thuộc địa [là] lợi ích thương mại hoặc lợi ích chiến tranh*. Vào ngày 9 tháng 12 năm 1861, Đô đốc Bonard gửi về Bộ [Hải quân và Thuộc địa] một điện báo thể hiện rõ một trong những lý do khác khiến người Pháp chiếm đóng vùng đất Nam Kỳ: nỗi sợ bị người Anh vượt qua!

*Tôi hân hạnh báo cáo ngắn gọn đến Ngài về việc chiếm đóng đảo Poulo Condor [Côn Đảo] và báo Ngài nhận định của tôi về những kết quả xảy ra sau đó.*²

Khi tôi đến Nam Kỳ, tôi đã báo cho Ngài Đô đốc Charner biết rằng có khả năng, một lúc nào đó, người Anh cũng có thể cắm cờ trên hòn đảo này, và có thể sau đó gây trở ngại lớn cho Chính phủ và Thuộc địa.

HUẾ BÁC BỎ CÁC ĐỀ NGHỊ HÒA BÌNH CỦA CHARNER

Mặt khác, Triều đình Huế đã thay đổi giọng điệu và khiếu nại, phàn nàn về những tổn thất vật chất. Vào ngày 6 tháng 6 năm 1862, sứ thần của An Nam là Nguyễn [Bá Nghi?] gửi một lá thư cho Tổng tư lệnh Pháp³ Sha (*sic*) [Charner]⁴ để đáp lại thông tin liên quan đến việc ký kết hiệp ước hòa bình.

1. Các thuộc địa của chúng ta ở Thái Bình Dương, Sự tiến bộ của Pas-de-Calais ngày 14 tháng 6 năm 1841, trong *Tác phẩm của Napoléon III*, Tập II, Henry Plon xuất bản, Paris, 1856, tr. 4.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28. Phụ lục đầu tiên cho bức điện báo của Hải quân ngày 7 tháng 2 năm 1862.

3. Triều đình Huế dường như không biết việc thay đổi thống đốc Pháp gần đây. Do đó, Bonard chứ không phải Charner đã nhận được bức thư này.

4. M.D. Asie. Micr. N° 28. Tr. 50-52. Charner, Leonard, Victor, Joseph. Sinh ra ở Saint Brieu năm 1797. Đô đốc năm 1860. Tổng tư lệnh lực lượng hải quân ở Trung Quốc (18 tháng 4 năm 1860) thay thế Đô đốc Page, và chỉ huy quân đội ở Nam Kỳ (1861) đánh chiếm Kỳ Hòa và Mỹ Tho. Mở cảng Sài Gòn để giao thương quốc tế. Vào tháng 8 năm 1861, ông

Thừa Tướng công, dường như chưa đến ba hoặc bốn năm trước, khi chiến tranh nổ ra giữa hai quốc gia chúng ta, lần đầu tiên Tourane bị phá hủy, lần thứ hai Sài Gòn bị tàn phá, cuối cùng thì năm nay, trong tháng đầu tiên và tháng thứ ba, pháo đài lớn và đồn Kỳ Hòa và thành Mỹ Tho đã bị tấn công và phá hoại.

Ở mọi nơi, pháo đài, vũ khí, đạn dược đã bị phá hủy, bạc, gạo, tiền đồng đã trở thành tài sản của Quý ngài. Mọi thứ đã đạt được theo mong muốn của Quý ngài; đây là một sự áp đặt rất lớn mà Bản quốc phải trả trong thực tế. Chưa hết, hôm nay, Quý ngài còn muốn cả Sài Gòn, vùng ngoại ô của Mỹ Tho, bờ biển của tỉnh Biên Hòa, và cuối cùng là 4 triệu đô la tiền bồi thường.

Cũng một thông điệp như trên, sứ giả của An Nam, ông Yuan [Nguyễn], trong một lá thư¹ gửi cho Đô đốc Charner, lấy lại từng lý lẽ được đô đốc viện dẫn để bác bỏ chúng:

chúng tôi đã phát hiện ra những điều khác không hoàn toàn đúng [...] Ngài đề xuất rằng cảng Tourane phải thuộc quyền của Quý quốc và các cảng khác cũng nên được mở cửa giao thương [...]. Tôi chỉ có thể cho tự do thương mại ở cảng Tourane mà thôi, chứ tôi chưa nghe nói về những thứ khác.

[...] Nhưng hôm nay không có người phiên dịch nên không thể giải thích nhiều bản ý, và đây là điều đưa đến cuộc chiến giữa hai quốc gia. [...]

Ngài nói rằng khi những người truyền giáo đến Bản quốc với mong muốn theo bước chân của những người tiền nhiệm, Chính phủ của chúng tôi chỉ biết bắt bỏ tù hoặc chém đầu (giết) và ngài hỏi về tội ác đó.

công khai tuyên bố các tỉnh Hạ Đàng Trong thuộc Pháp. Đô đốc năm 1864. Chết năm 1869 (Văn khố Bộ Hải quân: CC 7 N 250).

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 52-55.

Và ông thêm một nhận xét là phải chính xác trong từng tình huống, và Đô đốc Bonard và Đô đốc de La Grandière đã nhiều lần nghi ngờ về nội dung:

Những người truyền giáo đến chỗ chúng tôi thường hoạt động lén lút, do đó trái với luật pháp của Bản quốc. Vì vậy, ngay từ đầu, người dân đã bắt giữ những người này, buộc họ quay trở lại đất nước [...]. Cuối cùng ngài đưa ra ba đề xuất. [...]. [tôi] cắt cho ngài [ba tỉnh], ba tỉnh Gia Định (sic) [Gia Định], Biên Hòa và Tiền Giang (Mỹ Tho) [...]

Hai nước chúng ta, không có lợi gì, chỉ thấy thiệt hại. Tướng công phải nhận ra rằng tình trạng chiến tranh này sẽ phá hủy mọi thứ và không có ích gì [...]. Vậy, Quý quốc chẳng phải có mọi lợi nhuận còn Bản quốc mất tất cả?

*Có, Ngài nói, người theo đạo ở khắp các tỉnh, và chúng ta không được ngăn cản họ theo đạo của họ. [...]*¹

Tuy nhiên, câu sau đây cho thấy thế giới quan ở phương Tây và phương Đông vẫn còn hố sâu ngăn cách. Sự tự do tư tưởng của cá nhân là một tiếp nhận gần đây của phương Tây nhưng được công nhận trong đầu óc họ. Ở phương Đông, không thể hình dung được một nguyên thủ quốc gia có thể khoan dung với các tôn giáo khác ngoài “đất nước”, tức tôn giáo của nhà vua.

Tôi trả lời cho Tướng công, khi một người bình thường không theo đạo của xứ sở mình, nhưng theo đạo khác, bất kỳ lãnh đạo nào của xứ sở này chắc chắn phải phản đối. [...]

Cuối cùng, sứ thần đề cập đến vấn đề bồi thường chiến tranh:

*Ngài đang yêu cầu Bản quốc phải bồi thường chiến phí cho Quý quốc, số tiền là 4 triệu đô la. [...]*²

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 52-55.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 52-55.

Xuất phát từ những cân nhắc tổng quan, lâu dài về nhiều chi phí mà cuộc chiến đã tiêu tốn.

TỰ ĐỨC ĐÃ BÀN BẠC RA SAO VỚI CÁC QUAN THÂN

Trong tác phẩm của mình¹, Nguyễn Xuân Thọ cho chúng ta một cái nhìn thoáng qua về cách Tự Đức bàn bạc với các quan lại đương nhiệm tận tụy nhất về những hậu quả mà việc này có thể mang đến và cũng thường là về tâm trạng của nhà vua:

Không còn nghi ngờ gì nữa, ở Huế, dường như chắc chắn an toàn trước một cuộc đột kích, Tự Đức có thể yêu cầu cuộc kháng chiến toàn lực, ban lời khen ngợi, tưởng thưởng và phẩm tước nếu thành công, bãi chức không qua xem xét quan lại mỗi khi thất bại. Những người đã chiến đấu, mặc dầu tài năng và can đảm, cũng đã thấy đầy những khó khăn, tiếp đó là những khả năng. Họ đã tâu lên Hoàng đế, người hỏi đáp họ bằng những khích lệ với những lời tự tin, và tuyên bố tin rằng lòng dũng cảm và yêu nước của các quan lại sẽ giúp tất cả vượt qua mọi khó khăn. Chẳng đó không phải lúc nào cũng đủ để xô lệch cán cân.²

Và sử gia kết luận:

Thật không may, những tuyên bố đẹp đẽ này, pha lẫn những phần thưởng cao quý và những lời khiển trách hay trừng phạt nặng nhất, đặc biệt đến từ một vị vua không rời khỏi cung điện, nằm trong bốn bức tường của tòa thành được che chở cẩn thận, cách xa người dân, hoàn toàn không đủ để bù đắp cho quân đội Việt Nam đang bị thiếu trang bị và mất niềm tin.

1. Nguyễn Xuân Thọ, *Histoire de la pénétration française au Viet Nam (1858-1897)* (Lịch sử Pháp xâm lược Việt Nam (1858-1897), Nxb. Giáo Hội Phật Giáo Linh Sơn Thế Giới, 98-847 ILIEE ST AIEA HI 96701 U.S.A., 1993, tr. 77.

2. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 81.

Từng ngày, chúng ta mong ước hòa bình, ngay cả các quan lại yêu nước nhất.¹

Trong cùng một văn bản, chúng ta biết rằng Tự Đức, trước khi bổ nhiệm cho Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp được toàn quyền ký kết Hiệp ước 1862, đã giao cho Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Bá Nghi nhiệm vụ soạn thảo báo cáo về tình hình chung ở Nam Kỳ.

MỘT VỊ QUAN CỎI MỎ: PHAN THANH GIẢN

Từ khi bắt đầu sự nghiệp, dưới triều đại Minh Mạng, ông được cử đi sứ Singapore, một thành phố thuộc địa của Anh, cảm hứng ông sáng tác một bài thơ² trong đó ông mô tả sự náo nhiệt của đường phố và sự phát triển tuyệt vời của khu dân cư.

*Gia-ba tự thượng phố tầng tầng
Gia-ba tự hạ thủy trùng trùng
Mặc kiểm tổng lai tiểu cù liệt
Câu Chân chân đảo Cặp Phi Tăng³
(Gia Ba trên đảo phố trùng trùng
Gia Ba dưới đảo nước lung linh
Mặt đen dẫn đến trên thuyền nhỏ
Rõ là thuyền trưởng từ Nam Kỳ)*

1. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 81-82.

2. *Lương Khê thi thảo* (cuốn 10, tr. 2a, và 2b) và bài báo của Huỳnh Thúc Kháng trên *Tiếng Dân* số 1685, ngày 7 tháng 6 năm 1941; và B.A.V.H. năm 1915 trong bài báo của Đào Thái Hạng, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”. Bài thơ này đã được sáng tác năm 1832 nhân chuyến đi Singapore (*Lương Khê văn thảo*).

3. Đào Thái Hạng, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldd, tr. 219.

[Bổ chú của ND cho một số tên gọi trong bài thơ trên:

- Gia-ba (hay Gia Ba): Tân Gia Ba, tức Singapore
- Cù Liệt: *chaloupe* trong tiếng Pháp, tức con thuyền dài
- Câu Chân chân: Cochinchine, tức Nam Kỳ
- Cặp Phi Tăng: *Capitaine* trong tiếng Pháp, có nghĩa là thuyền trưởng/đại úy]

Tiếp đến, ông đi Bằng Cốc để ký với Quốc vương Xiêm một hiệp ước liên quan đến Cao Miên¹. Không lâu sau, năm 1832, ông làm việc ở Trung Hoa với cương vị Phó sứ của Việt Nam cho đến năm 1834².

Ông cũng chứng tỏ sự cởi mở, “tân tiến” của mình, năm 1852 đã tâu bạo đệ trình lên vua Tự Đức sáu dự án chính phủ, trong đó chúng tôi thấy có: áp dụng chính sách tự do, cải thiện giáo dục, phát triển các tuyến giao thương và phương tiện giao thông.

Mục tiêu công khai của quân viễn chinh Pháp-Tây Ban Nha chắc chắn không ngăn ông đoán được những miếng mồi lợi lộc ẩn giấu khác. Biết được sự tinh tế và cái nhìn thấu thị của Phan Thanh Giản, chúng tôi không thể nghĩ rằng ông không đoán thấy ý định của Chính phủ Pháp. Chúng tôi không có bằng chứng cho sự việc một vài năm sau đó (tức năm 1864), khi đi ngang qua Mỹ Tho, ông đã gặp Đại tá Ansart và đột ngột hỏi:

*Khi nào các ngài sẽ chiếm ba tỉnh khác của Nam Kỳ?*³

NHỮNG PHƯƠNG SÁCH CỦA NGUYỄN BÁ NGHỊ

Năm 1861, Nguyễn Bá Nghị, tin rằng tốt nhất nên nhanh chóng ký hòa ước với người Pháp, đã viết cho nhà vua theo ý này:

Bằng cách tiếp tục chiến tranh với Pháp, chúng ta không thể tin tưởng vào lực lượng hải quân của chúng ta, vốn không là gì so với họ, cũng như quân đội chúng ta, trong trường hợp thoái lui, cũng không thể tìm được nơi trú ẩn an toàn ở vùng cao.

Nếu chúng ta yêu cầu thắng thắn người Pháp tạo điều kiện hòa bình bền vững, có lẽ chúng ta hy vọng họ trả lại tỉnh Gia Định.

1. Báo *Illustration, journal universel*, số 1075, ngày 3 tháng 10 năm 1863.

2. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française* (Những năm đầu tiên của Nam Kỳ thuộc Pháp), tập I, tr. 220, Challamel Aîné, Paris, 1874. T.I. 377 tr. T.n. 291 tr. *Sử Địa Đặc khảo về Phan Thanh Giản*. 1967.

3. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, tập II, tr. 510; và Hoàng Lại Giang, *Phan Thanh Giản, nổi đầu trăm năm*, Nxb. Văn học, Sài Gòn, 1996, tr. 265.

Chúng ta có thể duy trì, thông qua những nhượng bộ nhỏ, tính toàn vẹn các xứ của chúng ta. Nếu, trái với những gì chúng ta trông đợi, họ muốn giữ Gia Định để dứt khoát lấy đó làm điều kiện tiên quyết cho hòa bình, chúng ta sẽ chỉ mất một tỉnh.

Trước mối nguy nghiêm trọng đang đe dọa chúng ta, chúng ta không còn quyền trì hoãn. Liệu chẳng chúng ta vẫn ủng hộ một cuộc chiến mà kết thúc sẽ khiến chúng ta phải trả giá bằng cả Nam Kỳ?¹

Tự Đức trả lời cho Nguyễn Bá Nghi như sau, điển hình cho tinh thần bất quyết của nhà vua. Trong khi Nghi đưa ra những đề nghị hãy suy xét thêm vào thời điểm nguy kịch này, Tự Đức tiếp tục trì hoãn và ban ra những chiếu biểu trùu tượng và mơ hồ:

Sự thế khó làm, trẫm đã biết hết rồi. Người có lòng chịu trách nhiệm, nên hết sức mà làm, để tỏ khí tiết như cây khỏe gặp cơn bão táp là được.²

Khi tiếp xúc với Đô đốc Bonard, Nguyễn Bá Nghi đã gửi một mật sớ cho nhà vua, nhà vua ban những chú dẫn như sau:

Một chính sách nhân nhượng không cách nào tránh né vũ lực, và đây vẫn sẽ là cách tốt nhất để đẩy nhanh việc ký hòa ước.

Nhưng bỏ đi hành động quân sự để theo đuổi một nền hòa bình đổ nát sẽ là tự dẫn mình vào một chính sách tồi tệ, vì trong trường hợp đó, chúng ta sẽ phải dùng đến điều gì để ép buộc họ?

Ta đang trông cậy và mong đợi rất nhiều từ khanh để biết cách thực hiện. Khanh gắng tận lực để xứng đáng với Đức vua và Xã tắc, và công lao của khanh sẽ được tưởng thưởng. Nhưng nếu

1. Lê Thanh Cảnh, “Notes pour servir à l’histoire de l’établissement du protectorat français en Annam” (Những ghi nhận lịch sử về sự thiết lập nền bảo hộ của Pháp ở An Nam), B.A.V.H., 1932, tr. 221-222.

2. Lê Thanh Cảnh, tlđd, B.A.V.H., 1932. tr. 223. [Phần nội dung bản dịch được trích lại theo Đại Nam thực lục, sđd, tập 7, tr. 717. (BT)]

khánh không thành công trong việc xóa đi mối nhục về những thất bại vừa qua, khánh vĩnh viễn đánh mất niềm tin của ta và bị ô danh mãi mãi.¹

Chúng ta nhận thấy, trong tình thế này, Tự Đức vẫn nghĩ rằng ông biết cách phủ dụ và đe dọa những bề tôi của mình để đạt được những gì ông muốn. Chúng ta cũng hiểu rằng ông muốn đàm phán ở vị thế mạnh để không bị Pháp ép buộc.

Thật không may, tình hình quân sự và chính trị của vương quốc An Nam khác xa [mong muốn đó] nên các nhà đàm phán khó lòng áp đặt lên Pháp, ngược lại! Nhà vua đang tự lừa phỉnh mình và ông ta đổ trách nhiệm lên các sứ giả.

Tương tự, khi nhận đề cử làm Toàn quyền đại thần, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, chắc chắn có hình dung rõ số phận nào đang chờ đợi họ, đã có tấm gương nhiệt thành được tưởng thưởng của người đi trước. Nguyễn Bá Nghi xin được miễn nhiệm, ông bị từ chối. Sau đó ông và Trần Đình Túc báo lên vua tình hình nguy cấp của Nam Kỳ, đề nghị rút quân đồn trú Việt Nam, và yêu cầu trợ giúp của một thế lực nước ngoài. Câu trả lời duy nhất nhận được là cả hai bị quở trách, vì họ chủ hòa mà không chống cự.

Sau đó, nhà vua lại chuyển ý và Nguyễn Bá Nghi được ca ngợi, ghi nhận quân công và được phục hồi!

Trong bài viết của mình, Lê Thanh Cảnh cho rằng Tự Đức đưa cho Nguyễn Bá Nghi “... một mật chỉ, trong đó ông được chỉ thị rõ ràng rằng hòa ước chỉ là cái cớ để đánh lừa sự cảnh giác của quân đội Pháp, cuộc chiến vẫn là động lực thực sự cho hành động của chúng ta ở Nam Kỳ.”²

Tuy nhiên, Nguyễn Bá Nghi với tư cách của một đại thần, đã bị buộc tội vì chỉ thấy duy nhất có giải pháp chủ hòa, vì “... bỏ bê các biện pháp

1. Lê Thanh Cảnh, tldđ, B.A.V.H., 1932, tr. 226.

2. Lê Thanh Cảnh, tldđ, B.A.V.H., 1932, tr. 229.

cơ bản nhất là thận trọng, cảnh giác và bị động, không chuẩn bị trước việc của Pháp tấn công [...] và để mất toàn bộ tỉnh.”¹

Tức giận, Tự Đức đã cách chức tất cả các quan lại liên quan.

Nguyễn Xuân Thọ liệt kê cho chúng ta hay các sắc lệnh của nhà vua: *giữ bằng bất cứ giá nào!* chiêu mộ những chí nguyện quân mới, tiến hành cuộc chiến trường kỳ chống kẻ xâm lược, và hứa thắng cấp và vinh danh mọi thắng lợi giành được:

*Những quân binh có những chiến công xuất sắc được thưởng xứng đáng. Một cuộc tổng khởi nghĩa trên mọi vị trí lãnh thổ bị Pháp chiếm đóng, được chuẩn bị cẩn thận và thực hiện vào thời điểm thích hợp. Điều cần thiết là, bằng một cuộc chiến tiêu hao và chiến tranh du kích khốc liệt, không ngừng quấy rối kẻ thù, không cho nghỉ ngơi, vô phương cứu vãn, buộc họ phải từ bỏ các vị trí chiếm đóng. Hy vọng rằng, một môi vì những cuộc tấn công liên tục của người Việt Nam, người Pháp sẽ nghĩ đến việc rút lui và không còn nuôi hy vọng chiếm đóng lâu dài lãnh thổ Việt Nam nữa.*²

CUỘC NỔI DẬY CỦA TẠ VĂN PHỤNG Ở BẮC KỲ

Vào thời điểm các nhà lãnh đạo Việt Nam đang cố gắng động viên quân binh miền Nam, một mối đe dọa chống lại triều Nguyễn ở Huế đã liên kết nổi lên ở một số vùng Bắc Kỳ. Tạ Văn Phụng³ dấy loạn ở vùng cư dân miền Bắc. Tay giang hồ này, tự nhận là hậu duệ của nhà Lê, được các nhà truyền giáo Tây Ban Nha thu nạp, tham vọng của ông được họ nâng đỡ. Dưới cái tên Pedro Lê Duy Phụng, ông tự xưng là vua Bắc Kỳ. Ngày

1. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 80– 81.

2. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 81; và Lê Thanh Cảnh, “Những ghi nhận lịch sử”, tldđ, B.A.V.H., 1932, tr. 230-231.

3. Tạ Văn Phụng tự xưng là hậu duệ của nhà Lê. Ông được các nhà truyền giáo Tây Ban Nha thu nạp và hỗ trợ (M.D. Asie. Mícr. N° 28, tr. 201).

26 tháng 8 năm 1862, ông viết thư cho Đô đốc Bonard¹, yêu cầu quân đội Pháp giúp đỡ để giành lại ngai vàng của tổ tiên giả danh của ông.

Theo lệnh của quốc vương các ông, khi các ông tiến vào vùng đất An Nam, tất cả mọi người đều nghĩ rằng sự xuất hiện của các ông là dấu hiệu rõ ràng cho thấy cuối cùng Thiên Chúa đã rủ lòng thương với Vương quốc chúng tôi, vốn từ lâu lắm than khổ sở. Vì lý do này, tất cả đều đoán rằng châu Âu, nhân danh vua của Trời, sẽ không khi nào lãng quên quyền hạn giải thoát đất nước chúng tôi. Kể từ khi các ông đến Nam Viet (sic) cho đến ngày này, trong nhiều trận giao tranh, không còn nghi ngờ gì nữa, ý định của các ông là quốc gia An Nam và quốc gia châu Âu tận hưởng cùng một ngọn gió xuân trong lành và bầu không khí thanh bình yên tĩnh, thâm tâm các ông chắc chắn muốn như vậy, chắc chắn sức mạnh của các ông rất lớn; và công cuộc chinh phục của các ông cũng vậy, khi đã bình tĩnh suy nghĩ kỹ về mọi thứ, dường như tôi thấy trong đó cơ hội giành lại quyền bính của tổ tiên tôi và giúp giải phóng các Kitô hữu; vì thế, tôi quyết định tiến hành chinh phục những gì thuộc về tôi với niềm hy vọng lớn lao nhận được sự bảo vệ của các ông và của Chính phủ các ông, nhưng gần đây tôi biết rằng các ông đã nghe những lời van xin của nhà Nguyễn và đã đồng ý hòa hoãn với họ. Các ông có nghĩ về nỗi đau mà tin tức này đã gây ra cho tôi, và vì điều khiến tôi bức xúc và tin rằng triều đại nhà Nguyễn và các quan lại đã sử dụng và sẽ luôn sử dụng là sự xảo quyệt và giả dối trong các hiệp ước của họ với các vương quốc láng giềng. Họ thấy rằng các ông ở Nam Kỳ và tôi ở Bắc Kỳ, chúng tôi đã gây sức ép lên họ bằng những chiến thắng

1. Liên quan đến kẻ gian hồ này, Bonard đã viết cho Bộ trưởng: “Hoàng thân Lê, người mà các giáo sĩ Tây Ban Nha muốn đưa lên làm vua, là hậu duệ giả mạo triều Lê, từ lâu là người gác cổng của một tu viện ở Trung Hoa, một người thấp kém, không phù hợp. Ông ta đứng đầu phe nổi dậy nhưng lại chỉ tàn phá đất nước; và mặc dù ông ta thể hiện sức mạnh nhưng không thể chiếm được bất kỳ thành lũy nào bị quân đội An Nam chiếm đóng” (M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 199).

của chúng tôi, và họ không còn cách nào chống đỡ và không có lực lượng để đẩy lùi hiểm họa đến từ cả hai phía. Do đó, họ đã tự đề xuất hòa hoãn với các ông, để các ông tin tưởng vào họ, để các ông có thể bênh vực họ trong trường hợp này với sự thông cảm nhiều hơn. [...]

Dưới cái tên Phụng Kỳ, ông viết một lá thư khác dài hơn nhiều đề ngày 10 tháng 12 năm 1862¹ nhưng đã được thảo từ rất lâu trước đó, vào tháng 12 năm 1859, trong đó có một số đề xuất đáng ngạc nhiên:

Theo thiện ý, đây là những gì tôi nghĩ. Nếu Pháp dự định chiếm vương quốc An Nam để cai trị và biến nó thành một vùng đất Pháp, điều đó là tốt, vì sau rốt, chúng ta sẽ kết thúc hòa bình theo cách này. Nhưng nếu đó không phải là ý định của hoàng đế Pháp, tôi không nghĩ rằng tốt nhất phải tận dụng lợi thế là nắm lấy hoàn toàn con người của Cẩm Hóa Quận công². Đây là cách có lợi nhất và kịp thời nhất, vì quận công này chỉ bận tâm đến vị trí cá nhân của mình, chưa bao giờ làm bất cứ điều gì có thể khiến ông ta bị mất sự ủng hộ của các quan, quân đội và dân chúng. Nếu, sau đó, các tàu Pháp có mặt tại cảng Cửa Thuận (sông ở Huế) và nếu họ giương cờ mang tên Cẩm Hóa, dân chúng sẽ đưa ra những suy nghĩ như sau: Cẩm Hóa chưa bao giờ từ bỏ chúng ta; ông ta chưa bao giờ làm bất cứ điều gì phật ý chúng ta, cũng không xúc phạm các quan, các quan sẽ tiếp tục ngồi đúng chức vụ của họ như trước đây. Điều tương tự với họ Nguyễn, chỉ có một người cảm thấy thất vọng, vua Tự Đức mà thôi. Nhưng nếu các hạm đội tiến lên tấn công Huế, phải biết rằng vua Tự Đức ngay

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 214-219

2. Cẩm Hóa Quận công: Lê (Duệ) Chung, con của Mỹ Đường (xem vụ án Mỹ Đường), cháu nội Anh Duệ thái tử (Đồng cung Cảnh) được phong làm Cẩm Hóa hầu năm 1839; năm 1949, thủ nhân Mỹ Đường qua đời, hưởng dương 52 tuổi. Gặp khi đó trong kinh kỳ có thiên tai, bọn đại thần Tạ Quang Cự và 30 người có lời tâu xin, vì thế nhà vua lấy Lê Chung tấn phong lên tước Quận công. Đến năm Tự Đức thứ 18 (1865) vì can tội hút thuốc phiện mà bị giáng xuống tước Đình hầu. (ND)

*lập tức tự tử: Pháp chắc chắn sẽ không phải nhúng tay vào máu, vì số phận Tự Đức không thể tránh khỏi.*¹

NGHỊ HÒA CỦA ĐÔ ĐỐC BONARD, THÁNG 5 NĂM 1862

Nhưng chính tại thời điểm Tạ Văn Phụng nổi dậy trên một vùng rộng lớn ở Bắc Kỳ và đẩy lui quân đội của Tự Đức, tháng 5 năm 1862, thông qua Tư lệnh Simon chỉ huy tàu *Forbin*, Đô đốc Bonard² đã yêu cầu Triều đình Huế “gửi đến một khâm sai đại thần, với toàn quyền ký kết hòa ước, bồi thường chiến phí, thanh toán một trăm ngàn quan tiền (khoảng một trăm ngàn franc) bảo lãnh cho các cuộc đàm phán hòa bình”³.

Nguyễn Xuân Thọ thuật lại chuyện Tự Đức lấy ý kiến của các quan chức trong triều:

Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành là những người chủ hòa, Trương Đăng Quế thấy gửi đi một sứ giả Việt Nam là việc rất khả thi. Lâm Duy Hiệp ủng hộ việc gửi sứ giả này đến Pháp càng sớm càng tốt và thanh toán đầy đủ số tiền như yêu cầu. Trương Đăng Quế, chính thức đồng ý với Lâm Duy Hiệp, đánh giá rằng hòa bình nên được ưu tiên hơn nhiều so với tiếp tục chiến tranh. Nếu người Việt Nam không tận dụng các quy định tương đối thuận lợi của Pháp để phê chuẩn các điều khoản này, có thể sẽ có rắc rối đáng tiếc không ai có thể lường hết hậu quả.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 216.

2. Đường như Nguyễn Xuân Thọ đã có sự nhầm lẫn khi viết Đô đốc Charner vì ông này đã rời khỏi Việt Nam từ ngày 28 tháng 11 năm 1861. Tuy nhiên, cũng có thể Triều đình Huế không được thông báo vào tháng 5 về sự thay đổi thống đốc Pháp này và do đó tiếp tục gửi thư chính thức tới Đô đốc Charner, bằng chứng là hai phụ lục mà Đô đốc Bonard nhận được nhân danh Đô đốc Charner lần lượt là: “Tự Đức, năm thứ 14, tháng thứ hai, ngày 26 (nhằm ngày 6 tháng 6 năm 1862)” (M.D. Asie, Micr. số 28, tr. 52); và “Tự Đức, năm thứ 14” (M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 61-64).

3. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 85.

Tất cả các quan chức đều hoàn toàn theo ý kiến của Lâm Duy Hiệp. Vì vậy Tự Đức cuối cùng thuận theo những lý lẽ này.¹

Sử gia nhận định rằng có khả năng nhà vua không xem chữ ký trên hiệp ước là lâu bền và ông nghĩ cuộc chiến sẽ tiếp tục ngay khi hoàn cảnh cho phép. Về vấn đề khâm sai đại thần như trong yêu cầu, sự lựa chọn rơi vào các quan lại có uy tín nhất, Phan Thanh Giản, con người dũng cảm, can đảm và yêu nước đã buộc chính kẻ thù phải tôn trọng. Ông, với toàn quyền, đi cùng Lâm Duy Hiệp. Tại yến tiệc ban tặng trước khởi hành, Tự Đức chỉ dụ những lời sau:

“Đất nước nay lâm vào đường cùng thế bí; để thoát khỏi chỉ nhờ vào bàn tay của quần thần dũng cảm và tận tụy. Hai điểm cốt yếu cần đặc biệt ghi nhớ: nhượng lại lãnh thổ, thực thi tôn giáo công giáo.

Về hai điểm có tầm quan trọng chính yếu này, không được nhẹ dạ; không yếu đuối, vội vàng thỏa hiệp; số phận và danh dự của cả quốc gia bây giờ giao phó trong tay khanh. Hãy tin chắc; không vì bất kỳ duyên cớ nào, bất kỳ giá nào mà để bị lung lạc khỏi kế hoạch đã được vạch ra.

Thôi nào! đó là tất cả mong muốn của Trẫm dành cho khanh. Khanh có thể quay lại sớm, phủ đầy vinh quang để bảo vệ danh dự đất nước và bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ: đây là mong muốn duy nhất mà Trẫm bày tỏ trước khi khanh khởi hành.”²

1. Nguyễn Xuân Thọ, sđd, tr. 85-86.

2. Lê Thanh Cảnh, tldđ, B.A.V.H., 1937. tr. 381.

ĐÀM PHÁN TIẾP TỤC

Vào cuối tháng 5, *Yuan*¹, sứ giả An Nam đã viết thư phản hồi cho Đô đốc² trong cuộc trao đổi về việc ký kết hòa ước. Trả lời³ các yêu cầu của Đô đốc, ông chỉ ra sự bất khả thi cho người An Nam để đáp ứng các yêu cầu của họ:

[...]

Sài Gòn nằm ở trung tâm phía nam Nam Kỳ. [...]: con đường duy nhất giao thông được đi qua tỉnh này mà Hoàng đế của ngài muốn chiếm cứ hoàn toàn; do đó chúng tôi bị cắt đứt khỏi tỉnh Mỹ Tho và các tỉnh xung quanh. [...]. Xem như ngài sở hữu cả xứ: Đây là trở ngại thứ hai.

[...]

Tướng công yêu cầu lấy toàn bộ Gia Định. Đòi các vùng xung quanh Mỹ Tho và bờ sông Biên Hòa, đó cũng xem như đòi hỏi toàn bộ hai tỉnh này, nói tóm lại là lấy hết sáu tỉnh phía nam. Đây là trở ngại thứ ba.

[...]

Các tàu chiến của Quý quốc đã phá hủy tất cả [pháo đài và tài sản] của chúng tôi với số lượng lớn, thiêu hủy vô số. Thế mà, Tướng công yêu cầu bồi thường thêm 4 triệu đô la [...] tôi cho rằng điều đó là hoàn toàn không thể.

1. *Yuan*, có lẽ là biến âm của “Nguyễn” (theo cách phát âm tiếng Hoa), chỉ Nguyễn Bá Nghi hoặc Nguyễn Tư Giản.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 61-64. Phụ lục thứ 9 về việc gửi Đô đốc Bonard ngày 6 tháng 6 năm 1862

3. Trả lời công văn ngày 6 tháng 6 năm 1862, nhận được ngày 19 tháng 6.

NHỮNG ẢO TƯỢNG CỦA TỰ ĐỨC

Sự thiếu sáng suốt của nhà vua nhanh chóng gây kinh ngạc. Khi quyết định đồng ý đàm phán với người Pháp vào tháng 5 năm 1862, không phải trong bức thư trao toàn quyền cho Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đi sứ, Tự Đức viết như sau:

Đầu óc các khanh phải cân nhắc luôn tập trung và sáng suốt về mỗi mục và từng khoản hiệp ước, khi đó mới ra quyết định. [...] Cuối cùng, nên cố gắng chấm dứt tình trạng thù địch càng sớm càng tốt¹ ...

Tự Đức không nhận ra rằng các sứ giả của mình sẽ không thể áp đặt điều kiện của mình mà phải chấp nhận những điều kiện của đối phương.

Thật vậy, vào năm 1862, khi Tự Đức và Triều đình Huế tự giải quyết tham gia đàm phán với Đô đốc Bonard và gửi khâm sai đến Sài Gòn, tình hình đã thay đổi rất nhiều. Tự Đức tin rằng cuộc thương thảo chỉ xoay quanh sự bất bình của người phương Tây liên quan đến việc đối xử với các nhà truyền giáo², về khả năng chính phủ của ông mở quan hệ ngoại giao và thương mại với các quốc gia phương Tây và có lẽ về việc mở cửa một số cảng để buôn bán.

Ông chỉ định Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp làm khâm sai đại thần đến hòa đàm với người Pháp và Tây Ban Nha vì lợi ích tốt nhất của Việt Nam và tưởng rằng các sứ giả của mình sẽ có đủ quyền để *cân*

1. Trần Quốc Giám, “Cuộc đời Phan Thanh Giản (1796-1867)”, Tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Phan Thanh Giản (số 7-8), Sài Gòn, 1967, tr. 130.

2. Đại tá Henri de Ponchalon, *Indochine, souvenirs de voyage et de campagne* (Đông Dương, kỷ niệm hành trình và chiến dịch), Nxb. Marne, Tours, 1896, tr. 7. “Trong chiến dịch Đông Dương này, chúng tôi đã chiến đấu cho lẽ phải và công lý. Các Kitô hữu bị đàn áp dữ dội, trường nữ của Giáo hội*, khi đến giải cứu họ, vẫn trung thành với sứ mệnh của mình” (nguyên văn tiếng Pháp: *Dans cette campagne d’Indochine nous combattons pour le droit et pour la justice. Les chrétiens étaient violemment persécutés, la fille aînée de l’Eglise, en venant à leur secours, est restée fidèle à sa mission*).

* *La fille aînée de l’Eglise* (trường nữ của Giáo hội): chỉ nước Pháp – ND).

nhắc và quyết định. Tốt hơn nữa, trước khi các khâm sứ khởi hành vào Sài Gòn, Tự Đức đã hội ý với họ để chuẩn bị cho các cuộc đàm phán và căn dặn:

Khi thương thuyết xin hãy dò lường tình lý, tùy nghi biện bác, sao cho họ bình tâm nghĩ lại, giảm được phần nào thì tốt phần ấy, nếu không được thì mới từ ít đến nhiều. [...] Nếu họ không nghe thì thôi, bằng không nên kiếm cớ đình cuộc thương thuyết để báo về trù biện cho hợp sự thế.¹

Nhà vua thậm chí đã thêm một vài lời để chỉ với họ thấy vị thế của mình là gì:

... khoản đạo Gia tô công hành (2), quyết không cho được, nếu tình bất đắc dĩ thì bắt giáo sĩ đó phải trình ở các chỗ, như ở Nam Kỳ thì cho ở Gia Định. Bắc Kỳ thì cho ở Nam Định hoặc Hải Dương. Hai khoản (3 & 5) nói “người Tây được qua lại trong toàn quốc”, “đặt quan ở Kinh” cũng quyết không cho được.²

Do đó, điều hiển nhiên là nhà vua vẫn còn che giấu những ảo tưởng mà có lẽ đã không được Phan Thanh Giản chia sẻ, về những yêu sách của Pháp và khả năng của hai Toàn quyền đại thần để khuất phục đối phương và kéo dài cuộc đàm phán.

Thực tế của cuộc gặp gỡ Pháp-Việt này khá khác biệt [với ý muốn của nhà vua] và chỉ hai sứ giả trong vai diễn mới có thể nhận thức toàn bộ.

1. Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, tr. 145-146, Nxb. Khai Trí, Sài Gòn, 1961.

2. Trần Quốc Giám, “Cuộc đời Phan Thanh Giản (1796-1867)”, tldđ, tr. 130.

HÒA ƯỚC SÀI GÒN

NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1862

Paulin Vial¹, trong *Những năm đầu Nam Kỳ thuộc Pháp* và Charles Lemire, trong những lá thư gửi cho gia đình², mô tả kỹ lưỡng về lễ ký kết hiệp ước. Trước hết, sự xuất hiện của các sứ giả An Nam trên một chiếc tàu giương cờ mà cả hai tác giả đều mô tả là cũ kỹ và được các thủy thủ An Nam *rách rưới* bảo trì kém.

Con tàu này được tàu *Forbin* kéo từ Tourane đến Sài Gòn. Ký kết diễn ra ở Trường thi [Camp des Lettrés].

Chuẩn đô đốc mặc đồng phục và cùng toàn bộ nhân viên, Đại tá Palanca và trợ lý, cưỡi ngựa đến Trường thi. Chẳng mấy chốc đoàn rước sứ giả đã đến. Phía trước, hai kỵ binh với súng trường trong tay. Sau những kỵ binh là người Tagal³. Sứ giả và Đại tướng vào trong ba chiếc xe, mỗi chiếc được kéo bởi bốn con ngựa pháo.⁴

Họ chờ đợi đoàn sứ thần An Nam được kiệu đến với đội cận vệ. Buổi lễ tiếp theo bằng cuộc diễu hành của quân đội viễn chinh. Rõ ràng trong bầu khí đầy tính quân sự này, các nhà ngoại giao An Nam không có cơ may sử dụng đối sách ngoại giao để tự quyết như nhà vua khuyến nghị. Tuy nhiên, họ để lại ấn tượng tuyệt vời cho tất cả người châu Âu có thể tiếp cận họ. Paulin Vial viết về họ:

Những người này có dung mạo thông minh và thiện cảm; họ đã làm rạng rỡ cho lễ nghi khiêm tốn với một phẩm giá trang nhã [...] (Họ) biểu lộ nét mặt điềm tĩnh và tươi cười; lời nói dễ mến;

1. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine colonie française*, sđd, tr. 151-155.

2. Charles Lemire, *Ingénieur civil des Télégraphes (1839-1912)*; xem thêm “Charles Lemire ou la foi coloniale”, *B.S.E.I.*, 1936, tr. 28-30.

3. Người Tagal: nhóm dân tộc thiểu số lớn thứ hai ở Philippines, ngôn ngữ sử dụng là tiếng Tagal. (BT)

4. Charles Lemire ou la foi coloniale, sđd, tr. 28.

nhều lần nhân cơ hội bày tỏ những lời lịch sự, hòa hoãn mong muốn sâu sắc, chân thành ký kết hòa ước.¹

Charles Lemire dùng những lời sau nói về Phan Thanh Giản:

Vị Thượng thư Hình bộ và Lễ bộ có diện mạo toát lên vẻ tinh tế, thông minh và khôn khéo. Dù đã 67 tuổi nhưng ông vẫn tràn đầy sức sống và chính ông là người thương thảo, xử lý mọi sự vụ.²

Chúng tôi nghĩ quan trọng là phải nhấn mạnh vào ấn tượng có lẽ được Phan Thanh Giản và tùy tùng cảm nhận về sự phô trương, tính kỷ luật³ của đội binh và về sự hiện đại của châu Âu đã bắt đầu thay đổi Sài Gòn và vùng phụ cận. Các sứ giả được chụp ảnh⁴. Sau đó, Đô đốc Bonard mời họ đến thăm một xưởng in và các phòng điện báo! Nhân dịp này, Lemire nhắc lại việc đô đốc đề nghị với Phan Thanh Giản, nếu quốc vương của ông muốn:

... việc thành lập một phương tiện liên lạc tương tự giữa Huế, Sài Gòn và Vĩnh Long.

Sứ giả trả lời tóm tắt rằng việc thành lập một đường dây (điện báo) đến Huế đem đến những khó khăn to lớn về lộ trình, dân chúng đầu tiên chỉ thấy những con quỷ trong phát minh này, tuy nhiên họ sẽ nói với nhà vua những gì đã thấy và khai sáng về sự tân tiến này...⁵

Tuy nhiên, Paulin Vial kể lại một sự việc tình cờ giúp thêm vào lập luận khẳng định tinh thần yêu nước của Phan Thanh Giản. Một số tham biện quân sự Pháp đi cùng với các quan chức An Nam:

... rất tận tụy và được hai học giả bản địa yêu cầu chào các vị đại thần mà trước họ những người này phải phủ phục bốn lần.

1. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine française*, sđd, tr. 152-153.

2. Charles Lemire, tldd, *Lettre du 13 juin 1862* (Thư gửi ngày 13-6-1862), tr. 27.

3. Charles Lemire, tr. 24-25.

4. Trích dẫn “Le Marchant de Trigon”, B.A.V.H., 1918, tr. 225-226.

5. Charles Lemire, sđd, tr. 30.

Phan Thanh Giản và đồng sự đã không nhìn vào những người chào họ, dường như họ phải dùng hết sức để kiềm chế sự tức giận. Nhưng ngọn lửa đã bùng lên trên khuôn mặt [...] nhanh chóng biến mất khi họ được thông báo rằng những người An Nam đang phụng sự nước Pháp này là người Công giáo. Họ thấy thù địch với những người này là việc khá tự nhiên và coi họ là kẻ thù chứ không phải kẻ đào ngũ. Nhưng họ dường như không thừa nhận rằng đồng bào của họ có thể cuối cùng lại đi phục vụ trong hàng ngũ của chúng tôi.¹

Tuy nhiên, hai thương thơ – được Đô đốc Bonard tiếp đón ở Sài Gòn, nơi đã thành một thị trấn nhỏ của Pháp, theo cách hòa lẫn giữa lễ nghi ngoại giao và một hình thức quân sự hoành tráng ẩn tượng – không được thoải mái thảo luận về một hiệp ước thảm hại mà họ cảm thấy áp lực bị buộc phải ký. Do đó, họ ký nhượng cho Pháp ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, cũng như thanh toán khoản bồi thường chiến tranh 4 triệu đồng bạc, trải dài trong mười năm.

Vì vậy, việc ký kết, hầu như do ép buộc đối với hiệp ước ở Sài Gòn, đã tận hiến sự mất mát của những ảo vọng An Nam và thất bại trong nhiệm vụ quốc gia của những khâm sai đại thần mà sau phải chịu nhận tội một phần thay cho nhà vua².

Có thể nói, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp, với trách nhiệm ký kết, tự thấy bản thân đáng chịu phạt vì tất cả đã thất bại. Phan Thanh Giản hoàn toàn nhận ra rằng người An Nam không ở thế mạnh, trong khi Tự Đức vẫn ảo tưởng về điều đó. Hãy tưởng tượng rằng nếu Phan Thanh Giản từ chối ký vào hiệp ước áp đặt này vào ngày 5 tháng 6, một cuộc chiến tang thương và hủy diệt sẽ xảy đến cho An Nam, gây tổn thất nhiều hơn là mất ba tỉnh An Nam. Phan Thanh Giản nhận thức rõ điều này.

1. Xem ghi chú 29 trong tác phẩm của Paulin Vial, tr. 153-154.

2. Trên thực tế, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp đã ký hiệp ước chỉ vì họ cảm thấy Đô đốc Bonard ở vị thế (quân sự) mạnh so với họ, cả hai hoàn toàn nhận thức được rằng nếu họ từ chối ký, thì sẽ là sáu tỉnh chứ không phải ba tỉnh bị Pháp đã chiếm giữ.

BONARD GIẢI THÍCH TẠI SAO ÔNG KÝ HIỆP ƯỚC THÁNG 5 NĂM 1862

Vào ngày 28 tháng 7 năm 1862, Bonard, khi gửi đến Paris văn bản hiệp ước được ký ngày 5 tháng 6, đã kèm theo lời biện hộ¹ nhằm giải thích tất cả các nguyên do thúc đẩy ông. Một ý nghĩ vụt lóe ra nơi Đô đốc Bonard trong một bức thư khác gửi cho Bộ, ngày 28 tháng 7 năm 1862, đáng được kể ra:

[...] Đó là không thể, với sức mạnh hiện tại của lực lượng viễn chinh tại Nam Kỳ, chúng tôi không chỉ chiếm sáu tỉnh, lại còn phiên chế những nơi có cờ của chúng ta tung bay, yêu cầu chính quyền Huế đến thỉnh cầu hòa bình ở Sài Gòn; và, ngay trước mắt Kinh đô, công khai trả trước một phần tiền bồi thường... chúng tôi đã xác lập một tiền lệ, hoàn toàn ngược với thói quen tự hào của những người châu Á này. [...]

[...] Khi ký kết hòa ước, tôi tin đã đem lại cho tổ quốc mình một sự phục vụ quan trọng bằng cách vĩnh dự loại bỏ đi một sự không-biết-trước-được [...], thứ gây ra nỗi sợ rằng sẽ lại phải mất nhiều năm chinh phục một Algérie ở cách nước Pháp hai nghìn dặm.

Ở đây, một lần nữa, chúng ta có bằng chứng cho thấy người Pháp ngay từ đầu đã nuôi dưỡng kế hoạch thôn tính sáu tỉnh Nam Kỳ! Đó cũng chính là ngày 5 tháng 6 năm 1862, Đô đốc Bonard tuyên bố tại Paris² hiệp ước đã ký. Một đoạn bức thư này rất thú vị:

Tôi sẽ không đề cập quá nhiều đến Quý ngài Đại diện toàn quyền của Tây Ban Nha, người đã hỗ trợ tôi³ trong cuộc đàm phán khó khăn này, khi còn chưa đặc biệt nhắc đến Đại úy hải quân

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 91-94.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 95.

3. Soutenu, appuyé (en français actuel).

[Chú thích của người dịch: Bản tiếng Pháp Bonard dùng *accordé*.]

Aubaret, với hiểu biết về ngôn ngữ Trung Hoa và An Nam cũng như thế giới châu Á đã giúp đỡ tôi rất nhiều.

Tôi phải khiêm tốn tuyên bố với Quý ngài rằng nếu không có sự giúp đỡ của viên sĩ quan thông minh này, tôi sẽ không thể thực hiện được sự vụ tế nhị như vậy.

Sẽ rất thú vị khi so sánh lời khen này của Đô đốc Bonard với các quan điểm, nếu không chỉ trích thì chí ít cũng là dè dặt, sẽ được Bộ trưởng Chasseloup-Laubat và Đô đốc de La Grandière đưa ra vài năm sau đó, liên quan đến cùng một nhân vật.

Ngoài ra, một đoạn khác trong bức thư giải thích lý do tại sao đô đốc chỉ yêu cầu nhượng lại ba thay vì sáu tỉnh, điều này cho thấy rõ ý định ban đầu của chính phủ Pháp.

Tôi rõ ràng nhận ra rằng không thể nào, với sức mạnh hiện tại của lực lượng viễn chinh Nam Kỳ, không chỉ chiếm giữ sáu tỉnh...¹

NHIỆM VỤ BẤT KHẢ THI MỚI CHO NHỮNG SỨ GIẢ KHÔNG MAY

Trở về đối diện trước Tự Đức vài ngày sau đó, họ phải gánh chịu hậu quả từ sự thất vọng của nhà vua. Thật vậy, Phan Thanh Giản bị Hoàng đế và các quan lại đổ trách nhiệm cho thất bại khi thương thuyết. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là Tự Đức không hoàn toàn mất niềm tin vào những khâm sai đại thần của mình, ông thậm chí còn bổ nhiệm Phan Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, Lâm Duy Hiệp làm Tuần phủ Thuận-Khánh, nghĩa là hai tỉnh từ phía tây, giáp với những vùng mà họ vừa ký nhượng cho người Pháp. Tất nhiên, sự bổ nhiệm này tương đương với một lệnh trừng phạt cho hai quan chức đã không thực hiện được mong muốn của nhà vua, nhưng nó cũng ghi nhận niềm tin vị Hoàng đế dành cho kỹ năng ngoại giao của các đại thần này.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 91.

Họ có nhiệm vụ duy trì mối quan hệ láng giềng tốt đẹp với người Pháp trong ba tỉnh bị thôn tính, trong đó ngụ ý bình định và giải giáp những dân binh ly khai ẩn náu trong các lãnh thổ mà họ đang cai trị.

Nhiệm vụ này được chứng minh là không thể bởi vì, một mặt khác, Triều đình Huế tiếp tục hỗ trợ các dân binh ly khai, như Quân Định, bằng tiền bạc, nhân sự và vũ khí.

Tuy nhiên, sự trung thực đối với các điều khoản của hiệp ước, được chứng thực bởi Phan Thanh Giản, dần dần chinh phục được sự quý trọng của Đô đốc Bonard và đưa hai vị tổng đốc Việt Nam vào một vị thế xấu trước các quan lại Huế chủ chiến chống Pháp.

Về phần mình, Đô đốc Bonard bận tâm lo ngại về những biến loạn xảy ra ở các tỉnh mới giành được, nhưng trong báo cáo hằng tháng gửi về Bộ, ông dường như vẫn tin vào những cam kết tôn trọng mọi điều khoản hiệp ước của Tự Đức.

Ít lâu sau, trong cùng một báo cáo, đô đốc đã tiết lộ thanh kiếm Damoclès¹ nào đang đe dọa Triều đình Huế, thanh kiếm Damoclès này, năm năm sau, sẽ rơi xuống đầu Phan Thanh Giản:

Bằng cách trì hoãn, với một số quân dự bị nhất định ở thành Vĩnh Long, chính phủ Huế can dự quá mức đến việc hoàn toàn giao nộp các tỉnh đã bị nhượng (điều kiện tiên quyết) để không phải nhượng bộ chúng ta trong việc hoàn tất cuộc bình định này, điều sẽ khiến chúng ta phải trả giá bằng rất nhiều thời gian, con người và tiền bạc.²

Cuộc bình định này sẽ không bao giờ hoàn tất được, vì Tự Đức không bao giờ ngừng khích lệ các cuộc nổi dậy chống Pháp, do đó tạo cho Pháp rất nhiều cơ để thu phục Vĩnh Long và thôn tính các tỉnh, những ổ gây loạn. Ảnh hưởng từ những giáo huấn khắt khe của Nho

1. Triều thần của bạo chúa Hy Lạp Denys l'Ancien (Thế kỷ thứ 4 TCN). Xem tr. 246, chú thích ... trong sách này.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 93.

giáo đã khiến Phan Thanh Giản thành một bề tôi vâng phục tuyệt đối nhà vua.

TỰ ĐỨC TỎ VỀ HỢP TÁC

Về mặt chính thức, Tự Đức tố cáo những kẻ gây rối mà ông bí mật hỗ trợ, theo đó đặt Phan Thanh Giản trung thực vào thế bị giằng xé giữa việc nghiêm túc chấp hành một hiệp ước do chính ông ký và việc tuân mệnh nhà vua, trong một hoàn cảnh bất khả thi mà ông phải chấp nhận căng đáng.

Ch. Gosselin nhấn mạnh thực tế là Tự Đức vốn coi trọng sự hiểu thảo, *danh dự của bản thân đã thúc giục ông giữ gìn những vùng đất nơi tro cốt tổ tiên nằm ở cửa ngõ Sài Gòn.*

Tuy nhiên, để tôn trọng các điều khoản của hiệp ước 1862¹, và đặc biệt là vì ông sợ người Pháp nghi ngờ, Tự Đức:

ra lệnh sao chép 12 mục của hiệp ước và những mục này phải được yết thị sao cho thần dân của ông biết rõ và ông khuyên họ nên bình tĩnh tiếp tục làm việc.

Tiếp theo, nhà vua ra lệnh cho tổng đốc các tỉnh thông báo cho dân chúng trong tất cả các địa phương biết rõ và ra lệnh cho các quan lại phủ huyện: “nếu thấy họ [những người kháng chiến], hãy bắt và giao ngay [cho Pháp]”; “nếu ai nào chứa chấp, người đó cũng bị xem là tội phạm”.²

1. Trong cuộc hội thảo năm 1994 chuyên đề Phan Thanh Giản, Phan Huy Lê, trích *Đại Nam thực lục chính biên* (tập 31, Hà Nội, tr. 65-66). Tạp chí *Xưa và Nay*, Hà Nội, 1997, tr. 14, 15, 16, 39, 40.

2. *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 30, Hà Nội, 1974, tr. 162-163; Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867)...”, tldd.

CHỈ DỤ CỦA VUA AN NAM (NGÀY 15 THÁNG 7 NĂM 1862)

Trước đình thần, nhà vua An Nam đã ra những chỉ dụ sau:¹

1. Toàn quyền Vĩnh Long, Trương Văn Huyền (sic – Trương Văn Uyển) và một số quan lại của tỉnh đã phạm tội, Trẫm đã tước đi phẩm hàm, dù họ vẫn còn chức phận; nhưng những quan lại này đã chứng tỏ rằng Trẫm không thể dựa vào họ để giải quyết bất kỳ công việc nào.

2. Tỉnh Bình-Tuan (sic – Bình Thuận) là trung tâm của một cánh quân, tầm quan trọng của vị trí này khiến Trẫm thấy cần phải xếp đặt một đại thần mà chúng ta có thể trông cậy.

Vì những lý do này, Trẫm phong chức và bổ nhiệm Phó Đô Ngự sử của Vương quốc, Lễ bộ Thượng thư, Phan Thanh Giản, Toàn quyền tỉnh Vĩnh Long, và Binh bộ Thượng thư, Lâm Duy Hiệp (sic – Lâm Duy Hiệp), Tổng đốc tỉnh Bình Thuận². Hai vị đại thần này có toàn quyền xử lý và giải quyết mọi vấn đề có thể phát sinh trong quyền hạn của họ.

Sau đây là một danh sách dài các thay đổi, sa thải hoặc bổ nhiệm

Đối với việc thành lập biên giới Bình Thuận và Biên Hòa, khi Tổng đốc nhậm nhiệm sở, ông sẽ đánh giá số lượng binh sĩ và nhân viên cần thiết và phù hợp để bố trí và số còn lại sẽ được giao trả lại như thế nào.³

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, Phụ lục thứ ba trong điện văn của Đô đốc Bonard ngày 7 tháng 11 năm 1862, tr. 161.

2. Dịch theo nguyên văn tiếng Pháp: *Gouverneur de la province Binh-thuan*. Trong văn bản tiếng Pháp, phía Pháp dùng “gouverneur” có lẽ chỉ nhằm ghi nhận vai trò đứng đầu một đơn vị hành chính của Lâm Duy Hiệp (*gouverneur*). Theo *Đại Nam thực lục*, lúc này Lâm Duy Hiệp được cử làm Tuần phủ Thuận-Khánh, không phải Tổng đốc Bình Thuận. (BT)

3. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 162.

PHAN THANH GIẢN – TỔNG ĐỐC VĨNH LONG

Phan Thanh Giản được gọi khẩn cấp đi nhậm chức Tổng đốc Vĩnh Long với lệnh tiếp tục bàn bạc các điều khoản hòa ước với Đô đốc Bonard, người kể lại tình hình trong một báo cáo gửi về Bộ:

Hiệp ước mà Triều đình Huế dường như muốn chân thành trù liệu, còn lâu mới tạo ra những thực tế như chúng ta mong đợi. Không có gì ngạc nhiên khi tình cảnh xảy ra sau bốn tháng chiến tranh đã phá vỡ mọi thứ, đã tập cho dân chúng quen không còn cảm thấy bị kìm hãm bởi nhà cầm quyền cùng thói quen rời bỏ đồng áng để tập hợp vũ trang nhập vào tất cả các băng cướp biển và tội phạm Nam Kỳ nghe theo sự xúi giục của các mật sứ Tự Đức, viện cớ chính trị, ăn bám vào cư dân lao động vốn đã quá mệt mỏi với tình trạng hiện thời nhưng cũng quá nhút nhát không dám trút bỏ áp lực của các kẻ cầm đầu vĩ đại, những kẻ mà họ để cho dẫn dắt họ vì sợ hãi nhiều hơn là vì yêu nước.

Sự hiện diện của những kẻ gây rối này ở đất nước, trong đó một số người chiếm giữ các vị trí cao trong chính quyền cũ, vẫn tiếp tục để duy trì kích động, bất chấp Hiệp ước; nhưng tất cả những người này sẽ được triệu hồi hoặc thay thế. Vua An Nam đã thông báo với tôi rằng để đưa ra một bằng chứng không thể chối cãi về thiện chí của ông ta đối với việc thực thi hiệp ước, ông đã gửi với tư cách Kinh lược đại thần của các tỉnh miền Nam là chánh sứ và Tổng đốc của tỉnh phía bắc kiêm Ben Thuận (sic – Bình Thuận) là phó sứ bởi lẽ chính họ đã ký hòa ước nên sẽ có thể chấp hành mọi điều khoản với nhận thức đầy đủ.

Hai nhân vật này đến nhiệm sở ngay, không chậm trễ và tôi không nghi ngờ gì nữa – với mệnh lệnh chính thức của Hoàng đế, họ chấp thuận, và nhờ vào mối quan hệ tốt đẹp mà tôi đã duy trì với họ trong các hội nghị trước khi ký kết hòa ước – tình trạng

đáng tiếc này sẽ thay đổi đáng kể mà không buộc tôi phô trương lực lượng.¹

Vì vậy, trong tháng 7, Bonard nhận được bức thư sau của Phan Thanh Giản:

[...] Hôm nay, tôi đã nhận được lệnh mới từ Quốc vương, bổ nhiệm tôi làm Toàn quyền Vĩnh Long trong khi đồng sự của tôi được gọi đến trấn Bình Thuận. Do đó, chúng ta sẽ dễ dàng giao tiếp, tìm hiểu để nhanh chóng đi đến giải pháp cho các vấn đề khác nhau mà hiệp ước đưa ra. [...]

*Đối với những Quan lại ở khắp tỉnh Gia Định đã dấy binh, tôi nhận được một sắc lệnh từ nhà vua, chỉ thị họ triệt thoái. Tôi sẽ sớm dùng sắc lệnh này khi tôi đến, và những Quan lại này sẽ không thể làm gì ngoài việc tuân lệnh Hoàng đế. [...]*²

Một lá thư khác của Đô đốc Bonard, đề ngày 1 tháng 8 năm 1862³, cho chúng tôi hiểu rằng những liên hệ đầu tiên giữa Phan Thanh Giản và đô đốc trên thực tế diễn ra tương đối tốt:

[...] Các sứ thần Phan-Thanh-Gianh (sic) và Lâm-Duy-Hiệp được bổ nhiệm, người thứ nhất là Kinh lược đại thần của các tỉnh phía nam, và người thứ hai là Tổng đốc của Ben-Thuận (sic) [...] đến Sài Gòn vào... tháng 7.

Những vị đại quan này là người mang các Chỉ dụ của Hoàng đế Tự Đức, triệu hồi các thủ lãnh những cuộc nổi dậy và bổ nhiệm các Quan lại mới độc lập với Chỉ dụ này, các Sứ thần đã có trong tay tuyên cáo của Hội đồng Phụ chính, thông báo về việc ký kết

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 81.

2. Bản dịch lá thư do Thượng thư Triều đình An Nam viết theo lệnh Hoàng đế Tự Đức gửi Phó thống đốc và Tổng tư lệnh Nam Kỳ, ngày 2 tháng 7 năm 1862 (M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 82).

3. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 159-160.

hòa ước và khuyến nghị dân chúng các tỉnh từ bỏ vũ khí, giải trừ dân binh và trở lại công việc.

[...] Tôi đã phải nhấn mạnh rằng các Khâm sai Triều đình Huế thêm vào tuyên cáo ban bố của nhà vua, một đoạn rõ ràng hơn [...] và không nghi ngờ gì về việc chúng ta sở hữu ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho¹. [...]. Các chỉ thị được gửi...

[...] để tránh mọi cuộc xung đột có thể có, trong việc rút khỏi lãnh thổ của chúng ta bởi các thủ lĩnh trong cuộc chiến khởi nghĩa ở các tỉnh hiện thuộc Pháp. [...]

Đây là những gì có trong tuyên bố của Hội đồng Phụ chính:

[...] Người dân Hạ Đàng Trong, chúng tôi biết lòng trung thành và sự kiên định của các người tuyệt vời như thế nào; [...]; vì trong nhiều sự việc diễn ra ở ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường, các người luôn biết cách đoàn kết như những chiến binh dũng cảm.

[...] Đức vua đã không quên sự dũng cảm của các người, ngài bày tỏ lời chúc mừng ở đây.

Tuy nhiên, một hiệp ước vừa được ký kết và, với tình trạng hiện tại của ba tỉnh, nhà vua chỉ định và bổ nhiệm tổng đốc Vĩnh Long là đại thần Phan Thanh Giản.

Một ghi chú giải thích đã được Tổng đốc Vĩnh Long bổ sung và kèm theo tuyên bố này:

Một hiệp ước đã được ký kết và mặc dù, theo hiệp ước này thì ba tỉnh trở thành thuộc Pháp, nhưng tình trạng hiện tại của các tỉnh vẫn chưa yên bình nên nhà vua đã quyết định bổ nhiệm làm Tổng đốc...

1. Nguyên văn tiếng Pháp: *Mytho*. Sau khi chiếm được Định Tường, người Pháp gọi vùng này là Mỹ Tho. Lưu ý với bạn đọc, nội dung và các chi tiết trong đoạn trích này là trong thư của Đô đốc Bonard gửi báo cáo về Paris. (BT)

... và Tuần phủ Bình-Thuận Lâm đại thần. Nhà vua đã phái hai vị đại thần đi chấm dứt mọi cuộc chiến, mang lại sự yên bình cho người dân và xử lý mọi vấn đề công vụ.

[...] Hãy suy ngẫm những điều được mất, và các người sẽ không dùng đến các biện pháp bạo lực, vì chúng vô dụng! Hãy trở về trong hòa bình và yên tĩnh!¹

Sự hài lòng của Bonard không kéo dài được lâu, và ông trình bày với Bộ trưởng trong các báo cáo gửi về Paris:

Tôi tiếp tục ca ngợi chỉ mình Phan Thanh Giản; tất cả Nam Kỳ đã thi hành Hiệp ước, trừ Gò Công và vùng phụ cận, những thủ lĩnh nổi dậy rời đi được phép của tôi theo yêu cầu của Phan Thanh Giản, nhưng Gò Công, nơi tất cả những kẻ mạnh động đã lánh nạn ở một xứ đầm lầy khiến không thể chiến đấu trong mùa này, đã không tuân theo mệnh lệnh của Huế, tôi e ngại, với đây hối tiếc, buộc phải chấm dứt sự rắc rối này bằng vũ lực ngay khi mùa khô đến, cho phép tôi huy động quân đội.²

Khi đến nơi, Phan Thanh Giản viết cho Bonard rằng *các quan lại không thể không tuân lệnh Hoàng đế (trang 25)*, rất có thể ông đề cập đến Trương Định danh tiếng, chiến binh kháng chiến chống Pháp chính yếu được Tự Đức ủng hộ.

Nhưng Trương Định, sau năm 1862, khước từ mệnh lệnh giải giáp của Tự Đức. Hơn nữa, Toàn quyền Bonard nghi ngờ nhà vua bí mật hỗ trợ nhân lực, vũ khí và tiền bạc cho phiến quân. Trên thực tế, Trương Định dù có thể nhưng không bao giờ mưu toan điều gì chống lại Phan Thanh Giản, đại diện của Tự Đức và là Kinh lược đại thần, vốn rất dễ bị tấn công vì thường đi lại mà không có cận vệ.

1. Tự Đức ký ngày 21 tháng 7 năm 1862, theo M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 163-165.

2. Thư mật của Bonard ngày 20 tháng 10 năm 1862, số hiệu 595; theo M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 181.

Trên thực tế, hoàn cảnh mà Tự Đức đặt Phan Thanh Giản vào là hoàn toàn không khả thi. Ở đây, theo lệnh nhà vua, việc ông cần làm là tố cáo với người Pháp Trương Định, người mà nhà vua vừa giao phó vai trò chỉ huy kháng chiến chống lại quân xâm lược. Tự Đức yêu cầu kinh lược sứ của mình duy trì quan hệ tốt với người Pháp!

Vừa thụ chức tại Vĩnh Long, Phan Thanh Giản liền tuân thủ nghiêm ngặt các mệnh lệnh của nhà vua được ban bố vào ngày 9 tháng 9 năm 1862, chỉ dụ¹ mà chúng tôi trích dẫn sau đây trong bản dịch Nam Kỳ:

Lệnh của Phan Thanh Giản gửi cho Quản Định và các thủ lãnh khác của phong trào Gò Công.

Hiệp biện Đại học sĩ (tòng nhất phẩm) hàm Lễ bộ Thượng thư trấn nhậm Vĩnh Long đưa ra lệnh triệu hồi này:

[...] Ta biết rằng kể từ sau cuộc chiến Gia Định, [...] các hương chức và những thủ lãnh dân chúng đã cùng nhau làm việc tập hợp các dân binh sở tại. [...] Triều đình đánh giá cao những biểu hiện trung thành này.

Vào tháng Năm của năm nay, hòa ước ban hành quân đội phải chấm dứt hoạt động và dân chúng định cư yên ổn. [...] Mọi người có chức phận đăng ký đều sẵn lòng trở lại lý sở, nhưng chỉ có Tân Hòa ta không thấy ai.

Ta đã gửi cựu quan của Tân Hòa, Lôi Tân Thiên, để ông ta sẽ đến gặp các người sớm nhất và ông ta sẽ nhắc nhở các vị thủ lãnh khác ở Vĩnh Long phục tùng chỉ dụ và mệnh lệnh của Triều đình.

Bây giờ những thủ lãnh này không muốn đầu hàng và các người ngăn cản những người muốn đến. Ai là cầm đầu mọi việc này? Ai không muốn vâng theo lý trí và nhìn nhận sự thật của mọi việc? Ta ngạc nhiên kỳ lạ. Hãy suy nghĩ cẩn thận, các người và thủ lãnh khác, một mình, người có muốn chiến tranh không? Có phải

1. Trong tình trạng nghiên cứu hiện nay, rất tiếc chúng tôi chưa tìm thấy bản gốc bức thư của Phan Thanh Giản gửi cho Trương Định, một lá thư chắc chắn được viết bằng chữ Hán.

Triều đình trao cho các người quyền lực này? Bây giờ Triều đình hạ lệnh bãi binh và dân chúng vẫn sống bình an? Chỉ dụ của nhà vua và mệnh lệnh của Triều đình là vậy, tại sao các người chống lại? Các người muốn là những người đơn độc và tạo danh tiếng, nhưng sự nghiệp và danh tiếng này là gì? Ai thực sự có thể đã đẩy các người đến hành động cực đoan như vậy? Ai có thể có những ý nghĩ chưa chín chắn? Vẫn biết hai chữ trung hiếu tốt đẹp vô cùng, nhưng cái đẹp ấy phải có giới hạn, đạo thần dân, không nên vượt quá cái giới hạn đó; nếu người ta vượt quá thì chỉ là khiếm khuyết, ví như con rắn không có chân và nếu vẽ thêm chân thì không còn là rắn nữa. [...]

Thực sự, nếu các người muốn tiếp tục làm như vậy, các người chối từ sự ca ngợi về lòng trung thành có được: các người trở thành phản nghịch; sao các người không hối tiếc? Các người không cảm thấy tuyệt vọng sao? Ta nghe nói các người đã thành lập một Hội đồng với nhau. Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là tạo ra một trật tự bất thường. Các người sẽ chiếm đất, giữ nó, tập hợp quân binh để sau đó đi theo cùng Quân Định... Và cuối cùng, các người sẽ minh oan mọi tội lỗi! tạo sức mạnh trong những lời này.

Nhưng ta đừng nhìn vào điều gì khác và nói về điều đang xảy. Bây giờ tất cả các quan xung quanh Toàn quyền Biên Hòa, được ủy nhiệm ở các lý sở khác nhau, hoàn toàn vắng phục, và chỉ có các người tiếp tục. Không phải sự cố chấp này thực bất thường sao? Than ôi! Bước vào đấu trường, các người chắc chắn nghĩ rằng mình sẽ chiến thắng: trong trường hợp các người thua, nương náu ở đâu?

Ta chưa thể hiểu khả năng hành động của các người; bây giờ Chính phủ đang thúc ép các viên chức của mình để đưa các người tái hồi và sửa đổi, để các người có thể khôi phục tất cả sức mạnh và phương cách hoạt động. Các người không muốn tên tuổi và nhân phẩm lưu danh thiên cổ?

Vậy, các người hãy tuân phục chỉ dụ Nhà vua và nghe theo sứ thần, nhận lệnh của chúng ta.

Về phía chúng ta, chúng ta phải thi hành lệnh của Nhà vua và Triều đình, để trao chức vụ cho tất cả những người có khả năng: không có gì phải lo lắng về mặt này.

[...] Do đó, các người phải nhanh chóng đến ngay lập tức và nếu đúng như vậy, chúng ta có nghĩa vụ tương tự là đón nhận các người với tất cả sự tôn trọng. Đừng lo lắng. Về vũ khí, đạn dược, ta hỏi Gia Định rằng chúng ta có thể giao chúng cho các phủ và huyện, cho đến khi chúng ta gửi một chiếc thuyền để thu lấy. Bây giờ một hoặc hai người chịu trách nhiệm giao đến huyện. Và đối với các người, các người phải đến lỵ sở mà không phải lo lắng về việc vận chuyển các khí giới này. [...]. Đừng làm cho mọi việc trở nên không thể khi sự ăn năn đã muộn màng. Suy ngẫm và nghĩ lại về lệnh thu hồi này.¹

Tự Đức năm thứ 15, tháng 8, ngày 6.

(Ngày 9 tháng 9 năm 1862)

Thái độ này có thể được gọi tên là sự hợp tác đầy tớ hay phải xem nó như sự trung thực trong báo cáo về hiệp ước và về sự tuân mệnh đối với nhà vua?

Về phần mình, chính phủ Pháp không chỉ nhận thức được những nỗ lực của Phan Thanh Giản.

Ngày 30 tháng 9 năm 1862, Đô đốc Bonard thông báo cho Bộ về chuyến công du² ông vừa thực hiện ở phía nam Nam Kỳ và chỉ ra rằng huyện Gò Công là nơi duy nhất còn tình trạng nổi dậy; nhưng ông nói thêm:

1. Chỉ dụ của Tự Đức, năm Tự Đức thứ 15, tháng thứ 8, ngày 6 (nhằm ngày 9 tháng 9 năm 1862), bản dịch của G. Aubaret, Bộ Ngoại giao, quan hệ chính trị; theo M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 124.

2. Thư của Đô đốc Bonard, số hiệu 555; theo M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 128-129.

Phan-Thanh-Gianh (sic), Kinh lược đại thần ở Vĩnh Long, nỗ lực tối đa để mang lại giải pháp hòa bình; ông ấy yêu cầu tôi trì hoãn mười lăm ngày hoặc tối đa một tháng để đi đến kết quả khá khó khăn này, vì ở đó, mọi người bất mãn với hòa ước và kẻ cướp bị săn lùng mọi nơi đều tập trung ở đó.

Tôi đã chấp nhận yêu cầu này, phân giới để khóa chặt trung tâm của cuộc nổi dậy, mà dân chúng (ít nhất là đại đa số) chỉ bị chi phối, cản trở bởi những kẻ nổi loạn: sự trì hoãn này sẽ cho phép tôi chờ đến mùa mà quân lính có thể hành quân.... Tôi phải nói với Hoàng đế rằng mọi nơi tôi đã được chào đón tuyệt vời bởi các nhà lãnh đạo và đặc biệt là Phan-Thanh-Gianh (sic), Thượng thư của vua Tự Đức, người thông minh và hòa giải trong tất cả các báo cáo của chúng tôi và hỗ trợ chúng tôi tích cực trong việc đàn áp kẻ cướp và công tác bình định chung.¹

Tiếp theo đó, giọng điệu vẫn còn lạc quan:

May mắn thay, mọi thứ bây giờ trông tốt hơn; mọi người trở lại với công việc đồng áng, và, nếu ý chí tốt đẹp của Triều đình Huế được duy trì, tôi không nghi ngờ gì về tương lai của các tỉnh mới thuộc Pháp của chúng ta; chỉ có điều, theo ý tôi thiện chí này rất cần thiết, bởi ảnh hưởng to lớn mà các sứ thần của Hoàng đế Tự Đức đã tác động lên tất cả dân chúng.²

Tuy nhiên, bất chấp sự bền bỉ và mọi khả năng ngoại giao của mình, Phan Thanh Giản không thu được kết quả như Triều đình Huế mong đợi. Sau đó, nhà vua giáng hết cấp hàm của ông và giữ ông tại nhiệm sở Vĩnh Long. Lâm Duy Hiệp cũng bị cách chức và giữ lại nhiệm sở Bình Thuận, ở đó ông chết vì dịch tả (tháng 5 hoặc tháng 6 năm 1863).

Vào ngày 20 tháng 10 năm 1862, đồ đốc một lần nữa thể hiện niềm tin của mình vào hoàn cảnh do hiệp ước tạo ra:

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 126-129.

2. Xem ở trên.

Hơn nữa, chính phủ An Nam hoàn toàn có lợi trong việc duy trì tốt sự hài hòa, bởi vì tôi nghĩ rằng họ tin chắc bằng sự giả lơ, họ sẽ làm chúng ta lúng túng, mặt khác trong việc hoàn toàn bất lực để làm bất cứ điều gì nghiêm túc chống lại sự chiếm đóng của chúng tôi. Ngoài ra, với các phương tiện hạn chế theo ý tôi, như tôi đã đề trình lên Hoàng đế, luôn được giữ đầy đủ, tôi hoàn toàn có khả năng dập tắt ngay mọi nỗ lực xâm lược vào năm tới.¹

Tuy nhiên, thái độ hòa giải và danh tiếng chính trực của Phan Thanh Giản đã mang lại kết quả trong giới người Pháp. Ngay cả trước chuyến đi của Phan Thanh Giản đến Pháp, chúng ta thấy Bonard vẽ ra một bức tranh có phần đơn giản về tình hình chính trị trong Triều đình An Nam, một bức tranh trong đó ông xếp Phan Thanh Giản vào số những người bạn chân thành của Pháp.

Trong số các tôn tộc và những người có ảnh hưởng cầm đầu quốc sự ở Huế, có hai ý kiến tồn tại, nhóm của những người biết lý lẽ, thấy rõ tiếp tục cuộc chiến chỉ dẫn đến tàn phá và đảo lộn Nam Kỳ, ngay cả khi vẫn còn dưới quyền của Huế, và đứng đầu là Phan Than Gianh (sic), một trong những sứ thần, khi thỏa thuận và ký hòa ước, nói như vậy, nhằm rút lửa, để khôi phục trật tự và thịnh vượng phần còn lại của vương quốc An Nam.

Nhóm kia, mù quáng do căm thù người châu Âu, đứng đầu là Hộ bộ Thượng thư hiện tại, Trương, phụ trách quan hệ với người nước ngoài, không có bất kỳ cân nhắc nào chống lại những thảm họa tất yếu dẫn đến hậu quả là cuộc đấu tranh kéo dài mà qua đó họ hy vọng sẽ làm chúng ta mệt mỏi, trong khi họ không phải lo ngại về những mất mát hy sinh.

Ngay bây giờ, nhóm này dường như đang thắng thế. Mạng sống Phan Thanh Giang (sic) đang bị đe dọa nặng nề. Mặc dù ông vẫn

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 182.

là Toàn quyền các tỉnh phía nam, tôi sẽ không ngạc nhiên khi thấy ông buộc phải tìm nơi ẩn náu trên lãnh thổ chúng ta.¹

Những gì chúng ta biết bây giờ về thái độ của Phan Thanh Giản cho phép chúng ta nói rằng Bonard sai lầm. Ngay cả có bị đe dọa tính mạng, rõ ràng Phan Thanh Giản sẽ không bao giờ ẩn náu nơi những người theo ông là những kẻ xâm lược.

LO LẮNG CỦA BONARD ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ CỦA CÁC THỪA SAI

Ngay sau khi đến tiếp quản chính quyền ba tỉnh Nam Kỳ, ngày 24 tháng 7 năm 1862, trong một lá mật thư số 432² gửi về Bộ, Đô đốc Bonard bày tỏ lo ngại về hậu quả có thể xảy ra từ việc lập nên các xứ truyền giáo mới ở Hạ Đàng Trong.

Với sự cẩn trọng và kiên quyết, đặt tất cả hy vọng [...] rằng sẽ không nảy sinh những khó khăn [...]

Về phía những thừa sai, rắc rối nghiêm trọng nhất có thể xảy ra nếu chúng ta không hạn chế với một sự che chở đúng đắn bảo đảm cho họ và, viện cớ tôn giáo, người ta ủng hộ họ trong các chính sách tồi tệ nhằm lật đổ Chính phủ đương thời [...] bởi vì họ sẽ trở thành những kẻ phiến loạn thực sự chứ không phải là những người tử vì đạo.

[...]

Đây là phương kế mà họ đã sử dụng lần lượt; không thấy rằng những người kế vị triều đại Gia Long đã đáp ứng đủ những ước muốn của họ, họ đã chối bỏ tính chính đáng của những điều này, và tìm cách đưa ra một ứng viên sẽ phục vụ họ, nếu lật đổ được triều đại cầm quyền, hơn là đảm bảo để đạt được mục đích.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 286 (Thư của Bonard ngày 14 tháng 1 năm 1863).

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 85-88.

[...]

Họ coi Gia-Long là một kẻ tiếm vị và tìm kiếm một hậu duệ triều Lê mà các vị vua, đã trở thành những vị vua lười nhác, bị một trong những vị chúa truất ngôi.

[...]

Một hậu duệ, thật hay giả, của dòng họ Lê đã được nhật về trong những nhà dòng Trung Hoa và, đã từng trải qua nhục nhằn, đã từng đóng vai người gác cổng nhà dòng, mà những người cực đoan giáo hội này (tu sĩ dòng Đa Minh Tây Ban Nha vùng cao Bắc Kỳ) khiến anh ta trở thành ứng viên cho ngôi vương, tin chắc vào ảnh hưởng của họ lên anh ta, nếu kế hoạch của họ thành công.

[...]

Dường như với tôi, phần lớn các nhà truyền giáo Pháp ở Nam Kỳ thuộc Pháp có xu hướng từ bỏ tham vọng chính trị,

[...]

Tôi nghĩ rằng những khó khăn, mà họ (các nhà truyền giáo Tây Ban Nha) sẽ tạo ra cho triều đình của Hoàng đế Carlos, bắt buộc rằng hiệp ước, vốn được ký kết dựa trên các căn cứ chung [...] của Pháp và Tây Ban Nha, hoàn toàn cách biệt khi thi hành [...]

CHẤP HÀNH HIỆP ƯỚC

Do đó, Đô đốc Bonard viết vào ngày 1 tháng 8 năm 1862 liên quan đến các biện pháp đã thực hiện và mới thực hiện tương đối trong việc chấp hành hòa ước, trong phụ lục thứ hai¹ ở bức điện gửi đi ngày 7 tháng 11 năm 1862:

Kinh lược đại thần các tỉnh miền Nam và Tổng đốc thứ hai của Ben (sic) – Thuận, người thiết lập biên giới Nam Kỳ thuộc Pháp đã đến Sài Gòn vào... tháng Bảy.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 159. Thư của Đô đốc Bonard, số hiệu 440.

Các vị đại thần này là người mang chỉ dụ của Hoàng đế Tự Đức, triệu hồi các thủ lãnh khởi nghĩa, và bổ nhiệm các Quan lại mới để vận hành chính quyền ở các tỉnh lân cận.

Độc lập với chỉ dụ này, các sứ thần đã có trong tay tuyên cáo của Hội đồng Phụ chính, thông báo kết luận hòa ước và đề nghị dân chúng các tỉnh giải giáp, giải tán dân binh và quay trở lại công việc.

Tuyên cáo này có rất nhiều điều mơ hồ đối với dân chúng An Nam để bảo, theo hiệp ước ở Pháp, tôi đã phải nhấn mạnh với các Khâm sứ của Triều đình Huế và để họ thêm vào văn bản này bắt nguồn từ chính quyền hoàng gia này một đoạn rõ ràng hơn liên quan đến sự nhượng bộ lãnh thổ đối với chính phủ của Hoàng đế Napoléon, và không gây nghi ngờ đối với việc chúng ta sở hữu ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho.

Sau một số khó khăn, các sứ thần đồng ý đưa vào tuyên bố một ghi chú ở cuối trang đầu tiên của bản sao đính kèm, loại bỏ mọi nghi ngờ có thể phát sinh về vấn đề này.

[...]

Các Khâm sứ của Tự Đức sẽ rời đi vào ngày 2 tháng này; người đầu tiên trở thành Khâm mạng Đại thần, đi trên những chiếc thuyền cùng binh lính, người thứ hai trên chiếc tàu hơi nước Forbin sẽ đưa ông ta đến Phan Rí.

Trước khi kết thúc, tôi đã sửa tất cả các điều khoản của việc tháo lui về Huế của các thủ lãnh được triệu hồi theo lệnh của nhà vua cùng binh lính của họ. Tôi cũng đã ấn định những kỳ bồi thường phải trả cho Pháp.

Các hướng dẫn được gửi đến tất cả các vị trí của Pháp để tránh bất kỳ xung đột nào có thể xảy ra trong việc thực thi phần chính yếu của hiệp ước này: giải tán khỏi lãnh thổ chúng ta những thủ

lãnh được sai phái trong cuộc chiến làm loạn các tỉnh hiện thời thuộc Pháp.

[...]

Và một lần nữa Bonard khen ngợi người phiên dịch:

Cho đến nay, tôi đã có thể tránh khỏi sự bất tiện này nhờ sự hiện diện của Đại úy hải quân Aubaret – mà vốn tiếng Hoa của anh tôi không còn biết nói gì hơn về nó nữa – không chỉ là một sự trợ giúp tuyệt vời mà còn rất cần thiết.

Tôi nghi ngờ chuyện chúng ta có thể dễ dàng tìm ra một người có thể thay thế anh ấy trong những nhiệm vụ tế nhị này, tôi không biết còn có ai ở Nam Kỳ liệu có thể thay thế anh ta trong một lúc mà không gặp trở ngại vô cùng nặng nề hay không, khi cần thiết nhờ cậy đến một thông dịch viên không biết gì hoặc khiến ta thấy thiếu tin tưởng.

Về phần mình, vào ngày 9 tháng 9 năm 1862, Phan Thanh Giản đã thông báo cho Đô đốc Bonard mệnh lệnh¹ mà ông vừa gửi cho Quân Định và các thủ lãnh khác của phong trào ở Gò Công.

QUÂN ĐỊNH VÀ SỰ HẠI MẮT CỦA TỰ ĐỨC

Ngày 30 tháng 9 năm 1862, Đô đốc Bonard báo cáo² với Bộ về chuyến công du xuống Nam Kỳ gần đây và báo cáo rằng huyện Gò Công vẫn là nơi duy nhất còn tình trạng nổi dậy.

Ngày 24 tháng 10 năm 1862, Bộ trưởng Ngoại giao đã nhận được lá thư³ từ Hội Thừa sai, số 128 phố Bac, Paris.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 124-127. Xem lại Phần thứ nhất, tr. 79.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 128-129. Thư của Đô đốc Bonard, số hiệu 555. Xem thêm Phần thứ nhất, tr. 91-92.

3. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 150.

Cha Herrengt, Tổng đại diện Giáo phận Đông Đàng Trong. Đồng sự thân yêu này đã làm Tự Đức ác cảm [...] việc này liên quan đến Thiên Chúa giáo, [...] mà việc hành đạo và truyền bá đức tin phải được tự do trên toàn đế quốc An Nam.

[...] Tuy nhiên, những vị thừa sai trong vùng này vẫn chưa thể đưa tin tức của họ cho những đồng sự tại Sài Gòn và cánh cửa nhà tù thối tha nơi các Kitô hữu bản xứ tội nghiệp, bị tước hết tài sản, bị nhốt cứng, vẫn chưa mở. Họ đang ở đó, theo báo cáo của chính mắt các nhân chứng [...], rách rưới và đau xót do sự hành hạ của cơn đói và khổ khổ đã tàn sát họ.

[...]

Hãy nghe lời kể của chính Cha Herrengt:

Ngày càng rõ ràng rằng hòa bình chỉ là một cái bẫy để người An Nam có được phương cách chống lại cuộc nổi dậy ở Bắc Kỳ, cũng như trong khi bày tỏ một số biểu hiện thân thiện (còn lại rất ít) đối với người Pháp, họ tiếp tục và tăng cường chuẩn bị cho kháng chiến ở khắp mọi nơi; ám sát, mưu loạn, trợ giúp, nổi dậy... là nhật lệnh khắp mọi nơi.

Trong khi đó, Đô đốc Bonard, trong lá thư số 309 ngày 14 tháng 1 năm 1863, bày tỏ nỗi thống khổ trước tình trạng khó khăn mà quân đội đồn trú và đô thị dường như không nhận thức rõ được về nó. Ông cũng đề cập đến cuộc nổi dậy của Quân Định và thái độ kỳ lạ của nhà vua.

Giai đoạn đầu tiên của chiến dịch [...] các cuộc tác chiến có thể chỉ là cưỡng chế vùng bờ biển và thương mại của Vương quốc An Nam nếu chừng đó là đủ để buộc [họ] phải đáp ứng yêu sách của chúng tôi.

Thật không may, lực lượng ít ỏi được chúng tôi bố trí, [...] ngay cả khi đã làm họ tổn thất, không đủ sức làm Tự Đức chấp nhận đầu hàng.

Do đó, dần dần, cuộc chiến vốn [...] chỉ nhằm vào Triều đình [...] đã lan rộng và dân chúng tham gia ngày càng nhiều hơn.

[...] Thấy rằng bản thân không thể chống lại một cuộc chiến chính quy, Triều đình An Nam tổ chức, công khai ngay trước hòa ước và lén lút sau thời kỳ này, trên toàn diện Nam Kỳ một cuộc nổi dậy bền bỉ đã bị đẩy lùi ở khắp mọi nơi, nhưng không nơi nào chúng tôi có thể thống trị được vì thiếu phương tiện hoạt động đầy đủ: đó là một ngọn lửa âm ỉ dưới đồng tro tàn, luôn luôn sẵn sàng bùng lên trở lại; đó là nguyên nhân hủy hoại sắp đến, nếu chúng ta tiếp tục chỉ sử dụng một nửa năng lực để kiểm soát tình hình.

[...] Trong số các gia tộc và những người có ảnh hưởng, đứng đầu quốc sự ở Huế, hiện có hai ý kiến, phe những người biết lý lẽ, thấy rõ rằng việc tiếp tục cuộc chiến này chỉ dẫn đến phá hủy và đảo lộn Nam Kỳ ngay cả khi nó vẫn còn dưới quyền của Huế, đứng đầu là Phan Than Gianh (sic), một trong những sứ thần, bằng cách ký hòa ước, nói như vậy, nhằm rút lửa, góp phần khôi phục trật tự và thịnh vượng ở phần còn lại của vương quốc An Nam.

Nhóm kia, mù quáng do căm thù người châu Âu, đứng đầu là Hộ bộ Thượng thư hiện thời, Trương, phụ trách quan hệ với người nước ngoài, không có bất kỳ cân nhắc nào về thảm họa là hậu quả của cuộc đấu tranh kéo dài bằng cách từ đó họ hy vọng sẽ làm chúng ta mệt mỏi, mà không lo ngại về những mất mát hy sinh.

Ngay bây giờ, nhóm này dường như đang thắng thế...

Tất cả đồng ý chống lại chúng tôi, nếu không theo mục tiêu họ đặt ra thì ít nhất cũng buộc chúng tôi rời khỏi Nam Kỳ.

Quản Định, thủ lãnh cuộc khởi nghĩa Gò Công – mặc dù bị Kinh lược đại thần ở Vĩnh Long công khai phủ nhận, nhiều lần yêu cầu ông ta giải giáp để hiệp ước của xứ sở được thực thi – bị từ chối chính thức, như vậy ông ta rõ ràng đang nổi loạn, thậm chí chống lại chính phủ Huế, nơi đưa ra các mệnh lệnh mà ông ta không

tuân theo, nhưng tất nhiên, ông ta được lên lút hỗ trợ và gửi vũ khí, đạn dược, và thậm chí danh vị và ấn triện.¹ [...]

Đô đốc Bonard viết cho Bộ vào ngày 14 tháng 1 năm 1863:

Thủ lãnh các trung tâm phong trào của tỉnh Biên Hòa, [...] đường hướng của họ rõ ràng được chỉ đạo bởi phe cầm đầu trong đó là Hộ bộ Thượng thư Trương, vì Hoàng đế chỉ phải so sánh tài liệu này với lá thư đầy ác ý mà vị Thượng thư này vừa gửi cho tôi và tôi hân hạnh gửi đến ông vào ngày 18 tháng 12 vừa qua, số 711, và rõ ràng từ sự gắn kết này mà cuộc nổi dậy của tỉnh Biên Hòa được dẫn dắt bởi chính ông ta và theo gợi ý của ông ta.

[...]. Hiện thời chỉ có hai giải pháp là duy trì hiệp ước hoặc đàm phán về các căn cứ mới, với chính phủ Huế.²

Không cần phải nói rằng Bonard chỉ rõ sự ưu tiên của mình: duy trì hiệp ước và nhận đủ phương tiện từ chính quốc. Sau đây là danh sách chi tiết các yêu cầu ông đưa ra, cả ở nhân sự và thiết bị.

Ngày 17 tháng 1 năm 1863 Bonard được Phan Thanh Giản tiếp kiến tại Vĩnh Long theo lệnh vua Tự Đức. Cuộc tiếp tân với nhiều lễ hội lớn. Một bài báo trên tờ *L'Illustration* và một bức tranh khắc họa dành cho họ:

Tôi gửi ngài một bản phác họa duyên dáng do một cây bút không chuyên, Phó đô đốc Bonard gửi cho tôi trong thư cuối cùng. Ông tái hiện một cảnh múa vũ sau yến tiệc dành cho ông ở Vĩnh Long, Nam Kỳ, được Thượng thư Tan Tan Giants (sic) thực hiện theo lệnh Hoàng đế Tự Đức.

Theo kết quả của hòa ước đã nhượng cho chúng tôi ba tỉnh, đô đốc đã phải thực hiện một chuyến thị sát ở Thượng Cao Miên để khôi phục lại trật tự ở các khu vực cư dân mới phục tùng và ổn

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 286-289 (14/1/1863).

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 286.

định tinh thần của xứ sở; chính trong chuyến đi và nhân dịp này, những bữa tiệc được dành cho ông mà bức tranh sau tái hiện một đoạn. Đô đốc và tham mưu của ông tham dự các điệu nhảy kết thúc một vở kịch chiến tranh, với tình tiết vinh danh quân đội của chúng ta và nền hòa bình cuối cùng cũng đến.

Đồng đảo nhạc công, với nhạc cụ bằng tre và búa để gõ những bản hòa âm bằng khánh và chuông, tạo thành dàn nhạc kỳ lạ này.

Một đoàn các cô gái trẻ mặc quần áo lụa sang trọng, cầm cờ và khăn thao diễn múa vũ, những người đầu tiên, những vũ nữ An Nam theo người lính xuống.

Những người cuối cùng, thực sự xinh đẹp và duyên dáng, tiến vào giữa phòng, trước đô đốc và tùy tùng, để biểu diễn những điệu múa có nét vừa độc đáo và quyến rũ. Họ ăn mặc rất sang trọng với vải lụa sáng bóng; đội trên đầu một loại mũ chụp có đai cầm, trang sức lộng lẫy; mỗi ngón tay gắn ở đầu một cái đê với móng dài bằng vàng. Đó là sự hòa trộn kỳ lạ đến tận cùng của sự man rợ phương Đông và sự xa hoa châu Á.

Vậy, tôi gởi ngài bức tranh này và ủy quyền cho ngài, nếu ngài nghĩ rằng nó có thể khiến độc giả quan tâm, để nó được tái tạo nhờ các nghệ sĩ khéo léo.

Kính thư, v.v.

Ký tên: Rigault.

Trong công văn số 338 gửi Bộ, ngày 23 tháng 2 năm 1863, Đô đốc Bonard đề cập đến một lá mật thư ngày 7 tháng 2 năm 1863 mà Phan Thanh Giản gửi cho ông, kèm theo một tuyên bố được Trương Định phát ra.

Trương Định cư trú bất hợp pháp trên lãnh thổ Tân Hòa. Ở đó, ông ta đặt mình vào vị trí đối nghịch với Chính phủ An Nam, ông ta đã gây dựng quân binh và từ lâu không có bất kỳ mối quan hệ nào với tôi, tôi chỉ có thể dự kiến vào ngày 18 của tháng này (ngày

5 tháng 2 năm 1863) sẽ cho một phái viên đến chỗ ông Quang, người đã đưa cho tôi một lá thư, cầu xin tôi đọc nó.

Tôi biết rằng Trương Định tự gọi mình là Tướng quân của những kẻ nổi loạn kiêu hùng: ông nói về hiệp ước đã nhượng lại ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, rằng dân chúng ở ba tỉnh này, khao khát quay lại tình trạng cũ đã tôn ông làm thủ lãnh để dấy binh và khởi sự khi thời cơ đến, ông ta nói thêm rằng nếu bằng đường trạm (bưu điện) phải có sứ thần từ Kinh, hoặc nếu là chính chúng tôi thì phải gửi điện văn liên quan đến sự đầu hàng của ba tỉnh, ông ta cho phép liên lạc như vậy, nhưng nếu chúng tôi vẫn muốn duy trì việc nhượng lãnh thổ như trước và giúp quân đội của các ngài, khi đó ông ta sẽ chọn việc chống lại mệnh lệnh của Triều đình và chắc chắn sẽ không có thỏa thuận đình chiến hay tạm nghỉ giữa hai bên. Trương Định trước đây đã lừa dối Triều đình An Nam bằng cách giả vờ rằng ông ta dành hết nhiệt huyết phục vụ Triều đình; sau đó, ông ta tập hợp và nuôi dưỡng một số lớn nhân sự, bởi vì, một cách bí mật, ông ta trù tính ý đồ phản nghịch. Ông dám lợi dụng tình cảnh này để phát lên bằng cách phò mặc dân chúng; ông ta tuyên bố rằng chính quân và đội đã buộc ông ta phải cầm đầu họ. Ông ta cũng dám cho rằng bằng hành động theo cách này, ông ta đã tuân theo mệnh lệnh của Triều đình; ông đi khắp nơi để tuyển quân; và, trong một thời gian dài, ông ta làm cho dân chúng phật ý, nhiều nhượng và đau khổ...

Khi đọc bản tuyên bố đính kèm, tôi đã đánh giá đây là sự kiêu ngạo và xác xược của người này, làm ông hiểu sai về triều đại cầm quyền.

Những người lính Hoàng đế của ngài, chưa đưa người này vào chỗ chết, làm ông ta càng tự mãn; do đó, nếu chúng ta không trừng phạt và tiêu diệt ông ta ngay lập tức, ông ta sẽ tìm được sự hỗ trợ ở khắp nơi vì danh tiếng ông ta ngày càng tăng: sự đối

trá và xảo quyết của ông ta ngày càng tăng, và tai họa cho dân chúng không có hồi kết. Do đó, bắt ông ta phải trả giá cho tội ác của mình, nhưng tôi nghĩ rằng từ lâu đó đã là ý định của Hoàng đế ngài.¹

Bức thư này của Phan Thanh Giản – tố cáo Trương Định, người kháng chiến được coi là một anh hùng yêu nước, và yêu cầu người Pháp giúp đỡ để bắt ông ta, qua đó thừa nhận sự bất lực của chính ông khi làm điều đó – chúng ta có thể mượn ở đây một số lời giải thích.

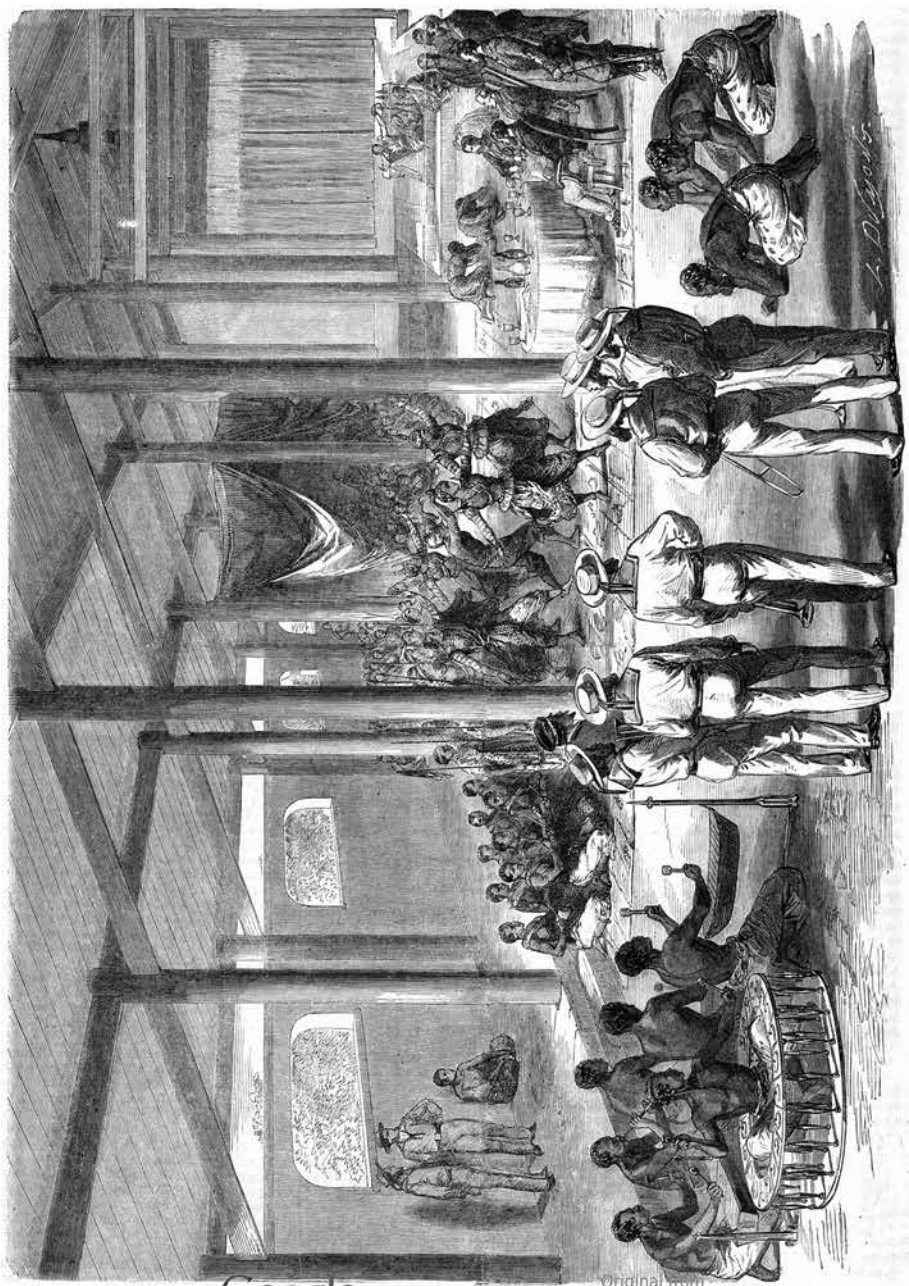
Một lời giải thích xuất hiện trong đầu một vài người: Phan Thanh Giản, không phải là một người yêu nước thực sự, đã tố cáo Trương Định để có được ân huệ tốt đẹp của thống đốc Pháp! Tuy nhiên, thật khó để tin rằng một lời giải thích đơn giản như vậy có thể áp dụng cho một nhân vật phức tạp như Phan Thanh Giản, điều đơn giản duy nhất mà mọi người dường như đồng ý về ông chính là lòng yêu nước và sự trung thực nơi ông.

Mặt khác, thật khó tin rằng Trương Định, được bảo vệ và tuân phục bởi tất cả các quan lại và nông dân của ba tỉnh miền Tây, lại không bao giờ tấn công Phan Thanh Giản nếu thực sự coi ông ta là kẻ phản bội, nguy hiểm cho mình, đặc biệt là khi Kinh lược đại thần luôn đi lại không có người hộ tống và sống trong một ngôi nhà rất đơn sơ. Trương Định từng chứng tỏ rằng ông ta có thể làm được.

Quản Định, quản cơ một liên đội lính đồn điền, xuất thân trong một gia đình giàu có và trở nên nổi tiếng với việc chỉ huy một đội lính tình nguyện Khi-hoa [(sic) – Kỳ Hòa hay Chí Hòa] chống lại chúng ta. Ông ta khét tiếng vì đã bắt cóc và sát hại trong đêm một trong những người bạn cũ của mình, bá hộ Huy² [...]

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 40.

2. Trích Paulin Vial, *Les premiers années de la Cochinchine*, Tập I, sđd, tr. 115. Bạn đọc có thể tham khảo nội dung ở trang 14-15, Tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Trương Định (số 3), Sài Gòn, 1966, bài “Nén hương hoài cổ Trương Định” của Phù Lang Trương Bá Phát (Bầu Cầm viết lời dẫn nhập).



YẾN TIỆC Ở VĨNH LONG, NAM KỲ

Bữa tiệc được Phan Thanh Giản tổ chức cho Đô đốc Bonard,
ngày 17 tháng 1 năm 1863

Chúng tôi chỉ đơn giản nghĩ rằng Trương Định rất kính trọng Phan Thanh Giản, người ông biết là thực sự yêu nước mặc dù theo phái chủ hòa.

Về phía Kinh lược đại thần, sự chính trực ngăn ông trở nên hai mặt như nhà vua, và sự trung thành của ông với vua buộc ông phải xem việc bất tuân công khai của Trương Định là tội khi quân.

Chúng ta hãy nói thêm rằng các hành động du kích với giết người hàng loạt, tống tiền, cướp bóc, đốt nhà, v.v... không chỉ gây phiền nhiễu cho người Pháp, mà đặc biệt còn cho nông dân và dân làng An Nam. Vai trò của vị đại thần này chủ yếu là tái lập hòa bình và tạo công việc cho dân chúng và thịnh vượng cho xứ sở.

Do đó, chính sách của Tự Đức bao gồm, một mặt, kéo dài việc thực thi hiệp ước và mặt khác thúc đẩy phiên quân nổi dậy.

Trong bài viết của mình về Trương Định, Vương Hồng Sển bản khoản không biết thái độ của Phan Thanh Giản như thế nào, với tư cách là Kinh lược đại thần, nên cùng một lúc, chấp nhận cả phiên quân, và vừa là một nhà đàm phán với người Pháp:

Đại diện của Chánh-phủ trong Nam, quyền hành giữ trong tay của quan Phan, thì quan Phan, hễ Tây nhắc trách thì viết thư hỏi cho có lệ, ngoài tuy phủ-nhận việc làm của Định...¹

[Ở đoạn trước đó:]

Vua Tự-Đức đã bị tờ hòa-ước ký với Pháp nên không làm chi đáng hơn là để cho Trương Định mặc tình hành-động và chống cự, còn xúi ngầm thêm nữa là khác...²

[Chú thích của BT: Cũng trong bài “Nén hương hoài cổ Trương Định”, tldd, bạn đọc quan tâm có thể tham khảo thông tin về tổ chức các đội lính đồn điền ở Nam Kỳ thời xưa, tr. 5-6.]

1. Trích bài của Vương Hồng Sển, “Trương Công Định và đạo hiếu trung”, Tập san *Sử Địa*, Đặc khảo về Trương Định (số 3), tldd, tr. 133.

2. Vương Hồng Sển, “Trương Công Định và đạo hiếu trung”, tldd, tr. 133.

Phải thừa nhận rằng, Phan Thanh Giản đã tuân theo mệnh lệnh nhà vua, nhưng liệu chúng ta có bao giờ biết ông nghĩ gì trong lòng không?

TỰ ĐỨC HY VỌNG CHUỘC LẠI CÁC TỈNH BỊ MẤT

Đến cuối năm 1862, chính quyền Huế đã nghi ngờ hiệp ước Sài Gòn. Vào ngày 16 tháng 12, cùng ngày với cuộc nổi dậy đồng thời của ba tỉnh, Đô đốc Bonard nhận được từ Huế một lá thư thông báo ý định gửi một phái bộ đến Pháp, để hội ý với Hoàng đế [Pháp] *một cách trung thực và rõ ràng*. Qua việc loại bỏ cuộc khởi nghĩa Gò Công và vì cuộc nổi loạn Bắc Kỳ, Tự Đức tự thấy mình bị ép buộc phải phê chuẩn hiệp ước Sài Gòn, nhưng ông ta càng kiên quyết khiêu nại trực tiếp lên người đứng đầu Nhà nước Pháp. Nhà ngoại giao tốt nhất của ông, Phan Thanh Giản, đến Pháp, được cho là để chúc mừng và tặng quà Hoàng đế, trên thực tế là nhằm đề nghị Chính phủ Pháp cho chuộc lại ba tỉnh miền Tây bằng tiền. Đây là những gì một sử gia viết về cuộc chinh phục, Đại úy Charles Gosselin.

An Nam đã không nhượng lại một phần lãnh thổ cho chúng ta mà không có hậu ý, bất chấp hiệp ước, Chính phủ An Nam, ngay từ những ngày đầu tiên chúng ta chiếm hữu, đã là một phần trong những mưu mô đen tối nhằm buộc chúng ta phải rút lại cuộc chinh phục mới. Tự Đức muốn, bằng mọi giá, chuộc lại ba tỉnh, về phía ông ta đó là một suy nghĩ đáng trân trọng, và những động cơ được ông ta viện dẫn chỉ có thể cho chúng ta thấy lòng hiếu thảo đáng trọng của ông. Mẹ ông sinh ra ở Gò Công; bà ngoại của ông, mẹ của Hoàng đế Thiệu Trị, sinh ra ở làng Tu Duc¹, ở cửa ngõ Sài Gòn. Danh dự của kẻ trị vì là cam kết bảo tồn xứ sở những vùng đất nơi xương cốt của tổ tiên ông yên nghỉ. Do đó, Tự Đức quyết định gửi một phái bộ đến Paris mà không biết là đối với các chính phủ châu Âu chúng ta, các vấn đề tình cảm

1. Nguyên văn: *au village de Tu Duc*. (BT)

*không có trọng lượng bao nhiêu khi chúng ta đối mặt những cân nhắc chính trị.*¹

BƯỚC ĐẦU CHO NHỮNG THAY ĐỔI CÓ THỂ ĐỐI VỚI HIỆP ƯỚC NGÀY 5 THÁNG 6 NĂM 1862

Trích từ trang 244 và trang 261 của bản microfilm có số hiệu M.D. Asie N° 28 của Văn khố Bộ Ngoại giao, chúng tôi tìm thấy vào năm 1862-1863, không đề ngày chính xác, trên có chữ ký duy nhất của Aubaret, (tác giả hoặc cộng tác viên?), bản nháp một hiệp ước chưa hoàn thành, thứ làm thay đổi hoàn toàn tinh thần của hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862 mà Phan Thanh Giản đã ký kết.

Điều 1

*Hoàng đế Pháp đồng ý trao trả sự cai trị và chính quyền cho Hoàng đế An Nam ba tỉnh Biên Hòa, Gia Định và Định Tường, mà toàn bộ lãnh thổ đã nhượng hoàn toàn quyền sở hữu cho Pháp theo Hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862.*²

Trên thực tế, tinh thần những thay đổi này rất giống với dự thảo Rieunier-Aubaret-Phan Thanh Giản, trình bày tại Huế năm 1864 và bị Chasseloup-Laubat và de La Grandière phản đối dữ dội.

Giữa năm 1862 và năm 1863, luôn có một khả năng sửa đổi hiệp ước đã được cân nhắc giữa người Pháp với nhau. Phan Thanh Giản có nắm được tình hình không? Điều này, có lẽ chúng tôi có bằng chứng.

Tuy nhiên, lá thư số 288 của Bonard gửi về Bộ, ghi ngày 18 tháng 12 năm 1862, dường như chứng minh rằng, cho đến ngày đó, đô đốc đã không đồng ý với các dự thảo được đề xuất ở trên.

Tôi hân hạnh được báo cho Hoàng đế:

1. Trích *L'Empire d'Annam* (Đế quốc An Nam) của Đại úy Charles Gosselin, Perrin et compagnie, Paris, 1904, 560 trang, tr. 139-140.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 244.

– Đầu tiên, thừa nhận càng sớm càng tốt hòa ước đã ký ngày 5 tháng 6 năm ngoái dường như là cần thiết cho tôi. [...]

– Thứ hai, tuyệt đối cần thiết là quân số của các lực lượng chúng ta [...] phải đầy đủ [...] để [...] sẵn sàng tiêu diệt kịp thời, ý đồ xấu sẽ được đưa ra ánh sáng ngay khi khủng bố nổ ra, tôi sợ rằng dấu ấn mà quân đội chiến thắng của chúng ta tạo nên sẽ không còn chế ngự được chính quyền Huế. [...]

[...] Bất chấp sự nghiêm túc của việc thanh toán một phần tiền bồi thường, bất chấp thiện chí của hai người ký kết hiệp ước, Phan Thanh Giản và Lâm, bị công kích mạnh mẽ bởi phe chống đối ở ngay bên cạnh Chính phủ Tự Đức mà Triều đình chỉ chống lại bằng một sự kháng cự yếu ớt, áp lực này được cảm nhận trong các điện văn sau cùng và trong hành động ngấm ngấm làm suy yếu toàn bộ Nam Kỳ thuộc Pháp.¹

Bonard từ chối rất rõ ràng ở cuối thư này:

[...] Tôi phải [...] đính kèm điện văn lời từ chối chính thức ở các cuộc hội đàm kỳ vọng trong đó Thượng thư bộ Hộ vờ xem như tôi nói rằng đó đơn giản là một nơi thương mại mà tôi muốn chú tôi không muốn toàn bộ lãnh thổ. Tôi không bao giờ nói bất cứ điều gì theo nghĩa đó [...].²

“Từ chối chính thức” này ám chỉ đến một lá thư của Thượng thư bộ Hộ Việt Nam, ngày 2 tháng 11 năm 1862, trong đó, thực sự, đã viết:

Về phía chúng tôi, khi sứ thần Phan và Lâm trở về Kinh, họ kể với chúng tôi rằng trong một cuộc nói chuyện với họ, Tướng công đã nói rằng đó đơn giản là một nơi thương mại mà ngài muốn (ngài không muốn toàn bộ lãnh thổ). Và làm thế nào Tướng công có thể, tăng thêm đại diện của mình, chuyển đủ người châu Âu đến

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 222.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 223.

đây để định cư trên lãnh thổ? Ý định của Tướng công đối với ba tỉnh là một kiểu chiếm đóng tạm thời, một loại cam kết có thể trả lời cho sự chân thành của Hiệp ước, rằng đó là một biện pháp để đảm bảo việc thực thi.

Về nguyên tắc, Quý quốc của Ngài không muốn chiếm đoạt dân cư hoặc lãnh thổ. Do đó, Tướng công không có mục đích nào khác, trong Hiệp ước hiện tại, ngoài việc kiểm chứng sự chân thành và thiện chí của Vương quốc chúng tôi.

Bây giờ chúng tôi đã cung cấp cho các ngài bằng chứng rõ ràng nhất về thành ý của chúng tôi, nếu Tướng công tiếp tục chiếm giữ ba tỉnh của chúng tôi, điều đáng sợ là các quốc gia khác, khi biết điều này, sẽ nói rằng Quý quốc theo đuổi mục đích duy nhất là chiếm đoạt các vùng lãnh thổ và dân cư.¹

Tuy nhiên, xem xét rằng việc khẩn cấp để hiệp ước ngày 5 tháng 6 được Triều đình Huế phê chuẩn, đô đốc đã gửi cho ông tối hậu thư:

Vậy hôm nay, tôi thông báo dứt khoát cho Quý ngài rằng, ngay khi bản Hòa ước được đóng dấu của Hoàng đế Pháp, đến Sài Gòn, tôi sẽ nhanh chóng gửi bằng tàu hơi nước để thông báo cho Chính phủ các ngài.

Kể từ thời điểm Chính phủ các ngài nhận được tin này, sẽ mất một tháng để chuẩn bị cần thiết cho việc đón tiếp Khâm sứ tại kinh đô.

Nếu tại thời điểm đó, những khó khăn mới phát sinh gây cản trở việc phê chuẩn hiệp định, Chính phủ các ngài phải đón nhận những hậu quả nghiêm trọng nhất.²

Do đó, ngay từ năm 1861, nếu Pháp muốn chiếm đoạt sáu tỉnh và đã có thể làm như vậy, thì đó là Bộ trưởng Pháp, Chasseloup-Laubat, người

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 226.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 200.

được quyền quở trách Đô đốc Bonard vì đã bằng lòng với chỉ ba tỉnh và những toàn quyền/khâm sai người An Nam, đáng ra phải được chúc mừng thay vì bị khiển trách khi trở về Huế!

Phan Thanh Giản hoàn toàn nhận ra rằng người An Nam không có ưu thế, trong khi Tự Đức ảo tưởng về điều đó. Thử tưởng tượng rằng Phan Thanh Giản có thể đã từ chối ký hiệp ước bị áp đặt này, một cuộc chiến tranh tàn khốc và hủy hoại sẽ xảy ra cho An Nam khiến giá phải trả đắt hơn ba tỉnh. Phan Thanh Giản đã nhận thức rõ điều này.

Do đó các lễ nghi phê chuẩn diễn ra vào ngày 16 tháng 4 năm 1862 tại Huế và được mô tả trong một lá thư của phó đô đốc Bonard cho Bộ¹.

Từ ngày 18 tháng 6 năm 1863, Tự Đức quyết định gửi đi gặp Napoléon III một sứ bộ do Phan Thanh Giản dẫn đầu cùng với Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản. Cùng ngày, nhà vua giao cho người dẫn đầu sứ bộ này một lá thư dài khôn khéo, trong đó ông biện bạch để xin được nơi người Pháp sự giảm bớt trọng yếu đối với hiệp ước mà ông vừa phê chuẩn tháng trước.

Một cuộc trao đổi thư tuần tự giữa Bộ trưởng Paris với Đô đốc Bonard và Đô đốc de La Grandière dường như cho thấy rằng Paris không vội tiếp nhận phái bộ này².

Trong lúc đó, Bonard vẫn tiếp tục công việc làm người tổ chức của thuộc địa nhỏ này, và vẫn duy trì quan hệ ngoại giao với các thượng thư của Huế và nhã nhận với láng giềng của mình, Phó đô ngự sử Phan Thanh Giản.

Ông quan tâm đến việc gửi những thanh niên An Nam sang Pháp, để đào tạo nghề thủy thủ hoặc học tiếng Pháp.

1. Lá thư nằm trong Tập I của bộ Thư từ của Đô đốc de La Grandière (25-4-1863, số 991, tr. 5-8).

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 452, ngày 23-6-1863.

Cuối cùng, ông lo lắng về những hành động có thể có của người Cao Miên và tiến hành mọi bước cần thiết để phòng bị các phong trào bất trắc khác có thể xảy ra sau đó.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 1863, một bản ghi nhớ dài 26 trang, liên quan đến Nam Kỳ, đã xem xét tất cả các khía cạnh, ký tên Aubaret, được gửi đến Bộ¹.

PHAN THANH GIẢN DẪN ĐẦU PHÁI BỘ ĐẾN PHÁP

Được gọi về Huế năm 1863, Phan Thanh Giản được bổ nhiệm làm trưởng phái bộ đến Pháp. Trước khi ra đi, Tự Đức, bàn luận với ông về việc nhượng lại ba tỉnh, hỏi ông rằng ngày đó ông có bị buộc phải ký hiệp ước không, hay ông có kế hoạch nào khác trong lòng không.

Thưa Đức vua, ông trả lời, sau khi đã nghiên cứu kỹ về tình cảnh Vương quốc và thời sự hiện nay, thần không thể hành động khác được. Cho phép thần thông báo cho ngài, thưa Đức vua, một lần nữa, với tư cách là người đứng đầu sứ bộ, thần sẽ làm hết sức để thực hiện sứ mệnh, nhưng thành công hay thất bại phụ thuộc vào tâm ý của hai Chính phủ.²

Tự Đức sau đó trao cho ông những huấn thị dưới dạng bức thư mà chúng tôi sao chép ở đây theo bản dịch của G. Aubaret³:

Những huấn thị của Hoàng đế An Nam cho sứ thần Phan Thanh Giang (sic)

Phan Thanh Giang (sic), khi mang những bài thơ này, khanh sẽ nói: Hòa bình được tạo dựng, các quốc gia (Pháp, Tây Ban Nha và An Nam) đã thành các quốc gia anh em; thành một gia đình. Do đó, không có gì phải bí mật với nhau, đó là lý do tại sao Trẫm

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 455.

2. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian...”, tldđ.

3. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 278.

hạ bút viết hai bài thơ này để chúng được chuyển đến Hoàng đế Pháp và Tây Ban Nha, để họ biết sự công bình trong ý định của ta khi đọc những điều tốt đẹp (ý nghĩ) mà ta đặt trong những câu thơ này.

Nhà vua các quốc gia này cũng như các quan chức của họ đã dụng công hoàn tất mọi việc (về hòa ước), mọi sự bây giờ làm theo ý muốn của họ; họ không còn gì để đòi hỏi.

Nhưng đối với chúng ta, chúng ta muốn một số sửa đổi (đối với hiệp ước) để lợi ích và niềm vui hòa quyền và chúng ta không một mình chịu hạn (khi những nơi khác đang mưa). Lúc đó, chúng ta sẽ thực sự đồng lòng hợp ý (với hai quốc gia châu Âu) trong hòa bình vĩnh cửu.

Lâu nay chúng ta vững tin rằng ý thức quốc gia của chúng ta bị tác động bởi sự chân thành, lời lẽ của họ chân thật và suy nghĩ của họ luôn xứng hợp với sự thật và chân thành.

Song le, hòa ước là một điều kiện đã được giải quyết và kết luận, các Sứ thần không dám tự mình thảo luận. Nhưng chúng ta yêu cầu họ ghi chú lại vào biên bản ghi nhớ và, khi họ trở về, trình bày với nhà vua của họ (mong muốn của chúng ta có một số bổ cứu).

Tiếp theo đây, ta sẽ tự gửi những sứ giả để họ có thể truyền đạt ý nghĩa chính xác và đúng mực nhất với sự trợ giúp của các Sứ thần, khi đó họ có thể nỗ lực giúp thêm.

Rồi chúng ta sẽ thấy tinh thần nhân đạo và công lý của các Hoàng đế là vua các nước Pháp và Tây Ban Nha cao đến mức nào. Các Đặc sứ phía họ sẽ ghi được công trạng mới và Đế quốc An Nam sẽ mãi mãi ghi ân.

Thực sự, làm thế nào chúng ta có thể tuân thủ nghiêm ngặt mười hai điều khoản (của hiệp ước)?

Nếu gây áp lực, ngoài mặt phục tùng, nhưng trong lòng sẽ không khuất phục. Nếu nghịch với lẽ công bằng và tình cảm chân thành: không màng đến lợi ích gia tăng.

Vậy, chúng ta hãy suy nghĩ chín chắn để phân định những lẽ nên không. Nếu không điều nào trong số này có thể thực hiện (sửa đổi hiệp ước), thì từ nay trở đi nhiều điều tốt đẹp nhất, không thể mua chuộc hoặc động lòng chúng ta.

Hôm nay ta chia tay (các Sứ thần) và cách xa họ như mây với nước, ta không thể ngừng khẩn cầu cho họ, chịu trách nhiệm về sự ủy thác mà ta giao cho họ.¹

Ngày 18 tháng 6 năm 1863, Tự Đức đã thực sự phó thác cho Phan Thanh Giản một thư dài gửi cho Napoléon III và đây là những khoản mục cụ thể nhất:

[...] Hậu quả của hiệp ước này là nhượng toàn bộ ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hòa, cùng đảo Poulo Condor [Côn Đảo]. Quy định tính thêm một khoản bồi thường chiến phí bốn triệu đồng bạc. Thực sự là những điều kiện rất nặng.

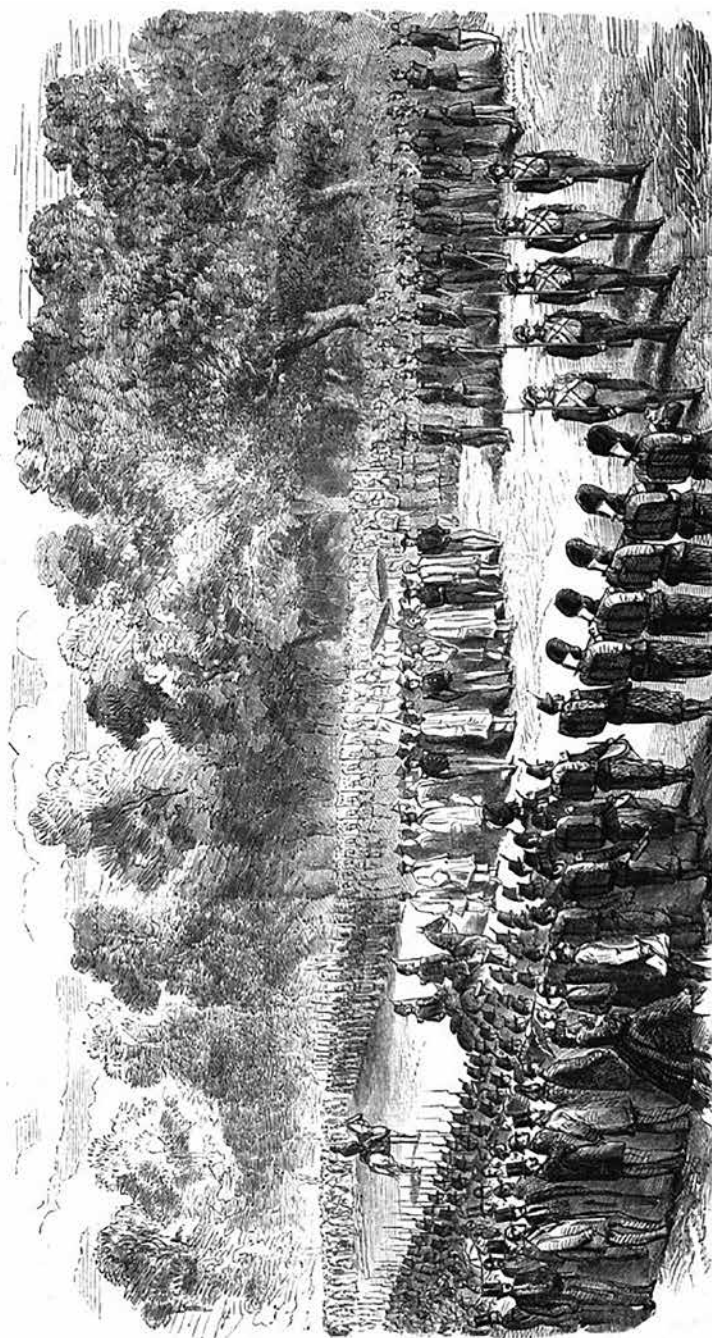
[Hoàng thượng] sẽ thấy việc gấn bó với thương mại và truyền đạo Thiên Chúa sẽ thuận lợi hơn như thế nào, chắc chắn sẽ mang lại [...] lợi nhuận lâu bền và vĩnh cửu.

Hãy xem hành vi của nước Anh tại Trung Hoa [...]

Chúng tôi nghĩ rằng nếu Bệ hạ sẽ bắt chước cách làm tương tự như vậy [...]

Rằng Bệ hạ muốn xem xét sửa đổi (theo hiệp ước) bao gồm việc bảo tồn quyền sở hữu thành Sài Gòn, cũng như các tòa nhà, nhà cửa và hàng hiệu mới được dựng lên và hoàn thiện.

1. M.D. Asie. Micr. N° 28; Thư của Bonard ngày 14 tháng 1 năm 1863.



PHÁI BỘ AN NAM ĐẾN TOULON

Phác họa của ông Letuaire – Nguồn: *L'illustration, journal universel*

Ở tỉnh Định Tường một địa điểm được chọn bên ngoài thành Mỹ Tho, và cuối cùng là đồn Thủ Dầu Một, thuộc tỉnh Biên Hòa. Thương điểm và hàng hiệu sẽ được thành lập ở đó; đảo Poulo Condor cũng sẽ được nhượng toàn quyền cho Bệ hạ.

[...]

Về phần tiếp của mục 4 này, [...] chúng tôi yêu cầu ngài loại bỏ.

Mục 8 của hiệp ước quy định khoản bồi thường chiến phí bốn triệu đồng bạc sẽ được trả trong mười năm cho Quý quốc, do đó, mỗi năm phải trả 400.000 đồng bạc.

Vậy, chúng tôi yêu cầu ngài sửa đổi mục này bằng cách giảm tổng số tiền bồi thường chiến tranh, [...]. Và nếu không có sự giảm bớt, chúng tôi cầu xin Hoàng thượng gia hạn thời hạn ấn định cho việc thanh toán tiền bồi thường lên 20 hoặc 30 năm. Khoảng thời gian này sẽ cho phép chúng tôi đáp ứng các cam kết.¹

Sau khi rời Huế ngày 21 tháng 6 năm 1863, ba đại sứ và tùy tùng 66 thành viên, với Đại úy hải quân Rieunier² hộ tống, đến Paris ngày 18 tháng 9.

[...] Trải qua bốn tháng với lão thành cao thượng này [Phan Thanh Giản], chúng tôi có thể đánh giá các đức tính của ông từ đó có thể rút ra được nhiều điều. Và nhớ lại lúc ấy [về đoàn sứ giả], chúng tôi còn thấy ông ngạc nhiên trước những điều xảy ra trên đại hải trình từ biển Nam Hải đến Toulon, trong thời gian vượt biển này, ông không ngớt được khuyến khích bởi lòng yêu nước nhiệt thành và sự khao khát phục vụ xứ sở. [...]

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 437-451 Tự Đức, năm thứ 16, tháng 5, ngày 3 (18 tháng 6 năm 1863). Tương ứng nguyên bản chữ Hán. Ký tên: Phan Thanh Giản, sao lại từ bản dịch của: G. Aubaret.

2. H. Rieunier, Adrien, Barthélemy, Louis (tên thánh từ đó ông lấy bút danh H. Abel) (1833-1901): sĩ quan hải quân, phụ trách sự vụ bản địa tại Bộ tham mưu của Đô đốc Bonard, tác giả của tác phẩm *La question de Cochinchine au point de vue des intérêts français*, Challamel aîné, Paris, 1864.

L'ILLUSTRATION, JOURNAL UNIVERSEL.



Abonnements pour Paris et les Départements :
1 mois, 9 fr.; 3 mois, 24 fr.; 6 mois, 42 fr.; 1 an, 72 fr.; 2 ans, 120 fr.; 3 ans, 180 fr.
la collection mensuelle, 3 fr.; la volume hebdomadaire, 15 fr.
ABONNEMENTS POUR L'ÉTRANGER :
Même prix, plus les droits de poste, suivant les tarifs.
Les abonnements partent du 1^{er} de chaque mois.

21^e ANNÉE. VOL. XLII. N^o 1075.
Samedi 3 Octobre 1863.
Les abonnements se règlent par 6^e mois et se terminent par 1^{er} janvier.
Tous les ordres, les mandats et les rétributions à l'avance sont acceptés.
BUREAUX : RUE RICHELIEU, 60.

Directeur, Rédacteur, Administrateur :
Toutes les communications relatives au Journal, réclamations, demandes
de changements d'adresse, doivent être adressées à
M. AUG. MAÏC, DIRECTEUR-GÉNÉRAL.
Les demandes d'abonnement doivent être accompagnées
d'un mandat sur Paris ou sur la poste.

SOMMAIRE.

Brevet politique de la semaine. — Courrier de voyage. — Événements
de Pologne. — Une visite à la Grande-Chartreuse (suite et fin). —
Chronique musicale. — Événements des États-Unis. — Exposition des
Arts appliqués à l'industrie. — Salon de 1863 (suite et fin). — Expo-

sition au Palais des Beaux-Arts, continue pour les grands prix.
Ravon de Rome. — Les ambassadeurs annamites à l'Union à gaz de
la Vallée. — Affaire de Vigne. — Naufrage du *Jeune-Victor* à
Cahors. — Courrier des Vapeurs. — Une de la première partie du
monument commémoratif de la bataille de Turenne.
Croniques : Les ambassadeurs annamites et leur suite. — Événements de
Pologne. 3 gravures. — Événements des États-Unis : Charleston et

ses fortifications. — Récit : Souvenir sur la route de la côte des
Fringes. — Visite des ambassadeurs annamites à l'Union à gaz de sa
Vallée. — Répétition des évènements et prise de Rome de 1848. l'Église
des Ursulines. — Affaire de Vigne. — La banque le *Jeune-Victor*
sur la plage de Cahors-Doues. — Une de la première partie du mo-
nument commémoratif de la bataille de Turenne. — Vue intérieure
du grand magasin de Blanc Meunier et C^{ie}. — Robes.



Phan Phi Thu, 1^{er} amb.

Phan Thanh Gián, 1^{er} amb.

Nguyen Van Thai, 1^{er} amb.

Nguyen Khac Phan, 1^{er} amb.

LES AMBASSADEURS ANNAMITES ET LEUR SUITE. — D'après une photographie de M. Crémieux.

PHÁI BỘ AN NAM Ở PARIS

Các thành viên trong phái bộ An Nam ở Paris

Vẽ lại theo một bức ảnh của ông Crémieux

Nguồn: *L'Illustration, Journal Universel*

[...] sứ thần, ngồi tư lự cạnh chúng tôi trên cầu chỉ huy của tàu hơi nước Européen, khơi chuyện về mục đích sứ mệnh của ông. Chúng tôi khuyên can ông đừng ảo tưởng về sự chuyển nhượng lãnh thổ mà chúng ta đã chinh phục, nhưng hứa với ông sẽ được đón tiếp ở pháp với tinh thần thông cảm và rộng lượng nhất. Sau đó, chúng tôi nói về tương lai của đất nước ông, về khả năng của cư dân và về những thuận lợi mà dân chúng và quan lại sẽ được hưởng từ nền văn minh của chúng ta. Hơn hẳn các đồng bào của ông, ông đánh giá cao giá trị của việc đó. Và ông luôn kết thúc cuộc trò chuyện bằng những lời như sau: “Chúng ta phải còn chờ đợi và cho đến thời điểm này, hai quốc gia chúng ta chưa có một tình hữu nghị tốt đẹp” [...]

Ngày phái bộ đến Toulon, vào tháng 9 năm 1863, một tin đồn, được tờ báo Indépendance Belge do một tay viết xu lợi đưa ra và được tái đăng trong tất cả các tờ báo Pháp, rêu rao rằng vua Tự Đức đã trả cho chúng ta 85 triệu quan để mua lại ba tỉnh bị chiếm, nhưng nhường cho chúng ta quyền sở hữu cảng Sài Gòn.

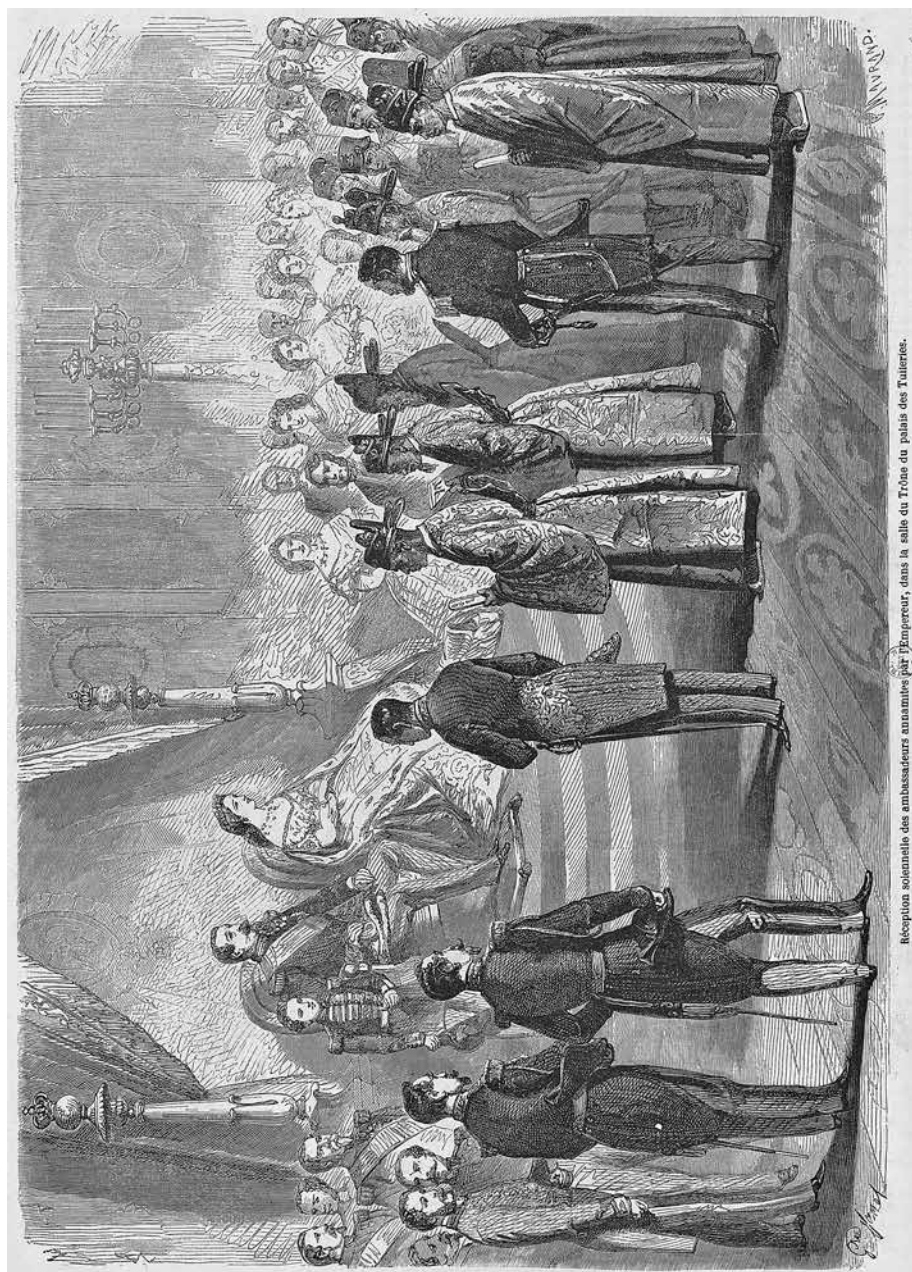
Bộ trưởng Tài chính của chúng ta, người cân đối ngân sách đã rất khó khăn bởi các chi phí quá mức của cuộc viễn chinh Mexico, là [...] người tán thành tích cực nhất của đề xuất này, một bản ghi nhớ, [...] được trình cho Hoàng đế, cho các bộ trưởng. [...] Thậm chí Hoàng đế đã chấp thuận nó.

[...] Bài báo này, [...] đã được tán thành bởi giới cận thần của Triều đình¹. [...]

Tuy nhiên, bỏ qua những sự kiện này, đoàn lữ hành chúng tôi, ngày 13 bắt tàu hỏa từ Marseille đến ga Lyon ở Paris ngày 18 và ở lại tại một biệt thự, số 17 đường Lord Byron², cạnh đại lộ Champs Élysées. Họ đã

1. (Lời tựa của H. Rieunier cho cuốn sách của Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française*, Paris, 1874, tr. 11-13).

2. Năm 1937, Nhà thờ Luther Đan Mạch được xây dựng ở đúng vị trí này.



HOÀNG ĐẾ PHÁP TIẾP ĐÓN PHÁI BỘ AN NAM
tại phòng đặt ngai vàng (salle du trône) ở Điện Tuileries

được Ngoại trưởng Drouyn de Lhuys tiếp kiến vào ngày 18 tháng 9 và bởi chính Hoàng đế ngày 5 tháng 11. Ở Tuileries, họ hơi hoảng loạn vì một lỗi dịch thuật. Thật vậy:

... những lời cuối cùng được Hoàng đế thốt ra, để đáp lại bài phát biểu của sứ thần đầu tiên, họ đã quá cứng nhắc trong cách dịch. Người An Nam đã hơn một tháng lo lắng chờ đợi khoảnh khắc diện kiến Hoàng đế, bất chợt rụng rời từ câu mà ý nghĩa chung lại áp dụng lên hoàn cảnh họ.¹

Họ tin rằng mục tiêu đã thất bại. Ngày hôm sau, họ nhận được thông báo là việc phản hồi về nhiệm vụ của họ sẽ được gửi đến Huế trong vòng một năm.²

Họ chỉ hài lòng hơn khi biết từ Ngài *Tham tán* vào ngày 12 tháng 11, rằng Chính phủ Đế quốc đã sẵn lòng chỉnh lý và giảm nhẹ hiệp ước năm 1862.

... Đồng thời, người ta yêu cầu họ phải biết các đề xuất liên quan đến quan hệ thương mại của hai quốc gia. Từ đó, mặt họ mới tươi lên. Họ hiểu rằng họ có thể rời đi với một vài hy vọng thành công.³

Như Huế đã dự đoán, Phan Thanh Giản gặp được một bầu khí thuận lợi ở Paris. Các cuộc viễn chinh xa xôi thực sự chịu nhiều chỉ trích ở Pháp. Những người ủng hộ nền chính trị lục địa đổ lỗi cho nó (các cuộc viễn chinh) vì đã phân tán và phung phí nguồn lực của đất nước vì lợi nhuận tạm bợ ở những nơi xa trung tâm. Các nhà tài chính chỉ trích vì nó làm việc thâm hụt ngân sách trầm trọng ngày càng tăng.

(trước thêm cuộc bầu cử năm 1863, một nỗ lực tuyệt vọng được

1. Lưu ý: Nghĩa của câu này là: *Nước Pháp, nhân từ đối với tất cả các quốc gia và người bảo vệ kẻ yếu, truyền bá về mọi mặt nền văn minh nhẹ nhàng và an lành, nhưng rất nghiêm khắc đối với những kẻ cản trở bước đi của nó. Cụm từ cuối cùng được dịch sang tiếng Việt bằng ba từ ngụ ý sự trừng phạt il faut trembler (phải run sợ). [Paulin Vial].*

2. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Giản (1796-1867) et sa famille...*, sđd, tr. 12.

3. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Giản (1796-1867) et sa famille...*, sđd.

thực hiện để khôi phục trạng thái cân bằng ngân sách năm 1863 và 1864, Émile Keller.)

Cuối cùng, trong số hiếm người biết đến Viễn Đông, nhiều người nghĩ như Trung tá hải quân Aubaret, rằng thiết chế và lối suy nghĩ châu Á quá khác biệt so với châu Âu để Pháp có thể thành lập một hệ thống quản trị hiệu quả và truyền bá văn minh ở những quốc gia xa xôi này.

Phan Thanh Giản rất khéo léo lợi dụng những khuynh hướng này. Với sự hỗ trợ của Aubaret, ông đã soạn thảo một hiệp ước dự thảo để thay thế hiệp ước Sài Gòn. Khi kết thúc các thỏa thuận mới này, Pháp, bỏ thuộc địa ở Hạ Đàng Trong, đồng ý sở hữu một thương điểm ở đó, Pháp chấp nhận nhượng lại ba tỉnh miền Đông, ngoại trừ các lãnh thổ nhỏ, kiểu như đồn Macao thu hẹp, quanh Sài Gòn, Mỹ Tho và Cap St. Jacques. Để bù đắp cho việc từ bỏ chủ quyền này, Pháp được quyền bảo hộ toàn bộ sáu tỉnh, một chế độ bảo hộ không định rõ, được thực hiện chủ yếu bằng cách trả tiền cống nạp vĩnh viễn cho Pháp.

Trong sứ vụ đến Pháp này, ông quan sát một cách rất tinh anh và hiếu kỳ tìm hiểu mọi thể hiện của nền văn minh phương Tây được thấy trong suốt chuyến đi qua Singapore, Suez, Marseille và Paris. Tốc độ đường sắt vận chuyển từ Marseille đến Paris cho ông cảm hứng sáng tác những câu thơ sau:

*Nhanh hơn nhiều so với chim và ngựa,
Đầu máy này thường chạy ngàn dặm một ngày.¹*

Trong lúc góp phần chuẩn bị văn kiện ngoại giao mới nhằm xác định mối quan hệ giữa Pháp và Đại Nam, các sứ giả đến thăm quan các điều kỳ lạ về kỹ nghệ và khoa học của thủ đô, điều khiến họ ngưỡng mộ trong một thời gian dài.

Ví dụ, họ đến thăm tàu hơi nước đã đưa họ đến châu Âu và các xưởng khác nhau tại Toulon, nơi mà *máy móc thay thế sức mạnh cơ bắp*

1. Đào Thái Hạnh, "Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l'Annam. (1796-1867)", tldd, tr. 220.

trong các nhà máy sản xuất thùng chảo, xưởng đúc và vũng sửa chữa tàu. Ở Marseille, tại khách sạn nơi họ ở, họ quan tâm đến việc thắp sáng bằng khí đốt¹. Ở Paris, ngày 16 tháng 10, họ đến thăm một nhà máy thuốc lá; ngày 18, họ tham dự một buổi thả khinh khí cầu; vào ngày 19, họ đến thăm một nhà máy giấy và hầm rượu; ngày 20, hai nhà máy luyện kim; ngày 21, họ tham dự buổi tổng duyệt quân đội của Hoàng đế tại Bois de Boulogne; ngày 24, Cung điện Kỹ nghệ; ngày 26, Cung điện Versailles.²

Mỗi lượt thăm viếng đem lại các mô tả chi tiết dài trong đó các từ mới, phiên âm theo ngữ âm tiếng Hán, được ghi lại chính xác. Một số trong số chúng tiếp tục sử dụng trong tiếng Việt hiện đại, ví dụ: a-xít [acid], pô-ta-xơ [potasse], v.v...³ Tương tự, các du khách chúng tôi chia sẻ những quan sát trên giấy ghi được sử dụng ở phương Tây.

Sau một thời gian ngắn ở Madrid, các sứ giả trở lại Sài Gòn vào ngày 18 tháng 3 năm 1864, ngay lập tức họ quay về Huế, vui mừng thông báo với nhà vua về thành công của các đàm phán khó khăn. Thực sự, họ nghĩ rằng các cuộc tiếp đãi nồng nhiệt mà họ liên tục được mời có nghĩa là Chính phủ Pháp đã đồng ý sửa đổi Hiệp ước 1862 theo như Tự Đức yêu cầu. Trong thực tế, họ đã phải nhận ra rằng các giảm thiểu được thực hiện là tối thiểu.

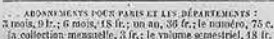
Trong chuyến đi châu Âu, Phan Thanh Giản đánh giá cao một số mặt của nền văn minh phương Tây và tin rằng chỉ cần áp dụng các ý tưởng mới là có thể cứu đất nước bằng cách đưa nó vào con đường tiến bộ. Đúng đầu phe được gọi là phái chủ hòa, Phan Thanh Giản là hiện thân của những ý tưởng trung dung và hòa giải trong Cơ mật viện. Nhưng ông không thể làm những ý tưởng này thắng thế và không can ngăn được Triều đình Huế thi hành chính sách tối tệ nhất.

1. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldd, tr. 213.

2. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldd, tr. 243-279.

3. Phạm Phú Thứ, *Nhật ký đi Tây*, tr. 205, 210.

2 APR 1859



N° 830. — Vol. XXXIII. — BUREAUX : RUE RICHELIEU, 60.
 Vu les traités internationaux, les éditeurs se réservent le droit de
 reproduction et de traduction à l'étranger.

ABONNEMENTS POUR L'ÉTRANGER :
Par an, 36 fr.; plus les droits de poste, qui varient de 26 fr. à
42 fr. 84 c. par an, suivant les indications données au n° 722.

[illegible]

de la discussion. Or il est toute la question : la France veut une chose, et l'Autriche demande justement le contraire. Une chose sur quoi nous à toujours eue. Il s'agit de revisiter en partie le traité de 1815, ce traité qui à lui-même atelié par de nouvelles clauses les traités déjà existants : or le premier article de ce traité porte que la famille de l'empereur Napoléon sera à jamais exclue du trône de France ; quoique le fait ait donné un éclatant démenti aux résolutions et aux prévisions des très-hautes vicinatrices du traité.

Il n'en reste pas moins vrai que cet article, si lui seul est pour l'Empereur une cause suffisante d'une demande de révision, mais ce n'est pas tout : la France, au nom commune elle est maintenant dans ses exigences libérales en faveur de l'Italie, réclame cette révision afin de décharger l'Italie, soit du protectorat onéreux de l'Autriche, soit de sa domination despotique; l'Autriche, de son côté, semble se vouloir accepter le congrès que pour en tirer une nouvelle et éclatante confirmation de ses droits diocésains aujourd'hui.

de nous faire passer pour des diplomates, mais nous montrons avec laquelle peut être tenue ce grand gendarme de la politique. L'Empereur d'Autriche se livre en France par la perspective d'une guerre dont les conséquences seraient énormes, qu'il peut avoir des suites telles qu'on ne l'aurait soupçonnées. Qu'il aille donc à Paris Accepter les propositions de paix, et se débarrasser des questions à peine insolubles par les deux diplomates. Mais, si l'Autriche n'est pas allée qu'on ne dise par la guerre pour la guerre on par esprit de conquête; attendre les propositions une fois connues, la faire connaître à la France; lui offrir la paix, et lui proposer ses exigences, que la France ne peut accepter des lasses de négociations dont une action non décisive ne peut être obtenue. La puissance ne veut que les difficultés préjudiciables de la guerre. La France ne peut pas se faire une guerre parallèle entre ce qui était et ce qui serait, revivifier le sentiment national un moment endormi, et se débarrasser de la guerre. La même formidable puissance par l'absence volontaire du pays; cette politique, qui, si elle malheureusement, est la seule qui puisse rendre indéchiffrable les maux que nous voudrions voir finir, et qui nous donnerait peut-être finalement plus de chances de succès que les interminables discussions que les internationalistes ont cru que nous aurions pu avoir. La France a l'indulgence française en Europe. Au reste, nous que les autres ne veulent pas de la guerre, et que nous venons de dire, il est facile de voir que les ne croient pas que la guerre soit une action. La France, un arrangement politique, les expriment hautement le dessein que la première qui a pressenti la guerre, et les internationalistes.

[illegible]

Vai trò của Phan Thanh Giản trong giai đoạn 1862-1867 ♦ 117

THAY ĐỔI CHÍNH PHỦ

Sức khỏe Bonard xấu đi. Ngay khi Hiệp ước 1862 được vua Tự Đức và chính ông ký kết tại một đại lễ tại Huế, Bonard chuyển giao tất cả quyền lực cho người kế vị, Chuẩn đô đốc de La Grandière. Thoạt tiên người này được cho là chỉ ở Nam Kỳ một thời gian ngắn. Tuy nhiên, sau vài tháng, ông đã gắn bó với xứ này và đảm nhận một công việc lớn lao là tổ chức Thuộc địa, với sự hỗ trợ của vị Bộ trưởng đương nhiệm, Chasseloup-Laubat. Khác với Bonard, người này không còn giao quyền quản lý làng xã ba tỉnh cho các quan lại An Nam, trái lại ông hoàn toàn loại bỏ họ khỏi các vị trí quyết định mà ông giao chủ yếu cho người Pháp – một số ít viên chức dân sự và đa số là các sĩ quan hải quân – tuy nhiên, công việc của họ được giúp đỡ nhờ những người An Nam tín cẩn, được xếp ở vị trí cấp dưới.

SỨ MỆNH CỦA AUBARET Ở HUẾ (THÁNG 6 NĂM 1864), NGOẠI GIAO CỦA PHAN THANH GIẢN CÓ THÀNH CÔNG?

Ngày 18 tháng 6 năm 1864, Aubaret được phái đến Huế để đàm phán một hiệp ước mới, để những nhượng địa, do Tự Đức yêu cầu, và được Phan Thanh Giản biện bác, trong chuyến thăm Paris, Pháp có thể nhận được bồi thường thỏa đáng.

Aubaret, có lẽ nhờ biết tiếng Hoa và An Nam, đặc biệt thân thiết với Phan Thanh Giản và nghiêng về các yêu cầu của ông. Đó là lý do tại sao de La Grandière và các sĩ quan hải quân khác khá lạnh lùng với anh ta, như thể anh ta không xứng đáng thuộc về phía họ và cách nào đó đã phản bội những lợi ích của nước Pháp!

Trong khi Aubaret từ Huế trở về với hy vọng nhìn thấy những nỗ lực của mình ít nhất là được nước Pháp hiểu và chấp thuận, Đô đốc de La Grandière tiếp tục công việc chuẩn bị chậm chạp cho việc sáp nhập các tỉnh miền Tây. Ngày 25 tháng 7 năm 1864, ông gửi một lá thư¹ đặc

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 168.

biệt cho Bộ trưởng, liệt kê các khoản tiết kiệm mà ông đã đem lại kể cả về nhân lực quân sự và ngân sách thuộc địa, mà ông không thể không phản ánh:

Không kể các dự án bỏ đi, doanh thu năm nay của chúng tôi đã vượt quá 4 triệu, thay vì 9 triệu như dự kiến và năm tới chắc chắn sẽ đạt 5 triệu cho riêng chín tỉnh và đây không phải là con số cuối cùng.

BÁO CÁO QUYẾT ĐỊNH CỦA CHASSELOUP-LAUBAT

Nhưng vẫn chỉ là một án treo. Pháp cuối cùng sẽ quyết định thế nào? Đó là phê chuẩn kế hoạch Aubaret, loại bỏ tiền phạt, hay chỉ đơn giản là tuân thủ hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862? Chính phủ đế quốc đã cam kết nửa vời, ngăn ngại công khai. Ngoài ra, theo phần lớn công trình của Abel¹, Chasseloup-Laubat liên tục hành động ủng hộ cho một Nam Kỳ thuộc Pháp. Ngày 4 tháng 11 năm 1864, Bộ trưởng gửi cho Hoàng đế một bản báo cáo dài, trong đó nêu ra nhiều lý do khiến ông ủng hộ duy trì hiệp ước Bonard và loại bỏ hoàn toàn hiệp ước mới của Aubaret.

Bốn chương của báo cáo này, một số phần đã được các nhà sử học biết đến². Sau đây là tóm tắt nội dung báo cáo của chúng tôi:

a) Lịch sử công cuộc thuộc địa hóa đã hoàn tất

Công trình của các thống đốc đô đốc đầu tiên: Rigault de Genouilly, Charner, Bonard và La Grandière. Tình hình địa lý độc đáo của Sài Gòn nêu lên trong một câu, sau đó là sự giàu có của khu vực:

Sài Gòn, bên bờ sông Đồng Nai: con sông này, không có bãi bồi, không có rạn san hô, độ sâu nước cho phép các tàu chiến có trọng

1. M. H. Abel, *La Question de Cochinchine au point de vue des intérêts français*, Challamel Aîné, Paris, 1864, 64 trang.

2. Trích một phần từ *Les Premières années de la Cochinchine, colonie française* của Paulin Vial (sđd, tr. 284-296) và *La Geste française en Indochine* của Georges Taboulet (sđd, Tập II, tr. 499-507).

*tải cao nhất neo đậu ở bến trước thành phố, và thậm chí kéo lên
sứa chữa¹[...] Đó là đồng bằng sông Nile, nhưng lớn và đẹp hơn
nhiều; xứ đó, với Bắc Kỳ, cung cấp gạo cho cả vương quốc và một
phần của Trung Hoa²*

và vị trí chiến lược của nó:

*chỉ có một con đường dẫn từ Huế đến Sài Gòn; và một khi đường
bị cắt, chỉ bằng đường biển mới có thể giao thương giữa Huế và
Hạ Đà Nẵng Trong.³*

Hoạt động quân sự: Đô đốc Charner phá hủy tuyến phòng thủ của
đối phương, chiếm được Sài Gòn và sau là vùng phụ cận, kể đến ra để
nghị hòa bình (tháng 2 và tháng 3 năm 1862), người kế vị của ông là Đô
đốc Bonard (tháng 11 năm 1861) đã:

*đuổi địch từ Biên Hòa, chiếm Barriah, chiếm giữ Pulo Condor
(sic) và Vinh Luong (sic) (tháng 3 năm 1862).*

Trước việc mất chắc sáu tỉnh Hạ Đà Nẵng, Huế đồng ý với hòa
ước, ký ngày 5 tháng 6 năm 1862 tại Sài Gòn, theo quy định:

*Ba tỉnh và đảo Poulo Condor được nhượng lại cho Hoàng đế; một
khoản bồi thường 20 triệu nộp cho Pháp và Tây Ban Nha; người
An Nam có thể theo đạo Thiên Chúa. Người Pháp và Tây Ban
Nha có thể tự do buôn bán tại ba cảng Tourane, Balat và Quan
(sic)-nam⁴*

Chasseloup-Laubat báo cáo rằng Pháp, có thể thay vì ký hòa ước này,
tiếp tục chiếm dễ dàng các thành và lãnh thổ khác, nhưng:

*cuộc chinh phạt của ba tỉnh giàu có đã cho Đô đốc Bonnard (sic)
một kết quả khả quan.⁵*

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 196-228.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđđ.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđđ.

4. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđđ.

5. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđđ.

Lúc này, Bộ trưởng đưa ra quan điểm lật lọng ngược với Aubaret, người ủng hộ Huế cho một dự thảo hiệp ước khác:

Thêm nữa, Đô đốc tin vào một hòa ước nghiêm túc và chân thành, [...], và một sĩ quan nói tiếng Trung Hoa và An Nam, và người hết sức tự tin nắm giữ các vấn đề bản địa, khiến ông ta không mấy may nghi ngờ về mặt này.¹

Theo ý cá nhân, ông nhấn mạnh sai lầm đã phạm:

Triều đình Huế tiếp tục kêu gọi dân chúng nổi dậy, [...] Quân Định phát tín hiệu cho cuộc nổi dậy².

Tuy nhiên, việc này nhanh chóng bị tiêu diệt, trong một vài ngày tất cả đã quy phục:

Triều đình Huế, lần lượt phê chuẩn hiệp ước, quyết định gửi Phan-Tan-Giang (sic) đến Paris, người đã ký hiệp ước để yêu cầu Hoàng đế nhượng lại ba tỉnh.³

Tác giả bản báo cáo giải thích sự hiểu lầm tồn tại ở mẫu quốc về vấn đề Nam Kỳ và ông làm sáng tỏ điều đó: vùng đất này được ít người Pháp biết đến, dư luận phản đối các cuộc viễn chinh xa xôi và sau đó lẫn lộn các chi phí phát sinh cho Trung Hoa và các tiêu tốn cho Nam Kỳ. Không nhận biết rõ khiến người ta e ngại những khoản tiền này, do vậy đã gán tội cho Nam Kỳ. Vì vậy mới có ý nghĩ cho rằng bằng cách giới hạn lại thông qua việc chiếm đóng thu hẹp, lợi thế thương mại sẽ dễ dàng đạt được hơn là đi theo hướng thành lập một cơ sở ở Sài Gòn. Đề nghị của Tự Đức có vẻ phù hợp:

bắt chước những gì người Anh làm ở Trung Hoa có phải tốt hơn là cố gắng làm theo tấm gương của họ ở Ấn Độ, nơi đế chế của họ chỉ dựa trên các tranh chấp mỗi ngày?⁴

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

4. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

Tuy nhiên, Chasseloup-Laubat chứng minh rằng lựa chọn chiếm đóng thu hẹp này sẽ khiến Pháp phải chi tiêu đáng kể và hy sinh quân sự cực kỳ nghiêm trọng, và người ta đã lầm tưởng rằng dân chúng thù địch và nghĩ chúng ta làm kinh tế để cai trị họ và chỉ có hòa bình mới cho phép chúng ta gặt hái thành quả từ chính quyền của chúng ta.

Dẫu vậy, dư luận bị lôi kéo vào, theo đó đã có một dự thảo hiệp ước được chuẩn bị trên cơ sở những căn cứ này, bản hoạch định mà lãnh sự Aubaret được giao phó thương lượng tại Huế.

Nhưng việc hạ vũ khí, tuyên bố kích động một cuộc tổng khởi nghĩa mà việc đó dường như chắc chắn Huế không ngoài cuộc, Bộ trưởng Ngoại giao đã quyết định hoãn mọi cuộc đàm phán. Tuy nhiên lệnh này, đã không đến được tay của Aubaret sau khi ông rời Huế khi đó:

các cuộc đàm phán không có hồi kết.¹

Chasseloup-Laubat cuối cùng cũng ghi nhận sự tồn tại của hiệp ước mới này và đặt ra vấn đề mấu chốt:

Hôm nay là ngày để phê chuẩn chính thức, hoặc đơn giản là giữ lại hiệp ước tháng 6 năm 1862.²

b) Công trình của La Grandière: triển vọng lạc quan

Tuy nhiên, trước khi dư luận đưa ra quyết định, điều quan trọng là phải biết tình hình. Điều này được Chasseloup-Laubat giới thiệu như là công trình của Đô đốc de La Grandière, một con người:

Có ý chí lạnh lùng, có phương pháp, quản trị sáng suốt, tiết kiệm, phải gánh vác cả vương quốc Cao Miên.³

1. Aubaret không báo cáo các sự kiện theo cùng một cách (M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 135-137): *Đó là những suy nghĩ tự nhiên sẽ đến với tôi [...] nhưng mang một ý nghĩa mới trong tâm trí tôi khi những tin đồn bán chính thức đột nhiên đến làm tôi ngạc nhiên giữa cuộc đàm phán ở Huế [...] tuy nhiên, những tin đồn như vậy, tên của chính Hoàng đế được viện dẫn... đã khiến tôi bất lực trong một khoảnh khắc đi chệch khỏi hướng tôi đã vạch ra.*

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

Do đó, tác giả đã trình bày nhiều về tình hình của vương quốc giáp ranh với các tỉnh bị Pháp chiếm đóng, nơi chịu sự xâu xé giữa các tham vọng lấn đất của Xiêm và An Nam mà Pháp vừa chiếm được một phần:

*Vì thế chúng tôi yêu cầu Cao Miên phải độc lập.*¹

De La Grandière, lợi dụng hoàn cảnh thuận lợi, đã cùng vua Norodom thông qua:

... một hiệp ước đặt vương quốc này dưới sự bảo hộ của Pháp (do đó) tạo một nền độc lập ở Cao Miên, tách hẳn khỏi Xiêm...

Hoan nghênh thành công chính trị này, tác giả chuyển qua vấn đề tài chính, cũng đang được cải thiện mỗi năm. Ông ghi nhận:

*... doanh thu đã tăng lên nhanh chóng, (và rằng) chi tiêu nhà nước (đã) giảm. Độc lập với các lực lượng quân sự và hàng hải, Nhà nước chỉ phải trả tiền cho thống đốc và thủ quỹ. (và nhanh chóng), các tỉnh thậm chí sẽ phải cạnh tranh và đã đóng góp vào việc thanh toán chi phí duy trì và quốc phòng, do đó người ta tin rằng một ngày không xa tất cả các chi phí này sẽ được Nam Kỳ mang lại.*²

Tác giả giải thích những thành công tài chính này là nhờ vào:

*... phương thức quản trị đã được thông qua [...] tôn trọng tổ chức An Nam mà nó có quyền lực [và điều đó] đã cải thiện tình hình dân cư và khiến họ có thiện cảm hơn.*³

Ông mô tả với sự ngưỡng mộ hệ thống hành chính của người An Nam, sau đó trình bày tình hình ngôn ngữ của xứ sở: dân chúng nói tiếng An Nam chịu cai trị bởi tầng lớp quan lại quý tộc chỉ diễn đạt bằng tiếng Hoa, tiếng nước ngoài, nhưng chỉ có khả năng viết. Bây giờ, những quan lại này, mặc dù người An Nam:

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

... không bao giờ (có thể) có chỗ đứng ở đất nước nơi họ sinh ra và có gia đình, [...] không bao giờ sở hữu bất cứ điều gì, tiếp theo là không có mối liên hệ nào giữa họ và cộng đồng. (họ) không có bất kì lợi ích chung (với nhau)...¹

Và tác giả cho rằng sự biến mất của *nỗi khiếp sợ* mà các quan lại gây ra cho dân làng giải thích lý do tại sao *họ giao nộp chúng cho chúng tôi như những phiên quân, truy đuổi chúng, giết chúng*. Ông tuyên bố rằng:

Khi dân chúng An Nam nhận ra rằng chúng tôi tôn trọng tổ chức của làng xã, bảo tồn tất cả các phong tục, luật pháp, tài sản của họ, rằng chính họ là người quản lý nó; và chính quyền của chúng ta công bằng, trung thực, nhân từ hơn, có lợi ích dồi dào cho đất nước họ so với các quan lại, họ không còn ngần ngại đến, để chúng tôi tỏ sự thiện cảm và thành tâm với chúng tôi.²

Liệt kê những đóng góp của chính quyền Pháp *nhân từ và hiệu quả* trong các lĩnh vực truyền bá niềm tin, giáo dưỡng, bảo trì bệnh viện bản địa, công trình công cộng, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho nông nghiệp, nền thương mại non trẻ, một tổ chức tư pháp *có sự bảo đảm nghiêm túc cho các bị cáo*, sau đó ông đặt ra vấn đề:

... (để) tìm hiểu xem một hiệp ước mới có giới hạn sự chiếm đóng của chúng tôi [...] và buộc chúng tôi phải từ bỏ một phần chúng tôi đã tạo lập phải được phê chuẩn hay không...³

c) Chỉ trích Hiệp ước mới của Aubaret

Tác giả, rõ ràng trái ngược với ý kiến của Aubaret, chỉ ra rằng các điều khoản của hiệp ước mà ông ký kết tại Huế khác với kế hoạch đã được giao phó cho ông. Nguyên tắc của nó được sửa đổi. Thay vì cống nạp hằng năm và vĩnh viễn từ 2 đến 3 triệu, người An Nam chỉ đồng ý trả khoản bồi thường 2 triệu trong bốn mươi năm (Điều 19). Khác xa với

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

việc chấp nhận sáu tỉnh đặt dưới sự bảo hộ của Hoàng đế (Điều 4), Huế thừa nhận quyền bá chủ của Napoleon III, nhưng cho rằng không đòi hỏi An Nam làm chư hầu. Cuối cùng:

... không còn là sự bảo hộ được khẳng định bởi công phẩm hàng năm, đó là một sự chuộc lại thuần túy và đơn giản.¹

Tuy nhiên, tác giả thừa nhận rằng Aubaret đã từ chối ký kết ở điều khoản này. Nhưng ông liệt kê tất cả các sửa đổi được thực hiện và những hậu quả, liên quan đến thương mại, tự do di chuyển của người Pháp trong Vương quốc, tự do vận chuyển vũ khí và quân đội mà không cần sự cho phép trên đường thủy phụ thuộc vào chính quyền Pháp (Điều 3). Ông đặc biệt nhấn mạnh đến hậu quả đạo lý của những sửa đổi đã thực hiện đối với Điều 16 quy định rằng người An Nam:

... họ đã bị đặt dưới sự thống trị của chúng ta sau Hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, và đã trung thành chấp nhận, nhưng họ sẽ bị tái định cư dưới sự cai trị của Huế, không bao giờ bị truy tầm (hoặc bị hà hiếp) để đệ trình lên chính quyền của chúng ta.

Bây giờ, hiệp ước mới trao cho những người An Nam này “*ân xá*” như là những tội phạm. Đối với tài sản bị tịch thu, sẽ được trả lại, *nếu vẫn còn trong tay chính phủ* (Điều 16)!

Tác giả cho biết thêm:

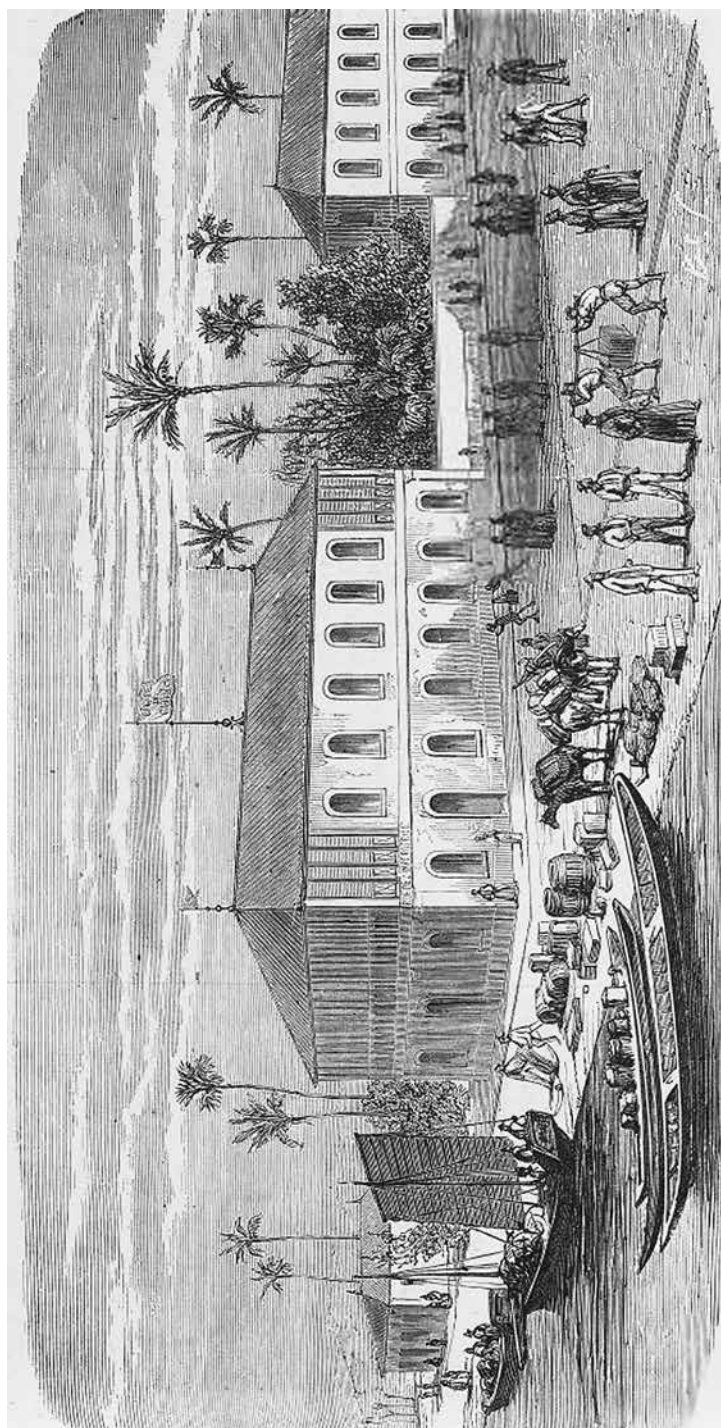
Hiệp ước mới phải nói, dường như để cập và hợp pháp hóa tất cả những gì Tự Đức đã làm.²

Liên quan đến việc thờ phượng Thiên Chúa giáo (Điều 14), một điều khoản mới dường như đã được Huế chèn vào để giảm bớt phạm vi của quy định này:

... một mặt, hiệp ước cho phép người An Nam theo đạo Thiên Chúa, mặt khác, nó trừng phạt người An Nam vi phạm luật pháp

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.



CHI NHÁNH MỚI Ở SÀI GÒN DƯỚI THỜI CHÍNH QUYỀN DE LA GRANDIÈRE, NĂM 1864

Nguồn: *L'illustration, Journal Universel*

của vương quốc (Điều 14) và, trong số những luật này, là chống lại việc theo đạo Thiên Chúa.¹

Và Chasseloup-Laubat kết luận:

từ quan điểm đạo lý, những khác biệt này là xấu vì chúng làm thay đổi chính nguyên tắc của kế hoạch liên quan đến sự bảo hộ và sự tương quan của nó đối với sự cống nạp hàng năm, vì chúng đặt những cộng đồng dân cư trung thành vào phục chúng ta trước một sự ân xá đầy hạn chế, và trong đó sự thành tín của chúng ta đối với dân chúng và ảnh hưởng của chúng ta ở các xứ sở này đặc biệt bị tổn hại, cuối cùng vì chúng giảm bớt thay vì làm tăng sự bảo đảm mà hiệp ước năm 1862 đã quy định có lợi cho an ninh, thương mại, tôn giáo của chúng ta²... rõ ràng lợi ích duy nhất của Pháp phải là kim chỉ nam...

d) Hậu quả tai hại nếu chúng ta phê chuẩn hiệp ước mới

Chasseloup-Laubat tìm cách chứng minh rằng việc thông qua hiệp ước mới sẽ không mang lại lợi ích gì cho Pháp, sẽ làm mất mọi thuận lợi quý giá có được và tất cả những điều người ta có quyền hy vọng trong tương lai. Tầm quan trọng của Sài Gòn và Mỹ Tho sẽ chỉ có giá trị nếu:

... xứ này hoàn toàn nằm dưới sự thống trị của chúng ta và chúng ta điều khiển việc giao lưu thương mại, [...] thì chúng tôi chắc chắn bảo đảm ý nguyện của dân chúng và lợi ích của họ ở thị trường của chúng ta. Nhưng, đồng thời thừa nhận ý nguyện đó,³

thì điều rất đáng nghi ngại là liệu họ có lợi ích khi giao thương các sản phẩm của mình thông qua hai thành phố này hay không.

Nhưng nếu, thay vì thiện ý, họ lại bộc lộ cảm giác thù địch chống lại chúng ta, [...] dần dần cô lập chúng ta. [...] Khi đó, chắc rằng

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tlđd.

chẳng mấy chốc chính quyền của Tự Đức, trở lại làm chủ các tỉnh này, [...] nếu không dùng mọi phương cách có thể nghĩ ra để thủ tiêu giá trị của những điều buộc họ phải từ bỏ chúng ta [...] Việc tạo ra một chi điểm ở Sài Gòn sẽ không có tương lai.... một sự chiếm đóng thu hẹp như vậy sẽ là một gánh nặng không cần thiết, tương đương với việc tháo lui.¹

Đô đốc de La Grandière dự đoán rằng:

Bó hẹp trong ranh giới, chúng ta sẽ thấy xung quanh trống vắng, buôn bán quay lưng, mặc nhiên phong tỏa chúng ta từ mọi phía... [...] hầu hết lưu lượng giao thương biến mất ở những thành phố này, cuối cùng, bốn triệu hóa đơn thu thuế đã có và tăng gấp đôi sau vài năm, hai triệu sản vật cống nạp cho chúng ta bằng hiện vật, tất cả sẽ biến mất.

Nhưng, chỉ ít chi phí của chúng ta liệu có giảm đi không? [...] Ở đây một lần nữa, chỉ nhìn vào bản đồ là đủ thấy thuyết phục rằng sự chiếm đóng thu hẹp đòi hỏi hy sinh nhiều hơn việc sở hữu hoàn toàn ba tỉnh [...]²

Cũng vậy, Đô đốc de La Grandière viết:

[...] hai hoặc ba năm tới, chúng tôi có thể giảm một nửa số nhân viên của mình, hôm nay, cho sự chiếm đóng thu hẹp, chúng tôi cần ít nhất là con người. [...]

Như vậy, đứng về khía cạnh vật chất, khác xa với hiệp ước mới, chúng ta có một số lợi thế, [...], nó lấy đi tài nguyên mỗi ngày đáng kể hơn [...], và [...] các chi phí sẽ giữ nguyên, và gánh nặng càng nặng [...] sự hy sinh sẽ không được bồi hoàn.

Nhưng nếu đặt vào góc độ cao hơn, xứng đáng hơn với hoàng đế và đất nước chúng ta, thì hiệp ước mới sẽ có những hậu quả nghiêm

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

trọng hơn nhiều. Để thực hiện nó, chúng tôi phải di tản bốn đồn lũy quan trọng, một trong số đó đã được dựng lại, ba trong số đó đã được chúng tôi dựng lên, Biên Hòa, Bà Rịa, Tây Ninh, Gò Công.¹

Những công việc cần thiết này làm chúng tôi tổn kém nhiều nhất:

Đô đốc La Grandière viết, chúng ta sẽ phải khôi phục, hoặc triệt hạ chúng? [...] Hơn nữa, rất không hay khi để kẻ địch ở vị thế tốt.

Chúng ta cũng sẽ phải phá hủy mạng lưới đường dây điện báo này [...] nhiều trạm chúng tôi đã thiết lập ở các xứ sở này.

Nhìn nhận trên quan điểm cao hơn, báo cáo văn trích dẫn de La Grandière:

Trên hết, tôi muốn được nói về điều tôi phải làm với lần vi phạm hiệp ước đầu tiên, điều này sẽ không bao giờ được tuân thủ liên quan đến việc ân xá quy định cho các Kitô hữu và nhiều người đã thỏa hiệp với chúng tôi. Tôi sẽ không còn thân nhiên đứng ngoài cuộc xem sự tàn bạo đưa đến hậu quả bị bỏ rơi.²

Cuối cùng, ông đặt ra lợi ích đồng thời về kinh tế và chiến lược địa lý, cho thấy trước đây nước Pháp vắng mặt:

Vùng đất này vừa trao cho Hoàng đế [...] một trong những xứ sở đẹp và giàu có nhất trong khu vực [...] trung tâm mà nền văn minh Kitô giáo ở Viễn Đông sẽ lan tỏa ra.³

Và ông kết thúc với:

Vậy lợi ích [...] yêu cầu chúng tôi [...] duy trì Hiệp ước 1862 và để tiếp tục công trình của chúng tôi.⁴

Báo cáo tuyệt vời vào ngày 4 tháng 11 năm 1864 này, được ký tên Chasseloup-Laubat đã đặt dấu chấm hết cho cuộc tranh cãi. Tại Hội

1. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

2. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

3. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

4. Chasseloup-Laubat, Báo cáo ngày 4 tháng 11 năm 1864, tldd.

đồng Bộ trưởng ngày 10 tháng 11 năm 1864, quyết định được đưa ra là không phê chuẩn hiệp ước do Aubaret đàm phán.

Chasseloup-Laubat thông báo tin này cho Đô đốc de La Grandière vào tháng 1 năm 1865.

PHAN THANH GIẢN – KINH LƯỢC ĐẠI THẦN CỦA CÁC TỈNH MIỀN TÂY

Sau khi có được sự hài lòng ban đầu rõ ràng, sứ bộ của Phan Thanh Giản cuối cùng chỉ được dùng để trì hoãn thêm vài tháng để giải quyết vấn đề Nam Kỳ. Mặc dù chính quyền mẫu quốc thiếu sự nhiệt tình với cuộc chinh phục mới, bất chấp sự trì hoãn và hối lỗi của chính quyền này, vấn đề hiện đã được giải quyết. Nhờ sự kiên định của de La Grandière, sự cảnh giác của Chasseloup-Laubat, sáu năm sau khi chiếm Sài Gòn, ba tỉnh miền đông Nam Kỳ đã và vẫn còn là của Pháp.

Tháng 11 năm 1865, Phan Thanh Giản, vừa tròn 69 tuổi, xin Hoàng đế cho phép ông nghỉ hưu. Tự Đức từ chối và phong ông làm *Kinh lược đại thần*. Phan Thanh Giản tuân mệnh, nhưng năm 1866, ông đệ đơn từ chức lên Tự Đức, tuyên bố tuổi cao và sức yếu. Tuy nhiên, Hoàng đế từ chối và ra lệnh cho ông tiếp tục sứ mệnh đến cùng. Ông tiếp tục vai trò là Kinh lược tỉnh Vĩnh Long và duy trì quan hệ chùng mực nhưng lịch sự và trung thực với Đô đốc La Grandière.

Phan Thanh Giản trở lại Vĩnh Long vào tháng 1 năm 1866 để giữ chức Kinh lược các tỉnh miền Tây. Ông đến Sài Gòn vào tháng 7 năm 1866, đề xuất một hiệp ước thương mại, và quay trở lại ngày 13 tháng 11 năm 1866 để chào Thống đốc Đô đốc và nhận tin về cuộc mưu phản trong cung để truất ngôi Tự Đức, đã thất bại tại Huế, tháng 9 năm 1866.

Ngay sau khi được thông báo rằng phe của Chasseloup-Laubat cuối cùng đã giành thắng lợi và hiệp ước mới này không được phê chuẩn, điều mà ông lo sợ rất nhiều, giọng điệu những lá thư của đô đốc đã thay đổi hoàn toàn.

[...]. Tôi gắn bó với Nam Kỳ như một đứa con bị bệnh mà tôi chăm sóc, điều đó khiến tôi vô cùng âu lo. Tôi rất tiếc khi một người kế tục sẽ làm đảo lộn mọi thứ, cho chúng tôi sai trong dự báo, trong những hứa hẹn. Lòng tự trọng buộc tôi và, như lời Hoàng đế nói với tôi, “Hải quân buộc phải thành công”, vâng, chúng ta sẽ đạt vinh quang này đối đầu và chống lại tất cả những kẻ gièm pha; vâng, chúng tôi sẽ dẫn dắt thuộc địa, có lẽ chậm rãi, nhưng đảm bảo tương lai rực rỡ, và chúng tôi sẽ lấy được sự yêu mến và tôn trọng bởi những lân bang, những thần dân An Nam và khó khăn hơn, những thương nhân người Pháp chúng ta...¹

Từ thời điểm này, cuối cùng khi đô đốc yên tâm về tương lai của thuộc địa, chúng ta sẽ chứng kiến tiến trình có phương pháp của mọi nỗ lực chuẩn bị mà ông triển khai để chắc chắn thôn tính được ba tỉnh bị dòm ngó ở Hạ Đàng Trong.

Cuối tháng 1 năm 1866, ông báo cáo thành công quân sự đầu tiên, và nói về Phan Thanh Giản; ông thu thập những bằng cứ khiêu nại để biện minh cho việc ông ta chiếm hữu ba tỉnh bằng vũ lực.

Phiến quân Thiên Hộ Dương tên thật Võ Duy Dương, lãnh đạo cuộc nổi dậy ở Đồng Tháp Mười² nơi Pháp coi là một vị trí chiến lược từ đó có thể tấn công ba tỉnh miền Tây. Điều nhức nhối này của người Pháp đóng vai là một cái cớ? Thật vậy, đối với người Pháp, điều chính yếu trong việc chiếm hữu các tỉnh miền Tây nằm ở khả năng khai thác sông Mê Kông và triển vọng thương mại của nó đối với Cao Miên và Trung Hoa (từ cuộc thám hiểm của Doudart de Lagrée và Francis Garnier³).

1. Thư của Đô đốc Thống đốc gửi cụ thể cho Trung tá hải quân Mauduit-Duplessis (Văn khố Pháp Hải ngoại Nam Kỳ, sự vụ chung, hồ sơ số 4, sắp xếp tạm thời, chưa xuất bản). Xem thêm *La Geste française en Indochine* của Georges Taboulet (Tập II, tr. 547-548).

2. Nguyên văn: *Plaine des Joncs* tức đồng cỏ lát. (ND)

3. *The French in Indo-China: with a narrative of Garnier's explorations in Cochinchina, Annam and Tonkin* (Người Pháp ở Đông Dương: theo những hành trình khám phá của Garnier ở Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ), Nelson and Sons, Patternmaster Row, Edingburgh, 1884.

Trong khi đó, một sự kiện bi thảm đã làm xấu và phức tạp thêm tình hình: sự yên bình ngự trị lâu nay, đột nhiên bị xáo trộn bởi người Cao Miên giáp ranh với khu vực Tây Ninh. Đại úy de Larclause, Trung úy Lesage và nhiều binh sĩ bị phiến quân sát hại. Pou-Kombô bị buộc tội.

Trung tá Marchais, vội vã đến hiện trường, rơi vào phục kích của Pou-Kombô và bị giết.

Cho đến năm 1867, quan hệ Pháp-An Nam vẫn còn nhả nhặn, mặc dù các cuộc nổi dậy không ngừng đe dọa hòa bình. Chính quyền mới quản lý các lãnh thổ rất cứng rắn nhưng vẫn không tin tưởng vào cách xử sự của Tự Đức, ông luôn hai mặt. Hơn nữa, với sự đồng ý riêng, tất cả những vi phạm các điều khoản của hòa ước cho phép có đủ lý do để sáp nhập các tỉnh miền Tây ngay khi có cơ hội. Trong viễn cảnh này, Đô đốc de La Grandière đã bí mật chia sẻ cùng Chasseloup-Laubat với hy vọng nhìn thấy điều đó trở thành sự thật, chuẩn bị một cách có phương pháp cho cuộc xâm chiếm.

PHÁP BẮT NGỜ TẤN CÔNG VĨNH LONG, PHAN THANH GIẢN TỰ TỬ

Ngày 20 tháng 6 năm 1867, tàu của Hải quân Pháp, dưới sự chỉ huy của Đô đốc de La Grandière, đến bao vây Vĩnh Long. Phan Thanh Giản, được mời lên tàu, đã bị bắt ngờ trước tối hậu thư: đầu hàng hoặc bị đánh bom tàn sát.

Paulin Vial mô tả¹ các sự kiện trong đó ông đã tham gia như sau:

Vào ngày một màn sương mù dày đặc bao trùm cả đất nước và những con tàu dàn hàng phía trước Vĩnh Long. [...] Lúc bảy giờ rưỡi, [...] các con tàu vào vị trí chiến đấu.

[...] Khi một phụ tá của đô đốc yêu cầu thành đầu hàng, các thủ lĩnh An Nam đoán chắc rằng bất kỳ sự kháng cự nào cũng sẽ vô ích trước các lực lượng bao vây họ.

1. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française*, sđd, Tập II, tr. 128-132.

Phan Thanh Giảng (sic), Phó đô ngự sử của Vương quốc và Kinh lược các tỉnh miền Tây có toàn quyền hành xử trong tay. Từ nhiều tháng, ông biết rằng người Pháp, bị kích động bởi sự khiêu khích và hoạt động không ngừng của các viên chức thuộc hạ của Triều đình Huế, cuối cùng xâm chiếm Vĩnh Long. Ông đã làm tất cả những gì có thể để mở mắt cho đồng bào và khiến họ tôn trọng quyền lợi của chúng ta; nhưng những nỗ lực của một người sáng suốt có thể làm gì để thay đổi tinh thần và truyền thống lâu đời của một chính quyền không muốn biết về những gì đang diễn ra bên ngoài Đế quốc An Nam!

Phan Thanh Giản, bình tĩnh trước thảm họa sắp xảy đến, lập tức đồng ý giao thành đầu hàng.

[...] Trong khi Phan Thanh Giản nhượng bộ với sự từ bỏ hiển nhiên xứ sở rộng lớn mà ông không thể tranh chấp, một tấn thảm kịch đang diễn ra. Ba vị nho gia quan lại từ Huế [...] đã ở Vĩnh Long [...] trong một cuộc chiến tranh, cố gắng vượt qua bất chấp lệnh ngăn cấm. [...] Khi một trong những người của họ bị thương bởi một phát súng [...] – phát súng duy nhất trong ngày. Người đứng đầu của những vị quan này, một ông già nhưng đầy nghị lực, đang quằn quại trong những cơn co giật dữ dội. Ông chết vài giờ sau và chúng tôi biết ông ta đã tự đầu độc. [...]

Đoạn văn này cho chúng ta giả định rằng chỉ vì nhân từ mà Phan Thanh Giản bị bắt dễ dàng như vậy. Ta cũng có thể tự hỏi liệu sự sáng suốt của ông lão yếu đuối này không cao thượng hơn sự anh hùng của một số võ quan sẵn sàng chết trước một trận chiến nắm chắc thất bại hay chẳng.

Ta đã biết phần tiếp đáng buồn của việc đầu hàng hòa bình này. Phan Thanh Giản theo dõi kỹ càng việc chuyển giao quyền lực diễn ra êm thấm, về những khoản ngân khố hoàn toàn được giao vào tay người Pháp để tránh bị trả thù thêm.

Sau đó, ông lui về nơi ở đơn sơ của mình, trong 17 ngày nhịn ăn kéo dài chuẩn bị quyên sinh, thảo một lá thư cho nhà vua, cuối cùng uống thuốc phiện tự tử (ngày 2 tháng 8 năm 1867) và qua đời ngày 4 tháng 8 năm 1867.

Đây là ghi chép về cái chết của vị anh hùng này dưới ngòi bút của Paulin Vial:

(Tr. 144) Phan Thanh Giang (sic) [...] đã tự hợp đồng đúc gia đình quanh ông ở Vĩnh Long; ông nghiêm trang khuyến cáo các con trai không phục vụ Pháp, mà về quê sống yên bình, và ông đã ra lệnh rằng các cháu trai nên được nuôi dạy như người Pháp. Sau đó, ông tự đầu độc bằng một liều lớn thuốc phiện trước mặt thân quyến [...]. Ông chuẩn bị quan tài và gửi cho thống đốc Pháp một lá thư cảm động.

(Tr. 147) [...] ông Le Coniat, bác sĩ nổi tiếng của hải quân đã cố gắng hết sức để cứu Phan Thanh Giang (sic); nhưng chỉ kéo dài sự sống thêm bốn mươi tám giờ. Lão nhân lừng lẫy này đã trút hơi vào ngày 4 tháng 7 năm 1867.¹

(Tr. 150) [...] Trương Tổng đốc hay Tổng đốc Vĩnh Long, đã nói rằng muốn tự tử thay ông, nhưng Kinh lược đại thần danh dự tuyên bố phải một mình gánh chịu những hậu quả tai hại của chính sách An Nam.

Dưới đây là những sự kiện được báo cáo trong bài viết của Đào Thái Hạnh:

Đô đốc đã gửi tối hậu thư cho Phan Thanh, triệu tập ông đến nhượng cho Pháp ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Ngay lập tức Phan Thanh lên chiến hạm yêu cầu thương thuyết. Những nỗ lực của ông không có kết quả. Sau đó, ông làm một đệ trình rất trang nghiêm, không yêu cầu gì cho mình, nhưng xin đô đốc đảm

1. Ở đây Paulin Vial viết sai: Phan Thanh Giản mất ngày 4 tháng 8.

bảo yên bình cho dân chúng, để ngân khố lại cho Chính phủ An Nam quản lý; tất cả được đô đốc chấp thuận. [...]

Chịu trách nhiệm về các cam kết của ông với Pháp, Phan Thanh đã trích một triệu đồng bạc thu thập từ ba tỉnh để trả phần cuối cùng chi phí chiến tranh.

Thế là xong, ông niệm phong triều phục, ấn triện Kinh lược và một di ngôn tự viết gửi cho Hoàng đế Tự Đức.

Sau khi nhịn ăn vài ngày, ông uống thuốc độc tự tử.¹

Đây là những sự việc được mọi người biết đến, đến nay có thể được tìm thấy trong bất kỳ cuốn sách nào liên quan đến lịch sử Việt Nam hoặc khởi đầu công cuộc thực dân của Pháp. Trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét những sự chỉ trích khác nhau mà Phan Thanh Giản là đối tượng.

1. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldd, tr. 221.



TU-DUC, EMPEREUR D'ANNAM, SOUS LE RÈGNE DUQUEL FUT SIGNÉ LE TRAITÉ CÉDANT LA BASSE COCHINCHINE
A LA FRANCE (D'ESSIN DE L. RUFFIER)

CHÂN DUNG TỰ ĐỨC

© L. Ruffier

PHẦN THỨ HAI

Phan Thanh Giản bị chỉ trích thiếu khách quan

Ông có lẽ là người đầu tiên hiểu được những sai lầm chính trị của các đời vua liên tiếp trong vấn đề từ chối mở cửa đất nước cho thương mại quốc tế, đặc biệt với các quốc gia phương Tây, hay việc áp bức những người Thiên Chúa giáo¹. Ông là một trong những người Việt Nam hiếm hoi từ rất sớm đã nhận ra khoảng cách lớn giữa nền văn minh phương Đông và nền văn minh của “những kẻ man rợ” phương Tây mà bấy giờ đang đe dọa nền độc lập và toàn vẹn của xứ sở; không thể chối cãi, khoảng cách này làm lệch cán cân về phía những kẻ xâm lược và không thể lấp đầy chỉ trong một thời gian ngắn.

Phan Thanh Giản vĩ đại ở chỗ dù biết rõ tình thế nhưng ông vẫn chấp nhận đóng vai phản bội, chịu trách nhiệm cho thất bại và làm “vật tế thần”, hy sinh mạng sống để cứu lấy danh dự của mình và lòng tự ái của Hoàng đế:

... Bốn-chức đáng chết. Hỡi các quan và lê dân, các người có thể sống dưới sự-điều-khiển của người Phú-lang-sa, những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến-tranh mà thôi, nhưng lá cờ ba sắc của

1. Trích bài “Thần thế, sự nghiệp và vai trò lịch sử của Phan Thanh Giản” của Giáo sư Văn Tạo, ngày 20 tháng 5 năm 1994. Vào năm 1859, người Pháp tấn công dưới sự chỉ huy của Rigault de Genouilly, Nguyễn Tự Giản đã dâng lên vua Tự Đức một bản kiến nghị về việc thương thuyết. Nhà vua thảo luận với Phan Thanh Giản và Trương Đăng Quế trong Cơ mật viện. Cả hai đều khuyên nên bỏ các sắc lệnh đàn áp Thiên Chúa giáo để dân chúng có thể nghỉ ngơi.

họ không thể phấp phới bay trên một thành lũy mà nơi ấy Phan-Thanh-Giản còn sống...¹

Phần thứ hai này dành cho nhiều bản án được tuyên nhằm chống lại Phan Thanh Giản sau cái chết của ông. Mặc dù đã tuyên bố ý định phục hồi ký ức từ đầu tác phẩm, chúng tôi sẽ không đưa vào chương này bất kỳ sự biện hộ nào để tìm cách chứng minh điều giả dối trong những lời buộc tội ông, chúng tôi để người đọc tự do phán xét. Chỉ trong phần thứ ba, chúng tôi mới trình bày những văn bản chưa được công bố có thể dứt khoát chứng minh sự vô tội của Phan Thanh Giản.

BỊ TỰ ĐỨC KẾT ÁN

Ngay khi tin tức về việc đầu hàng không kháng cự về đến Huế, không mất nhiều thời gian chờ đợi để nhận về sự bài xích chung của các quan trong Triều và liền ngay sau đó là một chỉ dụ trừng phạt của nhà vua². Hoàng đế, công khai cáo buộc bản thân đã sử dụng các quan chức bất năng, đổ lỗi nguyên nhân bị mất lãnh thổ là do *tuần phòng bất lực* của các võ quan; sự khinh suất từ bỏ ba tỉnh miền Đông của Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp; *đi sứ chẳng có công trạng gì, bỏ phế lúc sau* của Phan Thanh Giản và hai người đồng sự, *nhân tuần chinh mông* trong quản lý ba tỉnh miền Tây. Và Tự Đức quả quyết:

... Đến như Phan Thanh Giản thì thủy chung đều quanh quất, lời nói không theo được việc làm. Dem học vấn danh vọng một đời trút sạch ra bể đông, thực là tán [sic – táng] tận lương tâm, quá đổi phụ ơn. Mặc dù đã lấy cái chết tự phạt nhưng cũng chưa đủ

1. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, tập II, tr. 519.

[*Chú thích của BT*: Bản dịch tiếng Việt được trích nguyên văn từ bài “Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản với sự chiếm cứ ba tỉnh miền Tây” của Phù Lang Trương Bá Phát, Tập san Sử Địa, số 7-8, tldđ, tr. 62.]

2. Chỉ dụ của Tự Đức, ngày 21 tháng 10 năm 1867 (tức ngày 24 tháng Chín năm Đinh Mão).

đền bù cho trách nhiệm! [...] Nên (trẫm) giao cả cho Tôn Nhân Phủ¹ và đình thần [...] để bàn định việc xử trí.²

[...]

Quan chức ba tỉnh tỏ ra vô tri như không thấy điều gì, do đó, khi bùng nổ chiến sự, thành lũy và pháo đài, đại pháo và vũ khí của ba tỉnh đã bị địch khống chế.

Sau những sự kiện này, cựu Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản coi trọng khí tiết, cho rằng đó là trách nhiệm của mình, không tiếp tục sống với sự ô danh đã quyết định quyền sinh. Các quan chức khác, xấu hổ, sống hèn nhát, hài lòng với việc trở về nhà như họ muốn. Đó là cách họ hiểu về trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ. Vì sự thờ ơ của họ là cực đoan, đáng để chịu các biện pháp trừng phạt nhằm khơi dậy lòng trung thành của giới quan lại và chấn chỉnh tinh thần dân chúng.³

Mặt khác, một sắc dụ của hoàng đế, thừa nhận những công trạng của Phan Thanh Giản, cho biết thêm:

Tuy nhiên, vì thiếu tài năng, ông ta không thể ứng phó trước các sự việc và khắc phục chúng. Hơn nữa, ông ta có khuyết điểm là

1. Tôn nhân phủ: đúng ra là Tông nhân phủ, là cơ quan quản lý nội bộ hoàng tộc thời quân chủ Trung Hoa và Việt Nam.

Nhiệm vụ chính của cơ quan này là trông nom sổ sách của hoàng tộc, soạn thảo ngọc phả, việc ghi chép ngày sinh và ngày mất cùng sơ yếu lý lịch của mọi thành viên trong hoàng tộc, cộng thêm việc thờ cúng đền miếu trong hoàng tộc.

Đời nhà Nguyễn, Tông nhân phủ chuyên trách các công việc của hoàng tộc, từ việc chọn người kế vị đến việc cất cử người hầu, do hoàng đế trực tiếp điều hành. Khi Thiệu Trị Đế lên ngôi, vì tránh húy [Miên Tông; 綿宗], Tông Nhân phủ phải cải thành [Tôn nhân phủ; 尊人府]. Thời Pháp thuộc, từ năm 1897, Hội đồng Tôn nhân phủ chịu sự kiểm soát trực tiếp của Toà Khâm sứ Trung Kỳ. (BT)

2. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 92-93.

[*Chú thích của BT*: Bản dịch tiếng Việt ở dưới đây được trích nguyên văn từ bài “Thái độ của Triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản: từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh” của T. Q. G. (Trần Quốc Giám?), Tập san *Sử Địa*, số 7-8, tldđ, tr. 154-157.]

3. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 97-99.

*thiên vị, cố chấp và thiếu độ lượng. Do đó, không xứng đáng giữ vị trí cao như vậy, dẫn đến vấp ngã trong những việc lớn mà ông chỉ đạo.*¹

Năm 1868, nhà vua đã lệnh đem ra trước Triều đình những trọng thần chịu trách nhiệm cho việc sáp nhập ba tỉnh An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long thuộc Pháp. Trong sắc lệnh của mình, nhà vua cáo buộc họ *không thực hiện các biện pháp phòng bị*, sau đó ra lệnh điều tra các tình huống và cuối cùng yêu cầu thiết lập chế tài.

Ba mươi hai quan lại đã ký vào một bản cáo trạng, do họ chuẩn bị theo lệnh của Tự Đức, một mặt định trách nhiệm cho một bộ phận quan chức và đề xuất các biện pháp trừng phạt tương ứng, vì thông lệ đòi hỏi qua một phiên tòa như vậy nên trách nhiệm nhà vua không bị chất vấn. Nhóm quan tòa này đã trích dẫn báo cáo của các Thống đốc, *Lãnh-dôcs (sic)* [Lãnh đốc], *Tông-dôcs (sic)* [Tổng đốc], Quyền thống đốc, Tham biện và Án sát tỉnh, và kết luận sau mỗi tờ cung đều *tương tự như nguyên đơn; tương ứng với lời khai có trong các báo cáo ban đầu của cựu Kinh lược, Lãnh đốc, Tổng đốc (An Giang và Hà Tiên), Tuần phủ (Hà Tiên)*².

Chính văn bản này tiếp tục tạo nên các cáo buộc chống lại Phan Thanh Giản:

*Kế hoạch chiếm ba tỉnh của Đô đốc không phải là mới. [...] Họ (Phan Thanh Giản và các quan chức khác dưới quyền của ông) lẽ ra phải khảo cứu chính xác tình hình, báo cáo và chờ chỉ thị của Triều đình. Nhưng họ không tiên liệu được cũng không biết tùy cơ ứng biến; do đó họ đã để vuột mọi cơ hội. [...] họ bị buộc tội thiếu trách nhiệm...*³

1. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 99.

2. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 102.

3. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd tr. 106.

Theo cách viết của bản cáo trạng này, dường như những người phán xử, để tìm ra chế tài giáng phạt nên viện dẫn một bổ sung của bộ luật quân sự theo quy định, liên quan đến việc thiếu trách nhiệm, đó là:

Nếu chính quyền cấp trên chậm trễ trong việc chuyển công văn, nếu chính quyền cấp dưới đưa ra các chứng tập không đầy đủ, mỗi người sẽ bị kết án theo lỗi của mình. Khi những sự vi phạm này làm hoạt động của quân đội bị ảnh hưởng, thủ phạm sẽ bị chém đầu, bị giam tù trong khi chờ bản án cuối cùng của Triều đình [...].

Do đó, bản án như sau:

Đối với cựu Kinh lược, Phan Thanh Giản [...], chúng tôi đề nghị áp dụng hình luật, kết án trảm giam hậu.

Tuy nhiên, họ còn thêm:

Trong số các quan lại bị kết tội, đối với Phan Thanh Giản, Nguyễn Văn Nhã, người đầu đã hy sinh mạng sống, người kia chết vì bệnh tật, chúng tôi xin miễn cho họ khỏi bị chém, phạt roi và lưu đầy.¹

Nghĩ rằng kết luận của bản cáo trạng trên chưa chi tiết rõ ràng, vua Tự Đức đã ban hành một sắc dụ, trong đó cũng đề cập đến Phan Thanh Giản:

Cựu Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản, Hiệp biện Đại học sĩ, Tổng nhất phẩm (1-2), từng khôn khéo dẫn dắt các cuộc hòa đàm và do sơ suất đã trao cho người nước ngoài ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Ding (sic) tuong [Định Tường]. Sau đó, được gửi đi thực hiện sứ vụ, ông cũng không hoàn thành nhiệm vụ. Cuối cùng, được bổ nhiệm làm Kinh lược đại thần, thì lại để vuột cơ hội, để mất ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên cùng một lúc. Hai lỗi này đều nghiêm trọng như nhau. Mặc dù sau các sự

1. Câu này không hề thể hiện chút gì giễu cợt, trừ ý đề cập đến lưu đầy, có thể dẫn ra nhiều trường hợp xác của tội nhân bị mang ra chặt đầu và xiềng xích (Nguyễn Văn Tường (1824-1886): quan văn phục vụ dưới triều vua Tự Đức và Hàm Nghi).

việc, ông tự tử, bản án này còn lâu mới che lấp được lỗi lầm của ông. Phan Thanh Giản [...] bị đục bỏ tên khỏi bia Tiến sĩ. Có thể án xử trăm hậu sẽ được giữ nguyên để bản án này, cho người chết, là lời cảnh báo cho mai hậu.¹

BI PHAN HUÂN VÀ NHÓM VĂN THÂN KẾT TỘI (NĂM 1862)

Phan Huân là một vị quan thuộc thế hệ Phan Thanh Giản và Cao Bá Quát², phục vụ dưới các đời vua Nguyễn cuối cùng. Theo Võ Hồng Huy³, Phan Huân hay Phan Hồng Huân người gốc Nghệ Tĩnh. Ông tham gia kháng chiến chống Pháp, khi Pháp tấn công Gia Định (1859):

1. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 107

2. Cao Bá Quát (1809-1854): nhà nho, sinh ở Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, đậu cử nhân năm 1831. Ông bị loại khỏi các kỳ thi Hương ba lần. Từng lấy những hiệu sau: Chu Thần, Cúc Dương, Mẫn Hiên. Năm 1841, ông được thăng làm quan trong bộ Lễ của Triều đình (Hành tẩu bộ Lễ). Ít lâu sau, được cử làm thành viên giám khảo Trường thi Huế, bàn với đồng sự Phan Nha, gian lận sửa một số lỗi cho hai thí sinh đặc biệt xuất sắc. Việc gian dối này bị phát hiện, theo luật thì bị kết án tử, nhưng xem xét danh tiếng của nhà thơ, nhà vua đã ân xá. Cao Bá Quát tiếp tục làm việc tại bộ Lễ. Năm 1843, ông theo sứ đoàn đến Singapore, bấy giờ là thành phố thuộc Anh và đã gọi cảm hứng cho ông làm bài thơ sau:

*“Nhai văn nhai chữ buồn ta,
Con giun còn biết đâu là cao sâu.
Tân Gia từ vượt con tàu,
mới hay vũ trụ một bầu bao la.
Giật mình khi ở xó nhà,
Văn chương chữ nghĩa khéo là trò chơi.
Không đi khắp bốn phương trời,
Vùi đầu án sách uống đời làm trai.”*

[Bản dịch của Trúc Khê]

Năm 1847, ông tiếp tục công việc tại bộ Lễ, nhưng đến năm 1850 bị chuyển ra Bắc Kỳ, huyện Quốc Oai, làm Giáo thọ.

Đây cay đắng vì bị tách ra khỏi Triều đình, ông móc nối với một hậu duệ nhà Lê, Lê Duy Cự, nổi dậy chống lại nhà Nguyễn. Bị bắt vào cuối năm 1854, ông bị chém đầu cùng hai người con là Cao Bá Phụng và Cao Bá Phong. (Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1992, 1131 trang, tr. 67).

3. Võ Hồng Huy, phần “Phan Huân (1814-1862)”, *Danh nhân Nghệ Tĩnh*, tập 4, 1991.

... Triều đình đã gửi Phan Huân đến Biên Hòa [...]. Ông chiến đấu anh dũng chống lại kẻ thù, nhưng thế địch quá mạnh, lực lượng chúng ta không thể giữ thành Gia Định hay Định Tường [...].

Rõ ràng chúng ta công nhận lòng dũng cảm và yêu nước của Phan Huân. Tuy nhiên, phải quan sát sự thay đổi lớn lao diễn ra vào thời điểm đó trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Châu Âu phát triển toàn diện về công nghiệp, kỹ thuật và khoa học. Một Việt Nam có nền văn minh, rất tinh tế trong lĩnh vực văn chương cổ (theo Hán văn) và triết học, nhưng còn nhiều lĩnh vực chưa được biết đến và đã không phát triển trong nhiều thế kỷ. Chắc chắn là khi đó, chỉ trong một thời gian ngắn, một số học giả – thường là tín đồ Thiên Chúa – đã có cơ hội biết đến sự phát triển của các kỹ thuật phương Tây và mong muốn truyền bá chúng ở Việt Nam. Nhưng phần lớn học giả và quan lại khác nghi ngờ việc đó, và, vì thiếu hiểu biết hoặc kỳ thị, đã quy tội cho nó về mọi điều xấu xa, phản đối việc đưa các kỹ thuật đó vào xứ sở. Quân đội Việt Nam, được phái đi đẩy lùi lực lượng viễn chinh Pháp và Tây Ban Nha, với Phan Huân và Nguyễn Tri Phương được trang bị rất ít ỏi những vũ khí cổ lỗ, điều này giải thích cho sự tiến công dễ dàng của quân xâm lược.

Tuy nhiên, trong suốt cuộc chiến này, Phan Huân không ngừng lên án chính sách của Triều đình và *phe thiểu số chủ hòa* mà Phan Thanh Giản đã tham gia. Nhóm quan lại, trong đó có Phan Huân, sớm thành *phe chủ chiến*, thường được gọi dưới tên *Văn Thân*. Nhóm hiếu chiến này chỉ có một ý tưởng xác định: tăng cường nỗ lực đẩy lùi kẻ xâm lược phương Tây, mà theo họ thì giá nào cũng không thể trụ lại được, vì khí hậu, địa hình xứ sở, cách xa căn cứ của nó, v.v... nhưng họ lại không nhận thức được các phương tiện kỹ thuật có sẵn của kẻ thù.

Ngay sau khi Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký hòa ước đáng tiếc vào ngày 5 tháng 6 năm 1862, Phan Huân đã trình lên vua Tự Đức một bản kiến nghị khiến nhà vua không hài lòng, điều đó cho thấy bầu

không khí thù địch ngự trị trong Triều đình giữa các đồng sự của Phan Thanh Giản:

Thưa Bệ hạ, thần đề nghị trước tiên chém đầu Phan Thanh Giản để giữ phép quân. Thứ đến, nên phát vãng Trương Đăng Quế về vùng quê để ngừa y phản bội.

Chúng ta có thể tự hỏi vị trí của nhà vua ở đâu khi bị ném vào giữa hai phe này? Theo Nguyễn Quang Ân², Triều đình đã từ chối tất cả các mối quan hệ với người phương Tây cũng như thỉnh cầu của những người cấp tiến ủng hộ canh tân đất nước. Nhưng, trên thực tế, nhà vua *hoàn toàn không phản đối ý tưởng của những người cấp tiến thời bấy giờ. Ông không nghĩ đến những canh tân lớn... nhưng muốn thay đổi tình trạng mà tổ tiên đã quyết định liên quan đến việc giao thương với người nước ngoài*³.

Thật không may, Tự Đức hỏi ý kiến các quần thần⁴ trong Triều và họ luôn tìm cách ngăn cản ông áp dụng các kỹ thuật phương Tây, ví dụ:

Nguyễn Tri Phương và Vũ Đình Bình, các đại thần của Triều đình, đã ngăn Tự Đức mở một trường kỹ thuật phương Tây... Họ nói rằng sẽ rất nguy hiểm⁵ khi giao du với người phương Tây⁶...

Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý rằng việc kết án của Tự Đức không chỉ theo luật tục đã đề cập ở phần đầu của cuốn sách này⁷, mà còn tương ứng với một hoàn cảnh lịch sử trong đó điều rất quan trọng là củng cố

1. Trương Đăng Quế (1794-1865): Cẩn chánh điện Đại học sĩ, cũng là người tán thành đường lối chủ hòa.

2. Nguyễn Quang Ân, “Ngăn dòng canh tân ở giữa thế kỷ XIX – vua hay đình thần?”.

3. Cần lưu ý rằng Phan Thanh Giản là ngoại lệ vì ông từng khuyên nhà vua nên nghe theo những biện pháp cải cách mà Nguyễn Trường Tộ đề xuất.

4. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 34, tr. 167, sdd.

5. Điều này có liên quan đến một giai thoại được Nguyễn Quang Ân kể lại. Nguyễn Trường Tộ được báo cáo đã mang về từ chuyến đi châu Âu của mình một số dụng cụ khoa học có thể được sử dụng cho việc dạy thanh niên Việt Nam, nhưng Tự Đức không chấp nhận, với lý do cần phải gọi giáo viên phương Tây!

6. Theo *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập 34, tr. 167, Nguyễn Quang Ân, sdd.

7. Xem thêm nội dung “Dẫn nhập”, phần cuối trang....

lòng yêu nước của cả dân tộc bất kể cái giá là sự bất công đối với một cá nhân. Tuy nhiên, đối với vương quốc An Nam, tình hình quân binh thực sự khá tuyệt vọng, khi mà kể từ năm 1858 đã không ngừng thảo phạt kẻ thù, nam, bắc, trung, không kể đến các cuộc nổi dậy của dân thiểu số miền núi và các cuộc tấn công của cướp biển từ ngoài khơi.

Việc kết án của nhà vua về một nhân vật lịch sử mà phần lớn dân chúng Việt Nam chưa bao giờ ngừng coi là một anh hùng và một nhà yêu nước vĩ đại, tạo tiếng vọng lên cho một lời kết tội khác sẽ nhắm vào ông năm 1963, dưới bàn tay của một số nhà sử học, dẫn đầu là Giáo sư Trần Huy Liệu, người lúc đó điều khiển một cuộc hội thảo-phán xử Phan Thanh Giản.

BỊ CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (MIỀN BẮC) KẾT ÁN NĂM 1963

Năm 1963, “Kế hoạch 5 năm 1961-1965” tiến triển tốt. Người Mỹ đang gia tăng tấn công Hà Nội bằng không lực. Hà Nội phát động chiến dịch tuyên truyền, phản đối chính quyền Việt Nam Cộng hòa và “đế quốc Mỹ” với khẩu hiệu:

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh toàn diện, đánh thắng hoàn toàn cuộc chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ¹ (1963-1965).

Mọi phương tiện được huy động để củng cố cho tuyên truyền này. Có vẻ như giáo sư Trần Huy Liệu², một học giả nổi tiếng và nhà sử học nghiêm túc, đã không ngần ngại sử dụng nhân vật Phan Thanh Giản để bêu xấu bất kỳ thái độ phục tùng quyền lực vật chất nước ngoài nào. Năm 1867, là Pháp, năm 1963, là Mỹ!

Nhưng về bản chất, Trần Huy Liệu có thấy thuyết phục trước những lý lẽ mà ông ta đưa ra? Hãy cùng kiểm chứng chúng trong bài báo được xuất bản ở trang 18, số 55 của tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*.

1. *Lịch sử Việt Nam (1954-1965)*, Viện Sử học, Hà Nội, 1995, tr. 291.

2. Trần Huy Liệu (1901-1969): nguyên viện trưởng Viện sử học Hà Nội.

Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản¹.

Những bạn tham gia cuộc thảo luận, mặc dầu có những khía cạnh khác nhau, nhưng về căn bản đều nhất trí ở chỗ kết án tội nhân của lịch sử. [...].

Nhưng nhiều tác giả đã có những dẫn chứng giống nhau và hòa chung một thứ tiếng cáo giác người đã đóng vai “tích cực” trong việc làm mất ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và sau đó là ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.²

Trần Huy Liệu bài xích hai đồng nghiệp³ đã can đảm khẳng định ý kiến cá nhân, ý kiến của họ không may là trái với ý kiến chung.

Trong quá trình thảo luận, hai bạn Chương Thâu và Đặng Huy Vận, trong chỗ không ngờ, đã trở nên “đối tượng” cho một loạt súng bắn vào chỉ vì hai bạn còn có chỗ chứa “dứt khoát” về tình cảm với họ Phan.⁴

Chúng tôi hiểu kỳ đi tìm lại bài báo của hai đồng tác giả đã bị Trần Huy Liệu chỉ trích rất nhiều. Đây là một vài đoạn trích:

**TRÍCH BÀI CHUNG
CỦA ĐẶNG HUY VẬN & CHƯƠNG THÂU:**

***“Phan Thanh Giản
trong lịch sử cận đại Việt Nam”***

Đăng trên tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 48, tháng 3-1963, tr. 12-22:

[...]

-
1. Một số người tham dự hội nghị này tỏ ra không đồng ý với ông Trần Huy Liệu.
 2. N.C.L.S., số 55, tháng 10-1963.
 3. Chương Thâu và Đặng Huy Vận, chúng tôi suy tôn hai con người có lòng can đảm và sự trung thực trí thức, và do vậy từ những ám chỉ trong bài viết của Trần Huy Liệu chúng tôi có thể giả định tình huống tế nhị bấy giờ.
 4. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử (N.C.L.S.), Hà Nội, số 55, tháng 10-1963.

(Tr.14) Chúng ta biết rằng, Phan-thanh-Giản là một quan lại cao cấp của triều đình nhà Nguyễn, ông xuất thân là một người nho học uyên thâm, lại sống trong giai đoạn chế độ phong kiến nước ta đã lụn bại đến cực độ, cả giai cấp phong kiến đã mất hết sinh khí, nó càng tỏ ra khiếp nhược hơn trước sự bành trướng thế lực của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Trên con đường phát triển mở rộng thị trường, chủ nghĩa tư bản thực dân đã từng diễu võ dương oai, chúng không những tỏ ra có ưu thế tuyệt đối về vũ khí và chiến thuật, mà còn có những âm mưu thủ đoạn vô cùng thâm độc ngoài sự ngờ vực và hiểu biết của triều đình phong kiến ngu dốt và thủ cựu như triều đình phong kiến nhà Nguyễn lúc bấy giờ. Phan-thanh-Giản đã suốt “ba triều công cán” tức là với cả Minh-mạng, Thiệu-trị và Tự-đức, được giao đảm nhiệm nhiều trọng trách, đã hết lòng hết sức phục vụ “vua trên”, lại được tận mắt trông thấy những cái “văn minh”, “tân tiến”, “sức mạnh phi thường” của bọn Pháp, vốn sẵn bản thân đã mang nặng tư tưởng “tù bi”, “bác ái” của cái nho giáo lỗi thời nên đã từ chỗ mang tư tưởng “chủ hòa một cách tiêu cực” đi đến tư tưởng “thất bại chủ nghĩa”, tiến hơn một bước là tư tưởng “đầu hàng chủ nghĩa”. Trong ý thức hệ của Phan, nhìn lên trên thấy khó trông mong ở triều đình một cái gì “khả thủ” nhưng lại không biết đến nguồn sức mạnh chiến đấu vô tận ở nhân dân. Phan, trước sức uy hiếp của giặc đã đang tay ký “hòa ước 1862” với giặc.

[...]

(Tr. 18) Thật là tai hại đáng muôn đời nguyên rủa cho cái chính sách đầu hàng của Tự-đức và cũng thật đáng thương hại thay cho những đại thần thiếu minh mẫn [mong muốn kháng chiến của dân chúng] như Phan-thanh-Giản-Lâm-duy-Hiệp. Riêng về phần Phan-thanh-Giản, ông phải chịu lấy một phần trách nhiệm to lớn trong chính sách ấy.

[...]

(Tr. 18) Phan muốn hòa với Pháp và cho đó là con đường đỡ tổn thất cho nhân dân. Phan ngâm thơ “ngỡ rằng giặc ví như chim cắt được ăn no sẽ cất cánh bay đi, ta ví như con rồng còn nung nấu, vẫn chờ đợi để lo toan”. Phan cũng đã từng dâng sớ điều trần xin cải cách duy tân nước nhà, Phan muốn yên hàn để tu chỉnh chính sự kỷ cương đợi một ngày kia phú quốc cường binh. Phan hằng nói: “dạy dỗ dân chúng cho khỏi u mê, khuyến khích dân làm lụng cày cấy để thêm lợi tức khả dĩ mộ thêm binh lính và trả lương hậu cho họ. Như vậy dân tình đỡ khổ, lương thảo dồi dào, quân lính cũng được luyện tập tinh nhuệ. Có được như thế thì công hay thủ cũng đều được cả. Chương trình này có thể áp dụng để chống với kẻ cường địch, an lòng nhân dân và tránh đại họa được. Liều đánh bây giờ để hả lòng căm tức, hạ lệnh cho quân sĩ tấn công, chẳng khác xua để vào miệng cọp”.

[...]

Cái chết của Phan đã chứng tỏ sự bất lực hoàn toàn đối với lòng tin cậy của triều đình và cũng để tỏ cho nhân dân rằng mình đã sai lầm và chịu tội trước nhân dân.

[...]

Tất nhiên, cũng không phải chỉ riêng vì cái chết này mà chúng ta nói ngay rằng Phan-thanh-Giản là người không tham sống sợ chết. Nhưng quả thật ông không phải là loại người tham sống sợ chết, thấy giặc thì chạy dài lo bảo toàn thân mình như bọn Tôn-thọ-Tường, Nguyễn-bá-Nghi. Trái lại, ở Phan-thanh-Giản, chúng ta thấy một tấm lòng ưu ái sâu sắc đối với dân với nước. Tất nhiên tư tưởng của ông chưa thể vượt ra khỏi phạm vi trung quân...

[...]

(Tr. 21) Nói một cách công bằng hơn, trách nhiệm của triều đình Huế, chính triều đình phong kiến thối nát ấy mới là kẻ đầu sỏ bán nước, còn Phan-thanh-Giản chỉ là một trong số những người

chủ trương và thi hành đường lối tội lỗi ấy mà thôi. Hơn nữa, trong khi chúng ta nêu rõ hậu quả của những hành động của Phan, thì cũng không nên quên nhắc nhở tấm lòng ưu ái của ông đối với dân với nước. Có như thế chúng ta mới hiểu và cắt nghĩa được mối cảm tình của một số sĩ phu và nhân dân lúc ấy đối với Phan mặc dù Phan đang tay ký điều ước 1862...

[...]

Chúng ta cần trở lại xét thêm những công trạng và đức tốt của Phan-thanh-Giản đối với nhân dân thì mới thấy rõ hơn vì sao Phan đáng được nhân dân khoan dung và trân trọng. [...]

Đến đây, chúng ta quay trở lại bài của Trần Huy Liệu cùng những lý luận một chiều của ông:

[...] Thì ra, nếu chúng ta xuất phát từ một lập trường giống nhau thì chúng ta sẽ đi tới một kết luận giống nhau. Cuộc thảo luận này đã chứng minh như vậy.¹

Sau đó, ông bày tỏ: *một vài nét lớn trong những điểm nhận định chung² và nhấn mạnh về tầm quan trọng của việc phải đặt người ấy vào hoàn cảnh lịch sử lúc ấy. [...] Và (để) đánh giá [...], có theo chiều hướng tiến lên của thời đại không.³*

Tuy nhiên, mặc dù không đi xa đến mức hối tiếc rằng Phan Thanh Giản đã không thoát ly ý thức hệ phong kiến, ông nhận xét:

[...] Nhưng một sự thực mà chúng ta không được phép chối cãi là: trên bước đường phân hóa, chính trong giai cấp phong kiến lúc ấy cũng còn có phái chủ chiến và phái chủ hòa (nghĩa là phái đầu hàng).⁴

1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

4. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

Và từ đó, ông nhấn mạnh:

giặc Pháp mới để chân đến Nam-kỳ, các tầng lớp nhân dân đương hăng hái đánh giặc cứu nước¹, nhưng trong khi những nhân sĩ yêu nước trong giai cấp phong kiến và đông đảo nhân dân kiên quyết đánh Tây để giữ lấy nước, thà chết không làm nô lệ [...] thì Phan từ ký nhượng ba tỉnh miền Đông đến ký nhượng ba tỉnh miền Tây. Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân.²

Trần Huy Liệu nói thêm:

trong khi kết án Phan-thanh-Giản, chúng ta một mặt không để Phan trốn tránh trách nhiệm do Phan trực tiếp phụ trách?³ [...]

Bị uy hiếp trước uy vũ của văn minh Tây phương, luận điệu cầu an của Phan-thanh-Giản nhắc lại chuyện cũ như “Hán Văn đế hòa với Hung-nô” hay “Tống Chân tôn hòa với Khiết-đan”⁴...

Vì thế, ông khẳng định:

Nếu ngày nay, trước từng sự kiện lịch sử phải tìm ra trách nhiệm, cái gì cũng đổ chung cho giai cấp phong kiến, vậy thì thế nào để phân biệt (những người yêu Tổ quốc, theo chính nghĩa, giết giặc cứu nước với những kẻ hàng giặc dâng nước cho giặc?)⁵

Rồi ông đặt câu hỏi:

-
1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.
 2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.
 3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.
 4. Đây là điển tích về hai sự kiện lịch sử: Hán Văn Đế (141-87 TCN): ám chỉ đối sách được nhà Tây Hán áp dụng, dựa trên đàm phán và kết hôn cố gắng tránh một cuộc chiến trực diện với Hung Nô hùng mạnh, một cuộc chiến mà họ sẽ hoàn toàn thất bại; cùng Tống Chân Tôn (997-1097), hoàng đế triều Bắc Tống, và chính sách hòa hiếu dựa vào đàm phán và cống nạp của ông, khi bị Khiết Đan (hay Liêu) đe dọa. – Theo Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ, và *Lịch sử Trung Quốc* do Bai Shouyi chủ biên, Nhà xuất bản Ngoại Văn, Bắc Kinh, 1988, 580 trang, xem trang 149 và 276-277.
 5. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

*Làm thế nào để phân biệt những người giữ thành chết theo thành như Nguyễn-tri-Phường, Hoàng-Diệu, Nguyễn-thúc-Nhận v.v... với những người dâng thành hiến đất cho giặc theo kiểu Phan-thanh-Giản?*¹

Vẫn muốn đặt *những người yêu Tổ quốc, theo chính nghĩa* đối lập với những người chủ hòa, Trần Huy Liệu, khi kể về cuộc nổi dậy của Trương Định lãnh đạo dân chúng Gò Công, ám chỉ một câu nói phổ biến mà không kiểm tra nguồn gốc:

*đã viết tám chữ trên lá cờ khởi nghĩa:*²

*Phan, Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân.*³

Ngày nay, cụm trên rất phổ biến trong nước, gần như thành một trích dẫn lịch sử – ít nhất là ở miền Bắc và miền Trung, vì nó gần như không được biết đến ở Nam Kỳ nơi người dân chưa bao giờ không tôn trọng *quan* Phan – có vẻ như chỉ tìm thấy được trong những bài thơ do các nhà nho Văn Thân sáng tác, những người ủng hộ kháng chiến bạo lực, tìm cách lên án bất kỳ thái độ hòa hoãn nào. Do đó, việc bắt bớ của dân chúng với *thái độ đầu hàng* của Phan Thanh Giản [*mại quốc*] có thể đã biến chuyển, trong trí tưởng tượng dân gian, một truyền đơn nào đó mang tám chữ bêu riếu này thành *một câu ghi trên lá cờ* giương lên trong cuộc khởi nghĩa Trương Định!

1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

2. Về chủ đề này, có lẽ nên trích dẫn nghiên cứu của ông Nguyễn Khắc Đàm và Giáo sư Văn Tạo, nguyên Viện trưởng Viện sử học Hà Nội, theo tác phẩm *Tài liệu nghiên cứu về Lịch sử Việt Nam đương đại*, tập 1, in ở Hà Nội, 1957.

“Chúng ta nên đọc”, ông lưu ý, “khi Trương Định giương cờ khởi nghĩa có mang theo 8 chữ này, không phải viết 8 chữ lên cờ”. Thật vậy, sự thật là các biểu ngữ hoặc cờ được sử dụng để tập hợp quân khởi nghĩa thường mang một khẩu lệnh, nhưng các nhà sử học của chúng ta cũng chỉ ra rằng những dòng chữ này không bao giờ có nhiều hơn hai đến bốn chữ kiểu như “Bãi Tây!” hoặc “Diệt Pháp!”.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ, Ghi chú 2.
[Chú thích của BT: Chính xác nên là *Phan, Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân.*]

Giáo sư Nguyễn Văn Hồng, phân ban Lịch sử quốc tế thuộc Đại học Hà Nội, cũng thừa nhận rằng:

*Nếu dao ngôn này đến từ miền Nam, thì xuất phát từ các nhà nho Văn Thân hoạt động ở miền Nam.*¹

Ngoài ra, Giáo sư Phan Huy Lê, người tổ chức Hội thảo về Phan Thanh Giản tại Vĩnh Long năm 1994², nhân dịp này đã cho biết nguồn gốc của câu *Phan Lâm mãi quốc, Triều đình khí dân* xuất phát từ nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục (1907)³, vì vậy dao ngôn này xuất hiện mãi về sau này. Cuối cùng, chúng tôi không tìm thấy dấu vết nào của câu này trong các văn bản của *Lịch sử Triều Nguyễn, đời Tự Đức*.

Trần Huy Liệu, người bất cứ lúc nào cũng tuyên bố một *phương pháp khoa học*, vậy mà dựa trên lý lẽ về một cụm từ xuất phát từ dao ngôn dân dã, được sinh ra sau các sự kiện đầy nghi vấn⁴.

Trần Huy Liệu tiếp tục cáo trạng bằng cách trích dẫn phản ứng của Tự Đức khi nhận tin Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp ký nhượng ba tỉnh miền Đông: “hai tên kia không những là tội nhân của bản triều, mà còn là tội nhân của thiên cổ”⁵. Nhưng sau khi thốt ra những lời đó và bãi

1. Nguyễn Văn Hồng, trong cuộc trò chuyện riêng với một trong những tác giả của cuốn sách này, bà Phan Thị Minh Lễ.

2. Xem trang 179 ở sách này.

3. Đông Kinh Nghĩa Thục: Theo phong trào hiện đại năm 1906, Đông Kinh Nghĩa Thục được thành lập vào năm 1907 bởi một nhóm trí thức miền Bắc nhằm giáo dục miễn phí các ngành học khác nhau.

4. Rõ ràng là lịch sử chỉ dựa trên, với rất nhiều thận trọng, ý kiến phổ biến vốn có thể thay đổi rõ rệt. Dưới đây là một ví dụ: chúng tôi đề cập ở trên nhân vật Trương Định, người mà Trần Huy Liệu dùng làm chủ nghĩa anh hùng để đối lập với tinh thần đầu hàng của Phan Thanh Giản. Tuy nhiên, Vương Hồng Sển, trong bài viết của mình về Trương Định, nhắc lại rằng dân chúng trao cho Trương Định danh hiệu “Công” [người thực hiện một công đức, Trương Định thành Trương Công Định] khi ông đứng đầu các phong trào kháng chiến và rằng họ coi ông là một anh hùng thực sự. Điều đó cũng tương tự với Huỳnh Công Tấn, đệ tử và huynh đệ của Trương Định, cho đến khi Huỳnh Công Tấn phản bội bạn mình để lấy lòng người Pháp: từ đó trở đi, người dân xóa danh hiệu “Công” và chỉ để tên ông ta là Huỳnh Tấn!

5. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ, tr. 19.

nhiệm hai quan chức này, nhà vua lại trao cho họ một nhiệm vụ thậm chí còn khó khăn hơn, đó là quản lý ba tỉnh Nam Kỳ vẫn còn thuộc về An Nam mà người Pháp bấy giờ đã công khai dòm ngó!

Quên rằng chính mình đã đặt ra quy tắc hàng đầu *phải đặt người ấy vào hoàn cảnh lịch sử lúc ấy*, Trần Huy Liệu không ngần ngại viết:

[...] Tự Đức cũng không dám thốt ra những câu nói ngược lại ý chí người dân¹. [...] Ở đây, tôi không muốn nhắc lại điều kiện chủ quan và khách quan bấy giờ để chứng minh rằng: nếu vua tôi nhà Nguyễn biết dựa vào nhân dân để kiên quyết kháng chiến thì nước ta hồi ấy sẽ không bị mất².

Tuy nhiên, chúng tôi tìm kiếm trong vô vọng các *tranh luận khách quan* đã nêu.

Không biết làm thế nào để loại bỏ lời chứng của những người

[...] còn cho Phan là một nhà ái quốc và thức thời, chỉ vì thương dân, muốn tránh nạn binh đao nên đã chủ trương hòa hiếu với giặc.

Trần Huy Liệu phản đối hai quan niệm: *đức hạnh và hành vi cá nhân*.

Và ông đặt ra một nguyên tắc:

1. Người Pháp chỉ cần bình định các cuộc nổi dậy lẻ tẻ, cầm đầu là các thủ lĩnh có thái độ có vẻ như anh hùng (Quần Đĩnh, v.v.) nhưng kỳ thực được các quan lại, vốn tuân theo chỉ thị của Tự Đức, ủng hộ và khuyến khích. Thậm chí có thể nói rằng chủ nghĩa anh hùng của những thủ lĩnh này càng có công hơn vì bản lĩnh quân sự của họ, mỗi lần, đều không chấp nhận mệnh lệnh của Tự Đức, mệnh lệnh hoàn toàn trái ngược với *mong muốn chiến đấu* không phải của nhân dân nhưng là một bộ phận yêu nước của dân chúng. Phần lớn dân chúng, tức nông dân, sau khi hiệp ước năm 1862 được ký kết, và ngay cả sau khi sáp nhập năm 1867, chỉ khao khát hòa bình.

Trần Huy Liệu dường như không nhầm lẫn giữa động lực yêu nước của cả một dân tộc, được chuẩn bị về mặt chính trị từ nhiều thập kỷ nhờ sự kiên trì của những nhà canh tân yêu nước, với những cuộc nổi dậy nhỏ lẻ của nông dân được những vị quan yêu nước hiểm có và dửng dưng cảm giám sát? Không có gì liên quan giữa các cuộc giao tranh diễn ra trong giai đoạn 1862-1866 với Điện Biên Phủ để mà so sánh.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

Ở vào thời thế nước ta hồi ấy, mỗi người công dân còn có cái đạo đức nào cao hơn là yêu nước thù giặc, hy sinh quên mình, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân.

Ông nói thêm:

Trong số các bạn tham gia thảo luận, có bạn còn viện những chứng cứ tỏ ra rằng ngay cả đến tư đức của ông cũng không có gì đảm bảo. Nói thế thôi. Điều này không quan trọng lắm.

Sau đó, ông tiếp tục, trong cùng một mạch, lý luận khoa học của mình:

Chúng ta đánh giá con người của Phan không phải nhìn vào những đức tính thông thường, mà chính là nhìn vào tiêu chuẩn đối với dân, với nước của Phan¹.

[...]

Phan có yêu nước không?

[...]

Thực ra, yêu nước không phải là một danh từ trừu tượng, mà phải biểu hiện một cách cụ thể².

Đối với Trần Huy Liệu, rõ ràng Phan không yêu nước vì ông già này đã không chiến đấu vì đất nước và không ra lệnh để cho người dân của mình bị giết một cách vô ích vì đất nước!

Trong lúc quân giặc bắt đầu dày [sic – giày] xéo lên Tổ quốc, bao nhiêu văn thân nghĩ sĩ, hào lý cùng các tầng lớp nhân dân đều lao mình vào cuộc giết giặc cứu nước, bài phú “Giặc đến nhà đàn bà phải đánh” vang lên!³

1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

Trong thực tế, những người yêu nước, mà người Pháp gọi là *nổi loạn* (*révoltés*), hiếm khi nhiều¹, và chỉ chiếm giữ vùng Gò Công bằng bạo lực. Các quan lại và những hươu chức, giống như Tự Đức, đã hỗ trợ họ chơi trò nước đôi.

Về các tầng lớp xã hội, họ có phải là nông dân, những người chỉ khao khát hòa bình? Nếu toàn bộ dân chúng đã nổi dậy và tham gia *một cuộc đấu tranh không khoan nhượng* chống Pháp, Lực lượng Viễn chinh, với quân số ít, sẽ phải vật lộn để giữ vị trí của mình. Nhưng, tưởng tượng khả năng rút lui của quân xâm lược, chiến thắng này sẽ chỉ có được với cái giá là bao nhiêu cái chết? Không ai rõ hơn Phan Thanh Giản, người nhận định được cách biệt lớn giữa quân đội An Nam và quân đội Pháp. Ông hoàn toàn nhận thức được rằng quân đội An Nam, ngay cả khi sẵn sàng hy sinh bản thân, chỉ với vũ khí cổ xưa, xông lên tức cầm chắc cái chết, bị bắn từ xa bởi hỏa lực của quân thù được trang bị tốt hơn, dày dạn kinh nghiệm trận mạc, đặc biệt có kỷ luật và được chỉ huy tốt hơn bởi những sĩ quan nắm vững chiến lược quân sự vượt trội so với các thủ lĩnh như Trương Định.

Chính tầm nhìn sáng suốt về sự việc, tình cảm của chúng dân mà ông được tin cậy trao phó, chính nó đã thúc đẩy:

[...] Phan-thanh-Giản ba lần [...] dụ Trương-Định bãi binh, bốn lần làm môi giới cho Pháp đưa thư của giặc cho Trương và khuyên nhân dân không nên “bội nghịch” với giặc².

Ở đây chúng tôi trích ngay câu chữ của Trần Huy Liệu. Với ông ta, những hành vi này chúng tỏ Phan Thanh Giản không thực sự yêu nước. Ngược lại, với chúng tôi, những hành động như vậy đã minh chứng rằng

1. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française*, sđd, tr.142: Vào ngày người Pháp rời khỏi địa phương này, 460 cư dân (trong số 600) đã lên thuyền và đến tỵ nạn ở Sài Gòn, họ sống quanh thành cho đến năm 1863, khi có thể trở về quê nhà bị tàn phá. Quân Định, người đã kiểm soát xứ này, từ năm 1861, đã phá hủy tất cả nhà của những người còn sống nhưng theo Pháp.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

lòng yêu nước đích thực của Phan Thanh Giản không nằm ở sự hy sinh anh dũng nhưng vô ích, mà trái lại, nằm ở một nền hòa bình giúp dân chúng thịnh vượng và học hỏi, tiếp xúc với nền văn minh phương Tây, tiếp thu những tư tưởng và kỹ thuật còn thiếu và trong tương lai sẽ cho phép đất nước giành lại độc lập.

Trần Huy Liệu thậm chí còn viết hai chữ *phản quốc* cho Phan Thanh Giản.

Phạm vi “yêu nước” cũng rất rộng, nhưng danh từ ái quốc không thể chứa một nội dung phản quốc.¹

Tuy nhiên, Trần Huy Liệu cũng phải công nhận sự nghiệp rất đáng trân trọng của Phan Thanh Giản:

Một người đã có “thành tích” như Phan, dù ai muốn nhìn theo cách nào chẳng nữa...²

Nhưng Trần Huy Liệu không muốn kể đến những lời chứng khen ngợi của những người đương thời đã bị ông xem như *những phán xét vô căn cứ*, thay vào đó ông ta tăng nặng lời buộc tội bằng những từ hạ nhục:

... cũng không thể lạm dụng hai chữ “ái quốc”³ để gắn vào một cách dễ dàng, vì như thế chẳng những hồ đồ trong việc nhận thức Phan mà còn làm nhòa nhoẹt cả ý nghĩa yêu nước [chúng tôi làm bản cụm từ “yêu nước”⁴ (khi dùng hai từ này cho Phan Thanh Giản).]

Trần Huy Liệu tiếp tục:

Trương Định kết án giai cấp phong kiến mà triều đình Huế là đại diện đã “bỏ dân” và kẻ trực tiếp phụ trách là Phan-thanh-

1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

4. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

Giản, Lâm-duy-Hiệp đã ký nhượng đất nước cho giặc. Dư luận¹ nhân dân rất sáng suốt cũng như bản án rất công minh².

Đối với *bản án* được tuyên, đưa ra *những bằng chứng* mạo xưng và từ chối lắng nghe tiếng nói của người bào chữa

Nếu vị “trạng sư” nào còn muốn bào chữa cho một bị cáo[...], thì chỉ là tổn công vô ích!³

bởi vì *bị cáo*:

đã bị bắt⁴ quả tang từ non một trăm năm trước⁵.

Trần Huy Liệu đến bây giờ vẫn cổ hủ về *cái chết khá đặc biệt của Phan⁶*.

Học giả này, trong hoàn cảnh khác, từng là một anh hùng dân tộc, đã miệt mài hạ bệ sự can đảm thâm lặng của Phan Thanh Giản, một ông già 71 tuổi mà bấy giờ đang dần vật chuẩn bị tự vẫn.

Các tình tiết đáng ngưỡng mộ trong khoảnh khắc cuối đời của Phan Thanh Giản được coi là *những rắc rối*. Trần Huy Liệu chỉ chấp nhận anh hùng là *những chiến công do những anh hùng không sợ chết* hoàn thành, do đó để ngỏ một sự nghi ngờ về tính kiên cường của Phan!

Thêm nữa, ông ta đặt câu hỏi về lý do thực sự đã đẩy Phan tự tử một cách có hơi bi kịch nhưng đầy phẩm giá. Ông ta đã kích việc *tự tử để giữ trọn tiết nghĩa của mình (đạo lành)* hoặc *tự tử để thành “nhân”*, trong khi chính người đó đã nói rõ trong lá thư cảm động của mình cho Tự Đức:

1. Với những gì đã biết ở những trang trước, chúng ta biết mình cần phải nghĩ gì về *dư luận* [nguyên văn tiếng Pháp: *rumeur*, vốn được tác giả dùng để dịch từ *dư luận (của nhân dân)* trong đoạn về Trương Định ở ngay phía trên].

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

4. Thật vậy, Phan Thanh Giản đã bị *buộc tội*, nhưng không bị *bắt*, và tất cả điều này không có bất kỳ bằng chứng nào chứng minh tội lỗi của ông ta.

5. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

6. Tại sao tránh chữ *tự vẫn*?

Nghĩ tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho quân phụ.¹

Hóa ra quan niệm Khổng giáo về danh dự (như Trần Huy Liệu tuyên bố thì đó là một quan niệm sơ khai và cổ hủ) đang bị đánh cược mà nó lại không xa rời con người tinh tế như Phan Thanh Giản:

lúc đó [theo ông Liệu, danh dự của một nhà nho] chính là giết giặc cứu nước; trái lại là đạo dữ, là bất nhân, là phản bội².

Và Trần Huy Liệu kết luận:

chủ trương của Phan đã dẫn Phan đến chỗ bế tắc mà chỉ có thể kết cục bằng một cái chết.

[...] trả cái chết của Phan-thanh-Giản lại cho Phan-thanh-Giản, cái chết do chính “tác giả” tạo ra,³ qua một quá trình dài lâu dẫn đến chỗ không lối thoát⁴.

Tuy nhiên, chính Trần Huy Liệu thừa nhận rằng nếu Phan Thanh Giản thấy mình trong *tình huống bế tắc*, thì không phải do chính ông (Phan Thanh Giản) tự nhốt mình mà do chính Tự Đức đã đặt ông ở đó, và cuối cùng ông Liệu công nhận:

Như vậy, kết tội Phan-thanh-Giản phải gắn liền Phan với triều đình Huế và bản án Phan-thanh-Giản là nằm trong hồ sơ bản án hàng giặc bán nước của triều Nguyễn.⁵

Và Trần Huy Liệu cuối cùng đề cập vấn đề trách nhiệm cá nhân của nhà vua:

1. Taboulet: *La geste française...* T. II. Sdd. tr. 518, (văn bản chưa được công bố. Bản dịch của Pierre Daudin).

2. Trần Huy Liệu: tldd.

3. Cho đến nay, không ai cho rằng Phan Thanh Giản đã thực hiện *chủ trương cá nhân*. Tất nhiên, người ta thường chỉ ra rằng ông có ý tưởng cá nhân trước hầu hết những người cùng thời, nhưng mọi người đều đồng ý rằng ông là một quan chức cẩn trọng và vâng phục.

4. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldd.

5. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldd.

... ngay chính Tự-đức, một tên vua phải đứng “trước vành móng ngựa” về tội làm mất nước ta, cũng từ chỗ lưng chừng đến chỗ đầu hàng.¹

Ông ta nhận định:

... thủ phạm phải là Tự-đức. Còn Phan-thanh-Giản chỉ là tòng phạm thôi!²

Tuy nhiên, sau đó lại bắt đầu đổ lỗi cho một người, không phải là đồng phạm nhưng là nạn nhân anh hùng của hệ thống cổ xưa bị những người Mácxít gọi là “phong kiến”.

Phan Thanh Giản một lần nữa giao (năm 1867) ba tỉnh miền Tây cho kẻ thù.³

Trên quan điểm cá nhân, chúng tôi không thể chấp nhận một phán quyết như vậy, bởi vì đầu tiên, vào năm 1862, Phan và Lâm đã bị buộc phải ký; đến năm 1867, Phan Thanh Giản thấy mình phải đối mặt với một kẻ lừa đảo: những người lính Pháp đã ở sẵn đó. De La Grandière không còn yêu cầu ông ký đầu hàng mà phải chính thức công nhận tình trạng như chính ông đã thấy trước được nhưng không thể chống lại.

Ở đây, có lẽ cần thiết phải nhấn mạnh sự chênh lệch rõ ràng tồn tại giữa hai đội quân. Xin nhấn mạnh việc chúng tôi đã sốc đến mức nào khi sự không cân sức này không bao giờ được đề cập trong suốt hội nghị. Tương tự, người ta không bao giờ đề cập những chuyện cụ thể sau chuyển đi Pháp, khi Phan Thanh Giản nhận thức rất rõ sự chênh lệch [giữa nước mình] với lực lượng đối đầu.

Một mặt, những kẻ xâm lược ở cách căn cứ của họ hàng chục ngàn cây số, gồm vài nghìn người, nhưng lại được đào tạo theo một kỷ luật mẫu mực, tuân thủ một chiến thuật hiện đại, được trang bị quân giới nhẹ

1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

2. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

3. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.

nhàng và rất hiện đại, có tàu hải quân, từng được so sánh là các thành trì di động thực sự, hỗ trợ.

Đối đầu họ là toàn bộ dân tộc gồm vài triệu con người quyết tâm bảo vệ vùng đất của mình, nhưng mức độ trang bị quá thô sơ (chủ yếu là giáo và tên). Lẽ tẻ vài người sở hữu súng, đó là súng trường hoặc pháo mua của nước ngoài, có khi từ hơn năm mươi năm trước! Hải quân có thuyền, chỉ chạy bằng buồm hoặc chèo tay. Mười sáu năm sau, năm 1883, Pierre Loti mô tả cuộc tấn công vào Thuận An của Đô đốc Courbet:

Thứ Bảy, ngày 18 tháng 8 (1883). Một trái đạn pháo đầu tiên được Bayard phóng ra. Nó rơi ngay trên pháo đài An Nam [...] Nhưng đột nhiên, có những tia sáng nhỏ phát ra ở lỗ châu mai của pháo đài, kèm khói trắng; đó là cú đáp trả, họ bắn vào chúng tôi. [...]

Nhưng đó là những quả đạn tròn, không đến chỗ chúng tôi được. Một quả bay nửa chừng thì rơi xuống, để lại một xoáy nước. Những tàu hộ tống đơn độc, đến gần nhau hơn, có thể nhận ra bởi vài người. Chiến hạm ở quá xa, thấy chúng đến gần mà không sợ hãi, người ta thấy chúng chao lượn trên mặt nước, nhô lên hụp xuống, như bàn tay trẻ con, rồi biến mất trên đường đi.¹

Đoạn văn đáng kinh ngạc nhất trong bài viết của Trần Huy Liệu là ở kết luận, chúng tôi tìm thấy câu này:

Nếu chúng ta [...] không dùng phương pháp khoa học để phân tích đáng nhận rõ người và việc thì không thể giải quyết được vấn đề.

Chúng tôi tin rằng việc khẳng định sự thật mà không đưa ra bằng chứng, thu nhặt những điều không chính xác² mà không bao giờ có bất kỳ chú giải nào, khó có thể coi là một “phương pháp khoa học”.

1. Pierre Loti, *Figures et choses qui passaient*, Calmann Lévy, Paris, 1898, tái bản lần thứ 20, 333 trang, tr. 241-242.

2. *Chúng ta đã phân tích rõ ràng với những án từ phân minh (án từ nào?)... Còn có người viện dẫn (ai?) đã chủ trương hòa hiếu. (chủ trương nào?) Trong số các bạn tham gia thảo luận, (ai?)... mặc dù có chính sách sai lầm (những chính sách nào?)... bao nhiêu văn thân nghĩa sĩ, hào lý cùng các tầng lớp nhân dân đều lao mình vào (tỷ lệ bao nhiêu?), v.v...*

Để lượng thứ cho sự say sưa của Trần Huy Liệu, chúng ta sẽ trở lại với sự thiếu sót gây sốc khi không đề cập đến sự chênh lệch hiển nhiên trong tương quan lực lượng. Rõ ràng thiếu sót này là có chủ ý vì chính quyền Hà Nội, vào thời điểm diễn ra Hội thảo, đang tiến hành cuộc chiến yêu nước chống lại thế lực hàng đầu thế giới. Cho nên đó không phải lúc nêu ra vấn đề trang bị vượt trội của đối thủ. Chúng ta có thể hiểu động cơ chính trị này. Nhưng sau đó, chúng tôi tự hỏi điều gì sẽ còn lại trong việc kết án Phan Thanh Giản, nếu chúng ta chỉ tìm kiếm sự thật lịch sử?

BỊ NGUYỄN KHẮC ĐẠM¹, TRƯƠNG HỮU KỲ² VÀ PHẠM VĂN SƠN³ KẾT ÁN

Tuy nhiên, Trần Huy Liệu, trong tóm tắt hội thảo năm 1963 này, đã không đề cập về việc *tham nhũng* gán cho Phan Thanh Giản. Một trong những người tham gia hội nghị, Nguyễn Khắc Đạm, không ngần ngại làm việc này:

Bài trao đổi của ông ta lấy tiêu đề:

“Đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào cho đúng?”⁴

Nguyễn Khắc Đạm nhận thấy rằng Phan Thanh Giản không thanh liêm như mọi người ngưỡng mộ. Làm chỗ dựa cho lời buộc tội này, ông viện đến một bằng chứng được tìm thấy trong văn bản Pierre Daudin có lời chứng của các con trai của Phan Thanh Giản:

... năm 1861, khi Pháp lấy Định-tường, quan quân ta phải chạy qua làng có Phan-thanh-Giản đương ở đó. Thấy tình cảnh quan

1. Nguyễn Khắc Đạm, “Đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào cho đúng?”, tạp chí *N.C.L.S.*, số 51, tháng 6-1963, Hà Nội, tr. 29-34 và tr. 48.

2. Trương Hữu Kỳ, “Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?”, tạp chí *N.C.L.S.*, số 54, tháng 9-1963, Hà Nội, tr. 40-47 và tr. 64.

3. Phạm Văn Sơn, “Chung quanh cái chết và trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước các biến cố của Nam Kỳ cuối thế kỷ thứ XIX”, tập san *Sử Địa*, Sài Gòn, số 7-8, 1967, tr. 78-95.

4. Bài của Nguyễn Khắc Đạm đăng trên tạp chí *N.C.L.S.*, số 51, tldd.

quân thiếu thốn, bà Phan-thanh-Giản đã lập tức lấy khoảng năm sáu trăm quan tiền riêng phân phát cho họ...¹

Đi xa hơn nữa, Nguyễn Khắc Đạm sử dụng lời khai của Cha Marc có mặt ở thời khắc cuối cùng của Phan Thanh Giản và được Georges Taboulet dẫn lời trong sách của ông:

... ông đề nghị họ (cháu nội của ông) được người Pháp nuôi dưỡng cẩn thận và có ngỏ ý cho tôi một vài ngày trước khi hoàn thành tâm nguyện cuối cùng của ông, mong muốn để lại cho tôi vài nghìn franc để chi trả cho việc học ở Sài Gòn.²

Nói tóm lại, ông diễn giải bức thư mà Trung tá Ansart đã viết cho Tổng tham mưu trưởng Reboul ngày 4 tháng 8 năm 1867, liên quan đến việc ông Trung tá đến thăm Phan Thanh Giản vào những giây phút cuối đời.

Ông ta [Trương Hữu Kỳ] đã khai triển buộc tội bằng cách ước tính tài sản của Phan Thanh Giản:

... Lương tháng của quan tổng đốc tính ra quan tiền tây, theo Quyển-tơ-ruy trong quyển Lịch sử Nam-kỳ thuộc Pháp³ chỉ

1. Ghi nguyên văn bài của Nguyễn Khắc Đạm đăng trên tạp chí N.C.L.S., số 51, tddd, tr. 29. Thông tin trong đoạn trích này được ông Nguyễn Khắc Đạm dẫn lại từ sách *Phan Thanh Gian et sa famille...* của Pierre Daudin và Lê Văn Phúc (sđd, tr. 47).

2. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, Tập II, tr. 519-520.

[Chú thích của BT:

– Nguyên văn nội dung trong bài của Nguyễn Khắc Đạm: ... *Phan có ngỏ ý gửi hân [Ansart] vài nghìn phơ-răng để lấy tiền nuôi dưỡng giúp các cháu Phan tại Sài-gòn.* (Tạp chí N.C.L.S., số 51, tháng 6-1963, tr. 29)

– Trương Hữu Kỳ cũng dẫn nội dung tương tự trong bài của mình, với nguyên văn như sau: ... *vài ngày trước khi thực hành cái quyết định bi thảm của ông (Phan-thanh-Giản), ông đã ngỏ cho tôi biết cái ý ông muốn để cho tôi vài nghìn quan tiền tây để cung cho việc chi phí về giáo dục các cháu ông ở Sài-gòn.* (Tạp chí N.C.L.S., số 54, tháng 9-1963, tr. 43; cũng trong bài này, Trương Hữu Kỳ dẫn nguồn nội dung vừa trích là từ báo *France-Asie*, số 109-110, tháng 6 và tháng 7-1955, tr. 741 và tr. 742)]

3. Túc Cultru, *Histoire de la Cochinchine française des origine à 1883*, Augustin Challamel, Paris, 1910, tr. 139.

ngang gần bằng 25 quan (25 franc) thêm phần khẩu lương bằng gạo cần thiết mà thôi. Thế nghĩa là mỗi năm chỉ được một số tiền ngang với 300 quan tiền tây không kể gạo, mà Phan-thanh-Giản lại bị giáng chức nhiều lần, ba chìm bảy nổi (chứ không phải là từ lúc mới xuất chính cho đến khi chết đầu làm quan chánh nhất phẩm) thì lấy đâu ra món tiền to (những vài nghìn quan) như vậy? Vì thế chúng tôi ngờ lòng thanh liêm của Phan.¹

Cả Trương Hữu Kỳ và Nguyễn Khắc Đạm viết rằng năm 1861, giá một tạ gạo² lên tới 12 franc và vào năm 1865 (không phải năm 1867), một tạ giá 15 francs.

Bây giờ, có điều gì là lạ lùng về một đại thần triều đình, một Kinh lược, phục vụ bốn mươi ba năm – mặc dù nhiều lần bị giáng chức và sau đó được phục hồi, người thường được các vị vua khen thưởng hào phóng – có thể tiết kiệm được từ 5 đến 6 nghìn quan và vài nghìn đồng franc? Dù là dưới thời Minh Mạng, thời Thiệu Trị hay Tự Đức, không ai trong số nhiều đồng sự lại buộc tội ông tham nhũng. Mọi người đều biết tình cảnh thanh bần ở Vĩnh Long mà vị Kinh lược này sống cho đến cuối đời.

Về phần bà Phan Thanh Giản, vốn là một phụ nữ rất cần kiệm, khiêm tốn sống với con trong ngôi nhà rất đơn sơ ở làng Bảo Thạnh, canh tác đất đai để đảm bảo nguồn sống gia đình.

Năm 1902, Thái Hữu Võ³ viết:

Khi Phan Thanh Giản làm quan, ông thường chia sẻ bổng lộc cho cha mẹ và bạn bè, những người nghèo; vì vậy, ông đã để lại rất

1. Trương Hữu Kỳ, “Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?”, tldd, tr. 43.

2. Picul hay tạ = 62,480kg. Trong *La Cochinchine française. 1865* (Nam Kỳ thuộc Pháp 1865), trích từ tạp chí *Maritime et Coloniale* (tháng 5 và 6 năm 1865), Challamel aîné, Paris, 1865, tr. 48.

3. Lê Thành Tường, *Un patriote Annamite admirateur de la France, Essai sur la vie de Phan Thanh Giản (sic) Vice-roi de Cochinchine*, Nxb. Nam Kỳ, 1938, 114 trang. Lê Thành Tường đã viết ở trang 108 (ghi chú 1): *Chính (Thái Hữu Võ) đã cho phép tôi trích ra từ cuốn sách mỏng bằng quốc ngữ: “Phan Thanh Giản” [sic] tất cả thông tin cần thiết cho tác phẩm này...*

ít cho mình. Tự Đức, biết được tình cảnh, ban thưởng đặc biệt cho ông.¹

Vương Quang Nhường viết trong diễn từ ở Vĩnh Long tôn vinh Phan Thanh Giản, được Nam Xuân Thọ trích dẫn²:

Số trời hình như đã định trước mạng vận có vẻ lạ lùng trái ngược của cụ; ta thấy cụ làm nên quyền cao chức trọng, tưởng chừng như cụ đã sinh ở chốn lâu đài tráng lệ một bậc phú hộ nào, hoặc ở nơi dinh thự một bậc đại thần nào; nhưng không, chính cụ ở trong một cái nhà tranh của một viên tiểu lại ở tỉnh Vĩnh Long [...].

Mà sau này, đến khi cụ là một vị đại thần trong triều, có chân trong viện Cơ mật, giữ chức Kinh lược sứ Nam kỳ, mà cụ cũng chỉ ở một cái nhà tranh [...]. Thế rồi cụ cũng chết trong cái nhà tranh ấy. [...]

Chúng ta cũng có thể tự hỏi có phải cụm từ *vài nghìn franc* có nghĩa chính xác là “franc Pháp” hay là loại tiền trong nước (ví dụ như quan tiền) mà việc chỉ rõ không được thể hiện dưới ngòi bút của Ansart.

Nhưng tiếp theo đây, không phải tình hình chính trị trong thời điểm hội nghị, cũng không phải tính cần thiết của việc tuyên truyền trong chiến tranh có thể dùng để viện lý giải thích cho sự nhỏ nhen đến mức này.

SỰ TRỞ MẶT GÂY KINH NGẠC CỦA SỬ GIA PHẠM VĂN SƠN (1967)

Trong khi nhà sử học người Sài Gòn này, cho đến nay, hiếm khi chỉ trích Phan Thanh Giản trong các tác phẩm của mình,³ ông đã cho đăng một bài báo trong số đặc biệt của tập san *Sử Địa* năm 1967, “Chung

1. Vào năm 1860, vd: Tự Đức ban cho ông 20 *nén bạc* (*pièces d'argent*) để chúc mừng ông đảm nhiệm chức Kinh lược Nam Kỳ.

2. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr.114. Bài diễn từ tiếng Pháp của Vương Quang Nhường được tìm thấy trên *Tribune Indochinoise*, số 1084-1089.

3. Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, tập V, tr. 169, Sài Gòn, 1962.

quanh cái chết và trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước các biến cố của Nam Kỳ cuối thế kỷ XIX” trong đó ta thấy một lời buộc tội không phù hợp với ít chứng cứ:

.... Phan Thanh Giản vẫn không có ý định quyền-sinh nhưng vì áp-lực của một số quan lớn mà Phan phải dùng độc-duộc.¹

Trong cùng một bài viết, ông cũng trích dẫn đoạn văn, từng được Ansart xuất bản, lúc Phan Thanh Giản hai lần hỏi Cha Marc, người chứng kiến giây phút cuối cùng của ông: “Tôi có thoát chết được không Cha?” Những lời thuật lại bằng tiếng Pháp này có dịch chính xác những lời ông hẳn đã thốt ra bằng tiếng Hoa hay tiếng Việt? Cuối cùng, Phạm Văn Sơn dường như quên đi hoàn cảnh mà những lời này được nói ra.

Trước hết, Phan Thanh Giản đã qua nhiều ngày nhịn ăn, sắp xếp công việc ngăn nắp, thảo một vài lá thư, trong đó có lời nhắn nhủ nổi tiếng gửi cho dân chúng,² kết thúc bằng câu rõ ràng:

... cờ của họ (người Pháp) không thể treo trên thành lũy khi Phan Thanh Giản vẫn còn sống

hoặc bức thư cảm động gửi cho Tự Đức³ có những từ này:

... nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho Quân Phụ.

Ansart cho chúng ta biết⁴:

Ngày 1 tháng 8, lúc 11 giờ, ông ta đã uống thuốc độc trước mặt các con [...]. Chúng tôi được thông báo lúc 2 giờ, khi đó đã quá muộn [...].

1. Phạm Văn Sơn, tập san *Sử Địa*, Sài Gòn, số 7-8, tldđ. tr. 80.

2. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sdd, tập II, tr. 519.

3. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sdd, tập II, tr. 518.

[*Chú thích của BT*: Nội dung câu dịch trên được lấy từ bài “Cuộc đời Phan Thanh Giản (1796-1867)” của Trần Quốc Giám (tập san *Sử Địa*, số 7-8, tldđ), với chú thích dẫn về bản dịch của cụ Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố, bài từng đăng trên *Tri Tân*, số 99.]

4. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sdd, tập II, tr. 520.

Quá muộn để thuyết phục ông ta đừng uống độc dược chết người, cũng quá muộn để thuốc kháng độc do bác sĩ phẫu thuật Le Coniat cho có hiệu quả. Ai từng chứng kiến sự đau đớn của một người đã uống thuốc độc đều biết rằng một khi bắt đầu hôn mê, người này sẽ mất mọi cơ hội để biểu lộ ý chí. Bấy giờ, đúng ra lợi dụng hoàn cảnh này *[bằng cách ép buộc và lợi dụng một trong nhiều lần ông ngất đi]*¹ mà bạn bè của ông ta đã làm *[cho ông ta nuốt một chút thuốc giải độc]*².

Ngày 5 tháng 8 năm 1867, đã vậy, khẳng khăng nghe theo những thành kiến Cha Marc ấp ủ nhắm vào các quan lại, Ansart tiếp tục:

*[...] Ngay khi ông ta thoát khỏi [...] áp lực của các quan lại khác, những người thực sự đẩy ông ta đến tuyệt vọng...*³

Ở lão nhân này, hao mòn thể chất do nhịn ăn và ngất nhiều lần, ông nghĩ ông hiểu mối quan hệ nhân quả giữa cuộc đấu tranh ban đầu của mình, sự ứng thuận cuối cùng của ông về mọi thứ, và sự hiện diện hay bỏ đi của các quan!

Khi ông ta hiểu rằng các quan đã ra đi, [...] ông đồng ý với mọi thứ.

Những người kể chuyện không phải là bác sĩ hay y tá, dường như không thấy rằng sự thay đổi rõ ràng này của ý chí được giải thích một cách tự nhiên bởi tình trạng cực kỳ yếu đuối của Phan Thanh Giản lúc đó. Ông ấy không viết chính xác:

*... tất cả đều bất lực để cứu lão nhân này, quá liều thuốc phiện và đã quá đói lá và sầu muộn... Than ôi quá muộn!*⁴

Bắt đầu từ quan sát lâm sàng này, những lời được nói ra trong lúc nửa tỉnh nửa mê của Phan Thanh Giản không còn có giá trị như trước.

1. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, tập II, tr. 520.

2. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, tập II, tr. 520.

3. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, tập II, tr. 520.

4. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sđd, tập II, tr. 520.

HỘI THẢO VINH LONG (1994): BƯỚC ĐẦU PHỤC HỒI NGÃN NGẠI

Năm 1994, Giáo sư Phan Huy Lê¹ đã tổ chức một hội thảo về Phan Thanh Giản, một hội nghị chuyên đề được tổ chức tại Vĩnh Long. Không thể nói rằng nội dung của hội nghị mới này đã phục hồi toàn bộ hồi ức về nhân vật từng bị vùi dập tại hội nghị ở Hà Nội năm 1963. Nhưng trước khi bài tham luận của tất cả những người tham gia được xuất bản, nơi tổ chức đã công bố một bản tóm tắt, việc làm sai với thông lệ này đã khiến ấn phẩm chung bị hủy bỏ.

Tuy nhiên, chúng ta có thể thấy, khi đọc bài viết của Phan Huy Lê, rằng các nhà sử học Việt Nam dường như đã xem xét lại thái độ vào năm 1963 khi họ tuyên bố từ đầu:

... từ trong triều cho đến trong dân gian, đã có những thái độ nhìn nhận và sự đánh giá rất khác nhau về ông.²

Có thể nói, nhận định này hoàn toàn mâu thuẫn với tiêu đề bài trao đổi của Trần Huy Liệu: “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”.

Sự thừa nhận của ông về sự không lương thiện trong khoa học ở bài viết của Trần Huy Liệu là ngầm ý:

... muốn nhìn nhận ông một cách toàn diện hơn [...] khách quan và thỏa đáng hơn...

1. Phan Huy Lê (1932-2018): nhà sử học Việt Nam, từng đảm nhiệm nhiều chức vụ như Chủ tịch hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (1988-2016), Chủ tịch danh dự hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Nguyên Chủ tịch hội đồng Khoa học và Đào tạo, đại học Quốc gia Hà Nội; nguyên Giám đốc trung tâm Nghiên cứu Việt Nam và Giao lưu Văn hóa, nguyên Chủ nhiệm bộ môn Lịch sử Việt Nam Cổ trung đại, khoa Lịch sử, Nguyên chủ nhiệm khoa Đông phương học, trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, đại học Quốc gia Hà Nội; Chủ nhiệm Đề án Khoa học Xã hội cấp Quốc gia Nghiên cứu, biên soạn bộ Lịch sử Việt Nam. (BT)

2. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, *Xưa và Nay*, Hà Nội, ngày 27-9-1997.



Từ trái sang: Phan Huy Lê, Nguyễn Chiến Thắng, Văn Tạo



Từ trái sang: Văn Tạo, Trần Bạch Đằng, Nguyễn Chiến Thắng và đại diện tỉnh Bến Tre

HỘI THẢO VỀ PHAN THANH GIẢN Ở VĨNH LONG, NĂM 1994

Ảnh do Giáo sư Văn tạo cung cấp

Người ta sẽ có được sự khách quan, ông nói, bằng cách xem xét và cân nhắc:

- nói chung, nếu các công việc ông ấy làm là thỏa đáng,
- mức độ tinh thần hy sinh của ông ta: vượt trội, trung bình hoặc kém.

Ông nói thêm:

... trong lịch sử còn có những nhân vật, những con người sinh ra và lớn lên trong một bối cảnh phức tạp, đầy biến động và thử thách của lịch sử và trong cuộc sống cũng như hoạt động bản thân của họ cũng chứa đựng và phản ánh những mâu thuẫn đó, vừa có nhân cách cao đẹp, có công lao đối với dân với nước, vừa có những mặt hạn chế nặng nề, những ứng xử mang tính nghịch lý, thậm chí có khi đi đến bế tắc, tự kết thúc cuộc sống bằng những bi kịch. Đối với những nhân vật loại này, việc nghiên cứu và đánh giá dĩ nhiên gặp nhiều khó khăn và thường tồn tại những ý kiến khác nhau, thậm chí trái ngược nhau là hiện tượng dễ hiểu.¹

Phan Huy Lê chỉ ra rằng, nếu Phan Thanh Giản bị Tự Đức và các quan trong triều kết án

... kết tội ông “xét phải tội chết, chưa đủ che được tội” và nghị án “truy đoạt lại chức hàm và đeo bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi cái án trăm năm giam hãm”²

thì ông đã được vua Đồng Khánh phục hồi và khai phục nguyên hàm³ vào năm 1886. Tác giả trích dẫn tất cả các nhà thơ yêu nước đồng thời, những người đã thể hiện sự đồng cảm và tôn trọng trong các bài thơ của họ, ví dụ như, Nguyễn Đình Chiểu:

1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldd.

2. *Đại Nam thực lục* T.31. Nxb. Hà Nội 1974 tr. 269. Bài của Phan Huy Lê. Xb. Xưa và Nay. 27/9/1997.

3. *Đại Nam thực lục*, tập 37. in ở Hà Nội, 1977, tr. 223, 225.

Minh tinh chín chữ¹ lòng son tạc

Trời đất từ rày mặc gió thu²...

Nguyễn Đình Chiểu, một lần nữa nhắc đến tên của Trương Định và Phan Thanh Giản trong bài văn tế của mình, “Văn tế nghĩa sĩ dân trận vong lục tỉnh”:

*Phải trời cho mượn cán quyền phá Lỗ³, Trương tướng quân⁴ còn
cuộc nghĩa binh*

*Ý người đặng xem tấm bảng phong thần, Phan học sĩ⁵ hết lòng
cứu nước.*

Phải thừa nhận, ông cũng nói đến nguồn tin tương truyền rằng Trương Định đã chê trách Phan Thanh Giản bán nước khi cho đề lên cờ khởi nghĩa:

Phan, Lâm mãi quốc; triều đình khí dân.

Dao ngôn mà trước đây chúng tôi đã bàn đến nguồn gốc và tính xác thực, chúng tôi đã chứng minh rằng nó xuất phát sau đó đến bốn thập kỷ!

Bàn cụ thể hơn về bài viết của Trần Huy Liệu, được đăng trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* với tiêu đề “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, Phan Huy Lê thừa nhận rằng quan điểm chung của bài viết nhằm lên án Phan Thanh Giản:

*... Phan trước sau vẫn rơi vào thất bại chủ nghĩa, phản lại nguyện
vọng và quyền lợi tối cao của dân tộc, của nhân dân, là phạm tội
dâng thành hiến đất cho giặc.⁶*

1. *Đại Nam hải nhai lão thư sinh tánh Phan (chi mộ)*, trích Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr. 101.

2. Biểu tượng của thơ ca chữ Hán diễn tả nỗi buồn sâu lắng của thi nhân: trời đất = thiên nhiên; mùa thu = cái chết.

3. Ám chỉ đến cuộc chiến của các vương quốc (thời Trung Hoa cổ đại) lúc đó rợ Lỗ bị người Hán đẩy lùi. Rõ ràng là Lỗ tượng trưng cho quân xâm lược Pháp

4. Trương Định, người kháng chiến nổi tiếng ở ba tỉnh miền Đông, mất năm 1864.

5. Chỉ Phan Thanh Giản, Kinh lược ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ.

6. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ, tr. 18-19.

Tác giả viết rằng, từ đó người ta phủ nhận tất cả đức hạnh của ông như “*tính thanh liêm*”, “*lòng yêu nước*”, “*thương dân*”... vì có “*công đức đã bại hoại thì tư đức còn có gì đáng kể*”¹.

Đến đây, chúng ta vừa thấy những điều để chúng ta phải suy nghĩ về những cáo buộc tham nhũng²!

Phan Huy Lê buộc phải thú nhận:

*... những tham luận (từ hội thảo năm 1963) đăng trên tạp chí “Nghiên cứu Lịch sử” lúc bấy giờ cho thấy, bên cạnh thái độ lên án Phan Thanh Giản, cũng có những ý kiến muốn nhìn nhận ông một cách toàn diện hơn và phải ghi nhận những phẩm giá, nhân cách của ông một cách khách quan và thỏa đáng hơn.*³

Phan Huy Lê giới thiệu ở đây một yếu tố mới trong cuộc thảo luận: ý kiến, không chỉ giới trí thức, đa số người miền Bắc, mà còn người dân trong Nam và đặc biệt là quê hương của Phan Thanh Giản.

Và ngay sau khi cuộc thảo luận kết thúc với kết luận lên án và phê phán nặng nề như vậy thì GS Ca Văn Thỉnh với tư cách là một người con của Bến Tre, của Nam Kỳ lục tỉnh tỏ thái độ băn khoăn và không đồng tình.

*Sau năm 1975 [...] nhân dân và cán bộ tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long quê hương của Phan Thanh Giản càng mong mỏi và đòi hỏi các nhà khoa học và công luận làm sáng tỏ hơn thân thế và sự nghiệp của ông với tất cả những gì ông đã để lại cho lịch sử và trong lòng dân, những thành công và thất bại, mặt tích cực và hạn chế, những trần trở và uẩn khúc của đời ông.*⁴

Muốn dựa chủ yếu vào văn bản, Phan Huy Lê tuyên bố đã khảo cứu:

-
1. Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”, tldđ.
 2. Xem Phần thứ hai, tiểu mục “Bị Nguyễn Khắc Dạm, Trương Hữu Kỳ và Phạm Văn Sơn kết án”.
 3. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.
 4. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

... Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện..., [...] những sử liệu trong các tác phẩm của Phan Thanh Giản, [...] trong các tài liệu lưu trữ của triều đình Nguyễn (Châu bản triều Nguyễn), của quân đội Pháp... [...] những tư liệu của quê hương Bến Tre [...] những chuyện kể, những truyền thuyết dân gian nói lên chí hiếu học, cuộc sống thanh bạch, lòng liêm khiết, tinh thần yêu nước, thương dân [...]

Tuy nhiên, ông thừa nhận:

Cho đến nay, ngay những tác phẩm của Phan Thanh Giản [...] “Lương Khê thi thảo” [...] “Lương Khê văn thảo” [...] vẫn chưa được khai thác nhiều.²

Do đó, ông biết rõ rằng những kết luận được giới nghiên cứu đưa ra năm 1994 không thể chính xác 100%. Tuy nhiên, ông lưu ý rằng trong *Đại Nam thực lục* ghi chép việc ký hòa ước 1862 như là trái ý Tự Đức và vì lẽ này nhà vua lên án Phan Thanh Giản:

Hai viên này (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp) không những là người có tội của bản triều mà là người có tội của muôn nghìn đời vậy.³

[...] Nghị hòa là thất cơ, lỗi ấy do hai viên kia (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp).⁴

Phan Huy Lê chỉ ra rằng:

... Nhưng cũng chính bộ sử này cho biết rõ, lúc đó Tự Đức đã xác lập đường lối “chủ hoà” và khi cử Phan Thanh Giản làm Chánh sứ toàn quyền đại thần “nghị về việc hoà” thì vua tôi đã bàn định

1. Phan Thanh Giản, *Lương Khê thi thảo*, bản lưu trữ ở Viện Hán Nôm Hà Nội, VHV151, A. 2125, *Lương Khê văn thảo* VHV 856, VHV 857, VHV 91, A. 2125.

2. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldd.

3. *Đại Nam thực lục*, tập 29, in ở Hà Nội, 1974. tr. 302.

4. Paul Brando, *Récits et nouvelles*, Paris, 1897. Được Trương Bá Cẩn trích dẫn lại trong “Phan Thanh Giản với sự kiện nhượng lại sáu tỉnh Nam Bộ vào tay thực dân Pháp”.

*kỹ các khả năng kể cả việc cắt đất và bồi tiền. Nếu Phan Thanh Giản tự tiện ký hòa ước trái ý vua thì sao Tự Đức không bắt tội, mà lại cử ông làm Tổng đốc Vĩnh Long và tiếp tục giao phó cho ông nhiều trọng trách giao thiệp với Pháp [...]. Đó là những lắt léo trong chính sử triều Nguyễn nhằm biện hộ cho Tự Đức và đổ tội cho Phan Thanh Giản [...]*¹

Do đó, Phan Huy Lê nhắc chúng ta phải rất cẩn trọng trong việc sử dụng các tài liệu này, nhất là những tư liệu do các chỉ huy quân viễn chinh Pháp và những viên quan cai trị Pháp viết².

Ông chắc chắn có lý khi viết rằng:

*... vì những mưu đồ chính trị thâm hiểm [...] họ không ngần ngại gì bóp méo sự thật hay bịa đặt ra các văn bản giả.*³

Rõ ràng là có sự khác biệt giữa các tài liệu của Pháp và các tài liệu của Việt Nam về hoàn cảnh hạ thành Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên vào tháng 6 năm 1867. Phải thừa nhận rằng, chính chúng tôi đang sở hữu các tài liệu tiếng Pháp chưa được công bố chứng minh rằng có một phần thủ đoạn từ phía người Pháp và người Việt Nam là nạn nhân. Chính vì những thủ đoạn này mà người Việt không thể chống cự và do đó buộc phải đầu hàng. Người Pháp chưa bao giờ nói rằng Phan Thanh Giản và các thủ lĩnh thành trì khác tuân theo không kháng cự trước tối hậu thư của de La Grandière nếu người này không sử dụng thủ đoạn dùng quân sự ép họ vào tình cảnh không có lối thoát nào khác ngoài đầu hàng vô điều kiện.

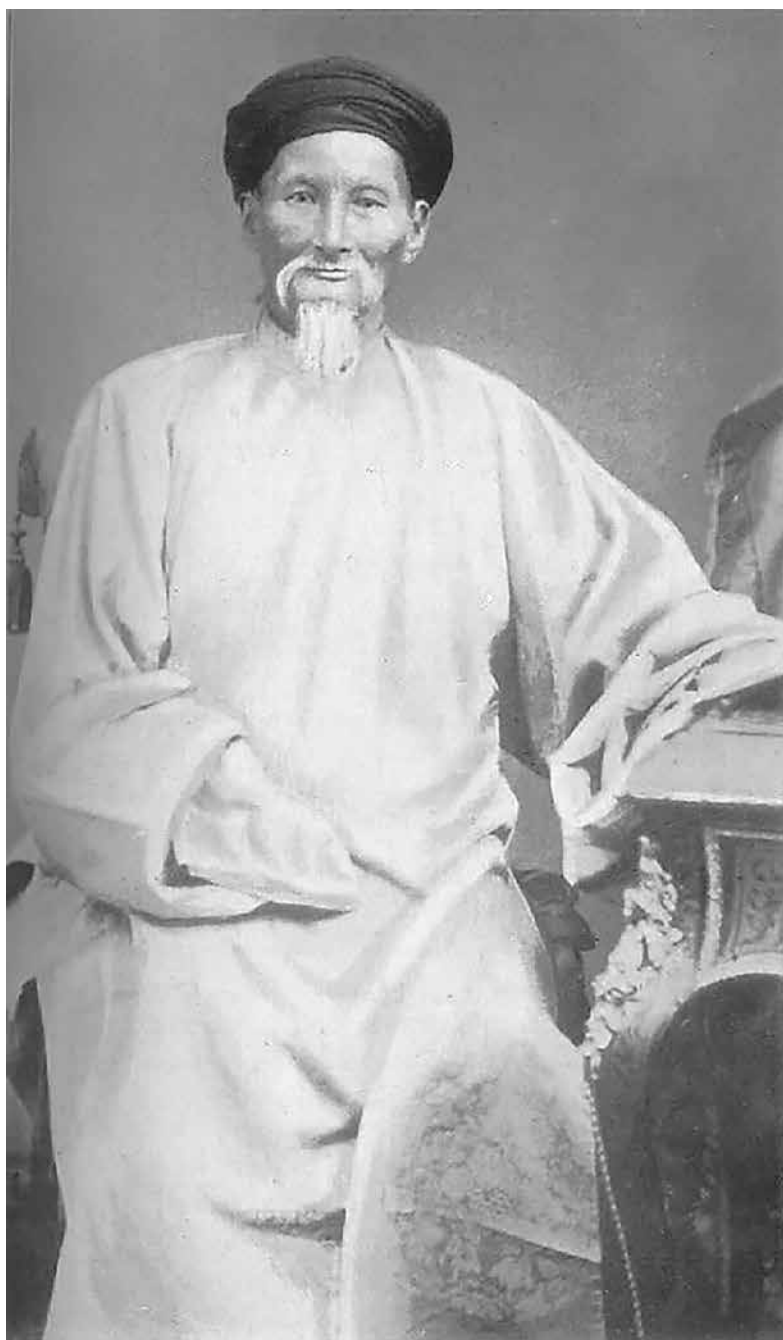
Do đó, chúng tôi tán thành những gì Phan Huy Lê nói:

Chúng đem chiến thuyền đến áp sát thành Vĩnh Long, đưa thư bắt nhường ba tỉnh miền Tây, buộc Phan Thanh Giản xuống tàu

1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

2. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

3. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.



PHAN THANH GIẢN
Kinh lược đại thần Nam Kỳ

thường nghị rồi khi Phan trở lại, chúng kéo theo và bất ngờ đột nhập chiếm thành Vĩnh Long.

Việc chiếm thành An Giang và Hà Tiên cũng diễn ra gần như thế. Đó là lý do chúng chiếm được ba thành quá dễ dàng và không tốn một viên đạn.¹

Mặt khác, chúng tôi không hiểu sự khác biệt mà Phan Huy Lê nhận định:

... nhưng dâng thành đầu hàng giặc hay bị lợi dụng và lừa dối để mất thành lại là hai việc khác nhau.²

Trừ khi nó có nghĩa là “đầu hàng khi người ta có thể chống cự”, điều không đúng trong trường hợp này.

Cuối cùng Phan Huy Lê kết thúc bài viết bằng cách khích lệ:

... các nhà khoa học nên tiếp tục dày công tra cứu, giám định tư liệu để sớm đưa ra ánh sáng những sự việc [...] nhằm trả lại cho lịch sử những sự thật lịch sử và có đủ cơ sở khách quan hơn trong việc nhìn nhận và đánh giá Phan Thanh Giản một cách công minh.³

Đây chính xác là điều chúng tôi tuyên bố sẽ làm trong cuốn sách này.

Rõ ràng là Phan Huy Lê bảo vệ Phan Thanh Giản khi ông viết:

Tự Đức muốn đổ hết trách nhiệm và tội lỗi cho Phan Thanh Giản, nhưng tư liệu lấy ngay trong chính sử triều Nguyễn cũng đủ cho chúng ta khẳng định rằng Phan Thanh Giản là người thừa hành và thực hiện một chủ trương đã được hoạch định của Tự Đức và triều đình [...].

Ông cho là Phan Thanh Giản:

-
1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.
 2. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.
 3. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

... có trách nhiệm giữ đất [...]. Nhưng trên thực tế, chủ trương “cầu hoà” và Hòa ước 1862 mà Tự Đức đã phê chuẩn năm 1863, đã đặt Phan Thanh Giản và nhiệm vụ giữ đất 3 tỉnh miền Tây vào tình thế cực kỳ khó khăn đến bế tắc.¹

Ông cũng nhận ra rằng:

... trung thành theo Hòa ước 1862 và nhất là sợ người Pháp “ngại ngại”, Tự Đức “đem sao lục 12 điều ước cũ, đưa đi treo dán để hiểu bảo cho sĩ dân đều biết, khiến đều yên ở làm ăn” [...].

Ông nói thêm rằng Tự Đức đã ra lệnh cho các quan lại của phủ huyện:

Một khi trông thấy [những người kháng chiến], tức thì bắt ngay đem giải [cho Pháp], nhà dân có ai chứa chấp cũng bắt tội như kẻ phạm tội”.²

Phan Huy Lê viết rằng Tự Đức nhiều lần ra lệnh rút quân [*kháng chiến*] và giao nộp họ [*cho Pháp*], cuối cùng nhà vua ra lệnh cho Phan Thanh Giản thuyết phục Trương Định giải tán lực lượng kháng chiến chống Pháp. Do đó, rõ ràng là Phan Huy Lê nhận ra rằng Tự Đức và Triều đình đã tự mình tước bỏ mọi khả năng giữ ba tỉnh miền Tây cũng như giành lại ba tỉnh miền Đông.

Trích lời vua Tự Đức, ông viết rằng vào năm 1866, trong khi người Pháp đe dọa chiếm giữ ba tỉnh miền Tây, Tự Đức và Triều đình, *một mặt “khiến ba tỉnh ấy một lòng chống giữ”, mặt khác lại thấy “thế đất cheo leo, muốn giữ cho không lẫn cũng khó” và “xin tư cho quan Kinh lược [Phan Thanh Giản] không đánh nhau với quân Pháp, tự phải rút lui”³.*

Phan Huy Lê đi đến kết luận này:

Tư liệu lịch sử của ta cho thấy Phan Thanh Giản không phải đầu hàng, nộp thành cho giặc [...].

1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

2. *Đại Nam thực lục*, tập 30, in ở Hà Nội, 1974, tr. 62-63. Trích lại từ bài viết của Phan Huy Lê.

3. *Đại Nam thực lục*, tập 31, in ở Hà Nội, 1974, tr. 65-66.

Và ông đã buộc tội Tự Đức, Triều Nguyễn và các quan lại thoái mọi trách nhiệm để mất ba tỉnh mà sau này dẫn đến việc thực dân hóa cả nước.

Việc mất 3 tỉnh miền Tây cũng là hậu quả tai hại của những chủ trương sai lầm của Tự Đức và triều đình [...].

Vua Tự Đức đi từ chống đỡ yếu ớt và đến thất bại, đến “chủ hoà” thương lượng và nhượng bộ dần đất đai và chủ quyền cho giặc.¹

Ông cũng lên án học thuyết Nho giáo trong nhiều thế kỷ đã khiến đất nước rơi vào tình trạng tự mãn mù quáng.

Với hệ tư tưởng Nho giáo bảo thủ, triều Nguyễn tự giam mình trong những giáo lý đã chết cứng của Thánh hiền, quay lưng lại mọi trào lưu tiến hóa trên thế giới, khước từ mọi đề nghị canh tân đất nước của những trí thức yêu nước cấp tiến. [...]

... ông [Phan Thanh Giản] luôn luôn trung thành, miễn cán, lo làm tròn sứ mạng phò vua, giúp nước, an dân theo quan niệm của Nho giáo.²

Tuy nhiên, trong lời khẳng định này, Phan Huy Lê dường như quên mất rằng Phan Thanh Giản là một trong những đại thần hiếm hoi dám ủng hộ những thỉnh cầu của *những trí thức yêu nước cấp tiến* đầu tiên này.

Phan Huy Lê kết thúc bài viết của mình bằng những lời mà chúng tôi chỉ có thể hoàn toàn đồng ý:

Bi kịch của Phan Thanh Giản là một mặt ông cùng “chủ hoà” với triều đình, rất mực trung thành với nhà vua, mặt khác ông lại nặng lòng yêu nước thương dân. Mâu thuẫn đó đã đẩy ông đến chỗ bế tắc và chỉ còn biết lấy cái chết để kết thúc cuộc đời và bày tỏ nỗi lòng của mình

1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

2. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldđ.

Phan Huy Lê nói thêm:

Có lẽ tác giả “Đại Nam chính biên liệt truyện” phần nào đã thấu hiểu lòng ông khi nhận xét: “Phan Thanh Giản là người ngay thực, giữ lòng liêm khiết, làm quan cần mẫn, thận trọng, gặp việc dám nói. Trải thờ 3 triều, vẫn được yêu quý. Đến khi mang cờ tiết đi Nam, thế không làm sao được, biết tội tự uống thuốc độc chết. Thực là ở vào chỗ người ta khó xử”.¹

TRẦN MẠNH HẢO NGOAN CỔ BẢO VỆ LUẬN CHỨNG ĐÃ BỊ PHẢN BÁC CỦA TRẦN HUY LIỆU

Năm 1996, Hoàng Lại Giang xuất bản một cuốn tiểu thuyết lịch sử có nhan đề *Phan Thanh Giản – Nỗi Đau Trăm Năm*.

Năm 1998, Trần Mạnh Hảo, muốn phê bình cuốn sách này, đã dùng lại nhan đề của Hoàng Lại Giang một cách quá đáng, thêm vào phụ đề nhỏ hàm ý miệt thị: *hay là hội chứng đầu hàng*. Ông đăng trên số 9 của tạp chí Văn hóa Văn nghệ Công an²:

... một lời chỉ trích rất gay gắt, không được đặc sắc lắm, dựa trên lập luận của Trần Huy Liệu, mà chúng tôi vừa khảo sát và bác bỏ ở một vài trang trên. Hoàng Lại Giang đã chọn một thể loại văn học cho phép ông ta tự do triển khai trí tưởng tượng của mình, chỉ sử dụng bối cảnh lịch sử để làm độc giả chạnh lòng hơn, nhưng không có một chút tham vọng để làm tác phẩm sử học.

Trần Mạnh Hảo dường như quên mất rằng một cuốn tiểu thuyết lịch sử chỉ có thể bị phê phán theo những lý lẽ văn chương thuần túy. Sự nghiêm khắc trong lịch sử không liên quan gì ở đây, không hơn gì những niềm tin chính trị của tác giả.

1. Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch lịch sử”, tldd.

2. In ở Hà Nội. tr. 60-62.

Trong phần thứ hai này, chúng tôi đã xem xét tất cả cáo buộc mà Phan Thanh Giản là đối tượng nhắm đến, với mỗi cáo buộc đều dẫn ra các lập luận minh oan cho ông. Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ xem xét tất cả các bằng chứng thể hiện sự nguống mộ và sùng kính ủng hộ Phan Thanh Giản, chỉ ra các sự kiện diễn ra từ năm 1862 đến năm 1867 cuối cùng cũng được hiện rõ dưới ánh sáng của các tài liệu chưa được công bố, mà chúng tôi tin chắc là sẽ dứt khoát minh oan cho ông.

PHẦN THỨ BA

Phục hồi danh dự cho Phan Thanh Giản

Những bằng chứng ngưỡng mộ và tôn trọng còn đọng lại nơi những người biết ông lúc sinh thời hoặc những người sau này nghiên cứu về cuộc đời và công việc quân binh của ông. Mọi người tiếp xúc đã ngưỡng mộ ông đến nỗi so sánh cái chết của ông với Socrate; và một vài sĩ quan Pháp có điều kiện chuyện trò với ông đã so sánh thái độ của ông với những anh hùng Hy Lạp hay La Mã vĩ đại được Plutarque kể lại. Vào lúc đó, những lời chứng hầu hết viết bằng thơ, cho dù tác giả là một nhà thơ nổi tiếng hay một nhà nho bình thường. Do đó, những lời chứng mà chúng tôi trích dẫn ở đây được dịch từ chữ Hán, chữ Nôm hay sau đó là Quốc ngữ. Thật không may, bản dịch các bài thơ qua tiếng Pháp không biểu cảm như văn bản gốc¹.

Một trong những tiểu sử Phan Thanh Giản hoàn chỉnh đầu tiên xuất hiện từ năm 1950, qua ngòi bút Nam Xuân Thọ². Tác giả, trích dẫn những lời chứng nổi tiếng lúc đó, khoảng chín phần mười ca ngợi Phan Thanh Giản và phần mười còn lại, chỉ trích ông, thường là lời của các tác giả thù cừu và sơ giao, những người không cận kề với Kinh lược đại thần, không thực sự hiểu sự vĩ đại của tâm hồn lẫn nỗi đau chứa chất trong con người huynh trưởng của họ.

1. Trong ấn bản tiếng Việt này, một số bài thơ cổ của Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi dùng bản tiếng Việt; với những văn bản cổ khó tiếp cận tài liệu (như của Phạm Phú Thứ), chúng tôi đành dùng bản dịch lại từ tiếng Pháp, xem như tham khảo về phần dịch nghĩa. (BT)

2. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, Tân Việt, Sài Gòn, 1950, 119 trang.

A. MỘT SỐ BẢNG CHỨNG KHÁC

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Năm 1867, nhà thơ mù Nguyễn Đình Chiểu¹, nhận tin Phan Thanh Giản tự tử, tưởng niệm ứng tác bài thơ cảm động dưới đây, được một trong những học trò của ông viết ra và chuyển sang tiếng Việt (xem trang 142).

*Non nước tan tành hệ bởi đâu
Dầu dầu mây bạc cõi Ngao Châu.
Ba triều công cán đôi hàng số
Sáu tỉnh cang thường một gánh trâu
Ái Bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quanh tiếng quỳên sầu.
Minh sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây bật gió thu*

Chúng ta trích dẫn thêm đoạn thơ khác được sáng tác trong cùng hoàn cảnh:

*Lịch sử tam triều độc khiết thân
Phi công thù tạc nhất phương dân
Long Hồ uống phụ thư sinh lão
Phụng Các không vi học sĩ thần
Bình tiết tần lao sinh Phú Bật²
Tận trung hà hận tử Trương Tuấn³*

1. Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888): nhà nho, thầy đồ, sinh ở Bình Dương, thuộc tỉnh Gia Định. Bị mù từ năm 1847.

2. Phú Bật: thừa tướng dưới thời Tống (1041), mong lui khỏi Triều hơn là nhìn thấy lãnh thổ bị nhượng cho ngoại bang.

3. Trương Tuấn (Zhang Sun): tướng đời Đường (755-763), bị An Lộc Sơn bao vây, chống cự đến chết sau khi giết cả thiếp yêu lấy thịt cho quân sĩ ăn.

*Hữu thiên lục tỉnh tồn vong sự
An (nan) đắc thung dung tỵ nghĩa thần.¹*

Ông Thượng Tàn Thị dịch:

*Mình trong sạch trải thờ ba chúa
Không ông ai che chở dân lành
Long Hồ phụ lão thơ sinh
Ở nơi các phụng không đành làm quan
Cầm tiết nhọc sống chàng Phú Bật
Hết ngay sao giận mất Trương Tuấn
Mất còn sáu tỉnh trời phân
Thung dung tỵ nghĩa làm thần khó thay.*

PHẠM PHÚ THỨ

Đại thần Phạm Phú Thứ, tháng 9 năm 1867 nhận tin Phan Thanh Giản tuần tiết đã viết một văn điệu *tưởng niệm* Ngài *Phan Thanh Giản tỵ Phan Lương Khê, cữu Kinh lược sứ Nam Kỳ*². Chúng tôi chỉ có thể trích dẫn toàn văn (*in extenso*).

Cả cuộc đời của đồng liêu được nhà thơ nối kết với trải nghiệm kinh hoàng về cuộc chiến mà đất nước này gặp phải kể từ khi người Pháp đến. Bắt đầu bằng một đoạn dài mô tả cuộc chiến bất tận giữa *người Man* rợ và quân binh Việt Nam.

1. Chú thích của người dịch:

*Liêm chính, phục vụ ba đời vua.
Nếu không ở đó, ai sẽ bảo vệ người tốt?
Ở Long Hồ (nơi quê hương), ông đã uống phụ cái chí làm người học trò già
Nơi Phụng Các (chốn làm quan) ông đã làm một cách hão người bề tôi học sĩ.
Cầm cờ tiết đi sứ, nhiều phen vất vả, sống như Phú Bật
Tận lòng trung, còn gì phải hận, chết như Trương Tuấn.
Có trời (thấu hiểu cho ông) về chuyện mất còn của lục tỉnh
Khó mà có thể thung dung làm vị thần tỵ nghĩa được.*

2. Tài liệu được gia đình Phan Thanh Giản cung cấp (tờ B5), có trong tác phẩm của Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 83-90.

Người Pháp, bạo ngược và hống hách, quyền lực ở phương Tây.

Chúng cách xa ta chín mươi dặm đường biển.

Năm đó, chúng tăng quân, áp lực lên mối quan hệ cũ (với chúng ta)

Đòi hỏi bỏ lệnh cấm (theo đạo Công giáo) và mở cửa buôn bán.

Chúng gửi công hàm nhiều lần nhưng không được đáp ứng.

Với ông, bản thân việc đổ bộ trên vùng đất cực nam Nam Kỳ chỉ có thể giải thích được bằng “thủ đoạn”:

Bằng thủ đoạn, chúng tập hợp quân đội và chiếm vùng quanh Trà Sơn¹

Tại Hòa Vang², [...], chúng ném mìn thất bại nhiều lần khi tiến đánh.

Tham tài vật là động cơ, hơn cả khát khao thống trị.

Những thắng trận chiến cuộc này được kể lại ở đây theo cái nhìn của những người Việt bị tấn công đã tố cáo sự tham lam của những kẻ xâm lược:

Một ngày nọ, sau ba năm, chúng bỏ đi khỏi (nơi đồn trú)³

Thuyền của những tên cướp một lần nữa tiến vào sông Ngưu giang (Bến Nghé).

Dựa vào đại đồn (Chí Hòa)⁴, (việc chống cự) tiếp tục trong ba năm nữa.

Chúng tôi rất khó để ký kết hòa ước hay tiếp tục chiến tranh.

Vì vậy Gia Định, Biên Hòa và Định Tường

Trở thành miếng mồi cho những con ác thú này⁵.

1. Trà Sơn. Nằm gần đảo Tiéncha (Đà Nẵng).

2. Hòa Vang, một huyện thuộc tỉnh Quảng Nam.

3. Xem *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, tập I, tr. 229.

4. Xem *Ngoạ du sào* của Nguyễn Thông, tập I, tr. 4 và *Biographies*, IV, tập 23, tr. 18a, Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille....*, sđd, tr. 84.

5. Âm chỉ người Pháp.

Cuối cùng, nhà thơ chìm trong thảm họa do chiến cuộc và do đó giải thích tính cấp thiết của việc cần phải chấp nhận một cuộc đình chiến cho phép đất nước nghỉ ngơi.

*Nếu phải tính, sự thù địch kéo dài năm năm,
(cuối cùng), người chết, tiền bạc tiêu phí, đất nước gần như cạn kiệt.
Hoàng đế lo sợ, mệt mỏi đè nặng, quần thần xấu hổ tràn trề.
Làm thế nào họ có thể tiên liệu được những kẻ ác nhân có thể gây
ra những phân tranh nội bộ?
Giặc già phía Bắc¹, nhân việc thiếu sự coi sóc, bắt đầu ngo ngoe
nổi dậy, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Bắc Ninh, khắp nơi,
chúng tụ tập như bầy ong².*

Thiên tai lẫn với truyền thống mê tín dân gian làm nặng thêm bức tranh thảm họa:

*Vào lúc đó, (xuất hiện) một sao chổi³, rồi hạn hán và lũ lụt xảy ra.
Từ năm Ngọ (1858) đến năm Tuất (1862), (tai ương) không năm
nào ngưng nghỉ*

1. Âm chỉ những cuộc nổi dậy ở Bắc Kỳ, thủ lĩnh là Hoàng thân Lê Phụng, tự nhận dòng dõi triều Lê. Bị đe dọa mất ngôi, Tự Đức nhanh chóng chấp thuận các đòi hỏi của hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, vội vàng điều động quân đội ở Nam Kỳ chống lại quân nổi loạn phía Bắc. Ông tin vào sự lãnh đạo quân đội của Nguyễn Tri Phương, vị tướng chỉ huy quân chống cự ở Nam Kỳ. Lê Phụng, bị đổ đảng bỏ rơi, bị bắt vào năm 1865. Đem về Huế, xử cắt tay chân, moi ruột và chém đầu.

2. *Tổng đốc*, Trương Quốc Dụng, được bổ nhiệm làm Tổng đốc quân thứ của Hải Dương và Quảng Yên. Và *tổng đốc*, Nguyễn Tri Phương, Tổng thống quân vụ Sơn Tây và Bắc Ninh. Xem *Lịch sử* (bản kỷ), phần 47, XXVI, tr. 26b và XXVII, tr. 7b, *Việt Nam sử lược* Trần Trọng Kim, tập II, tr. 241-242.

3. Hiện tượng thiên văn cùng loại được ghi lại trong *Biên niên sử An Nam*.

1858: (mùa thu) sao Kim thấy vào ban ngày; mất sau bảy ngày.

Larclause nói trong thư, về một sao chổi xuất hiện vào đêm ngày 20 tháng 9 năm 1858 (thư viết từ Tourane ngày 1 tháng 12 năm 1858 cho anh trai là Henri) Xem B.S.E.I., quý 3 và 4 năm 1939, tr. 62.

1860 (tháng 4 âm lịch: 21 tháng 5 – 18 tháng 6) sao Kim thấy được vào ban ngày; biến mất vào tháng 6 âm.

1860 (tháng 5 âm lịch: 19 tháng 6 – 17 tháng 7) sao chổi xuất hiện.

1861 (tháng 5 âm lịch: 8 tháng 6 – 7 tháng 7) xuất hiện một đuôi màu trắng.

Các đường giao thương đều bị tắc nghẽn.

Ảnh hưởng ngoại bang (tăng lên) thực sự như lò hực lửa.

Làm đường mòn trên núi, thay tuyến đường sông, không có cách nào hiệu quả (để đảm bảo vận chuyển và tiếp tế).

Thật khó để mô tả sự bế tắc trong Đế quốc An Nam lúc đó:

Đời sống cạn kiệt, dân chúng đói khổ, và những biến loạn không ngừng.

Để đánh thắng những kẻ bạo ngược¹, Triều đình không xuất ra quân binh tinh nhuệ.

Được thế, chúng mặc sức chém giết đó là căn nguyên tai họa.²

Điều đó bắt buộc Tự Đức (và vì thế Phan Thanh Giản) chấp nhận các điều khoản hòa ước áp đặt, được nêu rõ:

Các đề xuất hòa ước đưa ra đột ngột bởi những kẻ man rợ (người nước ngoài).

Chúng ta phải miễn cưỡng chấp nhận.

Ông và Lâm³ nhận sắc dụ của vua bổ làm Toàn quyền kinh lược.

Sau khi suy xét tình cảnh và lượng sức của ta, ông chỉ ngập tràn lo lắng bất an.

Làm thế nào để cứu ba tỉnh bị mất,

Và bốn triệu quan!

Đến đây, nhà thơ ám chỉ các cuộc thảo phạt của quân binh Tự Đức đi dẹp loạn ở Bắc Kỳ.

1861 (tháng 5 âm lịch: ngày 21/28 tháng 6) sao chổi xuất hiện; biến mất vào ngày 22 tháng 8 cùng năm.

1861 (tháng 6 âm lịch: 8 tháng 7 – 5 tháng 8) sao Kim thấy được vào ban ngày; biến mất vào tháng 2 năm 1862.

1861 (tháng 3 âm lịch: 30 tháng 3 – 28 tháng 4) sao Kim thấy được vào ban ngày.

1. Ám chỉ người Pháp.

2. Ám chỉ người Pháp.

3. Chỉ Lâm Duy Hiệp, Toàn quyền phó sứ thương thuyết hòa ước 1862.

*Kền kền và điều hâu, một khi đã thỏa thuê, bay đi.
Tiếp đó rỗng rảnh cuốn vào nhau sống mái.
Những quân tướng dùng cảm của ta quay ra phía Bắc.
Từ đó trở đi, giao thương công tư thoát khỏi binh lửa.
Quan binh viễn chinh phương Bắc khi đó hợp nhất binh lực.
Tuyển mộ tráng đinh, phái quân tiếp viện chống loạn quân (miền Bắc) và tăng cường quân bị.
Trấn áp trên bộ và phong tỏa biển kéo dài năm năm.
Cuối cùng, loạn quân, ẩn náu trong hang ổ, giao chiến theo những hào thành, gần như bị tiêu diệt.*

Phạm Phú Thứ đối lập chiến công của quân Đại Nam ở Bắc Kỳ với tình cảnh nhiễu loạn ngự trị ở Nam Kỳ sau sự việc ký hiệp ước vốn chỉ để lại nuối tiếc.

*Ngược lại, ở vùng biển Nam, sóng kinh ngư không hề dịu¹.
Hai kỳ², [giờ đã] thành chiến trường, không một ngày bình yên.
Các thương thuyết được ký có hợp lẽ hay không?
Nghĩ đến cảnh ngộ này, chỉ thở dài tiếc nuối.
Sói khó lòng thỏa thuê; làm bạn (với nó) cũng đầy khó khăn đáng sợ.
Như phía nam Tiểu Hải³, chúng ta là láng giềng của họ
(Ba tỉnh) Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên trong tình cảnh bấp bênh.*

Khi đó, Phan Thanh Giản được giới thiệu như là người duy nhất trong Triều có khả năng chuộc lại đất đai bị mất:

*Mà ngoài việc ông được giao nhiệm vụ lấy lại (đất đai bị mất)?
Trong sứ mệnh sang Tây gần đây, ông đã tỏ lộ ý chí kiên cường.*

1. Âm chỉ người Pháp.

2. Nam Kỳ và Bắc Kỳ.

3. Tiểu Hải: tên chỉ Cửa Tiểu và đảo Tiểu Hải chia tách ba tỉnh miền Đông. Xem thêm ở tr. 22b, *Description de la Basse Cochinchine* (Mô tả Hạ Đàng Trong), bản dịch của Aubaret, tr. 216; *Historiographies*, tập 20, tr. 13a-34b và tập 21, tr. 6b.

Giờ ở đây, ông được bổ làm toàn quyền thứ nhất (cho những đàm phán mới).

Nghiêm cẩn tuân theo chỉ dụ Hoàng đế, không được hạ mình.

Nghĩ cách chuộc lại lãnh thổ bị mất với một khoản tiền lớn.

Về cống phẩm hằng năm, gồm vàng lụa, quay lại như thời cổ xưa, (Ông đã hỏi), với lợi thế của chúng ta, không phải trả tiền.

Một cơ may quá hiếm¹ đã bị bỏ qua, đó là điều vô cùng đáng tiếc.

(Các quan) tham gia tranh luận sôi nổi, bày tỏ sợ rằng Ngân khố có thể cạn kiệt.

Những ẩn dụ điển tích Trung Hoa xưa cho phép nhà thơ nêu bật lên sức mạnh của Pháp và sự bất lực của An Nam.

Tiếp theo, trong bốn câu thơ Phạm Phú Thứ nói về việc phân rẽ của các quan trong *phe chủ chiến* và *phe chủ hòa*, và mối đe dọa nằm ở sự hiện diện của những người Pháp vốn thấy được sự bất đồng của Triều đình Huế và, rõ ràng, đang chờ đợi cái cơ đầu tiên để xâm chiếm ba tỉnh còn lại.

Muốn [giành] công trạng, (một số quan) hăng say phản đối hiệp ước mới.

Chúng ta, không muốn mất bình tĩnh, đã không nhấn mạnh thêm.

Ở biên giới phía nam, có rất nhiều sự cố.

(Kẻ thù) lộ bí mật mưu đồ, ngày nào đó kiếm cơ gây sự.

Chính Phạm Phú Thứ, đã tham gia sứ vụ này, thể hiện lòng can đảm của Phan Thanh Giản, khi công du đến Pháp đã hy vọng có thể làm Napoléon III nghĩ lại để chiếu cố theo hướng giảm nhẹ những điều khoản của hòa ước đã áp đặt cho người An Nam và có thể chuộc lại lãnh thổ bị mất.

Can đảm, ông đã yêu cầu (với Hoàng đế) thực hiện chuyến đi thứ hai.

1. Ấm chỉ các cuộc đàm phán diễn ra tại Huế với Aubaret, Lãnh sự Pháp ở Bangkok và Phan Thanh Giản.

(Không biết), các quốc gia (tham chiến)¹, ai đúng ai sai, (Hoàng đế ông) đã ra lệnh san bằng (mọi khó khăn giữa họ).

Trước đây, đã có những thảo luận sôi nổi (trong Triều) và không rõ ai đúng.

Trong lúc tiến thoái rất mực lưỡng nan, ông có thể làm gì?

Kẻ thù thường nói dịu dàng và hành động cứng rắn.

Có phải Hoàng tử Chou đã phải trả tiền để (xâm chiếm các tiểu quốc của) Hoàng và (de) Liao?

Phạm Phú Thứ thể hiện rõ ràng Phan Thanh Giản là người anh hùng hy sinh vì danh dự: ông chịu làm tội nhân để đem lại hòa bình tạm thời cho xứ sở. Có tấm gương yêu nước nào đẹp hơn thế?

Trước đây, khi ký hòa ước,

Ông nhận vai tội phạm để mang lại hòa hoãn vào thời điểm quan trọng này.

Tương tự, đề cập đến việc Vĩnh Long bất ngờ bị chiếm, Phạm Phú Thứ chỉ ra đồng sự của mình đã làm theo nghĩa vụ đương nhiệm và với sự chính trực và nhân đạo.

Hôm nay, [trên đầu] ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên, Bao tố hoành hành và tình hình báo động. Khi lãnh thổ rộng lớn của chúng ta, không chuẩn bị phòng thủ, đã bị tấn công bất ngờ.

Trách nhiệm thuộc về chúng ta. Có gì nữa để phàn nàn?

Chết cho quê hương để giữ lòng trung quân.

Trong sự chính trực và nhân đạo², ông đã giữ – và tôi hiểu – để thực hiện (những nghĩa vụ này).

1. Chỉ An Nam, Pháp và Tây Ban Nha.

2. *Sát thân thành nhân*: thực hiện đức nhân và lấy sự công chính làm qui tắc (hành vi), hy sinh bản thân bằng đức nhân và nghĩa vụ. hai chữ *thành nhân* được lấy từ *Luận ngữ*, Ch. XV: câu 8, *Couvreur*, tr. 241. *Sát thân* trích từ *Mạnh Tử*, quyển VI, tr. 10. Xem thêm *Couvreur*, tr. 572: *Tôi yêu cuộc sống và tôi cũng yêu sự công chính. Nếu tôi không thể giữ cả hai cùng một lúc, tôi sẽ hy sinh cuộc sống của mình và tôi sẽ giữ công chính.*

Tiếp là chuỗi lời khen ngợi:

*Di thư (mà ông gửi đến nhà vua) bộc lộ cảm xúc trong lòng ông.
Đau đầu âu lo cho đất nước đáng được thương tiếc.*

*Thật không may, lo lắng về thế cuộc đổi thay trong thời điểm
nhiều loạn này,*

*Ông với lòng trung và thành ý, tự mình giải quyết những khó
khăn này.*

*Vấn đề (nhượng lại) lãnh thổ, cuối cùng, phải được nhà Vua xem
xét và phán quyết*

Trong mắt đám đông, một sai lầm (bất lợi) cho đất nước.

*Đạo đức và công trạng (đã ghi nhận) được Triều đình cũng như
các tỉnh biết đến;*

*Chúng thể hiện trong văn chương của ông với phong cách thực cổ
xưa và thanh lịch.*

*(Phục vụ) ba đời vua, làm Quan hơn bốn mươi năm, lão nhân
ngoài thất tuần,*

Ông tỏ rõ sự nghiêm cẩn và gắn chặt cả đời.

Nhờ vào kinh nghiệm có được,

Ông chiếm được lòng tin và tôn trọng cả kẻ man rợ và người Hoa.

Con người học vấn [rộng] và đạo đức [cao],

Ông chưa bao giờ, trong mọi lúc, làm phùng hại đến đất nước.

*(Ông đã hành xử) với sự cao thượng trên mọi mặt (từ đời sống
lúc) thành công*

(lần) khi thất bại.

Nhà thơ lên án tất cả những người cho phép mình chỉ trích đồng sự và không nắm bắt được những gì đang xảy ra. Sau đó, tự nói thẳng với mình.

Trong khi những kẻ tiểu nhân, không thấy chuyện gì đang xảy ra,

Họ hét và hét lên như mơ ngủ, tâm trí họ đầy nghi hoặc và quá đáng.

Ngay giờ đây, hoàn cảnh đang thay đổi từng ngày,

*Có bao nhiêu người biết tình cảnh thực sự?
Quay lại nguồn cơn cuộc chiến này, tôi tự thấy buồn khi nghĩ đến
ý định của ông (chưa thực hiện được).*

Nhắn lời than thở trong gió thu, đến ông, cảm tác khúc bi ca này.

Tự Đức, năm thứ 20, tháng Tám (tháng 9, 1867)

Kính bút Phạm Phú Thứ.

THƠ KHUYẾT DANH THỰC SỰ SÁNG TÁC CUỐI THẬP NIÊN 60 CỦA THẾ KỶ XIX

Nam Xuân Thọ trong tác phẩm về Phan Thanh Giản¹, ở trang 113 đã ghi lại theo trí nhớ một bài thơ được nghe ở Nam Kỳ nhưng tên tác giả không được biết².

I

*Tiến sĩ Nam Kỳ xướng trước công,
Khôi tinh tỏ rạng khắp non sông.
Ba trào phò chúa không nguôi dạ,
Một côi chặn dân chẳng mõi lòng.
Gặp lúc trời Nam cơn thế biến,
Tách miền biển Việt nghị hòa xong.
Lòng người đã muốn trời không vậy,
Thà thác mình đây đặt chữ trung.*

II

*Vận nước trong khi cuộc đổi dời,
Ra vai gánh vác một phương trời.
Thương vua phải chịu lòng đau đớn,
Vì nước đành cam lụy nhỏ rơi.*

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd.

2. Ông thậm chí đã yêu cầu độc giả viết thư cho ông trong trường hợp họ biết về tác giả bài thơ này.

*Nghĩa nặng chẳng từ cơn yếu đuối,
Thân già bao quản chốn đua bơi.
Vài lời dâng số liệu mình thác,
Tiếng để về sau biết mấy lời.*

III

*Nặng nặng giữ vẹn tấm lòng ngay,
Nặng nhẹ chẳng từ khổ nhọc thay.
Vì nước thương dân trời đất biết,
Thảo cha ngay chúa quý thần hay.
Tây kinh phụng sứ cơn già yếu,
Nam trấn cầm cờ lúc trở gay.
Biết trước chẳng cho dân trở thác,
Một mình cho trọn nghĩa tôi đây.*

NGUYỄN THÔNG HAY NGUYỄN VĂN THÔNG (1827-1884)

Nguyễn Thông là quan phụ trách nông nghiệp (Doanh điền sứ) ở tỉnh Bình Thuận. Năm 1867, ông làm Án sát tỉnh Khánh Hòa. Ông không tán thành các quan trong Triều, bề quan không mở cửa với các nền văn minh phương Tây. Trong một ngụ ngôn về câu chuyện trừ tà, ông dùng hình tượng quỷ nội bộ để ẩn dụ ám chỉ những người như Nguyễn Tri Phương và Vũ Đình Bình, những đối tượng phải chịu trách nhiệm cho sự suy đồi của đất nước, do vậy cần phải đánh đuổi những kẻ này trước khi có thể quay sang giải quyết quỷ nước ngoài.

Năm 1868, khi Tự Đức ra chỉ dụ buộc tội *các quan chịu trách nhiệm về việc mất ba tỉnh*, chính ông là người đã can đảm dâng lên nhà vua *một thỉnh nguyện xin truy tặng* danh hiệu cho cựu Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản vì đức độ và sự anh dũng. Chúng tôi thấy đề cập đến yêu cầu

này trong bản cáo trạng được các quan soạn thảo¹. Họ cũng đề cập đến câu trả lời của Tự Đức có đoạn sau:

Chúng tôi luôn ghi nhận rằng Phan Thanh Giản, với kiến văn uyên bác và đức độ, đã làm gương cho các quan, ông biểu lộ lòng trung, chân thành, liêm chính, khi thực thi nhiệm vụ, chúc vụ mà ông dành tất cả nỗ lực và chúng tôi đánh giá ông ấy cao về mọi mặt.²

Nhưng Tự Đức, không thể công khai nhận lỗi về mình, đã tìm một cớ để buộc tội Phan Thanh Giản và từ chối thỉnh cầu của Nguyễn Thông:

Tuy nhiên, vì thiếu tài năng, ông ta không thể đối phó với các sự việc và khắc phục chúng. Hơn nữa, ông ta có khuyết điểm là thiên vị, cố chấp và thiếu độ lượng. Do đó, vốn dĩ không xứng đáng giữ vị trí cao như vậy, nên mới khiến y dễ vấp ngã trong những việc lớn mà y chỉ đạo. Như vậy, ta không hiểu căn cớ nào thúc đẩy kẻ ủng hộ/bảo vệ y một lần nữa đi xin truy tặng danh hiệu có xứng không.³

Khi đọc hai câu cuối ở trên, ta có thể tự hỏi tại sao Tự Đức lại bỏ nhiệm Phan Thanh Giản vào chúc vị này và nhất mực bảo lưu bất kể đương sự nhiều lần thỉnh cầu được nghỉ hưu!

Năm 1862, trước khi chọn Phan Thanh Giản làm Toàn quyền đại thần, nhà vua đã viết thư cho ông:

Kinh nghiệm và trí óc rất khôn ngoan mãi tiếp, khanh trừ định với ta những điều các quan trẻ thậm chí không nghĩ đến. Ta trông cậy vào sự khôn ngoan và hy vọng rằng khanh sẽ cố gắng hết sức chân thành giúp ta nhằm giữ mãi tiếng tăm và công trạng của mình.⁴

1. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 98.

2. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 99.

3. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sđd, tr. 99.

4. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldd, tr. 215.

Năm 1865, khi Phan Thanh Giản xin nghỉ hưu, nhà vua trả lời:

*Hãy cố gắng giúp Trẫm một lần nữa; làm gương cho lớp hậu bối.*¹

Năm 1866, Phan Thanh Giản nhắc lại yêu cầu nghỉ hưu, nhưng bị từ chối trong các câu sau:

*Người quá khôn ngoan và đáng trọng khi nghĩ đến việc quyết định về hưu.*²

Đây là cách nhà vua đánh giá người này chỉ một vài tháng trước khi viết rằng ông ta kém tài, rằng ông ta có khuyết điểm là thiên vị, cố chấp và thiếu độ lượng. Cứ như đang mơ vậy: đây đích thị là những biểu hiện ta mong có thể dùng để mô tả chính nhà vua!

Trước khi chia tay Nguyễn Thông, chúng tôi tin là hữu ích để mô tả tinh thần cởi mở của nhân vật này, vốn là môn sinh của Phan Thanh Giản, và là cha của các nhà nho trẻ, Nguyễn Trọng Lợi và Nguyễn Quý Anh³ mà vào năm 1906, tại Phan Thiết, đã cùng với Bộ ba Quảng Nam – Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng⁴ – thành lập phong trào duy tân của hội Liên Thành⁵.

TÙNG THIỆN VƯƠNG⁶

Thật khó lòng tưởng tượng có sự phủ nhận nào mạnh mẽ nào hơn dành cho chỉ dụ kết tội Phan Thanh Giản của Tự Đức cho bằng thái độ

1. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldđ, tr. 221.

2. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tldđ, tr. 221

3. Nguyễn Trọng Lợi (1881-1911), Nguyễn Quý Anh (1883-1938) là những nhà cải cách duy tân Việt Nam thời cận đại, và là một trong sáu thành viên sáng lập trường Dục Thanh và công ty Liên Thành hồi đầu thế kỷ 20, con trai của danh sĩ Nguyễn Thông. (ND)

4. Đến Phan Thiết vào năm 1905.

5. Hợp đồng với Chính phủ đã kết thúc vào năm 2002.

6. Chú của Tự Đức.

của Tùng Thiện Vương, chú của Tự Đức, người mà sau cái chết của Giản đã đảm nhận việc công bố in toàn bộ tác phẩm của ông.

Tháng 6 năm 1941, Minh Viên (Huỳnh Thúc Kháng) trích dẫn một phần ấn bản tuyệt vời này trong số 1685 báo *TIẾNG DÂN*:

[...] Cho đến sau cụ qua đời mà cái gương trên lịch sử nho tuần, người sau trông như núi Thái-sơn, sao Bắc-đẩu¹ [...] Ký giả có thấy mấy bản do những tay danh nhân gần Cụ, chép lại in thành tập, nhứt là bản Lương Khê văn tập do Đức Tùng-thiện vương ấn hành, cùng tập Kỳ-xuyên của ông Nguyễn-Thông, và tập Giá-viên Phạm-phú-Thứ.

[...]

Bài này làm biên mẫu, như văn đời Lục-triều, một bài trường thiên điển cố nhiều, không tiện dịch hết. Bài này viết năm Đinh-mẹo Tự-Đức thứ 20 (1867) ngày 12 tháng 12. Miên-Thẩm thuật. (Tên đức Tùng-Thiện)².

[...]

(Dịch) “Độc sách thánh nhân, nhận cái chức thủ thần, ngôn ngữ đức hạnh làm cân thức cho nước Nam. Kẻ không biết xem, lầm người xưa mà khổ tiết không mấy ai được trình kiến như thế. Nói ‘an nước’ nói ‘bán nước’, không thể định trong một lời nói, 5 trăm năm sẽ có lời định luận công thị công phi sau này.”

[...]

PHẠM VIẾT CHÁNH

Là án sát An Giang, quan chức này bày tỏ tình cảm của ông với Phan Thanh Giản trong bài thơ cảm động, được viết sau cái chết của Kinh lược đại thần:

1. Thái Sơn: ngọn núi ở nước Lỗ, quê hương của Khổng Tử.

2. Huỳnh Thúc Kháng dịch ra Quốc ngữ.

*Phan công tiết nghĩa sánh cao dày,
Thương bấy vì đâu khiến chẳng may.
Hết dạ giúp vua trời đất biết,
Nát lòng vì nước quỷ thần hay.
Tuyệt lương một tháng rau xanh mặt,
Bị cách ba phen lửa đỏ mày.
Chỉ sợ sử thần biên chẳng ráo,
Tấm lòng ấm ức phải thày lay.¹*

Cũng ghi thêm hai câu liền đối từ ngòi bút của cùng tác giả, để tặng Phan Thanh Giản:

*Sở hàng di biểu lưu thiên địa
Nhất phiến đan tâm phó sử thư.
(Đôi hàng biểu để lòn trời đất
Một tấm lòng son tạc sử xanh.)*

PHƯƠNG THÀNH

Đó là một thôn dân, nhà nho chân chính, như người ta đôi khi thấy trong dân chúng bình dị. Cô để tặng cho anh linh Phan Thanh Giản câu đối sau:

*Nhất tử dĩ toàn tam tỉnh huyết
Cửu truyền bất tử lục châu tâm.
(Một chết cho tròn tính mạng dân ba tỉnh
(Thân tuy đã ở) tuổi vàng² (nhưng) chẳng chết nơi lòng dân
sáu châu).³*

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr. 113.

2. Trong văn bản tiếng Việt: “ở tuổi vàng” (bản tiếng Pháp tác giả dịch *traverse le Styx* – ND) tương đương với hình ảnh trong thần thoại Hy Lạp, dễ hiểu hơn đối với người Pháp.

3. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr. 113

YÊU CẦU KHAI PHỤC CHÍNH THỨC ĐẦU TIÊN (1885)

Năm 1885, bộ Lại, với chữ ký của Trần Xán và Nguyễn Hữu Độ (cha vợ của Hoàng đế [Đồng Khánh]) với một số người khác, đã dâng sớ lên vua tấu xin khai phục Phan Thanh Giản và một số đại thần khác:

Ngày 10 tháng Năm, Đồng Khánh nguyên niên (ngày 22 tháng 6 năm 1885), bộ Lại xin dâng lên Hoàng thượng tấu chương sau:

Một ngày tháng 2 năm nay (17 tháng 3 đến 14 tháng 4), thần, bề tôi của Bệ hạ, Nguyễn Hữu Độ, xin trình một việc cũ cần kính:

[...]

Hai cố Thượng thư Phan (Thanh) Giản và Lâm Duy Hiệp, mắc tội không theo ý vua về việc nghị hòa [...] đã bị xóa hết phẩm hàm và giáng chức.

Các quan chức này, đều là quan kỳ lão của tiền triều, đã từng có tiếng cả trong và ngoài (vương quốc) và có công trạng với đất nước.

Nếu, trong những năm qua, có thể họ phạm lỗi, vấn đề là lỗi công vụ (phạm khi thi hành chức nghiệp). Thần xin Ngài gia ơn để khai phục cho họ các tước hàm cũ, ngõ hầu nói rộng đặc ân của Ngài cho họ và để an ủi anh linh của họ.

Thêm nữa, thần đã tra xét các tước hàm của các quan chức này để có thể trả lời Bệ hạ về tất cả những điểm này. Thần bái lĩnh với sự tôn kính, ở mặt trước tấu chương, châu phê của Ngài và, ở mặt sau, lời nhận xét với bút son, khấn rằng:

Chuẩn cho [...] việc tế tự (tưởng niệm họ). Theo phép tắc, họ sẽ được tế tự chung (Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp) (ở miếu Công thần), để thấm nhuần ân đức của nhà vua, việc phải lo chu đáo. Khâm thủ!

Phan Thanh Giản, nguyên Hiệp tá Đại học sĩ, lĩnh chức Thượng thư bộ Hộ, sung Kinh lược sứ Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Tháng 6 năm Tự Đức thứ 20 (tháng 7 năm 1867), vì không giữ nổi ba tỉnh này, đã tự uống thuốc độc chết.

Tháng 11 năm [Tự Đức] thứ 21 (tháng 12 năm 1868), bị truy đoạt chức hàm.

[...]

Xét đến những thành tựu trong quá trình thực thi công cả của các đương sự từng nhiều lần bị kết tội được kể tên ở trên (Phan Thanh Giản và các quan lại khác bị phế truất dưới thời Tự Đức), bốn quan chức này đáng được hưởng tình tiết giảm nhẹ.

Nay vâng theo ý vua cho phép khai phục nguyên hàm:

[...]

Phan Thanh Giản [...] đều xin cho khai phục hàm Hiệp tá Đại học sĩ [...].

Con cháu của họ được hưởng ấm phong và tập tước như lệ cũ. Đến như khoản tế tự (quốc gia), xin cho các bề tôi ở bộ Lễ nghiên cứu và tâu lên sau trong khi chờ chiếu thi hành.

Bèn dám nói ra, xin chờ ý của nhà vua.

Trần Sán phụng khảo. Nguyễn Hữu Độ phụng duyệt. v.v...¹

Chắc chắn là kế hoạch khai phục này, tiếp sau là nghị định chính thức, lẽ ra đã có một sức nặng khác nếu nó không được thực hiện theo sự xúi giục của Nguyễn Hữu Độ (cộng sự nổi tiếng của người Pháp) và con rể ông, vua Đồng Khánh, được người Việt coi như một con rối trong tay người Pháp. Căn nguyên của kế hoạch này sẽ vẫn còn bí ẩn và để lại hoài

1. Dịch nguyên văn tiếng Pháp, những nội dung in đứng và ở trong ngoặc đơn là do tác giả sách này thêm vào cho dễ hiểu. Đối chiếu với bài “Thái độ của Triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản, từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh” của T. Q. G. đăng trên tập san *Sử Địa* (số 7-8, tđđ, tr. 162-164), chúng tôi cho rằng bản tiếng Pháp được trích từ sách *Phan Thanh Gian et sa famille...* của Pierre Daudin và Lê Văn Phúc (sđđ, tr. 111-114). Bạn đọc có thể tham khảo *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 37, Nxb. Khoa học Xã Hội, Hà Nội, 1977, tr. 223-226. (BT)

ngghi về lý do tại sao người Pháp muốn khai phục nhân vật này, mỗi nghi ngờ mà những kẻ gièm pha năm 1963 sẽ lợi dụng.

**SỐ TÂU VUA VỀ 14 ĐẠO KHAI PHỤC
CHO PHAN THANH GIẢN VÀ CÁC ĐẠI THẦN KHÁC¹**

Ngày 26 tháng Chạp Đông Khánh nguyên niên (30-1-1886). Chúng thần, các quan bộ Lại, xin tâu lên Hoàng Thượng, vâng theo tờ chiếu ngày 9 tháng 9 năm Tự Đức thứ 16, trong sách có một khoản nói rằng: “Từ nay trở đi vì soạn văn thức là việc quan trọng, nên nha nào phải do các đường quan nha đó xem xét rồi trình lên. Khâm thủ!”

Vâng theo lời dạy đó, lũ thần làm việc ở Nội Các vâng soạn các văn thức có 14 đạo, lũ thần tuân theo hội đồng xem xét. Việc đó xong, nếu của quan viên nào mong ơn nhận được cáo văn thức sẽ kể ra để trình lên rồi đợi ý vua về sau sẽ kê khai.

(Theo văn bản của mười bốn sắc phong, đứng đầu tiên là của Phan Thanh Giản).

**CHỈ DỤ KHAI PHỤC CHÍNH THỨC CHO
PHAN THANH GIẢN CỦA VUA ĐÔNG KHÁNH (1886)**

Chỉ dụ khai phục hàm Hiệp tá Đại học sĩ cho Phan Thanh Giản²:

Phụng thiên thừa vận, Hoàng đế chế viết:

-
1. Theo bài “Thái độ của Triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản, từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh” của T. Q. G. đăng trên tập san *Sử Địa* (số 7-8, tldđ, tr. 167), nội dung này được dẫn từ sách *Phan Thanh Gian et sa famille...* của Pierre Daudin và Lê Văn Phúc (sdd, tr. 115). Phần dịch Pháp-Việt trên đây được mượn từ bài của T. Q. G. (BT)
 2. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian et sa famille...*, sdd, tr. 118-121.

[*Chú thích của BT*: Phần dịch Pháp-Việt trên đây được mượn từ bài “Thái độ của Triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản, từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh” của T. Q. G. đăng trên tập san *Sử Địa* (số 7-8, tldđ, tr. 167-170).]



VĂN MIẾU Ở VĨNH LONG

Phan Thanh Giản là một trong những người thành lập Văn Miếu

Ta nghĩ việc đời đến lúc khó mà yên ổn được, người quân tử mỗi khi vỗ về việc nay lại nghĩ đến việc xưa.

Lòng người bề tôi trong sạch có thể bày tỏ được; bậc thánh nhân từng làm sáng tỏ cái che dấu (sic) cũng như phơi bày cái sâu kín của người bề tôi.

Một chữ như hoa thêu trên áo lễ của vua¹.

Mấy hàng như là cỏ chi².

Than ôi!

Phan Thanh Giản, nghĩ người, nguyên là Hiệp tá Đại học sĩ, lĩnh Hộ bộ Thượng thư, sung Kinh lược sứ Long An Hà đã phải cách chức.

Tuyển tập Lương Khê³ thật là tuyệt diệu,

Danh tiếng người còn truyền tụng ở Quỳnh Uyển⁴ (văn giới).

Phẩm vọng người cao như núi Thái Sơn, rộng lớn khắp 3 triều⁵.

Văn chương người như mây bay nước chảy, được xưng tụng cao nhất một đời.

Người như Công Tây Xích⁶ thắt lại đai áo⁷ để tiếp khách, làm cho việc bang giao thêm trang trọng.

1. Nguồn gốc câu này lấy từ kinh *Xuân Thu* (*Tch'oen Ts'ieou*) (Bình giải), ám chỉ vinh quang của một người nhận được lời khen của Khổng Tử: (Khi nhận được) lời chúc mừng (của Khổng Tử) cảm thấy hạnh phúc hơn là mặc một chiếc áo gấm thêu hoa (được Hoàng đế phong tặng).

2. Cỏ chi tỏa hương và họ lan; hương đức hạnh.

3. Bút hiệu của Phan Thanh Giản.

4. Thành ngữ: bữa tiệc Quỳnh uyển, chỉ yến tiệc thiết đãi các tiến sĩ, sau khi công bố kết quả cuộc thi diễn ra tại Cung đình.

5. Minh Mạng, Thiệu Tri, Tự Đức.

6. Môn đồ Khổng Tử.

7. Khi họ không làm việc, người xưa nói lỏng thắt lưng và thắt chặt chúng khi họ đang làm việc (để ngăn áo choàng bay).

Cảnh làm quan của người cũng giống như Triệu Duyệt Đạo¹ vừa ôm đàn vừa cai trị quận.

Người vừa nhận lệnh quan trọng của vua ra coi ngoài trăm dặm vút ba tỉnh ngoài biên² gặp lúc lâm lẫm.

Tuy rằng ý người có trái lời bàn của các quan.

Nhưng còn có thể được lượng thứ nhờ sự sáng suốt của nhà vua.

Người biết sửa lỗi ban đầu nên còn truyền được nghiệp cũ³.

Bia được dựng lại sau khi bị đập đổ⁴ cũng phải chờ đến nhiều năm khác⁵.

Trăm nỗi nghiệp lớn.

Nhớ đến chuyện cũ.

Thường bảo rằng công việc vẫn có cam khổ tuy rằng mờ mịt đối với kẻ bàng quan⁶.

Nhưng muốn phán đoán sự phải trái của người sau khi đã chết, sao chẳng chiết trung với lời bàn bạc chung?

1. Dưới thời Tống, nhận chức Ngự sử, ông ta công kích thẳng thừng những nhân vật quyền lực nhất, do đó biệt danh của ông là Thiết diện Ngự sử. Khi ông làm Đô đốc ở các tỉnh Chou, ông mang theo một cây đàn và một con Hạc. Ban đêm, thắp hương, ông xưng với Trời tất cả những gì đã làm trong ngày.

[*Chú thích của người dịch:*

Triệu Duyệt Đạo: Họ Triệu, hiệu Duyệt Đạo, tên Biện, người đời Tống, làm quan Điện Trung Thị Ngự Sử. Ngự Sử là chức chuyên môn điều tra các vụ tham nhũng bất công của các quan cao cấp. Ông Triệu xử lý nghiêm minh. Có biệt danh là “Thiết Diện Ngự Sử”. Lúc ông mất, Vua truy phong ông hai chữ “Thanh Hiển”. Kể từ đó, người ta tôn xưng ông là Thanh Hiển Công.]

2. Âm chỉ việc mất ba tỉnh.

3. Cha của Phan Thanh Giản bị cách chức vì sơ suất trong việc thu thuế.

4. Theo lệnh của Tự Đức, tên của Phan Thanh Giản đã bị đục bỏ khỏi bia Tiến sĩ vào năm 1868.

5. Từ năm 1868 đến năm 1885.

6. Ngược với thông lệ cho rằng những người ngoài cuộc cờ sáng nước hơn những người chơi, trong trường hợp này, đó là những khán giả, những người đương thời với Phan Thanh Giản mới không nhận rõ những gì đang xảy ra ở thời của họ.

Nay cho người khai phục hàm cũ là Hiệp tá Đại học sĩ

Cho hay cáo mệnh này.

Than ôi!

Xem bản văn cất ở chỗ Thanh Biên¹, búi ngùi nhớ lại phong cách người khi xưa.

Theo dõi cuộc đời thanh bạch của người khi làm việc tại Hoàng Các², hận rằng chẳng đáng sống đồng thời!

Cầu khôn thiêng người được an ủi!

Cầu cho người được đời đời còn tiếng thơm!

Khâm tai!

“TẬP VĂN” CỦA TRƯỞNG VĨNH KÝ (1889)³

Phan Lương Khê quê ở tỉnh Vĩnh Long. Học hành sáng láng, ông đỗ Tiến sĩ.

Năm 1862, cùng Lâm Duy Nghĩa⁴ (sic) ông vào Gia Định làm sứ giả ký hòa ước với đại diện hai chính phủ Pháp và Tây Ban Nha. Năm sau, ông lại được Hoàng đế gửi làm chánh sứ đến Paris và Madrid. Lúc đó, ông là Thượng thư bộ Lễ, kiêm thành viên của Cơ mật viện. Trong sứ bộ này, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản đi cùng là phó thần và bồi sứ. Nhiệm vụ kéo dài gần mười tháng. Khi trở về, Hoàng đế bổ nhiệm Phan Thanh Giản làm đại diện nhà vua, phụ trách ba tỉnh miền Tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

Hai hoặc ba năm sau, Nguyên soái Gia (tên Việt của Đô đốc de La Grandière) quyết định thôn tính ba tỉnh miền Tây.

1. Đây là sự thật lịch sử liên quan?

2. Dưới thời Hán, đây là nơi ở chính thức của Thừa tướng. Màu đỏ dành riêng cho Hoàng đế, Thừa tướng có cửa sơn vàng.

3. Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Giản et sa famille...*, sđd.

4. Lâm Duy Hiệp.

INSCRIPTIONS PORTÉES SUR LA GRANDE STELE
DU TOMBEAU DE PHAN THANH GIÂN.

至 丁 卯 年 七 月 初 五 日 遷 世	南 海 涯 老 書 生 潘 公 之 墓	天 運 丙 辰 年 十 月 十 二 日 瑞 生	Au centre : Tombeau de S.E. Phan, vieux lettré du littoral de Cochinchine : A droite : Par la volonté du ciel, né sous de bons auspices, à l'heure <i>thin</i> le 12^{ème} jour de la 11^{ème} lune de l'année <i>binh-thin</i>. A gauche : Décédé le 5 de la 7^{ème} lune de l'année <i>dinh-mao</i>. (4 août 1867)
--	--	--	---

CHỮ KHẮC TRÊN BIA MỘ PHAN THANH GIÂN

Đó là cách duy nhất để mang lại hòa bình, bởi vì ba tỉnh miền Đông (đã bị Pháp chiếm đóng) liên tục nhiễu nhương vì các cuộc nổi dậy và mưu loạn được xúi giục bởi cựu võ quan Đội và Quân cũng như người dân các tỉnh miền Tây. Tàu chiến và binh lính được gửi đến Vĩnh Long. Phan Lương Khê không muốn dân mình đổ máu vô ích; ông biết rằng các tỉnh mà ông nắm quyền không thể phòng vệ và sớm muộn sẽ rơi vào tay kẻ thù, đó là lý do tại sao ông thiên theo hướng giao chúng cho Pháp mà không chống trả.

Sau đó, ông gửi một lá thư cho Đô đốc de La Grandière – có thể nói là đã viết bằng nước mắt – để giao phó cư dân sáu tỉnh; tiếp đến ông tự tử bằng cách nhịn ăn.

Phan Lương Khê phục vụ vua với lòng trung và đất nước với tình yêu; ông cống hiến hết mình cho đất nước đến mức quên đi cuộc sống ngọt ngào. Thật là thương tâm khi thấy ông kết liễu đời mình, trong khi vợ con không được vinh dự và giàu có như mong đợi mà còn phải chịu tội và bị trừng phạt! Tất cả công nghiệp của Phan Thanh Giản bị hủy trong phút chốc. Phan bị tước mọi cấp bậc, chức vụ và phẩm hàm. Ngoài ra, ông bị kết án trăm giam hậu¹.

Ôi! Thật ngưỡng mộ việc cáo lão từ quan của bậc hiền nhân Trương Lương²! Chưa bao giờ thấy một học trò nào chăm học hơn Phan Lương Khê, một vị quan rất ư trung chính. Không có thần dân nào trung với vua hơn người này; không bề tôi nào mẫn cán hơn ông. Một số phận quá bi thương! Tội lỗi nào, hình phạt nào dành cho ông! Câu chuyện của ông thật thảm hại làm sao!

Để tưởng nhớ tên quê hương, Phan Thanh Giản tự gọi mình là Phan Mai Xuyên. Tên chữ là Đạm Như và bút hiệu Lương Khê³.

SẮC CỦA VUA BẢO ĐẠI CHO TÁI LẬP PHỤNG THỜ PHAN THANH GIẢN (1933)⁴

Vào năm thứ 8 dưới triều Bảo Đại (1933), những hương chức làng Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, đã đề nghị ông Adrien Petit, chủ tỉnh Vĩnh Long, gửi cho Triều đình Việt Nam một tờ sớ liên quan đến ước nguyện của họ, xin phong sắc cho Phan Thanh Giản⁵.

Tấu chương này được duyệt và theo sắc lệnh của Bảo Đại dưới đây:

-
1. Kết án tử hình sau khi chết.
 2. Quân sư và là bạn của Lưu Bang, người sáng lập nhà Hán. Ông rời bỏ Triều chính, ngay khi Lưu Bang trở thành chủ nhân đất nước.
 3. Dẫn từ bài “Les Miscellanées” của Trương Vĩnh Ký, số 5 – năm thứ 2 – tháng 9-1889, tr. 9-10.
 4. T. Q. G. , “Thái độ của Triều đình Huế đối với Phan Thanh Giản (từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh)”, tập san *Sử Địa* (số 7-8), tldđ, tr. 171.
 5. Trần Quốc Giám cho biết đoạn sau được trích từ *Nam Kỳ Tuần Báo*, số 47 (1943).

Sắc cho thôn Long Hồ, tổng Bình Long, quận Đệ Nhuết, tỉnh Vĩnh Long phải phụng thờ làm thần: Phan Công, Hiệp tá Đại học sĩ, lãnh Nam Kỳ Kinh lược chánh sứ, Toàn quyền đại thần. Vì thường tỏ ra linh ứng nên nay trăm nổi mệnh lớn ban ơn cho để truy niệm một bề tôi. Trú phong làm: “Đoan Túc Dực Bảo Trung Hưng Tôn Thần”. Chuẩn cho thôn Long Hồ phụng thờ làm thần, ngõ hầu giúp đỡ, che chở cho dân của trăm.

Khâm tai!

Ngày 11 tháng 7 năm 1933, năm Bảo Đại thứ 8.

**“MỘT HÀNH ĐỘNG NHÂN VĂN” CỦA TÁC GIẢ KHUYẾT
DANH¹ MÂY TRẮNG NGAO CHÂU²,
BÁO ĐIỆN TÍN NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 1945**

... Phải, tôi thở dài, vì đến nay đã 78 năm, kể từ ngày Phan công nâng chén chính khí mà gửi hồn lại cho non nước, hỡi còn có một đoàn hậu tấn (cũng may là rất ít) cho cái gương tiên sinh là không đáng kỷ niệm, bởi khi bắt buộc nhượng lại ba tỉnh chót Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, ngài tỏ ra thiếu tinh thần chiến đấu, di lụy cho con cháu về sau.

... Phẩm tiết ba triều³ cao vợi như núi, sá gì là học chưa chín nổi cơm. Văn chương nhất đại, rạng rỡ như gấm hoa, kể chi bọn ăn theo thuở ở theo thời.

Cho nên hôm nay, ngồi tưởng nhớ đến cụ, mà lòng chúng tôi thấy tự hào thêm, bởi người Việt Nam chân chính nào cũng cảm thấy, dầu công vụ không thành, nhưng cái tự giết của cụ là để muốn làm điều nhân, tức là muốn tiết kiệm máu huyết của đồng bào để mưu cầu những cuộc tranh đấu về sau. [...]

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr. 115-117.

2. Làng của Phan Thanh Giản cạnh bờ biển (Bãi Ngao).

3. Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.

TRƯỜNG SƠN CHÍ SO SÁNH PHAN THANH GIẢN VỚI SOCRATE (KHOẢNG NĂM 1950)

Nam Xuân Thọ trong cuốn sách về Phan Thanh Giản¹ đã trích dẫn một thiếu niên tân học, Trường Sơn Chí, sau khi đọc sử cù Phan Thanh Giản tỏ lộ tâm tình:

Than ôi! Phan tiên sinh là người thông quán thức thời, nhưng phải gặp vận nước đến hồi mù mịt, lòng người đang lúc đảo điên, nên không muốn hy sinh vô ích đả ba quân và chẳng nỡ để lụy cho dân chúng [...] sau khi tự dâng thành trì cho người Pháp, bèn uống thuốc độc tự tử để đem “tấm lòng son sắt mà báo đền ân nước, cho hết bốn phận của kẻ làm tôi.”

Xưa kia, nhà hiền triết Socrate² vâng lệnh trên uống “cigue” mà chết một cách lạnh lùng, được người đời ca phục; gần đây, Phan tiên sinh vâng theo tinh thần của kẻ sĩ anh hùng nâng chén thuốc độc mà không đổi sắc, muôn thuở về sau sẽ chiêm bái cử chỉ ấy đến thế nào! [...]

LÒNG KÍNH TRỌNG CỦA PHÙ LANG TRƯỞNG BÁ PHÁT 1967³

Trưởng Bá Phát kết thúc bài viết của mình về những nguyên nhân trước mắt hay sâu xa về cái chết của Phan Thanh Giản bằng cách bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với ông:

Một trăm năm sau, người viết bài này chơn thật mà nhỏ hai giọt nước mắt thương tình trước anh hồn Phan Kinh Lược, một nạn

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản* (1796-1867), sđd, tr. 114.

2. Triết gia Hy Lạp (sinh năm 470 trước CN – Athènes, 399).

3. Phù Lang Trưởng Bá Phát, “Kinh lược đại thần Phan Thanh Giản với sự chiếm cứ ba tỉnh miền Tây”, tập san *Sử Địa*, số 7-8, tldđ, tr. 41-77.

nhân của chế độ độc đoán, lụn bại mà các sĩ phu từ đời xưa tới thời Phan Đình Bá đã noi theo.

LÒNG CẢM KHÁI KÍNH TRỌNG CỦA GIÁO SƯ NGUYỄN HỒNG HUY

Năm 1991, Nguyễn Hồng Huy viết bài báo về một vị quan cùng thời Phan Thanh Giản: Phan Huân (1814-1862)¹. Trong bài viết này, tác giả nhắc lại khi Pháp tấn công ba tỉnh miền Đông, (Gia Định, Biên Hòa, và Định Tường), Phan Huân đã được phái đến để tăng viện cho trận chiến sống còn ở đồn Kỳ Hòa, năm 1861 do Nguyễn Tri Phương, Tổng thống quân vụ, Binh bộ Thượng thư, chỉ huy. Phan Huân đã thoát chết trong gang tấc. Năm 1862, sau khi ký hiệp ước Pháp-Đại Nam, Phan Huân đã dâng sớ lên nhà vua, đòi xử trảm Phan Thanh Giản trước quân binh, để làm gương cho các quan khác.

Ngược với Phan Huân, Nguyễn Hồng Huy bình luận về việc tự vẫn của Phan Thanh Giản năm 1867:

[...] Nam Kỳ bị mất. Vì vậy, Phan Thanh Giản cùng chung phận số không tránh được với mảnh đất quê hương. Mất đất là tạm: chúng ta có thể lấy lại. Nhưng Phan Thanh Giản, chúng ta mất ông mãi mãi. (tr. 86)

“HIỆN TƯỢNG TRƯỞNG CÔNG ĐỊNH” CỦA HỒ HỮU TƯỜNG

Thứ nữa, hãy còn vấn đề khôn ngoan khi bỏ lên cân mà cân lợi hại của hai giải pháp hòa hay chiến. Trong tất cả chế độ, có những trường hợp na ná xuất hiện ra. Và ngay nơi một cơ thể, vấn đề cũng đặt ra nữa. Một người đau bệnh thúi thịt nơi chân, giữ cái

1. Nguyễn Hồng Huy, “Phan Huân (1814-1862)”, *Danh nhân Nghệ Tĩnh*, tập IV, sđd.

chân rồi dùng thuốc mà uống cho bình khỏi, hay là chặt cái chân để cứu phần còn lại?

*[...] vào lúc ấy, song song với hiện tượng Trương Công Định, ở xứ ta hãy còn xuất hiện ra hiện tượng Phan Thanh Giản. Phan Thanh Giản không phải kẻ bán nước. Bằng có là người cấm con cháu hợp tác với Tây. Song Phan Thanh Giản lại thấy rằng khôn ngoan hơn là cắt đất mà cầu hòa, rồi như lúc tạm hòa mà củng cố phần còn lại để phục thù tuyết hận. [...]*¹

B. PHAN THANH GIẢN VÔ TỘI

ÔNG DŨNG CẢM GÁNH CHỊU NHỮNG SAI LẦM CỦA TỰ ĐỨC

Không muốn bằng mọi cách giảm nhẹ tầm quan trọng của những lời chứng được trình bày trong đoạn trên, thực tế là những lời chứng này mang nặng cảm xúc ngưỡng mộ, kính trọng, lòng trung thành v.v... và một số người có thể nghĩ rằng tất cả chỉ là văn chương! Đó là lý do tại sao bây giờ chúng tôi sẽ xem xét các tài liệu lịch sử, chẳng hạn như:

a) Văn khố Bộ Ngoại giao, có trong microfilm 28, 29 và 29 bis, nghĩa là tương ứng với giai đoạn 1862-1867, các tài liệu hiếm khi được khai thác;

b) Thư của Đô đốc de La Grandière cùng thời, tài liệu hoàn toàn chưa công bố;

c) *Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)*, tài liệu cũng hoàn toàn chưa công bố².

1. Hồ Hữu Tường, “Hiện tượng Trương Công Định”, Đặc khảo về Trương Định (số 3), tập san *Sử Địa*, Sài Gòn, 1966, tr. 115-129.

2. Đây không phải là tài liệu gốc, không có sẵn cho đến khi có thông báo mới, nhưng một danh mục các bài báo được tuyển chọn và lược thuật bởi Viện Khoa học Xã hội, cơ sở tại Tp. HCM.

[*Chú thích của BT*: Năm 2003, *Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)* đã được Trung tâm Nghiên cứu Quốc học kết hợp cùng Nxb. Văn Học ấn hành, với sự cho phép của nhóm biên

Việc khảo sát các tài liệu chưa được công bố này buộc chúng tôi phải kể lại các sự kiện đã được mô tả trong Phần thứ nhất, nhưng lần này là dưới một cách nhìn mới.

CHÍNH SÁCH BÀI ĐẠO THIÊN CHÚA CỦA TỰ ĐỨC

Trước hết, chúng ta sẽ xem xét xem chính sách của Tự Đức liên quan đến các nhà truyền giáo Công giáo và dân chúng theo đạo này thực ra là như thế nào.

Những kẻ đầu tiên tấn công Trung Kỳ, đến từ phương Tây, đã đến để xin nhà vua chấm dứt việc đàn áp chống lại các nhà truyền giáo và những tín đồ Công giáo. Tiếp theo đó là những bất bình mà người châu Âu đưa ra để giải thích sự xâm lược quân sự của họ. Những bất bình này không phải phóng đại. Than ôi, những điều đó trở nên rõ ràng với chúng tôi trong quá trình đọc *Châu bản* (C.B.) liên quan đến triều Tự Đức.

Từ năm 1859, tăng cường các sắc lệnh chống đạo. Người ta tìm mọi cách thuyết phục hoặc cưỡng bức thích hợp nhất để loại bỏ tôn giáo này ra khỏi đầu óc dân chúng.

Ngày 5 tháng Hai¹ năm Tự Đức thứ mười hai (ngày 7-3-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện trình bày cách phủ dụ, trừng trị dân theo đạo Thiên Chúa. (C.B. 239, tờ 49-50)

dịch gồm Vũ Thanh Hằng, Trà Ngọc Anh và Tạ Quang Phát. Trong những nội dung tiếp theo của cuốn sách này, với những phần trích từ *Châu bản* được tác giả Phan Thị Minh Lễ và Pierre Chanfreau dịch Việt-Pháp dùng cho độc giả Pháp, nhóm thực hiện đã có sự đối chiếu giữa *Châu bản* theo ấn bản 2003 và nội dung trong bản tiếng Pháp của các tác giả để đảm bảo tính chân xác về nội dung và thông tin (liên quan đến địa danh, nhân danh, chức danh... theo biên niên triều Tự Đức).

Ở các nội dung trích từ *Châu bản*, phần ngày tháng theo lịch Gregorian trong ngoặc đơn do chính tác giả sách này bổ chú. Những thông tin đặt trong ngoặc vuông, không in nghiêng là do ND hay BT chú thêm.]

1. \$ 222, tr. 43 của bản được lưu giữ của Viện Khoa học Xã hội tại Tp. HCM. [Kể từ đây trở về sau, những chú thích có dãy số bắt đầu bằng bảng “\$” đều là số mục lấy từ tài liệu này. (BT)]

Nhưng tôn giáo này không phải là mới, nó đã phổ biến rộng rãi, ăn sâu vào trái tim của những tín đồ trong xứ sở. Thêm nữa, người ta ưu tiên tấn công các linh mục, được xem là căn nguyên của điều xấu và tìm cách chứng tỏ rằng các tín đồ Thiên Chúa là đồng minh của Pháp.

Ngày 19 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 23-4-1859 theo lịch Grégorien), tuân theo dụ của nhà vua, viện Cơ mật ra lệnh cho các địa phương [có] tàu Pháp thường lui tới: Nam Định, Hải Dương, Thanh Hóa, phải rình bắt các cố đạo người Pháp, giải về Kinh trị tội. (C.B. 239, tờ 153-154)

Ngày 4 tháng Tư cùng năm (ngày 6-5-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện² báo cáo về tình hình giáo dân đạo Thiên Chúa thông đồng với Pháp, âm mưu nổi loạn chống Triều đình. (C.B. 239, tờ 175-177)

Khẳng định cuối cùng này không hoàn toàn sai. Rõ ràng là các tín đồ Thiên Chúa, họ hiểu rằng người phương Tây, Tây Ban Nha hoặc Pháp đến cứu họ, nên họ dốc tâm sức ra giúp đỡ vị cứu tinh của mình.

Cũng trong tháng Tư năm Tự Đức thứ mười hai³ (ngày 7-5-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện báo cáo về tình hình giáo dân cung cấp lương thực và thông tin cho Pháp [ở bến Hữu Bình đài Gia Định]. Xin truyền cho quan quân Gia Định phải tăng cường phòng ngự, dò xét và trừng trị những kẻ đó một cách kín đáo. (C.B. 239, tờ 189-190)

Người ta thậm chí đưa ra các chính sách ngớ ngẩn ấu trĩ.

1. \$ 240, tr. 46.

2. \$ 246, tr. 47.

3. \$ 248, tr. 48.

[*Chú thích của BT:* Ở ấn bản năm 2003, đoạn 248 không ghi rõ ngày, nên chúng tôi mạn phép bỏ ra thông tin này đồng thời điều chỉnh một số sai lệch về số hiệu tài liệu trong bản tiếng Pháp, “tờ 189-190” thay cho “tờ 178-180” vốn có nội dung về chính trị-ngoại giao triều Tự Đức, không phải về chính sách với giáo dân Thiên Chúa.)]

Ngày 7 tháng Tư năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 7-5-1859 theo lịch Grégorien), chiếu chỉ của Tự Đức nhằm ngăn các tín đồ Thiên Chúa hợp tác với người Pháp.

Chính sách bao gồm đặt bức tượng Chúa Kitô hoặc thánh giá trên đường dẫn đến doanh trại Pháp, theo C.B. 242, tờ 23-26, với hy vọng rằng giáo dân sẽ ngừng đến đó vì sợ đạp lên các biểu tượng đức tin của bản thân.

Cuối tháng Tư, Tự Đức đưa ra những sắc lệnh bừa bãi cho thấy “Triều đình Huế” xa rời thực tế như thế nào.

Ngày 1 tháng Năm năm 1859² (ngày 1-6-1859 theo lịch Grégorien), Tự Đức ra Dụ quy định rằng từ nay trở đi các các giáo dân đạo Thiên Chúa sẽ bị hành hình [“để trừ bè đảng của Pháp”]; đồn quân Pháp, buộc chúng phải về giữ tàu, thuyền, sau đó dùng hỏa công để tiêu diệt chúng; [ngoài ra còn có lệnh trừng trị các quân sĩ hèn nhát, bỏ chạy trước quân địch]. (C.B. 242, tờ 102-103)

Vào giữa tháng Sáu, phần lớn các quan lại bắt đầu nhận ra rằng chìa khóa xung đột có thể được tháo gỡ bằng các cuộc đàm phán liên quan đến những người theo đạo.

Ngày 12 và 18 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười hai³ (tháng 7-1859 theo lịch Grégorien), có báo cáo của Cơ mật viện về việc quân Pháp đề nghị, thương lượng việc hủy bỏ lệnh cấm đạo Thiên Chúa. (C.B. 243, tờ 146-147 và tờ 152-152)

Họ nhận ra rằng khi nói đến việc thông đồng hoặc bè đảng với kẻ thù thì không chỉ có giáo dân Thiên Chúa, do đó trong chỉ dụ mới từ Thiên Chúa giáo được thay thế bằng dân chúng.

1. \$ 249, tr. 48.

2. \$ 259, tr .49.

3. \$ 274 và \$ 275, tr .52.

Ngày 2 tháng Bảy năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 31-8-1859 theo lịch Grégorien), Tự Đức ra chỉ dụ cấm dân chúng qua lại với người Pháp để tránh nguy cơ người Pháp biết được bí mật quân sự của Đại Nam, cho phép họ chuẩn bị đổi phò. Dân chúng giao dịch với Pháp sẽ bị chém đầu [để làm gương]. (C.B. 246, tờ 5-6)

Tuy nhiên, sự ngờ vực các tín đồ Thiên Chúa không chấm dứt và kể từ tháng Tám năm Tự Đức thứ mười hai (tức tháng 9-1859), việc quản thúc chính thức và “bí mật” giáo dân Thiên Chúa được đặt ra.

Ngày 6 tháng Tám năm Tự Đức thứ mười hai² (ngày 2-9-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện ra mật trình báo cáo của các tỉnh về số dân theo đạo Thiên Chúa, theo luật dụ ra lệnh thống kê dân số theo đạo. (C.B. 247, tờ 27-34)

Từ tháng 8, Tự Đức và phe cánh trong Triều tăng cường tấn công dân theo Thiên Chúa giáo. Một chỉ dụ đến mức ra lệnh giết tất cả người Công giáo.

Ngày 26 tháng Chín cùng năm³ (ngày 21-10-1859 theo lịch Grégorien), có dụ của Tự Đức gửi đến Tổng thống quân vụ đại thần Nguyễn Tri Phương, quân thứ Quảng Nam, và đến Tham tán Phạm Thế Hiển, quân thứ Gia Định, yêu cầu rằng:

- Trừng phạt nghiêm khắc người theo đạo Thiên Chúa giáo.*
- Bắt giữ những kẻ có mưu đồ phản nghịch.*
- Ai giết những kẻ có ý kháng cự thì không nên bị coi là có tội.*
- Người nào chấp nhận bỏ đạo được xử khoan hồng.*
- Giết tất cả những kẻ nào không chịu bỏ đạo.*
- Nghiêm cấm đàn bà con gái qua lại nơi đồn lũy, để phòng tiết lộ việc quân cơ.*

1. \$ 284, tr. 54.

2. \$ 295, tr. 55.

3. \$ 305, tr. 57.

Bài dụ này do Lưu Lượng thảo soạn, do Trương Đăng Quế và Lâm Duy Nghĩa duyệt. (C.B. 247, tờ 233-234)

Các cuộc bách hại tiếp tục. Báo cáo sau đây cho chúng tôi biết rằng một số tỉnh (có lẽ là tất cả) có một quan đặc cách “phụ trách vấn đề dân theo đạo Công giáo”.

Ngày 7 tháng Mười năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 31-10-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện báo cáo việc viên quan Lê Đình Đức, phụ trách vấn đề dân theo Công giáo ở Gia Định, bắt giữ một người dân theo đạo tên Trần Văn Tuấn, tin chắc kẻ này làm gián điệp cho người Pháp. Người này đã bị khai thác và bị giết làm gương cho những người khác. (C.B. 247, tờ 282-234)

Ngày 12 tháng Mười một năm Tự Đức thứ mười hai² (ngày 3-12-1859, theo lịch Grégorien), Cơ mật viện ghi chú trong báo cáo rằng Bố chánh Khánh Hòa, Đỗ Thúc Tĩnh, bắt giữ và hành hình một tên đầu mục dân theo đạo Thiên Chúa để làm gương cho những kẻ theo đạo khác. (C.B. 249, tờ 142)

Ngoài những cuộc hành hạ tàn khốc với một “tên đầu mục dân”, Triều đình còn nghi ngờ quan chức của chính mình:

Ngày 20 tháng Mười hai năm Tự Đức thứ mười hai³ (ngày 30 tháng 1 năm 1860 theo lịch Grégorien), bộ Lại đã thông cáo danh sách tên 12 quan chức theo Công giáo ở Quảng Trị, đang làm việc tại các nhà, bộ, ty ở Kinh đô. (C.B. 251, tờ 175)

Năm 1860, sau một cáo thị khắt khe đầu tiên, chứng kiến sự bùng nổ ý kiến của các quan lại kiên quyết phản đối việc từ bỏ các biện pháp đàn áp hiện hành đối với người Công giáo.

1. \$ 311, tr. 58.

2. \$ 325, tr. 61.

3. \$ 334, tr. 63.

Ngày 10 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba¹ (ngày 2-3-1860 theo lịch Grégorien), Đô sát viện trình về việc xét duyệt và xử chém đầm bốn tội phạm theo Thiên Chúa giáo ở Hà Nội và Ninh Bình. (C.B. 252, tờ 137-138)

Ngày 21 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba² (ngày 13-3-1860 theo lịch Grégorien), Phạm Hữu Nghị, Phạm Xuân Quế và Nguyễn Đăng Điều, ba quan đại thần này trình bày sự nguy hiểm của việc chấp nhận các điều khoản thương thảo của Pháp, yêu cầu hủy bỏ lệnh cấm đạo. (C.B. 257, tờ 67-69)

Ngày 25 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba³ (ngày 17-3-1860 theo lịch Grégorien), Khâm phái khâm nghị hà công, nguyên Tuần phủ Quảng Bình Nguyễn Cửu Trường, Bồi chánh sứ Quảng Bình Tạ Hữu Khuê, cùng Án sát sứ Trần Gia, trình bày ý kiến về các điều khoản trong hòa ước do Pháp đưa ra, không tán thành việc cho Pháp vào tự do truyền đạo Thiên Chúa, lý giải rằng việc truyền giáo chỉ là một âm mưu [để Pháp] thực hiện ý đồ xâm lược. (C.B. 254, tờ 99-100)

Ngày 13 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười ba⁴ (ngày 3-4-1860 theo lịch Grégorien), các quan viên trong Học chánh đạo ở Nghệ An là Phạm Huy, Lê Hữu Thường, v.v... dâng sớ bày tỏ sự phản đối việc cho phép người Pháp vào buôn bán và truyền đạo Thiên Chúa, bày tỏ quyết tâm đánh Pháp nếu họ cố tình gây chiến. (C.B. 254, tờ 129-133)

Các cuộc bách hại diễn ra liên tục trong suốt năm, kéo dài cho đến cuối năm 1861.

1. \$ 364, tr. 69.

2. \$ 372, tr. 70.

3. \$ 375, tr. 71.

4. \$ 383, tr. 72.

Ngày 19 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười bốn¹ (ngày 22 tháng 10 năm 1861 theo lịch Grégorien), Đình Kỳ Diên trình bày nhận xét sau chuyển công cán thị sát tình hình các tỉnh từ Quảng Bình ra Bắc:

- Dân Công giáo bị câu thúc, ban đêm phải gõng lại, do vậy họ buộc phải tuân theo lệnh của Triều đình, không phải tự nguyện.*
- Người dân Việt Nam phải chịu sưu dịch nặng nề từ khi người Pháp đến làm đảo lộn đất nước, do vậy rất thù giặc. [...] (C.B. 261, tờ 189)*

Lối hành xử mà các giáo dân Thiên Chúa phải chịu khá đa dạng, sự thật là vậy, và có thể gây tò mò về khía cạnh một loại hành xử “nhân đạo” của nó, xem các giáo dân Thiên Chúa bị xem là nô lệ mà lại còn được được cộng đồng hỗ trợ (đến mức nào?).

Ngày 2 tháng Mười năm Tự Đức thứ mười bốn² (ngày 4-11-1861 theo lịch Grégorien), Nội các xét duyệt các quy định của tỉnh Quảng Ngãi nhằm xử trí với giáo dân Thiên Chúa ở đây: ruộng đất của họ, tập trung một nơi cách xa làng mạc, được giao cho lý dịch quản lý. Các lý dịch sẽ chiêu mộ lương dân từ các nơi khác đến canh tác. Một nửa số thu hoạch dành cho những người làm thuê, nửa còn lại một phần đóng thuế và cấp dưỡng cho giáo dân bị bắt. (C.B. 261, tờ 225-231)

Nhưng năm 1862, bách hại tiếp diễn với các vụ hành quyết hoặc hành xử tàn bạo với các linh mục, thường là người châu Âu, cũng như với những người Việt trở lại đạo. Cuộc đàn áp này về sau sẽ gây suy yếu quốc gia. Những người trở lại đạo thấy bị đe dọa tự nhiên sẽ ngã sang những người cùng đạo ngoại quốc. Về phía người Pháp, họ sẽ lấy bách hại làm cái cớ để áp đặt luật pháp của họ.

1. \$ 421, tr. 79.

2. \$ 424, tr. 79.

Ngày 12 tháng Giêng năm Tự Đức thứ mười lăm¹ (ngày 10-2-1862 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Hình về việc xét xử một linh mục châu Âu cùng một số giáo dân bị Hộ đốc Nguyễn Đức Hộ bắt được. Linh mục này đã lén lút truyền đạo ở nước ta từ bốn mươi năm nay, đã bị ốm và chết trong tù, xác bị xử phơi thây ngoài chợ và sau đó ném xuống sông. Các giáo dân, tùy theo mức tội phạm, bị kết án chặt đầu, thích chữ lên mặt hoặc bị lưu đày. (C.B. 267, tờ 7)

Ngày 13 tháng Giêng năm Tự Đức thứ mười lăm² (tháng 2-1862 theo lịch Grégorien), bộ Hình báo cáo về việc bắt giữ và xét xử một số linh mục và giáo dân tại Hưng Yên. (C.B. 267, tờ 11-12)

Tuy nhiên, đôi khi, báo cáo khôn khéo hơn, như sau:

Ngày 4 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười lăm³ (ngày 2-4-1862 theo lịch Grégorien), báo cáo của các quan Lê Hữu Hương và Võ Phạm Châu về giáo dân Thiên Chúa và tình hình quan chức thất tẩn sau khi tỉnh Biên Hòa thất thủ: một vài người trong số họ đã chấp nhận tri phủ, tri huyện phục vụ người Pháp; những người khác, ngược lại, đã tổ chức quyền tiền trong khi chờ đợi quân Triều đình quay lại, cũng như kêu gọi những kẻ hợp tác với giặc trở về với đồng bào. (C.B. 270, tờ 111-114)

Vào tháng Tư năm Tự Đức thứ mười lăm, chúng tôi vẫn phát hiện trong *Châu bản* dấu vết những cuộc đàn áp mới đối với người Công giáo, lần này dưới cái cớ gián điệp hoặc phản quốc.

Ngày 3 tháng Tư năm Tự Đức thứ mười lăm⁴ (ngày 1-5-1862 theo lịch Grégorien), bộ Hình trình báo cáo của Tuần phủ Ninh Bình, Lê Danh Đế, liên quan đến bản án xử tên đầu đảng phi Phó

1. \$ 432, tr. 81.

2. \$ 433, tr. 81

3. \$ 443, tr. 83

4. \$ 455, tr. 85.

tổng Dục và linh mục Nguyễn Văn Thông, đã âm mưu gây loạn làm phản, đánh chiếm tỉnh thành... (C.B. 271, tờ 91-95)

Trong số các tài liệu của Pháp, chúng tôi đọc trong lá thư ngày 12-5-1861, được Đại úy Édouard Balézeaux thuộc “Đoàn viễn chinh Nam Kỳ” gửi cho gia đình:

[...] 15 ngày trước, một lá thư giữa Triều đình Huế và quan lại các tỉnh miền Nam bị thu giữ, thư này khẳng định ý đồ của Ngài Tự Đức, Hoàng đế của An Nam. Ông ra lệnh khắp mọi nơi thăm sát các Kitô hữu, đầu người Âu được định giá, treo giá 100 đồng bạc hoặc 500 franc: đến mức đó ư? người ta có trả không?¹

Thật vậy, chúng tôi thấy đề cập đến những giải thưởng này trong *Châu bản triều Tự Đức*.

Ngày 5 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười lăm² (ngày 5-3-1862 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Hình về việc bắt giữ một linh mục lén lút truyền đạo cùng giáo dân Việt tại Bình Phú. Những người này đã bị bắt và kết án. Triều đình thưởng mười lạng bạc cho người có công bắt linh mục. (C.B. 267, tờ 85-87)

Do đó, dường như cả những nỗ lực ngoại giao và đe dọa vũ lực đều không thành công trong việc khuất phục Triều đình Huế để họ chứng tỏ sự nhân đạo hơn đối với các nhà truyền giáo Công giáo và người cải đạo An Nam. Tuy nhiên, chúng tôi phải chỉ ra một vài đoạn hiếm hoi từ *Châu bản*, nêu rằng một số quan lại cảm thấy cuộc bách hại này nên chấm dứt. Thật không may, họ chỉ là một thiểu số nhỏ bé. Trong số các quan này, chúng tôi ghi nhận tên của Phan Thanh Giản, được trích dẫn hai lần. Dường như ông đã nhận thấy sai lầm của Triều đình Huế, kể từ

1. Jean Marquet, “Thư của Đại úy hải quân Édouard Balézeaux, về cuộc viễn chinh Nam Kỳ (1860-1861), 7ème lettre de Édouard Balézeaux à son frère Alfonse (Lá thư thứ bảy của Édouard Balézeaux gửi anh trai Alfonse), (Saigon 12/8/1861)”, *B.S.E.I.*, 1936.

2. \$ 436, tr. 82.

ngày 15 tháng Tám năm Tự Đức thứ mười hai¹, và dăm yêu cầu nhà vua thay đổi chính sách.

CHÍNH SÁCH MỚI CỦA HUẾ CHO NGƯỜI CÔNG GIÁO NHIỀU TỰ DO HƠN

Trên thực tế, tương ứng với cùng thời kỳ bách hại mạnh mẽ nhất trong các mục của *Châu bản*, trong cùng một bộ là một loạt sắc lệnh có lợi cho giáo dân theo đạo Thiên Chúa, cơ bản cho thấy sự thiếu quyết đoán của vị vua độc tài này. Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý rằng sắc lệnh đầu tiên trong số các sắc lệnh đầy khoan dung này lấy từ ý của Phan Thanh Giản.

Vào ngày 15 tháng Tám năm Tự Đức thứ mười hai² (ngày 11-9-1859), vua Tự Đức ra chỉ về các vấn đề:

[...]

- Yêu cầu mọi thần dân hiến kế đánh giặc.*
- Cho giáo dân Thiên Chúa trở về làng. Những ai còn nghi ngờ chưa tin, cứ để họ từ từ trở về.*

(Tờ chỉ này do Phan Thanh Giản soạn, Trương Đăng Quế và Lưu Lượng phụng duyệt. (C.B. 247, tờ 84-85)

Cũng lưu ý rằng trong số cận thần của nhà vua, ngày càng có nhiều người đề xuất chính sách tự do hơn đối với bộ phận dân chúng Việt theo đạo Thiên Chúa.

Ngày 15 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba³ (ngày 7-3-1860 theo lịch Grégorien), các quan phụ trách tỉnh Gia Định [Tôn Thất Cáp, Tôn Thất Dương...] báo cáo về tình hình giáo dân Thiên Chúa trong khu vực họ kiểm soát: xin Triều đình bãi bỏ

1. Theo C.B. 247, tờ 84-85. Tương ứng \$ 298 trong ấn bản *Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)*, ấn bản năm 2003. (BT)

2. \$ 298, tr. 56.

3. \$ 367, tr. 69

việc bắt giam và quản thúc những người đó, cho họ trở về quê quán để tiếp tục công việc, dùng nhân nghĩa để lôi kéo họ trở về với Triều đình, chỉ trừng phạt những người không chịu thức tỉnh.
(C.B. 254, tờ 85-88)

Ba ngày sau, Phan Thanh Giản và hai vị quan khác trong Triều cho nhà vua thấy mối quan hệ giữa chính sách bài đạo của Đại Nam và việc đạt được hòa bình với Pháp.

Vào tháng Ba năm Tự Đức thứ mười ba, có quan vùng Hưng Yên, tỉnh phía Bắc (Bắc Kỳ), tỏ sự bất đồng với chính sách [nhân đạo với giáo dân Thiên Chúa] của Triều đình¹. Trước đó:

Ngày 18 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba² (ngày 10-3-1860 theo lịch Grégorien), một tấu chương dâng lên Vua của các quan đại thần Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản, Lê Chi Tín... tâu xin bỏ các sắc lệnh chống lại người theo Thiên Chúa giáo để ký hòa ước với người Pháp. (C.B. 252, tờ 161-163)

Ngày 27 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười ba³ (ngày 17-4-1860 theo lịch Grégorien), Hộ lý Tuần phủ Hưng Yên, Hoàng Kim Viêm⁴ và Án sát sứ Nguyễn Túc Trưng, liên quan đến việc ký hòa ước, bày tỏ ý kiến ủng hộ tự do thương mại với người Pháp và tự do truyền đạo Thiên Chúa. (C.B. 254, tờ 191-194)

1. Theo mục \$ 385 trong C.B., ấn bản năm 2003: “Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên Nguyễn Đình Tân trình bày ý kiến, xin triều đình dừng theo con đường hòa giải với Pháp, lấy tình hình nhà Thanh để làm gương”.

2. \$ 371, tr. 70.

3. \$ 393, tr. 74.

4. Ghi như nguyên văn tiếng Pháp. Trong ấn bản *Châu bản* năm 2003, ở đoạn 393 để là “Hoàng Kim Viêm”: “Quyển Bổ Chánh sứ Hưng Yên Hoàng Kim Viêm, Án sát sứ Nguyễn Túc Trưng phân tích tác dụng lợi, hại, bày tỏ ý kiến không tán thành việc ký hòa ước, chấp nhận cho Pháp được tự do buôn bán và giảng đạo ở nước ta”. Tra theo *Đại Nam thực lục* (tập 7), năm Tự Đức thứ mười ba có đoạn “Cho triệu Tổng đốc Sơn – Hưng – Tuyên là Nguyễn Bá Nghi, Tuần phủ Hưng Yên là Nguyễn Trọng Thao về Kinh. Cho Bùi Ái, Hoàng Tá Viêm thay 2 chức ấy (sau Ái đổi làm Thị lang bộ Binh, Tá Viêm đổi làm Bổ chính Hưng Yên hộ lý đốc phủ)”. Do vậy, có lẽ “Hoàng Kim/Xim Viêm” ở đây là Hoàng Tá Viêm. (BT)

Năm 1861, chúng tôi thấy những tiếng nói khác dám ủng hộ tự do tín ngưỡng:

Ngày 23 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười bốn¹ (ngày 4-3-1861 theo lịch Grégorien), Nội các trình tấu chương, trong đó có bản tấu của Đỗ Thúc Tĩnh xin giảm các vụ bắt giữ người theo đạo Thiên Chúa, nên cho điều tra kỹ lưỡng về vấn đề này. (C.B. 258, tờ 279-295)

TÌNH CẢNH NGUY KHỔN CỦA VƯƠNG QUỐC

Việc đọc kỹ các báo cáo được ghi lại ở *Châu bản* khoảng từ năm 1858 đến 1867 cho chúng ta những hình dung nhất định về tình hình của Đại Nam bấy giờ, cùng lúc bị tấn công hầu khắp vùng biên.

Ở miền Trung, tàu Pháp đe dọa các thành phố ven biển.

Vào ngày 23 tháng Bảy năm Tự Đức thứ mười một² (ngày 31-8-1858 theo lịch Grégorien), ở các mục từ 207 đến 214, tương ứng từ 205-206 của C.B. 229 ghi nhận rằng bộ Binh báo cáo các sự kiện sau: vùng ven biển Quảng Nam, hạm đội Pháp khuấy rối khu vực bằng cách biểu dương lực lượng mà lực lượng phòng vệ bờ biển Việt Nam đã đáp trả. Trong cuộc đổ bộ nhỏ của Pháp (chiếm đồn Trà Sơn), người Việt Nam bại trận. Cuối cùng, Quảng Nam rơi vào tình trạng chiến tranh.

Mãi đến tháng Hai năm Tự Đức thứ mười hai, Pháp mới tấn công Gia Định.

Ngày 12 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười hai³ (ngày 16-3-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện báo cáo việc Pháp tấn công bốn mặt thành Gia Định. Có vẻ như chúng không thực sự muốn

1. \$ 411, tr. 77.

2. \$ 207, tr. 41.

3. \$ 226, tr. 44.

chiếm thành mà chỉ cướp lấy lương thực và hàng hóa, rồi trở về căn cứ ở Trà Sơn, Quảng Nam. (C.B. 239, tờ 72)

Vào tháng Năm năm Tự Đức thứ mười hai (1859), miền Trung bị đe dọa, có báo cáo về các cuộc nổi loạn giữa các bộ tộc miền núi và các cuộc nổi dậy chống chính quyền của một số dân Công giáo.

Ngày 3 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 2-7-1859 theo lịch Grégorien), một báo cáo của bộ Hộ về tình hình của Phú Yên rất đáng báo động vì những biến loạn do người Pháp gây ra ở các khu vực ven biển Xuân Đài, các cuộc đột kích của thuyền Tầu ô; việc cướp của giết người của người thượng ở trên rừng và các cuộc nổi dậy chống chính phủ của giáo dân Thiên Chúa ở các làng. (C.B. 245, tờ 7-12)

Vào tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười hai (1859), tình hình trở nên tồi tệ hơn với những báo cáo về tình trạng đào ngũ quân binh miền Nam.

Ngày 9 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười hai² (ngày 8-7-1859 của lịch Grégorien), Tự Đức ra Dụ về việc đối phó với tình hình quân sĩ Nam Kỳ đào ngũ ngày càng nhiều (C.B. 242, tờ 205-206)

Vào tháng Tám cùng năm, quân lính miền Trung đại bại.

Ngày 20 tháng Tám năm Tự Đức thứ mười hai³ (ngày 18-9-1859 theo lịch Grégorien), báo cáo của các Tổng thống quân thứ Quảng Nam Nguyễn Tri Phương và Tham tán Phạm Thế Hiển, về việc Pháp tấn công đồn lũy Nại Hiên, Liên Trì và Phúc Tường, đốt cháy doanh trại. Quân binh Việt Nam bị đánh bại... (C.B. 246, tờ 111-113)

Vào tháng Mười, Triều đình nhận một báo cáo thực tế đầy thảm họa của Tổng tư lệnh quân đội An Nam về tình cảnh quân binh:

1. \$ 268, tr. 52.

2. \$ 272, tr. 51.

3. \$ 300, tr. 56.

Ngày 10 tháng Mười năm Tự Đức thứ mười hai¹ (ngày 4-11-1859 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện trình báo cáo của Nguyễn Tri Phương về tình hình tương quan lực lượng giữa quân Pháp và quân triều đình. Quân Pháp được trang bị vũ khí hiện đại, rất khó chống lại. Quân triều đình ở Quảng Nam, lực lượng hơn 7.000 người thì giảm còn 3.200 sau đào tẩu, sa thải, bệnh tật và dùng để sai phái. (C.B. 247, tờ 292-294)

Bất chấp những tin tức đáng báo động, đáng để phải sửa đổi ít nhất ở chính sách, Tự Đức vẫn giam mình trong Hoàng thành Huế, vẫn cứ đòi hỏi binh lính điều không thể.

Ngày 9 tháng Mười một năm Tự Đức thứ mười hai² (ngày 2-12-1859 theo lịch Grégorien), Tự Đức ra chỉ dụ cho binh lính tăng cường phòng thủ, tìm cách thừa cơ đánh úp, quấy rối làm kẻ địch kiệt sức. (C.B. 250, tờ 99-100)

Ngày 14 tháng Mười một năm Tự Đức thứ mười hai³ (ngày 7-12-1859 theo lịch Grégorien), Tự Đức ra chỉ dụ khiển trách tướng sĩ ở Quảng Nam và Gia Định đã bất lực trong việc đẩy lùi kẻ xâm lược. (C.B. 250, tờ 130-131)

Mục 254 của *Châu bản* mô tả rất rõ sách lược rất thiếu thực tế mà Tự Đức đã chỉ đạo quân đội: giống như cách ông sai sử các Đại thần của mình, sử dụng phương pháp củ cà rốt và cây gậy!

Ngày 30 tháng Giêng năm Tự Đức thứ mười ba⁴ (ngày 21-2-1860 theo lịch Grégorien), Thống đốc Gia Định Tôn Thất Cáp, Tham tán Lê Tổ và Tán lý Nguyễn Duy báo cáo về tình hình ở Nam Kỳ:

1. \$ 313, tr. 59.

2. \$ 321, tr. 61.

3. \$ 327, tr. 62.

4. \$ 359, tr. 67.

[*Chú thích của BT:* Trong *Châu bản* theo ấn bản 2003, ngày tháng được để là ngày 2 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba.]

người Pháp đưa vũ khí vào đóng ở chùa Mai Sơn, khiến người dân 15 xã xung quanh sợ hãi bỏ đi. Xin lệnh đánh đuổi kẻ địch sớm vì đây là con đường vận chuyển lương hướng của ta...

Châu phê: Tự Đức ra lệnh cho Tôn Thất Cáp tiêu diệt kẻ thù không chút trì hoãn, nếu không thì sẽ bị tội nặng. (C.B. 253, tờ 196-199)

Chúng tôi cũng thấy rằng các quan chức địa phương không dám tự quyết mà vẫn chờ lệnh của nhà vua, vốn thường gây thất vọng.

Ngày 9 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba¹ (ngày 1-3-1860 theo lịch Grégorien), Thống đốc Gia Định Tôn Thất Cáp, Tham tán Lê Tổ và Tán lý Nguyễn Duy nêu chi tiết tình hình từ tháng Mười hai năm trước tính đến nay, tức tính từ khi người Pháp chiếm những huyện Bình An, Bình Long; việc Pháp đòi hỏi ký hòa ước và gửi quân tiếp viện đến chùa Mai Sơn.

(Và chờ xin lệnh nhà vua ư?)

Châu phê: tăng cường huấn luyện quân sĩ để phòng và đánh địch. (C.B. 254, tờ 76-80)

Cũng vào tháng Hai này, tình hình càng xấu thêm vì Đại Nam còn phải đối mặt với cuộc tấn công của người Cao Miên.

Ngày 10 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba² (ngày 2-3-1860 theo lịch Grégorien), báo cáo của Tuần phủ Hà Tiên, Chương vệ Nguyễn Đình Thường về tình hình biên giới do thám được: quân Cao Miên tụ tập, có ý đồ gây chiến với Đại Nam. Ngày 7 tháng Hai, hơn 200 tên Cao Miên tấn công thôn Đồng Đăng. (C.B. 253, tờ 253-259)

Tỉnh An Giang cũng bị đe dọa.

1. \$ 363, tr. 68.

2. \$ 365, tr. 69.

Ngày 16 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba¹ (ngày 8-3-1860 theo lịch Grégorien), Hộ lý Tổng đốc An Giang-Hà Tiên Nguyễn Công Nhân và Tuần phủ An Giang Phan Khắc Thận báo cáo tình hình quân Cao Miên đánh phá các đồn lũy trên kênh Vĩnh Tế, đã bị đẩy lùi. (C.B. 253, tờ 286-295)

Một lần nữa, ở mục sau của *Châu bản*, chúng tôi nhận thấy sự thiếu mạch dạn (*cầu rằng người ta thay thế họ*) về phía các quan văn và quan võ. Ta không thể không nghĩ rằng chính nỗi sợ bị lên án (và bị trừng phạt nặng vì những lỗi lầm từ phía họ) khiến họ làm như vậy.

Ngày 17 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười ba² (ngày 9-3-1860 theo lịch Grégorien), Thống đốc Gia Định Tôn Thất Cáp, Tham tán Lê Tổ và Tán lý Nguyễn Duy tấu về đánh giá tình hình của Pháp từ khi họ xâm nhập cửa biển Đà Nẵng, thế mạnh của giặc, đề xuất chiến lược phòng thủ, cũng như phản ánh nhiều chủ đề khác như làm sao đối phó với giặc, và cuối cùng họ nhận lỗi bất tài, xin Triều đình cử người thay thế họ. (C.B. 254, tờ 89-94)

Vào cuối tháng Hai cùng năm, tình hình cũng trở nên nguy ngập ở Gia Định, nơi người Pháp đang gia tăng áp lực để đạt được thỏa thuận mà họ muốn áp đặt đối với Đại Nam.

Ngày 3 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười ba³ (ngày 24-3-1860 theo lịch Grégorien), Thống đốc Gia Định Tôn Thất Cáp, Tham tán Lê Tổ và Tán lý Nguyễn Duy báo cáo rằng Pháp đã đốt các thuyền buôn, lấy cớ do phía Đại Nam không chấp nhận các điều khoản hòa ước, tỏ ý đe dọa ta. Sau là đến tình hình Thiên Tân ở Thanh quốc, tin do các thương nhân Trung Hoa cho hay: chiến thuyền của đế quốc Anh, Mỹ, Pháp, v.v. đã tấn công Thanh quốc. (C.B. 254, tờ 108-112)

1. \$ 368, tr. 70.

2. \$ 369, tr. 70.

3. \$ 378, tr. 71.

Cuối tháng Ba này, các cuộc tấn công của Cao Miên ở An Giang và Hà Tiên nghiêm trọng hơn.

Ngày 26 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười ba¹ (ngày 16-4-1860 theo lịch Grégorien), Khâm phái Hoàng Văn Tuyền báo cáo việc người Cao Miên quấy rối, đốt làng, cướp của và giết người ở vùng biên giới thuộc các tỉnh An Giang và Hà Tiên. Có tin đồn quân Cao Miên sẽ thông đồng với Pháp và chờ mùa lũ để tấn công Đại Nam, Hoàng Văn Tuyền đề ra một số biện pháp và khẩn thiết đề nghị thực hiện ngay để đối phó tình hình trên. (C.B. 254, tờ 188-190)

Từ tháng Năm đến tháng Bảy, nhiều cuộc tấn công xảy ra tại Quảng Ngãi và quân sĩ Đại Nam không thể đẩy lùi được. Lần này, không phải là từ phương Tây mà là các cuộc nổi dậy của “người Thượng”, dân tộc thiểu số hoặc một số người Hoa.

Ngày 22 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười ba² (ngày 8-8-1860 theo lịch Grégorien), Tuần phủ Bình Định, Bùi Quỳ, báo cáo rằng giặc phi người Thượng xuống các làng An Lộc, Phú Nông, An Hội, Thủy Sơn, Thủy Trạch tỉnh Quảng Ngãi để giết hại cư dân, cướp của và đốt nhà dân. Quân địa phương không tiêu trừ được. (C.B. 244, tờ 7-12)

Ngày 30 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười ba³ (ngày 16-8-1860 theo lịch Grégorien), Trần Hoán, Phan Hữu Từ báo cáo tình hình tiêu trừ những người thiểu số quấy nhiễu ở Hà Tiên, kêu gọi kẻ lắm đường theo giặc và dân bị lưu tán trở về làm ăn. (C.B. 244, tờ 73-78)

Ngày 4 tháng Bảy năm Tự Đức thứ mười ba⁴ (ngày 20-8-1860 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Lại về tình hình quân của

1. \$ 391, tr. 74.

2. \$ 397, tr. 75.

3. \$ 398, tr. 75.

4. \$ 401, tr. 76.

người thiếu số xuống đồng bằng cướp của, giết người và đốt nhà của người Việt ở Trà Bình, Trà Vân... (C.B. 257, tờ 24-26)

Ngày 11 tháng Bảy năm Tự Đức thứ mười ba¹ (ngày 27-8-1860 theo lịch Grégorien), Tuần phủ Quảng Yên, Nguyễn Văn Chấn báo cáo về việc triều trừu bọn phi Trung Quốc tràn sang cướp phá, bắt trâu bò và phụ nữ ở hai châu Văn Ninh và Tiên An trong tỉnh. Quân binh đã đi dẹp như chưa triệt để được, thiệt hại rất nghiêm trọng. (C.B. 244, tờ 212-221)

NHỮNG THẤT BẠI QUÂN SỰ CHÔNG CHẤT

Đầu tháng Giêng năm 1861, giọng điệu các đoạn trong *Châu bản* đã thay đổi.

Trước hết, ưu thế quân sự của kẻ địch được công nhận. Sau đó, Đại Nam thừa nhận thất bại, những kháng cự dường như vô ích.

Ngày 27 tháng Giêng năm Tự Đức thứ mười bốn² (ngày 8-3-1861 theo lịch Grégorien), Nội các báo cáo về tình hình miền Nam: nhiều đồn lũy phòng thủ và tỉnh thành bị quân Pháp chiếm, xin phái một quan văn vào điều tra cụ thể, cho tăng quân đồn trú để phòng những biến cố bất ngờ. (C.B. 258, tờ 68-71)

Ngày 9 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười bốn³ (ngày 19-3-1861 theo lịch Grégorien), Nội các báo cáo tình hình miền Nam, quân triều đình thất trận trước Pháp. Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương bị thương. Theo luật, đáng lý phải xử các Tán lý Tôn Thất Hạp và Phạm Thế Hiển vì tội bỏ chạy, nhưng vì tình hình khẩn trương nên xin tạm hoãn để họ đoái công chuộc tội. (C.B. 258, tờ 138-141)

1. § 402, tr. 76.

2. § 406, tr. 76.

3. § 407, tr. 82.

Ngày 26 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười bốn¹ (ngày 29-10-1861 theo lịch Grégorien), Triều đình ghi nhận tình hình bi quan: đánh không thắng, giữ cũng không xong, kế sách của Triều đình không hiệu quả trong khi Pháp ngày càng lấn lướt. (C.B. 261, tờ 225-231)

Nhưng sự thù nghịch không dừng, và năm sau, thất bại của Đại Nam đến dồn dập trên mọi mặt trận, đặc biệt là ở Bắc Kỳ.

Ngày 6 tháng Giêng năm Tự Đức thứ mười lăm² (ngày 4-2-1862 theo lịch Grégorien), năm Tự Đức thứ 15, báo cáo của Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên, Nguyễn Đình Tân, về tình hình nguy ngập ở Đồ Sơn bị hải phi đánh phá mạnh, quân triều đình thua liên tục. (C.B. 270, tờ 11-13)

Ngày 7 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười lăm³ (ngày 7-3-1862 theo lịch Grégorien), tin khẩn cấp của Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên, Nguyễn Đình Tân: hơn trăm thuyền của Thanh phi từ ngoài biển tiến vào, tấn công tỉnh thành. (C.B. 270, tờ 45-48)

Ngày 16 tháng Hai năm Tự Đức thứ mười lăm⁴ (ngày 16-3-1862 theo lịch Grégorien), Tổng đốc Hải Dương-Quảng Yên, Nguyễn Quốc Trạch, báo việc Thanh phi lên bờ cướp của, đốt nhà, cùng tình hình trừ diệt bọn này. (C.B. 270, tờ 42-44)

Trong khi đó, một số quan lại bắt đầu suy nghĩ về nguyên nhân thất bại của Đại Nam.

Ngày 7 tháng Tư năm Tự Đức thứ mười lăm⁵ (ngày 7-5-1862 theo lịch Grégorien), Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên, Nguyễn Đình Tân báo cáo kết quả điều tra lý do thất bại của quân triều đình trong

1. \$ 423, tr. 79.

2. \$ 430, tr. 80.

3. \$ 437, tr. 82.

4. \$ 439, tr. 82.

5. \$ 457, tr. 85.

các trận đánh ở tấn Ninh Hải, xã Huế Trì, ở ngã ba sông Kiêu, tấn Văn Úc. Đó là do quân triều đình phần nhiều già yếu, chậm chạp, hèn nhát, trong khi quân phủ mạnh hơn, đông hơn, được trang bị và sở hữu nhiều thuyền tốt hơn. (C.B. 270, tờ 209-214)

Tuy nhiên, chuỗi thất bại quân sự vẫn tiếp tục cho đến cuối năm và góp thêm phần căng thẳng, được thể, Thanh phủ càng tăng cường quấy phá. Đe dọa trừng phạt và giáng chức các quan sa cơ là vô ích, không giúp chống lại những cuộc tấn công của kẻ địch.

Ngày 9 tháng Năm năm Tự Đức thứ mười lăm¹ (ngày 3-6-1862 theo lịch Grégorien), Tổng đốc Hà Nội-Ninh Bình, Hoàng Thu, cảnh báo rằng tình hình giặc phủ ngày càng lan rộng, quân binh triều đình không chống nổi: xin tăng viện để đối phó với tình hình. (C.B. 273, tờ 280-284)

HÒA ƯỚC SÀI GÒN THÁNG 5 NĂM 1862

Trong Phần thứ nhất, chúng ta đã thấy sứ đoàn Việt Nam, với một trăm lính Cẩm vệ hộ tống, mang một vẻ oai vệ nhất định, đến Sài Gòn vào ngày 26-5 trên một chiếc thuyền buồm khá cũ kỹ ít nhiều gây mất thể diện, được chiếc *Forbin* kéo đi. Tuy nhiên, sự chào đón chính thức của Pháp-Tây Ban Nha không phải là không trọng thể; bỏ qua tất cả vấn đề tự ái của người Việt, sự đón tiếp này tạo ấn tượng mạnh mẽ với các sứ thần, nhưng cũng khiến họ không được thoải mái thương thuyết theo hướng Tự Đức đã hy vọng.

Có thể nói, Phan Thanh Giản và Lâm Duy Hiệp thấy bản thân buộc phải ký hòa ước, nếu không thì mất tất cả.

Vài ngày sau trở về đối diện với Tự Đức, họ phải nhận lấy hậu quả từ sự thất vọng to lớn của nhà vua. Ngay lập tức họ bị giáng cấp trong khi vẫn phải đảm đương các chức vụ thậm chí còn khó khăn hơn, tổng đốc hai tỉnh miền Tây, giáp ranh với những nơi mà họ vừa ký nhượng cho

1. \$ 469, tr. 87.

Pháp. Sự bổ nhiệm này là một hình phạt đối với hai quan chức không hoàn thành ý nguyện của nhà vua, nhưng điều đó lại ghi dấu ấn rằng nhà vua có niềm tin vào khả năng của họ.

Về phần mình, Đô đốc Bonard luôn ghi nhận một cách lo âu những biến loạn đang hoành hành ở các tỉnh mới chiếm được trong báo cáo hằng tháng gửi về Bộ; ông dường như tin vào cam kết của Tự Đức đối với việc tôn trọng các điều khoản trong hiệp ước.

Sau đó ít lâu, trong cùng một báo cáo, đô đốc nói rõ thanh kiếm Damoclès¹ nào đang đe dọa Triều đình Huế, thanh kiếm mà năm năm sau sẽ rơi xuống đầu Phan Thanh Giản:

Đầu hàng, mà vẫn giữ lại thành Vĩnh Long, Triều đình Huế quá quan tâm đến việc thần phục hoàn toàn của các tỉnh bị mất (điều kiện tiên quyết) để không nhượng bộ chúng ta trong việc hoàn tất việc bình định này, điều này sẽ khiến chúng ta phải trả giá, mất rất nhiều thời gian, con người và tiền bạc.²

NHỮNG THẤT BẠI QUÂN SỰ LIÊN TIẾP CỦA ĐẠI NAM SAU HÒA ƯỚC VỚI NGƯỜI PHÁP

Ngày 10 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười lăm³ (ngày 6-7-1862 theo lịch Grégorien), Lễ khoa trường ấn cấp sự trung Ngô Quang Tuấn, Giám sát ngự sử Hải Dương-Quảng Yên Đặng Xuân Bảng báo cáo tình hình giặc cướp trong tỉnh ngày càng hoành hành, tràn lan, quân triều đình không thể chống nổi. (C.B. 273, tờ 156-162)

1. Xem lại tr. 82 ở trước. Theo Cicero, Dionysius ngày xưa, mệt mỏi với sự nịnh hót liên miên của Damoclès cận thần của mình, đã mời hắn ta, như một quân vương, đến dự bữa tiệc. Phía trên chỗ ngồi của Damoclès, Denys treo một thanh kiếm nặng chỉ bằng lông ngựa để cho hắn ta thấy sự mong manh của hạnh phúc. Thành ngữ trong tiếng Pháp biểu thị một mối nguy hiểm sắp xảy ra có thể phủ nhận tình trạng hiện tại.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 93.

3. \$ 478, tr. 88.

Ngày 18 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười lăm¹ (ngày 14-7-1862 theo lịch Grégorien), Tổng đốc Nam Định-Hưng Yên Nguyễn Đình Tân báo cáo việc thất thủ ở nhiều đồn trấn, quan quân thất tán. Xin phái thêm quân. (C.B. 273, tờ 176-182)

Ngày 4 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười lăm² (ngày 26-10-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh báo cáo rằng bốn chiếc thuyền Việt, đang vận chuyển vũ khí thì bị Pháp cướp phá. (C.B. 279, tờ 32-33)

Ngày 18 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười lăm³ (ngày 9-11-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh trình báo cáo của Tổng đốc Bắc Ninh-Thái Nguyên, Nguyễn Văn Phong, báo tin Thái Nguyên thất thủ. (C.B. 279, tờ 117-118)

Ngày 18 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười lăm⁴ (ngày 9-11-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh báo cáo quân triều đình tuần tiểu, canh phòng vùng biển Hà Tiên, đã phát hiện thấy thuyền Tàu ô, đã hạ được vài tên. (C.B. 279, tờ 119-121)

Ngày 23 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười lăm⁵ (ngày 14-11-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh trình báo cáo của Bố chánh sứ Vĩnh Long, Lê Đình Đức, rằng Vĩnh Long thấy thủ. Quan lại trong tỉnh đều bị giáng cấp và đẩy đi nơi khác. (C.B. 279, tờ 141)

Ngày 6 tháng Mười năm Tự Đức thứ mười lăm⁶ (ngày 27-11-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh báo cáo Thủy sư Hiệp quân Vũ Cối, phụ trách vận chuyển vũ khí đến Quảng Ngãi, Bình Thuận và Khánh Hòa, lúc đến cảng Thị Nại (cảng Quy Nhơn) thì bị cướp biển chặn cướp hết. Xin xử phạt Vũ Cối và các quan chức khác đảm trách vụ này. (C.B. 279, tờ 198-202)

1. \$ 481, tr. 88.

2. \$ 489, tr. 90.

3. \$ 496, tr. 91.

4. \$ 498, tr. 91.

5. \$ 498, tr. 91.

6. \$ 503, tr. 92.

Ngày 26¹ tháng Mười năm Tự Đức thứ mười lăm² (ngày 17-12-1862 theo lịch Grégorien), bộ Binh trình báo cáo của Hoàng Tuấn Tích ở Khánh Hòa về việc chiếc thuyền của Hoàng Mùi, nhận chở tiền bạc cho Triều đình, bị giặc cướp mất hơn 9.000 quan. (C.B. 279, tờ 268-270)

Năm 1863 mọi chuyện ở Bắc Kỳ cũng bắt đầu tồi tệ, các băng nhóm người thượng ở vùng biên giới giáp Đại Thanh trà sang cướp bóc và tàn phá khắp vùng bất kể những nỗ lực yếu ớt của quân binh địa phương.

Ngày 5 tháng Bảy năm Tự Đức thứ mười sáu³ (ngày 18-8-1863 theo lịch Grégorien), bộ Binh trình báo cáo của Tổng đốc Sơn Tây, Nguyễn Bá Nghi, về việc không đánh đuổi được giặc cướp ở Tuyên Quang. Nhận tội, ông xin bổ nhiệm Nguyễn Diễm ở quân thứ Hải Dương-Quảng Yên lãnh chức Đề đốc thay thế mình. (C.B. 283, tờ 187-180)

Tình trạng mất an ninh thường xuyên này kéo dài đến năm 1867:

Ngày 21 tháng Tư năm Tự Đức thứ mười lăm⁴ (ngày 24-5-1867 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Binh về các cuộc hành quân chống giặc cướp trong cả nước. Chính quyền tỉnh, tổng được lệnh cấm dân chúng giúp đỡ hoặc chứa chấp bọn giặc cướp. (C.B. 292, tờ 244-24)

1. Theo *Châu bản*, ấn bản 2003, đề ngày 27 tháng Mười năm Tự Đức thứ mười lăm (1862). (BT)

2. \$ 504, tr. 92.

3. \$ 513, tr. 93.

4. \$ 531, tr. 96.

CHIẾM ĐÓNG THU HỢP HAY TIẾP TỤC CHINH PHỤC?

Nếu chính sách của Pháp ở Nam Kỳ gặp phải nhiều hoài nghi, thậm chí gièm pha, nó vẫn có được số người ủng hộ mang niềm tin mãnh liệt đủ bù đắp cho thiếu sót.

Theo sau Drouyn de Lhuys, đầu năm 1864, Hoàng đế Pháp cũng nghiêng về phía những lời đề nghị giảm bớt hoạt động ở Nam Kỳ của Phan Thanh Giản. Tiếp theo là quyết định gửi Trung tá hải quân Aubaret, được chỉ định làm lãnh sự ở Xiêm, sau khi đến Bangkok sẽ đi tiếp đến Huế để đàm phán một bản điều ước mới và từ đó có được sự phê chuẩn của Tự Đức trên bản hòa ước mới vốn dựa trên những điều khoản chung đã nhất trí ở Paris, theo thỏa thuận với Phan Thanh Giản.

Nhưng ở Huế, trong cuộc đàm phán, Aubaret vấp phải sự dè dặt và những đòi hỏi bất ngờ. Chính phủ Đại Nam không phê chuẩn những nhượng bộ mà đại diện của chính họ đã chấp nhận ở Paris. Họ muốn bàn lại một số điều khoản, đáng chú ý là quyền tự do đi lại cho người Pháp, về tự do tôn giáo, về ân xá cho các giáo dân Thiên Chúa và người dân Nam Kỳ đã chấp nhận sự cai trị của Pháp, cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, là thuế và tiền cống nạp. Tự Đức dự định thay thế việc cống nạp vĩnh viễn, biểu hiệu của chư hầu, bằng một khoản bồi thường chiến phí nhẹ hơn, trả trong vòng bốn mươi năm. Những đổi mới quan trọng này đã thay đổi hoàn toàn khía cạnh kinh tế của chương trình ban đầu, tuy vậy Aubaret vẫn ký hiệp ước mới vào ngày 15 tháng 7 năm 1864, nhưng chỉ ký đại diện (*ad referendum*), đồng thời loại trừ điều khoản liên quan đến bồi thường và bảo lưu quyết định cuối cùng của Chính phủ Pháp, qua đó chừa lại hoàn toàn quyền được tự do chấp nhận hoặc từ chối văn bản mới.

Mặt khác, ở mẫu quốc, một chiến dịch chống lại bản dự thảo Phan Thanh Giản-Aubaret được phát động. Các bài báo, tờ rơi, hồi ký của A. Lomon, M. des Toumays, Henri Galos, G. Francis (bút danh của Francis Garnier, Nam Kỳ thuộc Pháp năm 1864), Charles Duval, Abel [Rieunier]

chỉ ra rằng chiếm đóng thu hẹp cũng tiêu tốn như chiếm đóng mở rộng và hơn nữa, sẽ phá hỏng sức ảnh hưởng uy tín của Pháp ở Viễn Đông.

Abel đăng chủ yếu một nghiên cứu chuyên sâu¹ về chính sách Pháp-Việt kể từ Hiệp ước Versailles (1787) cho đến năm 1864, về sự thịnh vượng kinh tế của Đông Dương, về lợi ích mà thuộc địa này đem lại cho Pháp.

Lợi dụng sự tranh cãi về vấn đề ngân sách tài khóa, Armand chủ tàu lớn người Bordeaux, nghị sĩ vùng Gironde, đã tác động vào Cơ quan lập pháp và, ngày 17 tháng 5 năm 1864, biện hộ một cách thuyết phục cho lý do cho một xứ Nam Kỳ thuộc Pháp.

Trước sự đồng thanh phản đối như vậy, với tiếng nói của báo chí Công giáo, báo chí hàng hải, Phòng Thương mại và của cả cộng đồng doanh nghiệp kết hợp với nhau, chính phủ không thể không bị lay chuyển. Dựa vào trào lưu ý kiến được tạo ra, Bộ trưởng Bộ Hàng hải và Thuộc địa Chasseloup-Laubat, còn gọi là “người bệnh vực Nam Kỳ”, đạt được thành công đầu tiên: bác bỏ chính thức bản dự thảo hiệp ước. Ngày 8 tháng 6 năm 1864, có lệnh đình chỉ mọi đàm phán gửi đến Aubaret. Song, lệnh này đến hơi muộn. Aubaret chỉ nhận được tin khi ông ta đã trên biển sau khi rời Huế, trong tay là bản hiệp ước đã ký, vẫn bảo lưu trong Điều 19, liên quan đến cống nạp.

Nhưng nhiệm vụ Aubaret, sớm trở nên nổi tiếng, gây ra sự phản đối mạnh mẽ nơi những người ủng hộ việc bành trướng ra hải ngoại. Trong các báo cáo, Đô đốc de La Grandière giữ lập trường chống lại những nhượng bộ được đề xuất; ông lập luận rằng động thái thoái lui trong chính sách sẽ kích động phiến quân, cản trở sự tập hợp và làm tê liệt phát triển giao thương của cơ sở mới.

Trong sự nghiệp hải quân của mình, Đô đốc de La Grandière không có cơ hội trải qua kinh nghiệm thuộc địa như Bonard, nhưng chính ông với tính cách rất khác so với người tiền nhiệm lại mang một

1. M. H. Abel (Rieunier), *La Question de Cochinchine au point de vue des intérêts français*, Nxb. Challamel aîné, Paris, 1864.

tinh thần vượt trội. Sáng suốt và điềm tĩnh, lạnh lùng và có phương pháp, cương trực và quả quyết không khoan nhượng, ông sở hữu phẩm chất không chỉ của một nhà cai trị xuất sắc mà còn thuộc về một người đứng đầu chính phủ thực sự. Ngay khi đến Nam Kỳ, ông thấy mình phải đối mặt với những vấn đề lớn tạo điều kiện cho tương lai của cơ sở mới. Về vấn đề Cao Miên, bỏ qua những hướng dẫn, ông quyết định mạnh dạn, theo sáng kiến riêng, và vào ngày 11 tháng 8 năm 1863, tự mình tóm lại nguyên tắc về sự hiện diện của Pháp ở Hạ Đàng Trong¹.

CHÍNH SÁCH CỦA DE LA GRANDIÈRE

Tháng 3 năm 1863, một ghi chú của Bộ² liên quan đến Nam Kỳ cho chúng tôi biết rằng văn bản hiệp ước, được Hoàng đế phê chuẩn, cuối cùng đã đến Sài Gòn, nhưng một cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra, Đô đốc Bonard thiếu quân số, phải phòng thủ. Tình hình chiến sự trở nên đáng lo ngại, lệnh giao cho Đô đốc Jaurès, chỉ huy Lực lượng viễn chinh ở Trung Quốc, tách một tiểu đoàn thủy quân lục chiến đưa sang Đông Dương. Ngoài ra, Đại tá Palanca yêu cầu Manille gửi một tiểu đoàn tăng cường. Đó cũng là lý do cho sự xuất hiện sắp tới của Đô đốc de La Grandière, người sẽ phải *thích ứng với tình hình* để kế tục vị trí của Đô đốc Bonard.

Vào thời kỳ chưa có cả đài phát thanh và điện thoại này, lại ở nơi mà sự truyền tin điện báo không vượt quá 200km đường bộ, chúng ta có thể hình dung hết những khó khăn của việc ở cách xa mẫu quốc. Các chỉ thị được Bộ đưa ra mất một tháng để đến người nhận, phản hồi cũng mất chừng đó thời gian mới đến được Paris. Do đó, những chỉ thị như vậy luôn chứa phần suy đoán: sự bình định xảy ra rồi hay chưa. Việc phê chuẩn sẽ diễn ra tại Huế hay Sài Gòn. Đô đốc de La Grandière đã có thể thích ứng tình hình địa phương hay ông không có thời gian cho việc đó.

1. Nguyên văn: *la Basse Cochinchine*, một tên cũ người Pháp dùng để gọi Nam Kỳ lục tỉnh. (ND)

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 345-390

Ngoài ra, Bộ Hải quân dường như muốn Bộ Ngoại giao đóng một vai trò trách nhiệm quan trọng hơn trong việc quản trị Nam Kỳ¹.

Toàn bộ quá trình phát triển ngặt nghèo liên quan đến sự phân bố của Đô đốc Bonard khiến chúng tôi nghĩ rằng báo cáo cấp bộ sau đây, tuy không có chữ ký, được viết ra dưới ngòi bút của Chasseloup-Laubat. Trong đó, người viết lưu ý rằng Đô đốc Bonard:

*dường như đã nhầm lẫn trong vấn đề phê chuẩn và những mối quan hệ mà cơ sở Nam Kỳ của chúng ta được yêu cầu phải thiết lập với các quốc gia châu Á xung quanh, và về vai trò phát sinh từ chính quyền của cơ sở này.*²

Chúng tôi lặp đi lặp lại với ông rằng điều cần thiết là nên nhận trực tiếp từ Bộ Ngoại giao những chỉ dẫn xem thao chính sách đối ngoại nào với các chính phủ châu Á có liên hệ với Nam Kỳ, trong ông ta cho rằng mình có toàn quyền thường trực với các Chính phủ này. Tuy nhiên, sự thể lại không như vậy.

*Không nghi ngờ gì, Đô đốc Bonard có toàn quyền với những việc liên quan đến Triều đình An Nam, vì nhờ có những quyền lực rõ ràng đã trao cho ông quyền đàm phán mà ông mới thực hiện thương thảo với triều đình này một hiệp ước. Tuy nhiên, hiệp ước đã ký và phê chuẩn này, những hiệu lực đầy đủ của nó không còn đối tượng và, do vậy, ông cũng không còn là nhà chỉ huy quân sự ở thuộc địa mới của chúng ta nữa.*³

Như vậy, ngay từ năm 1851, Pháp đã muốn và có cách để xâm chiếm cả sáu tỉnh, theo đó Bộ trưởng Pháp Chasseloup-Laubat có quyền khiển trách Đô đốc Bonard vì ông này đã bằng lòng với ba tỉnh, còn những khâm sai đại thần An Nam đáng ra phải được tuyên dương thay vì bị trách phạt khi họ trở lại Huế!

1. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 345-390.

2. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 354.

3. M.D. Asie. Micr. N° 28, tr. 355.

Phan Thanh Giản hoàn toàn nhận biết rằng người An Nam không ở thế mạnh, trong khi Tự Đức ảo tưởng về điều đó. Hãy hình dung, Phan Thanh Giản có thể từ chối ký hiệp ước bị áp đặt này, vậy thì khi đó một cuộc chiến tranh tàn khốc và hủy diệt sẽ xảy ra với An Nam, khiến cái giá dân tộc ông phải trả đắt hơn ba tỉnh. Phan Thanh Giản nhận thức rõ điều này.

Kể từ ngày 6 tháng 11 năm 1863, Đô đốc de La Grandière viết thư¹ cho Bộ bày tỏ sự phản đối cương quyết của ông đối với những lời đồn thổi về khả năng Triều đình Huế chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Ông giải thích những lý do của ông và những gì có lẽ là giải pháp duy nhất cho những *biến loạn* liên miên ở các thuộc địa mới của Pháp đối với ông: sự sáp nhập toàn bộ ba tỉnh miền Tây! Trong bức thư sau, hoàn toàn không còn thấy vấn đề bảo vệ các thừa sai hay giáo dân Thiên Chúa bị bách hại, mà chỉ có: *chiếm hữu hoàn toàn và mở rộng!*

Chắc chắn, *chúng ta đến đây để trả thù cho các vị tử đạo của nền văn minh, những thừa sai dũng cảm muốn [...] thực hiện cuộc chinh phạt hòa bình các dân tộc này và đem đến cho họ cuộc sống và tự do với đức tin Thiên Chúa giáo!*

Nhưng gần như tất cả là để *thương mại* [của Pháp] có thể mở rộng, hải quân phát triển và duy trì ở mức ngang với các đối thủ, thì cần phải hiện diện ở những nơi chúng ta tranh đấu hằng ngày vì lợi ích chính trị và thương mại to lớn.

Dưới đây là phần tiếp theo của bức thư có tính tiết lộ:

Về sự trở lại của Đô đốc Bonard từ Huế và chuyến đi Sài Gòn của sứ đoàn An Nam, có tin về các đề nghị của Triều đình đối với việc chuộc lại vùng đất đã bị chúng ta chiếm đóng, nhưng không ai coi trọng vấn đề này: vì vậy, ngạc nhiên biết mấy khi biết rằng việc này lại được thảo luận ở Pháp.

1. M.D. Asie, Micr. N° 28, tr. 520.

Tin đồn này lan truyền trong quần chúng, và thậm chí chúng ta còn nghe lại từ các quốc gia láng giềng. Chiến thuật của Triều đình Huế không có mục đích nào khác ngoài việc làm mất uy tín của chúng ta ở trong nước và làm xấu chúng ta trong mắt các cường quốc láng giềng.

Tất cả những trù định mà Tướng công trao đổi với tôi không thể nhập vào suy nghĩ của một sĩ quan Pháp. Hoặc là phải chấp nhận bỏ lại tất cả trong xấu hổ, kể cả những hậu quả kèm theo, hoặc là chiếm hữu hoàn toàn và mở rộng; không thể có phương cách danh dự. Người ta tự hỏi chúng ta đến để làm gì ở xứ Viễn Đông vừa mở cửa cho châu Âu vào hoạt động, và đâu là lợi ích to lớn nó mang đến? Chúng ta đến để trả thù cho các vị tử đạo của nền văn minh, những thừa sai can đảm đã trả bằng máu của họ cho mong muốn thực hiện cuộc chinh phạt hòa bình cho các dân tộc này và đem đến cho họ cuộc sống và tự do với đức tin Thiên Chúa giáo. Pháp không muốn là quốc gia hàng hải duy nhất không biết đến những vùng biển này. Để thương mại có thể mở rộng, hải quân phát triển và duy trì ở mức ngang tầm các đối thủ, thì cần phải hiện diện ở những nơi chúng ta đang tranh đấu hằng ngày vì lợi ích chính trị và thương mại to lớn.

Ý chí khẳng khái và khôn ngoan dứt khoát này, Nam Kỳ thỏa thuận dễ dàng theo quan điểm của Chính phủ: vị thế, sự giàu có, nguồn lực mọi loại được thu góp.

Những khó khăn đầu tiên đã vượt qua, những hy sinh đau đớn nhất đã trải rồi; trong tương lai không ra, bằng chính sách cứng rắn, chúng ta chỉ chắc chắn duy trì những gì tồn tại, chi phí đến từ mẫu quốc sẽ không còn quá nặng, và chúng ta sẽ tìm thấy trong quá trình mở rộng thương mại sự bù đắp to lớn cho những gì chúng ta đã bỏ ra.

Người ta đã nói và vẫn nói: có gì tốt nơi một thuộc địa đã ở xa mà lại không thể tự cung cấp than đá cho nó, thay vào đó phải



GABRIEL AUBARET (1825-1894)

đi mua từ người Anh hoặc người Hà Lan: đó là thuộc địa bị mất ngay khi những nguồn cung cấp này cạn kiệt, trong cuộc chiến đầu tiên. Còn xa tôi mới chia sẻ quan điểm này. Nếu nguồn cung của thuộc địa được sắp xếp một cách khôn ngoan, nó có thể có vai trò tấn công trong chiến tranh xét theo vị trí địa lý của nó, xét theo tính chất của lục địa và bờ biển, nó chỉ có thể bị tấn công bởi một đoàn viễn chinh châu Âu rất mạnh. Việc phong tỏa cũng rất khó thực hiện nếu Poulo-Condore [Côn Đảo] được trao cho vai trò quan trọng tương xứng với vị trí của nó.

Những nguồn lực cơ bản có thể dễ dàng lấy từ xứ sở, nhất là nếu Cao Miên chịu ảnh hưởng của chúng ta và nếu chúng ta thành công trong việc lôi kéo dân chúng trên lãnh thổ đi theo chúng ta, tất cả chúng ta sẽ nhận được thông qua một chính quyền vững vàng, cả quyết và công bằng.

Nhưng, như lời nhận xét của Tướng quân, ba tỉnh miền Tây là cần yếu với chúng ta, cũng như để mọi cửa khẩu của Cao Miên không thường xuyên bị quấy rầy từ mặt này, nơi kẻ thù bên ngoài không thể bất ngờ tấn công. Những tỉnh này sẽ là của chúng ta khi chúng ta muốn, kèm với việc kịp thời tăng lực lượng thêm 3.000 người¹.

Không thiếu động cơ để chúng ta chiếm vùng này, rõ ràng là những kẻ gây rối các tỉnh chúng ta xuất phát từ Huế, và khi Triều đình An Nam thành thực muốn ngưng các vụ ám sát chính trị cùng những mưu toan nổi dậy, lập tức tất cả sẽ chấm dứt. Cách duy nhất để kết thúc sự thù địch thâm lặn này đó là sáp nhập ba tỉnh và cấm họ giao thương với dân chúng của Triều đình Huế. Mặt khác, mọi người ở đây nghĩ rằng tiền bồi thường chiến phí sẽ không bao giờ được trả: như trong trường hợp này,

1. Trong công văn ngày 9-6-1864, chính phủ Nam Kỳ đã không yêu cầu bất kỳ sự gia tăng quân số nào để chiếm giữ ba tỉnh miền Tây. Người ta có thể đánh giá qua tiến triển của việc bình định ba tỉnh trong sáu tháng thực hiện.

hãy nhìn vào những gì chúng tôi đã làm ở Nam Kỳ liên quan đến những đề nghị của Chính phủ An Nam nhằm chuộc lại vùng chúng ta đã chiếm.

Điều 2 của Hiệp ước không bao giờ được tuân thủ nghiêm ngặt và trung thực; các thừa sai đang và sẽ luôn bị cản trở bằng mọi cách trong quá trình họ thực thi chức vụ, và các giáo dân Thiên Chúa vẫn sẽ bị giới quan lại sách nhiễu, đàn áp.

Tôi nhắc lại, hiện không thiếu gì lý do, và nếu chúng ta không lợi dụng tình thế, có thể rồi chúng ta sẽ thấy mình bắt buộc phải hành động đúng vào lúc không còn được chọn lựa và thiếu sẵn sàng.

Do đó, tôi xem như với việc chiếm được ba tỉnh miền Tây, tương lai của thuộc địa được đảm bảo nếu chúng ta kết nối nơi này cùng sự vận hành hoàn chỉnh của Cao Miên. Trong những điều kiện này, chúng ta sẽ thấy việc tiêu tốn tiền bạc sẽ chấm dứt trong một vài năm, và nếu xứ sở này không đem lại thu nhập thì nó cũng sẽ trả phần lớn chi phí¹ vận hành bộ máy địa phương.

Ngày 29 tháng 3 năm 1864, Đại úy hải quân Ansart đã viết một báo cáo² lạc quan, trong đó chỉ có vấn đề về lợi ích tài chính của thuộc địa mới được trình bày:

[...] Thuế thu được dễ dàng và vượt quá mong đợi, và đã đảm bảo cho chúng tôi khoản thu năm 1864 sẽ đạt 4 triệu. Tôi có thể mạnh dạn nói rằng đó chưa phải là một nửa những gì xứ sở này có thể mang lại.

[...] Thương mại đang trên đường thịnh vượng đáng kinh ngạc, 20.000 tấn gạo được xuất trong quý đầu tiên, trữ lượng của Cholen (sic) [Chợ Lớn] hơn 30.000 tấn và vụ thu hoạch vẫn chưa kết thúc. [...]

1. Theo thư của thống đốc, ngày 1 tháng 7, thu nhập năm 1864 vượt quá ít nhất một triệu so với chi phí bộ máy địa phương.

2. M.D. Asie Micr. N° 29, tr. 60 (ngày 29/3/1864).

[...] Và với tôi, từ bỏ thuộc địa này, nơi sẽ sớm trở thành một con gà đẻ trứng vàng thực sự, dường như là không thể. [...]

Tuy nhiên, ngày 29 tháng 8 năm 1864, Đô đốc de La Grandière phải báo cáo¹ những biến động mới ở đồng bằng Bà Rịa và cho thấy vì sao ông phản ứng mạnh không chút chần chừ:

Kể từ khi sứ bộ An Nam trở về, tình thế biến động nhất định ở các tỉnh biên giới được báo cáo với tôi. Tôi khuyến nghị tăng cường cảnh giác, và sự kiên quyết chủ động nơi các sĩ quan của chúng ta được hỗ trợ rất nhiều nhờ thái độ tốt của dân chúng quy thuận, họ giao nộp cho chúng tôi các thủ lĩnh và những kẻ phá hoại trong tất cả các hạt.

Đồng bằng Bariah (sic) [Bà Rịa], cạnh xứ sở người Mọi, bởi vị trí cô lập của nó trên đường từ Huế, là nơi thuận lợi nhất cho việc tụ tập phản loạn, tôi biết lâu nay các quan lại, được chính quyền tỉnh Bình Thuận trợ giúp, tụ họp nhiều băng nhóm và xây dựng trên lãnh thổ của chúng ta sáu đồn nhỏ ở những vị trí đắc địa trên sông Song-Rai², cách Bà Rịa từ 30 đến 40km.

[...] Một bài học trở nên cần thiết để dẹp bỏ sự xấc xược này và tăng uy lực chúng ta.

[...] Sau khi khảo sát cẩn thận xứ này, [...] tôi ra lệnh tấn công hai công sự chính [...] Chúng đã bị xóa sổ [...] Những ngày sau đó, đồn lũy [...] đã bốc cháy và tất cả quân nổi dậy chạy trốn.

[...] kết quả hoàn hảo: đã có chín ngôi làng Mọi quay về quy phục và nhờ chúng tôi bảo vệ họ chống lại sự sách nhiễu của quan lại An Nam. [...]

Đô đốc kết báo cáo bằng cách sử dụng vụ việc này làm bằng chứng củng cố luận điểm cá nhân chống lại đề xuất sửa đổi Hiệp ước 1862.

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 74.

2. Túc sông Ray. (ND)

Những cuộc đột kích theo băng nhóm ở giáp ranh lãnh thổ của chúng ta không phải là những hiện tượng riêng lẻ mà dường như đa phần là kết quả phối hợp giữa quan lại các tỉnh An Nam với những kẻ phân loạn, vì cùng lúc chúng ta bắt được ở cửa sông Đồng Nai hai thuyền chở đầy vũ khí và đạn dược; ở cửa sông Vàm Cỏ, hai chiếc thuyền khác chở mười hai thủ lĩnh, mang nhiều tuyên cáo rơi vào tay chúng ta; cuối cùng, ở Mỹ Tho, nhờ có sự tận tụy đáng khen ngợi, vệ binh bản xứ bắt giữ 30 đặc vụ từ tỉnh Vĩnh Long, những người này đã ám sát đội của làng và đốt đồn lính của trạm.

Tập hợp các sự kiện trên, chúng tôi có thể kết luận rằng tin tức về một hiệp ước mới giữa Pháp và Triều đình Huế đã làm dậy lên nơi giới quan lại An Nam những hy vọng đại đột và gây biến loạn trong lòng dân chúng đã bắt đầu chịu sự cai trị và xét xử của chúng tôi, chỉ mong cầu được sống hòa bình và an ninh.

Những báo cáo lạc quan liên tục gửi về Bộ; vào tháng 4 năm 1864, tin¹ do Thiếu tá Ariès, thống đốc tỉnh Mỹ Tho, gửi về:

Không phải lo sợ việc dân chúng bỏ rơi chúng ta nếu họ được cai quản một cách khôn ngoan. Họ gắn bó với đất đai bằng tình yêu gia sản bội phần và sự thờ cúng tổ tiên. [...] Nếu so sánh danh sách giữa năm 1859 và 1864, ta sẽ thấy rằng [...] dân số ghi nhận hiện đã tăng thêm 500, rồi khoảng hai mươi ngôi làng mới đang hình thành, hai sự việc [...] ít nhất có thể là bằng chứng cho sự hài lòng của dân chúng, thể hiện rằng họ không còn nghĩ đến việc bỏ đi.

[...] Do đó, tôi đoán chắc dân chúng sẽ không bỏ đi nếu họ tiếp tục được cai quản một cách khôn ngoan. Có người ta nói rằng người An Nam từ chối chấp nhận nền hành chính vận hành dưới sự chỉ đạo của chúng tôi. Những từ chối thúc đẩy ý kiến trên chỉ có

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 76.

thể được quy cho vị thế sai về mặt nguyên tắc mà người ta áp lên cho chúng.

Thương mại Sài Gòn, mặc dù những trao đổi phát sinh thực tế giữa Pháp và Hạ Đàng Trong không ảnh hưởng gì ở đây, đã khá là đáng kể, với sản lượng vận chuyển tạo ra là 278.000 tấn. Nếu các trao đổi giữa Pháp và Hạ Đàng Trong không nhiều hơn, đó là vì thực tế trước khi chúng tôi đến, những mặt hàng có thể được sử dụng cho trao đổi chỉ nhận được rất ít yêu cầu từ các chủ tàu.

Ngày 30 tháng 5 năm 1864, chính Đô đốc là người viết¹:

Trật tự đang bắt đầu thiết lập ở cơ quan sở tại, nhưng [...] chỉ với thời gian chúng ta mới có thể tạo ra những ngành kinh tế mới và tăng doanh thu của chúng. [...]

Tuy nhiên, điều đó không thể ngăn Paris cảm thấy mối nguy cơ tồn tại đang làm làn ra tình trạng bấp bênh liên quan đến số phận đang chờ đợi thuộc địa mới và cư dân của nó:

Những tin đồn lan ra đã làm dân bản địa dè chừng gieo rắc nỗi bất an lớn lao lên số phận dành cho họ; những chiều hướng tốt đẹp thể hiện từ đầu năm đã dừng lại, ngân khoản thu về của họ cũng chịu ảnh hưởng của tình trạng bất ổn chung.

[...]

Và ông kết thúc bức thư này bằng một ghi nhận lạc quan nữa:

lưu ý: số tiền thu vượt quá chi ở địa phương, dự kiến là con số hàng triệu, cho năm 1864 sẽ được đưa vào quỹ thuộc địa để bắt đầu hình thành quỹ dự trữ.

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 95.

SỨ MỆNH CỦA AUBARET ĐÃ THẤT BẠI NHƯ THẾ NÀO

Vào tháng 6 năm 1864, theo lệnh Napoléon III, Aubaret được phái đến Huế để thương thảo một hiệp ước mới, hướng theo những yêu cầu của Tự Đức mà Phan Thanh Giản vừa mới bảo vệ rất tốt trong thời gian ở Paris, và nước Pháp có thể được bù đắp lại bằng một khoản bồi thường thỏa đáng. Dưới đây là một số trích đoạn từ báo cáo¹ của nhiệm vụ này, đoạn trích cho đến nay ít được biết đến:

Ngày 14 tháng 6, trên tàu Entrecasteaux, tôi vào đến trước sông Huế và có thể sớm nhận thấy những điều khoản là có lợi cho Triều đình An Nam. [...] Tôi bị bỏ lại ngay sau khi lên bờ giữa ban ngày.

[...]

Tướng công, [...] biết với sự ngờ vực đã được khẳng định đối với Hiệp ước 1862, rằng các Phái viên Pháp đã thuận theo Huế khi đi qua Tourane. [...]

Việc đổ mới xảy ra vào năm ngoái thôi [...] lúc Đô đốc Bonard quay trở về bằng đường thủy, [...] với điều kiện chuyển đi được thực hiện vào ban đêm. Do đó, đây là một bước đi đáng kể trong mối quan hệ tương lai của chúng ta với Triều đình Huế, có thể nói, một bước đi đã mở ra dòng sông bí ẩn này.

[...] Khi đến Kinh, tôi được Phan Thanh Giản chào đón long trọng, với sự giúp đỡ của các quan cao cấp như ông, và được dẫn đến ngôi nhà mà Chính phủ An Nam tốt bụng chuẩn bị.

[...] Rõ ràng, Triều đình Huế đặc biệt chú ý đến điều khoản hiệp ước mới liên quan đến việc bồi thường; những ám chỉ dễ thấy nhất cho điều này được đưa ra cho tôi, và tôi trông đợi rất nhiều phản đối dành cho nó. Tôi thảo luận về nó với ba vị khâm sai

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 105.

đại thần do Hoàng đế chỉ định, trong đó người đứng đầu là Phan Thanh Giản.

Thực tế, đất nước trong tình trạng cực kỳ nghèo khó; nạn đói tàn khốc nhất xảy ra ở một số nơi, mọi thứ ở đây thể hiện đậm nét sự khốn khổ [...]. Tôi nghĩ phải cảnh báo Tuồng công về những khó khăn thực sự phát sinh đầu tiên và tiếp đến có thể khiến Chính phủ An Nam [...] trở thành con nợ tồi tệ nhất và dễ phá sản nhất.

Tiếp sau, vào ngày 20 tháng 6 năm 1864, một tấu chương¹ thương nghị được trình ra trước Triều. Tự thân Aubaret chúc tụng *những chiều hướng tốt đẹp* có được trong chuyến đi châu Âu của sứ bộ An Nam, mà theo ông là đã thay đổi sâu sắc *buổi nghị triều*. [...]

Lúc phê chuẩn, Tự Đức bước xuống, đã lâu rồi, trước những cặp mắt e dè của triều thần, ngài mới xuất hiện, bước ra từ bóng tối nơi ngài thường xuyên ẩn mình, đó là một thiên tính bí ẩn đặc biệt làm thành sức mạnh của ngài.

Lần này, mọi thứ thay đổi rất nhiều.

[...] Sự kiên trì của tôi mang lại kết quả. Tôi thậm chí đã thu được [...] từ chính bên trong cung đình.

[...] Tôi đã đạt được nhiều hơn; [...] họ dẫn tôi đến cạnh ngai vàng đàm đạo trực tiếp với Tự Đức, nhà vua muốn trao đổi riêng với tôi...

Ở đây, Aubaret cung cấp cho chúng ta một trong những mô tả hiếm hoi về nhà vua.

Tự Đức có vẻ bề ngoài cực kỳ dễ mến, đôi mắt sâu thẳm và không hề gian trá, nước da trắng đục, không có sợi râu nào và tay chân thanh mảnh làm ông có dáng vẻ nữ tính. Tuy nhiên, giọng ông uy nghiêm, lời nói đĩnh đạc, rất rõ ràng và dễ hiểu. Nhà vua đàm đạo

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 107.

với tôi hơn một giờ và chỉ đến khuya mới kết thúc cuộc trò chuyện mà ông tỏ vẻ thích thú. Tôi chờ đợi những câu hỏi thông thường như người ta vẫn hay đưa ra trong những cảnh huống tương tự; không có gì như thế cả: nhà vua hỏi về châu Âu và các quốc gia lớn ở đó. Ngài hỏi tôi lý do nào khiến Pháp trở nên hùng cường và thịnh vượng. Tôi trả lời rằng yếu tố đời sống đầu tiên trong một quốc gia là tự do cá nhân và những quan hệ mở rộng giữa các quốc gia. Câu trả lời này dường như thức tỉnh đối phương; nhà vua nói với tôi rằng ngài sẵn sàng lãnh đạo Vương quốc theo một đường hướng mới.

Aubaret không quên vai trò của mình là Đại diện toàn quyền:

Tôi đã nhận cuộc gặp với nhà vua để nói chuyện với ngài ấy về các Kitô hữu, những nhà truyền giáo và khuyến nghị hãy tỏ lòng nhân đạo với nhau. Nhà vua bảo đảm với tôi rằng tự do tôn giáo hoàn toàn hiện hữu cho đến lúc này. Vì tôi biết rất rõ rằng không phải như vậy và các đoàn truyền giáo, ngoại trừ ở Kinh đô, ngược lại trong tình trạng thực sự tồi tệ, tôi nhấn mạnh rất nhiều về điểm này, cầu nguyện cho nhà vua bãi bỏ công khai các sắc dụ bách hại cũ.

[...] Tuy nhiên, trở lại với vấn đề bồi thường vốn là mối quan tâm lớn nhất, không phải không có lý do cho điều đó, Chính phủ An Nam dựa vào sự nghèo đói cùng cực của đất nước họ.

[...] Phiên điều trần ngày 18 tháng 6 này, tôi hy vọng, sẽ mang lại kết quả khá bền chắc và đánh dấu sự khởi đầu của các mối quan hệ có thể có giữa châu Âu và Chính phủ An Nam.

Tuy nhiên, Aubaret đề cập đến một sự cố đáng tiếc: hai trong số các sĩ quan tùy tùng của ông đã không được đối đãi tương xứng. Dù vậy,

Phan Thanh Giản đến, theo yêu cầu của tôi, đại diện danh nghĩa nhà vua, xin lỗi cả hai người đi cùng tôi.

Ngày 24 tháng 6 năm 1864, Aubaret gửi báo cáo cuối cùng¹ cho Bộ trưởng về sứ đoàn mình ở Huế:

[...] Tôi lại được vua Tự Đức gọi vào ngày hôm sau, ngài gặp tôi để thương nghị riêng trong hơn hai giờ.

Mong muốn của vị vua là:

[...] tránh tối đa có thể được điều 19 của Hiệp ước liên quan đến việc bồi thường mãi mãi. Tôi tuyên bố rõ ràng với nhà vua rằng điều khoản này là một trong những điều mà tôi không được phép thảo luận. Khi đó, nhà vua xin tôi nhanh chóng chuyển lời và cho Chính quyền Hoàng đế biết về hiện tình tài chính quẩn bách của Vương quốc An Nam.

[...] Điều 19 do đó vẫn để ngỏ; nó sẽ được thảo tách riêng một cái mới thay vì những gì Khâm sai đại thần An Nam đã tự ký, tôi đồng ý tiếp xúc với Tướng quân của ông, bởi vì tôi nghĩ tôi có trách nhiệm thật sự về nguyên do tình trạng khốn khổ nặng nề của đất nước này.

[...] Tôi đã giải thích rất rõ ràng với các Khâm sai đại thần rằng nếu điều khoản này được Chính quyền Hoàng đế thừa nhận, khi đó nó có thể được bổ sung ở Paris vào vị trí điều 19 vẫn còn để trống, và trong trường hợp này, hiệp ước có thể được phê chuẩn; ngược lại, Triều đình Huế sẽ đơn giản được báo rằng hai bên vẫn ở tình trạng như trước, nghĩa là theo hiệp ước ký ngày 5 tháng 6 năm 1862.

[...] Tôi phải nói thêm rằng, theo ý của tôi, ta cần thấy cảm ơn Triều đình Huế vì sự từ chối mà họ đã thể hiện rõ. Họ không nhận thức được sự nguy hiểm mà họ tự đặt bản thân vào, theo đó cũng không lấy lại được các tỉnh như ý họ mong muốn.

1. M.D. Asie. Micr.Số 29, tr. 112.

Với kiểu lấp lửng thành thói của mình, Triều đình này vẫn có thể ký các điều khoản khó chấp nhận nhất. Tôi tin rằng sự khởi đầu trung thực này từ phía nhà vua là nhờ rất nhiều vào Phan Thanh Giản và trên hết là cảm nhận rất chân thực mà người ta hiện có đối với sức mạnh to lớn của Chính quyền Hoàng đế.

Ngày 16 tháng 7 năm 1864, từ Huế, Aubaret gửi¹ văn bản hiệp ước thương mại và hàng hải mà ông vừa thảo luận với những vị Đại diện toàn quyền cho Hoàng đế – nhà vua An Nam.

Một trong những bình luận của ông, có lẽ về Phan Thanh Giản, rất thú vị:

Tuy nhiên, tôi đã đánh giá cao Ngài Thượng thư của vua Tự Đức, nơi ông ấy có lòng mong muốn thực sự mang lại những thay đổi nghiêm túc, loại trừ hệ thống phi lý đã làm cho đất nước rơi vào tình trạng cùng khổ nhất.

Trong một lá thư thứ hai, kèm theo văn bản của hiệp ước, Aubaret đưa ra các nhận xét sau:

Hiệp ước này, [...] chỉ có được sau mười ngày thảo luận kéo dài và sôi nổi nhất, trong thời gian đó tôi có đôi, ba cơ hội nghiêm túc đề nghị chấm dứt thảo luận: những điểm tranh cãi nhiều nhất, sau khoản bồi thường [...], là việc thiết lập một khâm sứ ở Huế và nền bảo hộ cho sáu tỉnh.

[...] Tướng công sẽ thấy rằng để giải thích rõ bản chất việc bảo hộ này, tôi phải nói thêm là nó không dẫn đến bất kỳ ý tưởng về tình trạng lệ thuộc nào.

[...] Trên thực tế, đó là phương cách an toàn nhất để văn minh hóa vương quốc An Nam bằng tôn giáo và thương mại, [...] để thấy cửa vào vương quốc này giờ đây không chỉ mở ra cho các nhà truyền giáo, mà còn cho cả thương nhân.

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 117, 135.

Hệ thống này hoàn toàn đối nghịch với hệ thống chiếm đóng lãnh thổ rộng lớn thông qua chinh phục.

[...]

Tuy nhiên, nếu Pháp muốn chấm dứt các cuộc đàm phán này, sẽ không có gì dễ dàng hơn

vì cuối cùng, tôi đã không ký Điều 19 với tư cách Toàn quyền, mặc dù thực lòng tôi thấy họ có lý.

Ở đây, Aubaret nắm lấy cơ hội để chỉ trích những ai chỉ vì người Pháp và giới *thực dân* Sài Gòn, ông đưa ra ý kiến của mình dựa trên

thời gian dài lưu lại Huế cho phép tôi đưa ra nhận định về Vương quốc An Nam một cách chính xác và có căn cứ hơn những ý kiến có thể nảy sinh trong khuôn khổ rất hạn chế và tuyệt không (có tính) An Nam của Sài Gòn.

Tôi tin rằng không có giải pháp thay thế giữa Hiệp ước này và cuộc chinh phục thực tế.

Và Aubaret bắt đầu biện hộ cho hiệp ước mới, nhấn mạnh vị thế không thể đảm đương nổi từng được nêu ra liên quan đến hội nghị ngày 5 tháng 6 năm 1862, *chúng ta nhận về ba tỉnh và bao quanh bản thân toàn những kẻ thù.* Ông cho thấy chính tình huống này bắt buộc người Pháp phải thôn tính toàn bộ Hạ Đàng Trong (Nam Kỳ lục tỉnh), và điều đó sẽ biến An Nam thành *kẻ thù dai dẳng nhất của chúng ta, [...] chúng ta có thể chờ đón đủ mọi loại nổi loạn trong thuộc địa của chúng ta...*, ông viết rõ trong thư.

Aubaret kết thúc bức thư này bằng cách ám chỉ *những tin đồn bán chính thức* đã làm ông ngạc nhiên trong thời gian ở Huế, không nghi ngờ gì nữa, chính là tin tức về cuộc phản công chính trị của Abel¹-Chasseloup-Laubat-de La Grandière. Có điều, nói chính xác thì những tin đồn này tương ứng với thực tế một cuộc phản công chính trị được

1. Tên thật của (Đại úy hải quân) Adrien-Barthélemy-Louis Rieunier.

dàn dựng rất tốt, cái sẽ hủy diệt công trình ngoại giao của ông và đập tan những hy vọng của Tự Đức và Phan Thanh Giản. – *Tuy nhiên, những tin đồn như vậy, với chính Hoàng đế được viện dẫn, đã khiến tôi bất lực, chỉ trong khoảnh khắc lái tôi chệch khỏi con đường tôi đã vạch ra. [...]*

Trong tiểu mục “Sứ mệnh của Aubaret ở Huế (tháng 6 năm 1864)...”¹ của cuốn sách này, chúng tôi đã giải thích nguyên do sự lạnh lùng của các đồng nghiệp Hải quân Pháp dành cho Aubaret bất chấp lòng trung thực được ông thể hiện trong nỗ lực ngoại giao của mình ở Huế.

Trong khi Aubaret trở về từ Huế với hy vọng nhìn thấy những nỗ lực của mình, ít nhất một phần được nước Pháp hiểu và chấp thuận, Đô đốc de La Grandière chậm rãi tiếp tục công việc để chuẩn bị cho cuộc thôn tính các tỉnh miền Tây. Ngày 25 tháng 7 năm 1864, ông gửi một thư² riêng về Bộ, liệt kê các khoản kinh tế đã đạt được cả trong sức mạnh quân sự cũng như ngân sách thuộc địa, nhưng không thể ngăn được suy nghĩ này:

... không có những dự án bị hủy đáng buồn, doanh thu của chúng ta vượt quá 4 triệu trong năm nay thay vì 9 triệu như dự kiến, và năm tới chắc chắn sẽ đạt 5 triệu chỉ cho 9 tỉnh và con số cuối cùng còn hơn nữa.

Trên thực tế, Chasseloup-Laubat đã giành phần thắng, và bằng tàu cao tốc *Echo*, Bộ gửi cho Aubaret lệnh ngưng đàm phán. Đến Sài Gòn vào ngày 24-7-1864, Aubaret trả lời ngay³:

[...] Mặc cho Đô đốc de La Grandière đã mau chóng gọi đi, tức ngay lập tức gửi cho tàu cao tốc Echo đi Huế, bức điện văn này không thể đến được chỗ tôi đúng lúc.

Tôi đã rời khỏi bến tàu ở Huế vào đêm trước trên tàu Entrecasteaux, và ngay trên biển thì gặp tàu Echo.

1. Ở Phần thứ nhất, trang 126.

2. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 168.

3. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 165.

Do đó, tôi không thể thực hiện lệnh của Ngài, yêu cầu tôi không ký kết gì và chờ đợi hướng dẫn mới.

Tuy nhiên, tôi hy vọng rằng Tướng công sẽ thấy rằng tôi đã không vượt quá ý tứ mà ngài khuyên tôi, bởi vì tôi đã không đồng ý với các Đại diện toàn quyền của vua An Nam về một trong những điều khoản, đó là khoản bồi thường, tôi tránh ký kết liên quan đến nó, để lại mọi quyền tự do quyết định cho Chính phủ của Hoàng đế.

Tưởng tượng rằng nếu bức điện văn đến đúng lúc, Aubaret nêu ra tình huống tế nhị mà ông sẽ gặp phải:

Sự ngờ vực, có lẽ được phóng đại, mà Chính phủ của An Nam sẽ sa vào khi nhận quyết định đột ngột của tôi, điều này – Tướng công có thể tính đến – vốn không lay chuyển được, thậm chí còn đặt tôi vào vị thế mong manh nhất, và sự ra đi vội vã của tôi sẽ như thể một kiểu tuyên chiến.

Cuối cùng, ông kết luận bằng dự đoán về những hậu quả tồi tệ nhất có thể xảy ra nếu Pháp từ chối phê chuẩn các hiệp ước mới:

Tôi không thể lặp lại quá nhiều [...] rằng không có trung dung giữa họ và cuộc chinh phục thực tế và cuối cùng chúng ta phải chờ đón những cuộc nổi loạn nghiêm trọng ở các tỉnh của chúng ta và cuộc bách hại tàn bạo nhất dành cho tất cả các Kitô hữu ở Vương quốc An Nam, nếu các Hiệp ước không được phê chuẩn.

Đó là một lầm lẫn hệ trọng khi nhầm tưởng rằng phần lớn người An Nam muốn ở dưới sự cai trị của chúng ta; tôi chắc chắn sự thật trái hẳn, và tôi xin xấu hổ mà nói thêm rằng sự tín nhiệm dành cho lời nói của chúng ta bị lung lay rất nghiêm trọng.

[...] Vậy, chính sách đối nghịch của Chasseloup-Laubat cuối cùng đã chiến thắng.

SỰ HAI MẶT CỦA TỰ ĐỨC BỘC LỘ

Một số nhà sử học Việt Nam, vào năm 1963, quan tâm đến giai đoạn khó khăn từ năm 1863 đến năm 1867, cho rằng hoàn cảnh làm cho những lời chứng từ phía Pháp đáng tin cậy. Vì vậy, dường như họ chưa bao giờ có trước mặt văn bản các mục sau của *Châu bản*.

Trước hết, mục này của *Châu bản* bộc lộ hoàn toàn sự hai mặt của nhà vua: với tư cách là một đồng minh trung thực, ông ra lệnh chấm dứt mọi hành động chống Pháp, và với tư cách ẩn mặt, ông để cho *những người đại diện cai trị (missi dominici)* hiểu rằng lệnh trên thuần túy mang tính hình thức!

Báo cáo ngày 1 tháng Ba năm Tự Đức thứ mười tám¹ (ngày 27-3-1865 theo lịch Grégorien), phong trào của quân mộ nghĩa chống Pháp đang tăng lên từng ngày ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và gây ra cho địch nhiều thiệt hại. Pháp đã gửi thư cho các quan lại Vĩnh Long phản đối hoạt động chống Pháp của nghĩa quân do Thiên Hộ Dương lãnh đạo. Với tờ lệnh này vua Tự Đức ban lệnh cấm nghĩa quân hoạt động ở ba tỉnh đã nhượng cho Pháp, cũng như lệnh trừng phạt các gia đình che chở họ.

Mật dụ này được ban chỉ nhằm lấy lòng người Pháp.² (C.B. 287, tờ 1-3)

Trong một sắc lệnh về sau, khích lệ những người Việt tố giác một người yêu nước kháng chiến khác, câu xen vào: *để lấy lòng chính phủ Pháp* thể hiện rõ trò nước đôi của nhà vua.

Ngày 7 tháng Sáu năm Tự Đức thứ mười chín³ (ngày 29-7-1866 theo lịch Grégorien), dụ của Tự Đức ra lệnh tâu nã Vũ Duy Dương để lấy lòng chính phủ Pháp. Vũ Duy Dương [Thiên

1. \$ 521, tr. 94.

2. Câu cuối cùng này có lẽ đã được các quan trong Triều thêm vào.

3. \$ 522, tr. 95.

Hộ Dương] là người chống Pháp, hoạt động ở ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ và được các quan chức địa phương ủng hộ. (C.B. 287, tờ 143-145)

Một mục khác của *Châu bản* với nội dung vẫn là về cuộc kháng chiến này.

Ngày 3 tháng Chín năm Tự Đức thứ mười chín¹ (ngày 11-10-1866 theo lịch Grégorien), Tự Đức ra dụ cho tất cả chức sắc hữu trách, cũng như dân chúng, tố cáo, bắt giữ Vũ Duy Dương và giao người này cho Pháp. (C.B. 287, tờ 76-81)

Có trong tay nội dung trích từ *Châu bản triều Tự Đức*, chúng tôi muốn kiểm tra điều Đô đốc de La Grandière thường khẳng định, đó là Quân Định, đối thủ can trường của Pháp, được Triều đình Huế hỗ trợ ở phía sau. Tuy nhiên, chúng tôi ghi nhận trong tài liệu trích yếu chúng tôi sở hữu là rất kỳ lạ, không có bài viết nào về Quân Định. Các trang có lẽ đã bị xé trong các tập chứa nguyên văn bản gốc (in extenso)?

AN NAM TÍCH TỰ NHỮNG BẤT BÌNH ĐỐI KHÁNG

Ngày 27 tháng 7 năm 1864, đô đốc nhận được một lá thư² trong đó Giám mục Gauthier³ tố cáo các hành vi sách nhiễu mà giáo dân Thiên Chúa phải chịu:

Vậy, tôi gửi thư thỉnh nguyện đến Phan Thanh Giản, người có thể buộc tội được một Tri phủ và đồng phạm, đưa họ ra trừng phạt, không phải vì bách hại chúng tôi mà vì đã nhận số tiền chúng tôi đưa để họ đừng sách nhiễu nữa.

Quan Án sát tỉnh Quảng Bình, theo chỉ thị của vị quan nói trên đã tuân lệnh bách hại chúng tôi dữ dội hơn bao giờ hết; [...]

1. \$ 523, tr. 95.

2. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 172.

3. Đại diện tổng tòa miền Nam Đàng Ngoài.

Phan Thanh Giản khuyên tôi không nên gửi bất kỳ bức thư nào bằng Trạm [thư tín] Triều đình vì những điều đáng tiếc có thể mang lại cho tôi từ phía Triều đình có khuynh hướng rất thù địch vào lúc này. [...] Tôi đã khiếu nại lên Triều đình về vấn đề này, cho đến nay vẫn không có kết quả.

Tôi có gần 20.000 giáo dân, vì phật ý các quan mà không thể đón nhận ngay cả việc thăm nom của một linh mục bản xứ.

Điều ghi nhận được từ bức thư này là ý định tốt lành của Phan Thanh Giản, đồng thời là sự bất lực của ông khi phản đối trực tiếp Triều đình hoặc các quan, nhất là trong vấn đề về các tín đồ Thiên Chúa.

Trong một tài liệu khác, vào tháng 1 năm 1865, được G. Taboulet trích dẫn¹, de La Grandière bộc lộ chiều sâu những ý nghĩ thầm kín của ông:

Mong muốn của các ông về việc chúng ta nên chiếm đóng sáu tỉnh cũng giống như tôi. Nhưng chúng ta phải có thời gian để thực hiện, phải nắm bắt thời cơ và nắm chắc ba tỉnh chúng ta đã có trong tay. Phần còn lại tự nó sẽ đến, khi thời thế đến. Tôi không tin chúng ta có thể mơ đến điều đó trong vòng một năm tới... Dự đồ của tôi là duy trì hiệp ước năm 1862 cho đến khi hoàn cảnh đưa đẩy chúng ta đến chỗ buộc phải xé nó đi để trả thù.

Đến đây, chúng ta có thể so sánh thái độ của Phan Thanh Giản và de La Grandière với thái độ của hai người chơi cờ, tôn trọng nhau nhưng vẫn không hữu hảo, mà kiên trì tìm kiếm sơ hở của đối thủ để giành phần thắng trong cuộc chơi.

Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng suy nghĩ sau đây của de La Grandière được gọi lên từ thái độ của nhà vua chứ không phải Phan Thanh Giản, người luôn thành thực không thể chê trách đối với người Pháp:

1. Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, tập II, sđd, tr. 547.

Nhưng chúng ta hãy cứ trung thực và thành tín với dân tộc có quá ít phẩm chất đó.

Về phần đối thủ đã thừa nhận điều còn hơi quá xa mới xảy đến, ý nghĩ lạ lùng ám chỉ việc thôn tính ba tỉnh miền Tây:

Tôi nhìn vào điều chắc chắn đến mức là trong một thời gian không xa, chúng ta không được mạo hiểm bất cứ điều gì và chỉ đặt lẽ phải về phía chúng ta.

Liên quan đến sự thất bại của sứ mệnh Aubaret, ông nói thêm:

Tôi không thể nói về ảnh hưởng đến từ tin không phê chuẩn [dự thảo hiệp ước về sự nhượng bộ]. Ở Huế có một phe chủ chiến khá mạnh mẽ. Một sự mưu phản đã bị phát giác ở đó. Các nhà nho phải phế truất Tự Đức, giết Phan Thanh Giản và Thượng thư bộ Binh, những người đối nghịch với họ. Sẽ có một phong trào, không nghi ngờ gì việc đó, nhưng tôi không cho đó là điều quá nghiêm trọng...

Ngày 30 tháng 1 năm 1865, de La Grandière viết thư cho Bộ trưởng Hải quân và Thuộc địa¹ để xác nhận rằng ông đã gửi cho Huế điện văn của Bộ quyết định từ bỏ Hiệp ước Aubaret. Ông nhân cơ hội này thêm vào:

Tôi sẽ không kết thúc mà không nói với Tướng công rằng tin tức về việc không nhượng lại các tỉnh, lan truyền nhanh chóng, đã được đón nhận khắp mọi nơi đầy hân hoan, cả bởi người bản địa và người châu Âu. Lễ tết mừng năm mới của người An Nam tổ chức vào lúc này đột nhiên rực rỡ bội phần, và các quan chức của chúng tôi có thể thu thập được trong lễ hội những bằng chứng rõ ràng cho niềm vui chân thành thấy được ở dân chúng lúc thông báo sự kiện.

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 266.

Ngày 16 tháng 2 năm 1865, Thượng thư bộ Lễ gửi một lá thư dài cho người đồng cấp Pháp¹, thừa nhận đã nhận được thông báo về việc Pháp từ chối Hiệp ước Aubaret. Trong bức thư này, dường như cùng được viết bởi Phan Thanh Giản và Phan Huy Vinh, Kinh lược đại thần bày tỏ hy vọng đầu tiên của mình:

Khởi đầu với Đại diện toàn quyền Aubaret, lòng tôi tin tưởng dựa trên lời nói của mình, tôi đã xin ông ấy noi gương lòng bao dung vĩ đại của Hoàng đế của ông và sẵn sàng hứa với tôi về lợi ích của chúng tôi, rằng nếu như, không nghi ngờ gì đó là do lỗi của chúng tôi khiến một điều gì đó không thuận lợi nảy sinh len lỏi vào hiệp ước, thì dấu vết hòa bình của chúng tôi sẽ vẫn không thay đổi, mà luôn chân thành và lâu dài. Tình cảm của chúng tôi luôn như vậy.

Sau đó, ông bày tỏ sự thất vọng khi nhận được thư của de La Grandière.

Khi hai đế quốc chúng ta cam kết hòa bình cùng nhau, chúng tôi không thể nói về việc lấy lại ba tỉnh dựa trên sự hối tiếc của người dân nơi quê hương đã mất. [...] do đó, chúng tôi phải trải lòng với Hoàng đế Pháp, để ngài có lòng thương xót với chúng tôi. Nếu không, ít nhất là có điều gì đó. [...]

Về việc giảm thiểu việc cống nạp hằng năm từ vĩnh viễn xuống còn bốn mươi năm, chúng tôi yêu cầu điều đó bởi vì nguồn lực của Đế quốc An Nam dường như không cho phép hơn được. [...]

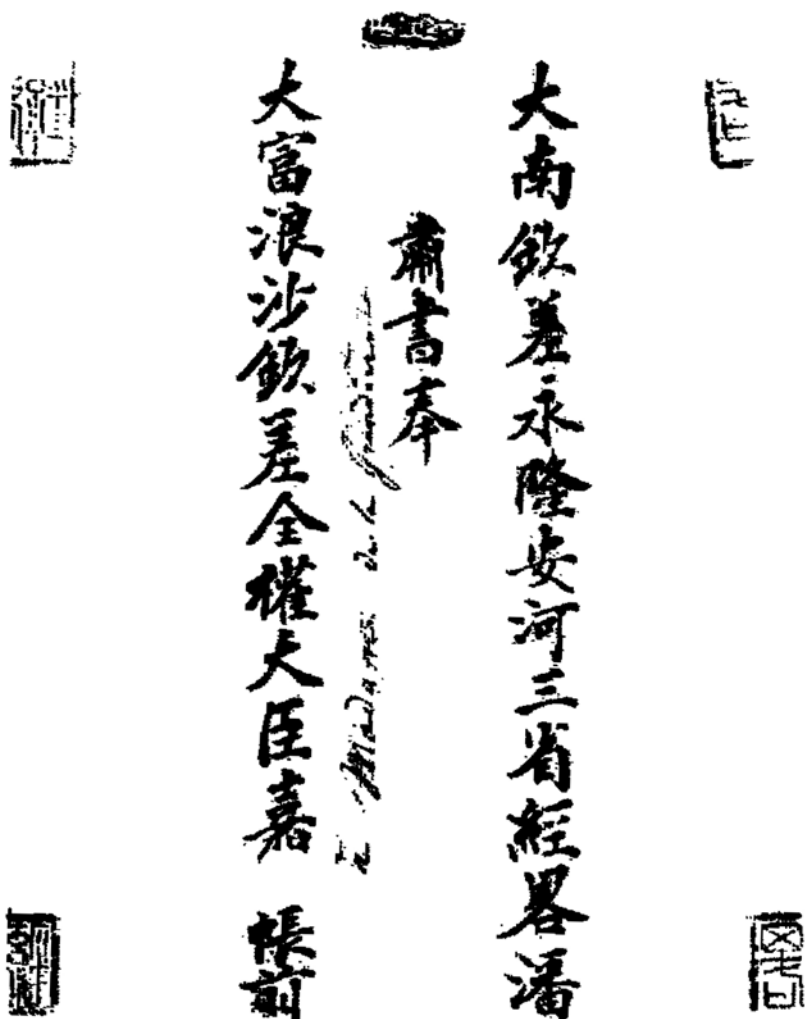
Bây giờ mọi thứ vẫn như cũ, nếu ngài ưng thuận một sự đầu hàng hoàn toàn hoặc một phần của ba tỉnh, chúng tôi không thể đủ lời tạ ơn, nếu ngài có thể, để tiếp tục mối quan hệ hòa bình, chúng ta phải quay lại Hiệp ước tháng 6 năm 1862, chúng tôi sẽ biết ơn ngài vì điều đó và sẽ làm điều đó một cách tận tình.²

1. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 273.

2. M.D. Asie. Micr. N° 29, tr. 273.

THƯ CỦA PHAN THANH GIẢN GỬI BÀ DE LA GRANDIÈRE

Trong những tuần đầu tiên của năm 1867, phu nhân đô đốc, người đã theo chồng đến Sài Gòn, bị ốm nặng vì khí hậu khắc nghiệt của Nam Kỳ. Phan Thanh Giản, sau khi được bẩm báo, đã gửi ngay bức thư sau, bằng chữ Hán, cho bà de La Grandière. Bản gốc chữ Hán được lưu giữ



TRANG ĐẦU TIÊN CỦA LÁ THƯ, VIẾT BẰNG CHỮ HOA, PHAN THANH GIẢN GỬI
CHO BÀ DE LA GRANDIÈRE, NGÀY 1 THÁNG 4 NĂM 1867

trong số các giấy tờ cá nhân của đô đốc. Cháu trai của ông, Tử tước Gilles de La Grandière muốn giao phó cho chúng tôi cả lá thư cùng bản dịch tiếng Pháp của nó mà có lẽ được thực hiện cùng thời đoạn ấy, có điều chúng tôi rất tiếc vì không biết được người dịch là ai. Chúng tôi chỉ đoán rằng đó có thể là Legrand de La Liraye.

Vì cũng muốn biết bản dịch bản *Quốc ngữ* hiện đại từ bản gốc chữ Hán, chúng tôi đã đến các chuyên gia của Viện Hán Nôm tại Hà Nội. Tuy nhiên, ngoài sự không khớp nhau giữa bản dịch tiếng Pháp cũ và bản tiếng Việt hiện tại, liên quan đến ngày tháng (ngày 1 tháng 4 ở bản dịch tiếng Pháp, với ngày 1 hoặc 2 tháng 3 trong bản tiếng Việt), chúng tôi rất ngạc nhiên khi nhận thấy có tồn tại một sự hiểu sai rành rành ở nội dung liên quan đến người nhận món quà mà trong thư có đề cập. Xác minh thực tế, hóa ra ngày đó là ngày 2 tháng 3, không phải ngày 1 tháng 4. Mặt khác, phong cách hoa mỹ của dịch giả tiếng Pháp dường như đã khiến ông biến đổi nội dung chính xác của bản chữ Hán (*thư do “trạm” mang đến*) thành một bản dịch tiếng Pháp hơi hư cấu (*Tư lệnh Mỹ Tho, đến thăm tôi... tôi đã nhận...*)¹. Dù sao thì đây vẫn chỉ là bản dịch *Quốc ngữ* của người Việt đương thời diễn ý ngược về người nhận quà tặng².

Đây là phiên bản tiếng Pháp cũ mà chúng tôi không biết tác giả (Legrand de la Liraye?):

1. Không muốn bào chữa cho thay đổi này, chúng ta có thể giải thích nguồn gốc có thể có của nó: Trung tá Ansart, chỉ huy Mỹ Tho, thường giao du với Phan Thanh Giản, ở không xa Vĩnh Long và là nơi đi qua bắt buộc của các *trạm* đến Vĩnh Long.

[*Chú thích của ND*: Theo Vương Hồng Sển, *Trạm thơ*: đời đảng cựu, công văn nhà nước ở Nam Kỳ lục tỉnh do 17 trạm đặt dưới quyền kiểm soát của quan bố chánh đảm nhiệm và được chở đi hoặc bằng đường thủy (đời Pháp thuộc con *kinh Vũng Gù* nối liền Tân An qua Mỹ Tho vẫn gọi theo Pháp là *Arroyo de la poste*, hoặc theo đường bộ – người đi thơ chạy ngựa hay đi bộ trên đường quan lộ.)]

2. Dường như lỗi này là do thành ngữ chữ Hán, thể hiện ở sự khiêm tốn phương Đông khi người ta nói với ai đó, trong trường hợp này là món quà (*vật có giá trị nhỏ*) được Phan Thanh Giản gửi tặng bà de La Grandière.

*Phó Đô ngự sử Vương quốc An Nam, Khâm sứ Triều đình ba tỉnh
Vĩnh Long-An Hà, Tổng tài, Phan...*

*Hân hạnh viết bức thư này cho Madame..., quý phu nhân của
Ngài Toàn quyền, Tổng Tư lệnh Pháp Gia... (phát âm tiếng Việt
của Grandière)*

*Tư lệnh Mỹ Tho, đến thăm tôi gần đây, báo với tôi rằng Ngài Đô
đốc vẫn khỏe, còn bà, thưa bà, phải chịu đựng cái nóng mùa hè;
nhưng bà đã khỏe hơn; rất tiếc vì công việc không cho phép tôi,
đến bày tỏ sự quý trọng của tôi với bà, khi tôi vừa trải niềm vui
khôn tả đọc được thư của bà, đã được dịch, liên quan đến một
món quà mọn, vì nó mà bà gởi tôi lời cảm ơn như vậy khiến tôi
phải thẹn.*

*Tôi mong muốn, thưa bà, hồng ân Chúa sẽ che chở bà và Tướng
công trong thời gian dài sắp tới, và với mọi mong muốn tôi hợp
lòng với bà bày tỏ cho sự thịnh vượng của hai vương quốc cùng
mãi mãi vững bền. Tình cảm này không thể phai mờ và không
đổi với tôi.*

*Biết bao hương thơm những chồi non lan tỏa trong tia nắng đến
với bà, thưa bà, từ xa tôi gởi những lời chúc may mắn đến bà.*

Tự Đức năm thứ hai mươi, tháng Hai, ngày 27.

Ngày 1 tháng 4 năm 1867.

Chúng tôi thấy tờ mờ là bản dịch tiếng Việt hiện đại lại nói ngược lại, đó là một món quà được bà de La Grandière gửi đến Phan Thanh Giản.

Chúng tôi thấy điều đó khá lý thú, nếu chúng ta tin những lời bức thư của Phan Thanh Giản, rằng đô đốc, thông qua vợ, [bày tỏ] *mong muốn... sự thịnh vượng của hai vương quốc cùng mãi mãi vững bền*, bốn tháng trước khi bất ngờ xâm chiếm lãnh thổ mà Phan Thanh Giản quản lý!

Đúng là đô đốc đã không bỏ lỡ cơ hội cảnh báo về sự nước đôi của nhà vua An Nam, chính thái độ của nhà vua, mà trong mắt người Pháp là không trung thực, sẽ cho họ cái cớ chiếm lấy ba tỉnh miền Tây.

THÁI ĐỘ NHẬP NHẲNG CỦA TỰ ĐỨC

Thật vậy, Tự Đức không ngừng gửi mật sứ vào các tỉnh bị chiếm và hỗ trợ các cuộc nổi dậy, trong khi ông kêu gọi các sứ thần của mình giữ vững cam kết chân thành. Phải thừa nhận rằng đó là một chiến sách tốt.

Ngày 3 tháng Sáu năm Tự Đức thứ hai mươi¹ (ngày 4-7-1867 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện xin phái ba người là Hoàng Ngọc Dao, Trần Đình Thiệu, Lâm Thành Đăng khẩn cấp mang mật thư vào Thuận Khánh. Từ đó họ sẽ phải cải trang vào Gia Định và Vĩnh Long để quan sát tình hình của Nam Kỳ. (C.B. 295, tờ 95)

Nhưng rõ ràng là Triều đình thấy khó lòng tin tưởng – và đúng như vậy – rằng người Pháp sẽ tôn trọng Hiệp ước.

Ngày 3 tháng Sáu năm Tự Đức thứ hai mươi² (ngày 4-7-1867 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện yêu cầu các biện pháp phòng bị trong trường hợp người Pháp không tôn trọng Hiệp ước:

- Giữ Phan Trung Nghĩa ở lại Bình Thuận để phòng bị.*
- Gửi mật sứ đến Gia Định và Vĩnh Long để theo dõi tình hình.*
- Ra lệnh cho các quan chức của các tỉnh Nam (Quảng Nam), Ngãi (Quảng Ngãi), Bình (Bình Định), Phú (Phú Yên) và Khánh Hòa tăng cường lực lượng ở các đồng lũy, hải khẩu để chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu chống Pháp. (C.B. 295, tờ 96-97)*

Ngày 4 tháng Sáu năm Tự Đức thứ hai mươi³ [ngày 5-7-1867 theo lịch Grégorien], Cơ mật viện trình bày các giải pháp được đề xuất bởi Tổng đốc Thuận Khánh, Nguyễn Uy, trong trường hợp Pháp tấn công:

1. \$ 534, tr. 97.

2. \$ 535, tr. 97.

3. \$ 536, tr. 97.

- Huy động lực lượng dự bị
- Tuyển mộ thêm quân
- Gửi quân đội Triều đình từ Kinh xuống Phú Yên và Khánh Hòa
- Cho phép tuyển mộ binh sĩ. (C.B. 295, tờ 102-105)

Mặt khác, chúng ta có thể hình dung Triều đình đã đặt một quan chức trung hậu và chánh trực như Phan Thanh Giản vào tình cảnh bất lợi đến thế nào khi giao cho ông lệnh “mật” sau:

Ngày 7 tháng Sáu năm 1867¹ (ngày 8-7-1867 theo lịch Grégorien), Cơ mật viện trao cho Phan Thanh Giản lệnh mật để nghị Pháp hoàn lại cho người Việt những vũ khí bị tịch thu trong quá trình chiếm ba tỉnh miền Đông. Nếu người Pháp chấp nhận, sẽ đến bằng thuyền để nhận hàng, nhân cơ hội quan sát tình hình.

Hoàng Ngọc Dao đã được yêu cầu đến Khánh Hòa rồi lên vào Gia Định, được cho gọi về. (C.B. 295, tờ 111-112)

DE LA GRANDIÈRE CHUẨN BỊ THÔN TÍNH

Từ trong thư từ của Đô đốc de La Grandière, chúng tôi khám phá ra số lượng tài liệu chưa được công bố lớn nhất liên quan đến những tháng cuối đời của Phan Thanh Giản, vì chính xác là đô đốc đã chuẩn bị kỹ lưỡng cuộc đột kích vào Vĩnh Long, nguyên nhân thực sự khiến Đại Nam mất ba tỉnh miền Tây và, vô tình, dẫn đến vụ tự sát của Phan Thanh Giản.

Trong báo cáo tháng 3 năm 1867 gửi cho Bộ, đô đốc tiếp tục trấn an:

Thuộc địa lúc này đang vận hành ở mức thịnh vượng nhất. Vụ thu hoạch đặc biệt dồi dào và diễn tiến yên bình.

Triển lãm ở Sài Gòn được khai mạc vào Chủ nhật tuần trước, giữa một cuộc thi đông đảo của dân chúng từ mọi miền đất nước.

1. \$ 537. tr. 97.

Vẻ trang trọng này thậm chí còn mỹ lệ hơn năm ngoái và số tới của tờ Courier de Saigon sẽ có một bản tin về lễ trao vòng nguyệt quế vào ngày mai thông qua phần phát thưởng. Phan-Tan (sic)-Giản đến từ Vinh Long tham dự, có một số quan lại đi cùng. Tôi không có gì để báo cáo với Ngài về ba tỉnh. Tôi luôn thấy ở bên này sự vâng phục cao nhất khi chấp nhận bất cứ điều gì tôi yêu cầu, còn tôi tiếp tục các cuộc đàm phán với Chính phủ An Nam. Để làm việc này, hôm nay tôi đã phái tàu Monge chuyển đến chỗ họ những đề xuất mới. Tôi vẫn đang chờ đợi tàu trở lại, chắc chắn nó sẽ cho tôi những câu trả lời dứt khoát hơn những gì tôi có được tính đến lúc này.¹

Tuy nhiên, ngày 27 tháng 4, ông đã phát triển quan điểm kinh tế của riêng ông theo hướng khá hay, cho phép ông thực hiện việc thay thế quân số người châu Âu tốn kém bằng nhân viên bản địa rẻ hơn, đúng như những gì ông được đề xuất.

Tôi hân hạnh trả lời điện văn ngày 16 tháng 5, trong đó Ngài đã mời tôi nghiên cứu lại vấn đề tuyển dụng một số lượng nhất định người bản xứ nhằm giảm bớt chi phí phát sinh đến từ số lượng nhân viên châu Âu hiện đang giữ nhiệm sở ở thuộc địa.

Do đó, Ngài mong muốn các thủy thủ đoàn trên những tàu của Sư đoàn Hải quân, với việc thay thế một số lượng tương đương người châu Âu, sẽ có những thủy thủ bản địa chiếm tỷ lệ có thể lên đến một phần năm tổng quân số.

Nhân đây, tôi hân hạnh nhấn mạnh cho ông, Ngài Bộ trưởng, thấy rõ kết quả có trong các báo cáo của tôi, rằng một trong những mối quan tâm trước mắt của tôi chính xác là dùng nhân tố bản địa thay cho người châu Âu trong cơ cấu một phần của thủy thủ đoàn trên các tàu chúng tôi, khi thời cơ đến. Vì lý do này, tôi đã chu cấp gởi đến Pháp các thủy thủ trẻ người Việt, những người

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 90 (2/3/1867).

phải quay lại Nam Kỳ với những kiến thức họ nhận được trong chuyến đi châu Âu, và tôi cũng đã tập hợp được trên tàu Duperré một số lượng khá lớn những người trẻ tuổi học nghề đi biển. Cuối cùng, cách đây rất lâu, những con tàu hơi nước đã sử dụng người bản địa làm lái tàu và đốt lò. Ngài sẽ thấy trong các lá thư của tôi, đề ngày 25 tháng 7 năm 1864 và ngày 23 tháng 3 năm 1865 (nhân sự – thủy thủ đoàn), những thông tin chi tiết nhất về điều kiện và tỷ lệ mà sau khi được một ủy ban có thẩm quyền kiểm tra, tỷ lệ này được đánh giá là hữu ích cho việc bổ nhiệm người Việt bản xứ lên các tàu hơi nước của chúng tôi.

Rõ ràng, vào tháng 4, vị đô đốc, vốn từ trước đã nuôi dưỡng kế hoạch thôn tính ba tỉnh miền Tây bằng vũ lực và bất ngờ, không phản xét “*thời điểm đã đến*” để tổ chức một sự chinh đồn mạo hiểm về quân số.

Sau khi phơi bày trong các chi tiết những bất lợi, cả về tài chính và ngoại giao, thể hiện trong việc thuê người Philippines gốc Tây Ban Nha thay cho thủy thủ châu Âu, ông khuốc từ ý tưởng tuyển dụng người An Nam.

Quả thật, trong trường hợp không có người Tagal, vẫn còn nguồn lực người An Nam, cũng có những thử nghiệm liên tục được thực hiện qua nhiều thời kỳ khác nhau, nhưng những bất tiện nghiêm trọng nhất không bao lâu đã nổi lên. Người An Nam, ngoài cấu tạo thể chất hơi ốm yếu không phù hợp với các thao tác mạnh mẽ, về cơ bản là nông dân. Thường xuyên, bước đầu họ lên pháo hạm và bước tiếp theo là mau chóng đào ngũ, mà một số lượng nhất định trường hợp như vậy sẽ khiến chúng tôi khó tránh được việc trấn áp. Cuối cùng, cho đến lúc này, sự cần trọng đã ngăn chúng tôi nghĩ đến việc thành lập một bộ phận thủy thủ đoàn gồm dân bản địa trên những pháo hạm nhỏ vốn chỉ cần rất ít người và thường được yêu cầu hoạt động độc lập.¹

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 113. (27/4/1867)

Ông thậm chí còn nhân cơ hội để đòi hỏi những chiếc xuồng ông được hứa giao từ tháng 6 năm 1865, với lý do tình hình kinh tế khẩn thiết!

Khi tôi đến Nam Kỳ, tôi là người đầu tiên nhận thấy có nguyên do để giảm số lượng thủy thủ đoàn trong sư đoàn bấy giờ lên tới 3.700 người. Kể từ đó, quân số đã giảm xuống còn 2.809. Nhưng những cải cách chỉ có thể triển khai tuần tự và tôi sẽ có thể tiết kiệm một khoản lớn về nhân sự và nhiên liệu trong dịch vụ hàng hải nếu tôi nhận được những xà lúp hơi nước như được hứa vào tháng 6 năm 1865 trong khi tính đến giờ tôi vẫn còn chưa nhận được cái đầu tiên... Trước sự chậm trễ này, và để đảm bảo giảm thiểu chi phí vận hành, cảnh sát kênh rạch và tiếp tế cho các đồn, tôi nhờ cậy kỹ nghệ và dịch vụ địa phương ở Pháp sáu xà lúp hơi nước, chỉ cao 80cm và chứa được một thủy thủ đoàn với số thành viên tối thiểu, sẽ cung cấp cho chúng tôi các trách vụ tương tự các pháo hạm.¹

Những kháng nghị trung thành chính trị – Tôi xin Ngài mở lòng tin tưởng rằng tôi không bao giờ nghĩ đến việc sửa đổi, dẫu là theo bất kỳ hướng nào, những đề xuất này mà không tham khảo ý kiến – xen lẫn với những lời giải thích có phần lúng túng – Chỉ có... sự hiểu lầm xuất phát từ một dự thảo hơi mơ hồ – có trong thư ngày 27 tháng 5 của đô đốc, dường như chứng minh cả mối lo lắng của Paris và quyết tâm ngấm ngấm của de La Grandière, vốn được thuyết phục hành động vì lợi ích tốt nhất của nước Pháp nhưng còn e ngại những phản ứng chống đối nếu tự ông quá công khai trước Paris kế hoạch thôn tính ba tỉnh của mình.

[...] qua thư của tôi vào ngày 2 tháng 3 vừa qua, Ngài đã nắm được việc tàu Monge đã gửi đến Huế để chuyển cho họ các đề xuất mới, trong khi con tàu này, với hành trình chủ yếu là để tìm kiếm sản vật của An Nam dùng cho vụ Đấu xảo, chỉ chịu trách

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 114. (27/4/1867)

nhiệm cùng Chính phủ An Nam thay thế các đề xuất trước đó với phần nội dung đã được tôi báo cho Bộ¹.

Tôi xin Ngài mở lòng tin tưởng rằng tôi không bao giờ nghĩ đến việc sửa đổi, dầu là theo bất kỳ hướng nào, những đề xuất này mà không tham khảo ý kiến. Chỉ có, trong việc thâu đạt từ ngữ của tôi trong bức thư ngày 2 tháng 3 vừa qua, sự hiểu lầm xuất phát từ một dự thảo hơi mơ hồ. Tóm lại, nhiệm vụ của tàu Monge là mang về Sài Gòn các sản vật An Nam được tàu Sarthe chuyển đến Pháp và trong khi thay thế các đề xuất trước đó thì đồng thời yêu cầu Chính phủ An Nam một phản hồi mới có thể khác với các những điều đưa ra trước đây, bởi lẽ điện văn vừa qua từ Huế cho tôi biết rằng họ được giới thiệu đến các tổng đốc ba tỉnh miền Nam chỉ để tham khảo ý kiến liên quan đến việc nhượng lại những lãnh thổ đó, và quan trọng là phải biết được, kể từ các cuộc hội đàm đầu tiên, liệu chẳng không có thay đổi nào trong các quyết nghị của Chính phủ An Nam.²

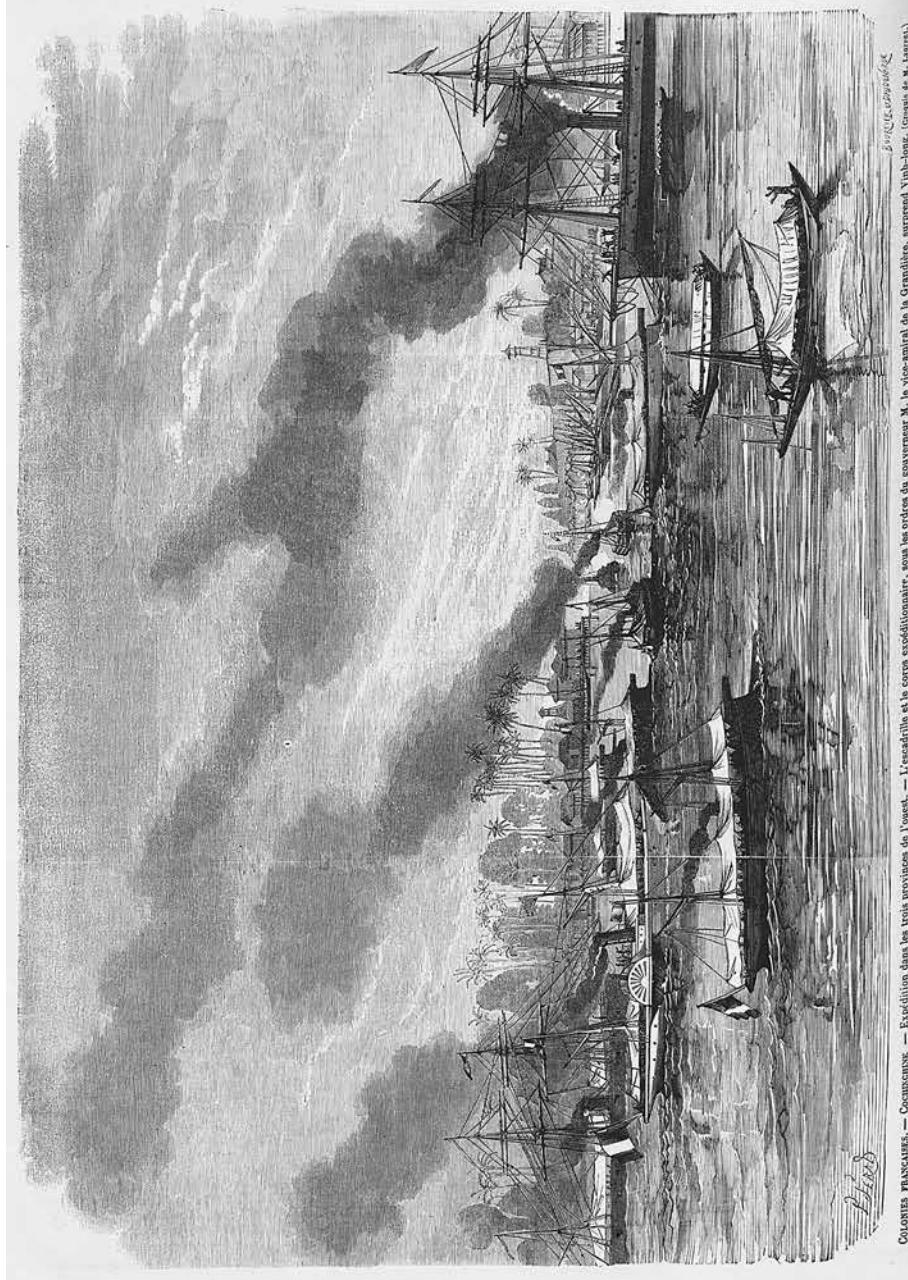
[...]

De La Grandière cũng đưa ra những lý do chính đáng nhưng rất phức tạp để lý giải yêu cầu tiếp viện của ông đối với Đô đốc Roze. Những lời giải thích này hẳn nhiên là chẳng có nghĩa lý gì nếu Paris hoàn toàn đồng ý với các kế hoạch của đô đốc. Từ trước ông vốn đã thẳng thừng công khai chuyện này, đặc biệt trong những báo cáo với Chasseloup-Laubat, nhưng cũng từ đó ông cảm thấy rõ sự miễn cưỡng và do dự của cả một phái khác trong chính phủ Napoléon III, họ không dám đi quá xa.

Cuộc gọi mà tôi đã gọi cho Ngài Đô đốc Roze, yêu cầu ông cấp cho một tàu hộ tống, dường như cũng gây ra những e ngại vô cớ. Thật vậy, nếu tàu La Place được gửi đến Sài Gòn theo yêu cầu của

1. Nguyên văn: *Département*; có lẽ chỉ Bộ Ngoại giao – *Département des Affaires Etrangères*. (BT)

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr .141. (27/5/1867)



PHÁO BINH VÀ LỰC LƯỢNG VIỄN CHINH HẠ THÀNH VĨNH LONG

Nguồn: *Le Monde Illustré*

tôi, thì đó là vì một mặt tôi biết rằng con tàu này cần được sửa chữa ở cảng và đích thị điều này đã xảy ra; sau nữa là, vì sự hỗ trợ từ nó có thể hữu ích cho tôi làm tàu đi trong hải phận quốc tế, trong lúc bị giảm chỉ còn hai thông báo hạm Monge và Cosmao; trong thời gian chiếc tàu thứ hai vừa nêu phải tạm ngừng hoạt động một thời gian khá dài và ở trong vũng, tôi thấy mình bị buộc phải đáp ứng những cấp thiết của tình cảnh lương nan bằng cách cho triển khai quân đánh Hà Tiên hoặc thị uy ven bờ biển Huế. Trong trường hợp như vậy, tôi sẽ chỉ còn có duy nhất một chiếc tàu cho tất cả các nguồn lực.

De La Grandière sau cùng nhấn mạnh vào sự phức tạp lên đến đỉnh điểm của tình hình địa phương, có chút gì đó giống như ông đang trình bày lời biện hộ dự trước cho những gì về sau có thể khiến ông bị khiển trách:

Tôi tha thiết đi vào các chi tiết đã nói ở trên để thuyết phục Tướng quân rằng, tôi đã không có một khoảnh khắc riêng nào dứt suy nghĩ của mình khỏi phương sách hành động mà theo tôi nó có lẽ được phác họa dựa trên tính cấp thiết của một chính sách mơ hồ cùng những bó buộc tình cảnh khó ngờ, cả hai đều giống hệt kiểu những điều tự thân chúng tiết lộ theo thời gian ở đất nước này. Tôi mong Ngài hãy yên tâm, thưa Ngài Bộ trưởng, rằng tôi cũng đang nỗ lực để đạt được kết quả cho phép chúng ta, trong tương lai không xa, thiết dựng nền kinh tế mà Ngài đã giúp tôi nhận biết sự cần thiết của nó.

Câu cuối cùng là lời tự trấn an:

Cuối thư tôi xin báo cho Tướng quân hay rằng lúc này đây Thuộc địa đang tận hưởng thái bình.¹

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 142-143. (27/5/1867)

TỐI HẬU THƯ

Ngày 17 tháng 6 năm 1867, đô đốc gửi một lá thư cho Phan Thanh Giản, về mặt ngoại giao để cảnh báo ý định thôn tính ba tỉnh miền Tây. Do sự chậm trễ của bưu điện thời điểm đó, cùng thời gian cần để dịch thuật, chúng tôi có thể ước tính rằng Phan Thanh Giản không thể đọc thư này cho đến sớm nhất là ba ngày sau đó, tức vào cùng ngày vị đô đốc đã cho dàn những pháo hạm dưới tường thành Vĩnh Long. Đô đốc hành động giống như là thái độ *không hòa giải và những bào chữa không chấp nhận được của Triều đình Huế* đã buộc ông phải làm vậy.

Sau khi tận lực với Chính phủ An Nam, dùng mọi phương cách thỏa thuận và hòa giải khả dĩ giúp mang về cho Pháp lãnh thổ ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, vì những biện bác không thể chấp nhận và chần chừ của Triều đình Huế, tôi phải báo cáo Chính phủ về các sự kiện đang diễn ra ở xứ này.

Trong đoạn sau, ông giải thích sự bất bình của mình, đặc biệt buộc tội các quan.

Chính phủ Pháp nhìn nhận rõ đáng lẽ đây phải là tình thế mà vùng lãnh thổ này đã quy thuận [nước Pháp], và thừa nhận rằng những rối loạn xảy ra ở đó trong thời gian gần đây và tiếp tục duy trì ở Cao Miên, một quốc gia được bảo hộ, chỉ có thể khởi từ những người An Nam nổi loạn mà phần lớn ở tỉnh Châu Đốc, nhận được sự động viên ngầm của giới quan lại đang không ngừng dùng mọi cách trong quyền hạn của bản thân để kích động sự kháng cự và gây hoang mang.

Sau đó, tối hậu thư trở nên cụ thể hơn nhưng được thể hiện như một mệnh lệnh cấp cao, và chúng ta có thể tự hỏi những ai ở vào vị trí cấp cao này, trong mọi trường hợp, đó không thể là Hoàng đế hay Bộ trưởng, xét đến việc đô đốc đã lưu ý để không hé lộ rõ những ý định của mình cho Paris, trừ những ám chỉ không rõ ràng luôn mâu thuẫn kể từ vài tháng

gần đây, với những cụm từ trấn an như: *lúc này đây Thuộc địa đang tận hưởng thái bình.*

Theo đó, tôi hân hạnh thông báo với Ngài rằng, để chấm dứt tình trạng này, và để thiết lập quyền kiểm soát của nước Pháp tại các xứ này, tôi được lệnh giá nào cũng chiếm lấy các tỉnh phía nam của Nam Kỳ, dù là bằng cách tự nguyện đầu hàng hay bằng vũ lực.

Tôi quyết định thông báo cho Ngài hay, đồng thời khẩn thiết kêu gọi hãy chấp nhận nhượng bộ để tránh đổ máu vô ích. Trong trường hợp làm trái với mong muốn của tôi, sẽ không có cách nào đạt được thỏa thuận hòa giải, tôi sẽ lập tức được dùng đến vũ lực.

Tuy nhiên, sự cứng rắn của tối hậu thư này được giảm nhẹ ở đoạn sau, trong đó đồ đốc đưa ra các cam kết chính trị đi cùng với nhân đạo mà nội dung trên thực tế có lẽ khá bất thường với người An Nam thời đó.

Dù vậy, tôi phải cho Ngài rõ ý định của tôi không phải là tìm cách đuổi cùng giết tận cả quan lại lẫn dân chúng ở các tỉnh này. Ở đây tôi cam kết tôn trọng gia đình, tài sản và địa vị sẵn có của những người không tìm cách mang định kiến hoặc gây tổn hại đối với chúng tôi. Người dân sẽ được tiếp tục cư trú trên địa sản và canh tác trên đất của họ, không chịu bất kỳ thiệt hại nào. Quan chức An Nam được bảo lưu tài sản và cấp bậc của mình, và nếu muốn phục vụ nước Pháp thì sẽ có thể nhận được vị trí tương tự như vị trí mà họ có trong Chính phủ An Nam.

Tối hậu thư kết thúc khéo léo bằng lời kêu gọi hòa giải vì lý do nhân đạo:

Với đầy tình cảm hòa giải và mong muốn tránh một cuộc chiến chỉ có thể là thảm họa đối với dân chúng, tôi cầu mong Ngài hãy tự nguyện thuận thảo theo tôi và bằng mọi giá cho tôi biết ngay câu trả lời.¹

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 324-325. (17/6/1867)

PHÁP THÔN TÍNH BA TỈNH

Phần chính của vụ chiếm Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên được chính đô đốc kể¹. Đó là ngày 27 tháng 6, tức một tuần sau những sự kiện nêu trên. Chúng tôi tìm thấy một số đoạn thể hiện quyết tâm của de La Grandière, các toan tính hoàn cảnh đã thúc đẩy ông chờ đợi đến thời điểm này trong năm, những cái có (những lời khai của các hương chức An Nam, các băng nhóm Pou Kombô, cùng những chiếc thuyền đầy vũ khí), những cân nhắc trước khi tấn công, bí mật được giữ cho đến phút cuối (ngày 19, [...], *tôi tập hợp các liên trưởng và thuyền trưởng pháo hạm để thông báo cho họ về kế hoạch tấn công và ra lệnh chuẩn bị khởi sự vào đêm hôm sau*), cuối cùng lý do khiến sự bất ngờ thành công đến vậy: *một đêm tối và nhiều sương mù*. Đây là văn bản lịch sử này:

Trước hết, cần lưu ý việc trong cùng một câu có sự biến đổi của cụm từ (quân sự hay ngoại giao?) *thị uy* (*démonstration*) thành *xâm chiếm* (*possession*).

Trong điện văn sau cùng, tôi hân hạnh thông báo cho Ngài về những sắp xếp tôi đã ấn định, liên quan đến việc triển khai vũ lực quân chống lại ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, nhằm chiếm lấy chúng.

Sau đây là các lý do, cả về khí tượng và chính trị (những nguyên cớ), cho phép đô đốc phát động cuộc tấn công bất ngờ khi cần thiết.

Tôi đã đợi cho đến khi những cơn mưa đúng mùa làm nước các kênh rạch bên trong dâng lên để có thể điều động các pháo hạm nhỏ, và sức nóng giảm đi một chút để trong trường hợp phải dùng vũ lực thì không phải phơi quân đến mệt mỏi quá mức.

Thời khắc cuối cùng đã đến, và nhiều cơ hội đến đã cho tôi ra quyết định về việc đã ấn định. Tôi có được bằng chứng, qua lời

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 151-159. (27/6/1867)

khai của những hương chức An Nam bị bắt trong số các băng nhóm Pou Kombô đang ở trong tù, cũng như các giấy tờ thu giữ từ những cá nhân này cho thấy thủ lĩnh phiến quân nhận được hỗ trợ về người và đạn dược từ tỉnh Châu Đốc. Mặt khác, tàu Alarme vừa bắt được một thuyền người Hoa ở cửa sông Comao¹ (sic) dẫn vào Bax-Huyen² (sic), thuyền này, chở một lượng lớn thuốc súng tiếp tế cho các tỉnh An Nam, đã bị phá hủy. Tôi xét rằng không cần phải đợi lâu hơn nữa, và lại mọi sự chuẩn bị đã xong, tôi rời Sài Gòn vào ngày 18 lúc ba giờ chiều, trên tuần dương hạm hơi nước Ondine để đích thân chỉ đạo viện dàn quân mà tôi dự định đánh các thành Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, chiếm cả ba tỉnh nơi có thành lũy bảo vệ các tỉnh lỵ.

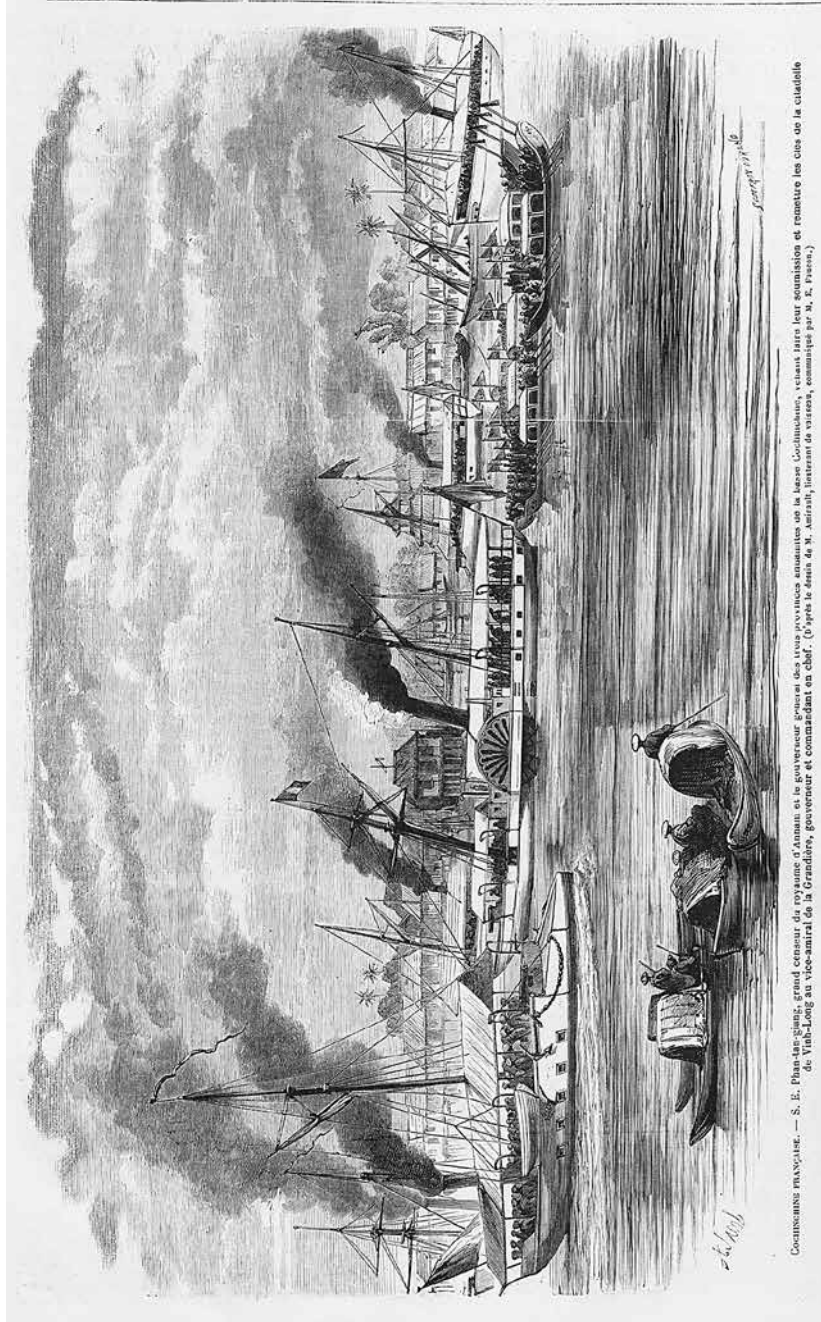
Quá trình thực tế của cuộc tấn công được mô tả chi tiết và theo từng giờ:

Tôi đến Mỹ Tho ngày 19, thấy tập trung ở đó 16 pháo hạm được chuyển từ Sài Gòn tới một ngày trước. Ngay khi đến nơi, tôi lệnh cho đoàn quân cập bến; tôi tập hợp các liên trưởng và thuyền trưởng pháo hạm để thông báo cho họ về kế hoạch tấn công và ra lệnh chuẩn bị khởi sự vào đêm hôm sau.

Vào lúc năm giờ, toàn quân đã tập kết. Họ gồm 800 người của Bộ binh hải quân, 150 thủy quân lục chiến của đại đội tàu Duperré, 50 pháo thủ của công binh và pháo binh. Các lực lượng bố trí theo lệnh của Đại tá bộ binh Reboul, pháo thủ dưới quyền của Thiếu tá de Guilhermy, công binh được Thiếu tá Bovet chỉ huy. 200 phu khuân vác được bổ sung vào lực lượng viễn chinh để vận chuyển hành lý, thiết bị của công binh, pháo và xe cứu thương; 400 dân binh từ các tỉnh khác nhau, được chỉ huy bởi Thanh tra bản xứ vụ và được đặt dưới quyền đặc biệt của Giám đốc Nội vụ, họ ở trên những chiếc thuyền được các pháo hạm kéo đi.

1. Cà Mau. (BT)

2. Ba Xuyên. (BT)



SÁNG 20-6-1867, PHAN THANH GIẢN LÊN TÀU ONDINE THƯỜNG THẢO VỚI DE LA GRANDIÈRE

Nguồn: *Le Monde Illustré*

Trong khi các pháo hạm lớn cập vào luồng chính, bốn pháo hạm nhỏ tiến vào đẩy hơi nước và chiếm các vị trí ở phía bắc kênh Long Hồ, sẵn sàng đổ bộ tất cả các dân binh được hỗ trợ bởi một đội bộ binh hùng hậu, ba pháo hạm nhỏ khác xâm nhập kênh Long Hồ và tàu Ondine đến neo đậu ở lối vào của kênh này, cách một trong những pháo đài của tòa thành 100m.

Tôi lập tức cử một trong những sĩ quan dưới quyền triệu tập tổng đốc đến chỗ tôi, vô điều kiện, nếu không tôi sẽ cho nổ súng. Ông ta phải đưa lại lá thư mà tôi đã gửi một bản sao cho Ngài [Thượng thư Phan Thanh Giản].

Phần miêu tả chính xác tình cảnh bế tắc mà Phan Thanh Giản bị bắt ngờ đặt vào cùng vai trò nào đã bó buộc ông vào thời điểm đó nằm trong đoạn văn sau:

Các pháo hạm lớn đã đổ bộ quân trong chốc lát, sau đó tiến chiếm vị trí trên thành bị siết chặt mọi phía bởi các tàu của chúng tôi, và bị bao vây ba phía bởi các đội tàu hùng hậu. Mọi sự kháng cự là vô ích. Người dân nhìn thấy chúng tôi đi qua không có vẻ sợ hãi hay kinh ngạc; các thương nhân vẫn đứng yên tại chỗ tàu đậu; không có bất kỳ sự náo loạn nào trong những người dân này, mà vài năm trước, đã từ bỏ mọi thứ để bám theo chúng tôi. Cũng vậy, cả hai người quyền lực nhất của Vĩnh Long, Phan-Tan-Gian (sic), cựu Thượng thư Triều đình Huế và Kinh lược đại thần ba tỉnh miền Tây, đã lên tàu Ondine thể hiện sự tuân phục, nhượng vào tay tôi quyền kiểm soát [ba tỉnh] mà họ được vua Tự Đức giao phó và đề nghị tôi hỗ trợ tạo điều kiện cho việc thay thế chính quyền An Nam bằng chính quyền Pháp với sự hưởng ứng của dân chúng.

Đô đốc liệt kê đại khái những quy định bắt buộc đưa ra cho sự đầu hàng của ba tỉnh:

Thỏa thuận rằng quân đội Pháp vào thành và chiếm đóng; các binh sĩ và dân quân phục vụ Huế sẽ giải giáp và giải tán, bàn giao

tất cả tài sản của Nhà nước, vũ khí và đạn dược trong các kho của thành.

Nhằm không để cho các quan lại Châu Đốc và chính quyền cấp dưới các quận huyện chính có thời gian chuẩn bị trốn thoát hoặc buộc dân chúng chống lại chúng tôi, tôi đã gửi các biệt đội gồm lính và dân quân trên những pháo hạm nhỏ đi xác lập chính quyền Pháp tại Sadek¹, chợ chính và trung tâm giàu có nhất, đông dân nhất của ba tỉnh phía nam, và Dui-Minh², huyện lỵ của huyện biến động nhất của tỉnh Vĩnh Long, được báo là nơi ẩn náu của một số kẻ gây rối phản đối sự cai trị của chúng tôi. Sau đó, tôi chỉ huy tất cả vôi vữa về Châu Đốc các pháo hạm Alarme, Fusée, Hallebard, Bourdais, Flamberge, Fleuret, Biên Hòa, với 415 binh sĩ châu Âu và 300 dân quân khuân vác nằm dưới sự chỉ huy cấp cao của Trung tá hải quân Galey. Quân đội nằm dưới sự chỉ huy đặc biệt của Thiếu tá bộ binh Domange.

Trung tá Galey ra lệnh neo tàu còng gần thành càng tốt, rồi cho đổ bộ quân, chiếm cứ điểm và tấn công bằng đường bộ và đường thủy nếu đối phương không đầu hàng ngay và vô điều kiện.

Đội tàu này chuẩn bị nhổ neo từ Vĩnh Long vào thứ Sáu ngày 21-6 lúc 5 giờ sáng với tất cả các thiết bị cần thiết cho một cuộc đổ bộ và một cuộc tấn công tổng lực.

Tôi dành thêm một vài giờ ở Vĩnh Long để thu xếp với Phan-Tan-Gian những việc quan trọng nhất; và để lại các vấn đề phụ khác sắp xếp dứt khoát khi quay về. [...]

Cuối cùng việc chiếm Vĩnh Long đã chắc chắn, bây giờ đồ đạc kể lại việc chiếm Châu Đốc và Hà Tiên, nhấn mạnh nhiều vào tính nhanh chóng, dễ dàng và hòa bình của cuộc chinh phục này:

1. Sa Đéc. (BT)

2. Huyện Duy Minh. (BT)

Tôi rời Châu Đốc, đi qua Sa Đéc, không ngạc nhiên khi biết cư dân ở đây chào đón chúng tôi bày tỏ sự tin tưởng và thiện cảm, nhanh chóng đáp ứng mọi mong muốn và có thể cho nhu cầu của chúng tôi. Tiếp tục hành trình, tôi neo tàu lúc 3 giờ tại Châu Đốc, nơi đội tàu do ông Galey chỉ huy đến trong đêm sau khi dừng lại ở kênh Vàm Nao, một chiếc thuyền buồm chở tổng đốc Hà Tiên.

Ngạc nhiên khi thấy một lực lượng hùng mạnh xuất hiện, đến sát mà tổng đốc tỉnh Châu Đốc không được báo, thấy mọi kháng cự là không thể, ông ta lập tức lên tàu Biên Hòa để đầu hàng và chấp nhận mọi điều kiện của chúng tôi. Vài phút sau, tòa thành giữ một vị trí quan trọng ở cửa kênh Hà Tiên và từ lâu là nơi ẩn náu của tất cả những kẻ gây rối, kho vũ khí, nơi mộ quân của Axoa¹ và Pou Combo, đã mở cửa và tất cả vũ khí, đạn dược và nguồn tiếp tế một trong những chìa khóa của kênh Hà Tiên đều nằm trong kiểm soát của chúng tôi.

Đến Châu Đốc, tôi thấy mọi thứ tiến triển tốt hơn mong đợi, và việc hiện diện của tổng đốc Hà Tiên trên tàu Biên Hòa, đã xóa đi những bất ổn cuối cùng về kết cục của cuộc viễn chinh. Tôi tiếp tổng đốc của hai tỉnh trên mạn tàu, đưa gợi ý của tôi cho họ, và yêu cầu họ giúp trấn an dân chúng và để chính quyền chúng tôi được công nhận ở mọi nơi. Cuối cùng, tổng đốc Hà Tiên rời đi vào ngày hôm sau với đội tàu viễn chinh mà tôi gửi đến để chiếm lĩnh cứ điểm quan trọng này, ông tự mình đảm đương tạo điều kiện cho chúng tôi tiếp cận và mở các cửa.

Chìa khóa thứ hai vào kênh Hà Tiên và đường giao thương chính của Vịnh Xiêm La với Cao Miên đã được trao cho chúng tôi vào ngày 24 tháng 6.

1. Acha Xoa (hay Asoa, theo cách gọi của người Việt; không rõ năm sinh và năm mất) là thủ lĩnh cuộc chiến chống Pháp và triều đình Cao Miên thân Pháp, khởi phát từ năm 1863 đến năm 1866 thì bị đánh dẹp. (BT)

Kết cuộc thắng lợi. Chúng ta có thể hiểu điều này; mọi thứ diễn ra đều tốt đẹp, đồ đạc, ngay cả khi ông đoan chắc bản thân chia sẻ những quan điểm tương tự với Bộ trưởng Bộ Hải quân, không phải lúc nào ông cũng được chính phủ Pháp ủng hộ chính thức đối với việc thôn tính ba tỉnh miền Tây bằng quân sự! Đó là lý do tại sao ông điếm qua mọi thuận lợi trong cuộc chinh phục mới này.

Như vậy, thưa Ngài Bộ trưởng, cuộc viễn chinh này, được tiến hành nhanh chóng và quyết đoán, khiến chúng tôi làm chủ trong năm ngày mà không đánh một trận lớn nào vào ba tỉnh tươi đẹp của một vùng đất rộng lớn và giàu có không thua kém gì các tỉnh chúng tôi đã chiếm. Những xứ này là nơi sinh sống của dân chúng hiền lành, chăm chỉ, thông minh và cũng dễ tiếp thu ảnh hưởng của chúng ta như người dân ba tỉnh.

Theo đó, cuộc chinh phạt yên lành này làm cho chúng ta có được biên giới tự nhiên của mình, thiết lập cho chúng ta một cứ điểm mạnh nhắm đến thống trị vịnh Xiêm La và tạo điều kiện phòng thủ tốt nhất; nó cho phép chúng ta cung cấp, mà không sợ bị những nước láng giềng phiền hà phá rối, tất cả những cải tiến cần thiết để phát triển sự giàu có của các xứ này và sinh lợi từ những hạt mầm màu mỡ vô tận của đất, của những dòng nước tuyệt diệu, với sự giúp đỡ của dân chúng quan tâm đến sự thành công của cái mới, cái làm tăng phúc lợi và đảm bảo sự thư thái và hạnh phúc của họ. Hy vọng chúng ta sẽ không còn gặp rắc rối trong công cuộc này mà kết quả của nó là vững bền, một công cuộc hứa trước rằng không bao lâu nữa nước Pháp sẽ nắm giữ trong hòa bình và đầy hứa hẹn một trong những thuộc địa đẹp nhất thế giới.

Ngoài ra, tôi không lo lắng cho số phận có thể dành riêng cho những thừa sai của chúng ta và Kitô hữu ở các tỉnh này. Tôi đã cảnh báo họ trước vài ngày, họ được khuyến cáo phải cảnh giác và biết rằng ngay khi đến Vĩnh Long tôi phải thực hiện các biện

pháp cần thiết để bảo vệ họ. Với chủ đề này, không một biến cố, cũng như không một biến loạn hay kháng cự dưới bất kỳ hình thức nào, khiến tôi thấy cần thiết phải lo lắng. Về phía Huế, tôi sẽ gửi những lời cảnh báo tương tự đến các thừa sai, và tôi có mọi lý do để cho rằng Chính phủ Tự Đức – đối tượng nhận lấy lá thư tôi phải gửi đi trong ít ngày nữa mà bản sao của nó, mang số 29, tôi gửi kèm ở đây – vì lo sợ bị trả thù như những gì tôi đe dọa nên sẽ cân nhắc kỹ trước khi ra lệnh áp dụng các biện pháp tàn khốc chống lại đồng đạo của chúng ta.

Do đó, thưa Ngài Bộ trưởng, cuộc thôn tính quan trọng này được hoàn thành mà không phải trả bất kỳ giá nào và không phải mất một người nào trong lực lượng viễn chinh, và thực tế duy nhất ở đây là ảnh hưởng tinh thần của chúng ta và lợi ích vật chất mà dân chúng nơi đây cảm thấy khi trở thành thuộc dân của Pháp.¹

PHAN THANH GIẢN CA TỤNG ĐÔ ĐỐC BONARD

Paulin Vial, trong cuốn *Les Premières années de la Cochinchine* (Những năm đầu của Nam Kỳ thuộc Pháp) cung cấp cho chúng ta bản dịch bức thư chia buồn mà Phan Thanh Giản nhờ chuyển cho gia đình Đô đốc Bonard khi nghe tin ông qua đời². Paulin Vial không cho biết ngày chính xác của bức thư này nhưng cho hay lá thư là bản văn cuối cùng của Kinh lược đại thần. Dẫu vậy, chúng tôi cho rằng đó là trước một vài tuần, tuy nhiên cũng có thể là sau khi Đô đốc de La Grandière chiếm Vĩnh Long. Có phải ông muốn qua việc làm kính trọng cảm động này dành cho đối thủ đã trả lại thành [Vĩnh Long] vào năm 1862 làm dấu chỉ, mà không biểu lộ công khai, cho sự phản uất nhất định đối với người đã chiếm lại thành?

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 151-159 (27/6/1867).

2. Đô đốc Bonard mất ở Vanves ngày 31 tháng 3 năm 1867.

Thưa Ngài, Toàn quyền Đô đốc và Tổng tư lệnh Nam Kỳ thuộc Pháp [đó là de La Grandière],

Tất cả các dân tộc sống quanh đại dương bao la đều là anh em và chính là Chúa trên trời mà chúng ta phải cảm tạ. Chính Chúa đã ký bản điều ước, cũng chính Chúa phân cho mỗi người trong chúng ta một con đường phải đi qua, ngắn dài khác nhau.

Về con người mang danh Đô đốc Bonard, một sĩ quan lòng lẫy, ông vượt trên tất cả những người thông thái của miền đất phương Tây vinh quang. Các thế hệ tương lai, trong khi kể lại những công trạng của người châu Âu, sẽ nhắc đến Đô đốc Bonard nghỉ hưu đầy kinh nghiệm ra sao trong thành phố Paris, sau khi đã đi khắp biển Nam, các biển Trung Hoa và các con sông xứ này, cũng như sau khi viếng thăm các ngọn núi và dòng sông cách xa quê nhà, và chiến thắng bão tố. Số mệnh của ông là sự vĩ đại mà người phạm trần có thể đạt đến, những phẩm chất vinh quang nhất đã được phân phong cho ông; ông xứng với danh hiệu cao quý nhất, và trước ông, một loạt tất cả người nổi tiếng, trong quá khứ và tương lai, từ khắp mọi nơi, chỉ có thể cúi đầu.

Đối với tôi, tôi có thể nói rằng, không màng đến chức trách gian lao, nhiệm vụ khó khăn và danh tiếng nhỏ bé của tôi, ông ấy kính mến tôi bằng tình bạn thân thiết! Tại sao ông lại ra đi trước khi sự nghiệp hoàn thành và trước khi ông không còn mộng ước gì trên đời! Chúng tôi bên nhau với đầy lời thân tình nhất và siết chặt tay nhau. Đó là lúc nước Pháp thiếu quyết đoán về việc thuộc địa hóa Nam Kỳ. Sau cuộc trao đổi để xác định thời gian của một hội nghị và về vấn đề từng được giải quyết ổn thỏa, những suy nghĩ và nguyện vọng của chúng tôi hòa làm một.

Nay cay đắng và đau đớn thay cho cảm xúc này. Trong năm năm qua, ngay cả trong giấc mơ, ký ức về con người này vẫn động lại trong tôi.

Than ôi, tháng trước tôi nhận tin từ phương Tây về tang lễ vừa qua của Đô đốc Bonard, tôi được biết ông đã đi vào cõi hư vô cách đây hai tháng vì bệnh tim. Chỉ còn lại ánh hào quang.

Chúng tôi, những người đã cùng chịu trách nhiệm cho sứ mệnh nguy hiểm là đàm phán hòa bình, là giải quyết các vấn đề ngoại giao giữa hai nước và mang lại sự hòa giải giữa hai dân tộc, đã không thể gặp lại trước khi làm mỗi cho cái chết! Bây giờ số phận đã phá vỡ bản tính giàu sinh lực của Đô đốc Bonard, còn tôi, một ông già yếu đuối, liệu tôi có thể hy vọng sống tiếp không? Phải, cái chết sẽ sớm đưa tôi đi tái hợp với con người cự phách này trong cõi vĩnh hằng. Ở đó, hồng phúc vô biên và tình bạn bền chặt.

Nhưng trải nghiệm này không ngăn tôi cảm thông với nỗi đau của gia đình Đô đốc Bonard. Tôi cầu chúc ông, cũng như những người đã biết đô đốc, mọi điều sung túc.

Vì biển trời cao rộng, và suy nghĩ không thể vượt qua khoảng cách, xin hãy chia sẻ tình cảm mà tôi vừa bày tỏ với các đồng nghiệp đô đốc, với phu nhân, với thân quyến của ông nói chung và tất cả bạn bè ông.

BÀN GIAO QUYỀN LỰC

Đô đốc de La Grandière hiện bổ sung việc liệt kê các biện pháp mà ông dự định sẽ áp dụng đối với dân chúng và quân đội trong quá trình bàn giao quyền lực:

Các quan lại mà tôi đã gặp ở các tỉnh này vẫn cư trú trên đất của họ tiếp tục, dưới sự giám sát chặt chẽ. Tôi đề nghị trả họ về Huế nhưng họ từ chối, họ cam đoan với tôi rằng trong khi chờ lệnh của Chính phủ họ bị cấm rời bỏ nhiệm sở khi không được phép. Mặt khác, sự hiện diện của họ, với tôi, là một bảo đảm trước phản ứng có thể có nếu Huế cố gắng xúi giục những biến loạn ở thuộc địa mới.

Tôi đã gửi cho cư dân tất cả các tỉnh và cho quân đội, bao gồm lực lượng viễn chinh, hai tuyên bố mà tôi đã gửi các bản sao cho Tướng quân. Các thủy thủ, binh lính và dân quân của chúng ta có tư thế đáng ngưỡng mộ. Không có sự mất trật tự nào từ phía họ để phải trấn áp và, chẳng bao lâu sau khi đổ bộ, dường như họ đã tiếp xúc với người dân và qua các mối quan hệ được thiết lập, chúng tôi đã có mặt ở một trong những tỉnh được tái chinh phục sau một thời gian dài. Sức khỏe chung của toàn quân là hoàn hảo.

Tôi tìm thấy ở thành Vĩnh Long và chủ yếu là Châu Đốc những trang thiết bị và kho vũ khí, đạn dược đáng kể. Ngoài ra, còn tìm thấy một số lượng lớn tàu chiến. Không có gì bị biển thủ từ các chiến lợi phẩm này; một bản kiểm kê chu đáo được một ủy ban đặc biệt thảo ra và tôi hân hạnh gửi kết quả đến Tướng quân.

Chiến phí của chúng tôi phải chịu tính từ đầu tháng này có thể sẽ được bồi thường bằng tiền và sản phẩm bán gạo tìm thấy trong các thành.

Để công nhận sự ân cần mà nơi này dành cho chúng tôi, tôi quyết định rằng tiền thừa, nếu có, nên trả lại cho Chính phủ An Nam, trong trường hợp không có sự phản đối. Tôi cũng xử lý số tiền tìm thấy tại Vĩnh Long: tổng cộng 90 franc ủng hộ cho mỗi hạ sĩ quan, binh lính và thủy thủ, và 5 franc cho những dân quân của lực lượng viễn chinh để đền bù hao mòn quần áo của họ.

Cũng đã phát hiện thấy ở trước Vĩnh Long một chiếc tàu hơi nước An Nam nhỏ do Anh chế tạo, từng dùng để chở hàng Trung Hoa được bán với giá cao cho người dân bởi chính quyền Huế. Tôi không muốn bắt con tàu này, nó sẽ được trả lại với tất cả hàng hóa.

Thật kỳ lạ, đồ đạc, biết rõ bản thân vừa vượt quá quyền hạn, lướt những ý đồ của bộ trưởng mà chắc chắn sẽ biểu lộ sự không hài lòng với ông¹, đã yêu cầu xin trực tiếp từ Hoàng đế *quyền giải quyết!*

1. Xem tiểu mục “Sự phản đối chậm trễ của Bộ trưởng”, tr. 343.

Tôi có kế hoạch gửi một con tàu đến Huế, để ngăn ngừa những rắc rối cần phải tránh bằng những lời giải thích của tôi. Tôi biết ý định của Ngài về các điều kiện nên được đồng ý nhưng tôi không có quyền giải quyết, ngay cả với các điều khoản này, hoặc quyền thay đổi ở một mức độ nhất định trong trường hợp cần thiết. Tôi cầu xin Ngài đề nghị Hoàng đế ban cho tôi quyền lực cần thiết cho những hoàn cảnh như vậy, nếu Hoàng đế nghĩ rằng việc giao phó chúng cho tôi là hợp lý.

Ba tỉnh mới sẽ được chia thành chín Hạt thanh tra hành chính. Một đại đội gồm năm mươi dân quân sẽ được giao phó cho cảnh sát của mỗi huyện.¹

NHÀ TỔ CHỨC

Dẫu vậy, bất chấp tông giọng hân hoan chiến thắng nhẹ nhàng mà chúng tôi nhận thấy trong các tuyên bố và báo cáo của mình, Đô đốc de La Grandière, không ngủ quên trên vòng nguyệt quế, ngay lập tức theo đuổi công việc tổ chức. Tuy nhiên, ngay cả khi nước Pháp dường như tập trung vào công trình nhân đạo², trong phản hồi ngày 19 tháng 7³, họ vẫn xem xét rằng ở thời điểm này có những nhiệm vụ nào cấp bách hơn phải hoàn thành ở các lãnh thổ mới chinh phục.

Qua điện báo ngày 13 tháng 5, thưa Ngài, tôi rất vinh dự nhận được thông báo rằng đã từ lâu, Chính phủ quan tâm bảo đảm cho các bệnh nhân nghèo ở vùng quê Pháp nhận được sự hỗ trợ y tế miễn phí mà người nghèo ở thành phố đã được cung cấp dồi dào.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 151-159. (27/6/1867)

2. Cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho người nghèo.

3. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 175. (9/7/1867)

Họ cũng mời tôi thông báo cho họ về tình trạng hiện tại ở thuộc địa và phương cách riêng để giới thiệu hoặc phát triển phương thức hỗ trợ này.

Ở đây, chúng ta có thể đánh giá cao sự tinh tế ở đô đốc khi trình bày báo cáo cho Bộ sự khác biệt ngôn ngữ và văn hóa giữa người An Nam với người châu Âu mà mẫu quốc thường hay bỏ quên.

Nếu có vấn đề ở đây về người An Nam trong các chiến dịch của chúng tôi, tôi phải lưu ý cho Ngài Bộ trưởng thấy rằng những người dân này nói một ngôn ngữ, có một lối sống và những thói quen hoàn toàn xa lạ với người châu Âu, và trong trường hợp bị bệnh, họ tự xoay xở chữa chạy nơi các thầy thuốc trong xứ mà họ tin theo thói quen, vốn rất khó thay thế bằng các bác sĩ của chúng tôi.

Khi Thuộc địa được tổ chức hoàn hảo, sẽ có thể thành lập dịch vụ hỗ trợ y tế với các bác sĩ bản địa ở nông thôn và gần các trung tâm dân cư. Nhưng thời điểm này vẫn chưa đến, và sẽ rất khó thiết lập từ bây giờ phương thức cứu tế này cho người nghèo.

Đối với những người châu Âu sống ở thuộc địa, số lượng vẫn còn quá ít, đặc biệt là ở nông thôn, do đó, cơ quan này có thể có lý do để sử dụng bác sĩ châu Âu trong vài năm tới.¹

Ngày 20 tháng 7 năm 1867, tức ba mươi ngày sau khi chiếm ba tỉnh mới, đô đốc, vừa thực hiện một chuyến kiểm tra những sắp đặt mới, đã gửi cho Bộ một báo cáo chi tiết².

[...] Tôi vội vã quay lại thuộc địa mới để hoàn thành việc tổ chức sau khi đã thăm các điểm chính.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 175. (19/7/1867)

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 177-181. (20/7/1867)

Vị đô đốc không ngừng khẳng định bản thân đã liên tục chứng kiến dân chúng ở những nơi mới chiếm đóng thường xuyên tụ họp: chúng ta nên nghĩ gì về sự khẳng khẳng này? Nó có đúng không? Có thể có nghi ngờ rằng những “kẻ thù” cũ buộc phải cúi đầu trước sức mạnh vũ trang của quân xâm lược hoàn toàn xa lạ với họ. Tuy nhiên, cũng có khả năng đô đốc dùng *tụ họp* để chỉ sự thụ động chung của nông dân An Nam. Nhưng dù là theo hướng nào, gần như không thể có mô tả này nếu tuyên bố của các nhà sử học ở hội thảo năm 1963, cho rằng dân chúng liên tục nổi dậy, là đúng sự thực. Cũng cần phải tính đến các biện pháp hành chính thông minh được de La Grandière thực hiện, những phương cách có xu hướng dung hòa được hàng loạt khó nhọc của dân chúng mà theo đô đốc nhận định (và ông đã đúng) là chừng như phải chịu sự áp bức đúng nghĩa của Huế và quan lại địa phương.

Thưa Ngài Bộ trưởng, tôi sẽ báo cáo về chuyến kinh lý khiến tôi rời xa thủ phủ mười hai ngày và qua đó tôi không ngừng thu thập những bằng chứng thỏa đáng nhất về tình hình trong xứ và thái độ nơi những dân cư mới của chúng ta.

[...] Đoạn đầu của chuyến đi, sau khi rời Sài Gòn và Mỹ Tho, diễn ra ở một trong những nhánh chính của Cao Miên, Hàm Long. Hai hòn đảo phân chia nhánh vùng châu thổ Hạ Đàng Trong, một vùng đất giàu có và màu mỡ với dân số đáng kể (140.000 dân) từng được nền hành chánh An Nam trước đây chia thành hai phủ hoặc quận và một số huyện, tôi đã tạm thời hợp chúng lại dưới sự chỉ đạo của một Thanh tra duy nhất mà trách vụ của người này sẽ được phân chia sau, khi hoàn cảnh cho phép.

Cư dân nơi đây không ngần ngại tham gia cùng chúng tôi, bất cứ nơi nào tôi đến, ở Bình tri¹, các chợ búa quan trọng ở Dui-Minh và ở nơi Thiên Chúa giáo lớn mạnh như Cai-mouth² do

1. Vĩnh Trị, nay thuộc tỉnh Long An. (BT)

2. Cai-Mouth: Cái Mơn. (ND)

Cha Gernot điều hành, tôi được đón tiếp rất thiện cảm với những biểu hiện luôn thân thiện, trong khi tính cách của người An Nam thường rất tiết độ. Ở những địa điểm khác nhau, cũng như trong suốt hành trình, tôi thấy lá cờ tam tài phất phới trên thuyền bè ở các làng xã cùng sự vốn vĩa khác thường của người dân chào đón tôi đi qua.

Từ nhiều ngày qua, chính quyền bản địa đã lại vận hành ở vùng đất mới này. Lợi ích đầu tiên nó mang lại cho cư dân là bãi bỏ, theo lệnh của tôi, tất cả các trạm thu phí hải quan bất hợp pháp sử dụng danh quan lại và sự biến mất các trạm của Phan-tu được giao phụ trách thu thuế bằng hiện vật lấy từ những thú trên thuyền, ở lối vào và lối ra của kênh. Tôi cũng đã quy định bãi bỏ việc quà cáp dưới bất kỳ hình thức nào, vốn kìm chế lòng giới quan chức nhưng gây tổn kém cho người dân, cũng như những công việc lao dịch tùy tiện khác ngoài những việc được đã được hưởng chức chấp thuận.

Ngay khi đến những điểm đầu tiên của thuộc địa mới, tôi đã công khai tuyên bố ân xá cho tất cả cư dân các tỉnh cũ để xử lý những bất bình khá nghiêm trọng có thể tích tụ ngày qua ngày gây nên gánh nặng, hoặc nỗi lo sợ sự thống trị của chúng ta có thể đã có từ lâu, từ bỏ tài sản lại trên lãnh địa để lánh nạn sang vùng lân cận. Tuyên bố này được lặp lại trên tất cả các điểm và đường như mang lại kết quả rất tốt.

Sau khi rời Hàm Long, tôi chỉ ở lại Vĩnh Long một thời gian ngắn trước khi quay về Châu Đốc.

Địa điểm này yên tĩnh nhất. Thường mại quan trọng mà địa phương này là trung tâm không ngừng một phút giây. Người dân ở đó rất thân thiện và tòa thành, bị quân đội của chúng tôi chiếm giữ trong một vài ngày, bắt đầu thích ứng với định lệ của chúng tôi.

	Province de Vinh-Song	Instruction de Chaudat	Total
Nombr. de Cantons	16	80	66
— de villages	39	166	569
Population	391.120	135.860	526.980
Nombr. d'habitans en culture	74.469	42.000	98.469
* Impôt annuel	388.891. ⁵⁰	55.610. ⁵⁰	443.882.901. ⁶⁰
Rend. à percevoir au 1 ^{er} Juillet	407.905. ⁵⁰	97.886. ²⁰	435.811. ⁵⁰
Rend. annuel probable de la production en tenant compte de toutes les ressources exploitables	2.119.509. ²⁰	612.786. ⁵⁰	2.131.092. ⁵⁰

Dự báo thuế thu được ở 2/3 tỉnh mới chinh phục

(Trích từ thư của de La Grandière ngày 20 tháng 7 năm 1867)

* Trên thực tế, tổng số thuế thu hằng năm sẽ là: 443.901,60 franc

Việc kiểm kê hàng tiếp tế các loại tìm được trong kho được thực hiện và tôi đã gửi báo cáo đến Tướng quân, những thứ được tìm thấy, ở Vinh Long cũng như Hà Tiên, rất ít vũ khí có khả năng chúng ta dùng được, nếu không phải là một số lượng đáng kể các khẩu pháo bằng đồng. Súng trường là loại cũ mỗi đá lửa mà Chính phủ An Nam kiên quyết đòi tôi bồi thường, tôi đã sắp đặt, sử dụng các phương cách tốt, để trả cho họ một số điều cũng như một số gươm giáo trong tình trạng xấu.

Tôi cũng đã tặng Hoàng thân Pra-Kéo-Fa¹ và người Cao Miên một số súng trường tìm thấy trong các thành.

Từ Châu Đốc, tôi đi dọc theo kênh Vĩnh Tế đến tận Hà Tiên. Kênh này không sâu, buộc tôi phải dùng thuyền mảnh. Con kênh này là một công trình khổng lồ dài 52 dặm, được đào bằng sức người dưới triều Gia Long, và với Rạch Giá nằm phía dưới, nó thiết lập một đường giao thương quan trọng thông ra Vịnh Xiêm La.

Như tôi đã báo cáo với Ngài, việc chiếm giữ thành Hà Tiên diễn ra không gặp một chút khó khăn nào. Khi đến nơi, tôi nhận được sự chào đón của các hương chức và chính quyền của đảo Phu-Koc (sic) nằm trong vịnh, họ đến quy phục và giao nộp vũ khí cho tôi. Để không làm những người dũng cảm này thiếu mất phương tiện phòng thủ chống lại cướp biển nhiều khi xuất hiện trên bờ biển, tôi trao lại một số vũ khí vừa nhận từ họ, họ hứa với tôi sẽ chỉ sử dụng chúng để bảo vệ vùng biển của Pháp và tự vệ chống lại cướp biển.

Tôi vừa phái thông báo hạm Allon-Prah dựng cờ của chúng ta trên hòn đảo này. Ngoài ra, đây còn là khu vực tuy ít quan trọng cho canh tác nhưng đáng chú ý bởi thổ nhưỡng và sản vật. Có một số mẫu hạt huyền ở một vài điểm.

1. Túc Preah Kevea (1870-1927): hoàng tử, em trai của Quốc vương Norodom (1834-1904). (ND)

Từ Hà Tiên về Châu Đốc, chuyến đi kéo dài và gian khổ vì nước lên hơi cao; nhưng chính trở ngại này đã cho tôi thấy được sự ân cần mà cư dân ven biển thể hiện: họ lợi xuống nước đẩy thuyền giúp chúng tôi.

Các bờ kênh ở nhiều nơi dựng đầy những lô cốt rào giậu bằng tre, giúp người An Nam đẩy lùi những cuộc xâm lấn của người Cao Miên, và đó không phải là chướng ngại đối với chúng tôi. Phần xứ sở này có nhiều dân Cao Miên cư trú hơn là dân An Nam, từ lâu họ chịu ách thống trị của người An Nam, khi chúng ta đến, có thể nhận rõ những dấu ấn hài lòng nơi họ.

Sau khi rời Châu Đốc, và trước khi đến Vĩnh Long, chúng tôi xuôi theo sông Hậu hoặc Bassac, đến thăm cư dân Thiên Chúa giáo Maébat, nơi có số đông tân tòng và là trung tâm quan trọng của Ba Xuyên, nằm ở cửa ra của một luồng nước khá lớn, Rạch Cà Mau, tưới cho tất cả phần dưới của mũi đất lớn này, nhưng dòng chảy của nó không được thể hiện đầy đủ trên bản đồ đính kèm.

Ở tất cả các điểm, chính quyền của chúng ta đã được công nhận chắc chắn, và các đồn phía trong đã giao nộp toàn bộ vũ khí trong khi một phần dân quân An Nam đề nghị được phục vụ cho chúng ta.

Cuối cùng, tôi trở về điểm xuất phát, Vĩnh Long, sau khi ghé thăm các chợ búa quan trọng của Sa Đéc, nơi sẽ trở thành một trung tâm thương mại của các tỉnh mới, như thành phố Cholen (sic) của người Hoa hiện diện cạnh Sài Gòn.¹

Liên quan với chuyến thăm Vĩnh Long, đô đốc đề cập rất ngắn gọn, không có bình luận nào về việc thăm Phan Thanh Giản. Rõ ràng, cựu Kinh lược sứ tha thiết làm xong điều khoản bồi thường chiến tranh, mối quan hệ của ông với đô đốc bị giới hạn trong những vấn đề hành chính,

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 177. (20/7/1867)

điều này giải thích cho việc đề cập ngắn gọn trên. Tuy nhiên, ta mong đồ đốc thể hiện rõ hơn khi ông viết tiếp rằng ông *thấy ấn tượng trước những tiến bộ đạt được chỉ trong một thời gian ngắn ở địa điểm quan trọng này.*

Có phải ông ám chỉ “thuế chiến tranh”? Nói gì đi nữa, cuối cùng cũng xuất hiện lời khen ngợi Phan Thanh Giản: *Khắp nơi, trật tự và sạch sẽ đã bắt đầu chiếm ngự thay cho nhiễu loạn từng tồn tại.*

Tại Vĩnh Long, tôi đến thăm Phan-Tan (sic)-Gián, với ông tôi hoàn tất các điều khoản về thuế chiến tranh, thăm Tổng đốc, Thống đốc quân đội, và tôi thấy ấn tượng trước những tiến bộ đạt được chỉ trong một thời gian ngắn ở địa điểm quan trọng này. Khắp nơi, trật tự và sạch sẽ đã bắt đầu chiếm ngự thay cho nhiễu loạn từng tồn tại¹.

Khi hoàn thành các bảng kê chi tiết mà tôi hân hạnh gửi cho ngài trong lá thư vào cuối tháng này, ghi chú 624, về chuyển kinh lý tôi vừa thực hiện ở các tỉnh miền Tây mới, tôi sẽ chỉ cho Tướng quân thấy một số thông tin về tình trạng sự vụ ở thuộc địa.

[...]

Tôi phải tổ chức một Cảng vụ tại nơi này và tôi có đủ lý do để hy vọng rằng kênh Vĩnh Tế sẽ đóng vai trò là lối ra cho Sa Đéc và từ đó về Sài Gòn cho đến hầu hết giao thương của Vĩnh Xiêm La.

Về thương mại của Cao Miên, trong tương lai nó sẽ thuộc về chúng ta hoàn toàn, không thể bỏ qua được.

Tôi cũng vui mừng thông báo cho Tướng quân hay rằng sự bình yên và thịnh vượng chưa bao giờ trọn vẹn hơn trong các tỉnh cũ, và số phận cư dân cải thiện từng ngày².

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 177. (20/7/1867)

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 191. (28/7/1867)

Tàu Monge mà tôi gửi đến Huế để đưa kiến giải về việc chiếm đóng ba tỉnh đã quay lại với một phản hồi dài, gồm một loạt buộc tội và đề xuất không thể có cách chấp nhận nào khác. Theo đó, Chính phủ An Nam muốn loại bỏ toàn bộ chiến phí họ còn nợ chúng ta; họ yêu cầu trả lại tỉnh Biên Hòa và Gia Định ngoại trừ Sài Gòn; cuối cùng, họ muốn tôi giao lại họ số vũ khí quân ta đã lấy trong thành.

Tôi trả lời rằng tôi không có lời giải thích nào khác cho phương sách của mình, sau vô số ý kiến và khiếu nại lặp đi lặp lại mà tôi đã gửi cho Huế suốt một năm qua; không thể có việc bỏ phần bồi thường chiến phí của Tây Ban Nha, và đối với phần của Pháp, cần có một hiệp ước mới căn cứ trên các công ước làm đường lối cho chúng ta trong tương lai. Liên quan đến việc trả lại họ các tỉnh Gia Định và Biên Hòa mà Triều đình Huế tuyên bố muốn gửi thỉnh nguyện cho Chính phủ Pháp thông qua một sứ bộ, tôi đã tuyên bố không cần phải mộng tưởng, nước Pháp không có thông lệ vì tiền mà thực hiện những cuộc chinh phục được đánh giá là xứng đáng vì lợi ích của sự phồn vinh và ưu trội của nó.

Cuối cùng, sau khi đã nói gắt gao, để cứu vớt lòng tự ái của Chính phủ An Nam bằng cách không phải từ chối tất cả, tôi hứa sẽ trả lại một số súng trường và súng pháo mà chúng tôi tìm thấy với số lượng lớn trong tất cả đồn lũy và thành quách của các tỉnh, phần lớn trong số đó chúng tôi không thể sử dụng.

Câu trả lời có phần đe dọa này là điều duy nhất tôi phải làm, và thái độ tôi thể hiện trong hoàn cảnh này là tuân theo tự nhiên hòng áp chế những quan lại giáo hoạt.

Nhưng, về phía chúng ta, để chứng tỏ cho Tự Đức thấy tình hữu nghị mà tôi mong muốn giữ với Chính phủ của ông, và cũng chính là tình cảm tôi nhắc lại sự đảm bảo với ông ấy, tôi đã thực hiện một cuộc tuần tra bờ biển Nam Kỳ trên tuần dương hạm Forfait cùng lúc trao đổi những thông tin này. Con tàu này dường như

đã dẹp sạch vùng lân cận Trung Kỳ một số thuyền mảnh cướp biển đáng gờm bị mắc kẹt tại cảng Cam-Ron [Cam Ranh] sau khi đã cướp bóc nhiều thuyền xứ này, trong đó có tuần dương hạm hơi nước Elphin từng tham chiến ở An Nam và một đội thuyền thương mại.

Những tên cướp biển đã được giao cho phía An Nam, những thuyền mảnh của chúng bị đánh đắm, sau một thời gian lộng hành cướp bóc thuyền của người An Nam, những người đã phải chịu đựng nhiều nhất mọi sự cướp phá¹.

ĐÔ ĐỐC CA NGỌI NHỮNG LỢI ÍCH CỦA THUỘC ĐỊA MỚI

Sau đó, đô đốc đề cập các vấn đề tài chính có thể làm rõ nét những lợi ích mà thuộc địa mới này trưng ra.

*Thanh tra bản xứ vụ đã xúc tiến với người Hoa những vụ bán đất thuộc về Chính phủ An Nam, và giá tăng cao trong những thương vụ này là bằng chứng cho sự tin tưởng dành cho chính quyền chúng ta.*²

Sau đây là bảng ghi “thu nhập” được báo cáo ở hai trong số ba tỉnh:

Tôi muốn tóm tắt ở đây, thưa Ngài Bộ trưởng, một số yếu tố được các thanh tra Vĩnh Long và Châu Đốc cung cấp cho tôi, về dân cư, hoa màu và thu nhập của hai hạt hành chính của họ. [Xem bảng ở trang 310]

Thông tin này lấy từ sổ ghi chép của làng mà các xã trưởng đã khó chịu trao cho chúng tôi, nó sẽ dùng để điều chỉnh việc thu thuế ở

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 192 (28/7/1867).

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 177 (20/7/1867).

thuộc địa mới. Tỉnh Hà Tiên, nơi chiếm đóng được sau cùng, vẫn chưa thể cung cấp thông tin tương tự.

Tôi cũng nói thêm rằng những số liệu này liên quan đến toàn bộ tỉnh Vĩnh Long, còn ở Châu Đốc thì mới chỉ có Hạt thanh tra độc lập. Tỉnh này cũng có các trung tâm đông dân ở Sa Đéc và Vamba, nơi các bảng kê chi tiết tương tự chưa được cung cấp cho tôi¹.

Sau khi đưa ra một số nhận xét quan trọng về bản đồ chưa hoàn chỉnh đính kèm trong báo cáo của mình, đô đốc liệt kê các lập luận kinh tế bổ sung, bao gồm cả việc giảm quân số dự đoán vốn dĩ có lợi cho sự thôn tính này.

Bản đồ tổng quan của Hạ Đàng Trong, được gửi kèm theo thông tin thuyết minh, cung cấp cho Ngài một cái nhìn tổng quan về toàn bộ thuộc địa mới; nhưng tôi rất tiếc rằng tài liệu này chưa hoàn chỉnh lắm, ngay cả những điểm ranh giới cũng mới chỉ có thể được coi là rất gần đúng, cũng như các kênh rạch nội địa; nhiều chỗ quan trọng nhất trong số đó lại không được chỉ ra.

Tôi đã ra lệnh thiết lập một đường dây thông tin điện báo giữa Sài Gòn và các địa điểm trọng yếu của các tỉnh này. Công việc đã bắt đầu, khoảng ngày 10 tháng 8, Vĩnh Long sẽ được kết nối với thủ phủ.

Nói tóm lại, thưa Ngài Bộ trưởng, tôi vui mừng thông báo với Ngài rằng sự yên bình tuyệt đối bao trùm các thuộc dân mới của chúng ta và, để xác nhận những lời hứa trong báo cáo của tôi ngày 29 tháng 6, số 543, (thuộc địa, phòng nhất), tôi có thể thông báo rằng từ giờ trở đi, có thể giảm 300 thủy thủ và 500 lính của Bộ binh hải quân hiện đóng ở Thuộc địa và tôi sẽ sắp xếp để thu được kết quả này.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: *Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa*, tr. 177 (20/7/1867).

Để hoàn thành sâu rộng những cải thiện kinh tế này, tôi sẽ tiến hành giải giáp hai trong số các pháo hạm lớn đã hết hạn phục vụ và không còn hữu ích. Những chiếc tàu này, đắt tiền và bất tiện cho hàng hải, sẽ được thay thế bằng những tiện ích lớn hơn đến từ những xà lúp hơi nước như tàu Sarthe vừa được đưa đến cho tôi.

Tôi cũng giải giáp những pháo hạm có thể tháo dỡ là Harpon và Dague, và mong rằng có thể đề xuất với Ngài một sự chiết giảm mới số lượng tất cả quân giới cho năm tới¹.

Vào cuối tháng 7 năm 1867, đô đốc tích cực chăm lo tổ chức thuộc địa mới. Đây là bản báo cáo ông gửi ngày 28 tháng 7 năm 1867 cho Văn phòng Thuộc địa ở Paris.

CÁC DỰ ÁN HÀNH CHÍNH CỦA DE LA GRANDIÈRE

Các thủ phủ của 9 hạt được chỉ định làm trụ sở cho Thanh tra bản xứ vụ là:

1° – Vinh-Long

2° – Phu-Ca { Tỉnh Vĩnh-Long.

3° – Authim

4° – Châuđộc

5° – Sadeck { Tỉnh Châuđộc

6° – Vamba

7° – Rạch-Gia

8° – Camau { Tỉnh Hatien

9° – Hatien

Dân quân mới sẽ được nâng cấp ở các tỉnh này; và ngay khi họ trải qua sự đào tạo đầy đủ và chứng minh được lòng trung thành và sự tận tâm họ dành cho chúng tôi, thông qua những tiếp xúc

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: *Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa*, tr. 177. (20/7/1867)

giữa họ với những người được chúng tôi cử đến, chúng tôi sẽ đưa dần về với gia đình những con người gan dạ không ngần ngại hy sinh sở thích và thói quen gia đình để liên kết giúp đỡ những người lính của chúng tôi trong cuộc chinh phục đã hoàn toàn được họ đồng cảm. Sau đó, họ sẽ được thay thế bằng những đối tượng mới sẽ sớm được gửi đến cho chúng tôi, tôi đặt hy vọng nơi họ, đó là những đảm bảo tương tự cho việc duy trì trật tự và bảo vệ con người và tài sản.

Tám huyện chính của các tỉnh mới ngay lập tức được giao cho các thanh tra bản xứ vụ đang chuyên chú làm việc để ngăn ngừa những khó khăn trong tương lai có thể phát sinh khởi từ những bất mãn.

Nói tóm lại, thưa Ngài Bộ trưởng, việc chiếm đóng các tỉnh Hạ Đàng Trong, đồng thời tăng cường an ninh thuộc địa, cho phép tôi thông báo cho Ngài rằng tôi hy vọng có thể đề xuất giảm bớt lực lượng chiếm đóng gồm 300 thủy thủ và 500 lính bộ binh vào năm tới. Ngoài ra, kết quả này làm tăng gấp đôi quy mô thuộc địa và dân số, và do vậy đương nhiên hứa hẹn với chúng ta rằng không lâu nữa sẽ tăng đáng kể tỷ lệ các nguồn lực ngân sách địa phương.¹

“THÁI THÚ” DE LA GRANDIÈRE

Trong một lá thư đề *Châu Đốc*, ngày 23 tháng 6 năm 1867 gửi đến Hoàng thân *Pra-Kéo-Fa*, em trai của Quốc vương *Cao Miên*, đô đốc có một giọng điệu thái thú thực sự, một lần nữa cho thấy lúc này ông đã không phải lo lắng về *Nam Kỳ* nữa, và ở thế mạnh, ông muốn đảm bảo chắc chắn sự bảo hộ lên *Cao Miên*.

Đô đốc ngạc nhiên khi biết rằng Hoàng thân, thất hứa và thiếu trách nhiệm, vẫn chưa cảm ơn nhà vua tức anh trai mình, đã

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 151 đến 159. (27/6/1867)

không thông báo về các phong trào và hoạt động mà ông chỉ đạo; ông đã bổ nhiệm các vị trí cao cấp không đúng với thẩm quyền và cũng không yêu cầu phê chuẩn.

Về sau, bị khiển trách và làm mất lòng vị đô đốc, đến nỗi bị bắt phải viết báo cáo thường xuyên khi có thể cho anh trai tức nhà vua, và không được làm gì nếu không có sự đồng ý.¹

Ngày 28 tháng 6 năm 1867, Bộ đã nhận được một lá thư rất lạc quan từ đô đốc liên quan đến tình hình chung ở ba tỉnh mới chinh phục, ước đoán rằng trung tâm hoạt động chính trị tiếp theo sẽ là ở Cao Miên; đặc biệt, ta thấy được một thái độ mới, “người bảo hộ”, mà ông thể hiện trong hành xử đối với nhà vua Cao Miên: *Tôi yêu cầu.*

Bất chấp các biện pháp cưỡng quyết mà tôi vừa thực hiện với Chính phủ An Nam là chiếm giữ ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, thuộc địa được hưởng sự yên bình tuyệt vời nhất và bất kể ở đâu, ngay cả ở ranh giới Bình Thuận nơi tôi được biết là có quân đội chính quy của Huế, tôi không phải trấn áp để giảm thiểu rối loạn.

Tôi không dám hy vọng về một chiến dịch này cũng thành công may mắn như những gì tôi vừa thực hiện, tức được ban thưởng sự yên bình tĩnh lặng lâu dài, và tôi chỉ có thể trông chờ một vài động thái mà thôi; nhưng ở mọi nơi, tôi có biện pháp của riêng tôi nhằm trừng phạt làm gương những kẻ gây rối để làm gương.

Như một phương cách cần thiết để đối trọng với ảnh hưởng của kẻ định tiếm ngôi Pou-Kombo, tôi yêu cầu Quốc vương Cao Miên hòa giải với em trai Pra-Kéo-Fa sống ở Sài Gòn. Người này, được thăng chức thành chỉ huy các tỉnh phía đông Cao Miên, đã tập hợp nhiều thân binh tận tâm xem ông ta như em trai nhà vua, và

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Lettre à S.E. le Ministre de la Marine et des Colonies, tr. 25 (23/6/1867).

sau khi trấn an dân chúng, ông ta đã đẩy lui Pou-Kombo, kẻ mà tôi không còn nghe nói về nữa.

Tôi hỗ trợ Pra-Kéo-Fa, khi ông ấy làm Tư lệnh, trên bờ Vaïco, với một số binh lính và dân quân của chúng tôi vẫn ở Go-Xoai để từ đó tấn công lên tỉnh Bap-Num. Tôi cung cấp thêm cho ông ta một số súng dùng để trang bị cho những thân binh của ông.

Hiện chỉ còn 200 người ở Phnom Penh. Oudon đã được quân đội của chúng tôi sơ tán. Lính và những người đang đồn trú tại Châu Đốc có thể giúp đỡ lẫn nhau, nếu cần thiết, qua kênh Han-Giang.

Chưa hết, ta ghi nhận được việc đô đốc phủ nhận mạnh mẽ những nghi ngờ đã lan truyền đến Paris liên quan đến thực tế tình hình ở thuộc địa:

Thưa Ngài Bộ trưởng, cho phép tôi ngay bây giờ trả lời phần cuối trong điện văn của ngài ghi ngày 16 tháng 5, để đảm bảo với Ngài rằng tôi không bao giờ che giấu bất kỳ sự kiện hoặc khó khăn nào có thể làm nhiễu loạn thuộc địa của chúng ta. Những tin đồn mà điện văn ở trên nói với tôi, những tin cho Ngài biết rằng xứ sở về phía Tây Ninh và Tràm Bang¹ không yên bình là không đúng. Trong một thời gian dài, chúng tôi không ghi nhận bất cứ hoạt động cướp bóc nào bị trấn áp ở phía này. Tôi không muốn nói về sự xuất hiện gần đây ở bờ đối diện của Đại Vàm Cỏ, thuộc về Cao Miên, nơi một số lượng lớn các gia đình Cao Miên chạy trốn đến để tránh Pou-Kombo, số cư dân này sẽ được giải cứu vào đúng thời điểm, và Hoàng thân dường như phải lập lại trật tự ở đó.

Tôi sẽ rất biết ơn Tướng quân vì đã không quá tin vào những tin đồn mà chính bản thân nó được công nhận là thường được lan truyền bởi những người có thông tin không chính xác hoặc với ý đồ xấu.²

1. Trảng Bàng, (BT)

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 159-160. (28/6/1867)

DE LA GRANDIÈRE CÔNG BỐ THẮNG LỢI

Ngày 28 tháng 6, cuối cùng ông gửi một tuyên bố chính thức đến các cơ quan lãnh sự ngoại giao và quân sự của khu vực Đông Nam Á này để thông báo cho họ về việc Pháp *chiếm hữu* các lãnh thổ mới vừa lấy từ chính quyền của nhà vua An Nam.

Tôi hân hạnh thông báo rằng ba tỉnh miền Tây Hạ Đàng Trong (Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên) đã bị quân đội Pháp chiếm đóng, đặt dưới quyền chỉ huy của tôi, và lãnh thổ này hiện thuộc về nước Pháp.

Việc chiếm hữu này được thực hiện mà không có sự phản kháng từ phía chính quyền An Nam, còn dân chúng đón nhận chúng tôi đầy thiện cảm.

Kết quả của cuộc viễn chinh này làm tăng gấp đôi quy mô thuộc địa và thuộc dân mới, và thành lập trên cơ sở vững chắc Chính quyền của Hoàng đế ở các quốc gia này¹.

Cùng ngày², đô đốc thông báo cho Tòa bố Sài Gòn bản kê chi tiết các chiến lợi phẩm thu được trong thành Vĩnh Long và Châu Đốc đã trở thành tài sản của chúng tôi:

Tôi ước tính có một nguồn tiếp vận gạo đáng kể khoảng 2.000 tấn. Số tiền thu được từ việc bán gạo này được dùng để bù vào

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 26 (28/6/1867), thư gửi đến: Các quý ngài Thống đốc đảo Réunion, Thống đốc ở Pondichéry, Tổng lãnh sự Pháp ở Alexandrie, Tổng lãnh sự Pháp ở Batavia, Tổng lãnh sự Pháp ở Calcutta, Tư lệnh Hải quân ở Ai Cập, Lãnh sự Pháp ở Suez, Lãnh sự Pháp ở Singapour, Lãnh sự Pháp ở Bangkok, Lãnh sự Pháp ở Bombay, Đại lý lãnh sự ở Aden, Đại lý lãnh sự ở Pointe de Galles, Đô đốc Roze ở Yokohama, Toàn quyền ở Bắc kinh, Toàn quyền ở Yokohama, Lãnh sự Pháp ở Manille, Lãnh sự Pháp ở Quảng Đông, Lãnh sự Pháp ở Hồng Kông, Lãnh sự Pháp ở Thượng hải, Ông Lagrée, đứng đầu ủy ban thám hiểm Mê Kông.

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 326. (28/6/67)

khoản bồi thường chiến tranh cho Pháp hiện tại trong năm nay của Chính phủ An Nam. Vậy, ý định của tôi là bán nó và sung ngân khố.

Do đó, tôi hân hạnh xin ngài sẵn lòng thông báo qua một yết thị rao bán không chậm trễ ở Sài Gòn số hàng tiếp vận này, những lô 50 và 100 tấn. Các nhà thầu có trách nhiệm bốc xếp gạo từ Vĩnh Long và Châu Đốc. Họ sẽ được tạo mọi điều kiện thuận lợi.

Chỉ đến ngày 30 tháng 6, đô đốc mới có thể gửi cho Bộ Thuộc địa một bản báo cáo về việc chiếm đóng Hà Tiên¹.

Tại thời điểm đóng thư, tôi nhận được từ Trung tá Galey và Giám đốc Nội vụ những chi tiết liên quan đến việc chiếm đóng Hà Tiên, tôi liền liên lạc ngay với Ngài.

Có lẽ, chúng tôi được tiếp đón ở tỉnh này tốt hơn ở bất cứ nơi nào khác, bởi dân chúng xem chúng tôi là những người giải phóng và bảo vệ họ chống lại sự cướp phá của người Xiêm và hải tặc trong vịnh.

Đa phần các viên chức của Chính phủ An Nam, các nhà nho và nhiều binh sĩ đã xin quay trở lại phục vụ cho chúng tôi.

Trong thành chứa đồ tiếp vận với số lượng lớn. Mọi thứ trong tình trạng rất tốt và tôi được báo cáo rằng tỉnh này là một nơi nghỉ dưỡng tuyệt vời với vị trí gần biển, không khí trong lành của núi rừng gần đó và chiếm giữ vị trí thuận lợi. Các tòa nhà của tòa thành kiên cố và được xây dựng tốt, không cần sửa chữa.

Chúng tôi có thể gửi bệnh nhân đến đó để họ có thể được ở trong điều kiện tốt.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 171. (30/6/1867)

TƯỞNG THƯỞNG CHO NHỮNG NGƯỜI CỘNG TÁC AN NAM

Đô đốc viết một lá thư khác cho Bộ, đề ngày 29 tháng 6 năm 1867, để yêu cầu một huân chương Bắc đẩu Bội tinh mà ông dự định sẽ dành cho một tri phủ người Việt tên là Lộc¹, người *An Nam thượng lưu* [...] *luôn tận tụy cống hiến và phục vụ cho Pháp*, mà hầu hết người Việt Nam coi là tay sai hoặc thậm chí là phản quốc.

Trong cuộc viễn chinh tôi vừa chỉ huy chiếm đánh ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ lục tỉnh, nếu tôi có thể đạt được kết quả may mắn như tôi đã hân hạnh báo cáo với Ngài qua thư ngày 27 (số hiệu 543), chính là nhờ tôi được hỗ trợ từ lâu trong công cuộc thuộc địa mà tôi đảm trách, nhờ vào sự giúp đỡ của một số người An Nam thuộc tầng lớp thượng lưu, những người luôn tận tụy cống hiến và phục vụ cho Pháp. Nhờ những người dũng cảm này, sự nghiệp chúng tôi đạt được nhờ tấm gương cống hiến mà họ luôn dành cho dân chúng, và bởi những nỗ lực thường trực của nhằm tạo ra lực lượng ủng hộ.

Trong số những thuộc dân trung thành này có Huyện Lộc, tri huyện ở Cai-Lai² thuộc tỉnh Mỹ Tho, đối diện với Vĩnh Long. Huyện Lộc không chỉ là hình mẫu trung thành với Chính phủ Pháp, mà còn là một người lính dũng cảm đã nhiều lần chứng tỏ năng lực, lòng can đảm và sốt sắng cống hiến phục vụ với việc cung cấp một số thân binh nhất định do đích thân ông đứng đầu đã giúp chúng tôi làm chủ được ba tỉnh mới trong cuộc viễn chinh.

Sự cống hiến như vậy phải được khen thưởng càng sớm càng tốt. Huyện Lộc đã được tặng thưởng huy chương quân đội hai năm; tôi hân hạnh xin Ngài hãy đồng ý với tôi về việc trao huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh cho ông.³

1. Túc Trần Bá Lộc. (ND)

2. Túc Cai Lậy. (ND)

3. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 167. (29/6/1867)

NGUYỄN TRI PHƯƠNG BẢO CHỮA CHO PHAN THANH GIẢN

Tin tức về việc chiếm Vĩnh Long chắc chắn được Huế biết không lâu sau đó, vì chúng tôi tìm thấy trong bộ *Châu bản*, ngày 10 tháng 7 năm 1867, một tờ sớ của nhiều quan lại, trong đó có Nguyễn Tri Phương, sớ mà chúng tôi đánh giá là quan trọng, bởi vì nó bào chữa cho Phan Thanh Gian cùng các đồng sự và rõ ràng buộc tội *các chỉ dụ của Triều đình*.

Ngày 9 tháng Sáu năm Tự Đức thứ hai mươi¹ (ngày 10-7-1867 của lịch Grégorien), báo cáo của Nguyễn Tri Phương, Vũ Trọng Bình, Trần Tiến Thành, Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ xét tra các lỗi phạm của Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoán... trong các sự kiện dẫn đến việc Pháp chiếm đóng ba tỉnh miền Tây. Đúng là những người này đã không kháng cự mà giao nộp thành trước cuộc tấn công của Pháp, đó là vì trước đây đã có lời thẩm nghị của đình thần, rằng:

– Tất cả các quan chức phải rời bỏ thành, không chiến đấu chống lại các cuộc tấn công của Pháp.

– Trong trường hợp người Pháp chiếm Vĩnh Long thì phải rút về An Giang và Hà Tiên...

Rõ ràng là các quan chức này không thể tiên đoán các sự kiện xảy ra. (C.B. 295, tờ 187-190)

DỪNG BÁCH HẠI TÔN GIÁO?

Ngày 28 tháng 7, đồ đốc viết:

Tôi nói thêm rằng tôi nhận được những tin tức tốt nhất từ các Giám mục và thừa sai ở Huế và Tonquin² (sic), không có sự dè

1. \$ 541, tr. 98.

[*Chú thích của BT*: Nội dung tương đương mục 541 không phải rơi vào ngày 9 tháng Sáu năm Tự Đức thứ hai mươi, mốc ngày này rơi vào mục 540 trong *Châu bản*.]

2. Tonkin, chỉ Bắc Kỳ. (BT)

chúng nào đối với Chính phủ An Nam đang tìm cách quấy nhiễu các Kitô hữu để trả thù cho việc mất các tỉnh.

Do vậy, tôi nghĩ rằng tôi có thể đảm bảo với Ngài là các quan lại sẽ không có ý tái diễn những phiền nhiễu và tra tấn mà trước đây họ đã gây ra cho những đồng đạo của chúng ta¹.

Thật vậy, vấn đề của đạo Công giáo sẽ được bộ Lễ xem xét vào tháng 7 năm 1867 (chứ không phải bộ Hình) và công trình ngôn ngữ của học giả (Thiên Chúa) Trương Vĩnh Ký sẽ được ban khen:

Ngày 11 tháng Tám năm Tự Đức thứ hai mươi² (ngày 8 tháng 9 năm 1867 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Lễ về việc cho phép hai linh mục đi truyền giáo ở Quảng Nam và Quảng Bình. (C.B. 297, tờ 83)

Ngày 29 tháng Chín năm Tự Đức thứ hai mươi³ (ngày 26-10-1867 theo lịch Grégorien), báo cáo của bộ Lễ liên quan đến việc cấp phát tiền, gạo, quần áo cho những người được cử đi học chữ Pháp. Trương Vĩnh Ký được ban khen vì dạy tiếng Pháp xuất sắc cho người Việt. (C.B. 297, tờ 232-234)

Về vấn đề chính sách này của Triều đình liên quan đến người Công giáo có quyền tự do thờ phượng hay không, nghiên cứu về *Châu bản* cho chúng ta thấy rõ rằng Tự Đức chịu ảnh hưởng của đa số quan lại lạc hậu và dầu có thiện cảm với Phan Thanh Giản, nhà vua đã không nghe theo những ý kiến được gợi ý từ sự thông minh và khoáng đạt trong cái nhìn của lão đại thần.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 193. (28/7/1867)

2. \$ 544, tr. 99.

3. \$ 546, tr. 99.

PHAN THANH GIẢN CHUẨN BỊ TỰ TỬ

Trong lúc này, Phan Thanh Giản đã quyết tâm không giữ mạng sống sau khi quyết định đầu hàng, ông không muốn kháng cự vì nhận ra điều đó sẽ khởi phát một cuộc tắm máu vô ích, quả là giống những người kiên cường như thời Hy Lạp cổ đại, bình tĩnh chuẩn bị cái chết. Mô tả tắm gương tử tiết này đã có Paulin Vial¹ và Đào Thái Hạnh², chúng tôi vẫn muốn thêm một số tài liệu cảm động khác trích từ tác phẩm của Georges Taboulet³.

Trước hết, bức thư⁴ Phan Thành Giản viết cho vua Tự Đức ngày 8 tháng 7 năm 1867:

Thần, Phan Thanh Giản, thành tâm dâng sớ tâu [bên dưới], cúi bày mối tình ngu muội, trông lên mong thánh thượng soi xét.

Nay gặp thời gian bĩ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu xuất hiện ở biên thùy; việc cõi Nam Kỳ một chốc đến thế này, không thể ngăn cản nổi; nghĩa tôi đáng chết, không dám sống cầu thả để cái nhục lại cho quân phụ. Hoàng thượng rộng xét xưa nay, biết rõ trị loạn: người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cần phép Trời, thương người cùng khổ, lo tính trước sau, thay dây đổi bánh⁵, thế lực còn có thể làm được.

Thần tới lúc tắt nghỉ, ghen ngào, không biết nói sao! Chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến luyến trông mong khôn xiết. Cẩn tấu, Tự Đức, năm thứ 20, tháng Sáu, ngày 7, Phan Thanh Giản...

1. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tlđd, tr. 121.

2. Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)”, tlđd, tr. 121.

3. Georges Taboulet: *La Geste française en Indochine Tome II*, tr. 518-520.

4. Bản dịch tiếng Pháp của Pierre Daudin trong di bút được tìm thấy ở cung đình Huế, *Quốc sử Quán*, tác phẩm đã được cho mượn nhằm hồi tưởng lịch sử trong Hội chợ Triển lãm Sài Gòn, Catalogue, số 467.

5. Phép ẩn dụ mượn từ điển tích Trung Hoa: nhạc đổi cung điệu, xe theo đường khác: thay đổi phương pháp, áp dụng chính sách khác.

Năm 1869, Đại tá hải quân Paul Réveillère, đồ đốc tương lai, dưới bút danh Branda đã công bố một bản dịch rất văn chương di thư Phan Thanh Giản gửi đến các quan và dân chúng đang tụ họp trong thành Vĩnh Long.

Hỡi các quan và dân chúng,

Số phận đã định rằng: người nào thuận theo lòng Trời thì còn, người nào nghịch lòng Trời thì mất. Làm theo ý muốn của Trời là thuận thiên lý... Người ta là một con vật có trí sáng suốt dựng lên do Trời định. Mỗi loại thú sống tùy theo sự tự nhiên của nó, như nước chảy từ đất cao xuống đất thấp, như lửa cháy trên đất khô ráo... Trời đã cho con người có lý trí con người phải sống tùy theo lý trí ấy.

Quốc gia của Hoàng đế ta có từ thời xưa. Sự trung thành với tiên vương là trọn vẹn và luôn luôn hằng hái, chúng ta không thể nào quên ơn của Hoàng đế và của tiên vương ta. Bây giờ đây, người Phú Lang sa đến xứ ta, với nhiều súng ống bắn mạnh, gieo rắc sự vẫn đục trong nhơn dân ta. Chúng ta yếu ớt không chống nổi người Phú Lang sa, tướng soái và lính tráng đều bị đánh bại; mỗi lần chiến là mỗi lần thêm đau khổ cho ta. Người Phú Lang sa có chiến thuyền to, chở đầy quân và võ trang bằng đại bác. Không người nào có thể chống lại. Người Phú Lang sa muốn đến đâu cũngặng, những đồn lũy chắc chắn cũng phải bể.

Và chính tại đây, Phan Thanh Giản giải thích cho đồng bào của mình lý lẽ thuần tính nhân đạo khiến ông đầu hàng, cái Lẽ Phải mà ông viện dẫn, giống như một nhà cách mạng Pháp năm 1789!

Bốn chức van vái trời, bốn chức nghe theo Lẽ Phải và tự nhủ: “Mình còn ngốc khi mình muốn đánh người Phú Lang sa bằng vũ khí, cũng như con nai muốn bắt con cọp. Mình lại kéo về phe mình một cách vô ích những tai hại lớn, để tai hại ấy đè trên đầu dân mà Trời đã giao cho dân mình chặn. Vậy bốn chức viết công thơ cho các quan văn cũng như cho các tướng võ hãy bẻ gãy giáo và giao thành trì, khỏi chống lại.

Trong Nho giáo, con người, giống như mọi chúng sinh, phải tuân theo Thiên ý, nhưng Trời đã đưa ra Lễ Phái cho con người, con người phải lắng nghe Lễ Phái. Tuy nhiên, Phan Thanh Giản hoàn toàn ý thức được việc chống lại toàn bộ truyền thống, dâng cho kẻ thù mà không có bất kỳ kháng cự nào khi ông giao nộp một tòa thành mà ông đã phải “chết đứng” cùng nó. Ông biết rằng ông sẽ bị coi là *kẻ phản bội nhà vua*, và ông tuyên bố: *Bốn chúc đáng bị chết*, một câu nói vang lên tang tóc *Tôi phải chết* trong lá thư cuối cùng gửi cho nhà vua. Tuy nhiên, chúng tôi không có cảm nghĩ rằng ông cảm thấy chút may mắn tội lỗi, vì ông đã tuân theo Thiên ý, nghĩa là, chúng tôi cho là, tiếng nói của lương tâm, khái niệm mới lạ với một người phương Đông không theo đạo Thiên Chúa.

Đoạn văn tuyệt đẹp này kết thúc bằng câu đáng ngưỡng mộ, trong đó Phan bày tỏ quyết tâm là người duy nhất chịu hậu quả của việc đầu hàng này và bằng cái chết duy nhất của mình, rửa sạch hoen ố danh dự cho An Nam.

Nhưng nếu bốn chúc tùy theo Thiên ý mà tránh đỡ giùm dân đem tai họa rớt trên đầu họ, bốn chúc trở thành phản thần đối với Hoàng đế của ta vì bốn chúc trao ba tỉnh của Hoàng đế cho Phú Lang sa mà không chống cự... Bốn chúc đáng tội chết. Hỡi các quan và lê dân, các người có thể sống dưới sự điều khiển của người Phú Lang sa, những người này chỉ đáng sợ trong lúc chiến tranh mà thôi, nhưng lá cờ ba sắc không thể phát phới bay trên một thành lũy mà nơi ấy Phan Thanh Giản còn sống¹...

Chúng tôi hiểu rõ hơn sự thanh thản của Kinh lược đại thần bằng cách đọc lại báo cáo của các quan lại Triều đình ngày 10 tháng 7 năm 1867, được ghi lại ở *Châu bản* và trích dẫn ở đây trong Phần thứ ba – B, tiểu mục “Nguyễn Tri Phương bảo chữa cho Phan Thanh Giản”.

1. Paul Branda, *Récits et Nouvelles*, Paris, 1869, tr. 171; và Georges Taboulet, *La Geste française en Indochine*, sdd, tập II, tr. 518-519.

GIẤY PHÚT HẤP HỐI CỦA PHAN THANH GIẢN, NGÀY 4 THÁNG 8 NĂM 1867

Qua ngòi bút của Trung tá Ansart¹, chúng tôi có chi tiết về những khoảnh khắc cuối cùng của Quan Kinh lược. Sĩ quan hải quân này, Tham biện tỉnh Mỹ Tho, quen biết với Phan Thanh Giản từ vài năm nay. Ông rất ngưỡng mộ và tôn trọng ngài.

Vĩnh Long, 4 tháng 8 1867.

Cùng Đại tướng thân mến,

Chúng tôi đã đi đến chung cuộc nào nề tấn thảm kịch tự tử của Phan Thanh Giản. Ông ấy thở hơi cuối cùng trong đêm qua và thi hài của ông sáng nay đã được dời ra ngoại thành. Lễ an táng sẽ cử hành tại Kébon (sic) trong nay mai. Chúng kiến cái chết của bậc lão thần đáng quý ấy, tôi không sao tránh được nỗi đau sâu thẳm thiết và tôi tin chắc rằng ai đã biết ngài, cũng có một cảm tưởng như tôi. Ông đã thực hiện hành động tự tử một cách cương quyết lạ lùng, trước khi trao thân cho độc dược tàn phá, ông nhịn ăn trong 15 hôm. Ông bình tĩnh trừ liệu mọi điều: cho mua áo quan, sắm tang phục cho gia quyến và gia thuộc, lo đến các chi tiết nhỏ nhặt trong việc tang chay và khuyên dạy con cái những điều khôn ngoan và chính trực. Ông khuyến khích con nên sống chung với người Pháp, song không nên thọ lãnh chức tước nào, phải sống yên ổn trong điển thổ của mình, chân thành trong giao tiếp với người Pháp, không được dựa vào quốc chính và phải khuyên dỗ dân tình lo hòa bình và làm việc.

1. Theo Nguyễn Thế Anh, nội dung bức thư dưới đây là từ sách *La Geste française en Indochine* của Georges Taboulet (sdd, tập II, tr. 519-520) và Văn khố Trung ương Đông Pháp (tập II.807/2). Theo Nam Xuân Thọ (*Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sdd), bức thư trên từng được trưng bày trong gian hàng lịch sử ở Hội chợ Sài Gòn năm 1943.

Nội dung dịch Pháp-Việt sau đây đã tham khảo bản dịch của Trường Sơn Chí (Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sdd) và bài “Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp” của Nguyễn Thế Anh (tập san *Sử Địa*, số 7-8, tldđ, tr. 33-34). (BT)

Đối với đoàn cháu của ông, không bị ràng buộc với lời khuyên bất tham dự, ông dặn dò phải nhờ người Pháp chăm nom chúng, và mấy ngày trước khi tiến hành cái ý định trí mệnh của mình, ông tỏ ý muốn giao lại cho tôi ít ngàn quan để dùng vào việc học cho chúng ở Sài Gòn.

Hồi đó, tôi không hiểu ý lời nói của ngài, mà chắc Cha Marc¹ đã thấu rõ nếu Cha không vắng mặt, và mọi người đều tin tưởng rằng Cha Marc cùng tôi sẽ có đủ ảnh hưởng đối với ông để khuyên can ông đừng thi hành quyết định tự tử. Nhưng số mệnh đã xen vào; tôi đã không hiểu tí gì về những lời của ông, được nói với tôi qua miệng của một viên thông ngôn.

Khi Cha Marc đến đây, Phan Thanh Giản không còn dă động đến quyết định tuyệt vọng của bản thân nữa. Sáng ngày 1 tháng 8, ông hợp thức hóa vài văn kiện liên quan tới ấp Công giáo. “Gấp lên, các người”, ông nói. Vào lúc 11 giờ, ông uống thuốc độc trước mặt các con ông và người thân cận. Khi chúng tôi được báo tin vào lúc 2 giờ chiều thì đã quá muộn. Ông còn có thì giờ để ôm hôn² Cha Marc và tôi, rồi rơi vào hấp hối. Ông y sĩ ngoại khoa Le Coniat đã tranh đấu với thuốc độc bằng một trí sáng suốt và sự tận tâm giúp chúng tôi còn có một tia hy vọng cho tới chiều hôm qua, nhưng không có chi đủ thế lực để cứu sống cụ lão mà thân thể nhiễm đầy á phiện, và đã bị quật ngã bởi trạng thái đối lã và các mối sầu não.

Phần tiếp lá thư của Ansart, liên quan đến những sự việc, chắc chắn gây xúc động, nhưng không thuyết phục được chúng tôi. Nhà nho này, rất tò mò về tất cả những gì mới đối với ông, có thể đánh giá cao những cuộc trò chuyện thi thoảng giữa ông ta với các nhà truyền giáo phiên dịch, là điều được phép, nhưng nghĩ rằng ông ta có thể cải sang đạo Thiên chúa và điều đó chỉ bị sự hiện diện của các quan lại ngăn trở, thì dường

1. Cha Marc là thừa sai ở Mỹ Tho làm phiên dịch cho Ansart.

2. Từ sau chuyến đi Paris, Phan Thanh Giản đã quen với phong tục châu Âu.

như là một việc thuần hư cấu. Trung tá Ansart và Cha Marc dường như muốn đưa mong ước của họ vào thực tế!

5-8-1867... Cha Marc cho rằng, theo những câu chuyện hàn huyên trước đây, cụ già lương hảo này chắc đã theo đạo Thiên Chúa ngay sau khi ông loại trừ được chính sách và áp lực của các ông quan khác. Chính những vị này thật đã đẩy ông tới tuyệt vọng. Điều này đúng sự thật đến nỗi mà lúc các ông quan còn ở lại Vĩnh Long, ông đã khẳng khái từ chối mọi thứ thuốc men, và chúng tôi đã phải gần như ép buộc ông và lợi dụng một trong những lúc ông ngất đi mới khiến ông nuốt được một chút thuốc giải độc. Nhưng, ngay khi ông được biết là các quan đã bỏ đi, và chỉ còn có mình ông với chúng tôi, thì ông đã thuận mọi điều. Than ôi, khi đó đã quá muộn! Và điều cho thấy rõ tư tưởng của ông đã theo một chiều tốt đẹp hơn, là hai lần ông hỏi Cha Marc: “Tôi có thoát khỏi được chăng?” Rủi ro thay, thiếu tá biết chung cục như thế nào...¹

Lời chứng cuối cùng này có nhiều cách diễn giải khác nhau. Trước hết, việc người sắp chết nói riêng với Cha Marc không có gì đáng ngạc nhiên: đó là ông ngỏ lời với người phiên dịch chứ không phải với linh mục. Trong hơn mười lăm ngày, Phan Thanh Giản thân nhiên quyết tâm chết. Cho đến bấy giờ, ông không cho thấy bất kỳ do dự nào trong ý định này. Có phải ông muốn nói thuần về tính kiên cường của nho gia: *Cuối cùng tôi sẽ được kết thúc nỗi đau đớn này để rời bỏ cuộc sống?* Hay như vị thừa sai và Ansart muốn hiểu: *Tôi sẽ qua khỏi và sẽ sống?* Chúng tôi nghiêng về diễn dịch đầu tiên.

Paulin Vial, dầu không phải là nhân chứng trực tiếp trong cái chết của Phan Thanh Giản như Ansart, cũng kể lại câu chuyện:

1. Xem trang áp chót của “Kết luận”.

[*Chú thích của BT:* Đoạn trích dịch này là từ bài “Phan Thanh Giản dưới mắt người Pháp” của Nguyễn Thế Anh (tập san *Sử Địa*, số 7-8, tldđ, tr. 33-34).]

Đây là đạo đức quan chức ở Viễn Đông, để bảo toàn lòng tự ái của nhà vua, quan chức bại trận thì bị kết tội và luôn chịu trừng phạt nghiêm khắc, dù họ đã tuân thủ nghiêm ngặt chỉ dẫn và tận tâm hoàn thành nhiệm vụ. Rõ ràng Phan Thanh Giản và thuộc cấp đã nhận lệnh không ủng hộ một cuộc chiến trực diện sẽ gây đổ máu vô ích, nhưng họ không thể giữ các tỉnh, do các thủ đoạn trí trá và thô lậu của người An Nam, trở thành nơi ẩn náu của tất cả kẻ thù của chúng ta. Mọi trách nhiệm của các sự việc đổ lên đầu họ. Cũng như lý lẽ của Nhà nước muốn.

Phan Thanh Giản, 71 tuổi, có cuộc đời sự nghiệp lâu dài đầy đủ các chức vụ cao và khó khăn nhất với sự vô tư tuyệt đối, không phải là người quen chịu tấn công lăng nhục mà các đối thủ chính trị đã phát động hạ danh dự ông. Ông đã tập trung đại gia đình lại với ông tại Vĩnh Long. Ông long trọng khuyên các con trai không phục vụ cho Pháp, mà hãy về quê sống yên bình, và ông lệnh rằng các cháu trai nên được nuôi dạy như người Pháp.

Sau đó, ông tự độc trước tất cả thân quyến, bằng một liều thuốc phiện mạnh. Ông đã hai ngày không ăn để chất độc có tác dụng nhanh hơn. Ông chuẩn bị sẵn quan tài, và gửi một lá thư đầy cảm xúc cho thống đốc Pháp. Qua những ám chỉ mơ hồ của văn bản này, người ta có thể đoán được những khát vọng và mong muốn của người bề tôi già triều Nguyễn, người đã chứng kiến, khi còn trẻ, sự huy hoàng của triều đại Gia Long và muốn, qua sự hy sinh của ông, chuộc lỗi lầm của triều đình và cố gắng giúp ông lấy lại những tỉnh đã mất.

[...] Một bác sĩ tài ba của Hải quân chúng tôi, Ông Le Coniat, đã cố gắng vô vọng để cứu Phan Thanh Giản; ông ta chỉ có thể kéo dài sự sống thêm 48 giờ. Lão nhân danh tiếng đã tắt hơi vào ngày 4 tháng 7 năm 1867¹.

1. Paulin Vial nhầm với âm lịch: 4 tháng 8 thay vì 4 tháng 7.

Cái chết của người hết lòng vì nước này làm đau xót cho tất cả những người biết ông. Đô đốc de La Grandière viết cho con trai cả của ông bày tỏ sự cảm thông và hối tiếc. Cổ quan tài của Phan Thanh Giản, được đặt trong một chiếc thuyền lớn, theo lệnh của Toàn quyền, kéo bằng một pháo hạm đến làng Bảo Thạnh, gần cửa Ba Lai: nơi mộ ông đã lập. Một biệt đội lính Pháp làm thành lễ tang danh dự trước sự hiện diện của đám đông dân chúng và của Ông de Champeaux, thanh tra quân hạt.

Cuối cùng Phan Thanh Giản hoàn tất một cuộc đời thanh bạch và cần mẫn. Riêng cuộc đời của ông tóm lược tinh thần và tiến trình chinh phục của chúng ta, đó là chiến thắng của các ý tưởng, văn minh cũng như vũ khí của chúng ta.

Ông ấy là người khôn ngoan và sáng suốt hơn tất cả người An Nam khác, trong năm năm cương quyết chiến đấu không ngừng chống thế lực của ta, vài lần hòa mình vọng đoán và với ảo ảnh của đồng bào ông, tới điểm ông ước ao rằng có lẽ chúng ta hủy bỏ sự bảo đảm vật chất, hủy bỏ sự lo cứu nạn và cứu tự do (tự do tín ngưỡng) của nửa triệu tín đồ Công giáo núp dưới sự bảo vệ của ta, theo lời phán của vua Tự Đức, nhưng, tiếp xúc với chúng ta, Phan Thanh Giản bị thu hút của phong tục và tập quán ta và nhất là ý tưởng tôn giáo. Sau cùng, ông hiểu rằng, chúng ta có một tổ chức xã hội cao hơn, linh động hơn, có tự do hơn, rộng lượng hơn người Đông phương; ông biết đánh giá cao lợi ích của tự do thương mại và sự phổ biến khoa học tới đại chúng; và vì yêu đồng bào, vì muốn cho đồng bào ông được hạnh phúc, ông vững lòng tin nơi tương lai của họ, nhưng sau cùng ông phải bỏ mặc cho vận mạng của họ, cặp mắt ông không khỏi miễn tiếc những chuyện đã qua, luôn luôn lương tâm do dự giữa cuộc sống mới đang chạm đến trí tuệ ông và những kỷ niệm xưa cũ trong tim ông, đang đem ông trở lại với qui luật của tuổi thanh xuân.

LỜI CHIA BUỒN CỦA ĐÔ ĐỐC¹

Ngay khi đô đốc nghe tin Kinh lược đại thần qua đời, ông gửi lời chia buồn tới trưởng nam của người quá cố.

Gửi trưởng nam của cụ Thượng Phan Thanh Giản ở Vĩnh Long

Sài Gòn ngày 5/8/1867.

Bản chúc lấy làm đau đớn khi hay tin thân phụ của công tử là cụ Thượng Phan Thanh Giản từ trần.

Nước An Nam mà Ngài là một phần tử xuất chúng, mất cụ già đáng kính ấy, tức là mất một trong những cái vinh quang của nó và mối tình quý trọng sâu xa mà Ngài lưu lại trong ký ức của tôi và của người Pháp sẽ lâu bền hơn mối thù hằn kẻ nghịch.

Ngoài lệnh nghiêm ra, không một viên quan nào ở Huế hiểu biết những mối lợi cần thiết để bảo đảm hạnh phúc cho dân tộc, và rủi thay, mối tình cảm động khả kính đã xui giục Ngài không muốn sống thừa để trông thấy kết quả của một chính sách mà những lỗi lầm cùng tất cả trách nhiệm thuộc về chính phủ An Nam.

Cái bằng chứng chính thức của lòng quý trọng và tình bằng hữu mà bản chúc đạt đến công tử trong bức thư này phải được gìn giữ trong quý quyển như chứng cứ của mối tình người Pháp đối với lệnh nghiêm đáng tôn kính, cùng gia đình Ngài.

Công tử cũng nên tin rằng bản chúc sẽ cố gắng, bởi những phương tiện sẵn có, để bảo đảm hạnh phúc cho các con Ngài, bằng cách ban cho họ những ân huệ và địa vị thích hợp.

Kính thư, v.v²

1. Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine*, sđd, tập II, tr. 143-149.

2. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, phần B: Thư gửi những cá nhân khác ngoài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 345.

Sau đó, ngày 19 tháng 8, de La Grandière gửi một bức thư khác cùng chủ đề cho bộ Lễ của Vương quốc An Nam. Chúng tôi tự hỏi liệu lời chúng tôn trọng và ngưỡng mộ này, từ một kẻ đối nghịch, điều có lẽ là mới với người An Nam lúc đó, liệu có làm nhà vua thêm oán giận hay không:

[...] Bản chúc đã được tin Thượng Quan Phan Thanh Giản qua đời. Tôi vô cùng hối tiếc về cái chết của con người đáng kính này, trong đó Chính phủ An Nam mất một bề tôi tận tụy, thông minh và năng nổ dành hết tình cảm cho hạnh phúc của người dân. Tôi đã xuống lệnh rằng danh hiệu cao quý nhất nên được trao vào dịp lễ tang của lão nhân đáng kính này.¹

VIỆC “CHIẾM ĐÓNG” ĐƯỢC MƯƠI TÍNH TRƯỚC

Chúng tôi muốn nêu ở đây một yếu tố chứng minh rằng Đô đốc de La Grandière, trước đó rất lâu, đã quyết tâm, không phải là *biểu dương lực lượng trước Vĩnh Long* như ông đã thỏa thuận với Paris, mà là thôn tính và chiếm đóng ba tỉnh miền Tây, cho dù họ có kháng cự hay không, dưới đây là những lời được thảo bí mật ngay cả trước khi bắt đầu cuộc tấn công. Như vậy, đô đốc phải rất chắc chắn về những gì mình làm.

Mặc dù biết điều gì sẽ xảy ra² Phan Thanh Giản thông minh và nhân từ không đối đầu chống lại người Pháp. Khi làm như vậy, ông hoàn toàn biết rõ sẽ phải chuốc lấy cái chết ô nhục hoặc phải tự tử. Lưu ý rằng các tài liệu sau đây được in trong *Công báo Sài Gòn thuộc Pháp* ngày 15 tháng 6 năm 1867³, hai ngày trước cuộc tấn công Vĩnh Long.

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière, tr. 347.

2. Xem phản hồi của ông gửi Ansart, trong chuyến viếng thăm Mỹ Tho vào ngày 16 tháng 11 năm 1866, tr. 17 chú thích 47.

3. Văn khố quốc gia 2 Việt Nam. J.O, tr. 184.

Số 89 – Tuyên bố của Phó đô đốc, Thống đốc và Tổng tư lệnh tại Nam Kỳ, liên quan đến việc chiếm giữ các pháo đài ở Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Thể theo lệnh của Đức vua Napoleon III, Hoàng đế Pháp, khôi phục lại sự bình yên và an ninh ở biên giới thuộc địa, nơi sự biến loạn bị kích động do phiến quân và các viên chức bản xứ đã tìm được sự che giấu và trợ giúp từ các tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Xét rằng, theo điều 11 của hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, thành Vĩnh Long phải nằm dưới quyền người Pháp đến khi trật tự được thiết lập lại trong thuộc địa của chúng ta:

Xét rằng các tỉnh Châu Đốc và Hà Tiên là nơi ẩn náu của phiến quân Cao Miên và thuộc địa đã cung cấp nhân lực, vũ khí và đạn dược cho họ;

Xét rằng chính quyền An Nam đã bất lực trong việc trấn áp những biến loạn này và Triều đình Huế không thể đem lại đầy đủ an ninh cho chúng ta trong tương lai,

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Các thành lũy ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên sẽ bị chiếm đóng dưới danh nghĩa Hoàng đế;*
- 2. Tài sản dân chúng, tôn giáo, phong tục, luật pháp và tòa án của họ sẽ được tôn trọng và duy trì dưới sự bảo hộ và giám sát của chính quyền Pháp;*
- 3. Các công chức An Nam muốn tiếp tục phục vụ Pháp ở ba tỉnh sẽ nhận được mức lương tương ứng vị trí của họ ở ba tỉnh thuộc Pháp;*
- 4. Những người muốn về lại lãnh thổ Đế quốc An Nam được phép chuyển đi cùng tài sản và gia đình của họ;*

5. Các khoản thuế sẽ được giữ nguyên, không có bất kỳ thay đổi nào, bãi bỏ hoàn toàn nạn hối lộ qua cáp, điều chỉnh việc sưu dịch được đề cử bởi những hương chức về số lao động công ích trong mỗi tổng, và giảm thuế nộp dân binh bị nâng lên theo tỷ lệ một trên 14 người và giữ mức bởi làng xã như trước đây;
6. Việc chiếm đóng ba tỉnh sẽ diễn ra trong hòa bình. Các chỉ huy An Nam được mời đến bàn giao không chống cự các đồn bốt mà họ hiện đang canh gác và không thể bảo vệ mà không có nguy cơ gây tổn hại đến hòa bình và an ninh của đế quốc An Nam;
7. Họ sẽ được hồi hương nếu họ yêu cầu, cùng với vũ khí và hành lý, dưới sự chăm lo của chính phủ Pháp;

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867,
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh
Đã ký: De La Grandière

Cùng ngày, ngày 15 tháng 6 năm 1867, trang 188 của tờ Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp công bố một thông tư, có chữ ký của Paulin Vial, khi đó là Giám đốc Nội vụ và gửi tới Thanh tra bản xứ vụ:

... yêu cầu giải thích cho dân chúng về biện pháp này [việc chiếm đóng ba tỉnh] là bất khả kháng do nhiều cuộc tấn công nhắm vào các công dân Pháp, và rằng người bản xứ, đặc biệt là những hương chức miễn cán, đang yên hưởng thịnh vượng là kết quả của một nền hành chính sáng suốt, vững chắc và nhân từ, họ quan tâm đến việc chống lại tất cả phong trào phản loạn hoặc ý định phản kháng; dân chúng thậm chí phải dang tay trợ giúp nhiệt tình cho sự thay đổi mà không có trở ngại nào có thể cản trở, những trở ngại nhằm vào việc bình định xứ sở.

Theo sau thông tư trên là các hướng dẫn chi tiết và chính xác liên quan đến tổ chức hành chính của ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên:

Các ông sẽ luôn độc lập và bắt buộc phải hành động mà không có thời gian để nhận hướng dẫn hoặc thông tin từ cơ quan có thẩm quyền cao hơn; tôi sẽ nói với các ông một vài từ về quan điểm của Thống đốc và các nguyên tắc mà các ông phải tuân thủ trong mọi hoàn cảnh.

Nếu có thể, việc chiếm đóng ba tỉnh phải diễn ra trong hòa bình với sự hỗ trợ và tham gia của những hương chức; vì mục đích này, cần phải làm cho họ hiểu được những thuận lợi đưa đến cho đất nước từ việc thay đổi sự cai trị và cần do nghiêm trọng buộc chúng ta phải thực thi; để giữ lại cho họ phẩm tước và chức phận của họ khi họ quy phục, ban cấp sắc phong cho họ khi họ trình cho các ông một số đảm bảo nghiêm túc, và giao phó sổ sách của làng xã, trong đó các ông sẽ trích lục một bản.

Các ông nên lập một danh sách các quan, văn thư, nho sĩ, Kinh lịch¹, thơ lại, v.v. những người muốn tiếp tục phục vụ, và các ông gửi nó cho tôi để việc bổ nhiệm họ được giải quyết thường xuyên.

Các ông cho thêm tiền thưởng các viên chức theo phục vụ thực sự cho chính quyền, nhắc lại rằng cần phải tiết kiệm tiền và tại thời điểm này, tại tỉnh của các ông, có giá trị gấp đôi so với ở thuộc địa cũ của chúng ta.

Các ông phải theo dõi cẩn thận nhân viên và dân quân, loại bỏ không thương tiếc những người phạm tội;

Các ông nên trả cho họ đúng tiền lương để họ có thể sống dễ dàng trong chiến dịch và các ông phát huy tối ưu việc trả lương chúng ta đã cấp cho họ, tất cả điều đó đòi hỏi họ một tư thế vượt trội so với những người lính của Đế quốc An Nam:

Các ông phải ra lệnh cho các chánh tổng và xã trưởng triệu hồi những người lính ở làng xã và trên đồng ruộng của họ, những

1. Nguyễn văn. (BT)

người đang tại ngũ, họ sẽ giao trả vũ khí và trong số mười bốn người chỉ giao một người, trong đó hơn một nửa được trang bị vũ khí giáo mác, những người khác phục vụ khâuân vác và lao động; các ông phải đòi hỏi những người này được đối xử nhẹ nhàng; họ phải được nuôi dưỡng bởi làng xã theo lệ cũ; họ sẽ nhận được hơn 5 franc mỗi tháng và một bộ quần áo;

Các ông sẽ trông chờ làng xã và dân binh yêu cầu chấp nhận hệ thống lương bổng để áp dụng; các ông hứa những tiền thưởng hậu hĩnh cho những người trung thành và tích cực nhất, từ 2 đến 10 F; những đội, cai, thơ lại; sẽ có những tiền thưởng bổ sung tương đương cho chính những nhân viên trong dân binh chúng ta, 5, 10, 15 và 20 franc theo cấp bậc.

Các ông nên lập một danh sách của việc tuyển quân này gửi đến cho tôi chuẩn y; với 50 người, chúng ta phải có một đội I, hai đội II, và một thơ lại; các ông sẽ không điền đầy khung cấp bậc này, để lại một nửa vị trí dành để thăng tiến cho dân binh phục vụ tốt.

Các ông sẽ bổ nhiệm vào các công việc khác nhau bằng cách tham khảo ý kiến của chính những người này, nếu các ông thiếu thông tin về phẩm giá của các ứng viên; các ông sẽ tránh được trách nhiệm về những lựa chọn sai lầm.

Những võ quan cũ ở cấp cao: quân, quân cơ, phó quân cơ, v.v. sẽ nhận được lương bổng theo cấp bậc nếu họ yêu cầu việc làm; lương bổng cũ tạm thời được gia hạn và vị trí của họ sẽ được giải quyết theo hướng dẫn các ông gửi cho tôi.

Các ông loan báo các tuyên bố được giao phó cho càng nhanh càng tốt; các ông cấp phát các danh hiệu thích đáng cho những người yêu cầu; các ông trấn an những người lo lắng và cho mọi người biết rằng sự bận tâm chung của chúng ta là hoàn thành việc chuyển đổi này ít đổ máu nhất có thể.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ, Paulin Vial.

Văn bản sau lấy từ trang 190-191 số 94 tờ Công Báo Nam Kỳ thuộc Pháp chỉ định đến cả màu của đồng phục tương lai dân quân của ba tỉnh mà nó sẽ bị chinh phục chỉ vài ngày sau đó!

Kiểu đồng phục cho dân binh của ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, và Hà Tiên

Theo lệnh của Phó đô đốc, Thống đốc, Tổng tư lệnh

Giám đốc nội vụ

Ra lệnh:

Dân binh ba tỉnh miền Tây sẽ mặc đồng phục chỉ ra dưới đây:

Vĩnh Long: áo dài lai tay áo màu xanh, viền đỏ, quần màu xanh, dải màu đỏ.

Châu Đốc: áo dài lai tay áo vàng, viền xanh, quần xanh, dải vàng.

Hà Tiên: áo dài lai tay áo xanh, viền đỏ và trắng, quần xanh, dải đỏ và trắng.

Chúng sẽ được đánh số bằng cách kiểm tra như sau:

Vĩnh Long, 1, 2, 3; Châu Đốc, 4, 5, 6; Hà Tiên, 7; Cà Mau, 8.

Những con số này, màu xanh dương cho Vĩnh Long, màu vàng cho Châu Đốc, màu đỏ cho Hà Tiên, được đeo bên dưới cổ áo, ở bên ngoài và bên phải áo dài.

Sài Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ: Paulin Vial.

DE LA GRANDIÈRE BÊN VỰC PHAN THANH GIẢN

Ngày 29 tháng 10, đô đốc viết thư để cải chính nội dung một bài báo trên tờ *Moniteur* đã xuyên tạc việc chiếm hữu ba tỉnh miền Tây và có xu hướng xem Phan Thanh Giản là khởi nguyên của việc nhượng lãnh thổ này. Với sự mạnh mẽ chúng ta sẽ thấy, ông ta bênh vực thái độ của Phan Thanh Giản trong tình cảnh đó.

Tờ Universal Moniteur ngày 9 tháng 8 vừa qua, với phiên bản lời tuyên bố mà tôi gửi tới người dân Nam Kỳ nhân khi chiếm hữu ba tỉnh miền Tây, đã có một bài viết về cuộc viễn chinh này, trong đó tôi lấy làm tiếc khi thấy việc thay đổi câu chuyện các sự kiện đã xảy ra lúc đó.

Moniteur tuyên bố rằng “quân đội của chúng ta chiếm đóng trong nháy mắt các thành phố Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc và Hà Tiên mà các quan lại đã mở toang cửa với sự đồng tâm nhất trí của dân chúng, đây là kết quả của một bước tiếp cận với Ngài Phó đô đốc La Grandière của Phan-Tan-Gian (sic), Nguyên Thượng thư Triều đình Huế và Kinh lược sứ ba tỉnh, đã lên tàu Ondine để đầu hàng và đề nghị giúp đỡ v.v...”

Đây không phải là cách mọi việc đã diễn ra và tôi chỉ có thể báo lại dựa trên những gì có trong bản báo cáo mà tôi đã có vinh dự gửi tới Tướng quân ngày 27 tháng 6 vừa qua.

Sau khi biết được sự sắp xếp cho cuộc tấn công vào thành Vĩnh Long, tôi ngờ lời như sau:

Tôi đã ngay lập tức cử một trong những sĩ quan phụ tá đi triệu tập tổng đốc đến chỗ tôi vô điều kiện, v.v... Mọi sự kháng cự sẽ là vô ích. Người dân nhìn thấy chúng tôi đi qua mà không sợ hãi, v.v... Ngoài ra, hai người có uy tín nhất của Vĩnh Long, Phan-Tan-Gian (sic) và Kinh lược sứ ba tỉnh đã lên tàu Ondine để đầu hàng, v.v.

Rất thẳng thắn, đô đốc nhấn mạnh vào cái chính bản thảo này, loại bỏ hoàn toàn sự buộc tội hèn mạt mà về sau sẽ đè nặng lên tiếng tăm Phan Thanh Giản, rằng ông bán nước.

Do vậy, không thể chối cãi rằng sau cuộc đe dọa vũ lực, thành Vĩnh Long mới đầu hàng chứ không phải là kết quả của việc Thượng thư Phan-Tan-Gian (sic) tiếp cận tôi.

Điều đáng chú ý là nếu không có bất kỳ nơi nào chúng tôi gặp sự kháng cự – đó là vì, như báo cáo trên nói rõ – các bố trí của tôi đủ nhanh để bất kỳ sự phòng thủ nào cũng vô dụng và tôi phải kể về các cuộc chiến đấu này, các đoạn sau của báo cáo nói: “Để không cho phép các quan lại của Châu Đốc và chính quyền cấp dưới có thời gian chuẩn bị trốn thoát và buộc dân chúng chống lại chúng tôi, tôi đã xuất phát v.v... Ngạc nhiên vì sự xuất hiện của một lực lượng hùng mạnh mà không có gì chỉ ra cách tiếp cận, tổng đốc tỉnh Châu Đốc, cảm thấy mọi sự kháng cự là không thể, ngay lập tức lên tàu Biên Hòa để đầu hàng và chấp nhận mọi điều kiện của chúng tôi.

Và cuối cùng, liên quan đến Hà Tiên, sau khi nói rằng tổng đốc đã bị bắt ở kênh Vàm Nao, trong hành trình của hạm đội từ Vĩnh Long đến Châu Đốc, tôi thông báo trong thư ngày 30 tháng 6, rằng chúng tôi đã tiếp nhận tòa thành tỉnh này không chút khó khăn, đó là do tổng đốc, tù nhân của chúng tôi, đã mở nó ra cho chúng tôi.

Tuy nhiên, nếu đô đốc thừa nhận đã nhận được một sự trợ giúp của Phan Thanh Giản, thì đó chỉ là để ngăn chặn sự đổ máu và đoạn văn tiếp theo ca ngợi và bày tỏ ngưỡng mộ đối với vị thượng quan này.

Vậy, thưa Ngài Bộ trưởng, nếu đúng ra ghi nhận rằng cư dân đón tiếp chúng tôi không thù địch và không bao lâu trở nên thiện cảm, thì cũng cần phải nhận ra rằng đó là nhờ các biện pháp dứt khoát, thực hiện hăm hở và tận tụy, thành công đó đã tôn lên công việc. Tuy nhiên, tôi không muốn phủ nhận sự giúp đỡ hữu ích của Thượng thư Phan-Tan-Gian (sic) để ngăn chặn đổ máu có thể xảy ra từ việc kháng cự; nhưng tôi không được phép đồng thời chỉ ra rằng vị thượng quan này, mà người ta không thể quá ngưỡng mộ khác hơn là sự tận tụy quên mình, đã nhận ra rằng số phận cư dân ở các tỉnh mới được đảm bảo, và sự yên bình đó sẽ không bị xáo trộn, không muốn sống qua các sự kiện như tôi đã

nói trong lá thư ngày 27 tháng 8, đã vội vã tự kết liễu bằng thuốc phiện thay vì sẽ chịu trách nhiệm về cách hành xử của mình với Huế.

Vị đô đốc kết thúc bức thư dài này, trong đó lặp lại ba lần rằng ông khẳng định rằng trách nhiệm thôn tính ba tỉnh chỉ thuộc về ông vì ông coi... là cần thiết.

Việc nhấn mạnh này để bảo vệ vai trò của Phan Thanh Giản còn đáng chú ý hơn cả khi đô đốc không gởi đến những người Việt Nam ở Huế mà gởi đến Bộ trưởng Pháp!

Tướng quân sẽ thừa nhận điều này, tôi dám hy vọng, vậy đó không phải là một bước đi của Thượng thư Phan-Tan-Gian (sic) mà là tôi đã hành động để chiếm các tỉnh này, đó là vì tôi coi cuộc chinh phục này là cần thiết đối với việc bình định và thịnh vượng của thuộc địa mà tôi có vinh dự cai quản...

Ông ta nhân cơ hội này thể hiện bản thân trong mắt Bộ trưởng, người vừa gửi cho ông ta một lá thư nghiêm khắc, ngày 18 tháng 7, không tán thành sáng kiến của ông:

... và bởi vì tại thời điểm hành động, tôi vẫn chưa nhận được từ Tướng quân ý kiến về việc hoãn cuộc viễn chinh này, trong khi ngược lại, những điện văn vào ngày 18 tháng 2, 14 tháng 3 và 18 tháng 4 vừa qua rõ là đã ủy quyền cho tôi thực hiện¹.

SỰ PHẢN ĐỐI CHẬM TRỄ CỦA BỘ TRƯỞNG

Dưới đây là bức thư của Bộ trưởng Rigault de Genouilly, ngày 29 tháng 10 năm 1867:

[...] Tin tức nghiêm trọng này làm tôi ngạc nhiên hơn nữa bởi vì tình hình ở Nam Kỳ, như những điện văn mới nhất của các ông

1. Thư tín chưa được công bố của de La Grandière: Thư gửi cho Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa, tr. 254-255 (29/10/1867).

đã trình bày cho tôi, mọi ý định để tận dụng ngay quyền tự do hành động mà một điện văn của ngày 28 tháng 2¹ đã ban cho các ông dường như đã xóa bỏ tôi trong tâm trí các ông.

Bên cạnh đó, tôi khuyên các ông khi đó chiếm giữ Vinh Long trước, tiếp là Châu Đốc và Hà Tiên, và những cuộc chiếm cứ thuộc địa liên tiếp này đòi hỏi các ông biểu dương vũ lực, có xu hướng dẫn đến sự thỏa hiệp của chính quyền Tự Đức, để nhận được việc nhượng lại ba tỉnh.

Do đó, việc chiếm đóng hoàn toàn những lãnh thổ mà các ông thông báo cho tôi, dưới mắt tôi, là một hành động không thể chấp nhận². Tình hình chính trị ở châu Âu khiến tôi có bốn phân cần thận tránh mọi căn nguyên phức tạp. Do vậy, ngày 16 tháng 5, tôi biểu lộ sự hài lòng, về sự vững chắc của các ông vào ngày 29 tháng 3, đã khiến tôi phải hoãn mọi nỗ lực trong một thỏa thuận với Triều đình Huế.

Tôi mong nhận được báo cáo của các ông. Hiện tại tôi chỉ có thể đề nghị thận trọng và bảo lưu cho các ông một lần nữa, trong khi chờ các hướng dẫn mà tôi cần phải gởi cho các ông sau khi đã lưu ý về các vụ việc đã hoàn tất.³

1. Bộ trưởng có đề cập đến điện văn mà de La Grandière gọi là “điện văn ngày 18 tháng 2” hay đó là một lỗi văn thư? Có sự nhầm lẫn giữa ngày gởi và ngày nhận?

2. Xem Phần thứ ba – B: “Chuyển giao quyền lực”.

3. *Arch centro Indoch.*, Hà Nội, B 11, T. 24, số 51. Văn bản chưa công bố. Trích trong *La Geste française en Indochine*, tập II, tr. 516 của Georges Taboulet.

KẾT LUẬN

Cho đến năm 1862, cuộc đời Phan Thanh Giản trôi qua một cách minh bạch. Khoảng đời từ 1862 đến 1867, các nhà sử học và nhà văn tìm thấy chất liệu trái ngược ở những tranh cãi bất tận về con người ông.

Đó là lý do tại sao chúng tôi muốn xem xét càng nhiều tài liệu càng tốt về giai đoạn này. Cơ hội¹ đến, cho phép chúng tôi tham khảo một số tài liệu cho đến nay chưa được công bố hoặc khai thác.

Đây thực sự là một giai đoạn rất phức tạp về quan hệ quốc tế. Theo truyền thống, An Nam luôn coi Đế quốc Trung Hoa là nước tôn chủ bảo trợ. Bấy giờ, nước này vừa trở thành con mồi của các cường quốc phương Tây. Còn các nước láng giềng phía tây lại bị coi như là chư hầu của An Nam. Nước Anh đã áp đặt ảnh hưởng của mình lên Xiêm, Singapore và các quốc gia của người Mã Lai; Hà Lan lên Đông Ấn Hà Lan. (Indonésie)

Trong quan hệ với Pháp, các mục tiêu thực dân đã thay thế những chiêu bài nhân đạo ban đầu được viện dẫn, và được Hamelin² bày tỏ công khai vào năm 1857, Legrand de La Liraye³ vào năm 1862, Chasseloup-

1. Và sự thân thiện cao độ của một số người, bao gồm Tử tước Gilles de La Grandière, cháu của Đô đốc, người đã cho phép chúng tôi tham khảo thư viện gia đình rất ấn tượng của ông.

2. Thư của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao gửi Bộ trưởng Bộ Hàng hải và Thuộc địa, Paris, ngày 25 tháng 11 năm 1857. Arch.cent. Indochine Amiraux 11.110. (bản sao xác thực)

3. C.AO.M: GGI Hồ sơ 11106.Vấn đề An Nam. Trích từ thư của Legrand de la Liraye gửi Napoléon III. (1862)

Laubat¹, de La Grandière², hoặc trong bài viết nặc danh³ này, ghi ngày 7 tháng 7 năm 1864 mà chúng tôi tìm thấy trong các giấy tờ cá nhân của đô đốc, trong đó chúng tôi tin rằng chúng tôi nhận ra phong cách, ý tưởng, lập luận và đặc biệt là kiến thức, đủ sâu sắc và hiếm có tại giai đoạn đó về An Nam của Abel, còn gọi là Rieunier:

... các cây viết khảng khái đã phán xét công bằng các ý tưởng về việc chiếm đóng thu hẹp⁴, về thương điểm, về sự bảo hộ, về các cơ sở nhỏ và các phương tiện nhỏ, và còn tán thành việc thảo luận về nhu cầu bức thiết đối với việc nước Pháp phải cai trị tuyệt đối và chuyên nhất tất cả của khẩu của Cao Miên⁵, và thẳng thắn từ bỏ mọi xâm phạm diện hẹp, mọi thỏa hiệp bất xứng sẽ chỉ khiến họ thất vọng, tiêu tốn và suy giảm.

Một số quan lại, đặc biệt Phan Thanh Giản, nhận thức rõ các mưu đồ đó. Các quốc gia phương Tây vừa tấn công Việt Nam sở hữu một sức mạnh quân sự vượt trội hoàn toàn so với các quốc gia phương Đông mà nền kỹ nghệ bị tụt lại rất xa. Về điểm này cũng vậy, Phan Thanh Giản không mù quáng, như đa số các cận thần của Tự Đức.

Triều đình không tin tưởng các người trẻ như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Đức Hầu hay Nguyễn Diêu, vốn là những người Công giáo, có thời gian ở nước ngoài, được tuyển lựa bởi các linh mục truyền giáo, do đó gây ra rất nhiều sự ngờ vực và bị coi là tình báo của kẻ thù. Tuy nhiên, Nguyễn Trường Tộ đã dâng sớ lên Tự Đức, xin ông ta tiến hành cải cách

1. Xem Phần thứ nhất, tiểu mục “Báo cáo quyết định của Chasseloup-Laubat”.

2. Xem Phần thứ ba – B: “Chính sách của de La Grandière”.

3. *Etude sur les voies et moyens de la politique française en Cochinchine* (Nhận xét về cách thức và chính sách của Pháp tại Nam Kỳ), Sài Gòn, Direction de la Poste, Paris, Challamel Ainé, Thư viện Hải quân và Thuộc địa, Phố Boulangers-Saint-Victor, ngày 30 tháng 7 năm 1864, 19 tr.

4. Có vẻ như rõ ràng rằng đây là một từ ngữ chống lại dự án Aubaret (tháng 6 năm 1864).

5. Tên gọi thời kỳ đó cho đồng bằng sông Cửu Long.

sâu rộng đất nước, nếu không muốn nhanh chóng tụt sâu do sự lạc hậu về công nghệ mà ông ta đã nhận ra được.

Bản thân Phan Thanh Giản là một nho gia, *quan văn*, và lại giữ chức năng như một quan chức quân sự, *quan võ*, theo lệnh của nhà vua. Những điều ông quan sát được cả đời, trong vai một môn đồ cẩn trọng của Khổng Tử, là vâng phục nhà vua, nhưng cũng là đệ tử của Mạnh Tử, bảo toàn và giữ hạnh phúc cho người dân. Nguyễn Đình Chiểu, người cùng thời, đã viết về ông sau khi chết: *không ông ai che chở dân lành*¹.

Do vậy, việc chỉ vâng phục nhà vua, Phan Thanh Giản tham gia việc ký kết hiệp ước bất hạnh ngày 5 tháng 6 năm 1862 và sự đầu hàng của ba tỉnh miền Tây. Đô đốc Bonard, quyết tâm tiếp tục cuộc chinh phạt thắng lợi nếu hiệp ước không được ký kết, Phan Thanh Giản hiểu rằng không có con đường nào khác. Sau đó, ông bị một thiểu số nhỏ bé các đồng bào của mình (nhà vua và phe chủ chiến trong Triều) buộc tội phản quốc. Những lời buộc tội này còn được lặp lại một số năm sau đó, cho những lý do thuần túy chính trị mà việc nghiên cứu sự thật lịch sử không thể chấp nhận.

Trong toàn bộ dân chúng An Nam, Phan Thanh Giản là một trong số ít người có nhận thức về tình hình thực sự của đất nước. Một thế kỷ sau, đại đa số người Việt Nam lại chiến đấu chống lại các cường quốc nước ngoài được cho là vượt trội về mặt kỹ thuật. Nhưng lần này, họ chiến đấu một cách có ý thức, được thông tin bằng báo chí hiện đại, loại báo chí không tồn tại vào thời Phan Thanh Giản.

Than ôi, lời kêu gọi của Phan Thanh Giản ủng hộ tái cấu trúc và hiện đại hóa đất nước, chỉ là một lời kêu gọi đơn độc. Các quan lại có chung quan điểm với ông đã trở thành một nhóm thiểu số nhỏ không được nhà vua nghe theo. Đại đa số các quan lại khác, gắn bó với truyền thống, sợ mọi điều thay đổi có thể đe dọa sức mạnh và lợi thế hiện tại của họ. Do đó, họ chống lại tất cả ý tưởng hiện đại hóa theo mô hình phương Tây.

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđd, tr. 108.

Khi Phan Thanh Giản được Tự Đức bổ nhiệm dẫn đầu phái bộ ngoại giao sang Pháp, với mục đích giảm nhẹ các điều khoản của hiệp ước năm 1862 và cố gắng chuộc lại ba tỉnh, cùng với sự tuân phục và tận tụy với nhà vua, ông chỉ biết nhận lời, dù tận đáy lòng ông không tin vào sự thành công của sứ mệnh này:

Chút nghĩa vương mang găng phải đi¹.

Lý do cho sự thất bại của ông chủ yếu đến từ việc ông chỉ có một mình chiến đấu với vũ khí ngoại giao, hòa bình và với niềm tin duy nhất là sự tin tưởng của dân chúng dành cho ông.

Mặt khác, tình cảnh không ngang sức khi ông đi, với tư cách đại diện một quốc gia bại trận, để đàm phán với những kẻ chiến thắng, những kẻ rõ ràng không từ bỏ mục tiêu thực dân của họ.

Khi nhận thấy trình độ kỹ thuật mà Pháp và phương Tây đạt được, ông quyết tâm thuyết phục đồng bào bắt chước thành tựu đó bằng cách tiến hành những hiện đại hóa thiết dụng, chẳng hạn trong lĩnh vực giáo dục. Trong chuyến du hành phương Tây đó, ông nhận ra rằng tốc độ thay đổi của thế giới đã khiến An Nam bị bỏ lại vài thế kỷ. Thật không may, khi trở về, ông đã rao giảng trong sa mạc.

Từ năm 1859 đến năm 1867, ông nhận thức toàn vẹn rằng thái độ người dân Nam Kỳ đã thay đổi dưới ảnh hưởng chiếm đóng của Pháp: từ việc tiếp đón nhiệt tình các quan lớn đến vào năm 1859, tiếp sau là một sự thờ ơ nhất định². Dầu có lòng yêu nước chân thành, Phan Thanh Giản hoàn toàn hiểu được nguồn cơn của sức hấp dẫn bất chợt này đối với nền văn minh và luật pháp mới do người Pháp áp đặt, vì bản thân ông mong muốn, một chính sách An Nam công bằng hơn và một cuộc sống ít đau khổ hơn cho người dân.

1. Trích từ bài thơ Phan Thanh Giản gởi vợ trước chuyến đi sang Pháp. Xem Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sđđ, tr. 71.

2. Xem *Courrier de Saigon*, “Le voyage de Phan Thanh Gian qui se rendait à Vinh Long est passé presque inaperçu” (Chuyến đi của Phan Thanh Giản, ngày 5 tháng 2 năm 1866.

[...]

Cũng tưởng một lời an bốn cõi

Nào hay ba tỉnh lại châu ba¹.

Trong hội thảo năm 1994, hai ông Hải Ngọc² và Lê Minh Đạo³ viết rằng chính nhờ sự giáo dục chủ thuyết Lenin do Hồ Chí Minh giới thiệu mà người Việt Nam biết cách chiến đấu. Tuy nhiên, người An Nam chống Pháp không cần phải đọc Lenin để đứng lên chống lại kẻ xâm lược và hành động như những người yêu nước, cũng như thời xa xưa của Hai Bà Trưng! nhưng các lực lượng vào năm 1862 quá không cân xứng và sự lạc hậu về công nghệ chống chất chỉ có thể nhanh chóng được san bằng qua việc học hỏi phương Tây: chỉ có Phan Thanh Giản và một số nho sĩ khác biết về điều đó.

Việc bị buộc tội *phản quốc*, chính xác là vì trí tuệ và đầu óc cởi mở của ông khiến ông đánh giá cao những điều ông nhận thức về văn hóa phương Tây đến mức ông muốn cháu mình được nuôi dạy trong nền văn hóa này⁴, sự buộc tội này càng gây khó hiểu hơn là do đó cũng chính là những gì khoắc lên phái đoàn Hồ Chí Minh, những người đã đến Fontainebleau để thảo luận, mà không có bất kỳ thành công thực sự nào, về mối quan hệ mới giữa Việt Nam trẻ mới độc lập và cựu mẫu quốc thực dân miễn cưỡng. Sự buộc tội lẽ ra cũng phải khoắc lên Phạm Văn Đồng vì ông cũng bị ép buộc phải ký Công ước Genève ngày 21 tháng 7 năm 1954, công nhận sự phân chia đất nước thành Bắc Việt Nam và Nam Việt Nam. Chắc chắn, Hồ Chí Minh và Phan Thanh Giản là những người yêu nước thành tâm như nhau, nhưng ai hiểu được về những gì vốn không thể giữ. Cả hai hy vọng rằng việc ký kết những hiệp ước hoặc công ước bắt buộc này để cho dân chúng Việt Nam có một thời gian

1. Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, sdd, tr. 100.

2. Phan Thanh Giản và Triều Nguyễn.

3. *Tội lỗi của Phan Thanh Giản phải được xem xét lại*.

4. Xem trang 221.

nghỉ ngơi cần thiết, và sau một thời gian nhất định, sẽ có thể khôi phục lại các vùng lãnh thổ bị mất.

Phan Thanh Giản đặt hy vọng vào sự hợp tác văn hóa và kỹ thuật cho phép người Việt Nam về lâu dài tìm được nền độc lập trong hòa bình. Cũng chính niềm hy vọng này được các học giả yêu nước và cải cách thế hệ sau chia sẻ, là thế hệ của Huỳnh Thúc Kháng. Nhưng vào năm 1867, Phan Thanh Giản thấy rằng không có cường quốc thân hữu nào có thể giúp ông. Trung Hoa, vốn là cường quốc bảo hộ của An Nam, kể từ Hiệp ước Tiên Tsin [Thiên Tân] (1858) đã trở thành miếng mồi của nhiều cường quốc phương Tây, tuy nhiên, đã hỗ trợ họ hiện đại hóa quân đội và giảng dạy. Phan Thanh Giản chắc chắn không bỏ qua. Trong tâm trí ông ấy, vấn đề là cho đồng bào giành lại đất nước trong hòa bình nhờ người nước ngoài.

Trung tá Ansart, trong câu chuyện¹ về những giây phút cuối cùng của Phan Thanh Giản, thuật lại một vài câu của người hấp hối, mà theo Cha Marc là: *Tôi sẽ thoát khỏi chứ?* Chỉ có một cách diễn dịch duy nhất những lời cuối cùng này dường như có thể với chúng ta: *liệu độc được sẽ tác động? cuối cùng tôi sẽ có thể chết?* Đã hai tuần kể từ khi người này quyết định tự tử, kết cục duy nhất có thể xảy ra, ông nghĩ, cho một bề tôi trung thành của nhà vua, vì nhân đạo buộc phải dâng thành đang giữ để đầu hàng, vì tôn trọng sự không sai lầm của nhà vua, đã rút bớt không nói về các mật dụ của nhà vua có thể minh oan cho ông ta nhưng đồng thời sẽ buộc tội Tự Đức.

Phan Thanh Giản nên được coi là người đầu tiên và, chí ít là đáng ngưỡng mộ nhất, trong số những nhà cải cách vĩ đại của Việt Nam, những người sẽ đưa đất nước của họ yên bình thoát khỏi chủ nghĩa bảo thủ phản động. Ông được phú cho một trí tuệ rộng mở, một viễn kiến về tương lai khiến Hoàng thân Tùng Thiện Vương² nói rằng sẽ mất năm trăm năm mới xét được xem việc ông đã làm có là cần thiết để giữ

1. Xem lại trang...

2. Chú của vua Tự Đức.

cho đất nước được hòa bình hoặc ngược lại, đúng là ông đã bán nước. Nghiên cứu chúng tôi vừa trình bày chứng minh rằng đã mất hơn một thế kỷ trước khi những tiếng nói cất lên cho thấy Phan Thanh Giản là một trong những người yêu nước tinh thuần nhất của Việt Nam, bắt đầu thắng thế trước những tiếng nói buộc tội, chỉ trích hoặc nghi ngờ.

Tương tự như một thuyền trưởng vĩ đại, khi con tàu gặp nạn, hãy đảm bảo cứu thuyền viên của mình trước, và sau đó kiên quyết, đảm mình với con tàu, Phan Thanh Giản, trước tiên bảo đảm an toàn của dân chúng mà ông chịu trách nhiệm và sau đó tự vẫn, thay vì tiếp tục sống trong tòa thành trên đó treo cờ của kẻ xâm lược.

Với tất cả tấm lòng, chúng tôi hy vọng những tài liệu mới mà chúng tôi mang đến đây chắc chắn sẽ làm câm lặng những lời gièm pha về Phan Thanh Giản. Chúng tôi hy vọng đã góp phần khai phục một trong những con người vĩ đại nhất là cội nguồn của Việt Nam hiện tại, được đa số người dân Việt Nam công nhận.



TƯỢNG BÁN THÂN PHAN THANH GIẢN
ở Văn Thánh Miếu Vĩnh Long của đồng bào miền Nam

Vết thủng ở ngực bức tượng là do một đạn lạc năm 1968 bắn trúng, ông Nguyễn Chiến Thắng, Chủ tịch Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Vĩnh Long cho hay. Dù vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy bức ảnh này thể hiện đầy biểu tượng số mạng bi kịch của quan Kinh lược.

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN VĂN HỌC

CHÂU BẢN TRIỀU TỰ ĐỨC

1848 - 1883

CHỌN TUYÊN VÀ TÓM LƯỢC



LƯU HÀNH NỘI BỘ

1979

Institut des Sciences sociales section lettres. Hồ Chí Minh ville

Chroniques du règne de Tu Duc (1848-1883)

Sélection résumée - Circulation interne

1979

Trang đầu tập tài liệu *Châu bản triều Tự Đức (1848-1883)* mà tác giả tham khảo khi nghiên cứu tình hình Đại Nam cuối thế kỷ XIX, xoay quanh giai đoạn cuộc đời đầy thăng trầm của Phan Thanh Giản

THƯ MỤC

I - VĂN KHỐ

Văn khố Paris. 18, Boulevard Sérurier-75019, Paris. (au sujet de la rue 17, rue Lord Byron 75008 Paris).

Văn khố Bộ Hải quân, Château de Vincennes.

C.A.O.M. carton 11.807/2. Văn bản chưa công bố.

C.A.O.M. Amiraux.11.110. (copie authentique) 1857.

C.A.O.M. GGI. Dossier 11106. Question annamite (Vấn đề An Nam. Trích thư của Legrand de la Liraye gửi Napoléon III năm 1862).

II - TƯ LIỆU

Châu bản triều Tự Đức (1848-1883), Viện Khoa học Xã hội Tp. HCM, trung tâm II, 206 trang.

Thư tín đặc biệt chưa được công bố của de La Grandière, tập I (1863, 1864, 1865).

Thư tín đặc biệt chưa được công bố của de La Grandière, tập II (1866). Báo cáo chung về tình hình Thuộc địa từ ngày 1 tháng 11 năm 1866 đến ngày 1 tháng 10 năm 1867.

Thư tín đặc biệt chưa được công bố của de La Grandière, tập III (1866). Sổ ghi Thư tín đặc biệt.

Thư tín đặc biệt chưa được công bố của de La Grandière, tập IV (1867). Thư tín gửi Ngài Bộ trưởng Bộ Hải quân và Thuộc địa từ ngày 1 tháng 11 năm 1865 đến ngày 1 tháng 11 năm 1866.

III – TẬP SAN

B.A.V.H. (tập san Hội Đô thành hiếu cổ):

- 1915 – Đào Thái Hạnh, “Son Excellence Phan Thanh Gian. Ministre de l’Annam. (1796-1867)” (Ngài Phan Thanh Giản, Thượng thư An Nam (1796-1867)).
- 1918 – H. Le Marchand de Trigon, “Le traité de 1862 entre la France-Espagne et Annam” (Hiệp ước năm 1862 giữa liên quân Pháp-Tây Ban Nha với Đại Nam).
- 1919 – Ngô Đình Diệm, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864)” (Sứ đoàn của Phan Thanh Giản (1863-1864)).
- 1921 – Trần Xuân Toán, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (suite)” (Sứ đoàn của Phan Thanh Giản – phần tiếp theo).
- 1924 – Albert Sallet (Bác sĩ), “Les montagnes de marbre. Situation. – Appellation. – Importance et Influence. Généralités.”.
- 1928 – Albert Sallet (Bác sĩ), “Campagne Franco-espagnole du centre-Annam Prise de Tourane (1858-1859)” (Chiến dịch của liên quân Pháp-Tây Ban Nha ở miền Trung An Nam. Chiếm lấy Tourane (Đà Nẵng)).
- 1928, 1932 và 1937 – Lê Thanh Cảnh, “Notes pour servir à l’histoire de l’établisselment du protectorat français en Annam” (Những ghi nhận lịch sử về sự thiết lập nền bảo hộ của Pháp ở An Nam).

B.S.E.I. (tập san Hội Nghiên cứu Ấn Hoa):

- 1935 – André Daudrit, “Savin de Larclause capitaine d’Infanterie de Marine et Inspecteur des Affaires Indigènes 1835-1866” (Savin de Larclause: Đại úy bộ binh của Hải quân và Thanh tra bản xứ vụ 1835-1866).
- 1936 – Jean Marquet, “Lettres de l’Enseigne de Vaisseau Édouard Balézeaux, sur l’expédition de la Cochinchine (1860-1861)” (Thư của Trung úy hải quân Édouard Balézeaux, về cuộc viễn chinh Nam Kỳ (1860-1861)).

- 7ème lettre de Édouard Balézeaux à son frère Alfonse. (Saigon 12/8/1861) (Lá thư thứ bảy của Édouard Balézeaux gửi anh trai Alfonse. (Sài Gòn ngày 12/8/1861)).
- 1936 – Charles Lemire, “Ingénieur civil des Télégraphes (1839– 1912). Charles Lemire ou la foi coloniale” (Kỹ sư điện báo dân sự (1839-1912). Charles Lemire hay là đức tin thuộc địa), tr. 5-85.
- 1938 – Georges Taboulet, “Le traité de Versailles (28 novembre 1787) et les causes de sa non-exécution” (Hiệp ước Versailles (ngày 28 tháng 11 năm 1787) và những nguyên do dẫn đến tình trạng không thực thi của nó).
- 1939 – Thư trao đổi của Savin de Larclause, sĩ quan bộ binh thuộc Hải quân Pháp, liên quan đến các chiến dịch ở Trung Hoa và Nam Kỳ và những năm đầu của Nam Kỳ thuộc Pháp (1858-1866), do André Baudrit tổng hợp và bổ chú.

IV – TẠP CHÍ

Tạp chí *Maritime et Coloniale*.

- Tháng 5 và 6 năm 1865, “La Cochinchine française” (Năm Kỳ thuộc Pháp), 1865, Challamel aîné, Paris, 1865, tr. 48.
- 1876 – H. Amirault, “Capitaine de frégate: Nécrologie– P.-P.-M. De La Grandière, Vice-Amiral (1807-1876)” (Trung tá hải quân: Cáo phó của P. P. P. de La Grandière, Phó đô đốc (1807-1876)), tập 51, Maison ấn hành, Nancy, 1876.

Tạp san *Sử Địa*.

- Số 3 – Đặc khảo về Trương Định, Sài Gòn, 1966.
- Số 7-8 – Đặc khảo về Phan Thanh Giản, Sài Gòn, 1967.

Tạp chí *Xưa và Nay*.

- Đinh Xuân Lâm, “Nỗi lòng Phan Thanh Giản”.
- Phan Huy Lê, “Phan Thanh Giản (1796-1867): con người, sự nghiệp và bi kịch cuối đời”, Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 1997.

Đồng Thanh Tạp Chí:

- 1933, tháng 1, số 18 – Sở Cuồng, “Lược sử cụ Phan Thanh Giản”.

Tri tân:

- 1941, ngày 24 tháng 6, số 4 – Lê Thọ Xuân, “Phan Thanh Giản”.
- 1941, ngày 19 tháng 9, “Một tờ báo phê bình cụ Phan Thanh Giản” , Khuông Việt dịch.

Đại Việt:

- 1942, ngày 1 tháng 10, số 1 – Lê Thọ Xuân, “Lời trời cụ Phan Thanh Giản”.
- 1942, ngày 1 tháng 11, số 3 – Nguyễn Văn Nho, “Lời trời của cụ Phan Thanh Giản”.
- 1943, ngày 16 tháng 6, số 17 – Phương Lan nữ sĩ, “Cùng lời trời của cụ Phan Thanh Giản”.

Tổ Quốc:

- 1987, tháng 12 – Huỳnh Lua (groupe littéraire du Bến Tre), “Thủ đánh giá lại nhân vật Phan Thanh Giản”.

Tuổi trẻ:

- 1994, ngày 20 tháng 11 – Sơn Nam, “Hội thảo khoa học về Phan Thanh Giản – Tình và lý”.

Văn Hóa-Văn Nghệ Công An:

- 1997 – Trần Mạnh Hảo, “Phan Thanh Giản – Nỗi đau trăm năm hay là hội chứng đầu hàng”.

V - HỘI THẢO

Tạp chí *N.C.L.S.*, Hà Nội, 1963:

- Tháng 3, số 48 – Bài của Đặng Huy Vân và Chương Thâu, “Phan Thanh Giản trong lịch sử cận đại Việt Nam”.

- Tháng 4, số 49 – Đặng Việt Thanh, “Cần nhận định và đánh giá Phan Thanh Giản như thế nào?”.
- Tháng 5, số 50 – Nguyễn Anh, “Về nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản”.
- Tháng 6, số 51 – Nguyễn Khắc Đạm, “Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?”.
- Tháng 7, số 52 – Nhuận Chi, “Cần vạch rõ hơn nữa trách nhiệm của Phan Thanh Giản trước lịch sử”.
- Tháng 8, số 53 – Hải Thu, “Góp ý về Phan Thanh Giản”.

[Mục “Ý kiến trao đổi”]

- Tháng 9, số 54 – Trương Hữu Kỳ, “Đánh giá Phan Thanh Giản thế nào cho đúng?”.
- Tháng 10, số 55 – Trần Huy Liệu, “Chúng ta đã nhất trí về việc nhận định Phan Thanh Giản”.

Vĩnh Long, 1994:

- Lý Thị Mai, “Phan Thanh Giản qua ghi chép của Chính Biên Liệt Truyện”.
- Nguyễn Chiến Thắng, “Những nội dung tóm tắt các bài tham luận trong và ngoài tỉnh đã gửi”.
- Trương Bá Cần (L.M.), “Phan Thanh Giản với việc mất sáu tỉnh Nam Bộ vào tay thực dân Pháp (1862-1867)”.
- Đặng Văn Hộ, “Góp thêm một ý kiến đánh giá Phan Thanh Giản nhìn từ khía cạnh đạo đức của ông”.
- Nguyễn Thị Thanh Xuân, “Bi kịch của quan đại thần tiến sĩ Phan Thanh Giản”.
- Nguyễn Khắc Thuần, “Trở lại vấn đề Phan Thanh Giản”.
- Trần Khuê, “Cần đánh giá công bằng đối với Phan Thanh Giản”.

[Cần đánh giá khách quan Phan Thanh Giản]

- Đinh Xuân Lâm (Giáo sư), “Để có một nhận định đúng đắn về Phan Thanh Giản”.
- Việt Chung, “Lương Khê Phan Thanh Giản với văn học miền Nam”.

- Mai Phụng Võ (dịch giả), Bản dịch các văn bia.
- Nguyễn Bá Thế, “Trước toà án văn học Phan Thanh Giản qua thơ phú công luận phẩm bình”.
- Hải Ngọc, “Phan Thanh Giản và triều đình nhà Nguyễn”.
- Đỗ Quang Hùng, “Nhìn nhận văn minh phương Tây một phương diện cần xét khi tìm hiểu vấn đề Phan Thanh Giản”.
- Phan Thanh Hy, “Cái chết của Phan Thanh Giản”.
- Lê Minh Đạo, “Vụ án Phan Thanh Giản cần được xem lại”.
- Ban Tuyên giáo tỉnh Bến Tre, “Quê hương Bến Tre với nhân vật lịch sử Phan Thanh Giản”.

Tư liệu ở Văn Thánh Miếu:

- Văn Tạo, “Thân thế, sự nghiệp và vai trò lịch sử của Phan Thanh Giản”.
- Văn Tạo (Giáo sư lịch sử), Nguyễn Chiến Thắng (Giám đốc hội văn nghệ Vĩnh Long), “Kỷ yếu hội thảo khoa học về thân thế, sự nghiệp, cuộc đời, Phan Thanh Giản”.

VI - BÁO CHÍ

L'Illustration, journal universel: 1859, 1860, 1861, 1862, 1863, 1867.

Le Monde Illustré: 1863, 1867.

Courrier de Saïgon, “Le voyage de Phan Thanh Gian, se rendant à Vinh Long, est passé presque inaperçu”, ngày 5 tháng 2 năm 1866.

Nhân Dân, Văn Tạo, “Công minh lịch sử và công bằng xã hội”, ngày 5 tháng 5 năm 1996, số 19.

Tribune Indochinoise, Nam Xuân Thọ, “Phan Thanh Gian par Vương Quang Nhuong discours en français” (Phan Thanh Giản qua bài diễn thuyết tiếng Pháp của Vương Quang Nhường), Nam Kỳ, số 47, 1943, số 1084-1089.

VII – TÁC PHẨM TIẾNG PHÁP

- A. Roussel, *Un marin Breton Vice-amiral De La Grandière – Ancien Gouverneur de Cochinchine (1807-1876)*, Imprimerie Brevetée Francis Simon, Rennes, 1906.
- A. Thomazi, *La conquête de l'Indochine*, Payot, Paris, 1943, 288 trang.
- Adrien Launay, *Histoire ancienne et moderne de l'Annam*, Challamel Aîné, Paris, 1884, 251 trang.
- Albert Duchêne, *Un ministre trop oublié Chasseloup-Laubat*, Société des Géographiques, Maritimes et Coloniales (Hội Địa dư, Hàng hải và Thuộc địa), 1932, 298 trang.
- Alfred Schreiner, *Les institutions annamites avant la conquête française*, Sài Gòn, tập I, 1900, 338 trang, tập II, 1901, 324 trang, tập III, 1902, 322 trang.
- Cha Louis-Eugène Louvet, *La Cochinchine religieuse*, Ernest Leroux, Paris, 1885, 567 trang.
- Charles B. Maybon, *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)* (Lịch sử hiện đại của xứ An Nam (1592-1820), Luận án Tiến sĩ, in ở Paris, 1919, 416 trang.
- Charles Gosselin, *L'Empire d'Annam*, Perrin et C^{ie} Paris, 1904, 560 trang.
- E. Luro, *Le pays d'Annam (Etude sur l'organisation politique et sociale des Annamites)*, Ernest Leroux, Paris, 1878, 247 trang.
- Fava (Đức cha, Đức giám mục de Grenoble), *Un marin français, Doudart de Lagrée*, Baratier et Dardelet, Grenoble, 1892, 29 trang.
- Francis Garnier, *The French in Indo-China with a Narrative of Garnier's Explorations in Cochinchina, Annam and Tonkin*, White Lotus, Bangkok, 1994, 142 trang.
- Francis Garnier, *Voyage d'exploration en Indochine*, La Découverte illustrée, Paris, 1995, 255 trang.
- Gabriel Aubaret (dịch từ chữ Hán), *Histoire et description de la Basse Cochinchine (Pays de Gia Định)*, xuất bản theo lệnh của Ngài Bá tước

- Chasseloup-Laubat, Challamel Aîné, Paris, 1863, Imprimerie Impériale, 13 trang.
- Georges Taboulet, *La Geste française en Indochinois*, tập II, Maisonneuve, Paris, 1956, 935 trang.
- Henri de Ponchalon (Đại tá), *Indochine souvenirs de voyage et de campagne 1858-1860*, Alfred Marne et Fils, Tours, 1866, 336 trang.
- Jean Bouchot, *La naissance et les premières années de Saigon, ville française*, Albert Portal, Sài Gòn, 1927, 80 trang.
- Lê Thành Khôi, *Histoire du Vietnam des origines à 1858*, Sud-est Asie, Paris, 1982, 452 trang.
- Lê Thành Tường, *Un patriote annamite, admirateur de la France (essai sur la vie de Phan Thanh Gian Vice-roi de Cochinchine)*, Nam Kỳ ấn hành, Hà Nội, 1938, 114 trang.
- Léopold Pallu de La Barrière, *Histoire de l'expédition de Cochinchine en 1861*, Berger-Levrault et Cie, Paris, 1888, 365 trang.
- M. Des. Tournays, *Examen de la brochure de M. H. Abel intitulée: La question Cochinchine au point de vue des intérêts français*, Sài Gòn, 1864, 14 trang.
- M. H. Abel, *La Question de Cochinchine au point de vue des intérêts français*, Challamel Aîné, Paris, 1864, 46 trang.
- Napoléon III, *Œuvre de Napoléon III*, tập II, Henri Plon-Amyot, Paris, 1856, 543 trang.
- Nguyễn Thế Anh, “Traditionalisme et réformisme à la cour de Huế dans la seconde moitié du XIXème siècle” (tr. 111-138) trong *Histoire de l'Asie du sudest, révoltes, réformes, révolutions* (văn bản do Pierre Brocheux tập hợp), Presses universitaires de Lille, 1981, 280 trang.
- Nguyễn Xuân Thọ, *Histoire de la pénétration française au Viet Nam (1858-1897)*, Nxb. Chùa Linh Sơn, U.S.A., 1993, 564 trang.
- P. Cultru, *Histoire de la Cochinchine française, des origines à 1883*, Challamel Aîné, Paris, 1910, 444 trang.
- Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine, colonie française*, Challamel Aîné ấn hành, Paris, 1874, 2 tập.

Philippe Devillers, *Français et Annamites. Partenaires ou ennemis?* 1856-1902, Denoël, Paris, 1998, 517 trang.

Philippe Héduy, *Histoire de l'Indochine 1624-1954*, Société de production littéraire, Paris, 1983, 365 trang.

Pierre Daudin và Lê Văn Phúc, *Phan Thanh Gian (1796-1867) et sa famille*, d'après quelques documents annamites, Nguyễn Văn Cửa, Sài Gòn, 1941, 121 trang.

Pierre Pasquier, *L'Annam d'autrefois (essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française)*, Société d'Editions Géographiques, Maritimes et Coloniales, Paris, 1930, 337 trang.

VIII – TÁC PHẨM TIẾNG VIỆT

Ca Văn Thỉnh & Bảo Định Giang, *Nguyễn Thông con người và tác phẩm*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh 1984, 325 trang.

Hoàng Lại Giang, *Lê Văn Duyệt*, Nxb. Văn Hóa-Thông Tin, 1999, 317 trang.

Hoàng Lại Giang, *Phan Thanh Giản – Nỗi đau trăm năm*, Nxb. Văn học, 1996, 312 trang.

Hoàng Xuân sưu tầm và chú giải, *Phan Thanh Giản và Huỳnh Mãn Đạt thi tập*, Anh Phương, 1935, 47 trang.

Nam Xuân Thọ, *Phan Thanh Giản (1796-1867)*, Tân Việt, Sài Gòn, 1950, 119 trang.

Nguyễn Duy Oanh, *Chân dung Phan Thanh Giản* (Luận án), Tủ sách Sử học, Sài Gòn, 1974,

Nguyễn Kỳ Nam, *Hồi Ký 1925-1964*, tập II, 1945-1954, Nxb. Giáp Thìn, 502 trang.

Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Tủ sách Sử học.

Phạm Phú Thứ, *Nhật Ký đi Tây*, Nxb. Đà Nẵng, 1999, 359 trang.

Phạm Văn Sơn, *Việt sử tân biên*, tập V, in ở Sài Gòn, 1962, 452 trang.

Phan Hoàng, *Phong vận tướng lĩnh Việt Nam, tuyển tập*, Nxb. Trẻ, 2000, 430 trang.

- Phan Khoang, *Việt Nam Pháp thuộc sử*, Khai Trí, Sài Gòn, 1961, 487 trang.
- Quốc Ân, *Phan Thanh Giản*, Nxb. Bọn Trẻ, Sài Gòn, 1958, 64 trang.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, tập II, Đại Nam tái bản, Glendale, CA, 91202, U.S.A., 354 trang.
- Trương Bá Cẩn, *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh, 1988, 513 trang.
- Trương Bá Cẩn-Phạm Cao Dương-Lê Văn Hảo-Nguyễn Khắc Ngũ-Trần Trọng Phú-Lý Chánh Trung, *Kỷ niệm 100 năm Pháp chiếm Nam kỳ*, Nxb. Thế Giới, Sài Gòn, 1967, 240 trang.

MỤC TỪ TRA CỨU

A

A. Lomon – 162

Abel (Andrien-Barthélemy-Louis Rieunier) – 62, 162, 176, 233

Adran – 5

Adrien Petit – 138

Alexandre de Rhodes (thừa sai dưới thời vua Louis XIV) – 5

Ansart – 17, 101-104, 167, 220-221, 237

Ariès – 169

Armand – 163

Aubaret (Lãnh sự Pháp ở Bangkok kiêm phiên dịch) – 4-49, 52-58, 60, 62, 65-66, 68-69, 73, 162-163, 172, 173-175, 177, 180-181

Axoa (Acha Xoa hay Asoa, Hoàng thân Cao Miên) – 196

B

Bảo Đại (Hoàng đế cuối cùng của Việt Nam) – 1, 138-139

Bonard (đô đốc-thống đốc) – 11-12, 14, 18, 20-21, 26-28, 31-34, 37-44, 48-49, 51, 61-62, 64-65, 159, 164-166, 170, 199, 234

Bovet (thiếu tá bộ binh) – 194

Branda – xem Paul Réveillère

Bùi Quĩ – 156

C

Ca Văn Thỉnh – 108

Cảm Hóa (quận công) – 21

Cảnh (Hoàng tử, con vua Gia Long) – 4

Cao Bá Quát – 83

Carlos (vua Tây Ban Nha) – 40

Cecille (đô đốc) – 6

Champeaux (de) – 223

Charles Duval – 162

Charles Gosselin (nhà nghiên cứu sử) – 30, 48

Charner/Sha (đô đốc) – 13, 64

Chasseloup-Laubat (Hầu tước, Bộ trưởng Hải quân) – 11, 28, 49, 51, 61-62, 65-67, 70, 73-75, 163, 165, 176-177, 189, 233

Chương Thâu – 87

Công Tây Xích (môn đệ của Khổng Tử) – 135

Courbet – 99

Cultru – 101

D, Đ

Damoclès – 159
Đặng Huy Vận – 87
Đặng Xuân Bảng – 160
Đào Thái Hạnh – 77, 218
Đinh Kỳ Diên – 148
Đỗ Thúc Tĩnh – 146, 152
Domange (thiếu tá bộ binh) – 196
Đồng Khánh (Hoàng đế thứ chín triều Nguyễn) – 1, 106, 131, 134
Doudart de Lagrée – 75
Drouyn de Lhuys (Bộ trưởng Ngoại giao dưới thời Napoléon III) – 56
Édouard Balézeaux – 149
Émile Keller – 58
Francis Garnier – 75, 162

G

Galay (trung tá hải quân) – 195
Gauthier (giám mục) – 172
Georges Taboulet – 100, 180, 218
Gernot (linh mục) – 203
Gia Long (Hoàng đế đầu tiên triều Nguyễn) – 5, 39, 229
Guilhenny (thiếu tá pháo binh) – 194

H

Hai Bà Trưng – 236
Hải Ngọc – 236
Hamelin (Bộ trưởng của Napoléon III) – 8, 10, 233

Hán Văn Đế – 90
Henri Galos – 162
Herrengt (thừa sai) – 41-42
Hồ Chí Minh – 236-237
Hồ Hữu Tường – 141
Hoàng Diệu – 90
Hoàng Lại Giang – 114
Hoàng Mùi – 161
Hoàng Ngọc Dao – 185, 186
Hoàng Thu – 158
Hoàng Tuấn Tích – 161
Hoàng Văn Tuyền – 156
Hoàng Xim [Tá/Kế] Viêm – 151
Hung Nô – 90
Huy (bá hộ) – 47
Huỳnh Thúc Kháng (nhà báo, nhà canh tân) – 4, 129, 237

J, K

Jaurès (đô đốc) – 164
Khiết Đan – 90
Khổng Tử – 1, 113, 234

L

La Grandière (de) (đô đốc) – 2, 14, 49, 51, 61-62, 64, 66, 67, 72-75, 98, 138, 143, 163-165, 168; 176-177, 179-181, 186, 188-189, 192, 199-100, 202, 212-213, 223, 225-226, 229, 233

- La Grandière (phu nhân đô đốc) – 2, 182, 184
- La Grandière (Tủ tước Gilles de, cháu cố của đô đốc) – 2, 28, 182
- Lâm Duy Hiệp (hay Lâm Duy Thiếp, đồng sự của Phan Thanh Giản) – 16, 18, 22-24, 27, 29, 31-33-34, 37, 50, 80, 84, 88, 92, 96, 110, 131-136, 146, 158
- Lâm Thành Đăng – 185
- Lapierre (đại tá hải quân) – 6
- Larclause (de) – 75
- Lê (triều đại ngay trước triều Nguyễn) – 39
- Lê Chỉ Tín – 151
- Le Coniat (bác sĩ của Hải quân Pháp) – 77, 220, 222
- Lê Danh Đề – 142
- Lê Đình Đức – 146
- Lê Hữu Hương – 149
- Lê Hữu Thường – 147
- Lê Minh Đạo – 236
- Lê Thanh Cảnh – 18
- Lê Tô – 154-155
- Lefebvre – 6
- Legrand de La Liraye (thừa sai, phiên dịch) – 10, 182, 233
- Lemire – 25-26
- Lénine – 236
- Lesage – 75
- Lộc (tổng đốc, Trần Bá Lộc) – 216
- Lôi Tân Thiên – 35
- Lưu Lượng – 146-151
- M**
- Mạnh Tử – 234
- Marc (thừa sai) – 103-104, 221-222, 237
- Marchaisse (trung tá) – 75
- Miên Thẩm (Tùng Thiện Vương) -
- Minh Mạng (Hoàng đế thứ hai dưới triều Nguyễn) – 5-6, 16, 87, 101
- Minh/Mính Viên (Huỳnh Thúc Kháng) – 129
- N**
- Nam Xuân Thọ – 102, 117 126
- Napoléon III (Hoàng đế Pháp) – 1, 11, 12, 40, 51, 53, 69, 124, 170, 189, 225
- Ngô Đức Kế (nhà canh tân) – 4
- Ngô Quang Tuấn – 160
- Ngụy Khắc Đản (bồi sứ trong phái bộ Phan Thanh Giản đi Pháp) – 51, 101, 136
- Nguyễn (triều đại quân chủ chuyên chế cuối cùng của Việt Nam) – 20-21, 83, 108, 111-113, 223
- Nguyễn Ánh – xem Gia Long
- Nguyễn Bá Nghi (thượng thư dưới triều Tự Đức) – 13, 16-19, 88, 161
- Nguyễn Công Nhân – 155

Nguyễn Cửu Trường – 147
 Nguyễn Đăng Điều – 147
 Nguyễn Diễm – 161
 Nguyễn Diêu – 234
 Nguyễn Đình Chiểu – 106, 117, 234
 Nguyễn Đình Tân – 157-158
 Nguyễn Đình Thuởng – 1, 154
 Nguyễn Đức Hẫu – 23-24
 Nguyễn Đức Hộ – 148
 Nguyễn Duy – 154-155
 Nguyễn Hồng Huy – 14
 Nguyễn Hữu Cơ – 216
 Nguyễn Hữu Độ (đại thần, nhạc
 phụ vua Đồng Khánh) – 131-132
 Nguyễn Khắc Đạm (chuyên đề Sử
 học năm 1963) – 100
 Nguyễn Quang Ân – 84
 Nguyễn Quốc Trạch – 158
 Nguyễn Quý Anh – 129
 Nguyễn Thúc Nhận – 90
 Nguyễn Tri Phương – 84-85, 90,
 127, 141, 146, 153, 157, 216
 Nguyễn Trọng Lợi – 129
 Nguyễn Trường Tộ – 234
 Nguyễn Túc Trưng – 151
 Nguyễn Uy – 185
 Nguyễn Văn Chấn – 156
 Nguyễn Văn Hồng – 91
 Nguyễn Văn Nhã – 82

Nguyễn Văn Phong – 160
 Nguyễn Văn Thông (linh mục) – 149
 Nguyễn Văn Thông (Nguyễn Thông)
 (quan triều Nguyễn) – 127-129
 Nguyễn Xuân Thọ – 15, 19, 21
 Norodom – 63

P

Palanca (đại tá, đại diện toàn quyền
 của Tây Ban Nha ký hiệp ước
 1862) – 25
 Paul Réveillère (tức Branda; đại tá
 hải quân) – 219
 Paulin Vial – 25-26, 75-76, 199, 218,
 222, 226, 228, 229
 Pedro Lê Duy Phụng (tự xưng là hậu
 duệ họ Lê) – 17
 Phạm Hữu Nghị – 147
 Phạm Huy – 147
 Phạm Phú Thứ – 51, 118, 122-124,
 126, 136, 216
 Phạm Thế Hiển – 146, 153, 157
 Phạm Văn Đồng – 236
 Phạm Văn Sơn – 100, 103
 Phạm Viết Chánh – 130
 Phan Bội Châu (nhà canh tân) – 4
 Phan Châu Trinh – 4, 129
 Phan Hồng Huân (Phan Huân, quan
 đồng triều với Phan Thanh Giản,
 thuộc phe chủ chiến) – 83-84, 141
 Phan Hữu Từ – 156

Phan Huy Lê (nhà nghiên cứu sử) –
92, 105-108, 110-111, 113-114

Phan Huy Vịnh – 181, 216

Phan Khắc Thận – 155

Phan Lương Khê (Phan Mai Xuyên,
Phan Thanh) – xem Phan Thanh
Giản

Phan Thanh Giản – 1-4, 12, 16, 18,
22-25, 27, 29, 30-38, 41, 44, 46-
53, 56, 58, 60-62, 65, 73-74, 76-77,
79-84, 87, 89-92, 94-98, 100-103,
105-108, 110, 113-115, 117-118,
121, 123, 127-132, 134, 136, 138-
139, 141, 143, 150-151, 159, 162-
165, 170-172, 173-174, 176, 179-
182, 184-186, 190, 195-196, 199,
206, 216-220, 222-225, 229-231,
233-238

Phan Thanh Giản (phu nhân) – 101

Phan Trung Nghĩa – 185

Phú Bật – 218

Phù Lang Trương Bá Phát – 140

Phụng (Tạ Văn Phụng) – 20

Phượng Thành – 130

Pierre Daudin – 100

Pierre Loti (sĩ quan hải quân, nhà
văn) – 99

Plutarque – 3, 117

Pou-Combô (Kombô) – 75, 192,
194, 196, 212-213

Pra-Keo-Fa (Hoàng thân Cao Miên)
– 205, 212-213

Q, R

Quản Định – xem Trương Công
Định

Reboul (tổng tham mưu trưởng) –
101

Rieunier (xem Abel; sĩ quan hải
quân) – 49, 54

Rigault de Genouilly (đô đốc, Bộ
trưởng Hải quân) – 10, 44, 64, 232

Roze – 189

S

Sha (xem Chamer)

Simon (chỉ huy/thiếu tá) – 21

Socrate (triết gia Hy Lạp) – 115, 140

T

Tạ Hữu Khuê – 147

Tạ Văn Phụng (hay Phụng Kỳ, Lê
Duy Phụng (Pedro), lãnh đạo khởi
nghĩa chống nhà Nguyễn ở Bắc
Kỳ) – 19-21

Thái Hữu Võ – 102

Thiên Hộ Dương (Võ Duy Dương)
– 74, 178-179

Thiệu Trị (Hoàng đế thứ ba thời nhà
Nguyễn) – 5-6, 87, 101

Tôn Thất Cáp – 154-155

Tôn Thất Hạp – 157

Tôn Thọ Tường – 88

Tổng Chân Tôn -

Tổng Chân Tôn – 80

Tournays (des) – 162
 Trần Đình Thiều – 185
 Trần Đình Túc – 18
 Trần Gia – 230
 Trần Hoán – 216
 Trần Huy Liệu (nhà nghiên cứu sử)
 – 86-87, 89-99, 105, 107, 114
 Trần Mạnh Hảo – 114-115
 Trần Quý Cáp – 4, 129, 154
 Trần Sán – 131-132
 Trần Tiến Thành – 22, 216
 Trần Văn Tuấn – 146
 Triệu Duyệt Đạo (quan ngự sử dưới
 thời Tống) – 135
 Trương (thượng thư bộ Hộ) – 38, 43
 Trương Bá Phát (Phù Lang) – 140
 Trương Công Định/Trương Định
 (Quản Định) – 29, 34-36, 41-44,
 46-48, 65, 91, 96, 106-107, 112,
 141, 159
 Trương Đăng Quế – 22, 84, 146, 151
 Trương Hữu Kỳ – 100-101
 Trương Lương (đại thần đời nhà
 Hán) – 138
 Trường Sơn Chí – 140
 Trương Tổng đốc – 77
 Trương Tuấn – 218
 Trương Văn Uyển – 31, 216

Trương Vĩnh Ký (học giả, phiên
 dịch) – 136, 217
 Tự Đức (Hoàng đế thứ tự của triều
 Nguyễn) – 1, 3-5-6, 15-17, 1~ 21-
 24, 27, 29-30, 32-34, 37, 40-42,
 44, 47-53, 56, 61-6L, 66, 73-75,
 77-80-82, 84-85, 87, 88, 92, 94-95,
 97-98, 101-103, 110, 112-113, 121-
 122, 127-129, 133, 143-146, 149-
 150, 153, 154, 157, 159, 162, 165,
 172, 173-176, 179-184, 195, 198,
 207, 217, 234-235, 237
 Tùng Thiện Vương (hay Miên
 Thẩm, chú của Tự Đức) – 129-237

V

Võ Duy Dương – xem Thiên Hộ
 Dương
 Võ Hồng Huy – 83
 Võ Phạm Châu – 149
 Vũ Cái – 161
 Vũ Đình Bình – 85, 127
 Vũ Trọng Bình – 216
 Vương Hồng Sển – 47
 Vương Quang Nhường – 102

W, Y

Walewski – 8, 10
 Yuan (Nguyễn, một đại thần của Tự
 Đức) – 13, 23

PHỤ LỤC TÀI LIỆU

Các thỏa ước ký kết giữa Tổng tư lệnh Nam Kỳ với Tổng đốc
Vĩnh Long và Tuần phủ Thuận Khánh

DOCUMENT ANNEXE 1 (3 pages)

6^e annex. à la Sup. de l'amiral Bonard 7th 1862

166

CONVENTIONS

CONCLUES ENTRE

LE COMMANDANT EN CHEF EN COCHINCHINE,

ET LES GOUVERNEURS

DE VINH-LUONG ET DE BINH-TUAN.



(TRADUCTION.)

I.

Le Gouverneur général de *Vinh-Luong* fera publier et répandre l'Edit royal, afin que les personnes désignées dans ledit Edit s'y conforment en se retirant de notre territoire et que le peuple rentre chez lui. Aucun des mandarins actuellement en hostilité ne devra prolonger un pareil état.

Le Commandant en chef informera les divers postes et bâtiments stationnaires que l'Edit royal ayant pour but la rentrée des mandarins et des troupes actuellement sur notre territoire, il ne devra être porté aucun empêchement à ce mouvement.

Afin d'éviter toute erreur ou toute contestation involontaires, le Commandant en chef informera le Commandant de *Mytho*, afin que celui-ci prépare des *laissez-passer* qu'il délivrera aux mandarins ou soldats amamites se rendant en Haute-Cochinchine en traversant le territoire de *Phuoc-tuy-phu*.

Il n'y aura de la sorte aucun empêchement ni obstacle à la rentrée dans leur pays de ces mandarins et soldats.

Cependant, ledit *laissez-passer* indiquera que son porteur doit se rendre directement et sans détours dans le *Phuoc-tuy*.

Le Gouverneur général de *Vinh-tuong* exposera clairement au Commandant de *Mytho* (lorsque la rentrée de mandarins ou de soldats devra avoir lieu), s'il s'agit de mandarins, de soldats ou de gens du peuple; il indiquera leur nombre exact, le lieu où ils se rendent, la route qu'ils doivent suivre. Le Commandant de *Mytho* étant ainsi informé, les erreurs ne seront pas possibles.

II.

Dorénavant, lorsque le Gouverneur général de *Vinh-tuong* aura à correspondre avec celui du *Binh-tuân*, il emploiera un cachet portant à la partie supérieure les mots français: COURRIER DU ROI. Ce cachet, placé sur l'enveloppe des dépêches, sera connu des divers Chefs de postes et la correspondance ne pourra pas ainsi être entravée. Il en sera de même pour les communications de *Binh-tuân* avec *Vinh-tuong*. Cette correspondance pourra se faire directement en barque de *Vinh-tuong* à *Phuoc-tuy-phu*, mais s'il se présente quelque occasion de courriers français, elle sera adressée à bord des vapeurs.

Le Commandant en chef donnera un pareil cachet à chacun des Gouverneurs.

Il y aura pour la correspondance entre les deux Gouverneurs trois postes de courriers de trente hommes chacun, l'un à *Vinh-tuong*, l'autre à *Binh-tuân*, le troisième à *Phuoc-tuy-phu*.

Le Chef de ce dernier poste fera connaître au Commandant de *Phuoc-tuy-phu* quel est le lieu de la demeure desdits trente courriers autorisés à séjourner sur notre territoire.

- 3 -

III.

Les hostilités étant partout entièrement terminées, tout Annamite mandarin, soldat ou homme du peuple peut s'en retourner tranquillement chez lui, pour y reprendre ses occupations, s'il était ouvrier ou commerçant, et cela sans qu'il y ait de leur part la moindre crainte ni appréhension.

Ceux qui auront à traverser notre territoire pour rentrer en Haute-Cochinchine devront en faire la déclaration précise, afin qu'il n'y ait pour eux aucun obstacle ni empêchement.

IV.

Le désir du Commandant en chef ainsi que celui du Gouverneur général étant que rien ne trouble la paix ni la bonne entente, ces deux hauts fonctionnaires correspondront entre eux toutes les fois que quelque doute s'élevant dans l'esprit de l'un d'eux, celui-ci désirera être éclairci à ce sujet, afin que, par des explications sincères et amicales, la paix soit éternellement durable.

En outre, si quelque brigand, pirate ou coupable, s'enfuit d'un territoire sur l'autre, les deux hauts fonctionnaires, s'en donnant avis réciproquement, feront leurs efforts pour s'emparer d'eux et les livrer à la juridiction d'où ils ressortent. Ainsi, les coupables et brigands n'ayant aucun lieu où ils puissent se réfugier, la piraterie ne manquera pas de faire place à la sécurité pour les gens honnêtes et enfin l'emploi de moyens aussi sincères de part et d'autre ne manqueront pas non plus d'établir sans altération une paix perpétuelle.

Saïgon, le 30 juillet 1862.

Certifié conforme :

Le Contre-Amiral commandant en chef,

Signé BONARD.

I

Tổng đốc Vĩnh Long được phép công bố và phổ biến Sắc lệnh, để những người được chỉ định trong sắc lệnh nói trên sẽ tuân thủ bằng cách rút khỏi lãnh thổ của chúng tôi còn người dân được quay về nhà. Không một quan lại nào đang nắm quyền được phép kéo dài tình trạng hiện nay.

Tổng tư lệnh sẽ thông báo cho các đồn và các tàu tuần tra khác nhau rằng Sắc lệnh, vì có mục đích để cho giới quan lại và quân đội hiện đang đóng trên lãnh thổ của chúng ta trở về lãnh thổ nước họ, nên phải được thực hiện mà không có bất kỳ trở ngại gì cho việc này.

Để tránh bất kỳ sai sót hoặc tranh chấp không chủ ý, Tổng tư lệnh sẽ thông báo cho Tư lệnh Mỹ Tho, để người này có thể chuẩn bị các giấy thông hành phát cho các quan hoặc binh lính An Nam di chuyển sang Thượng Đàng Trong ngang qua lãnh thổ từ *Phước-tuy-phủ*¹.

Theo cách này, sẽ không có sự ngăn chặn hay trở ngại nào đối với việc quan lại và những người lính trở về lãnh thổ của họ.

Tuy nhiên, những giấy thông hành sẽ chỉ ra rằng người mang nó phải đi thẳng và không đi đường vòng vào Phước Tuy.

Tổng đốc Vĩnh Long sẽ trình bày rõ với Tư lệnh Mỹ Tho (khi nào thì các quan hoặc binh lính hồi hương), bất kể họ là quan, lính hay thường dân; ông sẽ chỉ ra con số chính xác, nơi họ đi, con đường họ phải theo. Khi Tư lệnh Mỹ Tho được thông báo như vậy, sẽ không thể có sai sót gì.

II

Từ đây, khi Tổng đốc Vĩnh Long trao đổi thư tín với Bình Thuận, ông sẽ sử dụng một dấu đóng phía trên các chữ tiếng Pháp: COURRIER DU ROI. Con dấu này, được đóng trên phong bì của những điện văn, sẽ được những trưởng trạm thơ nhận biết và việc trao đổi thư từ sẽ không thể bị cản trở. Tương tự đối với các trao đổi giữa Bình Thuận với Vĩnh Long. Sự liên lạc này có thể được thực hiện trực tiếp bằng thuyền từ Vĩnh Long đến Phước

1. Túc Phủ Phước Tuy, từng thuộc tỉnh Biên Hoà gồm 3 huyện Phước An, Long Thành và Long Khánh. (BT)

Tuy Phủ, nhưng nếu phát sinh tình huống thư tín của Pháp, chúng sẽ được gửi bằng tàu hơi nước.

Tổng tư lệnh sẽ trao một con dấu như vừa nêu trên cho mỗi Thống đốc.

Sẽ có sự liên lạc giữa hai thống đốc ba trạm thơ mỗi trạm ba mươi người, một ở Vĩnh Long, một ở Bình Thuận, trạm thứ ba ở Phước Tuy Phủ.

Trưởng trạm cuối sẽ thông báo cho Tư lệnh Phước Tuy Phủ, nơi cư trú của ba mươi thư tín viên được cho phép ở lại trên lãnh thổ của chúng tôi.

III

Sự thù địch ở khắp mọi nơi hoàn toàn chấm dứt, mọi quan lại An Nam, binh lính hay người dân đều có thể trở về nhà trong yên bình để tiếp tục công việc của mình, cho dù họ là thợ thuyền hay thương gia, và điều này không gây cho họ bất kỳ sự sợ hãi hay e ngại nào.

Những người sẽ phải đi qua lãnh thổ của chúng tôi để trở về Thượng Đàng Trong phải trình báo chính xác, để không gặp trở ngại hay ngăn cản nào.

IV

Mong muốn của Tổng tư lệnh và của Toàn quyền đại thần là không làm mất hòa khí hay thiện chí, hai quan chức cấp cao này sẽ trao đổi với nhau bất cứ khi nào có sự nghi ngờ giữa họ, những vấn đề sẽ được làm sáng tỏ, để qua những lời giải thích chân thành và thân thiện, hòa bình sẽ tồn tại mãi mãi.

Hơn nữa, nếu bất kỳ kẻ côn đồ, cướp biển hoặc tội phạm nào chạy trốn từ lãnh thổ này sang lãnh thổ khác, hai quan chức cấp cao, trao đổi hỗ trợ hết lòng, sẽ nỗ lực bắt giữ và giao chúng cho quyền phán xử của nơi xuất phát. Do đó, tội phạm và kẻ cướp không có nơi nào có thể ẩn náu, không có cướp bóc, bảo vệ an ninh cho những người dân lương thiện và cuối cùng bằng cách cả hai bên chân thành với nhau sẽ không còn bỏ lỡ, để thiết lập không thay đổi, một nền hòa bình vĩnh cửu.

Sài Gòn, ngày 30 tháng 7 năm 1862.

Chứng thực tuân thủ:

Tổng tư lệnh quân đội

Đã ký BONARD.

Văn bản hòa ước Pháp-Đại Nam ngày 5 tháng 6 năm 1862

A/ Bảng Hán văn

DOCUMENT ANNEXE 2 a (16 pages)

1

大皇帝
大皇帝
大皇帝
大皇帝
大富浪沙國
大南國
大皇帝切願將三國不協之處調和以敦永好
是以

大富浪沙國

大皇帝特派總統水陸軍民大元帥欽充議和

正使全權大臣鋪那

大衣坡儒國

大皇帝特派陸路大將軍欽充議和正使全權

大臣巴朗歌

大南國

大皇帝特派協辦大學士領禮部尚書欽充議

和正使全權大臣潘清簡兵部尚書欽
充議和副使全權大臣林維浹為欽差
全權大臣便宜行事彼此既將所奉便
宜行事之

上諭及欽差全權之

詔勅公同較閱查核俱屬妥當即將所立條款

開列於後

第壹款自後

大富浪沙
兩國
大衣坡儒

皇上與

大南國

皇上及三國之民無論何人在何地方均永遠

和好友誼敦篤

第貳款茲富浪沙衣坡儒兩國在

大南國設行

天主教凡南國無論何人有願從
天主之教者悉聽其便不願者亦不强

第叁款茲既議和宜將邊和嘉定定祥三
省全地方及崑崙島一處統歸

大富浪沙國

皇上管轄如富浪沙國商人運大小船隻由大
洋以及各派江河往高蠻等處作生意
者悉要聽從其便若有富浪沙國兵船

從此洋及各江往來察看者亦聽其便
 第肆款自議和後如有別國欲向南國惹
 事或欲割地說和

大南國

皇上必須發信使與

大富浪沙國

皇上商議隨宜相助其別國和款內如有割地
 之事

大富浪沙國

皇上允行則行不允行則不必行

第伍款如有富浪沙衣坡儒兩國商民人等來安南沱灑巴漈廣安三港口作生意者均宜彼此相安各隨其便所有南國稅例宜照例交納若南國商人欲往富浪沙衣坡儒兩國為商者亦彼此相安各從其便所有富朗沙衣坡儒兩國

稅例亦宜照例交納如有別國商人來
 南國作商者南國各官不得私為庇護
 過於富浪沙衣坡儒兩國倘有商賈利
 益施於別國者亦須有商賈利益施於
 富浪沙衣坡儒兩國一樣

第陸款自議和後如有緊要公事須會同
 辦理者三國

皇上派出欽差大臣或於南國 京城或在富

浪沙衣坡儒兩國 京城會辦可也倘
非因公事而三國

皇上或發使問

安者亦可但富浪沙衣坡儒兩國之船至南國
沱灑汎則將船停泊欽使即起旱由陸
路進 京

第柒款茲既說和則仇怨盡捐凡南國軍
民有被富浪沙拘拿者富浪沙

皇上特降

恩詔放回所有百姓等家產亦准給回其南國
人等有投服從事富浪沙國者南國

皇上亦須特

恩赦免並不要罪親族

第捌款茲既議和須南國

皇上補富浪沙衣坡儒兩國銀肆百萬元分拾
年補足每年應交銀肆拾萬元於住扎嘉

定之富浪沙國大臣收貯此銀係補富
 浪沙衣坡儒兩國軍需之費茲已收錢
 拾萬貫俟日後交銀照除每銀壹元重
柒錢貳分計
 第玖款南國如有匪徒海賊作亂之人在
 富浪沙所屬各地方滋擾而逃回南國
 地方者或有各西國囚犯賊徒逃往南
 國地方者富浪沙國官即知會該犯所
 逃之南國地方官將該犯拿解富浪沙

國地方官治罪若有南國匪徒罪犯人等逃在富浪沙國所屬之地方者南國官亦知會富浪沙官將該犯拿送南國地方官治罪

第拾款自議和後凡永隆安江河僊三省人民往來富浪沙國所屬各地方生理者所有富浪沙國稅例已照交納則悉從其便若因公務或軍兵糧餉火藥砲

彈器械等件欲從富浪沙國所屬定祥
小海口往來者富浪沙國

皇上亦可准行但必須南國官於前拾日先為
知會富浪沙官俾得給票放行倘不先
為知會又無富浪沙官符驗而私為往
來者富浪沙官查知定將該船擊破軍
兵並拿治罪

第拾壹款永隆省現已為富浪沙國所得

今暫為駐守但富浪沙國之官兵雖住
扎於永隆凡屬南國之事歸南國官辦
理者富浪沙官兵毫無插進兼理以及
禁止等事惟南國現猶有奉

命私探乘隙進攻之各官潛藏於嘉定定祥二
省現既已息兵又立和約南國

皇上必須將此等官員召回俾地方人民均得
平安則富浪沙國即將永隆省交回南

國管屬

第拾貳款凡立和約章程後三國大臣畫
押蓋印奏上

大皇帝自畫押蓋印之日起約計限以壹年
三國

大皇帝彼此御覽欽定批准即在南國 京城
互交存照

右和約於嘉定省妥定

大富浪沙國欽差全權大臣鋪那

大衣坡儒國欽差全權大臣巴朗歌

大南國欽差全權大臣

潘清簡
林維浹

降生壹千捌百陸拾貳年陸月初伍日即
嗣德拾伍年伍月初玖日

B/ Bằng Pháp ngữ (Tài liệu được chuyển giao từ Tủ tước G. de La Grandière)

DOCUMENT ANNEXE 2 b (6 pages)

TRAITÉ DE PAIX

CONCLU ENTRE

S. M. L'EMPEREUR DES FRANÇAIS

ET LE ROI D'ANNAM.

Aujourd'hui,

LL. MM.

NAPOLÉON III, EMPEREUR DES FRANÇAIS,

ISABELLE II, REINE D'ESPAGNE,

et

TU-DUC, ROI D'ANNAM,

Désirant vivement que l'accord le plus parfait règne désormais entre les trois nations

de France, d'Espagne et d'Annam, voulant aussi que jamais l'amitié ni la paix ne soient rompues entre elles,

A ces causes :

Nous, LOUIS-ADOLPHE BONARD, Contre-Amiral commandant en chef le corps expéditionnaire franco-espagnol en Cochinchine, Ministre plénipotentiaire de Sa Majesté l'Empereur des Français, Commandeur des Ordres impériaux de la Légion d'honneur et de Saint-Stanislas de Russie, Commandeur de Saint-Grégoire-le-Grand de Rome, et Chevalier de l'Ordre royal de Charles III d'Espagne,

DON CARLOS PALANCA GUTIERREZ, Colonel commandant général du corps expéditionnaire espagnol en Cochinchine, Commandeur de l'Ordre royal américain d'Isabelle-la-Catholique et de l'ordre impérial de la Légion d'honneur, Chevalier des Ordres royaux et militaires de Saint-Ferdinand et de Saint-Herménégilde, Ministre plénipotentiaire de Sa Majesté Catholique Dona Isabelle II, Reine des Espagnes,

Et

Nous, PHAN-TANH-GIAN, Vice-Grand-Censeur du royaume d'Annam, Ministre Président du Tribunal des Rites, Envoyé plénipotentiaire de Sa Majesté Tu-Duc, assisté de :

Nous, LAM-GIEN-THIEP, Ministre Président du Tribunal de la Guerre, Envoyé plénipotentiaire de Sa Majesté Tu-Duc,

Tous munis de pleins et entiers pouvoirs pour traiter de la paix et agir selon notre conscience et volonté, nous sommes réunis, et, après avoir échangé nos lettres de créance que nous avons trouvées être parfaitement en règle,

Nous sommes convenus, d'un commun accord, de chacun des articles qui suivent et qui composent le présent traité de paix et d'amitié :

ARTICLE PREMIER.

Il y aura dorénavant paix perpétuelle entre l'Empereur des Français et la Reine

d'Espagne d'une part, et le Roi d'Annam de l'autre; l'amitié sera complète et également perpétuelle entre les sujets des ~~deux~~ nations, en quelque lieu qu'ils se trouvent.

³
ARTICLE 2.

Les sujets des deux nations de France et d'Espagne pourront exercer le culte chrétien dans le royaume d'Annam, et les sujets de ce royaume, sans distinction, qui désireront embrasser et suivre la religion chrétienne le pourront librement et sans contrainte; mais on ne forcera pas à se faire chrétiens ceux qui n'en auront pas le désir.

⁴
ARTICLE 3.

Les trois provinces complètes de Bien-hoa, de Gia-dinh et de Dinh-tuong (Mytho), ainsi que l'île de Pulo-Condore, sont cédées entièrement par ce traité en toute souveraineté à Sa Majesté l'Empereur des Français.

En outre, les commerçants français pourront librement commercer et circuler sur des bâtiments, quels qu'ils soient, dans le grand fleuve du Cambodge et dans tous les bras de ce fleuve; il en sera de même pour les bâtiments de guerre français envoyés en surveillance dans ce même fleuve ou dans ses affluents.

⁵
ARTICLE 4.

La paix étant faite, si une nation étrangère voulait, soit en usant de provocation, soit par un traité, se faire donner une partie du territoire annamite, le Roi d'Annam préviendra par un envoyé l'Empereur des Français, afin de lui soumettre le cas qui se présente, en laissant à l'Empereur pleine liberté de venir en aide ou non au royaume d'Annam; mais si, dans ledit traité avec la nation étrangère, il est question de cession de territoire, cette cession ne pourra être sanctionnée qu'avec le consentement de l'Empereur des Français.

ARTICLE 5.

Les sujets de l'empire de France et du royaume d'Espagne pourront librement commercer dans les trois ports de Tourane, de Balaï et de Quang-an.

Les sujets annamites pourront également librement commercer dans les ports de France et d'Espagne, en se conformant toutefois à la règle des droits établis.

Si un pays étranger fait du commerce avec le Royaume d'Annam, les sujets de ce pays étranger ne pourront pas jouir d'une protection plus grande que ceux de France ou d'Espagne, et si ce dit pays étranger obtient un avantage dans le royaume d'Annam, ce ne pourra jamais être un avantage plus considérable que ceux accordés à la France ~~ou~~ l'Espagne.

ARTICLE 6.

La paix étant faite, s'il y a à traiter quelque affaire importante, les trois Souverains pourront envoyer des Représentants pour traiter ces affaires dans une des trois capitales.

Si, sans affaire importante, l'un des trois Souverains désirait envoyer des félicitations aux autres, il pourra également envoyer un Représentant. Le bâtiment de l'envoyé français ou espagnol mouillera dans le port de Tourane, et l'envoyé ira de là à Hué par terre, où il sera reçu par le Roi d'Annam.

ARTICLE 7.

La paix étant faite, l'inimitié disparaît entièrement; c'est pourquoi l'Empereur des Français accorde une amnistie générale aux sujets soit militaires, soit civils du Royaume d'Annam compromis dans la guerre et leurs propriétés séquestrées leur seront rendues.

Le Roi d'Annam accorde également une amnistie générale à ceux de ses sujets qui se sont soumis à l'autorité française, et son amnistie s'étend sur eux et sur leurs familles.

ARTICLE 8.

Le Roi d'Annam devra donner, comme indemnité, une somme de quatre millions de dollars, payable en dix ans, donnant ainsi chaque année quatre cent mille dollars, qui seront remis au Représentant de l'Empereur des Français à Saïgon. Cet argent a pour but d'indemniser les dépenses de guerre de la France et de l'Espagne.

~~Les cent mille ligatures déjà données seront déduites.~~

Le royaume d'Annam n'ayant pas de dollars, le dollar ~~sera~~ ^{sera} représenté par une valeur de soixante-douze centièmes de taël.

ARTICLE 9.

Si quelque brigand, pirate ou fauteur de troubles annamite commet quelque brigandage ou désordre sur le territoire français, ou si quelque sujet européen coupable de quelque délit s'enfuit sur le territoire annamite, aussitôt que l'autorité française en aura donné connaissance à l'autorité annamite, celle-ci devra faire ses efforts pour s'emparer du coupable afin de le livrer à l'autorité française.

Il en sera de même au sujet des brigands ou pirates ou fauteurs de troubles annamites qui, après s'être rendus coupables de délits, s'enfuiraient sur le territoire français.

ARTICLE 10.

~~Les habitants des trois provinces de Vinh-tuong, d'An-tien et de Ha-tien pourront librement commercer dans les trois provinces françaises en se soumettant aux droits en vigueur; mais les convois de troupes, d'armes, de munitions ou de vivres entre les trois susdites provinces et la Cochinchine devront se faire exclusivement par mer.~~

~~Cependant, l'Empereur des Français accorde, pour l'entrée de ces convois dans le Cambodge, la passe de Mytho dite Cha-tien, à la condition toutefois que les autorités annamites en prendront à l'avance le Représentant de l'Empereur qui leur fera délivrer un laissez-passer. Si cette formalité était négligée et qu'un convoi pareil entrât sans un permis, ledit convoi et ce qui le compose seront de bonne prise et les objets seront détruits.~~

ARTICLE 11.

~~La citadelle de Vinh-tuong sera gardée jusqu'à nouvel ordre par les troupes françaises sans empêcher pourtant en aucune sorte l'action des mandarins annamites. Elle sera~~

rendue au Roi d'Annam aussitôt qu'il aura fait cesser la rébellion qui existe aujourd'hui par ses ordres dans les provinces de *Gia-dinh* et de *Dinh-tuong*, et lorsque les chefs de ces rébellions seront partis et le pays tranquille et soumis, comme il convient à un pays en paix.

ARTICLE 12.

Ce traité étant conclu entre les ^{deux} trois nations, et les Ministres plénipotentiaires desdites trois nations l'ayant signé et revêtu de leurs sceaux, ils en rendront compte chacun à leur Souverain, et à partir d'aujourd'hui, jour de la signature, dans l'intervalle d'un an, les ^{deux} trois Souverains ayant examiné et ratifié ledit Traité, l'échange des ratifications aura lieu dans la capitale du Royaume d'Annam. *à Saigon.*

En foi de quoi, les Plénipotentiaires respectifs sus-nommés ont signé le présent traité et y ont apposé leurs cachets.

A Saigon, l'an mil huit cent soixante-deux, le 5 juiu.

Tuoc, quinzième année, cinquième mois, neuvième jour.

Signé : BONARD, CARLOS PALANCA GUTIERREZ,
PHAN-TAN-GIAN et LAM-GIEN-THIEP.

Pour copie conforme :

*Le Contre-Amiral commandant en chef en Cochinchine,
Plénipotentiaire de S. M. l'Empereur.*

BONARD.

**C/ Bằng tiếng Việt (Bản dịch gần đây của GS Ngô Đức Thọ, Viện Hán
Nôm Hà Nội) (4 trang)**

DOCUMENT ANNEXE 2 c (4 pages)

ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI PHÚ LĂNG SA

ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI Y PHA NHO

ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI NAM

Vì tha thiết mong muốn điều hoà những chỗ không hoà hiệp giữa
ba nước để gìn giữ tốt đẹp lâu dài, cho nên:

-ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI PHÚ LĂNG SA đặc phái Đại nguyên súy
tổng thống thuỷ lục quân dân kính sung chức Nghị hoà chánh sứ toàn
quyền đại thần Phò Na (Bô-na),

-ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI Y PHA NHO đặc phái Lục lộ đại tướng
quân kính sung chức Nghị hoà chánh sứ toàn quyền đại thần Ba Lăng Ca
(Ba-lăng-ca)

-ĐẠI HOÀNG ĐẾ NƯỚC ĐẠI NAM đặc phái Hiệp biện đại học sĩ
lĩnh Lễ bộ thượng thư kính sung chức Nghị hoà chánh sứ toàn quyền đại
thần Phan Thanh Giản, Binh bộ thượng thư kính sung chức Nghị hoà phó
sứ toàn quyền đại thần Lâm Duy Hiệp làm Khâm sai toàn quyền đại thần
được tuỳ nghị làm việc.

Các bên đã đem ra các chiếu sắc có lời dụ của hoàng đế [bản
quốc] cho được tiện nghi hành sự và uỷ cho làm Khâm sai toàn quyền để
cùng kiểm tra xem xét, đều được thoả đáng, rồi đem các điều khoản đã
được xác lập kê ra lần lượt như sau:

Khoản thứ nhất:

Từ nay về sau vua hai nước Đại Phú Lăng Sa, Y Pha Nho và vua
nước Đại Nam cùng với dân ba nước, bất luận là người nào, ở địa phương
nào đều vĩnh viễn thành thực hoà hiếu hữu nghị với nhau.

Khoản thứ hai:

Nay hai nước Phú Lăng Sa và Y Pha Nho thiết lập và thi hành đạo
Thiên Chúa. Phàm là dân nước Đại Nam, bất luận là người nào, có
nguyện vọng theo đạo Thiên Chúa thì đều cho được tuỳ ý. Ai không
muốn theo cũng không cưỡng ép.

Khoản thứ ba:

Nay đã nghị hoà nên đem tất cả các địa phương thuộc ba tỉnh Biên
Hoà, Gia Định, Định Tường và một xứ đảo Côn Lôn cho thuộc về quyền

quần hạt của vua nước Đại Phú Lãng Sa. Nếu thương nhân nước Phú Lãng Sa vận chuyển các loại thuyền lớn nhỏ từ ngoài biển và từ các các nhánh sông ngòi đi sang các nơi ở Cao Man v.v...để buôn bán đều được tùy tiện. Nếu có binh thuyền của nước Phú Lãng Sa từ ngoài biển và các sông đi lại xem xét cũng được tùy tiện.

Khoản thứ tư:

Từ sau khi nghị hoà, nếu có nước khác đến gây sự với nước Nam hoặc muốn cắt đất để giảng hoà thì vua nước Đại Nam phải sai sứ đi thương nghị với vua nước Đại Phú Lãng Sa để tùy nghi giúp đỡ. Điều khoản nghị hoà của nước khác đó nếu có việc cắt đất, vua nước Đại Phú Lãng Sa cho làm thì làm, không cho làm thì bất tất phải làm.

Khoản thứ năm:

Nếu có thương nhân người hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho đến ba cửa cảng Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên của nước Đại Nam để buôn bán đều nên đày đó cùng yên, cho được tùy tiện, nhưng phải nộp thuế theo lệ thuế của nước Đại Nam. Nếu có thương nhân nước Nam muốn sang buôn bán ở hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho thì cũng được đày đó cùng yên, cho được tùy tiện, nhưng phải nộp thuế theo lệ thuế của nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho. Nếu có thương nhân nước khác đến nước Nam buôn bán thì các quan nước Nam không được che chở bảo hộ qua mắt hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho. Nếu có lợi ích buôn bán nào thì hành cho nước khác thì cũng phải thi hành như nhau cho cả hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho.

Khoản thứ sáu:

Sau khi nghị hoà, nếu có việc chung khẩn cấp trọng yếu thì phải hội đồng cùng nhau xử lý. Vua ba nước phải Khâm sai đại thần đến kinh thành nước Nam hoặc kinh thành hai nước Phú Lãng Sa, Y Pha Nho để cùng bàn định thì mới được. Nếu không phải vì việc chung mà vua ba nước có sai sứ giả đến vấn an cũng được. Chỉ [quy định] là thuyền hai nước Phú Lãng Sa, Y Pha Nho đến cảng Đà Nẵng của nước Đại Nam thì phải neo đậu lại, viên Khâm sứ phải lập tức theo đường bộ mà tiến Kinh.

Khoản thứ bảy:

Nay đã giảng hoà thì mọi thù oán đều vứt bỏ hết. Phạm quân dân nước Nam bị Phú Lãng Sa bắt giữ đều được vua nước Phú Lãng Sa đặc

giảng an chiếu tha về. Gia sản của dân chúng cũng chuẩn trả lại cả. Những người nước Nam theo làm việc cho nước Phú Lãng Sa thì vua nước Nam cũng phải đặc an xá miễn và không bắt tội thân tộc của họ.

Khoản thứ tám:

Nay đã nghị hoà, vua nước Nam phải bồi cho hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho số bạc là Bốn trăm vạn đồng bạc (nguyên), chia trả làm 10 năm cho đủ, mỗi năm phải giao 40 vạn đồng (nguyên) cho đại thần nước Phú Lãng Sa đóng ở Gia Định cất giữ. Số bạc này là để bồi thường chi phí quân nhu của hai nước Phú Lãng Sa và Y Pha Nho. Nay đã thu 10 vạn quan tiền, đợi ngày sau trả bằng đồng bạc sẽ khấu trừ (tính mỗi đồng bạc nặng 7 đồng cân 2 phân).

Khoản thứ chín:

Nước Nam nếu có những bọn thổ phỉ, giặc biển, những kẻ làm loạn, quấy rối ở các địa phương thuộc về nước Phú Lãng Sa mà trốn về các địa phương nước Nam, hoặc có những tên tù phạm người các nước phương Tây mà trốn vào các địa phương của nước Nam, thì quan nước Phú Lãng Sa lập tức báo cho quan địa phương của nước Nam ở nơi tên can phạm ấy ẩn trốn để bắt giải đến cho quan địa phương của nước Phú Lãng Sa trị tội. Nếu có bọn giặc cướp, bọn tội phạm người nước Nam trốn ở các địa phương thuộc nước Phú Lãng Sa thì quan nước Nam cũng báo cho quan Phú Lãng Sa biết để bắt bọn tội phạm ấy giao cho quan nước Nam trị tội.

Khoản thứ mười:

Từ sau khi nghị hoà, phạm người dân ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên đi lại buôn bán ở các địa phương thuộc về nước Phú Lãng Sa mà đã nộp thuế theo lệ thuế của nước Phú Lãng Sa rồi thì đều được tự tiện. Nếu vì việc công hoặc vận chuyển lương hướng, thuốc nổ, súng đạn, khí giới của quân binh mà muốn đi lại ở cửa biển nhỏ tỉnh Định Tường thuộc nước Phú Lãng Sa thì vua nước Phú Lãng Sa cũng chuẩn cho đi, nhưng trước đó mười ngày quan nước Nam phải báo cho quan nước Phú Lãng Sa biết để được cấp phiếu cho đi. Nếu không báo trước, lại không có giấy chứng thực của quan nước Phú Lãng Sa mà đi lại riêng lẻ, quan nước Phú Lãng Sa xét biết thì nhất định phá tan thuyền ấy và quân lính đều bị bắt giữ trị tội.

Khoản thứ mười một:

Tỉnh Vĩnh Long hiện đã thuộc về sở hữu do nước Phú Lãng Sa lấy được, nay tạm làm nơi đóng quân. Quan binh nước Phú Lãng Sa tuy đóng ở Vĩnh Long, nhưng phạm những việc thuộc về nước Nam thì trả về cho quan nước Nam xử lý, quan binh nước Phú Lãng Sa không chen vào kiểm lâm, cũng là những việc ngăn cấm cũng vậy. Duy nước Nam có các quan vắng mệnh triều đình đi do thám riêng để thừa cơ tiến đánh, hiện còn ẩn nấp ở hai tỉnh Gia Định, Định Tường. Nay đã đình chiến, lại lập hoà ước, thì vua nước Nam phải triệu hồi các viên quan ấy về, để nhân dân địa phương ấy đều được bình an, thì nước Phú Lãng Sa sẽ đem tỉnh Vĩnh Long giao trả về cho nước Nam quản thuộc.

Khoản thứ mười hai:

Phạm sau khi chương trình hoà ước đã lập rồi, đại thần ba nước ký tên đóng dấu rồi tàu lên Đại hoàng đế. Tính từ ngày ký tên đóng dấu, hạn trong một năm thì Đại hoàng đế ba nước coi xem, khám định phê chuẩn rồi giao cho nhau tại kinh thành nước Nam để lưu giữ đối chiếu.

Trên đây là bản hoà ước đã được bàn định ổn thoả ở tỉnh Gia Định.

Khâm sai toàn quyền đại thần nước Đại Phú Lãng Sa là Phô Na (Bô-na)

Khâm sai toàn quyền đại thần nước Đại Y Pha Nho là Ba Lăng Ca (Ba-lăng-ca)

Khâm sai toàn quyền đại thần nước Đại Nam là

Phan Thanh Giản

Lâm Duy Hiệp

Ngày 5 tháng 6 năm 1862 sau Giáng sinh, tức:

Ngày 9 tháng 5 năm Tự Đức thứ 15.

Tuyên bố của Tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh
(ngày 5 tháng 6 năm 1862)

*attaché
Général - le Roy d'Annam, Brunei
du 6 juin 1862.*

DOCUMENT ANNEXE 3 (1 page)

58



PROCLAMATION

DU COMMANDANT EN CHEF

AU

Corps expéditionnaire.



SOLDATS ET MARINS !

Le ROI D'ANNAM a demandé la paix.

Un Traité glorieux pour les armes de la France et de l'Espagne vient d'être signé.

Tous nos griefs sont redressés ; nos justes prétentions sont accueillies.

En ouvrant aux confins de la Chine une voie nouvelle à la civilisation et au commerce de l'Occident, vous avez réalisé une pensée de l'EMPEREUR.

Avec le concours énergique du corps allié espagnol, vous avez accompli en six mois une conquête dont on n'entrevoyait l'issue que dans un lointain avenir.

Au nom de l'EMPEREUR je vous félicite de votre ardeur et de votre persévérance et je remercie le corps espagnol de son concours vaillant et loyal.

J'adresse à Sa Majesté le Traité de Saïgon comme un nouveau témoignage du dévouement de sa marine et de son armée.

Quartier-général de Saïgon, le 5 juin 1862.

Le Contre-Amiral commandant en chef.
Signé BONARD.

Nguồn: C.A.O.M. GGI. D. 11108

Order 2. Phan. Thanh. Giang à Quen Vinh et sous autres
chefs des mouvements du G. G. Lang

RECEIVED
JAN 11 1964
U.S. DEPT. OF JUSTICE

Nous savons que depuis que dans la guerre de 1870-71, il y a eu 10 ans de trêve, les villes et chefs de populations, ont tous à l'unanimité, infatigablement criés, dans le monde, dans l'humanité, dans l'humanité, la cause a appelé les manifestations de fraternité.

Au fur et à mesure de cette année, les pays à l'état de guerre se sont vus envahir et les populations d'un moment à l'autre ont vu leur situation se modifier. Les pays occupés des troupes allemandes ont vu leur situation se modifier. Les pays occupés des troupes allemandes ont vu leur situation se modifier.

Mais vous avez envoyé Charles au Duc de Pénh : lui lui thien
 fu y'en pleblet d'aujourd'hui et qu'il rappelle à Vient long des
 différents chefs pour la connaissance et l'édit sans aucun doléance. Mais quelques
 chefs ne veulent pas rendre les armes et qui sont empêchés de toutes manières
 qui veulent résister. L'un est les chefs de tout cela ? Lui donc ne veut pas
 entendre raison et veut les choses dans leur vérité ? Mais pourquoi s'obstiner
 toujours. Affaiblissez vous. Mais vous et les autres chefs ? Tous seuls, vous
 voulez le gouverner : pendant ce temps que vous demandez cette fin, il y a
 des gens qui prient l'armée. fait l'ajusté de qui s'oppose à l'armée et qui
 l'édit du Roi n'est pas dans le bon état et est défectueux, pourquoi donc y résister
 vous ? Vous voulez rester indétruites et vous faire un nom ; mais que vous

est-ce œuvre de courage ? Est-ce que vraiment vous profitez à la réputation ? Est-ce
donc le sort des peuples aussi que vous. Les gens fidèles et d'une espèce rare
comme le font vos réputation ; mais cette réputation a la limite qu'il ne faut
pas dépasser ; si on la dépasse, elle n'est plus que déficience : car le Sargent (le)
originellement n'a pas de pitié et si on lui vole des papiers on n'est plus le Sargent.

Vraiment si vous voulez continuer d'être aussi avec respect la réputation
de fidélité que vous avez acquis : Vous devez rebeller : Comment on pourra
vous être un assis du regret ? Comment d'un espérance vous pas du désespoir ?

J'ai entendu dire que vous avez formé un conseil entre vous : Vous devez
être pour être un ordre de choses extraordinaire : Vous exigez la transition ;
vous le garderez ; vous responsabilité des combattants pour vous rallier à l'ennemi
très bien et en fin de compte dans votre désespoir la seule incrimination.
Il y a de la force dans ce langage !

Mais si par conséquent pas autre chose et parlons de ce qui se passe en ce
moment. Voilà que tous les mandarins de l'empire du gouvernement (du
Nien hoan) qui avaient reçu l'ordre de finir des malheurs dans les diffé-
rents départements, sont entièrement dévoués et il n'y a que Vous qui entre-
prenez. Vraiment, cette ténacité n'est-elle pas extraordinaire ? Hélas ! tantôt
en lieu, après tout vous pouvez remporter la victoire ! tantôt dans la cas
ou sans succombant, quel sera votre refuge ?

Mais nous ne pouvons pas même que comprendre la possibilité de vos actes et à présent
le gouvernement le propose de la fin de la guerre pour vous finir ennemis et
pour vous finir changer de conduite, afin que vous tous lui rendrez toutes vos
forces et tous vos moyens d'action. Ne le rendez vous pas à transmettre votre nom
et votre dignité à l'immortalité !

Donc vous allez vous joindre à l'armée du Roi et vous entendre à suivre
son département. Notre message, afin de recevoir vos ordres. Nous devons de notre
côté, en exécution des ordres du Roi et du Gouvernement, donner des fonctions à tous ceux
qui ne sont capables : il n'y a pas d'incertitude à avoir à cet égard.

J'ai entendu dire qu'autrefois vous avez envoyé des gens pour
plaider leur cause devant le Tribunal d'appel du Sargent ; mais ce tribunal est obligé de
suivre aussi les ordres de la cour et il est possible que les témoins et les juges : de sorte
que cette affaire

que cette affaire ne peut manquer de nous être avantageuse pour être entièrement
vaincues à notre appétition et ainsi éviter toute complication.

Mais d'après tout ce que vous m'avez écrit au sujet de l'expédition, nous
sommes obligés par conséquent de nous occuper avec toute l'attention. Nous ne pouvons
inquiéter. Pour ce qui est des armes et des munitions, j'ai demandé à Gia Định
qu'on put les livrer aux différents chefs de troupes en attendant que nous arrivions
avec beaucoup pour les prendre. Il faut à présent charger un ou deux hommes de
cette livraison au lieu de vous, il faut venir au département des vous
envoyer quelques uns de la troupe de la région de guerre. Ma femme y va bien
à l'impossibilité d'un tardif départ. Hoffschitzky et Hoffschitzky m'ont en com-
mission de cet ordre d'appel.

Ordre d'appel, au général en chef de Gia Định : Trương
et à tous les chefs d'expédition.

Fait à Hanoi, 15^e année, 8^e mois, 16^e jour (9 septembre 1882)
Charles du gouvernement de Vinh-Luong et de Dinh-Huong

Nguồn: M.D. Asie N^o 28

DOCUMENT ANNEXE 5 (5 pages)

Confidentielle
Destruction

13^e année à la Dep. de l'amiral Bonaparte le 7^e 1862 181
Au directeur général, à Saigon, le 22 octobre 1862.

Psychichne C.

Copie

Monsieur le Ministre,

*Division
de l'Est*

Bureau
of Laboratories
Ministry,

95-99-

consa à la dépêche du
mbre. Au sujet de la
sion générale du pays,
après avoir des rapports no
de la prison.

J'ai l'honneur d'acquiescer réception à
votre Excellence de la lettre qu'elle a bien
voulu m'adresser, ainsi fixée à la 10 Septembre
Je pense que les renseignements que j'ai
communiqués à votre Excellence par les
précédents avisiers auront démontré l'oppo-
sition qu'il y aurait de dégarer notre politi-
que avec le Royaume d'Espagne de celle de
l'Espagne

Le Plénipotentiaire espagnol, le colonel
Palanca, très-brave militaire et plein de bon
sens, est léger: on ne nous séparera pas le
plus tôt possible de la capitale, on nous en-
fléchira, nous réspons à nous criés de graves
embarras.

Les pourparlers dont j'ai vu au d'anné con-
naissances avec les Plénipotentiaires d'Espagne,
d'où il ressort évidemment que on leur a parlé
de secours en hommes et en navires à don-
ner l'Espagne, sont entièrement contraires
au traité du Cap de l'été 1763. L. M. l'Empereur
juge

A. Le Comte, Monsieur le Ministre de l'Intérieur et des Colonies, à Paris

juge des alliances entraînait l'intervention
d'une puissance étrangère, autre que la France
dans les affaires de l'Annam.

Je n'ai pas insisté sur la précipitation
que le Colonel Palanca a mise à engager
son Gouvernement par des paroles irréflé-
chies, dont la conséquence immédiate
saisie par les Ministres annamites comme
ce à l'effrayé? mais j'ai tâché de lui faire
comprendre et il a compris qu'il ne pouvait
prendre une pareille initiative (impossible
dans l'exécution) sans l'assentiment du
Gouvernement?

J'attends aussi avec anxiété ce que
V Excellence aura décidé pour la marche
ya bien de suivre à l'égard du Gouvern-
ement de Tuam qui dans ses lettres ne s'écarte
jamais des protestations d'amitié envers
France mais a de fait absorbé la sou-
veraineté du Cambodge sans s'inquiéter
des droits et des intérêts majeurs pour la Col-
onie française qui nous obligent à ce
qu'il en soit touché autrement.

Jusqu'à ce que j'aie reçu des instructions
sur ce sujet je ne soulèverai pas cette question
j'observerai avec soin tout acte pouvant
concerner le Gouvernement qui risquerait de signer

signet un traité avec la France.

J'aurais besoin d'avoir un extrait du traité avec Siam dont j'ignore entièrement les clauses, ce qui peut me causer des difficultés non seulement quand, comme à m'entendre des tentatives pour les frontières mais même à chaque instant par notre contact immédiat avec le Cambodge où ses autorités sont partout établies.

Ce gouvernement demande l'extradition de réfugiés sur notre territoire, compromis dans les derniers troubles, se basant sur le traité j'ai dû jusqu'à nouvel ordre me refuser à cet acte, en mettant les réfugiés dans l'impossibilité de faire des tentatives sur le Cambodge où reste le Roi placé par Siam et que Siam regarde comme partie intégrante de son Royaume.

Je continue à m'occuper à me louer de Phan Bội Châu toute la Cochinchine, excepté Gocong et ses environs a exécuté le traité; les chefs d'insurrection sont partis avec ma permission sur la demande de Phan Bội Châu mais Gocong où se sont réfugiés tous les exaltés dans un pays marécageux, impraticable en saison d'après avoir reçu des ordres de Hué, je crains à mon grand regret d'être obligé de terminer.

l'ennemi de façon incertaine par la force a
sitôt que la saison ne permettra la mobi-
lisation des troupes.

Ce sera une opération très dure à com-
mander. Les habitants maricaigéens qui entourent
depuis repaire la difficulté n'est ni dans
les fortifications et les hommes, ni dans le
cannon, mais dans les fatigues morales qu'il
faudra entreprendre, point d'insister, à coup
fusées, de transports à des d'hommes de
vivres, et munitions, pour arriver à ces ma-
rins de canards et d'ou sortent continuel-
lement des pirates par des centaines d'armes.
nos navires ne peuvent entrer

Cela m'oblige en ce moment à un bloc
qui m'annihile une notable partie de la
force maritime dont je dispose

Je suis avec un profond respect etc.
Le H. Amiral, Louis, & Com.
Ségué : Bonnard.

P. L. Les renseignements que je continue
à recueillir sur les contrées parcourues
par le grand fleuve (Mekong) me font
espérer que nous trouverons du bois de
tack dans le Laos et les provinces du
Cambodge

Cambodge qu'il parcourt?

Si mes expériences à ce sujet pouvaient se réaliser, nous nous approvisionnerions par la Cochinchine de ces bois bien plus facilement que par Bang Kok, les bois n'auraient qu'à descendre à Mythe, les navires pourraient charger dans ce port ou à Saïgon en faisant flotter les bois par les arroyos.

Mais, cette libre navigation du Cambodge tant par le bras allant aux pêcheries du lac que par le Meï-con est à stipuler avec Siam qui, par sa prise de possession, a la prétention de regarder cette vaste étendue de pays, comme enclavée dans le royaume de Siam et par conséquent de réglementer toutes les opérations commerciales que l'on pourrait y tenter?

Signé : Bonnard.

Pour copie conforme,
Le Vice-Amiral, Gouverneur et
Commandant en chef en Cochinchine



Tiểu dẫn về Cao Miên, do Phan Thanh Giản viết cho của Bonard

Nguồn: M.D. Asie N^o 28

DOCUMENT ANNEXE 6 (5 pages)

Notice
sur le
Cambodge

L'Amiral Général de Vinh Long Pham
ou. Vice-Amiral Commandant en chef.

Dans la dernière conversation que nous avons eue, Votre Excellence m'a prié de lui exposer, par écrit, l'histoire de nos rapports avec le Cambodge depuis lointain jusqu'à aujourd'hui. C'est dans ce but que j'ai écrit à Votre Excellence ce qui suit. Dans le quel j'ai pu puiser aux connaissances importantes, ne pouvant pas entrer dans des détails déjà très-éloignés de nous et qui sont échappés à ma mémoire. Cependant l'espérer que j'ai fait et débours est parfaitement digne et digne de toute créance. Je prie donc Votre Excellence de vouloir bien le lui en juger.

Le royaume de Cambodge se nommait d'ancienneté Chân-lap; et y avait les habitants de la terre ou ceux de l'eau. Ceux qui vivaient sur les montagnes ou dans les forêts étaient appelés les-Chân-lap (le Chân-lap de terre), et ceux de la dernière étaient finis sur les fleuves, les lacs ou les îles, prenaient le nom de Shiêng-Chân-lap (le Chân-lap d'eau).

1658:

L'an mieu-buât, 12^{ème} année de l'empereur d'Annam, Chai-tien - Dynastie des Bisings, 14^{ème} année, Shun-che (1658), le roi du Cambodge, Neau-ong-chan, viola les frontières. (Il fit par d'usage, chez les Cambodgiens de changer le nom des souverains après leur mort, et de l'absolument du nom par le père, ainsi on le ouve après Néau-ong-chan, Neau-hieng, Néau-nguyen 4^{ème} 8^{ème}).

L'envoyé Impérial Pho-Boi-ouïg, nommé
ien, s'empara d' cette occasion de la personne du roi Néac-
ong-chan, qu'il défit et Néoi-xouy (auprès de Baria).

L'empereur d'Annam fit grâce au roi
Néac-ong-chan et lui permit de s'établir dans
gouverner son royaume à la condition de se reconnaître
vassal de l'empire d'Annam et de payer le tribut.

L'an Giap-Dien, 28^e année, (16 ans après)
le Cambodgien Néac-Bhai, chassa le roi Néac-ong-chan
dont le fils Néac-ong-non, chercha son refuge auprès
de l'envoyé Impérial Diéou-lam-hôn. Celui-ci
marcha sur le royaume Néac-Bhai qu'il mit à mort.

L'empereur d'Annam donna alors l'investiture
royale aux fils aînés de Néac-ong-chan, nomma -
Néac-Bhai et son fils Néac-non fut désigné comme
deuxième roi.

1689.

L'an Mai-tôn, 29^e année de l'empereur -
Auh-Gon dynastie des Osings, Kang-hi, 27^e année
(1691), le roi cambodgien Néac-ong-Bhai établit
des postes dans les dépendances de Ba-cien-nam,
nam-vang et de Go-bich et se refusa de leur
payer le tribut.

L'an Khi-Bhi, 11^{re} année, (1 an après) l'envoyé
impérial Nguon-hien-hao reçut l'ordre de rétablir les
affaires dans le Cambodge. Le duc féral Néac-Bhai et
Néac-non étant morts dans les années de l'an 1688
suivante, l'investiture fut accordée au fils de Néac-ong,

ce fait à la Cour de Huï et l'Empereur daignant pardonner au rebelle, lui fit remettre, par un envoyé, les signes d'investiture qui le créaient Roi du Cambodge.

La Reine Ngoc-vân, ainsi que la Princesse royale Ngoc-tu, s'en retournèrent dans leur pays, afin de rentrer dans leur famille, qui put, dès lors, se réunir et vivre ensemble de nouveau.

À partir de cette époque, le tribut ne cessa d'être régulièrement offert par le Roi Quang-trung, jusqu'à la 12^e année de l'Empereur Tu-duc. Mais, à cette époque, les Cambodgiens s'étant aperçu que l'Empire d'Annam se trouvait dans de graves circonstances, ils s'empressèrent de le vouloir. une telle trahison (comme le chien). Et c'est par cette ingratitude en faisant pleurer le Roi Quang-trung, et, maintenant, son fils se divorcent mutuellement, eux qui sont pourtant la même chair et le même os. Aussi leur misère est-elle extrême.

Les Cambodgiens sont sujets tributaires de notre Empire depuis plus de 400 ans. L'Empire d'Annam s'est toujours efforcé de leur délivrer de la misère, en leur donnant la paix et la tranquillité. Combien de fois ne leur avons-nous pas restitué leur royaume? combien de leurs Rois nous

institues, sauvegarde et protéger?

Il aura l'un avoir rendu, pour le règne
présent, les divers lieux suivants, faisant
partie de la province de Ha-tien. Ce sont:
Phan-sum, Sai-mat, Quinh-quinh,
Can-rot et Fun-Thom.

En principe, notre intention n'est
point du tout de nous comparer de ce pays:
nous voulons, à l'exemple du ciel, laisser
le homme vivre et exister. Nous ne
voulons par la perte de ce petit royaume,
comme le machinisme d'autres personnes au
comble de fiel. Les cambodgiens sont
des sauvages dont la nature est mauvaise
en vice, tantôt ils se soumettent, tantôt
ils se révoltent, mais constamment ils
oublient la règle et la loi. Ils sont comme
stupides et privés de raisonnement.

L'Empire d'Annam a eu pour
le Cambodge la sollicitude profonde d'une
mère qui allaite son enfant, et jusqu'à
l'époque présente, il a eu pour ce pays le
même sentiment.

C'est là la principale chose
que je désire exposer à Votre Excellence.

On-duc, 15^e année, 8^e mois
(supplémentaire) 12^e jour.
(5 Octobre 1862).

Signé: Phan-Tham-Gian

Le traducteur

Phan-Tham-Gian

Le Vice-Président
Le Vice-Président

Le Vice-Président

Bản dịch tiếng Pháp bức thư gửi vào ngày 26 tháng 8 năm
1862, của Pédro Lê Duy Phụng Vua Bắc hà, gởi cho Phó đô đốc,
Tư lệnh lực lượng Pháp tại Nam Kỳ

Nguồn: M.D. Asie No 28

DOCUMENT ANNEXE 7 (6 pages)

113 Asie V 28

Expedition
de
Chinh-chien?
Cabinet
du
mandant en chef
98

201

Après-midi le 25 Janvier Bonard du 1^{er} 862
Après-midi le 25 Janvier 1862

Traduction d'une lettre adressée, le 26 août 1862 par Pédro-Lê-Duy-Phung de Bonkin au Vice-amiral commandant les forces françaises au Cochinchine, Plénipotentiaire de S. M. l'Empereur.

Quand par ordre de votre souverain vous vous êtes approché de la terre d'Annam tout le peuple en masse pensa que vous étiez un dieu incarné que le Seigneur du ciel avait enfoncé ce royaume de notre royaume, depuis longtemps déjà on pressait à mille milles, pour cette raison tous présageaient que l'Europe, au nom du roi du ciel se négocierait rien de ce qui était en son pouvoir pour délivrer notre pays. Depuis que vous êtes arrivé à Nam-Dieu jusqu'à cette date dans vos nombreuses batailles livrées sans doute votre intention était que la nation annamite et la nation européenne jouissent d'une même atmosphère de paix et d'union du printemps et de l'air pur et agréable de la paix votre cœur certainement le voulait ainsi ; vos forces sont grandes dans doute ; et vos œuvres le sont aussi ; ayant bien réfléchi à tout avec calme il me semblait voir dans cela l'occasion de reconstruire le gouvernement de nos ancêtres et d'arriver à la liberté du peuple Annam ; et pour cela je me suis senti à entreprendre la conquête de ce que les apparences nous ont de grandes espérances dans votre présence et celle de votre gouvernement, mais finalement, il

le Monarque l'Annam, commandant en chef au Cochinchine, Annam.

est arrivé à ma connaissance que vous avez écouté les supplications de la
 famille Nguyen, et que vous lui avez accordé la paix. Vous pouvez
 penser la douleur que cette nouvelle m'a causée, et pour ce qui me
 touche et par la conviction que j'ai que la dynastie Nguyen et ses
 mandarins ont usé et usent toujours d'astuce et de fausseté dans les
 traités avec les royaumes voisins. Elle a vu que vous en Cochinchine,
 et moi au Tonkin, nous la comprimions par nos victoires, et qu'elle
 était en quelque sorte dans le désespoir et dans les forces pour repousser le danger
 qui lui venait des deux côtés. Elle s'est, en conséquence, présentée à vous
 avec des propositions de paix, afin que, confiant en elle, vous pussiez
 pousser de l'avant dans cette occurrence avec plus de sympathie.
 Bien qu'en apparence elle demande la paix, elle cache intérieurement
 des intentions empreintes de duplicité. Elle se plie, quant à présent, aux
 circonstances, mais dès qu'elle verra diminuer le nombre des vôtres
 ennemis, la cruauté de la famille Nguyen jettera de nouveau des
 flammes, et immédiatement le peuple chrétien perdra un moment
 et après quoi il a tout espoir, et notre religion ne sera plus pratiquée
 dans le royaume d'Annam. Oh! la religion chrétienne a pénétré dans
 ce pays à l'époque de l'ancien dynaste Lê. Dans ces jours heureux
 ni la famille royale, ni le moindre sujet ne s'opposait, à la prédication
 de la christianisme et la bouddhisme de pratiques égales. L'Europe
 et Nam-Viet avaient en bonne intelligence. Si dans ces temps quelques
 prêtres furent martyrisés, ce fut le résultat de l'autorité audacieuse
 qu'exerçait alors la famille Brinh et non la volonté de nos anciens
Lê. Après, quand une famille Lê succomba pour se retrouver dans
 forces, la dynastie actuelle Nguyen de présalons du prestige et des
 forces de la France, et trompait le peuple sur ce que son intention
 était

deux de placer sur le trône un bâtard de la famille Lé, d'empêcher
 du gouvernement, et, oubliant la fidélité qu'elle devait et les fautes
 qu'elle avait eues, elle s'efforça et réussit en grande partie à faire
 mourir les descendants de la famille Lé; elle sacrifia les Ministres
 de Deub-Christ et le peuple chrétien dans le sang coula en
 abondance semblable aux flots de la mer et tous les cadavres
 pouvaient former des montagnes. Pour mettre le comble à son cruel
 dessein, elle prit à tâche la disposition du peuple chrétien, l'arrachant
 barbaquement de ses foyers et d'empêchant de des biens obligeant les
 pères à se séparer de leurs fils, les frères aînés de leurs jeunes frères,
 arrachant enfin l'épouse à son époux.

Cette manière d'agir doit exciter l'indignation non seulement
 de notre pays, mais celle de l'univers entier. Une telle famille doit
 être tenue pour ennemie, non seulement de notre dynastie (Ché), mais
 elle doit être réputée comme l'ennemie acharnée de toutes les nations.
 Moi de la dynastie Lé, suivant les traces de mes pères qui avaient
 déjà été instruits dans la religion chrétienne, je me décidai à me
 mettre en quête d'un prêtre; fort heureusement je le trouvai, et il
 me fut donné de m'instruire à fond dans la religion. Elle est
 empreinte dans mon cœur et inculquée dans mes os : je la considère
 comme une pierre précieuse, et je marche comme revêtu d'elle-même
 pour éviter d'être oublié.

Ayant réfléchi que mon antique hérédité de voir comme un
 champ en friche plein d'épines et de mauvaises herbes et que la
 vie de mes sujets se trouvait agitée, remplie de misères et d'angoisses,
 je résolus, au nom de mes aïeux, de prendre une légitime vengeance
 en réparation de tout de malice, pour que la justice eût le monde
 entier

entier fut satisfait et content et de plus pour que votre religion se
 pratique sur une grande échelle dans le royaume du Tonkin, et
 que votre peuple fût mériter l'éternelle félicité. C'est donc mes
 vœux, mais je me recourais et me considère peu d'habileté et
 de jugement pour une aussi grande entreprise. Livré à moi seul
 je ne pourrai me porter en avant qu'avec beaucoup de difficulté;
 pour cette raison, je demande l'appui et le secours des deux nations
 pour atteindre mon but. Depuis que je me suis absenté de Hoa-dinh
 (Saigon), mille fois je me suis livré à de profondes méditations et
 purifié par la jeûne et les ablutions je concevais continuellement le
 désir d'être pour implorer la protection de la France. Mais
 l'immense traversée des mers et la difficulté des communications
 me retenaient toujours; maintenant il m'a paru nécessaire de
 m'adresser à vous en vous exposant ma situation ainsi que les
 avantages ou les inconvénients qui peuvent survenir à ce pays, et
 je vous supplie d'avoir compassion de mon royaume, en me prêtant
 secours, et de cela ne peut se faire, je vous demande avec instance
 que vous n'attiez en rien la dynastie Nguyen.

Je me trouve actuellement dans la province orientale; tant
 dans ces provinces que dans celles du Nord, nos armées sortent toujours
 victorieuses. Les gens puissants et courageux se pressent autour de
 moi, de même que des fleurs de sauge d'entourent les uns aux
 autres, et me suivent comme l'ombre du corps. Notre marine
 compte plus de 1000 voiles entre grandes et petites; notre armée de
 terre d'élite à plus de 200.000 hommes (1). Nous aspirons actuellement

(1) Les chiffres de la population au temps écoulé, par le L'Empereur vicaire spirituelle du Soudan oriental.
 Il ne faut point braver ainsi ce grand nombre de volontaires, car ils ne sont pas tous volontaires, mais plutôt des volontaires qui quittent volontairement le pays
 et retournent dans leurs habitations.

cinq grandes capitales. Plus de cent Préfectures de 2^e et 3^e ordre ont déjà été données. Ses habitants se joignent à une cause avec joie et bonheur. à la vérité, il paraît être arrivé le moment où le Ciel du ciel veut avoir compassion de notre royaume d'Annam et commence à protéger la famille royale de. Dans cet état de choses, je vous supplie de vous conformer à la volonté divine, de daigner par commutation pour le peuple annamite, prendre en considération la ci- dessus de mon exposé et de le faire parvenir à S. M. l'Empereur qui soit tranquille dans son pays au sein de la paix et du bonheur afin qu'il ait pitié de ceux qui habitent une terre dévorée de mille ruines comme le feu dévore l'herbe, et qui jouant dans la balance de son esprit judicieux et impartial la justice et l'injustice des dynasties de et Nguyen, (2) il interpose son immense puissance au vue de faire recourir à la dynastie de la possession de son royaume. De cette manière, Sa Majesté l'Empereur aura acquis des titres éternels à la reconnaissance du peuple annamite : les relations amicales entre les deux royaumes seront sincères et inaltérables. Le peuple d'Annam n'oubliera jamais un si grand bienfait, et dans des siècles qui jamais n'auront de fin, S. M. l'Empereur sera sans cesse aimé. Cette protection constituerait non seulement la prospérité et le bonheur de ma famille, mais ce serait aussi le moyen de sauver des millions d'âmes de ce royaume d'Annam.

Donné en l'an Nham Bui.

8^e lune - 2^e jour (3)

Petro-de. Duy. Phung, roi du Tonkin.

Envoi expédié au Grand Mandarin français au camp de Gia-dinh (Sông)

(1) En duc et des ancêtres comme thien-tri, minh-trung.

(2) Correspond au 26 août 1862.

Traduction faite par le Souverain et certifiée conforme à l'original.

Phuong Thap, 28.02.1862.

signé Hilari Alcaraz,

Evêque de Bafos, Vicaire apostolique du Tonkin oriental.

Pour traduction conforme

Le traducteur,

signé: Quennée Marchal des Loges

Pour copie conforme:



[Signature]

Thư (ngày 14 tháng 1 năm 1863) của Đô đốc Bonard
gửi Bộ trưởng Ngoại giao

Nguồn: M.D. Asie N° 28

DOCUMENT ANNEXE 8 (7 pages)

Exposition.

Mon quartier général, à Saigon, le 14 Janvier 1863

Exposition.

Diction
du Cabinet.

Bureau
du Ministre.

76-309

Copie des citations
faites de la Cochinchine
par le Gouvernement et les
autorités locales pour les
travaux de l'Exposition.



Monsieur le Ministre

L'expédition de Cochinchine a passé par
diverses phases successives qu'il est étonnant d'examiner
avec attention afin que l'on puisse prendre une résolution
définitive en ce basant sur les faits que je vais exposer
le plus succinctement possible à votre Excellence.

La première phase de la campagne n'avait
d'autre but bien déterminé que celui d'obtenir le redressement
de certains griefs, que nous avions à reprocher au
gouvernement de Hué.

La guerre pouvait être limitée à des opérations
coercitives contre le littoral et le commerce du royaume
à l'intérieur et cela avait suffi pour faire donner satisfaction
à nos réclamations.

Malheureusement le peu de forces dont nous
disposions, le peu d'action que nous pouvions exercer sur
le gouvernement annamite éloigné du lieu des opérations
militaires, même en lui faisant subir des pertes était
insuffisant pour amener ex-à-quo à accepter une
capitulation.

C'est

A l'Excellence Monsieur le Ministre des Affaires Étrangères, à Paris.

C'est ainsi que peu à peu, la guerre qui, en principe, n'était dirigée que contre le Gouvernement, et à laquelle la masse de population indigène ne prenait que peu de part, s'est étendue, et que les populations s'y sont trouvées de plus en plus engagées.

La dernière campagne de 1861, en culmenant les principales fortresses du roi d'Annam en amenant la destruction de ses armées régulières ainsi que la conclusion et la signature d'un traité, a complètement changé la face de la guerre, car il ne faut pas de diminuer que la paix édictée n'a jamais été loyalement exécutée par la cour de Huế.

Sachant qu'il ne pouvait résister à une guerre régulière, le Gouvernement annamite a organisé ouvertement avant la paix, clandestinement et sourdement après cette époque, sur toute la surface de la Cochinchine, une insurrection permanente qui a été repoussée partout mais n'a nulle part été dominée faute de moyens d'action suffisants : c'est un feu qui couve sous la cendre prêt, sans cesse, à se rallumer. C'est une cause imminente de ruine, si l'on continue à n'employer que des demi-moyens pour dominer la situation.

Toutes ces populations accoutumées à l'obéissance, au respect de l'autorité ou été surexcitées et délassées, à la faveur de promesses entièrement contraires aux anciennes habitudes par le Gouvernement annamite qui jouant son va-tout, a, par haine des Européens, jeté dans la Cochinchine l'anarchie dont lui-même ne serait plus maître et nous lui rendons les pays où il a semé l'ambition exagérée, l'apathisme et l'incendie.

Il y a à la tête des affaires de Huế, et parmi

de rébellion, même contre le gouvernement de Huế, qui lui a donné publiquement des ordres auxquels il a désobéi, mais évidemment, il est soutenu clandestinement, et on lui fait parvenir des armes, des munitions et même des titres et des cachets.

Ce chef d'insurrection, on je me trouve bien, connaissant l'impossibilité où serait le gouvernement de Huế, de le renverser une fois qu'il serait bien établi en Cochinchine, tend à s'y tailler un royaume.

Les chefs des centres de soulèvement de la province de Bienhoa, dont vous trouverez, ci-joint, la proclamation ont évidemment dirigé dans une vue par le parti à la tête duquel est le Directeur du commerce Crétiou, car Votre Excellence n'a qu'à comparer cette pièce avec la lettre imprimée de mauvais foi, que m'a envoyée ce ministre, et que j'ai eu l'honneur de vous adresser le 18 décembre dernier, n° 711, et il ressort clairement de ce rapprochement que cette insurrection de la province de Bienhoa est conduite par lui-même, et d'après ses inspirations.

Dans ces circonstances, je crois qu'il est indispensable de prendre une détermination décisive et prompte. Il n'y a que deux solutions en présence, ou maintenir le traité ou entrer en pourparlers, sur de nouvelles bases, avec le gouvernement de Huế.

Je ne sais quelle sera la décision du Gouvernement de l'Empereur à ce sujet, mais je dois dire que, d'après mon expérience et la mauvais foi des asiatiques, qui ne cèdent qu'à la violence matérielle de la force, la seconde solution n'en serait pas une, et que, d'un moment à l'autre, on serait obligé de recommencer la.

les familles et les hommes influents, deux opinions en présence le parti des gens sages, voyant clairement que la continuation de cette guerre, ne tend qu'à ruiner et à désorganiser la Cochinchine, même celle qui est restée sous l'autorité de Huế et à la tête duquel est Phau Bau Khanh, l'un des ambassadeurs qui, en concluant et en signant le traité de paix, a fait, pour ainsi dire, la part du feu, afin de rétablir l'ordre et la prospérité dans le reste du royaume d'Annam.

L'autre parti, aveuglé par la haine pour les Européens, à la tête duquel figure le Ministre du commerce actuel, Truong, chargé des relations avec les étrangers, ne pèse aucunement les dangers qui doivent être la conséquence d'une lutte prolongée et au moyen de laquelle ils espèrent nous lasser, sans s'inquiéter des pertes et des sacrifices.

En ce moment, ce parti semble prendre la responsabilité de Phau Bau Khanh est fortement menacé : je ne m'étonnerais pas, quoi qu'il doive encore gouverner général des provinces du Sud, de le voir obligé de chercher un refuge sur notre territoire.

La partie hostile à la France se divise en plusieurs catégories, dont les tendances commencent à se manifester clairement par leurs actes et leurs proclamations.

Lous s'entendent contre nous, sinon dans le but, qu'il se propose, du moins pour nous forcer à quitter la Cochinchine.

Quan Dinh, chef de l'insurrection de Go Cong, quoiqu'il ait été publiquement par le Vice-roi de Thanh Long, qui s'est donné plusieurs fois d'avoir à se retirer, pour que le traité de paix fût exécuté, s'y est refusé formellement, il est donc, en apparence, en état

recommencer la guerre, même pour défendre le peu qu'on a l'air de vouloir nous céder.

Quant à la première détermination, elle est très-réalisable, mais non avec des moyens, comme ceux qu'on a employés jusqu'à présent.

Si l'on n'accepte pas franchement les conséquences de cette solution, je déclare en mon âme et conscience que la France, après de grands sacrifices en hommes et en argent fait peu à peu, sera obligée d'en venir à donner plus que les moyens que, dans ce moment, je ne cesse de demander comme indispensables, et que, en outre, elle n'aura plus qu'un pays ruiné et dépeuplé par la guerre, la famine, et les résultats forcés de ces deux maux.

Il faut d'abord que nous soyons maîtres dans notre territoire, et qu'on le sache bien à Hue — que nous ayons, de plus, pendant plusieurs années, une force européenne (à tous égards) pouvant poser, par sa présence, sur les côtes de la capitale de l'Annam, et forcer le gouvernement, qui ne s'incline que devant la force, à exécuter le traité.

Pour organiser pacifier et coloniser la Cochinchine, il faut assez de troupes pour pouvoir rayonner avec de petites colonnes, qui empêcheraient toute formation de centre de révolte, et pour protéger ceux qui, en grand nombre parmi les habitants, se rangeraient de notre côté, quand ils se verraient réellement protégés.

Il faut pour l'entretien de cette petite armée, sous peine, comme en ce moment, de la voir réduite à rien par les fatigues et la mortalité; que l'on relève avec exactitude les hommes fatigués
que

que l'on tienne les effectifs au complet, et surtout qu'on n'oublie pas ce qu'on a trop oublié jusqu'à présent, qu'un corps expéditionnaire, toujours en campagne, doit être entretenu en hommes et en moyen de transports, chevaux, mulets, conducteurs etc.; sous peine d'être annulé.

Il est évident enfin, que les petites navires indispensables pour les expéditions les ravitaillements, l'entretien de la piraterie soient en bon état, que les vides produits dans leurs équipages soient régulièrement comblés et surtout ce qui n'a jamais été fait jusqu'à présent, qu'on donne les allocations et les primes nécessaires pour entretenir ce matériel flottant, dans lequel, je ne saurais trop le répéter, on n'aboutira qu'à des dépenses en hommes et en argent extrêmement insuffisantes.

En résumé, il faut, et le plus tôt possible, dans les circonstances actuelles, pour ne pas reculer ni être engagé plus tard dans des difficultés insurmontables, enfin pour éviter la ruine totale du pays, vers laquelle l'état précaire où nous sommes nous mène à grands pas

6 bataillons d'Infanterie de Marine ou d'Infanterie de ligne,
700 artilleurs, conducteurs, ouvriers, pour train, ambulances, etc.,
500 cavaliers avec les chevaux nécessaires
150 vapeurs de force et 6 garcs,
100 gouaches

500 marins fusiliers pour les courses incessantes contre les pirates et les rebelles.

Pour la Marine, il est urgent de remplacer, le plus tôt possible les 3 avions destinés aux transports et aux ravitaillements) indispensables

indispensables — de compléter les équipages des 30 petites canonnières et des Otaliméniens Dupoué, Oridon, Tersivérante, véritables forts flottants nécessaires (dém. des 28 et 31 décembre - N° 746 + 758), — de donner 11 avions à vapeur pouvant remonter contre la mousson, pour assurer les relations avec Hôbé et Siarn, empêcher la piraterie maritime, les débarquements de munitions et d'armes, faire de l'hydrographie, — d'envoyer 11 transports en bon état (ceux qui me restent, d'ici à peu de mois, seront hors de service), dont deux à cheval pour transporter les convalescents à Suzy, pour rapporter les remplaçants et les objets d'une nécessité pressante pour la colonie, de donner le nombre d'ouvriers et de mécaniciens nécessaires pour les navires, pour l'atelier flottant la Maurithe, pour la génie maritime, sans peine de ne pouvoir entretenir le matériel indispensable à la vie et à la sécurité du corps expéditionnaire.

Avec ces moyens, il est temps encore de pacifier, d'organiser le pays, et d'en faire une des plus belles colonies du monde mais ce qui se demande et qui est d'un absolu intérêt, n'est pas accordé, je dois prévenir Votre Excellence de l'accueillir, et d'en avoir très prochain, qui, malheureusement, ne donnera raison.

Je suis avec un profond respect,

Monsieur le Ministre,
de Votre Excellence

le très-obéissant serviteur,

Léon-Crémier, Gouverneur et Commandant en Chef,

Bonne



Thư (ngày 27 tháng 1 năm 1863) của Đô đốc Bonard gửi Bộ trưởng Ngoại giao về cuộc nổi dậy ở Nam Kỳ

Nguồn: M.D. Asie N° 28

DOCUMENT ANNEXE 9 (3 pages)

Expedition
de
Cochinchine.
Direction
de l'Asie.
Bureau
de l'Indochine.
N° 218.

En date de l'expédition
de l'Asie.
En date de l'expédition.

315
Anno quinquiesimale: Signe de 77 Janvier 1863



Monsieur le Ministre.

J'ai l'honneur de présenter Votre Excellence par une communication en date du 14 de ce mois N° 772 - de la tournée qui provoque l'insurrection et les troubles nées d'une partie des membres du gouvernement de Hôï.

La proclamation qui vient de lui être adressée, par le chef de la révolte de Go-cong, quan-dinh tend à confirmer complètement les appréciations que j'ai eues à Votre Excellence. La cour de Hôï et les insurgés ont un même but celui de nous forcer à abandonner la Cochinchine; le gouvernement annamite agissant en dehors et clandestinement dirige incessamment l'insurrection de la province de ebien-hoa, qui tend à la recapture ou possession de toute la Cochinchine; la révolte quan-dinh suit, comme la cour de Hôï, nous contraindre à évacuer les nouvelles provinces françaises mais pour n'y avoir un royaume: il déclare ouvertement dans sa proclamation, qu'il n'obéira pas aux ordres du gouvernement de Hu-duc, qu'il même ce dernier voudrait exécuter le traité en nous cédant ces trois provinces.

Chaque à présent nous avons pu repousser partout

M. l'Excellence Monsieur le Ministre des Affaires Étrangères, à Paris

partout les aggrèsions, mais l'insurrection générale est loin d'être
apparaître. Les tribus sauvages des Moïs (habitants la territoire limitrophe
de Sou-hoa ou de Saria) qui jusqu'à cette époque s'étaient abstenus
de prendre part aux hostilités forment la plus grande et la plus
redoutable partie des ennemis de la province de Sou-hoa.

Notre effectif réduit par les morts, les maladies, les évacuations
ou accablé de fatigues, chaque jour il diminue; il est matériellement
impossible de continuer de la sorte une pareille campagne. Nous manquons
d'hommes, de munitions, de médicaments, de moyens de transport; tout notre
matériel matériel est complètement usé et sans que nous ayons les moyens
de pouvoir le réparer. Les transports par terre sont aussi radicalement
impossibles — faute de conducteurs pour le train d'artillerie, les
ambulances, les vivres, etc.

Au milieu des circonstances critiques qui entraînent d'un
côté une agitation générale et de l'autre le mauvais vouloir du
gouvernement de Huê au moment où la signature de l'Empereur
saisirait que j'ai des moyens coercitifs suffisants pour le faire
respecter le corps expéditionnaire est réduit par le manque de ressources,
à la stricte défense.

Je fais tous mes efforts pour sortir autant que je le
pourrai de cette situation dangereuse mais je suis convaincu que, avec
les moyens d'action incomplets, usés et désorganisés laissés à ma
disposition il est impossible de faire plus que d'arriver à défendre les
points stratégiques occupés par nous jusqu'à ce qu'enfin on soit
entraîné par les faits de la réalité d'organiser le corps expéditionnaire
comme je l'ai demandé c'est-à-dire de manière à ce qu'il puisse
être mobilisé et prévenir les insurrections au lieu d'avoir à les réprimer
au

au milieu des ruines qu'entraîne l'emploi des deux moyens, dans une œuvre aussi difficile.

Je transmette à Son Excellence le Ministre de la Marine un état indiquant les bases sur lesquelles le corps expéditionnaire me paraît devoir être indispensablement constitué, & après l'expérience que j'ai du pays, des habitants et de toute guerre active. Ces moyens doivent calculés sur le plus strict nécessaire, et on ne les donne pas, et le plus promptement possible, on sera forcément entraîné, dans un avenir peu éloigné et de grandes dépenses d'hommes et d'argent, pour combattre un ennemi qui votre situation oblige à encourager, et la victoire chimiquement achetée: ne s'obtiendra qu'au prix des ruines et de la dépopulation.

Il est peut-être temps encore d'éviter cette fâcheuse perspective, mais elle est le résultat inévitable auquel conduiront les deux mesures si l'on persiste à ne pas donner au corps expéditionnaire ce qu'il faut pour être mobile, et pour pacifier et organiser le pays.

Votre Excellence trouvera sous ce pli, avec la proclamation du chef des rebelles, une copie du rapport de et l'Ingénieur Marion sur la tournee faite par lui dans le Caubosge, un rapport au point de vue commercial, sur le même sujet, enfin une note sur la production des forêts de ce pays, que je n'aurais pu joindre à ma communication en date du 7 Janvier courant. N° 763

Je suis avec un profond respect,
 Monsieur le Ministre,
 de votre Excellence
 le très-obéissant serviteur,

V. Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef,

(Bonai)

Bonard gửi về Bộ bức thư của Quân Định mà Phan Thanh Giản
gửi cho ông (ngày 23 tháng 2 năm 1863)

Tuyên bố của Trương Định với quan lại Vinh Long.
(Phụ lục thư của Đô đốc Bonard, ngày 23 tháng 2 năm 1863)

Nguồn: M.D. Asie N° 28

DOCUMENT ANNEXE 10 a (3 pages)

336.

Exposition
de
Bouchoncharre?

Direction
du Cabinet

Bureau
du Ministère.

96-336.

À l'Excellence Monsieur le Ministre.

Paris le 15 février 1863.

J'ai l'honneur de transmettre à votre Excellence
la traduction de deux lettres, qui m'ont été envoyées
par le Gouverneur Général des provinces méridionales
du royaume d'Annam, Phan-Ban-Giang.

Cette l'une de ces communications confidentielles
qui m'ont été envoyées, et que j'avais prévues,
qui est importante à faire exécuter les ordres de
Hue, par le rebelle Quan-Vinh. L'autre, qui
est la copie de celle que lui a envoyée Quan-Vinh, est
une lettre de menace et insulte, dans laquelle ce chef
de l'insurrection lève tout-à-fait le masque, s'érige
en roi de la Cochinchine, parle des conditions au
vieux-roi nommé par l'empereur Hu-Duc, enfin
remplit complètement le rôle que dans ma communication
du 14 février, 1863, j'avais signalé à votre Excellence
comme le but auquel le rebelle voulait atteindre
lorsqu'il croirait avoir réuni assez de forces pour
se rendre indépendant.

En résumé,

À l'Excellence Monsieur le Ministre des Affaires étrangères.

Évidemment, cet homme a été incriminé en dessous
par le Ministre du commerce d'Annam, Gréoung, chargé
des relations avec les étrangers. Il n'y a, par conséquent,
que par la force, que l'on peut espérer faire exécuter la
décision, par un gouvernement dans lequel figure, au
premier rang, l'ennemi juré des étrangers.

Il est donc indispensable d'écarter Quang-Binh,
et, une fois maîtres chez nous, de nous présenter en forces
devant les ports d'Annam le livrer à la marine. Ce n'est
que devant un appareil de forces réelles que le parti de
la guerre à Hanoi peut avoir le dessous.

Malheureusement la force, vive dont il faudrait
que je puisse disposer, pour obtenir en résultat, m'a été
continuellement refusée, malgré mes incessantes réclamations.
La catastrophe, qu'à plusieurs reprises j'en ai signalée
comme imminente, si l'on ne me donnait par les moyens
d'action que je n'ai cessé de demander comme indispensables
en hommes, navires en état, moyens de transport, vient d'être
conjuguée momentanément, grâce à l'intervention opportune
de toutes les forces de la station de Chine, et des troupes
envoyées par le Gouvernement des Philippines, mais je me
sensais trop le répète, l'insuffisance et le manque d'entretien
d'un personnel et d'un matériel nécessaires à la cohésion
compte mal, grandement et l'honneur de la France, et la
sécurité du corps expéditionnaire et de la colonie.

Je suis avec un profond respect ;

Monseigneur

Monsieur le Ministre,
à votre Excellence,
le très-obéissant serviteur,

337

Le Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef
(Bouvet)

Tuyên bố của Trương Định với quan lại Vinh Long.
(Phụ lục thư của Đô đốc Bonard, ngày 23 tháng 2 năm 1863)

Nguyên: M.D. Asie No 28

DOCUMENT ANNEXE 10 b (3 pages)

Expédition
 de
 Cochinchine
 Cabinet
 du
 Ministre en chef
 No 1

*Annexe à la lettre du Général Bonard
 du 23 février 1863
 Au quartier général, à Saigon, le 23 338*

Le Généralissime des réelles valeances, le
 pacificateur des occidentaux, général en chef Biên-Long
 Vinh, et le pacificateur des occidentaux général en
 second, Trần-Văn, ainsi que les différents chefs
 de troupes,

Écrivent une déclaration aux mandarins de
Vinh-Long:

Depuis la 11^e année de Bu-Duc (1853) que les
 tartares de l'occident sont venus dans ce pays, ils n'ont
 cessé de combattre et se sont successivement emparés
 des trois provinces de Qui-Ninh, de Vinh-Long et de
Qui-Nhà. Le peuple de ces trois provinces a éprouvé
 toutes sortes de calamités, mais ses plaintes ont toujours
 été inutiles et son état n'a pu changer, car toujours
 il a été vaincu.

Plus tard a eu lieu un traité conclu avec la
 dynastie annamite, et ce traité n'a fait qu'augmenter
 la colère et le désespoir du peuple des trois provinces.

Vous appelâmes alors à nous les anciens
 mandarins et les engagés à lever des troupes, chacun
 de leur côté et sur leurs divers territoires; on arriva de
 la sorte à réunir parmi le peuple une milice de
 plusieurs fois 10,000 hommes, et l'argent volontaire;

qui

Le Ministre des affaires Étrangères

qui fut offert, ne s'est pas élevé à moins de 100,000. Tout le monde a partout été très-heureux de contribuer, soit en argent, soit en hommes pour combattre les brigands, chaque fois que nous avons eu des engagements avec eux, il y a eu de part et d'autre des morts et des blessés, aussi nous ne les craignons pas.

Depuis que deux hauts dignitaires annamites, en se conformant aux ordres du Roi, ont conclu un traité par lequel les trois provinces sont cédées aux brigands, le peuple de ces trois provinces désirant très-vivement revenir à sa condition première, nous a mis à sa tête. Nous ne pouvons ne pas faire ce que nous faisons, c'est pourquoi nous sommes prêts à la guerre, et à l'Occident comme à l'Orient nous nous opposerons et nous combattrons et finirons bien par abattre la force de ces brigands.

Les habitants des trois provinces désirent entre eux que les brigands veulent qu'en leur rachète les 3 provinces, et n'ont qu'à dire combien ils veulent de 10,000 piastres ou les leur donnera - quo s'il faut absolument que les trois provinces soient séparées du royaume, nous préférons plutôt mourir, disent-ils, qu'être jamais les sujets de brigands.

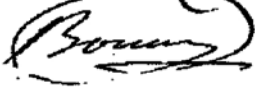
Si par la voie des trains, il vient quelque envoi à la capitale, ou bien si vous expédiez quelque dépêche, afin pour but la reddition des trois provinces, nous permettrons les communications, mais pour peu que vous parliez de maintenant et qui a été fait en aidant une partie du territoire et en venant à l'aide des soldats de ces brigands, alors nous nous opposerons aux ordres du gouvernement.

et certainement il n'y aura plus de paix ni de trêve
entre vous et nous, et vous n'aurez plus alors le
droit d'être surpris des événements.

C'est dans ce but que nous vous adressons
cette déclaration.

Calcutta 18^e année, 28^e jour 11^e mois
(17 Janvier 1863)

Les deux copies réunies du pacificateur général en chef
et du deuxième pacificateur général en sous ordre.

Pour copie conforme
Le Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef.


Công văn mật của Phạm (sic), Toàn quyền Vĩnh Long,
gửi đến Phó đô đốc, về Quản Định

Nguồn: Phụ lục thứ 2 bức thư của Đô đốc Bonard,
ngày 23 tháng 2 năm 1863; M.D. Asie N° 28

DOCUMENT ANNEXE 11 (3 pages)

23 6 2. Arrive à la lettre de l'amiral Bonard -
23. 23. 1863
H. 310
Expédition
de
Indochine.
Cabinet
de
Commandant en chef
N° 11

Copie d'une dépêche secrète adressée par M.
le Gouverneur Général de Vinh-Long, Pham, à
M. le Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef
Vinh long, le 7 février 1863.

Le n° Quang-Dinh s'est établi illégalement
sur le territoire de Van-hoa. Là, il s'est placé
dans une position hostile au gouvernement
d'Annam, il a levé des troupes, et depuis long-
temps, n'ayant avec moi aucune sorte de relations,
je ne pourrais supposer que le 18^e jour du présent
mois (5 février 1863), je verrais arriver un envoyé
à lui, n° Quang, lequel m'a remis une lettre,
en me priant d'en prendre connaissance.

J'ai vu que Quang-Dinh se nomme lui-même
le généralissime des rebelles valeureux: il dit au
sujet du traité qui fait-croire des 3 provinces de
Gia-Dinh, de Dinh-Binh et de Bien-hoa, que
le peuple de ces trois provinces ayant le plus vif
désir de retourner à son premier état, l'a mis à sa
tête afin qu'il levât des troupes et conduisît les
opérations aux moments voulus, il ajoute que
si par la voie des francs (porte), il doit venir
quelque envoyé de la capitale ou bien que si nous
avons

à Monsieur le Ministre des affaires Étrangères

avons nous-mêmes à expédier quelque dépêche relative à la reddition des trois provinces, il permettra de pareilles communications, mais que pour peu que nous voulions encore maintenir cette précédente cession de territoire, et aider de la sorte notre armée, alors il préfère se mettre en opposition avec les ordres du gouvernement, et que, certainement, il n'y aura plus entre lui et nous ni frère, ni uxor.

Ouïoung-Winh a précédemment trompé le Gouvernement amantité en faisant croire qu'il mettait tout son zèle à le servir; plus tard, il a réuni et levé un grand nombre d'hommes, parceque secrètement il méditait de coupables desseins. Il a osé profiter de ces circonstances pour s'enrichir aux dépens du peuple; il prétend que ce sont les quans et les doïs, qui l'ont contraint de se mettre à leur tête. Il a également osé prétendre qu'en agissant de la sorte, il obéissait aux ordres de son gouvernement: il est allé en tous lieux pour lever des troupes, et, depuis long-temps, il est pour le peuple un objet de vexations, d'ennuis et de misères.

À la lecture de la déclaration ci-jointe, j'ai pu apprécier jusqu'où sont l'orgueil et l'insolence de cet homme, qui va jusqu'à méconnaître la dynastie régnante.

Les soldats de votre Excellence n'ayant pas encore mis cet homme à mort, son orgueil n'a fait qu'augmenter; si donc on ne va pas immédiatement le punir et l'éliminer, il trouvera de l'appui en tous les

paraque sa réputation grandit de jour en jour: Les mensonges et ses fourberies seront de plus en plus nombreux, et les calamités du peuple s'augmenteront par de feir. Il faut donc lui demander compte de ses crimes, mais je pense que c'est depuis longtemps l'intention de V. E.

J'ai fait saisir le ne Quang envoyé par Britoug-Dinh, et je le garde sérieusement en prison, afin qu'il soit mis en jugement.

C'est pour ces causes que j'adresse à V. E. la présente dépêche secrète, et c'est pour la prier aussi de vouloir bien le plus tôt possible, pacifier ce territoire de Ho-cong. ce rebelle, vaincu sera dans l'impossibilité de rallier les gens qui le suivent, et de la sorte le peuple ne tardera pas à voir la fin de ses maux, c'est ce que je desire du plus profond de mon cœur.

J'ai joint à ma dépêche, la déclaration qui m'a été adressée, afin que V. E. put elle-même en prendre connaissance.

C'est une dépêche secrète.

Eu. Duc. 15^e année - 12^e mois - 20^e jour

Pour copie conforme
de Vice-Amiral, Gouverneur et Commandant en chef.

Bon

Bản dịch tiếng Pháp thư vua Tự Đức gửi Napoléon III (ngày 18 tháng 6 năm 1863)

Nguồn: M.D. Asie N° 28; Phụ lục thứ nhất công văn chính trị số 6
ngày 19 tháng 7 năm 1864

DOCUMENT ANNEXE 12 (10 pages)

18 juin 1863

432

reçu
le 19 juin

Donner l'avis
ministre des affaires
étrangères

à Sa Majesté l'Empereur d'Autriche
à Sa Majesté l'Empereur des Français
afin que sans aucun préjudice à leur
dignité ils se puissent être utiles.

Considérant les relations qui ont existé depuis
long temps nos deux empires, et l'estime
et amitié que nous conservons pour les
événements qui ont été les résultats, nous sommes
qui ont confirmé nos sentiments d'affection
et jusqu'à un point tel que jamais ils n'ont
pu être oubliés.

Dans le principe on enseignait (chez nous)
la religion chrétienne et les plus libérales
communications étaient établies pour la propagation
de cette religion; d'autre part les sciences
de notre nation allaient et venaient de leur
guider et aucun obstacle ni empêchement ne
trouvait ces relations.

Cependant dans la suite, ces relations
ayant été rompues des hommes étrangers l'un à l'autre
et alors nos paroles ne furent plus rendues
l'expression de nos sentiments ni de nos inten-
tions, il en résultait de désagréables querelles.

Enfin pendant le 11 août de l'année 1858
des bâtiments de guerre français ont été avec une
grande expédition venus dans le port
de Haïphong.

Bientôt après les forces de l'empire
se sont portées dans les deux provinces de Guélin
Quinhon et Quinhon. Alors pendant
quatre ou cinq années des évènements, c'est à dire

pendant de bien longs jours, on en fut aussi
témoin, mais on n'en fut pas sûr, car la cour
des mandarins et du peuple de notre empire
était remplie de fidélité et de justice. Nous
préférerions la mort; on n'en a donc pas eu
ne s'aurait pu se soumettre à l'étranger.
De même les mandarins et le peuple de
notre illustre empire ne sont-ils pas jaloux
de solliciter pour la défense de leur pays
territoire?

L'usage et l'usage des armes sont des
choses bien cruelles, aussi notre cœur est-il
saturé de compassion.

À l'armée dernière le Commandant en chef
Bongard, envoyé en bâtiment de guerre
à la tête de sa flotte, devant le port
de Chuân-an (port de Kuei). Le bâtiment
était porteur de propositions de paix.
Le gouvernement d'Annam prenant en très
haute considération combien l'état de guerre
qui existait entre les deux nations leur avait
déjà coûté de pertes et de dépenses, considérant
que la conclusion de la paix permettrait d'arrêter
la cessation des hostilités, il en résultait
nécessairement, pour le peuple un grand repos
et un bien infini. Nos envoyés donc
notre vice-grand Censeur, président du tribunal
des rites Shan-thaou-fien, ainsi que fut
le président du tribunal de la guerre
Lâm quyn triep, auxquels nous confierons
des pleins pouvoirs et les accréditons
de la sorte comme ambassadeurs. Sur-
notre ordre ces deux haute dignitaires se
rendirent à Giadinh. Là-ils se
réunirent pour établir des conférences à la

à la suite desquelles fut conclue entre nous
et les deux commandants en chef de France
et d'Espagne, un traité de paix en douze
articles. Ce traité étant conclu, nos
plénipotentiaires résidèrent dans notre capitale
de la conséquence de ce traité fut la cession
complète des trois provinces de Giardong, de
Dinhbiéou et de Pien-hoa, ainsi que l'île
de Pulo Condor. Il fut stipulé en outre
qu'il serait compté une indemnité de guerre
de 4000000 de piastres. Ce tout fut en-
suite de bien bonnes conditions. Cependant
à cette époque bien que notre désir fut
certainement de mettre en avis, cela nous
parut très difficile car nous craignons
qu'on ne put mettre en doute notre parfaite
sincérité.

Mais ayant clairement soumis les lettres
de créance dont était porteur le plénipotentiaire
de Sa Majesté, nous y vîmes qu'il s'agit
seulement question de l'enseignement de la
religion chrétienne et la liberté du commerce.
Il en est de même dans la lettre de créance du
plénipotentiaire de Sa Majesté le Gouverneur
d'Espagne. On ne parle en aucune façon
dans ces plâis provinciaux de reconnaître la
plus petite parcelle de territoire.

Donc bien véritablement dans le principe,
ce n'est de rien de permettre le libre enseignement
de la religion chrétienne ainsi que l'établissement
du commerce, constituant deux excellentes
choses qui forment une preuve évidente de
leur sincérité de Sa Majesté.

Si en effet l'une des parties ne pense qu'à
son propre avantage, il en résulte. De

profaitement convaincus que votre illustre
souverain ne veut point de donner une nouvelle
épreuve.

Ces sentiments de votre illustre Empereur
ne pourraient point s'accorder avec ce qui
n'est ni uni ni juste.

Cependant, (malgré ces réflexions) nous
avons attendu l'arrivée de vos ambassadeurs dans
notre capitale, lorsqu'ils ont été venus y
échanger les satisfactions du traité; ils
ont pu voir alors que la sincérité de
notre Empire a été complète en toutes
circonstances.

Aujourd'hui que nous formons une seule
famille et que nous sommes devenus de
sœurs, les avantages ainsi que la prospérité
(la joie) doivent être égaux entre nous;
il nous devient donc difficile de conserver
quelque doute ou quelque obstacle; et nous
sommes libres de toute gêne (de toute crainte)
vous nous parlerez avec sincérité.

Nous faisons donc l'occasion de
cet envoi de nos ambassadeurs qui viennent
présenter des félicitations à votre Majesté
et s'informer de sa santé; pour lui apprendre
successivement tous les faits qui se sont
passés depuis le commencement et nous
apportons de même ce qui nous paraît difficile
et hard à supporter dans le traité de paix.
Nous expliquons de ce traité les articles
qui nous paraissent importants capitales
- nous priant votre Majesté de les prendre
en dernière considération afin que tout soit
conforme à l'amitié (qui nous unit); que
votre Majesté réfléchisse avec un cœur égal;
Elle verra combien il devient plus avantageux

De s'en tenir au commerce et à l'enseignement
de la religion Chrétienne, il ressemblerait certainement
d'un facile arrangement des profils Durables
et éternels.

Si quelques amendements ou modifications sont
apportées à ce traité De paix, à le rendre également
juste des deux côtés, alors les trois nations s'y
conformeraient sans peine et s'y tiendraient pas mal de
centaines de mille ans, et cela sans qu'il surgisse
aucune difficulté. Alors l'Empire illustre des Qing
celui d'Espagne jouissant d'une entière liberté com-
merciale, et leurs missionnaires pouvant toujours à
leur guise enseigner leur religion, grand honneur
ambiguë. En résultant-il pas? En outre des
deux nations acquiescent de la sorte une espérance
illustre et lorsque les autres peuples entendraient
parler de cette renommée, quel est celui qui pourrait
ne pas l'honneur à l'autre en obtenant en réalité un
avantage pareil à celui que nous nous proposons?

Voilà donc nous désirons vivement que la paix
et la concorde s'établissent pour toujours; en principe
nos sentiments sont les vôtres inébranlables.

Que cette union d'été soit favorable à Vobis
Majesté, de la distance éloignée où nous sommes
d'ici, nous faisons des vœux pour son bonheur et
sa prospérité.

Nous plaçons maintenant l'adresse de
articles du traité de paix, pour lesquels nous
demandons quelque amendement ou modification.

L'article troisième du traité de paix est publié dans
un de ses paragraphes que le territoire intégral des
trois provinces de Shan-hua, Shan-tung et Shan-tung,
ainsi que l'île de Pulo-Pondor, passeront en toute propri-
été sous le gouvernement de Vobis empire illustre.

L'article huitième dit que le Vobis empire illustre
paye au Vobis empire illustre d'Espagne une somme de

De beaucoup de provinces telie d'indemnité de
quatre pour les deux empires il alligé au motif
que cette indemnité sera entièrement versée en
l'espace de 10 ans

(Cependant c'est le territoire qui constitue la
plus précieuse richesse d'un royaume plus jeune d'un
royaume).

Celui qui en possède voit dans la splendeur, et
qui la disgrace atteint celui qui s'en voit privé;

Et maintenant par ce traité, nous sommes
de payer une indemnité qui s'étend au chiffre de
plus haut et en outre nous devons céder entièrement
la totalité de trois provinces. C'est la plus lourde
emprise une charge. Bien lourde, que tout et est
présentement alligé de supporter.

Les provinces de la Russie d'Asie (samtli)
sont toutes reliées entre elles de manière former un
seul territoire de l'Asie Russe en outre trois
pour elle, il en résulte nécessairement une séparation
entre les deux frontières de l'Asie Russe. D'une part
et des trois autres provinces de l'Asie Russe, d'Altaï
et de l'Asie Russe d'autre part. Les communications
par terre et par eau se trouveront de la sorte
coupées (du reste du royaume) et cela constitue pour
nous la plus grave des inconveniences.

Le peuple des trois provinces est depuis longtemps
attaché à ses parents, et donc aujourd'hui il doit
passer sous une domination étrangère, il se verra
plongé dans la tristesse et en fait semblable aux
personnes qui ont perdu leurs parents. C'est un
siège en spectacle digne de la plus grande
compassion.

(Cependant la capitale de la nation anglaise
en Chine; cette nation dans son traité de paix
avec cet empire a également stipulé qu'il lui
serait payée une indemnité de guerre et elle a

Que votre Majesté s'en tienne bien assurée en considération de l'indifférence (ou bonté) qui consisterait à conserver en sa possession l'ancienne citadelle de Haïgon, ainsi que les constructions, maisons et boutiques nouvellement élevées et terminées.

Dans la province de Thanh-hoàng un lieu choisi en dehors de la citadelle de Thanh et enfin le poste de Chau-dau-thôn ; dans la province de Ninh-huân. En s'en allant les comptoirs et des magasins en ces lieux ? Elle entière de Thanh-hoàng serait également cédée en toute propriété à votre Majesté.

Et le reste du territoire des trois provinces de Thanh-hoàng pour l'indemnité de quatre provinces dans le traité, le territoire étant restitué à notre Empire par votre Majesté cela donnerait le plus haute idée de la conscience généreuse de votre Majesté et nous faciliterions de lui rendre à ce sujet de perpétuelles actions de grâces. Cependant il fallait ajouter à la première indemnité pour le rachat des provinces, notre Empire servirait tous les effets afin de répondre à de pareilles conditions, mais quand demandez-vous alors plusieurs années pour nous acquitter complètement de cette dette ?

Vous en justifiez par ces conditions nouvelles, parce que nous n'avons prêté sur nous d'abandonner nos anciennes possessions ainsi que le principe qui l'exigeait.

L'article 10 du traité dit : Si une nation étrangère porte la guerre dans l'Empire d'Annam, cet Empire devra dans un délai de six mois envoyer un ambassadeur au près de votre Majesté afin qu'elle inflige des punitions à ceux qui ont été la cause de la guerre et qu'elle lui donne en outre de elle le

jeune composable.

436

Quand désirons que cet article de bon à ces mots
à vous savez, en effet. De quels excellentes sentiments
est animée votre Majesté envers nous et nous
nous en gardons une profonde reconnaissance.

Revenant à la suite de cet article, le à partie
des mots: deux que voudrait avoir une
situation étrangère d'obtenir de l'Empire d'Annam
cette en deux parties de son territoire jusqu'à une
mots de l'Empire des Français d'y opposer
cette cession n'aura pas lieu. Nous vous
prions de la supprimer.

L'article 8 du traité stipule qu'une
indemnité de guerre de 10,000,000 de piastres
deux-vingt en dix ans, à votre Empire, seront
versés. Chaque année une somme de deux
piastres.

Or considérant que pendant la durée des
hostilités, qui s'est prolongée jusqu'à trois ou
quatre ans, si votre Empire a eu certainement
des dépenses à supporter, le nôtre en a eu
de bien certainement considérables; considérant
en outre que l'armée d'Annam nous a été
à combattre dans le Laos, et que cette expé-
dition militaire a encore occasionné nos dépenses
très-choses parfaitement véritables et dont votre
Empire a parfaite connaissance.

Considérant enfin la misère du peuple
misère telle que nous ne savons où il devrait
possible de réclamer des impôts, s'il nous faut
encore racheter les trois provinces, nous ne
pouvons en réalité accomplir en dix ans le
payement de cette indemnité et si après ce
terme prescrit, nous ne nous sommes pas
entièrement libérés, il s'en suivra des droits sur
nous. Comme si. Nous ne pouvons donc nous

Sứ bộ An Nam ở Pháp

Nguồn: *L'Illustration, Journal universel* năm 1863, tr. 199-201

L'AMBASSADE ANNAMITE EN FRANCE.

Les ambassadeurs annamites sont arrivés à Paris, dimanche à cinq heures de l'après-midi. Ils ont débarqué à Toulon le 10, et, après avoir visité l'arsenal, ils sont remontés sur le *Labrador*, qui les a, dans une traversée de nuit, amenés à Marseille, où on leur a fait une réception officielle complète, dont ils ont paru très-flattés.

Ils sont généralement de taille grêle et petite, leurs cheveux sont longs et d'un noir de jais (Ils ne les rasent pas comme les Chinois); leurs yeux sont très-noirs également, ainsi que leurs dents. Ils ont une teinture particulière destinée à cet effet, et dans laquelle il entre de la couperose. C'est pour eux un vrai luxe. Pour l'entretenir, ils mêlent de la noix d'arêque au bétel qu'ils mâchent presque constamment, et se les frottent plusieurs fois par jour avec une pincée de tabac. Les trois ambassadeurs portent des robes de soie agrémentées de fils d'or; ils tiennent presque toujours à la main un bâtonnet d'ivoire, insigne de leur rang. Le bâton joue, en effet, un grand rôle dans les usages de leur pays, et l'on a pu remarquer que c'est avec une espèce de rotin ou de bambou que les chefs des soldats et des domestiques à leur suite, donnent, presque sans parler, leurs ordres à leurs inférieurs.

Contrairement aux Japonais, qui se faisaient remarquer par la profusion de leurs bijoux, de leurs colliers et de leurs pierreries, les Annamites portent à peine quelques anneaux dans leur costume de voyage; ils réservent leurs bijoux et leurs habits d'apparat pour paraître devant l'Empereur, lorsqu'ils auront obtenu l'audience qu'ils sont venus solliciter, et pour laquelle ils attendront le retour de Sa Majesté à Paris.

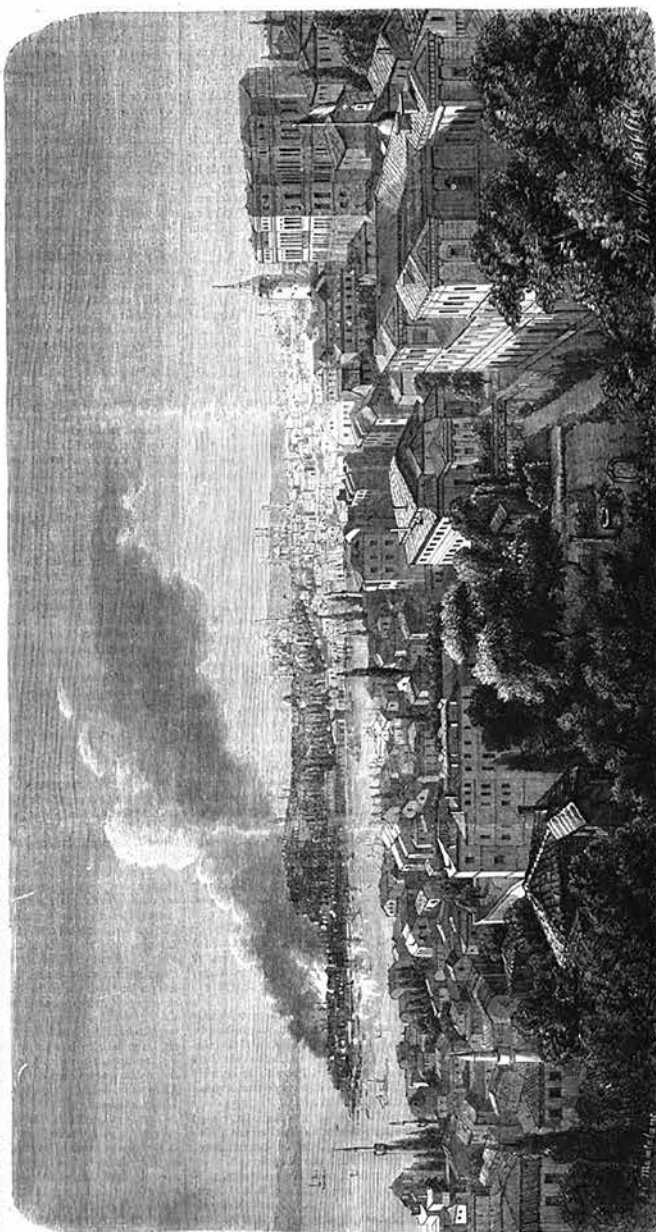
Les vêtements de tous les inférieurs se composent de simples robes d'étoffes légères. En venant en France, ils

n'ont pas même dérogé à l'usage de leur pays, qui consiste à aller nus-pieds. Les mandarins seuls ont des bas en soie très-épais, et les pieds chaussés de solliers chinois très-lourds : l'empereur est en drapeau très-fort, et la semelle de sa chaussure, recourbée à la chinoise, n'a pas moins de cinq centimètres d'épaisseur. Les broderies de soie de leurs bas représentent des figures fantastiques. Tous les autres marchent sur la plante des pieds, mais le pavé de Paris va les obliger à adopter un mode moins primitif.

Le noir, qui est une couleur aristocratique et nationale en Cochinchine, domine dans leurs vêtements. Les foulards de coton, dont les inférieurs se font une espèce de turban, sont tous de cette nuance. La coiffure des chefs est plus bizarre et plus prétentieuse : c'est une espèce de doublet, en carton recouvert de soie noire, de figures bizarres et de nœuds dorés et argentés, le tout ayant assez l'aspect d'un casque inouï.

C'a été une énorme affaire que leur embarquement et leur aménagement sur le *Lebedor*, à cause des questions de préséance. De même, pour les amener de Marseille à Paris, n'est-il fallu observer scrupuleusement des formalités qui prouvaient bien aux chefs qu'on leur accordait une distinction insignifiante. Ils ont voyagé dans un train-omnibus, ainsi organisé : les ambassadeurs, M. Aubaret, capitaine de frégate, et M. Rionnier, lieutenant de vaisseau, dans un wagon-salon ; les mandarins d'un ordre moins élevé, en première classe, et la suite en deuxième et en troisième.

On sait qu'ils apportent avec eux des bagages énormes. Ils en ont laissé cependant une partie sur le *Lebedor*, qui se tient à leur disposition à Toulon. Une



ENVOI DE SÉRIE A CONSTANTINOPLE PAR FOIRE DE L. BRASSERIE FRANÇAISE. — D'après un croquis de M. Brasseur.

douzaine de leurs serviteurs sont demeurés sur ce bâtiment avec ces colts, contenant les présents destinés par Tu-buc à la reine d'Espagne. Mais au nombre des objets apportés par eux à Paris, se trouvent des sacs de riz destinés à la nourriture de leurs serviteurs, qui ne vivent guère d'autre chose.

L'ambassade se compose de soixante-dix personnes, dont soixante sont venues jusqu'à Paris; elle a perdu, en Egypte, un médecin et un interprète; aucune femme ne se trouve parmi eux, et l'on ne doit pas juger par la majorité d'entre eux de la race annamite, dont ils semblent les moins beaux spécimens. La gravité et le laconisme que les journaux du Midi leur ont reprochés ne tiennent pas du tout à leur caractère, mais à la solennité à laquelle ils s'astreignent en public, et surtout dans les circonstances où règne l'étiquette. Leur caractère est, au contraire, fort enjoué, et Phang-Tang-Giang, malgré ses soixante-huit ans, est le plus joyeux vieillard que l'on puisse voir. Les autres ambassadeurs sont âgés, le deuxième de trente-quatre et le troisième de quarante-six ans.

Phang-Tang-Giang, le premier ambassadeur, est un homme de soixante-huit ans. C'est le plus fin diplomate de l'Empire. Ce fut lui qui, il y a trente ans, fut chargé d'aller conclure à Bangkok avec le roi de Siam un traité au sujet du Cambodge, et cinq ans après il allait à Pékin chez le grand-père de l'empereur actuel de Chine, en ambassade extraordinaire.

Le second ambassadeur se nomme Phan-Phu-Thu; c'est un mandarin de deuxième degré, première classe.

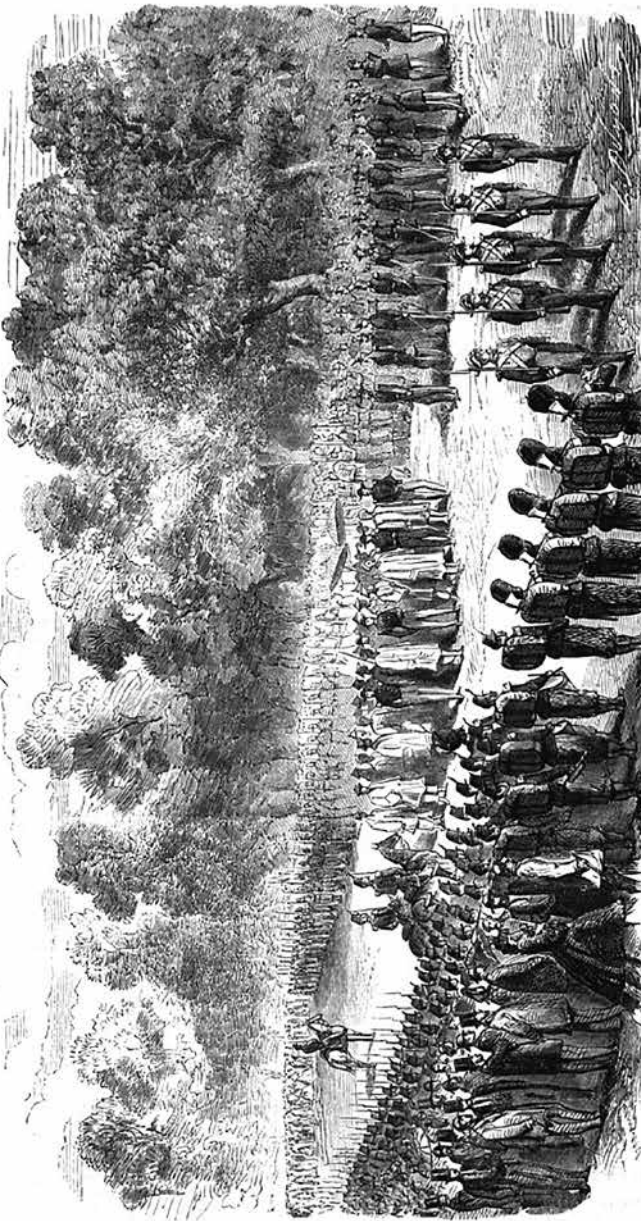
Le troisième, Nguyen-Khoc-Ilan, est grand mandarin de justice à Tourane.

Ils sont logés dans un fort joli hôtel des

Champs-Élysées, où l'on a disposé pour les trois chefs des chambres séparées, dans lesquelles ils seront entourés par leurs serviteurs. Ils ont dîné dans l'élégante salle à manger, en compagnie de M. Feuille de Conches, de M. Aubaret et de M. Harmand. A table, ils se sont montrés fort au courant des usages français, et excellents appréciateurs de notre cuisine et de nos friandises. Le vin de Champagne a eu l'une de leurs préférences, mais ils ne le veulent pas frappé, prétendant que les boissons fraîches sont dangereuses; ils apprécient également les truffes et le poisson, surtout le poisson conservé et les sardines.

Les choses de notre civilisation ne paraissent pas leur causer toute la surprise qu'on aurait pu supposer. Il est vrai qu'ils sont d'une race où l'on possède à un rare degré le talent de maîtriser et de dissimuler ses impressions. Phang-Tang-Giang est, comme nous l'avons dit, un des plus hauts dignitaires de l'empire, dont il est vice-grand-censeur. Le peu de paroles qu'on a recueillies témoignent de sa réserve officielle. Il a répondu aux compliments de M. Buisson de Pelanne, consul général de France, qui l'a reçu à Marseille, à sa descente du *Labrador*: « Non » quittons des frères » sur ce navire; nous » sommes certains » que vous serez de » nouveaux frères » pour nous. » En visitant l'arsenal de Toulon, il a dit: « La France est une nation bien puissante; » mais les nations » devraient toujours » être sœurs. »

Il veille personnellement à la garde de la lettre de Tulué à Napoléon III. Cette lettre est renfermée dans un coffret précieux recouvert d'étoffe rouge et de lames d'or. Lorsqu'il fut monté dans sa voiture, à la gare, il en redép-



rendit tout à coup pour s'assurer que cette cassette se trouvait installée dans une autre voiture digne d'elle, et entourée de personnages choisis. A son arrivée à l'hôtel, son premier soin a été de la prendre et de la porter sur la table d'honneur, au milieu du salon. Il a amené avec lui un jeune Annamite, son interprète favori, élève des missionnaires, et qui parle avec une facilité remarquable le français, l'anglais et l'espagnol.

O. F.

COURRIER D'ALLENACRE

Bordeaux, 14 sept. 1902.

III.

Les trois dernières journées des courses de Bade ont présenté des incidents intéressants. Il y a deux grands prix offerts dans la saison : le *Saint-Leger continental* (10,000 francs), et le *Grand prix de Bade* (15,000 francs) et un objet d'art offert par le grand-duc de Bade. M. le comte de Lagrange, qui depuis quelques années devenait l'Aristide des courses, et que l'on était trop habitué à voir gagner ces deux prix, n'a remporté ni l'un ni l'autre. Le premier est échu à M. le comte Delamarre, avec sa belle jument, *Conquête*, descendante du fameux *Monarch*. Le second a été décerné à M. de Montgommery, vainqueur par la fameuse *Touques*, qui a déjà gagné le grand prix de Bade, *un derby*, et qui est arrivée seconde, cette année, pour le prix de 100,000 fr. créé à Paris par l'Empereur.

Si vous voulez le détail des prix et des triomphes des deux dernières journées des courses d'Altenheim, le voici :

Deuxième journée : Le prix de *Souvenir* a été gagné par *Hadji-Sleat*, à M. Wilson, qui l'a depuis cédé à M. Angell.

La Poule des produits (un beau prix de 20,000 francs au

ARMÉE DES ARABES EN ANNALES À TULON. — D'après un croquis de M. Lenoir.

*[Để bài viết gốc dễ đọc như mong muốn, chúng tôi đã quyết định
sao chép ở định dạng tốt hơn, thuận tiện cho người đọc]*

Các đại sứ An Nam đã đến Paris vào Chủ nhật lúc năm giờ chiều. Họ cập bến tại Toulon vào ngày 10, và sau khi đến thăm xưởng tàu, họ quay trở lại *Labrador*, trong một chuyến đi xuyên đêm, đưa họ đến Marseille nơi họ được tiếp đón chính thức đầy đủ, họ xuất hiện rất hãnh diện

Họ dáng vẻ thường mảnh khảnh và nhỏ bé, tóc dài và đen tuyền (họ không cạo râu như người Trung Hoa); mắt rất đen cũng như răng. Họ có một loại thuốc nhuộm đặc biệt cho việc này, và trong số họ có người mắc bệnh hồng ban. Đó là một sự xa xỉ thực sự đối với họ. Để giữ răng nhuộm, họ trộn hạt cau với trấu mà họ nhai gần như liên tục, và chà xát răng nhiều lần trong ngày với một nhúm thuốc lá. Ba đại sứ mặc áo dài lụa thêu chỉ vàng..., họ hầu như luôn cầm trên tay một thẻ ngà, phù hiệu của cấp bậc của họ. Thật vậy, cây gậy giữ vai trò quan trọng trong phong tục xứ sở họ, và người ta có thể thấy rằng đó là với một đoạn mây hoặc tre mà những người cầm đầu binh lính và người hầu trong đoàn, hầu như không nói, mệnh lệnh của họ được đưa ra cho cấp dưới.

Không giống như người Nhật, được chú ý vì có nhiều trang sức, dây chuyền và châu ngọc, người An Nam hầu như chỉ mang vài chiếc nhẫn trong trang phục du lịch; họ giữ gìn đồ trang sức và quần áo nghi lễ để xuất hiện trước Hoàng đế, khi yết kiến mà họ đã đến để thỉnh cầu, và vì việc này họ sẽ chờ đợi sự quay lại của Hoàng đế ở Paris.

Trang phục của tất cả cấp dưới gồm những chiếc áo dài đơn giản bằng vải mỏng. Khi đến Pháp, họ thậm chí không vi phạm phong tục xứ sở họ, trong đó gồm cả việc đi chân trần. Các quan lại một mình có tất lụa rất dày, và bàn chân bị nhét trong đôi giày Trung Hoa rất kỳ lạ: mặt giày bằng vải rất chắc chắn và đế nỉ, cong kiểu cách Trung Hoa, dày không dưới năm cm. Tất lụa thêu những hình ảnh kỳ ảo. Tất cả những người khác đi chân, nhưng vỉa hè của Paris sẽ buộc họ phải áp dụng một kiểu ít nguyên thủy hơn.

Màu đen là màu của quý tộc và của quốc gia ở Nam Kỳ, màu chủ đạo quần áo của họ. Những chiếc khăn quàng vải, mà cấp dưới làm thành một loại khăn đội đầu, tất cả cùng một kiểu, cái mũ của người đứng đầu thì kỳ

lạ và kiều kì hơn: đó là một loại mũ đôi không vành bằng giấy cứng bọc lụa đen, hình thù kỳ lạ và các nút thắt mạ vàng và tô điểm, tổng thể có hình dáng một chiếc mũ cát lạ thường.

Họ cập bến và được bố trí lên tàu *Labrador*, ở đó có một sự vụ lớn vì những vấn đề ngoại giao. Theo cách tương tự, để đưa họ từ Marseille đến Paris, cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các thủ tục chứng tỏ rõ cho những thượng cấp thấy rằng họ được trọng vọng đặc biệt khác hẳn. Họ đã đi trong một chuyến tàu hành khách, sắp xếp có tổ chức: các đại sứ, Ông Aubaret, thuyền trưởng chiến hạm, và Ông Rieunier, trung úy tàu thủy, trong một toa hạng sang riêng; quan lại cấp thấp hơn, ở hạng nhất, và những người tiếp ở hạng hai và ba.

Chúng tôi biết họ mang theo nhiều hành lý. Tuy nhiên, họ đã để lại, một phần ở tàu *Labrador*, nơi họ được bố trí chuẩn bị tại Toulon. Một tá người hầu của họ vẫn ở trong con tàu này cùng với những bưu kiện chứa những món quà mà Tự Đức dành tặng cho Nữ hoàng Tây Ban Nha, nhưng trong số những đồ vật được họ mang đến Paris có những túi gạo dự định làm thức ăn của những người hầu, những người chưa từng sống khác.

Sứ đoàn gồm bảy mươi người, sáu mươi người đã đến Paris; một bác sĩ và một thông dịch viên đã mất ở Ai Cập; không có người phụ nữ nào trong số họ, và người ta không nên đánh giá vì đa số họ thuộc chủng tộc An Nam, mà họ có vẻ là kém đẹp nhất. Tính nghiêm trang và lối diễn đạt ngắn gọn mà các tạp chí miền Nam đã chê trách họ không hoàn toàn do tính cách của họ, mà do sự trang trọng mà họ bị bó buộc trước công chúng, và nhất là trong hoàn cảnh mà nghi thức ràng buộc. Trái lại, tính cách của họ rất vui vẻ, và Phang-Tang-Giang, mặc dù đã sáu mươi tám tuổi, là ông già vui vẻ nhất mà người ta có thể nhìn thấy. Các sứ thần khác đã già, sứ thần thứ hai ba mươi bốn tuổi, và sứ thần thứ ba bốn mươi sáu tuổi.

Phang Tang-Giang (sic), đệ nhất sứ thần là một người đàn ông sáu mươi tám tuổi. Ông là nhà ngoại giao giỏi nhất của Đế quốc. Chính ông, ba mươi năm trước, được giao nhiệm vụ ký kết hiệp ước về vấn đề Campuchia với Quốc vương Xiêm ở Bangkok, và năm năm sau ông đến Bắc Kinh với ông nội của Hoàng đế Trung Hoa hiện tại, trong sứ đoàn đặc biệt.

Sứ thần thứ hai tên là Phạm Phú Thứ; ông là một quan chánh nhị phẩm.

Sứ thần thứ ba, Ngụy Khắc Đản, là một Quan lớn, Án sát ở Touranne.

Họ ở trong một khách sạn rất đẹp trên đại lộ Champs-Elysees, ở đó người ta sắp xếp ba thượng cấp ở phòng tách riêng, trong đó họ sẽ được bao quanh bởi những người hầu. Họ ăn tối trong phòng ăn thanh lịch, cùng với Ô. Feuillet de Conches, Ô. Aubaret và Ô. Harmand. Vào bàn ăn, họ chứng tỏ rất quen thuộc với phong tục người Pháp và là những người đánh giá cao về ẩm thực và các món ăn của chúng ta. Rượu sâm banh đã là một trong những sở thích của họ nhưng họ không muốn ướp lạnh cho rằng đồ uống mát là nguy hiểm; họ cũng thích nắm cục và cá, đặc biệt là cá đóng hộp và cá mòi.

Những điều của nền văn minh chúng ta dường như không gây ra cho họ quá ngạc nhiên như người ta nghĩ. Đúng là họ thuộc chủng tộc hiếm hoi có tài làm chủ và che giấu cảm xúc.

Phang Tang Giang, như chúng ta đã nói, một trong những chức sắc cao nhất của đế quốc, ông là Phó Đô ngự sử. Một vài lời nói chúng tôi ghi nhận được làm chứng cho sự ý tứ nghi thức của ông. Ông ta đáp lại những lời khen ngợi của Ô. Mura de Pelanne, với tư cách là Tướng Pháp, người đã đón ông ta ở Marseille, theo ông ta trên tàu *Labrador*: “*Chúng tôi chia tay anh em trên con tàu này, chúng tôi chắc chắn rằng các ông sẽ là những huynh đệ mới của chúng tôi*” Khi đến thăm xưởng tàu của Hoàng đế, ông nói: “Pháp là một quốc gia rất hùng mạnh, nhưng các quốc gia nên luôn luôn là thân hữu”.

Đích thân ông giữ lá thư của Tự Đức gửi Napoleon III. Bức thư này được đặt trong một chiếc rương quý giá phủ bằng vải đỏ và niền vàng. Khi ông ta vào xe của mình tại nhà ga, ông ta đột ngột quay xuống để chắc chắn rằng cái tráp đó được đặt trong một xe khác xứng đáng với nó, và được bao quanh bởi các nhân vật được chọn. Khi đến khách sạn, việc đầu tiên coi ngó là lấy và treo nó trên bàn trang trọng ở giữa phòng khách. Ông ta dẫn theo một người Annam trẻ, thông dịch viên yêu thích của ông, một chủng sinh, và nói được tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Tây Ban Nha khá giỏi.

O.F.

**Bộ trưởng Ngoại giao Drouyn de Lhuys,
đón tiếp phái bộ An Nam ở Paris**

Nguồn: L'Illustration, Journal universel, ngày 25 tháng 10 năm 1862



Bài viết về cuộc tiếp đón long trọng phái bộ An Nam của Hoàng đế Napoléon III

Nguồn: Le Monde Illustré năm 1863, tr. 327 và tiếp theo

Cuộc tiếp đón các sứ thần An Nam của Đức Hoàng đế

*[Để bài viết gốc dễ đọc như mong muốn, chúng tôi đã quyết định
sao chép ở định dạng tốt hơn, thuận tiện cho người đọc]*

Các sứ thần An Nam, mà tờ *le Monde illustré* lần đầu tiên phác họa, đã được Hoàng đế Pháp tiếp vào ngày 5 tháng 11 trong một buổi yết kiến long trọng của Đức Hoàng đế Pháp tại sảnh đường.

Hoàng đế tiếp các sứ thần, bên phải là Đức Hoàng hậu trong đại lễ phục, bên trái Hoàng tử và Ô. Drouyn de Lhuys, và xung quanh là toàn bộ triều đình. Sáng cùng ngày trước cuộc tiếp kiến, chánh sứ Phan Tang Gian đã gửi đến kho nội thất những tặng phẩm của Hoàng đế Tự Đức gửi đến Hoàng đế Napoléon, và đúng giờ tiếp kiến ông đến cùng với các đồng sự tại điện Tuileries, trong ba xe của triều đình.

Trang phục của các sứ thần Nam Kỳ, như có thể thấy trên phác họa của chúng tôi là kỳ lạ nhất. Họ mang hai bên một bộ cánh rất lạ gắn vào một đai lưng quanh hông. Hơn nữa, họ mặc theo nghi thức nghiêm chỉnh nhất của triều đình họ, khi họ có vinh dự được tiếp bởi nhà vua của họ trong đại lễ.

Khi đến Tuileries, các sứ thần thấy ở dưới cầu thang lớn, các sĩ quan hải quân trợ giúp phiên dịch thường ngày kể từ khi họ đến Paris, và đệ nhất sứ thần rút ra từ một cái trap mà ông ta luôn canh giữ ngay cả khi ông đến Pháp, lá thư của Hoàng đế An Nam gửi Hoàng đế Pháp.

Vào điện kiến Hoàng đế, các sứ thần tiến lên biểu hiện sự tôn trọng sâu sắc nhất và Phan-tang-Thiang nói bằng tiếng An Nam, bài phát biểu được ông Aubaret dịch sang tiếng Pháp. Đáp từ của Hoàng đế truyền cho các sứ thần bởi cùng một người phiên dịch, sau đó là đệ nhất sứ thần, cúi đầu thật sâu, trao cho Hoàng đế bức thư của chủ nhân. Khi buổi tiếp tân kết thúc, các sứ thần rút lui với cùng một nghi lễ như khi họ đến.

Mặc dầu không khí rất trang trọng, các sứ thần không thể ngăn được bằng chứng ngưỡng mộ đối với sự xa hoa vây quanh họ. Đoàn người của họ phần lớn không che dấu sự ngạc nhiên, dễ dàng để nhận ra, ở sắc mặt của họ, rằng cung điện nhà vua của họ thường không tráng lệ như vậy.

Tặng phẩm dâng cho Hoàng đế chủ yếu gồm đồ gỗ, sơn mài và các tráp chạm khắc. Tất cả các nhân vật trọng yếu của triều đình cũng nhận được quà tặng, trong số đó có đường và gia vị.

Các sứ thần không có được buổi tiếp kiến khác với Đức Vua, họ đã cập bến ở Marseille để đến Alexandria nơi họ phải tìm những người trong số họ, tiếp sau cuộc tiếp kiến tại Tuileries, đã đi đến Madrid.

A. H.

Thư trả lời của Thống đốc Chuẩn Đô đốc cho Quan Định
(27 tháng 1 năm 1864) (có chữ ký của Paulin Vial)

Nguồn: Tài liệu riêng của gia đình de La Grandière

DOCUMENT ANNEXE 16 (2 pages)

Réponse du C. A. Gouverneur à la lettre de Quan Dinh

—
Luzon, le 27 Janvier 1864

La lettre que vous auriez confiée à mon tégale a été
transmise dans la prison après l'évasion de cet homme. On l'a
réquisitionnée et j'en ai donné communication à l'Amiral Gouverneur.
Voici sa réponse textuelle :

« Parce que S. M. l'Empereur des Français ne se
« donne pas des directives instructives, il m'a dit : allez dans ce
« nouveau pays que j'ai conquis, non pour en tirer des
« revenus & augmenter le nombre de mes sujets, mais bien
« pour lui donner le bonheur, la civilisation & l'abondance
« pour lui ouvrir les portes de nouvelles relations dans l'étranger.
« Orientez y portez votre industrie, votre civilisation, votre
« commerce. Pour relever enfin ce peuple de l'état misérable
« de l'esclavage dans lequel il se trouve. En arrivant, j'ai
« fait savoir mes intentions par une proclamation, j'ai
« accordé un délai aux rebelles aux lois de leur pays, puis
« la paix était conclue. Quelques uns ont écouté nos voix
« et sont heureux, ils ont des emplois, d'autres, soulevés à
« raison, méconnaissant mes intentions paternelles, ont
« voulu continuer la lutte, agiter le peuple. Ils ont payé
« de leur vie ou de leur liberté une faute grave chez tous
« les

« les nations. Il en reste encore qui par craintes ou par
 « manques maladroits se montrent par moments, puis se
 « cachent dans les forêts, ils demandent pardon & je leur
 « dis: Nervez, si vous êtes sincères, si vos raisons et vos
 « consciences sont pures, si vous n'avez que des fautes
 « politiques à vous reprocher, les Français n'ont jamais
 « frappé un ennemi terrassé, leur générosité va jusqu'à
 « leur donner la main pour se relever... mais, si vous
 « êtes chargés de crimes, si vos mains sont trempées de
 « sang & de rapines, si vous méditez des trahisons, sortez
 « dans les bois avec les bêtes féroces, qui se terrable -
 « s'assemblent. »

Si, comme l'a dit S. E. le Gouverneur,
 le chef des Rebelles a des intentions sincères de se
 soumettre, il peut envoyer auprès de moi un homme
 sûr avec cette lettre comme sauf-conduit. La vie
 & la liberté seront respectées, et, si les conditions qu'il
 demande pour sa soumission sont dignes d'être
 entendues, je les soumettrai à S. E. le Gouverneur.
 P. O. Signé: P. H. B.

*Nguồn: Phụ lục thứ nhất ở công văn chính trị số 6 về Huế,
ngày 19 tháng 7 năm 1864, M.D. Asie N° 29*

大富浪沙國皇帝



大南國皇帝

殿前青照壁

1864-1865 (1864-1865)

肅書

大南國皇帝

肅書

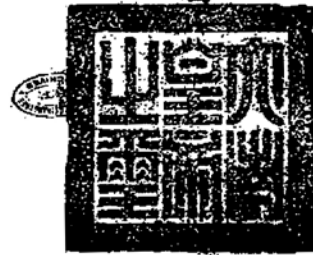
大富浪沙國皇帝 殿前書燈我兩國聯締親好于

茲三年從前聲聞之意一旦豁然使兵民咸知

有安養之樂豈非本國未望寔

貴皇帝敦睦弘濟之心以成之也去歲本國遣使報

肅書



Handwritten notes in Vietnamese script, including dates like '19/10/1954' and '1/10/1954'.

聘兼致書言幸邀

貴皇帝深念交情卽爲之

教擬新約及生意二本發交遞回俟議足見

貴國心在公平尤欲同歸利益而無所偏也故凡

事必須商允要以永久底行今貴使臣何巴理

奉全權

教文前來入謁禮成本國深重其事卽諭妥協辦

大學士領戶部尚書潘清簡爲正使兵部尚書

陳踐誠爲副使刑部尚書潘輝泳爲乙副使

均充全權大臣各捧敕書前往與貴使交相印

照仍將新約生意擬本逐款妥議茲該全權大

臣潘清簡等相與商酌成編呈覽就中新約書

臣潘清簡等和與商酌成編呈覽就中新約書

第十九款所敘贖銀數多本國力不能堪潘清簡等再三申說貴使倣以今後每年致銀三十三萬三千三百三十三元限以四十年而止仍俟

回奏

貴皇帝酌定貴使經商潘清簡等另紙由貴使併遞

候裁惟前約賠補軍費銀四百萬元分爲十年

交清以本國偶值連年兵荒府庫未得充裕這

賠銀前經致書求展爲二三十年嗣接遞回

貴國復書未見提及問之潘清簡等奏稱原國書

內這賠銀與贖三省之款並敍仍照之新約擬

本賠銀照前和約經據衣坡儒舊帥巴朗歌言

俟奉

衣國皇帝修書與

貴皇帝商量等語今貴使前來或者未接

衣國皇帝來書致賠銀仍未議及想這款尚需商

酌茲兼有贖銀通計二款銀數更廣勢難堪

受固知

貴皇帝聽贖三省無限厚情誠深感謝惟力有不足

若不以情相告將來不能依限辦清難免失信

之責其賠銀展限另有修書寄達

衣國皇帝協商仍此具由佈達尚祈

貴皇帝深體鄰情量其力之所可及再加斟酌賠銀

分展以三十年為限贖銀量減為八百萬元分

交以四十年為限按年並交庶能完納青辨若

貴皇帝聽贖三省無限厚情誠深感謝惟力有不足
若不以情相告將來不能依限辨清難免失信
之責其賠銀展限另有修書寄達

衣國皇帝協商仍此具由佈達肅祈

貴皇帝深體鄰情量其力之所可及再加斟酌賠銀
分展以三十年爲限贖銀量減爲八百萬元分
交以四十年爲限按年並交庶能匱勉清辦若
不獲如此則力不從心恐無以慰

貴皇帝相厚之意不勝哀曲統惟

照亮今肅書

嗣德



五日

**Thư của Quốc vương An Nam gửi cho Hoàng đế Pháp
(bản dịch tài liệu trên của G. Aubaret)**

Nguồn: Phụ lục thứ hai ở công văn chính trị về Huế số 06,
ngày 19 tháng 7 năm 1864

DOCUMENT ANNEXE 18 (9 pages)

*2^e annexe à la Dép. pol. n^o 6
de Huế le 19 Juin 1864.*

156
Traduction

Lettre
de Sa Majesté le Roi d'Annam
à
Sa Majesté l'Empereur des Français.



La Majesté le Roi d'Annam
adresse une lettre respectueuse à
la Majesté l'Empereur des Français.

Il y a trois ans que les Nations de
France et d'Annam sont unies par les
liens de l'affection et forment une seule
famille.



Les difficultés d'autrefois n'existent
plus, elles sont entièrement éloignées de
nous, et c'est pourquoi les armées et les
peuples jouissent maintenant de la paix
et peuvent désormais se livrer à la joie.

Ainsi n'ont pas été déçues les vives espérances de mon Royaume, il savait véritablement
combien il pouvait compter sur la générosité, comme sur le bienveillant appui de
Votre Majesté pour accomplir de pareilles
choses.

L'année dernière, j'en ai écrit à Votre Majesté.

nos Ambassadeurs à la Cour de Votre Majesté
et les avons chargés de lui remettre une Lettre
Royale, afin qu'elle ne s'ignorent aucun de
nos sentimens d'affection.

Votre Majesté donna l'ordre qu'il fût
remis à nos Envoyés un nouveau projet
Traité de Paix et d'Amitié, ainsi qu'un
projet de Traité de Commerce et de Navigation
afin qu'à leur retour dans leur pays, ces
projets pussent être discutés.

C'est là une preuve assez évidente
l'esprit de justice qui anime Votre
Majesté et du désir qu'elle éprouve
voir les profits et les avantages se partager
également de part et d'autre avec la
plus grande équité.

Cette chose doit donc être jugée
passée sincèrement, afin que les relations
soient inviolables et perpétuelles.

Dernièrement, le Généralissime
Votre Majesté, Le Commandant Quibaux

à être reçu à notre Cour, ayant jugé que
l'affaire qui l'amène auprès de nous
était une des plus graves, nous avons mis
de nos pleins pouvoirs notre Vice Grand
Censeur, Président du Tribunal des
Finances Shan Chan. Gien, ainsi que le
Président du Tribunal de la Guerre
Shan Lien Chan et le Président du
Tribunal de la Justice Shan Huy Vinh.
Ces trois hauts Mandarins nos Représen-
tataires ont procédé à la vérification
de leurs pouvoirs avec le Représentant
de Votre Majesté, après quoi ils se sont
tous réunis en conférences à l'effet de
discuter et de déterminer articles par
articles les différentes clauses des deux
projets de Traité.

Nos Représentataires nous ayant
rapporté le résultat des conférences, nous
avons jugé que le XIX^e Article du Traité
de Paix et d'amitié, relatif à l'indemnité

due pour le rachat des provinces, s'élevait
un chiffre tellement élevé qu'il était
impossible à notre Gouvernement de le
supporter.

Phan-tham-Giam et ses Collègues ont
discuté à plusieurs reprises sur ce sujet.
Le Plénipotentiaire de Votre Majesté, lui
a fini par dire que si nous voulions
accepter de payer une somme annuelle
de six millions pendant quarante ans
consécutives, il consentirait à faire passer
une pareille proposition sous les yeux
de Votre Majesté qui, peut-être, a-t-il ajouté
designera modifier l'article dans ce sens.

Il a donc été remis par Phan-tham-Giam
et ses Collègues une lettre séparée au
Plénipotentiaire de France, et il a été
convenu que l'on attendrait la décision
suprême de Votre Majesté.

D'autre part, l'article relatif à la
prime indemnité de quatre millions
de piastres stipulée dans la précédente

reste en vigueur, et cependant notre Royaume a eu à supporter d'énormes charges depuis deux ans, tant à cause de la guerre (dans le London) que par la disette la plus absolue; ces contrainte ont eu pour résultat d'épuiser nos greniers ainsi que nos magasins et notre trésor.

Nous avons déjà écrit à Votre Majesté au sujet de cette indemnité, la priant de vouloir bien nous accorder vingt ou trente ans pour nous libérer.

Nos Ambassadeurs à leur retour d'Europe nous ont remis la réponse de Votre Majesté, mais nous n'y avons rien vu de relatif à l'indemnité. Nous avons donc interrogé là dessus Chan-Ihan, Gian et celui-ci nous a dit qu'il s'était occupé également de l'indemnité et du rachat des trois Provinces; que, cependant, ayant vu que cette indemnité (commune à la France et à l'Espagne) figurait sans aucune

modification dans le nouveau projet de
traité, il en avait entretenu l'ancien
commandant des troupes Espagnoles, le
Général Palanca. Celui-ci lui a dit
que la Reine d'Espagne se propose
d'écrire à ce sujet à Votre Majesté.

Maintenant la Compétence de
Votre Majesté est dans notre Capitale, et
nous n'avons eu jusqu'à ce jour, aucune
nouvelle de cette lettre de la Reine
d'Espagne à Votre Majesté, de sorte que
nous ignorons la décision prise par les
Souverains intéressés, sur l'indemnité
leur est commune.

Voilà cependant que cette indemnité
s'ajoute à celle qui est stipulée dans le
traité et cela constitue une somme énorme
qu'il est extrêmement difficile à notre pays
de supporter.

Votre Majesté a bien voulu nous prêter
oreille amicalement et dans la grande et affectueuse
générosité, Elle a décidé que nous pourrions

recupérer nos trois provinces. La reconnaissance que nous en avons à Votre Majesté ne connaît point de limites.

Nous craignons néanmoins que nos forces soient insuffisantes (pour payer ce qu'on nous demande), et si nous ne nous expliquons pas sincèrement à l'avance, n'est-il pas à redouter que notre réelle impuissance ne fasse plus tard mettre en doute notre sincérité? Nous écrivons, en conséquence, une Lettre royale à Sa Majesté la Reine d'Espagne et la prions de prendre avec Votre Majesté une décision unanime au sujet de l'ancienne indemnité commune aux deux nations.

Et, nous appuyant sur tout ce que nous venons d'exposer à Votre Majesté, nous faisons appel à ses sentiments si profondément justes et bons, nous la prions de daigner établir une mesure équitable et en rapport avec nos faibles forces et lui demandons les modifications suivantes :

l'ancienne indemnité de guerre serait
ment payée par nous dans l'espace de trente
années;

La nouvelle indemnité relative aux trois
provinces s'élèverait à la somme totale de huit
millions de piastres et cette somme serait
remontée dans l'espace de quarante ans

En faisant les efforts les plus grands, nous
pouvons seulement parvenir à supporter de
pareilles charges; que si nos demandes n'ont
point d'issues, nos forces trahiront le désir de
notre cœur, et combien n'est-il pas à redouter
pour nous de ne pouvoir assez reconnaître la
bonté bienveillante de Votre Majesté!

C'est avec des sentiments d'espérance
sans bornes en Votre Majesté que nous lui
soumettons cette lettre.

C'est une lettre respectueuse.

Eue-Duc

(Cachet du roi) 17th Année, 6th mois, 15th jour
(18 juillet 1966)
Tous copies conforme à la traduction
du traducteur,
P. Carbone

Thư của Đô đốc Bonard gửi Napoléon III, 1864

Nguồn: M.D. Asie N° 29

DOCUMENT ANNEXE 19 (15 pages)

*cachet
de la
Général Bonard*

1864

23

Sire

*Je prie votre Majesté de vouloir bien accuser
la franchise d'un de ses plus dévoués sujets
Aucun intérêt personnel, aucun motif d'amour
propre, ne me guide dans la démarche que je
fais en ce moment; C'est le seul désir de
pouvoir être utile au service de votre majesté
qui m'a fait prendre la liberté de résumer
succinctement la question de la Cochinchine*



*Si une enquête sérieuse, pouvait être
faite à ce sujet je pense avoir assez de faits
et de documents pour appuyer les vœux
Général que je ne fais qu'indiquer pour ne pas
abuser du temps précieux de votre majesté.*

*Le traité de 1862 qui paraît devoir
être profondément modifié d'après de nouvelles
propositions du gouvernement de Nîc, sans
ralentissement, et le fait dans les conditions énumérées*

Les complications en Europe & au Mexique
avaient de toute nécessité l'aité dans l'ombre
l'expédition de Cochinchine. A cet état préca-
ire, avait en attendant son moment, plus favor-
qu'un remède; le remède était en se réservant
l'avenir, de s'assurer une base d'opération
solide, remettre à l'ouvrage la couche de
travailleurs que la guerre incessante avait
détournée des cultures pour les lancer à
l'apiratoire et le désordre

Prendre des garanties contre les retours
du gouvernement de Hue. Donner les germes
Colonie pourant exceptionnellement de
suffire à elle-même dans un délai de
quelques années, et se défendre contre les
entreprises, soit des puissances asiatiques
des puissances maritimes européennes,
séparées de la métropole par des événements
de guerre.

C'est à ce but que le traité tondais et
malgré les critiques qu'il a pu soulever

dans deux sens diamétralement opposés les uns
le trouvant trop modéré les autres exagérés,
je persiste à être convaincu que c'est là le
seul moyen des les circonstances on l'on se
trouvait en s'engageant pas l'aveur de
mettre à profit les sacrifices d'hommes
et d'argent faits par la France, et
permettre de marcher d'un pas sûr à
la création en Cochinchine de la plus
belle colonie de l'univers, il ne faut
pour arriver à ce but que de la patience
et de la persévérance

En effet l'occupation et l'organisation
des trois provinces cédées par ce traité,
nous permettait jusqu'au moment d'agir
de tenir le gouvernement de Hué, dans
une circonspection salutaire, sous la
crainte de voir ses communications interceptées
avec les trois provinces qui sont ses véritables
vaches à lait, soit dans un cas plus grave de les
voir annexées aux provinces déclarées Françaises.

La science, le développement de l'agriculture et du commerce, la justice, pour tous, l'emploi judicieux de l'organisation communale siamoise qui a survécu même aux tentatives d'absorption de la nationalité de ce peuple par l'administration à la Chinoise des Mandarins, voilà le but que nous permettrions de poursuivre avec sagesse les classes de ce traité.

Il n'y a pas à douter que cette organisation du delta cédée à la France avait promptement fait une propagande pacifique tout autour de nous et à un moment donné nous n'aurions au lieu d'employer la force qu'à résister aux demandes peut-être trop nombreuses et trop pressées d'annexion, pour ne pas être débordés, une extension trop grande et trop prématurée.

Avec la possession de fait du fleuve du Cambodge, rien n'était à craindre des puissances asiatiques, tels que Siam, le royaume du Cambodge, encore moins de l'Inde qui se trouvait coupée.

ou du moins nos possessions de ce côté n'en perdrait
rien, pour moi.

Avec la possession de la province de Bienhoa
limitée d'un côté par les montagnes inaccessibles à
une armée régulière, habitée par les MOIS, dont
il est facile de faire des amitiés et des vœux
contre les entreprises de Hoïe il n'y a pas à
douter que le passage par le Pontinan
province limitrophe de Bienhoa

Cette province de Pontinan manque
d'eau potable, de vivres, ses ports sont faibles
à surveiller, c'est par ces raisons une route
impraticable à une armée régulière, même
ennemie.



L'expédition qui vient à donner Bienhoa la
preuve que j'avance, toutes les troupes
régulières ennemies réfugiées au Pontinan
après leur défaite ont été obligées de rester dans
l'intérieur de la Cochinchine peu de temps après
leur retraite de Bienhoa.

Avec la possession de l'île de Poulo Condor

pentante avancée de la Cochinchine, mise en communication électrique avec une expédition par une puissance maritime ne peut être faite au Chame de succéder la colonie?

Maître du Cambodge et des millions d'ang
cannus naturels ou de main d'hommes, qui
mettent ce fleuve en communication avec la
rivière de Saigon, toute tentative signalée
Poulo Condor peut être instantanément repoussée.

Il suffit pour cela de creuser ce qui est
facile, quelques arroyos de communication
du Cambodge avec la rivière de Saigon de
manière qu'avec une force missionnaire (on appareille
mais formidable) par la possibilité de sa
concentration de bâtiments cuirassés on soit
maître de la position. La corde de l'arc. Sur
lequel seul, peuvent se faire les attaques
can d'une puissance maritime on pourra
promptement en jetant toutes les forces
disponibles sur le point menacé écraser

toute tentative d'agression du côté de la mer

Le blanc même n'est pas possible car
provenus par Paulo Condor, on se mettrait promptement
en force sur les croiseurs en faisant des sorties avec
les mines minées sans risque d'être pris par
l'ennemi d'abord par la concentration ensuite
de toutes les forces disponibles, ensuite par
l'impossibilité on serait l'ennemi ennemi de
poursuivre les canonnières à petit tirant d'eau
sur les bas fonds qui défendent les côtes de
Cochinchine

La Cochinchine est attendant le moment
favorable? telle que la fait le traité de
pourrait donc être assurée sous le
rapport militaire contre toutes les attaques
avec un corps d'armée grec considérable pourvu
que les travaux signalés, nécessaires à cette défense
soient exécutés.

La position militaire et politique du
vici pourrait se résumer ainsi

4. Menace redoublée de toutes les puissances

asiatiques voisines, peser sur elles d'une influence pacifique, irrésistible et aller peu à peu à son but sans impresse, sans dépenses exagérées.

2^e Pourant aussitôt installée dans son delta supporter pendant plusieurs années les conséquences et les inconvénients d'une guerre et une puissance maritime de premier ordre

Quant à l'avenir commercial il n'est moins bien assuré une fois l'établissement au cas de des magnifiques et riches produits de vastes pays, on l'on trouve des bras, non esclaves, ce qui manque dans toutes nos colonies, des moyens de communication par eau facilitant les transports jusqu'aux lieux de production, enfin des débouchés assurés par ne pas craindre une obstruction par suite de production exagérée.

L'organisation des communes communales qui servent à la pression du joug des Mandarins est toute prête à fonctionner.

C'est un vrai troupeau prodigement quer la population annamite, elle ne demande que des bergers pour la défendre des loups, il faut la guider avec justice et elle ne tardera pas à voir qu'elle a tout à gagner à sa nouvelle condition sous l'autorité bienveillante de la France.

Point de fanatisme religieux comme en algérie dans l'inde a java etc par la persécution et sans avoir besoin d'employer la force on peut faire des annamites des chrétiens et des Français.

La soie peut donner deux et quelque fois trois récoltes par an, le sucre, le café sont de première qualité, les colons, indigos, huiles, riz, les arômes les bois de construction, même pour la marine, militaires abondent, les pêcheries peuvent donner plus de cent mille tonnes de poisson salé par an sans craindre l'épuisement, les salines ont activité pour peu qu'elles soient encouragées. Suffisent aux besoins de la pêche et à l'exportation en Chine et dans l'inde.

Les annamites sont des ouvriers très

intelligents pouvant être employés à des usages
de bon genre, bois, marbre, sculptures etc. et il ne
manque que des motifs pour que ces revenus
probables voient l'appeler qui peut être soutenu
cette année.

Sans demande, sans droits et forme quelconque
d'industrie dans peu d'années par les
entreprises des négociants chinois et de toutes les nations
Si la France seule ne pourrions fournir à toutes
colonies voisines par ses recettes largement les
d'entretien jusqu'à présent à la charge de la
métropole

Les pièces en main il est facile de prouver
la Cochinchine Française ne demande qu'à voir
sans l'indication qui reside à ses destinées amant

Avec la sécurité la liberté nécessaire à un
entreprise dans laquelle ne demandant
qu'à entrevoir des gens entrepreneurs de tout
nationalités les capitaines et les intelligents
ne feront pas défaut, l'impôt modéré
sur les terres, surveiller non prié par
les abus de perception des mandarins amant

perçu par les communes elles mêmes etait
avec la paix et la sécurité à plusieurs millions.
Cet impôt dans les mœurs annamites n'a besoin
que d'être régulé et surveillé par quelques
employés supérieurs, sans nécessitant avec des
frais de perception très minimes.

La Vente des bois propriétés du gouvernement
faite sur une grande échelle donnera des
recettes énormes tout en offrant de larges
profits au commerce la pêche du poisson &c
les salines, les huiles des arbres des forêts de
l'Etat seraient aussi une source de revenus
facile à percevoir, puisqu'il est déjà dans les
usages annamites.

L'ouverture libre de droits pour les marchandises
ferait de Saigon un centre considérable de
commerce avec toute l'Asie assurant des frets
de retour aux bâtiments chargés, venant d'Europe.

L'Enregistrement des actes est tout à fait dans
les mœurs annamites et facile à percevoir
avec peu d'employés je ne saurais entrer dans
tous ces détails de peur d'être long, mais en

réunie je crois pouvoir affirmer qu'avec
l'assurance de votre ferme volonté de garder la
Cochinchine dans peu d'années cette colonie
produirait au delà des dépenses nécessaires à sa
sécurité et à son administration

Telle est succinctement Sire la perspective
que le traité de 1862 pouvait faire espérer
attendant que peu à peu les circonstances
permissent d'augmenter l'importance de la
Colonie

Il n'en sera pas de même si les modifications
causées par l'offre de rachat des provinces
et d'occupation restreinte sont adoptées

je crois devoir mettre sous les yeux de
votre Majesté les conséquences qui dans
peu de temps seraient je le crains la suite
inévitables de ces concessions.

1^o La colonie ou le comptoir verrait
ses recettes amoindries, l'occupation n'est
qu'une charge pour la métropole: &
plus en temps de guerre européenne ce
comptoir serait indéfendable l'hostilité

l'autorité entretienne par l'absence des mandarins reprenant leur pouvoir étatique avec les secours de l'ennemi : si ce n'est par le fer et le feu, ce sera par la famine que nous serons forcés de retirer le pavillon Français de l'Asie.

La protection pour les négociants et les nombreux chrétiens disséminés dans l'Empire d'Annam sera impossible, malgré un plus grand nombre de troupes et de navires que pour l'occupation actuelle ; la piraterie dévastera toutes les entreprises commerciales, le mauvais vouloir des mandarins s'entr'aideront par des ruses continuelles entraveront tout, ils iront même jusqu'à affamer la garnison et la colonie en empêchant les denrées alimentaires et les objets de commerce d'arriver à nos comptoirs ;

3^e Toutes les grandes entreprises commerciales industrielles et agricoles vont se trouver arrêtées dégoûtées pour longtemps, les pionniers de toutes les nations se retireront de la Cochinchine ruinée ou ils étaient venus

enfants apportés leur intelligence et leur
Capitaine!

A² Enfin il n'y a pas à en douter, tout au
dans la population s'est plus ou moins rappé
des Français, tout ce qui sent en nous le Fran
Comme Chretien sera caillé, les biens confiés
et beaucoup de malheureux périront par
faim et les supplices.

Au³ n'ayant plus d'écrit de Dumas
qui la rectifie forcera avant peu à ouvrir
une guerre plus difficile encore que celle
qui vient de s'ouvrir, car après une
pareille catastrophe il sera impossible
trouver dans les annamites des allies
confiants pour nous secourir

Telles sont, Sire, mes appréciations
Sincères fruit de l'expérience que j'ai
de ce pays, je crains que si cette modification
est adoptée le sang de nos braves soldats,
Sommes dépensées n'aient pour résultat
l'inverse de ce qu'on se proposait:
l'abaissant de notre influence de

Orient, au lieu de la voir grandir
comme cela avait lieu à l'issue des
expéditions de Chine et de Cochinchine

De votre Majesté.

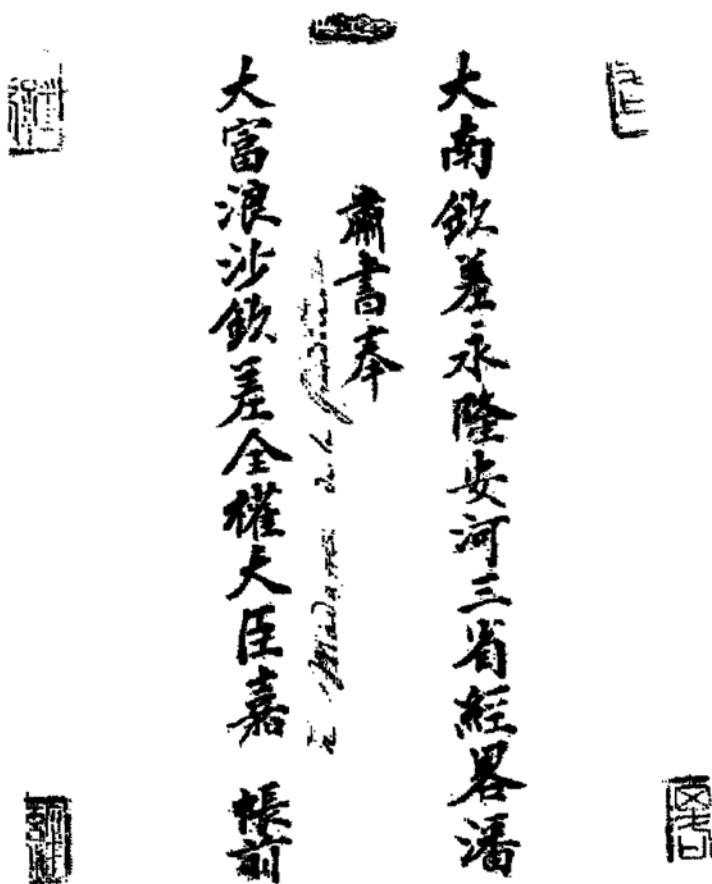
Le respectueux et dévoué Sujet

A. Borel  vice amiral

Thủ bút thư chữ Hán của Phan Thanh Giản gửi phu nhân
de La Grandière (Ngày 1 tháng 4 năm 1867)

Nguồn: Tài liệu được thân chuyển từ Tử tước G. de La Grandière

DOCUMENT ANNEXE 20 (3 pages)



Première page de la lettre autographe, en caractères chinois,
DE PHAN THANH GIAN À MADAME DE LA GRANDIERE
1^{ER} AVRIL 1867.

大南協辦大學士奉充永隆安河三省經畧大臣潘

肅書奉

大富浪沙總統水陸軍民欽差全權大臣嘉

貴職 命婦貴夫人帳前玉照昨接祥督安見惠

來云 貴帥近狀要好 貴夫人頗因炎熱微

欠調適現已清泰恭戒公冗未能親候甚慊今日

莊接驛列好音不勝喜慰又以叢辰微贈多承

致意款曲道及不覺令人愧感不置但願

主恩保愛惠佑

賢帥登

賢命婦夫人福履敷麗泰成預永合契同心永終嘉

道俾兩國人民蒙其樂利



未教此心銘刻無有窮期矣餘風送爽遙禱
陞安



嗣德貳拾年



日

Bản dịch tiếng Pháp của thư trên

DOCUMENT ANNEXE 21 (1 page)

Réponse de Phan Thanh Giản à
Madame de la Grandière.

Le Vice-roi grand commandeur du Royaume d'Annam, Deligne, ancien
Roi de la troisième dynastie de Vinh-tung-an-hà, officier général
Phan...

a l'honneur d'écrire cette lettre à Madame... noble épouse
de son Excellence, le Gouverneur, Commandant en chef, François Gia-

Le Commandant de Mithe, en venant en visite ces derniers temps
m'a fait approuver que son Excellence l'Amiral, le portait bien, que vous
Madame, vous aviez encore souffert de la chaleur de la saison; mais que vos
travaux, même vos occupations ne me permettaient pas, je le regrettais,
d'être avec vous pour vous présenter mes hommages, quand j'aurais dû
l'indiquer, j'ai vu de votre lettre traduite à propos d'un petit objet et
que du volent pour lequel vous m'adressiez de tels remerciements que je
devais en rougir.

Je désire, Madame, que la grâce de fuirant vous portera, vous
et son Excellence pour de longs temps encore et je m'adresse à tous les vœux
que vous manifestez pour la prospérité de deux Royaumes mis ensemble
à tout jamais. Ce sentiment est chez moi ineffable et éternel.

Afin la parole du jour pour se répandre dans la clarté
des rayons lumineux vous porte, Madame, les souhaits que je forme
en leur pour votre prospérité.

Phan Thanh Giản, 2^e mois, 27^e jour
1^{er} Avril 1867.

Ce texte se retrouve in-extenso aux pages 182-183 ; le document authentique ayant été
écrit sur une feuille teintée, il a été très difficile d'en obtenir une meilleure copie.

Ghi chú về Nam Kỳ của G. Aubaret

Nguồn: M.D. Asie, 1864-1867, N° 29

DOCUMENT ANNEXE 22 (25 pages)

1³

Note sur la Cochinchine.



Exposé de la question
à son origine.

Il y a cinq ans que la question de Cochinchine a occupé sérieusement le Gouvernement de l'Empereur.

Il s'agissait d'abord de donner uniquement un appui moral à la cause des missionnaires, depuis longtemps nosse, mal traitée par le gouvernement d'Annam, qui rejette en principe la religion chrétienne.

Les dangers courus par les missionnaires n'ayant en aucune occasion diminué leur zèle, il a dû nécessairement arriver d'abord au royaume aussi obéissant réglé que celui d'Annam, que les dernières supplices infligés à quelques uns d'entre eux ont de temps à autre ému l'Europe chrétienne.

C'est donc le coup d'un supplice récom. et d'une émotion semblable que l'expédition de Cochinchine fut entreprise.

Il ne s'agissait alors que d'une démonstration suffisamment vigoureuse pour montrer à la Cour de Hué, l'horreur qu'éprouvait l'Europe pour ces barbares exécutions et amener en même temps cette cour à quelque stipulation qui satisfaisait la fois les intérêts de religion et d'humanité dont la France s'honore.

El n'entre nullement dans notre sujet de relater les diverses opérations militaires qui ont eu lieu pendant un aussi long laps de temps, nous nous proposons uniquement d'exposer le côté politique et moral de cette question et nous tâcherons après cet exposé de chercher une solution capable au moins d'arrêter de

Relations diplomatiques
avec la Cour de N'g'.

nouvelles complications et de nouvelles difficultés.

L'histoire de nos relations diplomatiques, avec la cour de N'g', est, nous le pensons, la meilleure manière de mettre bien en relief l'opinion qui dirige le gouvernement d'Annam.

Elle montrera de quelle nature doivent être les empêchements nombreux que les différences de chefs militaires de la France ont rencontrés sur leur route, et combien il leur était difficile sinon impossible d'arriver à une solution bien nette et bien établie.

Le premier de ces chefs fut l'Amiral Rigault de Genouilly; le but qu'il se proposait était celui que nous avons indiqué plus haut à savoir d'exercer une pression suffisante sur le Gouvernement d'Annam pour obtenir de lui des réparations inégalement morales.

Quelques missionnaires, qui selon nous, eurent le tort d'en appeler à la force brutale pour une cause que la force compromet inévitablement quand elle ne la perd pas tout à fait, étaient, il faut bien le dire, étrangement abusés sur l'opinion politique d'un peuple que malgré un séjour de longues années, ils connaissaient assez mal.

On partait donc pour Coniane avec ces espoirs qu'on allait nous regarder comme des libérateurs, et qu'il se ferait un mouvement tel parmi ce peuple que notre présence suffirait à peu près pour atteindre le but désiré.

Ces espoirs ne pouvaient être réalisés, les Annamites non chrétiens qui sont l'immense majorité de ce royaume sont trop disciplinés, trop attachés à leurs coutumes, pour se jeter de la sorte dans les bras

de gens qu'ils sont habitués à considérer comme barbares dès leur plus tendre enfance et qu'ils sont d'ailleurs bien plus portés à craindre qu'à aimer.

Envers aux chrétiens, outre l'infériorité de leur position sociale, ils ont par eux-mêmes si peu d'initiative, qu'il nous a fallu plus tard et quand nous étions les maîtres, beaucoup d'impulsion pour les amener à la soumission produite chez eux par la crainte excessive des mandarins.

La Cour de Huế très tranquille du côté d'une manifestation populaire, si tantôt qu'elle y ait pu être un instant, ne vit dans nos démarches qu'une agression injuste et que, selon elle, rien ne pouvait justifier.

Elle ne s'émua donc absolument que des forces dont nous disposions, sans vouloir supposer qu'elle pourrait entrer avec nous en composition.

Malgré la prise de Tourane et plus tard celle de Saigon. Monna en lui faisant subir de très grandes pertes, la Cour de Huế ne voulut même pas concéder à accéder de véritables plénipotentiaires et se borna à se tenir très habilement sur la défensive.

Pourtant après le départ de l'Amiral Rigault de Genouilly, quelques conseillers du roi d'Annam ayant pris en sérieuse considération les pertes matérielles occasionnées par les nombreuses expéditions de cet officier général, pensèrent qu'il serait sans doute plus sage pour se débarrasser de nous, de nous faire quelques concessions d'une liberté très relative tant pour la religion que pour le commerce.

Le nouveau Commandant en chef, l'Amiral Page était muni d'instructions de la plus grande élasticité et qui lui permirent de proposer un traité dans lequel

il n'était question, ni d'un écu, ni d'un coin de terre-quelconque et où les missionnaires ne se trouvaient libres d'enseigner la religion qu'en offrant des garanties bien faites pour tranquilliser une administration aussi ombrageuse que celle d'Annam. Il était stipulé en outre que trois Conseils résideraient dans trois ports désignés et que pour les trois ans un chargé d'affaires de France, serait envoyé à la Cour de Hué.

Un véritable plénipotentiaire muni de pleins pouvoirs étant alors venu à Saïgon, il s'établit avec lui de nombreuses conférences qui malgré toute notre bonne volonté et notre désir de conclure, ne purent jamais l'amener à signer quoique ce soit, tellement lourde est dans ce pays, la responsabilité assumée par un homme, si élevé que soit son rang. Les négociations furent donc interrompues et nous sûmes plus tard que bien près au plénipotentiaire de ne pas conclure, car les menaces de la Cour de Hué considéraient comme exorbitantes les conditions de ce traité.

Dans leur esprit un plénipotentiaire était un homme chargé de nous donner un passe-port pour en simple.

Ce fut alors que l'Amiral bien contre son gré, se vit contraint, par ordre, d'évacuer Tourane et il est très difficile de dire à quel point cette retraite nous fit baisser dans l'opinion des Annamites qui nous virent reculer matériellement au moment où ils venaient de nous reprocher nos bien modestes demandes.

L'expédition de Chine qui commencerait avec l'année 1860 réduisit celle de Cochinchine à la simple occupation de Saïgon et dans une position d'infériorité telle, que les généraux du roi d'Annam pensèrent

que l'offensive devais être désormais leur façon de combattre. On leur promit naturellement avec la plus grande énergie, que si réduits que fût le nombre des forces françaises au Cochinchine, il était intéressant aux troupes d'Annam de les faire reculer.

Les choses en restèrent là jusqu'à la fin de l'expédition du nord de la Chine et l'on peut dire qu'une nouvelle phase commença alors pour nous, car nous devînmes des conquérants.

Inquiète des Provinces.

Après avoir brillamment débloqué Saïgon, l'Amiral Charner s'empara de la province entière de Gia Dinh dont cette ville est la capitale. Peu de temps après, ce fut la province de Mitbo baignée par l'un des bras principaux du grand fleuve du Cambodge qui vint considérablement augmenter notre conquête.

Cependant le Gouvernement de Hué ne se tint nullement pour battu; il était alors très fortifié par notre regrettable abandon de Cochin et c'est à cela qu'il faut attribuer le peu de succès qu'eurent les premières négociations de paix tentées sous ce Commandant en Chef avec un nouveau plénipotentiaire Annamite, dont il n'y eut pas lieu de vérifier les pouvoirs, tellement on fut loin de s'entendre.

Cependant notre conquête s'accroît après le départ de l'Amiral Charner et sous son successeur l'Amiral Bonard de toute la province de Bien-hoa d'abord et plus tard du chef-lieu de celle de Dinh-long.

Par la force des événements le but qu'on s'était d'abord proposé de s'emparer d'un singulierement dépassé et nous devînmes des conquérants là où nous nous proposions dans le principe de recueillir simplement des griefs.

Mais ce n'est pas sans des conséquences très sérieuses que l'on se substitue de la sorte à l'autorité dans un pays aussi hiérarchiquement administré que le royaume d'Annam.

La première de ces conséquences fut de comprimer très gravement vis-à-vis de la Cour de Hué, la population chrétienne qui passa immédiatement à des actes coupables de rébellion envers le souverain, en cela consistant en Cochinchine une crime si énorme que les châtimens les plus horribles et les plus inhumains paraissent naturels en pareils cas.

C'est ainsi que nous avons pu voir de nos propres yeux des centaines de malheureux périant dans des flammes allumées devant les marches facilement triomphantes de nos troupes.

Si de pareilles exactions n'ont pas atteint la population non-chrétienne, elle n'en a pas moins été jetée dans un état de malaise insupportable, anciennement placée qu'elle était entre les ordres de son propre gouvernement et les nombreuses proclamations faites au nom de son nouveau maître le Souverain de la France.

On peut affirmer que ce malaise existe encore aujourd'hui malgré le récent traité ratifié à Hué par lequel, on nous a effectivement cédé le territoire intégral de trois belles provinces. Ce traité n'a de chances de durée qu'en raison des résultats que nous sommes lui donner nous-mêmes.

Il a été convenu, alors que la cour de Hué se voyait en lutte à la fois avec nous dans le Sud et avec la révolte du Borakim dans le nord, il n'a été ratifié qu'à l'aide des plus rigoureuses menaces

Ainsi ces ratifications sont-elles accompagnées de documents qui établissent d'une façon très-claire que la Cour de Hâï ne considère point être par conséquent la cession du territoire comme définitive.

Cette cour a très-habilement montré combien les plus pauvres de l'Amiral Bonard, lui reconnaissent le droit de reconnaître un territoire, quand il ne lui est parlé que du traitement de ses gens et de sa protection à accorder aux missionnaires.

Quoiqu'il en soit, ce traité a pour nous cette haute valeur morale que'il nous a rendus responsables d'une population paisible et laborieuse que nous avons brusquement dépossédée de son nationalité et qui en a le droit d'attendre de nous, ou que nous la replaçons dans l'état où nous l'avons trouvée.



Ce peuple intéressant a plus d'un point de vue ne peut être plus longtemps ainsi abandonné à l'ardeur de la vanité Hâï à le maintenir et où son acte ne l'ait par encore été, sans que votre influence dans l'extrême Orient ne soit très compromise. Il faudrait alors par exemple en nous maudissant en votre impuissance de nous démontrer par les vaines tentes incultes et inhabiles incapables de comprendre les meilleurs répensés incultes.

D'un autre côté la restitution du territoire moyennant indemnité, solution très désirée par le Gouvernement à Hanoï sur l'abdication totale de la France d'une partie du moule sur les forces vives de l'Empire pénitent chaque jour davantage. Ce serait une grande reconnaissance pour nous et il n'y a pas d'exagération à dire que nous tomberions

aux yeux de ces peuples, bien au-dessous d'un peuple de 3.^e ordre.

Quant à la création d'un vaste comptoir sous le siège serais à Saigon, nous la croyons sans avenir et voici pourquoi : Le royaume de Cochinchine est sans conteste le pays le mieux administré et le plus hiérarchisé de tout l'Orient. L'autorité s'y exerce pour ainsi dire sans contrainte et elle est obéie jusqu'aux détails les plus infimes. Or ce serait une grande erreur de croire que le Gouvernement de Hui en nous accordant un comptoir ne chercherait par tous les moyens à le rendre onéreux entre nos mains et parfaitement inutile. Certainement l'expansion de notre force ferait qu'il se garderait bien de la provoquer de nouveau, mais un comptoir n'ayant en définitive pour but que les intérêts commerciaux, il les paralysierait en défendant sous-main, l'économie de ses produits. On peut être certain que les raisons bonnes ou mauvaises ne manqueraient pas pour cela. La Cochinchine n'a à ce point de vue aucun rapport avec la Chine et l'exemple de Shang-haï ne peut nullement être invoqué. La vaste empire de Chine est tellement déchiré que ses Gouvernements ne pourraient point arrêter l'esprit mercantile particulièrement propre à la race chinoise. Les choses ne se passent pas de même en Cochinchine. Outre que ses habitants sont profondément agglomérés d'autorité centralisée à la Capitale serait entièrement obéie jusqu'aux frontières et nous ne tarderions pas nous trouver dans la même position qu'au Japon.

Il ne reste donc, aujourd'hui que la conquête et consommation, que d'en tirer parti le plus sagement possible

jeune d'Administration.

c'est-à-dire en conciliant à la fois l'humanité, notre influence politique et nos sacrifices pécuniaires.

Nous persistons à penser, qu'une bonne administration en Cochinchine, n'est nullement au-dessus de nos moyens. Le problème se résume à faire dans ce pays ce qu'y faisions les mandarins, c'est-à-dire à le juger d'après ses propres lois et à le régir d'après ses règles et surtout ses coutumes. Mais pour en arriver là nous croyons fermement que le Gouverneur ne doit pas être un militaire mais bien un administrateur assez attaché au succès de son œuvre pour la suivre longtemps avec intérêt.

Un certain nombre de jeunes gens intelligents et actifs comme on en trouvera toujours en France, en les encourageant un peu et leur montrant une carrière ouverte, rempliraient après un stage suffisant et des examens gradués des positions équivalentes à celles de magistrats et juges dans les Indes Anglaises. De ces positions sont si bien prévues dans le système administratif de l'humanité qu'il serait difficile d'établir une autre hiérarchie mieux adaptée au peuple qu'il s'agit de régir.

Il sera très important que les agents employés de la sorte et sans lesquels l'action du gouverneur serait réduite à l'impuissance, s'attachent tout spécialement à l'étude de la langue Annamite. C'est là comme dans tout l'Orient une nécessité indispensable et ce n'est par une difficulté qu'il soit raisonnable de regarder comme excessive.

se de la langue Annamite.
Lettre du 1^{er} Août

La langue Annamite réduite à sa forme vulgaire est d'un mécanisme extrêmement simple. Les travaux faits sur cette langue, la rendront, nous l'espérons bien,

aussi aisée à apprendre qu'une langue Européenne. Cette langue, vulgaire, indispensable à connaître, nous le répétons, suffira amplement à la direction des affaires pour la plus grande partie des agents placés sous les ordres du Gouverneur.

Langue Chinoise
(Examen du 2^e Degré.)

Quant à ceux d'entre eux qui pourrissent fournir études jusqu'à une certaine supériorité, c'est-à-dire jusqu'à la connaissance de la langue chinoise, ils en devront naturellement trouver la récompense dans les postes plus élevés et qui constituent dans le Gouvernement Annamite, la haute administration.

Il en doit être ainsi parce que la langue Chinoise est en Cochinchine l'instrument officiel; tous les actes publics, jugements, pétitions, &c. &c. étant rédigés exactement comme à la Chine.

Nous insistons sur ces détails à cause de leur importance et aussi pour établir le prix que nous attachons à voir des agents français en état, s'il le faut, de se substituer aux mandarins annamites.

C'est en effet une erreur qui amènera les plus certaines déceptions de supposer que ces mandarins vont venir se mettre à notre service. Il faut bien pour connaître les Annamites pour espérer que cette classe vaniteuse et du reste bien plus attachée qu'on ne le pense à son Gouvernement, se mêle de suite à des Européens de la part desquels il leur est bien impossible d'exiger ce profond respect qui seul donne au mandarin sa force et son autorité.

Nous avons pour notre compte, pendant quelque temps, partagé cette erreur et les sujets déplorables ou parfaitement nuls à de bien petites exceptions qui se sont offerts à nous, en ont abondamment donné

la preuve que si nous voulons arriver à un résultat quelconque, il ne faut pas compter exclusivement sur les lettrés indigènes.

Enseignement public :

L'enseignement public si admirablement développé dans la société chinoise, doit toujours être l'objet de notre protection et de notre sollicitude. Ces enseignements comprennent sous notre administration deux systèmes, savoir :

Les Annamites.

Le système Annamite composé d'une instruction primaire répandue dans tous les villages et par laquelle les enfants sont initiés aux caractères de la langue chinoise, et une instruction secondaire où il est faite une étude sérieuse de cette langue indispensable, nous l'avons vu, chez un peuple sorti de la Chine et régi par les mêmes lois.

Ce deuxième degré d'instruction forme sous le régime annamite cette pépinière de lettrés dont l'unique but dans la vie était de satisfaire aux examens qui seule donnent entrée dans le monde administratif.

Cette classe de lettrés notre conquête l'a fait nécessairement disparaître et elle ne peut être que difficilement reconstituée. Cependant rien n'empêche que nous n'obtenions au moyen de l'enseignement annamite encouragé par nous des personnes instruites qui seront un plus utile appui auprès des agents de l'administration.

Écoles françaises.

Ce seraient des assistants dans les tribunaux, des Conseillers dans les arrondissements, des secrétaires, etc. Le deuxième système d'enseignement est, dans notre esprit entièrement dévolu aux missionnaires et l'on peut compter qu'il s'en acquitteront avec le zèle le plus intelligent.

Il consiste dans l'étude du Français en de la transcription de la langue Annamite à l'aide des caractères latins. On ne pense d'imaginer le reste d'après réservé à cette méthode si simple. Par elle, la langue annamite se trouve fixée par l'écriture et ce que des années suffiraient à peine à faire connaître, deviendra le travail de quelques mois. Nous en donnerons pour exemple le Code de législation que nous nous sommes surtout proposé en en faisant une traduction française de faire passer de là dans la langue vulgaire d'Annam et qui deviendra dès lors une des livres les plus faciles à connaître; tandis que sa difficulté présente, à cause de la langue chinoise dans laquelle il est rédigé, exige plusieurs années de la plus sérieuse étude. Bien d'autres ouvrages d'administration traduits de la sorte, nous donneront en peu de temps des sujets fort instruits et de la plus grande utilité.

Religion chrétienne

Mais le but principal des missionnaires, qui est de faire des chrétiens, ne saurait être trop encouragé. Nous sommes parfaitement convaincus que la Cochinchine ne nous appartiendra réellement que le jour où elle sera chrétienne. C'est de tous les moyens de conquête le plus certain et le plus durable nous sommes donc heureux d'avoir à faire à un peuple très accessible aux idées chrétiennes et qui fera de rapides progrès dans cette voie, quand, avec l'ordre, disparaîtront les regrettables exemples que nous-mêmes lui avons donnés. Il faut bien se garder au sujet de la religion chrétienne de paraître accorder une protection spéciale à ceux qui embrassent cette religion. L'opinion des Annamites est tellement portée à la dissimulation que l'on s'exposerait de la

sorte à de sérieux mécomptes. Le mieux est de se
borner à laisser libre l'action des missionnaires et de
ne jamais aborder la question religieuse en affaires
d'administration.

Nous avons traité tout d'abord la question de
l'enseignement parce que c'est celle à laquelle les
Annamites tiennent peut-être le plus. C'est à
leurs yeux la preuve d'un intérêt véritable et chez
un peuple de race chinoise, c'est la façon la plus
assurée d'être réellement le maître.

Force militaire.

Si nous considérons maintenant, toujours au point
de vue d'une organisation française la question militaire,
nous dirons tout d'abord qu'elle est plus facile à résoudre



qu'on ne le pense en général. Nous croyons qu'un
effectif de 5 à 6000 hommes est parfaitement suffisant,
même aujourd'hui que bien des choses sont à créer,
et qu'il s'agit de prendre réellement possession de ce
qui nous a été cédé avec tant de mansuétude grâce, c'est-
à-dire y établir une entière sécurité. Seulement, il
est indispensable en Cochinchine que les évacuations de
malades se fassent régulièrement et que les vides
soient comblés à mesure. Il est si naturel que ce
pays soit en relations constantes et assises avec
l'Indochine, que nous ne pensons pas que ce soit là une
grande difficulté.

Si l'organisation administrative fonctionne suffisam-
ment, il est infiniment probable que ces troupes
auront beaucoup de repos et partant infiniment
moins de malades.

La présence seule de nos soldats est le plus souve-
rainement suffisante, mais nous entendons par leur
présence, non un contact immédiat avec la population

ce qui amène chaque jour les plus déplorables résultats, mais la simple certitude que la force n'est pas éloignée, au cas où il faudrait y recourir.

Les soldats étant donc aussi bien logés et installés qu'il est possible, ne doivent avoir qu'une action très secondaire et réduite uniquement au cas de force majeure.

Quant aux troupes indigènes, il faut les établir comme elles étaient constituées au point de vue de simples milices; c'est à dire qu'on demanderait des hommes aux villages selon les lois amamites, mais uniquement pour la garde et la police des cantons. Les chefs de canton en auraient la surveillance. Cela est de beaucoup préférable, plus utile et moins coûteux que la création de compagnies permanentes qui ont présenté des inconvénients.

Agriculture.

L'administration et la force publique étant ainsi régularisées, il reste à nous occuper de la question la plus essentielle qui est la force de production du pays. Cette force est représentée par des produits naturels et abondants en basse Cochinchine tels que en première ligne les essences forestières très précieuses pour toutes sortes de constructions et le poisson - deux fourmillons d'immenses cour d'eau. Mais la plus grande richesse de ce pays doit être demandée à son agriculture.

Le gouvernement Amamite a toujours dans ce but encouragé de tous son pouvoir les travaux des champs, mais comme il n'agissait que pour lui-même, sans vouloir ouvrir au Commerce qu'un champ extrêmement limité avec quelques marchandises chinoises, le peuple n'a répondu à son appel que dans

les parties du territoire où la culture est tellement facile qu'elle ne demande à l'homme presque pas de travail. Malgré cela néanmoins, les provinces de la Basse Cochinchine étaient le vrai grenier d'abondance du royaume et le riz s'y vendait à un prix tellement minime que bien des Chinois y ont aisément trouvé de très considérables profits.

Rien n'est plus aisé pour nous que de faire mettre en culture les rizières immenses dont ce pays est couvert et d'y établir sur une très grande échelle les produits principaux qui sont après le riz, les arachides, le tabac, la canne à sucre, la soie, etc. Le murier vient très bien et se recoupe si rapidement de ses feuilles, qu'il permet plusieurs récoltes successives; si les Annamites ne le cultivent que peu et n'élèvent par conséquent qu'un nombre restreint de vers à soie, c'est qu'ils n'ont en jusqu'ici aucun débouché, donc aucun intérêt à dépasser la limite de leurs besoins. La même remarque s'applique à tous les produits du sol, sauf le riz qui remplissait comme nous l'avons dit les vastes greniers de l'État.

Le système de la commune annamite, système auquel il faut bien nous garder de toucher, est si simple et si bien ordonné que l'on trouve des provinces composées de main un peuple tout organisé, parfaitement discipliné et docile, qui plus est, de reprendre ses travaux d'agriculture, travaux auxquels il est habitué dès l'enfance et pour lesquels il a tellement d'aptitude que nous ne saurions trop l'encourager dans cette voie.

C'est pourquoi il est fort à désirer que l'on soit

sobre doienawam de ces grandes réunions de travailleurs compa-
 payés par l'Etat et qui avaient exagéré les prix et ce
 de la main-d'œuvre. Cela aurait eu outre l'incon-
 -vénient d'éloigner les Annamites de leurs villages
 d'arrêter l'agriculture par manque de bras, et surtout
 de créer une sorte de prolétariat parfaitement inconnu
 avant nous.

On reste le lois du royaume ordonnant, à
 la lettre, l'extension de l'agriculture et le mandarin
 supérieur chargé des impôts et de la direction civile du
 peuple, est tenu de faire lui-même et de faire faire
 aussi des tournée d'inspection, afin de s'assurer que
 chacun cultive selon ses forces et que les champs ne
 demeurent pas en jachères. Si donc nous nous
 substituions au gouvernement d'Annam, il est
 évident que nous décuplerions, en ouvrant un vaste
 champ au Commerce, la production de ce pays dont
 la richesse du sol est vraiment merveilleuse.

Il en était de cette règle relative à l'agriculture, comme de beaucoup d'autres
 en Chine, excellente en elle-même, elle restait le plus sou-
 vent sans beaucoup de résultats parce qu'elle est para-
 -lysée par cette autre règle un peu barbare qui
 interdisait toute expansion au dehors.

D'un autre côté l'Annamite est généralement
 pauvre, et, s'il ne trouve par un crédit pour être aidé
 en certaines circonstances, il se peut que malgré son
 désir, il voit ses productions diminuer d'un sensiblé-
 -ment. Il est vrai que le gouvernement est disposé
 dans ce cas, à lui venir en aide, mais c'est à un taux
 tellement usuraire que l'agriculteur hésite souvent
 à profiter d'un moyen aussi onéreux.

Compagnie financière
commerciale.

Supposons donc, en mettant à profit ces deux
données faisant déjà partie des moeurs et des coutumes
de ce pays, c'est-à-dire l'agriculture considérée comme
un devoir dans l'intérêt même du propriétaire et
s'autre part le recours à un établissement de crédit.

Supposons une Compagnie financière et commerciale
qui sans chercher à s'emparer elle-même du sol, qu'il
lui serait, nous pensons, fort difficile de mettre alors
en exploitation, fonctionne vis-à-vis des agriculteurs
comme un établissement de crédit, et leur fasse des
avances soit en argent, soit en semences ou en bes-
tailles, &c. &c.; à la condition bien entendue, pour eux
de verser à la dite compagnie une certaine part de
leurs produits en nature.

Il faut supposer, en même temps que l'Adminis-
tration agissant sagement selon la pensée du système
Armamite, emploie de suffisants moyens pour pousser
le peuple dans la voie du travail des champs. Nous
n'en aurons de faire remarquer ici que ces moyens
ne sont nullement coercitifs et qu'il ne s'agit point
de travail forcé.

Si ces suppositions, très aisément exécutables,
se réalisent, n'est-il pas évident que le sol produirait
en peu de temps hors de toute limite connue jusqu'à
aujourd'hui ?

La Compagnie verrait ses magasins de
Saïgon et de Mytho se remplir à des époques régu-
lières et c'est alors que prenant le rôle commercial,
il importerait peu de vendre à tel ou tel pavillon
puisque ce serait la France qui vendrait. Il sem-
blerait d'en être de même si des Anglais s'établissent
chez nous, car nous aurons alors à supporter les

charger sans beaucoup de profit, mais, si au lieu d'Anglais, le commerce ou même la vente des produits passe en des mains Chinoises, comme ce sera probablement le cas, si l'on ne prend aucune mesure à cet égard, alors la perte sera certaine, car on ne saurait trop répéter que le numéraire de l'Europe va se fonder en Chine pour n'en jamais sortir.

Voilà donc une Compagnie française disposant d'un capital qui pour le moment n'a pas besoin d'être considérable, la voilà disons-nous augmentant par ses efforts et son crédit la culture du sol, c'est-à-dire, agissant en Cochinchine, comme il est uniquement raisonnable et profitable d'y agir.

Elle se trouvera du premier coup en face d'un peuple admirablement organisé, soumis depuis longtemps à la hiérarchie sociale et quoique bien moins âpre au gain que le Chinois, très désireux pourtant d'en acquiescer depuis qu'on lui a prouvé que c'est là désormais pour lui une chose possible. Ce peuple beaucoup moins indocile que celui de la Chine, a du moins sur celui-ci une qualité précieuse; il est assimilable tandis que le Chinois ne l'est à aucun degré. Il acceptera et adoptera les moyens nouveaux tels que moulins, machines, &c. &c. toutes choses qu'il comprend rapidement et qui doivent très utilement suppléer au manque de bras dans un pays où la population est assez clairsemée.

Le premier et le plus abondant produit que la Compagnie trouvera tout d'abord, c'est le riz ^{voilà} qui vient si naturellement et dans de si excellentes conditions dans les vastes plaines de nos provinces

Nous avons pu voir nous-même des rizières abandonnées, bien contre le gré des habitants, uniquement parce qu'ils manquaient de semences. Sous le régime annamite pareille chose ne se serait pas présentée à cause des greniers d'abondance, et sous une Compagnie ce ne sera plus dans des limites tracées par les besoins de l'Etat que seront labourées les rizières, mais bien dans ce but sans limites d'enrichissement et de bien-être que les annamites sont très-aptés à comprendre et à apprécier.

L'écoulement du riz est assuré en tous temps, car la Chine et l'Inde également bien situées par rapport à nos provinces, en manquent constamment.

On peut donc en toute certitude augmenter ce produit qui demande à l'homme fort peu de travail, là où la nature semble s'être à peu près chargée de presque toute la besogne.

Nous insistons sur les riz, parce que nous pensons qu'une Compagnie doit avoir en communisant et le plus rapidement possible, des éléments de succès. C'est pour cela que nous ne parlons pas encore des richesses d'un autre ordre, quoique nous soyons très-certain que ce devra être plus tard de fort précieuses ressources.

N'envisageons donc que les premiers éléments de succès nous avons nommé le riz et nous placerons sur la même ligne l'exploitation des vastes forêts qui désormais nous appartiennent.

Exploitation des forêts.

D'après le régime Annamite, les forêts sont le domaine de l'Etat, sauf quelques privilèges faciles à régler avec les villages limitrophes.

L'exploitation de ces forêts peut donc avoir lieu sans exproprier personne et nous pensons qu'une Compagnie seulement pourrait tirer toute la partie qu'offrent de si incalculables richesses.

Les essences forestières sont belles et nombreuses en basse Cochinchine, c'était là surtout ce qui a frappé le roi Louis XVI qui, on le sait, se promettait d'augmenter avec elle son matériel flottant.

On peut d'une manière générale diviser ces essences en deux catégories : celles spécialement propres à la marine et pour lesquelles nous charge à grand frais des navires à Bang-Kok et à Montmen et celles qui entrent dans la construction des maisons, hangars, etc.

Pour les premières l'écoulement n'est pas si difficile, en quand aux secondes elles sont en Chine d'une telle nécessité que le port de Kong-Kong semble être placé tout exprès pour les recevoir.

Mais, pour que les forêts donnent aisément les produits que l'on en doit attendre d'elles il faut absolument qu'elles soient aménagées et que les coupes soient soumises à une règle, sans quoi, elles dégèreront bien vite en bois taillis au moins dans leurs parties les plus facilement exploitables.

Cette exploitation dont nous venons de parler est rendue facile par la présence d'une infinité de petits ruisseaux qui se remplissent à la saison des pluies et qui amènent les coupes vers les grands cours d'eau.

Là sont construits de grands radeaux flottants sur des bambous et les essences se rendent de là soit

presque sans frais jusqu'à Saïgon ou Bien-hoa.

Cette dernière province étant de beaucoup la plus montagneuse, on y fait le plus souvent usage du buffle pour conduire les pièces jusqu'à la rivière.

C'est une opération connue des habitants et qui serait très facilitée par un plus grand nombre d'annamites.

Bien qu'il n'entre pas dans notre sujet, qui est une simple exposition, de pénétrer dans les détails, nous dirons afin que l'on se fasse une idée du prix, que les bois de construction achetés à Singapour sont alors que nos forêts restaient improductives, étaient payés à Saïgon par l'Etat à raison de 20 piastres le stère et que ce prix est descendu à 4 piastres quand on s'est adressé aux Annamites.

La Compagnie aurait donc dès ses débuts un revenu assuré par l'exploitation des forêts de l'Etat et dans un an elle se trouverait déjà en mesure de charger des navires de riz.

L'avenir lui réserve en outre, arachides, tabac, sucre, indigo, soie, &c. &c.

Il ne s'agit dans tout ce qui précède que des provinces françaises de la basse Cochinchine, mais si nous envisageons maintenant la question du Cambodge, nous y verrons un des champs commerciaux les plus vastes du monde.

Cambodge.

Le royaume de Cambodge est depuis de longues années tributaire de la cour de Hue; la suzeraineté de cette cour a uniquement pour origine la conquête même des provinces dont la moitié est aujourd'hui entre nos mains.

Sans prétendre nous substituer entièrement aux devoirs du gouvernement Annamite, nous

seront de toute nécessité et uniquement par la force des choses, les véritables protecteurs de ce pays si riche devenu de nos jours à un état presque barbare.

La plus entière liberté commerciale nous est assurée par les sympathies extrêmement vives à cette douce population cambodgienne qui voit en nous des vengeurs. Nous ne devons pas demander autre chose, et le Cambodge nous fournira de magnifiques et nombreuses essences, des pêcheries miraculeuses qui seront pour Bourbon et pour les Indes une alimentation si précieuse, du riz (qui, à la vérité demande à être amélioré), des sésames de l'indigo, &c. &c. toutes choses qui, par la plus belle eau du monde, se donnent tendu-^{Con} au port de Mitho.

La question du Cambodge est délicate en ce sens qu'elle est la pierre de touche de notre influence dans l'extrême Orient. Elle réclame, croyons-nous toute l'intelligence d'un agent également accrédité auprès des Cours de Kué et de Bang-Kok Cours également souverains du Cambodge et en rivalité constante, bien que la Cour d'Annam ait sur la seconde une incontestable priorité.

La Cour de Bang-Kok où règne un faible roi de race indienne, qu'il ne faut nullement mettre sur le même pied qu'un souverain de race chinoise, est aujourd'hui placée sous l'influence des agents de l'Angleterre. C'est pour cette puissance un jalon vers la Chine où elle marche de plus en plus par son Empire des Indes. Un récent traité conclu avec le roi des Birmanes a été qualifié

Agenda diplomatique
inspiré des cours de Kué
et de Bang-Kok.

à Calcutta de premier par vers la province de Yun-nan (E.O. de la Chine). Or en jetant les yeux sur la carte, on s'aperçoit aussitôt que c'est à nous que doit appartenir l'influence sur la presque île Indo-Chinoise, formée par l'ancien et vaste empire de Laos, empire baigné par un fleuve partant du Tibet, dont nous avons les embouchures, et qui a, comme le Mé, une cune périodique de 9 à 10 mètres.

C'est au Cambodge que cette importante question d'influence doit être débattue; elle le sera très pacifiquement et sans difficulté, si nous savons garder en Cochinchine l'admirable position qui nous y est faite.

Inclusion.

Pour abréger cette note déjà bien longue, nous nous résumons en disant qu'il faut à la Cochinchine un Gouverneur civil secondé par des agents ayant désormais intérêt à s'attacher à ce pays, et dont la position basée, quant aux avantages, sur ce qui a lieu dans les Colonies voisines, s'améliorera en raison de leur capacité reconnue par examens publics.

Un Commandant des troupes et un Commandant de la marine seraient aussi des agents indispensables de sécurité; leur mission militaire accrue encore par sa grande importance beaucoup de quoi tenter nos meilleurs officiers.

Enfin, ce système d'administration serait complété par un agent politique accrédité à Hucien à Siam en charge tout spécialement d'éclaircir la position extérieure, tout en faisant respecter les traités. La correspondance Chinoise, très compliquée en elle-même, serait bien entendue du ressort de cet agent.

Ceci est ce que nous nommerons l'Administration supérieure proprement dite, la représentation du Gouvernement de l'Empereur, l'influence officielle de ce gouvernement dans une partie du monde où se débattent tant d'intérêts.

Nous plaçons à côté de cette administration, comme complément du système, la Compagnie financière et commerciale qui doit trouver dans la première le plus solide appui; et qui, tout en faisant ses propres affaires sera le plus certain élément de succès dans un pays où l'éminence agricole où il ne peut être question normalement que de régime civil, et donc de forces productives telles que le champ du commerce, s'il est par contrainte sera incalculable d'étendue.

En résumé, nous ne pouvons, sans déconscience, abandonner nos provinces de Cochinchine. Les restreindre à un comptoir serait, croyons-nous une charge inutile et équivalente à une évacuation. Il ne reste donc qu'une substitution de notre part à l'autorité Annamite. Cette substitution nous semble parfaitement possible.

Nous résumons pour conclure que ce système pour être efficace, doit avoir pour base l'élément civil.

G. Aubaret

Trích từ *Bulletin Officiel de la Cochinchine française*
(Công báo Nam Kỳ thuộc Pháp) năm 1867, số 6-7 (tr.182-327);
từ ngày 6 tháng 5 năm 1867 đến ngày 27 tháng 12 năm 1867

Nguồn: Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II

DOCUMENT ANNEXE 23 (20 pages)

BULLETIN OFFICIEL

DE LA

COCHINCHINE FRANÇAISE

ANNÉE 1867

N° 3.

SOMMAIRE.

	Pages.
N° 102. — Dépêche ministérielle au sujet du bénéfice de service colonial et du bénéfice de campagne de guerre en Cochinchine.	203
N° 103. — Décision ministérielle prescrivant la séparation des deux services <i>marine</i> et <i>colonies</i> , à partir du 1 ^{er} janvier 1869 (Hôpitaux et Vivres).	204
N° 104. — Décision ministérielle portant que la solde de présence cessera d'être allouée pendant le séjour des officiers, militaires et marins dans les hôpitaux et autres établissements hospitaliers en Cochinchine.	205
N° 105. — Rectification des limites entre le <i>Tan-hou</i> et le <i>Kien-hoa</i>	206
N° 106. — Arrêté portant fixation du prix de remboursement de la journée de traitement de malades à l'hôpital de Saigon et dans ses succursales.	206
N° 107. — Prime de 20 francs allouée aux exécuteurs des hautes-œuvres pour chaque exécution.	208
N° 108. — Décision portant fixation des feux à entretenir pour l'éclairage du poste de Pnom-penh et rendant applicable à ce poste l'arrêté du 20 décembre 1866.	208
N° 109. — Décision fixant les délivrances de <i>vîn rouge</i> , <i>vinaipe</i> , <i>huile d'olive</i> et de <i>moutarde</i> , à faire à titre de <i>médicaments</i> , aux ambulances et infirmeries régimentaires.	209
N° 110. — Arrêté portant promulgation en Cochinchine des loi et décret des 14 et 20 juillet 1866, promulguant dans la métropole la convention monétaire, conclue le 23 décembre 1865 entre la France, la Belgique, l'Italie et la Suisse.	211

N° 80. — DÉCLARATION du Vice-Amiral, gouverneur et commandant en chef en Cochinchine, au sujet de l'occupation des forteresses de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Voulant, conformément aux ordres de S. M. Napoléon III, Empereur des Français, rétablir le calme et la sécurité sur les frontières de la colonie, où des troubles ont été excités par des rebelles et des agents indigènes qui ont trouvé asile et assistance dans les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien ;

Considérant que, d'après l'article 11 du traité du 5 juin 1862, la citadelle de Vinh-long doit rester au pouvoir des Français jusqu'à ce que l'ordre soit rétabli dans nos possessions ;

Considérant que les provinces de Chau-doc et d'Ha-tien ont servi de refuge aux rebelles du Cambodge et à ceux de la colonie, leur ont fourni des hommes, des armes et des munitions ;

Considérant que les autorités annamites ont été impuissantes à réprimer ces désordres et que la cour de Hué n'a pu nous offrir des garanties suffisantes pour l'avenir,

DÉCIDE :

1° Les forteresses des trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien seront occupées au nom de S. M. l'Empereur ;

2° Les biens des habitants, leurs religions, leurs coutumes, leurs lois et leurs magistrats seront respectés et maintenus sous la sauvegarde et la surveillance des autorités françaises ;

3° Les fonctionnaires annamites qui voudront continuer à servir la France dans les trois provinces recevront les appointements afférents à leurs positions dans les trois provinces françaises ;

4° Ceux qui préféreront rentrer sur le territoire de l'empire annamite seront autorisés à partir avec leurs biens et leurs familles ;

5° Les impôts seront maintenus sans aucun autre changement que la suppression absolue des cadeaux aux autorités, la régularisation des corvées qui seront votées par les notables pour les travaux d'utilité publique dans chaque canton, et la réduction de l'impôt des miliciens qui seront levés dans la proportion d'un homme sur quatorze et entretenus par leurs villages comme précédemment,

6° L'occupation des trois provinces aura lieu pacifiquement ; les commandants annamites sont invités à remettre sans résistance les postes qu'ils gardent actuellement et qu'ils ne sauraient dé-

fendre sans risquer de compromettre la paix et la sécurité de l'empire annamite;

7° Ils seront rapatriés, sur leur demande, avec leurs armes et leurs bagages, par les soins du gouvernement français.

Saigon, le 15 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 90. — ADMINISTRATION des trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Considérant qu'il y a lieu de pourvoir immédiatement à l'administration de tout le territoire placé sous la protection des autorités françaises;

DÉCIDE :

1° Les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien seront soumises aux lois et règlements en vigueur dans la colonie.

2° Les inspecteurs remplissant leurs fonctions dans les circonscriptions désignées ci-après se conformeront spécialement aux prescriptions contenues dans les arrêtés et décisions du 12 septembre 1863, des 29 juin, 7 septembre et 19 décembre 1864 et 14 octobre 1865, dans leurs rapports avec les indigènes.

3° Ils se conformeront, dans leurs relations avec les commandants supérieurs des provinces, aux instructions données à ce sujet aux inspecteurs de la province de Mitho. Ils donneront spontanément connaissance à ces hauts fonctionnaires de tout événement pouvant intéresser la sûreté générale; ils prendront leurs ordres pour toute mesure importante concernant la sécurité du pays et pour tout déplacement considérable des hommes de la milice.

4° Ils demanderont aux commandants supérieurs et, en leur absence, aux commandants militaires, les escortes dont ils auront besoin pour le service, et ils leur donneront, chaque fois qu'ils en seront requis, les guides et interprètes dont ils pourront disposer.

5° Les inspecteurs des trois provinces de l'Ouest seront répartis, avec le personnel placé sous leurs ordres, ainsi qu'il suit :

Province de Vinh-long.

- 1° Phu de Dinh-viên (huyens de Vinh-binh et Vinh-tri), résidence à Vinh-long : MM. Bourchet et Eymard-Rapine, avec 1 secrétaire, 3 lettrés, 2 interprètes, 125 miliciens.
- 2° Phu de Hoan-duo (huyens de Bao-an et Dai-minh), résidence à Phu-ca : M. de Champenoux, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 2 interprètes, 100 miliciens.
- 3° Phu de Lac-boà (huyens de Thuân-ngai et Tra-vinh), résidence à An-thiêm : M. Dulieu, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 2 interprètes, 175 miliciens.

Province de Chau-doc.

- 4° Phu de Thuy-biên (huyens de Dong-xuyen et Ha-duong), résidence à Chau-doc : MM. Cocu et Pollard, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 2 interprètes, 100 miliciens.
- 5° Phu de Tan-thanh (huyen de An-xuyen), résidence à Saddec : M. Vigne, avec 2 lettrés, 1 interprète, 100 miliciens.
- 6° Phu de Bai-xau (huyens de Vam-ba, Phong-thanh et Phong-phu), résidence à Vam-ba : M. Bortaux-Levillain, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 1 interprète, 100 miliciens.

Province de Ha-tien.

- 7° Huyen de Kiên-giang, résidence à Rach-gia : M. Labellivière, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 1 interprète, 100 miliciens.
- 8° Huyen de Long-xuyen, résidence à Ca-mau : M. Lemounier de la Croix, avec 1 secrétaire, 2 lettrés, 1 interprète, 100 miliciens.

Saigon, le 15 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,
Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 91. — Pendant la durée de l'expédition dans les trois provinces occidentales de la Basse-Cochinchine, la police, dans les provinces de l'Est, sera exercée au moyen de miliciens.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

ORDONNE :

1. Pendant l'expédition dans les provinces occidentales de la Basse-Cochinchine, la police, dans les trois provinces de Saigon, Bien-hoà et Mytho, sera exercée, autant qu'il sera possible, au

moyen des miliciens dirigés par les inspecteurs des affaires indigènes, auxquels les commandants militaires pourront accorder, *sur réquisitions motivées*, des escortes de 15 hommes au plus commandées à leur choix par un officier ou un sous-officier.

2. Les colonnes de miliciens employées à ce service seront renforcées au besoin, par les soins de la Direction de l'Intérieur, au moyen des milices mobilisées des inspections voisines, dans l'ordre ci-après :

1. Thu-dau-mot pourra recevoir.....	75 hommes
(De Saigon 25, de Bien-hoà 25, de Cangioe 25).	
2. Tram-haug.....	75 —
(De Saigon 50, de Thu-dau-mot 25).	
3. Cholon.....	50 —
(De Saigon 25, de Can-gioe 25).	
4. Saigon.....	75 —
(De Cholon 25, de Can-gioe 25, de Thu-dau-mot 25)	
5. Can-gioe.....	75 —
(De Go-cong 50, de Cholon 25).	
6. Tan-an.....	75 —
(De Cholon 25, de Cocong 50).	
7. Bien-hoà et Thu-due.....	50 —
(De Saigon 25, de Thu-dau-mot 25).	
8. Long-thanh.....	50 —
(De Saigon 25, de Bien-hoà 25).	
9. Baria.....	50 —
(De Can-gioe 25, de Long-thanh 25).	
10. Go-cong.....	50 —
(De Cangioe 25, de Tan-an 25).	

11. L'inspection de Tây-ninh forme un territoire à part sur lequel la police est exercée sous la direction du commandant militaire.

12. Dans la province de Mytho, les miliciens mobilisés de chaque inspection pourront être envoyés en renfort dans les circonscriptions voisines par les ordres du commandant supérieur.

13. Ces déplacements des milices ne devront être sollicités qu'avec la plus grande réserve et en cas d'urgence, afin de ne dégarner aucun point du territoire.

Saigon, le 15 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N^o 92. — LE DIRECTEUR DE L'INTÉRIEUR à MM. les Inspecteurs des affaires indigènes de la colonie.

CIRCULAIRE au sujet de l'occupation des provinces annamites de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

Le Gouverneur ayant résolu d'occuper les provinces de Vinh-long, Ha-tien et Chau-doc, afin de faire cesser les désordres entretenus sur notre frontière par quelques bandes de rebelles et de pirates, que les autorités annamites étaient impuissantes à arrêter, malgré des réclamations incessantes;

MM. les inspecteurs sont invités à faire comprendre aux populations que cette mesure est devenue inévitable par suite des agressions nombreuses dirigées contre les sujets de la France, et que les indigènes, surtout les habitants notables et laborieux, jouissant déjà de la prospérité qui résulte toujours d'une administration éclairée, ferme et paternelle, ont intérêt à s'opposer à tout mouvement séditieux ou à toute tentative de résistance; les habitants doivent même prêter un concours énergique à un changement qu'aucun obstacle ne saurait retarder et qui a pour but la pacification du pays.

Une transformation accomplie pacifiquement peut seule éviter une collision entre les deux gouvernements et sauver l'empire annamite des désastres auxquels il serait exposé s'il était entraîné par les circonstances dans une guerre ruineuse qu'il n'a pas les moyens de soutenir.

La prospérité matérielle des trois provinces contraste trop vivement avec la situation fâcheuse des populations voisines pour que les gens intelligents puissent méconnaître l'influence bien-faisante de notre civilisation.

Il faut donc que tous les indigènes qui veulent le bonheur de leur race et de leur pays se réunissent dans un même effort pour assurer le facile succès de cette entreprise, de laquelle dépend leur avenir et celui de la nation annamite tout entière.

Saïgon, le 15 juin 1867.

Le Directeur de l'Intérieur,

Signé : P. VIAL.

N^o 93. — LE DIRECTEUR DE L'INTÉRIEUR à MM. les inspecteurs des affaires indigènes de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tiên.

INSTRUCTIONS concernant l'organisation administrative des trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tiên.

Monsieur l'Inspecteur,

Le Gouverneur vous a chargé d'organiser l'administration de l'inspection de.....

Vous serez souvent isolé et dans l'obligation d'agir sans avoir le temps de recevoir des instructions ou des renseignements de l'autorité supérieure; je vais vous indiquer en quelques mots les vues du Gouverneur et les principes auxquels vous devrez vous conformer dans toutes les circonstances.

Autant que possible, l'occupation des trois provinces doit avoir lieu pacifiquement avec le concours et l'adhésion des notables; il faut, dans ce but, leur faire comprendre les avantages qui résultent pour le pays de ce changement de domination et les motifs graves qui nous ont contraints à l'exécuter; les maintenir dans leurs dignités et leurs fonctions lorsqu'ils se soumettent, leur délivrer des brevets lorsqu'ils vous auront présenté quelques garanties sérieuses et confié les cahiers de leurs villages dont vous ferez copier un extrait.

Vous dresserez un état des mandarins, secrétaires, lettrés, kinh-lieh, tho-lai, etc., qui veulent continuer à servir, et vous me l'adresserez pour que leurs nominations soient expédiées régulièrement.

Vous donnerez des gratifications aux agents qui rendront des services réels à l'administration, en vous rappelant qu'il faut ménager l'argent et qu'il a eu ce moment, dans votre province, une valeur double de celle qu'il a dans nos anciennes possessions.

Vous surveillerez attentivement vos employés et vos miliciens, renvoyant impitoyablement ceux qui commettraient des exactions;

Vous leur payerez très-exactement leur solde pour qu'ils puissent vivre facilement pendant la campagne, et vous ferez ressortir la supériorité de la paye que nous leur accordons, tout en exigeant d'eux une tenue supérieure à celle des soldats de l'empire annamite.

Vous donnerez ordre aux chefs de canton et aux maires de rappeler à leurs villages et à leurs champs les soldats qu'ils entretenaient au service; ils vous feront remise de leurs armes et vous fourniront un homme sur quatorze seulement, dont vous armerez la moitié au plus de lances, les autres serviront de porteurs et de manœuvres; vous exigerez que ces hommes soient traités avec douceur; ils devront être entretenus par leurs villages suivant

l'ancienne coutume; ils recevront en plus 5 francs par mois et un habillement complet; vous attendrez que les villages et les miliciens demandent à adopter notre système de solde pour l'appliquer; vous promettrez aux plus fidèles et aux plus actifs des gratifications extraordinaires, variant de 2 à 10 francs;

Les dois, caïs, bép, tho-lai, auront des suppléments égaux à ceux des mêmes employés dans nos milices, 5, 10, 15 et 20 francs, suivant les grades.

Vous dresserez un rôle de cette levée que vous enverrez à mon approbation: par 50 hommes nous devons avoir 1 doi de 1^{re} classe, 1 de 2^e, 2 caïs de 1^{re} classe, 2 de 2^e et 1 tho-lai; vous ne remplirez pas ce cadre, laissant la moitié des places en perspective comme avancement aux miliciens qui feraient un bon service; vous nommerez aux divers emplois en consultant les hommes eux-mêmes, si vous manquez de renseignements sur la valeur des compétiteurs; vous éviterez ainsi la responsabilité des mauvais choix.

Les anciens chefs militaires d'un rang élevé: quan, quan-co, pho-quan-co, etc., recevront des soldes suivant leurs grades s'ils demandent de l'emploi; on leur continuera provisoirement leurs anciennes soldes, et leurs positions seront réglées d'après les indications que vous me ferez parvenir.

Vous répandrez le plus rapidement possible les proclamations qui vous sont confiées; vous délivrerez des titres de propriété à ceux qui vous en demanderont; vous rassurerez les gens inquiets et vous ferez savoir à tous que notre intérêt commun est d'accomplir cette transformation avec la moindre effusion de sang possible.

Saigon, le 15 juin 1867.

Le Directeur de l'Intérieur,

P. VIET.

N^o 94. — *Uniformes affectés aux milices des trois provinces de Vinh-long, Chau-dec et Ha-tien.*

Conformément aux ordres du Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Le Directeur de l'Intérieur

ORDONNE :

Les milices des trois provinces de l'Ouest porteront les uniformes indiqués ci-après :

Vinh-long : tunique à parements bleus, lisérés rouges, pantalon bleu, bande rouge;

Chau-doc : tunique à parements jaunes, lisérés bleus, pantalon bleu, bande jaune ;

Ha-tien : tunique à parements bleus, lisérés rouges et blancs, pantalon bleu, bande rouge et blanche.

Elles seront numérotées par inspection ainsi qu'il suit :

Vinh-long, 1, 2, 3; Chaudoc, 4, 5, 6; Ha-tien, 7; Ca-mau, 8.

Ces numéros, bleus pour Vinh-long, jaunes pour Chau-doc, rouges pour Ha-tien, seront portés au-dessous du collet sur la partie extérieure et à droite de la tunique.

Saigon, le 15 juin 1867.

Le Directeur de l'Intérieur,
P. VIAL.

N° 95. — DÉCISION relative à la surveillance des issues de l'arsenal de Saigon.

Nous, Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Sur la proposition du chef du service administratif,

AVONS DÉCIDÉ ET DÉCIDONS :

Tous les ordres relatifs au service de garde et de surveillance de l'arsenal de Saigon seront consignés sur le registre dont la tenue est prescrite par l'article 255 de l'instruction du 1^{er} octobre 1854, sur la comptabilité des matières.

Il sera fait mention, chaque soir, sur le registre, des résultats de la surveillance du jour, et, chaque matin, des résultats de la surveillance de la nuit.

Ce registre sera vérifié toutes les semaines par le commissaire aux travaux, qui rendra compte au chef du service administratif des résultats de sa vérification.

Toute saisie, aux issues de l'arsenal, d'objets enlevés en fraude donnera droit, au profit des agents qui l'auront opérée, à une gratification dont nous nous réservons de fixer le chiffre, suivant la valeur des objets saisis.

Le commissaire aux travaux dressera, au commencement de chaque trimestre, un état détaillé et circonstancié des objets dont la saisie aura été opérée dans le trimestre précédent, pour, sur

ses propositions et l'avis du chef du service administratif, être statué par nous, sur le montant des gratifications à accorder.

Le chef du service administratif et le commandant de la marine sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution de la présente décision, qui sera insérée au *Bulletin officiel de la Cochinchine*.

Saigon, le 17 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Par le Gouverneur,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

Le Chef du service administratif,

Signé : JONÈ.

N° 96. — *Décision portant création d'une ligne télégraphique de Mitho à Cai-bé.*

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

ORDONNE :

Il sera immédiatement créé, par les soins du Service local, une ligne télégraphique de Mitho à Cai-bé, et, plus tard, de Cai-bé à Cai-thia et de Cai-bé à Cay-lay.

Saigon, le 17 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 97. — *Décision fixant la solde affectée au doï commandant le poste de Bahom.*

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

DÉCIDE :

La solde du doï commandant le poste de Bahom sera complétée à 60 francs bruts par mois.

Saigon, le 17 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 98. — LE DIRECTEUR DE L'INTÉRIEUR à MM. les Inspecteurs
des affaires indigènes.

*MM. les Inspecteurs doivent adresser avis des déplacements
des employés militaires.*

MM. les Inspecteurs doivent adresser avis des déplacements des
employés militaires, non en congé, aux corps qui leur délivrent
des vivres et leur solde le soir même de la mutation, afin d'éviter
les délivrances et paiements en double emploi.

Les Annamites sortant de la compagnie indigène ne peuvent
être engagés dans les milices que lorsqu'ils sont munis de congés
en bonne forme.

Saigon, le 17 juin 1867.

Le Directeur de l'Intérieur,
P. VIAL.

N° 99. — FIXATION d'une prime pour la chasse au tigre.

Le Vice-Amiral, gouverneur et commandant en chef,

ORDONNE :

Une prime nette de 30 francs continuera d'être payée pour
chaque tigre détruit.

Saigon, le 22 juin 1867.

Par délégation du Vice-Amiral,
gouverneur et commandant en chef, en expédition :
Le Commandant de la marine,
Signé : DE GUICHENY.

† N° 100. — MESURES prises à la suite de l'occupation des citadelles
de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

(1^{re} Inventaire et prise en charge du matériel abandonné dans les citadelles
par le gouvernement annamite; 2^o gratifications accordées aux militaires,
marins, miliciens et indigènes qui ont pris part à l'expédition des provinces de

l'Ouest; 3^e Fixation des frais de représentation aux commandants militaires desdites provinces.)

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

ORDONNE :

Les inspecteurs prendront charge de tout le matériel abandonné dans les citadelles par le gouvernement annamite : riz, argent, bois, etc., à l'exception des armes et munitions de guerre, qui seront pris en charge par l'artillerie.

Ils en feront immédiatement l'inventaire, d'accord avec les fonctionnaires annamites, tong-doc et quan-bô.

Un à-compte de 10 francs nets par tête sera payé par le Service local aux soldats et marins qui ont pris part à l'expédition. Cette somme sera soldée immédiatement par l'inspecteur de Chau-doc contre des reçus des commandants et chefs de corps énonçant leurs effectifs.

Les miliciens et indigènes attachés à l'expédition recevront une gratification de 5 francs nets par tête.

Les commandants militaires de Vinh-long, Chau-doc et Hattien, lorsqu'ils seront en chef, auront droit à une allocation annuelle de 2,000 francs à titre de frais de représentation, à dater du 1^{er} juillet 1867.

Cette somme servira à les défrayer des dépenses occasionnées par les passages des autorités en service.

Chau-doc, le 23 juin 1867.

Le Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N^o 101. — DÉCISION qui nomme le Commissaire aux approvisionnements membre de la Commission du matériel de campement, en remplacement du Commissaire aux revues.

Nous, Vice-Amiral, gouverneur, commandant en chef,

Vu notre décision en date du 12 septembre 1866, qui institue une Commission permanente pour la visite périodique du matériel de campement ;

Vu la décision du 1^{er} mai 1867, qui fait passer le service du campement du détail des revues à celui des approvisionnements ;

Vu le décret du 12 juillet 1856, portant fixation des taxes à percevoir sur les imprimés exportés ou importés par les bâtiments du commerce;

Considérant qu'il importe de rétribuer les capitaines des bâtiments du commerce qui apportent à Saigon les dépêches arrivées de France à Singapore, par la maille anglaise; qu'il est équitable aussi de rétribuer ces mêmes capitaines lorsqu'ils transportent de Saigon à Singapore les dépêches de Cochinchine acheminées en France par l'intermédiaire de la maille anglaise;

ARRÊTÉ :

Une somme de dix centimes par chaque lettre, quel que soit son poids, sera payée sur les fonds du budget local aux capitaines des bâtiments du commerce qui transporteront de ou à Singapore les correspondances de ou pour la Cochinchine, acheminées par la maille anglaise de Singapore en France ou de France à Singapore.

Une somme d'un franc par kilogramme, poids net, sera payée pour les journaux et autres imprimés. Lorsque le poids présentera une fraction de kilogramme, la somme à payer pour cette fraction sera d'un centime par chaque dix grammes ou fraction de dix grammes.

Le présent arrêté sera exécutoire à partir du 1^{er} juin 1867. Il sera inséré au *Courrier de Saigon* et au *Bulletin officiel de la Cochinchine*.

Saigon, le 10 juillet 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef.

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N^o 123. — Décision réunissant au territoire de l'Empire les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Se conformant aux intentions de S. M. l'Empereur des Français,

DÉCIDE :

Les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien et leurs dépendances seront considérées comme réunies au territoire de l'Empire à dater du 15 août 1867 et seront régies par les lois et règlements en vigueur dans la Cochinchine française.

Saigon, le 20 juillet 1867

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

SOMMAIRE (Suite).

	Pages.
N ^o 139. — Décision qui supprime les fonds d'avance de la <i>Fusée</i> et de la <i>Canonnière 20 (Dagge)</i>	247
N ^o 140. — Décision prescrivant qu'une somme de 4.000 fr. sera répartie, par les soins de Mgr Niche, entre les <i>Desservants</i> des trois provinces occidentales.....	247
N ^o 141. — Décision qui supprime les fonds d'avances du Service Marine aux postes de <i>Poulo-Condore</i> et du <i>Cap Saint-Jacques</i>	248
N ^o 142. — Nouvelle répartition des milices indigènes.....	249
N ^o 143. — Décision fixant l'impôt foncier des terrains de la ville de <i>Harinh</i>	252
N ^o 144. — Décision qui réunit dans les mains d'un même comptable les magasins de l'habillement et du campement, et qui assigne des époques fixes pour les échanges des bâtiments en ce qui concerne le service de l'habillement.....	252
Commandements.....	254
Nominations.....	254
Mutations.....	256

N^o 128. — Décision supprimant l'inspection de *Ca-máu* et créant celle de *Ha-tien*.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Considérant le peu d'importance des populations existant dans le territoire de *Long-xuyen*, et la nécessité de créer une inspection à *Ha-tien*, en raison du mouvement commercial qui tend à s'établir dans cette localité;

DÉCIDE :

ARTICLE PREMIER. — L'inspection de *Ca-máu* sera supprimée et son territoire placé sous la juridiction de l'inspecteur de *Rach-gia*.

ART. 2. — Une inspection sera établie à *Ha-tien* et comprendra le plu de *An-biên*, à l'exception du *huyên* de *Kiên-giang*, lequel composera l'inspection de *Rach-gia*.

Saigon, le 1^{er} août 1877.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRAND ÈRE.

N^o 129. — SUPPLÉMENT annuel de 2,000 francs accordé aux Inspecteurs stagiaires des Affaires indigènes administrant une inspection.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

ORDONNE :

Les Inspecteurs stagiaires des Affaires indigènes qui seront chargés de l'administration d'une inspection auront droit à un supplément annuel de deux mille francs, à titre de frais de service.

(A.M. Saigon, le 1^{er} août 1867.

. O Y

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N^o 130. — ARRÊTÉ relatif aux fonctions d'Officier de l'état civil dans les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Vu les arrêtés des 2 septembre 1867, 4 juin 1866, 15 juin et 15 juillet 1867;

Vu les articles 5 du décret du 10 janvier 1863 et 6 du décret du 14 janvier 1865;

ARRÊTE :

ARTICLE PREMIER. — A partir du 15 août 1867, les fonctions d'Officier de l'état civil seront remplies, dans les trois provinces de Vinh-long, Chau-doc et Ha-tien, par les Inspecteurs des Affaires indigènes, pour toute l'étendue de leurs circonscriptions respectives.

ART. 2. — Le Directeur de l'Intérieur et le Procureur impérial, Chef du service judiciaire, sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution du présent arrêté, qui sera inséré au *Courrier de Saigon* et au *Bulletin officiel de la Cochinchine*.

Saigon, le 3 août 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 136. — *Indemnité de logement accordée aux agents du service de la Trésorerie et des Postes résidant à Saigon.*

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Vu la décision du 14 juin 1866 concernant le logement des agents du service de la Trésorerie et des Postes;

Considérant que le Service local loue actuellement, pour le logement de cinq agents du Trésor, deux immeubles dont le prix mensuel est de 314 fr. 60 c., ce qui donne une dépense de 62 fr. 94 c. par agent;

Considérant que ces immeubles peuvent devenir insuffisants par suite du développement normal du service de la Trésorerie, et qu'il y a inconvénient pour le Service local à se charger des locations qui entraînent toujours des difficultés;

Décide :

A partir du 1^{er} septembre 1867, les agents du service de la Trésorerie et des Postes résidant à Saigon, et non logés au Trésor, recevront une indemnité de logement de 60 francs par mois.

Ils subiront sur cette indemnité la retenue de 3 0/0 au profit de la caisse des Invalides de la Marine

Saigon, le 14 août 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANCHÈRE.

N° 137. — *Rappel aux dispositions de l'arrêté du 18 juin 1863 concernant les barques.*

Le Directeur de l'Intérieur rappelle à MM. les Inspecteurs les dispositions de l'arrêté du 18 juin 1863 concernant les barques. La recherche de la piraterie, la sécurité des arroyos, le contrôle fiscal ne sont possibles que par la stricte exécution des mesures ordonnées.

L'expérience a montré la nécessité de les modifier de la manière suivante :

Les signalements des barques doivent être peints et gravés sur les barques mêmes, à l'avant, et non sur des planchettes mobiles, que l'on peut détruire ou passer de l'une à l'autre.

Les signalements devront porter sur trois points : la couleur, qui désigne la province; le numéro qui désigne l'arrondissement, et le numéro d'inscription sur les registres des Inspecteurs. Toutes les barques doivent être inscrites sur ces registres, même celles

qui n'acquiescent pas de droits. Les caractères européens sont dès à présent assez vulgarisés pour permettre l'inscription de ces numéros sur les barques *en chiffres arabes*.

La couleur distinctive doit être peinte à l'avant, des deux côtés de la barque, avec un œil au milieu, selon l'usage annamite.

Les numéros doivent être *gravés et peints*, en chiffres bien apparents, celui de l'arrondissement sur l'avant de l'œil, celui de l'enregistrement sur l'arrière.

TABLEAU DES COULEURS PAR PROVINCES.

Bien-huà... Rouge bordé de noir.	Vinh-long... Jaune bordé de rouge.
Saigon..... Rouge.	Chau-doc... Bleu.
Mytho..... Noir bordé de rouge.	Ha-tien..... Bleu bordé de jaune.

NUMÉROS DES INSPECTIONS.

Thu-dan-mot 1	Tan-an..... 9	Vinh-long 17
Thu-duc..... 2	Saigon..... 10	Ben-lon 18
Bien-hou..... 3	Tran-hang..... 11	Tru-vinh 19
Long-thanh..... 4	Tay-ninh..... 12	Soc-trung..... 20
Baria..... 5	Chô-gao..... 13	Sa-dec..... 21
Cho-lou..... 6	Mytho..... 14	Chau-doc..... 22
Can-gioe..... 7	Cay-lai..... 15	Ha-tien..... 23
Go-cong..... 8	Gau-lo..... 16	Kach-gia..... 24

Saigon, le 16 août 1867.

Le Directeur de l'Intérieur,

Signé : P. VIAL.

Sur la proposition du Directeur de l'Intérieur,

DÉCIDE :

Les doctes chargés de commander des postes détachés auront droit à un supplément de solde de 10, 15 ou 20 francs par mois qui sera fixé pour chacun d'eux par le Directeur de l'Intérieur, suivant l'importance de son commandement.

Saigon, le 21 septembre 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 151. — Décision concernant l'augmentation de l'effectif des milices prévu par l'arrêté du 29 août 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

DÉCIDE :

L'effectif réglementaire des milices prévu par l'arrêté du 29 août 1867, sera augmenté de :

1 doct de 2 ^e classe.....	} Pour Baria. En raison de l'occu-	
1 caï de 2 ^e classe.....		pation du poste de Bao-than.
1 doct de 2 ^e classe.....	} Pour Chau-doc.	
1 caï de 2 ^e classe.....		
28 hommes.....		
Une compagnie de 50 hommes pour Vinh-long.		
1 doct de 2 ^e classe.....	} Pour le Rach-gia. (Occupation de	
1 caï de 1 ^{re} classe.....		Ca-mau.)
1 caï de 2 ^e classe.....		
18 hommes.....		

Saigon, le 21 septembre 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N° 152. — Décision relative à l'acquittement des frais de justice militaire.

Nous, Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Vu le décret du 21 juin 1858 concernant le personnel, les archives et les dépenses de la justice militaire;

Sur la proposition du Chef du service administratif concertée avec le Directeur de l'Intérieur;

N° 153. — *Décision relative à la fixation de l'impôt des salines
de l'arrondissement de Baria pour l'exercice 1867.*

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,
Vu le rapport de l'inspecteur des affaires indigènes de Baria,
Sur la proposition du Directeur de l'intérieur,

Décide :

L'impôt des salines de l'arrondissement de Baria est fixé ainsi
qu'il suit pour l'exercice 1867 :

1^{re} qualité, 180 francs l'hectare ;

2^e qualité, 150 francs l'hectare;

3^e — 120 —

Saigon, le 24 septembre 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

N^o 154. — *Décision portant fixation des feux à entretenir à Chaudoc et qui rend applicable à ce poste l'arrêté du 20 décembre 1866.*

Nous, Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Vu notre arrêté du 20 décembre 1866 portant règlement sur les feux à entretenir pour l'éclairage des divers postes de la Cochinchine et déterminant les règles d'allocation des fournitures relatives à ce service;

Sur la proposition du Chef du service administratif,

AVONS DÉCIDÉ ET DÉCIDONS :

ARTICLE PREMIER. — Les règles établies par notre arrêté du 20 décembre 1866 sont rendues applicables au poste de Chaudoc.

ART. 2. — Le nombre de feux à entretenir dans ce poste reste fixé conformément au tableau ci-annexé.

ART. 3. — Le Chef du service administratif est chargé de la notification et de l'exécution de la présente décision, qui sera enregistrée partout où besoin sera et insérée au *Bulletin officiel*.

Saigon, le 25 septembre 1867.

Le Vice-Amiral, Gouverneur, Commandant en chef,

Signé : DE LA GRANDIÈRE.

Par le Gouverneur :

Le Chef du service administratif,

Signé : JONK.

État des fanaux à entretenir dans la place de Chaudoc, au compte du chapitre des Services spéciaux en Cochinchine, et portant fixation des heures d'éclairage.

DÉSIGNATION DES LOCALITÉS et AFFECTATION DES FANAU.	NOMBRE DE FANAU.	NOMBRE D'HEURES d'éclairage par nuit.	OBSERVATIONS.
Poste de police	1	10 h. 30	
Corps de garde des portes de la citadelle	2	24 h.	
Fanal de ronde	1	10 h. 30	

SỐ 89 – TUYÊN BỐ của Phó đô đốc, Thống đốc và Tổng tư lệnh tại Nam Kỳ, liên quan đến việc chiếm giữ các pháo đài ở Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Thể theo lệnh của Đức vua Napoléon III, Hoàng đế Pháp, khôi phục lại sự bình yên và an ninh ở biên giới thuộc địa, nơi sự biến loạn bị kích động do phiến quân và các viên chức bản xứ, được che dấu và trợ giúp của các tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Xét rằng, theo điều 11 của hiệp ước ngày 5 tháng 6 năm 1862, thành Vĩnh Long phải nằm dưới quyền người Pháp đến khi trật tự được thiết lập lại trong thuộc địa của chúng ta:

Xét rằng các tỉnh Châu Đốc và Hà Tiên là nơi ẩn náu của phiến quân Campuchia và thuộc địa, đã cung cấp nhân lực, vũ khí và đạn dược cho họ;

Xét rằng chính quyền An Nam đã bất lực trong việc trấn áp những biến loạn này và Triều đình Huế không thể đem lại đầy đủ an ninh cho chúng tôi về tương lai,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Các pháo đài ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên sẽ bị chiếm đóng dưới danh nghĩa Hoàng đế;

2. Tài sản dân cư, tôn giáo, phong tục, luật pháp và tòa án của họ sẽ được tôn trọng và duy trì dưới sự bảo hộ và giám sát của chính quyền Pháp;

3. Các công chức Annam muốn tiếp tục phục vụ Pháp ở ba tỉnh sẽ nhận được mức lương tương ứng vị trí của họ ở ba tỉnh thuộc Pháp;

4. Những người muốn về lại lãnh thổ đế quốc An Nam sẽ được phép chuyển đi với tài sản và gia đình của họ;

5. Các khoản thuế sẽ được giữ không có bất kỳ thay đổi, bãi bỏ hoàn toàn nạn hối lộ qua cấp, điều chỉnh việc sưu dịch được đề cử bởi những hươu chức về số lao động công ích trong mỗi tổng, và giảm thuế nộp dân binh bị nâng lên theo tỷ lệ một trên 14 người và giữ mức bởi làng xã như trước đây;

6. Việc chiếm đóng ba tỉnh sẽ diễn ra trong hòa bình. Các chỉ huy An Nam được mời đến bàn giao không chống cự các đồn bót mà họ hiện đang

canh gát và không thể bảo vệ mà không có nguy cơ gây tổn hại đến hòa bình và an ninh của đế quốc An Nam;

7. Họ sẽ được hồi hương, theo yêu cầu của họ, với vũ khí và hành lý, dưới sự chăm lo của chính phủ Pháp;

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867,

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh

Đã ký: De La Grandière

SỐ 90 – HÀNH CHÍNH của ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Xét thấy cần phải bố trí ngay lập tức chính quyền của tất cả lãnh thổ được đặt dưới sự bảo hộ của chính quyền Pháp;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên sẽ phải tuân theo luật pháp và các quy định có hiệu lực tại thuộc địa.

2. Các thanh tra thực hiện nhiệm vụ của mình trong các khu vực sau đây được quy định cụ thể sẽ tuân thủ các quy định có trong các nghị định và quyết định ngày 12 tháng 12 năm 1863, ngày 29 tháng 6, ngày 7 tháng 9 và ngày 19 tháng 12 năm 1864 và ngày 14 tháng 10 năm 1865 trong các mối quan hệ với người bản xứ.

3. Họ sẽ, trong mỗi quan hệ với các chỉ huy cấp trên của các tỉnh, tuân theo các hướng dẫn được đưa ra cho các thanh tra của tỉnh Mỹ Tho. Họ sẽ tự thông báo cho các quan chức cấp cao này về bất kỳ sự kiện nào liên quan đến an ninh chung; họ sẽ nhận lệnh thực thi bất kỳ biện pháp quan trọng nào liên quan đến an ninh của xứ sở và cho tất cả cuộc chuyển di chuyển lớn của những dân quân.

4. Họ sẽ yêu cầu các chỉ huy cấp trên và, khi vắng mặt, các chỉ huy quân sự, hộ tống họ được yêu cầu phục vụ, và họ sẽ bảo đảm, bất cứ khi nào được yêu cầu, hướng dẫn và thông dịch khi có thể sẵn sàng.

5. Các thanh tra ba tỉnh miền Tây sẽ được phân bổ, các nhân viên dưới quyền của họ, như sau:

Tỉnh Vĩnh Long

1. Phủ Định Viễn (huyện Vĩnh Bình và Vĩnh Trị), trị sở tại Vĩnh Long: Các ông Bourchet và Eymard-Rapine, với 1 thư ký, 3 nho sĩ, 2 thông ngôn, 125 dân quân.

2. Phủ Hoàn Đức (huyện Bảo An và ĐứcMinh), trị sở tại Phú Ca: Ông de Champeaux, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 2 thông ngôn, 100 dân quân.

3. Phủ Lạc Hòa (huyện Thuận Ngãi và Trà Vinh), trị sở tại An Thiêm: Ô. Dulieu, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 2 thông ngôn, 175 dân quân.

Tỉnh Châu Đốc

4. Phủ Thủy Biên (huyện Đông Xuyên và Hà Dương), trị sở tại Châu Đốc: Ông Cocu và ông Pollard, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 2 thông ngôn, 100 dân quân.

5. Phủ Tân Thạnh (huyện An Xuyên), trị sở tại Sa Đéc: Ông Vigue, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 2 thông ngôn, 100 dân quân.

6. Phủ Bai-xau (huyện Vam-ba, Phong Thành và Phong Phú), trị sở tại Vam-ba: Ô. Bertaux-Levillain, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 2 thông ngôn, 100 dân quân.

Tỉnh Hà Tiên

7. Huyện Kiên Giang, trị sở tại Rạch Giá: Ô. Labelliviere, với 1 thư ký, 2 nho sĩ, 1 thông ngôn, 100 dân quân.

8. Huyện Long Xuyên, nơi cư trú Cà Mau: Ông Lemounier de la Croix, với 1 thư ký, 2 học giả, 1 thông ngôn, 100 dân quân.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh

Đã ký: De La Grandière

SỐ 91 – Trong cuộc viễn chinh ở ba tỉnh phía tây Hạ Đàng trong, cảnh sát ở các tỉnh miền Đông sẽ được tập luyện bằng phương tiện của dân quân.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

LỆNH CHO:

1. Trong cuộc viễn chinh đến các tỉnh phía tây Hạ Đàng trong, cảnh sát, ở ba tỉnh Sài Gòn, Biên-Hòa và Mỹ Tho, sẽ được huấn luyện, càng nhiều càng tốt, bằng phương tiện của dân quân do các thanh tra bản xứ chỉ huy, mà các chỉ huy quân sự có thể đồng ý, cho các lý do trưng tập, đi theo không quá 15 người theo lệnh của một sĩ quan hoặc một hạ sĩ quan .

2. Các đội ngũ dân quân tại ngũ này sẽ được Tòa “Thượng thư” (Direction de L’Intérieur) tăng cường, nếu cần thiết, bằng cách dân quân được huy động bởi các hạt lân cận, theo thứ tự sau:

1. Thủ Dầu Một sẽ nhận được..... 75 người

(Từ Sài Gòn 25, Biên Hòa 25, Cần Giuộc 25).

2. Trảng Bàng..... 75 người

(Từ Sài Gòn 50, Thủ Dầu Một 25).

3. Chợ Lớn..... 50

(Từ Sài Gòn 25, Cần Giuộc 25).

4. Sài Gòn..... 75

(Từ Chợ Lớn 25, Cần giuộc 25, Thủ Dầu Một 25).

5. Cần Giuộc..... 75

(Gò Công 50, Chợ Lớn 25).

6. Tân An..... 75

(Từ Chợ Lớn 25, Gò Công 50).

7. Biên Hòa và Thủ Đức..... 50

(Từ Sài Gòn 25, Thủ Dầu Một 25).

8. Long Thành..... 50

(Từ Sài Gòn 25, Biên-Hòa 25).

9. Bà Rịa..... 50

(Cần Giuộc 25, Long Thành 25).

10. Gò Công..... 75

(Từ Cần Giuộc 25, Tân An 25).

11. Hạt thanh tra Tây Ninh thành một lãnh thổ riêng mà cảnh sát được huấn luyện dưới sự chỉ đạo của chỉ huy quân đội.

12. Ở tỉnh Mỹ Tho, lực lượng dân quân được huy động của mỗi hạt thanh tra có thể được gửi đến để tăng cường cho các khu vực lân cận theo lệnh của chỉ huy cấp trên.

13. Những thuyền chuyển này của dân quân nên được yêu cầu với quân dự bị lớn nhất và trong trường hợp khẩn cấp, để không mất bất kỳ địa điểm nào của lãnh thổ.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh

Đã ký: De La Grandière

SỐ 92 – GIÁM ĐỐC NỘI VỤ gửi đến Quý ngài thanh tra bản xứ vụ.

THÔNG TRI về việc chiếm đóng các tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên của An Nam.

Chính phủ đã quyết định chiếm đóng các tỉnh Vĩnh Long, Hà Tiên và Châu Đốc, để chấm dứt những rối loạn giữa biên giới chúng ta với một số phiến quân và cướp biển, mà chính quyền An Nam bất lực ngăn chặn, cho dù những lời kêu ca không ngừng;

Quý ông thanh tra được yêu cầu giải thích cho dân chúng về biện pháp này [việc chiếm đóng ba tỉnh] là bất khả kháng do nhiều cuộc tấn công nhắm vào các công dân Pháp, và người bản xứ, đặc biệt là những hương chức mẫn cán, đang yên hưởng thịnh vượng, kết quả của một nền hành chính sáng suốt, vững chắc và nhân từ, quan tâm trong việc chống lại tất cả phong trào phản loạn hoặc ý định phản kháng; cư dân thậm chí phải nhờ vào một trợ giúp nhiệt tình đến một thay đổi mà không có trở ngại nào có thể cản trở, và điều đó nhằm vào việc bình định xứ sở.

Một sự chuyển đổi được thực hiện một cách hòa bình có thể đơn độc tránh được sự va chạm giữa hai chính phủ và cứu chế An Nam khỏi những thảm họa mà nó có thể can dự vào nếu bị xô đẩy bởi hoàn cảnh trong một cuộc chiến tranh đổ nát mà nó không đủ khả năng chịu đựng.

Sự thịnh vượng thực tế của ba tỉnh tương phản mạnh mẽ với tình trạng khó khăn của cư dân sát cạnh, để cho những người thông minh có thể bỏ qua ảnh hưởng tốt của nền văn minh chúng ta.

Như vậy, điều cần thiết là tất cả những người bản xứ mong muốn hạnh phúc cho dân tộc và đất nước nên tham gia cùng nhau trong cùng một nỗ lực để đảm bảo thành công dễ dàng cho sự nghiệp này, phụ thuộc vào tương lai của họ và của cả quốc gia An Nam.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ,

Đã ký: P. VIAL

SỐ 93 – Giám đốc Nội vụ gởi đến Quý Ngài. Thanh tra bản xứ vụ của Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Hướng dẫn liên quan đến tổ chức hành chính của ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Thưa Ngài thanh tra,

Thống đốc buộc các ngài phải tổ chức chính quyền của hạt thanh tra...

Các ông sẽ luôn độc lập và bắt buộc phải hành động mà không có thời gian để nhận hướng dẫn hoặc thông tin từ cơ quan có thẩm quyền cao hơn; tôi sẽ nói với ông một vài từ về quan điểm của Thống đốc và các nguyên tắc mà các ông phải tuân thủ trong mọi hoàn cảnh.

Có thể được, việc chiếm đóng ba tỉnh phải diễn ra trong hòa bình với sự hỗ trợ và tham gia của những hương chức; vì mục đích này, cần phải làm cho họ hiểu được những thuận lợi đưa đến cho đất nước từ việc thay đổi sự cai trị và cần do nghiêm trọng buộc chúng ta phải thực thi; để giữ lại cho họ phẩm tước và chức phận của họ khi họ quy phục, ban cấp sắc phong cho họ khi họ trình cho các ông một số đảm bảo nghiêm túc, và giao phó sổ sách của làng xã, trong đó các ông sẽ trích lục một bản.

Các ông nên lập một danh sách các quan, văn thư, nho sĩ, Kinh lịch, thơ lại, v.v. những người muốn tiếp tục phục vụ, và các ông gửi nó cho tôi để việc bổ nhiệm họ được giải quyết thường xuyên.

Các ông cho thêm tiền thưởng các viên chức theo phục vụ thực sự cho chính quyền, nhắc lại rằng cần phải tiết kiệm tiền và tại thời điểm này, tại tỉnh của các ông, có giá trị gấp đôi so ở thuộc địa cũ của chúng tôi.

Các ông phải theo dõi cẩn thận nhân viên và dân quân, loại bỏ không thương tiếc những người phạm tội;

Các ông nên trả cho họ đúng tiền lương để họ có thể sống dễ dàng trong chiến dịch và các ông phát huy tối ưu việc trả lương chúng ta đã cấp cho họ, tất cả điều đó đòi hỏi họ một tư thế vượt trội so với những người lính của Đế quốc An Nam:

Các ông phải ra lệnh cho các chánh tổng và xã trưởng triệu hồi những người lính ở làng xã và trên đồng ruộng của họ, những người đang tại ngũ, họ sẽ giao trả vũ khí và trong số mười bốn người chỉ giao một người, trong đó hơn một nửa được trang bị vũ khí giáo mác, những người khác phục vụ khuân vác và lao động; các ông phải đòi hỏi những người này được đối xử nhẹ nhàng; họ phải được nuôi dưỡng bởi làng xã theo lệ cũ; họ sẽ nhận được hơn 5 franc mỗi tháng và một bộ quần áo; Các ông sẽ trông chờ làng xã và dân binh yêu cầu chấp nhận hệ thống lương bổng để áp dụng; các ông hứa những tiền thưởng hậu hĩnh cho những người trung thành và tích cực nhất, từ 2 đến 10 F; những đội, cai, thơ lại; sẽ có những tiền thưởng bổ sung tương đương cho chính những nhân viên trong dân binh chúng ta, 5, 10, 15 và 20 franc theo cấp bậc.

Các ông nên lập một danh sách của việc tuyển quân này gửi đến cho tôi chuẩn y; với 50 người, chúng ta phải có một đội I, hai đội II, và một thơ lại; các ông sẽ không diễn đầy khung cấp bậc này, để lại một nửa vị trí dành để thăng tiến cho dân binh phục vụ tốt.

Các ông sẽ bổ nhiệm vào các công việc khác nhau bằng cách tham khảo ý kiến của chính những người này, nếu các ông thiếu thông tin về phẩm giá của các ứng viên; các ông sẽ tránh được trách nhiệm về những lựa chọn sai lầm.

Những võ quan cũ ở cấp cao: quản, quản cơ, phó quản cơ, v.v. sẽ nhận được lương bổng theo cấp bậc nếu họ yêu cầu việc làm; lương bổng cũ tạm

thời được gia hạn và vị trí của họ sẽ được giải quyết theo hướng dẫn các ông gửi cho tôi.

Các ông loan báo các tuyên bố được giao phó cho càng nhanh càng tốt; các ông cấp phát các danh hiệu thích đáng cho những người yêu cầu; các ông trấn an những người lo lắng và cho mọi người biết rằng sự bận tâm chung của chúng ta là hoàn thành việc chuyển đổi này ít đổ máu nhất có thể.

Sài Gòn, ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ, Paulin Vial.

Kiểu đồng phục cho dân binh của ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc, và Hà Tiên.

Theo lệnh của Phó đô đốc, Thống đốc, Tổng tư lệnh

Giám đốc Nội vụ

RA LỆNH:

Dân binh ba tỉnh miền Tây sẽ mặc đồng phục chỉ ra dưới đây:

Vĩnh Long: áo dài lai tay áo màu xanh, viền đỏ, quần màu xanh, dải màu đỏ.

Châu Đốc: áo dài lai tay áo vàng, viền xanh, quần xanh, dải vàng.

Hà Tiên: áo dài lai tay áo xanh, viền đỏ và trắng, quần xanh, dải đỏ và trắng.

Chúng sẽ được đánh số bằng cách kiểm tra như sau:

Vĩnh Long, 1, 2, 3; Châu Đốc, 4, 5, 6; Hà Tiên 7; Cà Mau, 8.

Những con số này, màu xanh dương cho Vĩnh Long, màu vàng cho Châu Đốc, màu đỏ cho Hà Tiên, được đeo bên dưới cổ áo, ở bên ngoài và bên phải áo dài.

Sài Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ: Paulin Vial.

SỐ 95 – QUYẾT ĐỊNH về việc giám sát lối xuất từ xưởng tàu Sài Gòn.

Chúng tôi, Phó đô đốc, Toàn quyền, Tổng tư lệnh,

Theo đề nghị của giám đốc hành chính,

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH:

Tất cả các sắc lệnh liên quan đến việc canh gác và giám sát xưởng tàu Sài Gòn sẽ được ghi vào sổ đăng ký theo Điều 255 của Chi thị ngày 1 tháng 10 năm 1854, trên kế toán vật liệu.

Mỗi tối, kết quả giám sát hàng ngày sẽ được ghi trong sổ đăng ký, và kết quả giám sát ban đêm vào mỗi sáng.

Sổ đăng ký này sẽ được kiểm tra hàng tuần bởi ủy viên công trình, người sẽ báo cáo cho giám đốc hành chính về kết quả kiểm toán của mình.

Tất cả vụ thu giữ, ở lối xuất của xưởng tàu, vì lợi ích của các nhân viên đã hoạt động, các vật bị loại bỏ vì gian lận sẽ cho phép hưởng một khoản tiền thưởng mà chúng tôi dành lại để ấn định con số, theo giá trị của các vật bị thu giữ.

Ủy viên công trình sẽ chuẩn bị, vào đầu mỗi quý, tình trạng chi tiết và đầy đủ về các vật sẽ bị tịch thu trong quý trước, sẽ được chúng tôi quyết định, về các đề xuất và ý kiến của giám đốc hành chính, về số tiền thưởng được cấp.

Giám đốc hành chính và chỉ huy hải quân chịu trách nhiệm, mỗi người trong khả năng của mình, trong việc thi hành quyết định này, sẽ được đưa vào tờ *Công báo Nam Kỳ*.

Sài Gòn, ngày 17 tháng 6 năm 1867

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

Theo lệnh Thống đốc,

Giám đốc hành chính,

Ký tên: JORE

SỐ 96 – QUYẾT ĐỊNH lập một đường điện báo từ Mỹ Tho đến Cái bè.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

LỆNH:

Sở địa phương sẽ ngay lập tức tạo ra một đường dây điện báo từ Mỹ Tho đến Cái bè, và sau đó từ Cái bè đến Cai-thia và từ Cái bè đến Cai lậy.

Sài Gòn, ngày 7 tháng 6 năm 1867.

Phó đô đốc, Thống đốc, Tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 97 – QUYẾT ĐỊNH ấn định lương được bổ dụng cho đội chỉ huy của đồn Bà hom.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Tiền lương của đội chỉ huy đồn Bà hom toàn bộ ở mức 60 francs mỗi tháng.

Sài Gòn, ngày 17 tháng 6 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 98 – GIÁM ĐỐC NỘI VỤ gọi đến Quý ông Thanh tra bản xứ vụ.

Quý ông Thanh tra phải giải quyết việc chuyển của quân nhân.

Quý ông Thanh tra viên phải giải quyết việc chuyển của quân nhân, không phải nghỉ phép, cụ thể cho các chu cấp cho cuộc sống và lương buổi tối ngày cả đột xuất, để tránh việc chu cấp và thanh toán trùng lặp.

Người An Nam rời khỏi đại đội bản địa chỉ có thể tham gia vào lực lượng dân quân khi họ được cung cấp các giấy xuất ngũ với tình trạng tốt.

Sài Gòn, ngày 17 tháng 6 năm 1867.

Giám đốc Nội vụ,

P. VIAL.

SỐ 99 – ÁN ĐỊNH phí cho việc săn hổ.

Phó đô đốc, thống đốc và tổng tư lệnh,

LỆNH:

Một khoản phí ròng 30 franc sẽ tiếp tục được trả cho mỗi con hổ bị tiêu diệt.

Sài Gòn, ngày 22 tháng 6 năm 1867.
Ủy quyền của Phó đô đốc,
Toàn quyền và Tổng tư lệnh, đoàn viễn chinh:
Tư lệnh Hải quân.
Đã ký: DE GUILMERMT.

SỐ 100 – Các biện pháp được thực hiện sau khi chiếm đóng các thành Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

(1. Kiểm kê và bàn giao các vật dụng bị bỏ lại trong các tòa thành của Chính quyền An Nam; 2. Tiền thưởng được cấp cho quân đội, hải quân, Dân quân và người bản xứ tham gia vào cuộc viễn chinh của các tỉnh miền Tây; 3. Ấn định các chi phí giao tế cho các chỉ huy quân sự của các tỉnh trên.)

Phó đô đốc, thống đốc và tổng tư lệnh,

RA LỆNH:

Các thanh tra sẽ phụ trách tất cả các vật dụng bị bỏ lại trong các tòa thành của chính quyền An Nam: gạo, bạc, gỗ, v.v., ngoại trừ vũ khí và đạn dược chiến tranh, sẽ chịu trách nhiệm bởi pháo binh.

Họ lập tức làm một bản kiểm kê, với sự nhất trí các quan chức An Nam, tổng đốc và quan bố.

Thêm 10 franc rỗng theo đầu người được trả bởi Sở địa phương cho các binh sĩ và thủy thủ tham gia cuộc viễn chinh. Số tiền này được thanh tra Châu Đốc trả ngay lập tức kèm biên lai của các tư lệnh và chỉ huy quân đoàn nêu rõ quân số của họ.

Dân quân và người bản xứ sát cánh cuộc thám hiểm sẽ nhận được phần thưởng là 5 franc rỗng trên mỗi đầu người.

Các chỉ huy quân sự của Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, khi họ là thủ lĩnh, sẽ được hưởng khoản trợ cấp hàng năm 2.000 franc làm chi phí giao tế, kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1867.

Số tiền này dùng để chi dụng phát sinh trên đường của chính quyền phục vụ.

Châu Đốc, ngày 23 tháng 6 năm 1867.
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 101 – QUYẾT ĐỊNH chỉ định Ủy viên tiếp vận làm thành viên của Ủy ban vật liệu đóng quân, để thay thế Ủy viên kiểm tra.

Chúng tôi, Phó đô đốc, Toàn quyền, Tổng tư lệnh,

Xét quyết định ngày 12 tháng 9 năm 1860, tổ chức một Ủy ban thường trực cho chuyển thám sát định kỳ của thiết bị đóng quân;

Xét quyết định của ngày 1 tháng 5 năm 1867, phục vụ cho công tác đóng quân chi tiết các kiểm tra các nguồn tiếp liệu;

Liên quan đến nghị định ngày 12 tháng 7 năm 1856, trong quá trình ấn định thuế thu đối với các ấn phẩm được xuất khẩu hoặc nhập khẩu bởi các tàu thương mại; Xét rằng điều quan trọng là phải trả thù lao cho các thuyền trưởng của các tàu thương mại chở đến Sài Gòn những công văn từ Pháp đến Singapore bằng hòm thư Anh; cũng công bằng khi trả thù lao cho các thuyền trưởng này khi họ vận chuyển từ Sài Gòn đến Singapore những công văn từ Nam Kỳ chuyển đến Pháp qua trung gian hòm thư Anh;

NGHỊ ĐỊNH:

Số tiền mười cent mỗi thư, bất kể trọng lượng, sẽ được trả từ ngân sách địa phương cho thuyền trưởng của các tàu thương mại, vận chuyển từ hoặc đến Singapore thư tín của hoặc cho Nam Kỳ, được chuyển đi qua trung gian hòm thư Anh của Singapore đến Pháp hoặc từ Pháp đến Singapore.

Số tiền một franc mỗi kg, trọng lượng tịnh, sẽ được trả cho các tờ báo và các ấn phẩm khác. Khi trọng lượng là số lẻ một kilôgam, tổng số tiền phải trả sẽ là một centime cho mỗi mười gram hay một phần mười gram.

Nghị định này sẽ được thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 1867. Nó sẽ được đăng trên tờ Courier de Saigon và trên Công báo Nam Kỳ.

Sài Gòn, ngày 19 tháng 7 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 123 – QUYẾT ĐỊNH sát nhập vào lãnh thổ Đế quốc ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, và các khu vực phụ thuộc sẽ được coi là lãnh thổ sát nhập của Đế quốc kể từ ngày 15 tháng 8 năm 1867 và sẽ được điều chỉnh bởi luật pháp và các quy định có hiệu lực tại Nam Kỳ thuộc Pháp.

Sài Gòn, ngày 20 tháng 7 năm 1867
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 128 – QUYẾT ĐỊNH bỏ hạt thanh tra Cà Mau và thiết lập hạt Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Xét thấy sự ít quan trọng của cư dân sinh sống trong lãnh thổ của Long Xuyên và sự cần thiết phải thiết lập một hạt hành tra tại Hà Tiên, bởi vì giao lưu thương mại có xu hướng được thành lập tại địa phương đó;

QUYẾT ĐỊNH:

ĐIỀU 1.- Hạt thanh tra Cà Mau sẽ bị bỏ và lãnh thổ được đặt dưới quyền kiểm soát của Hạt thanh tra Rạch Giá.

ĐIỀU 2.- Một hạt thanh tra sẽ được thiết lập tại Hà Tiên, và bao gồm phủ An Biên, ngoại trừ Huyện Kiên Giang, nằm trong hạt thanh tra Rạch Giá.

Sài Gòn, ngày 1 tháng 8 năm 1867.
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 129 – Bổ sung hằng năm 2000 franc được cấp cho Tham biện hậu bổ bản xứ vụ quản lý một hạt thanh tra.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

ĐƠN HÀNG:

Tham biện hậu bổ bản xứ vụ, chịu trách nhiệm quản lý một hạt thanh tra sẽ được hưởng khoản phụ cấp hàng năm hai nghìn franc như một khoản phí phục vụ.

Sài Gòn, ngày 1 tháng 8 năm 1867.
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 130 – NGHỊ ĐỊNH liên quan đến các chức năng của Công chức dân sự ở các tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Căn cứ các nghị định ngày 2 tháng 9 năm 1867, ngày 4 tháng 6 năm 1866, ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 7 năm 1867;

Xem các điều 5 của sắc lệnh ngày 10 tháng 1 năm 1863 và 6 của sắc lệnh ngày 14 tháng 1 năm 1865;

NGHỊ ĐỊNH:

ĐIỀU 1.- Từ ngày 15 tháng 8 năm 1867, các nhiệm vụ của Công chức dân sự sẽ được thực hiện, tại ba tỉnh Vĩnh Long, Châu Đốc và Hà Tiên, bởi toàn bộ Thanh tra Bản xứ vụ, cho toàn bộ phạm vi của các khu vực tương ứng.

ĐIỀU 2.- Giám đốc Nội vụ và Chương lý thượng hạng, Giám đốc sở Tư pháp, chịu trách nhiệm, mỗi người trong nhiệm vụ liên quan, về việc thi hành nghị định này, sẽ được đăng trên tờ Courier de Saigon và trên Công báo Nam Kỳ.

Sài Gòn, ngày 3 tháng 8 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 136 – PHỤ CẤP nhà ở cho nhân viên Kho bạc và Bưu điện tại Sài Gòn.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Căn cứ quyết định ngày 14 tháng 6 năm 1866, liên quan đến chỗ ở của các nhân viên Kho bạc và Bưu điện;

Xét thấy Sở địa phương hiện đang cho thuê, đối với chỗ ở của năm nhân viên Kho bạc, hai tòa nhà có giá hàng tháng là 314 fr 69 c., Điều này dẫn đến một chi phí cho Kho bạc, và có một bất lợi cho Sở địa phương đảm nhiệm các dịch vụ cho thuê luôn gây khó khăn;

QUYẾT ĐỊNH:

Từ ngày 1 tháng 9 năm 1867, các nhân viên của Kho bạc và Bưu điện cư trú tại Sài Gòn, và không ở trong Kho bạc, sẽ nhận được trợ cấp nhà ở 60 franc mỗi tháng.

Họ sẽ phải chịu khấu trừ 3% trên khoản phụ cấp này để ủng hộ quỹ Thương phế binh Hải quân.

Sài Gòn, ngày 14 tháng 8 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 137 – NHẮC NHỞ các quy định của Nghị định ngày 18 tháng 6 năm 1863, liên quan đến tàu thuyền.

Giám đốc Nội vụ nhắc nhở Quý Ông Thanh tra các quy định của nghị định ngày 18 tháng 6 năm 1863 liên quan đến các tàu thuyền. Việc truy lùng cướp biển, an ninh kênh rạch, kiểm soát tài chính chỉ có thể được thực hiện bằng cách tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp được ban.

Kinh nghiệm cho thấy sự cần thiết phải sửa đổi chúng như sau:

Các biển hiệu tàu thuyền phải được sơn vẽ và khắc ngay tên tàu thuyền, ở phía trước, và không phải trên các bảng di động, có thể bị hủy hoặc dời chuyển.

Các biển hiệu tàu thuyền phải được sơn vẽ và ghi rõ ba điểm: màu sắc chỉ tỉnh; số chỉ hạt và số đăng ký trên sổ đăng ký của Thanh tra. Tất cả tàu thuyền phải được đăng ký trên các sổ đăng ký này, ngay cả những người không trả thuế. Các ký tự châu Âu hiện khá phổ biến để cho phép đăng ký các số này trên thuyền bằng chữ số Ả Rập.

Màu sắc đặc trưng phải được sơn ở mặt trước, ở hai bên thuyền, với một mắt ở giữa, theo thông lệ của người An Nam.

Các số phải được khắc và vẽ, bằng số rõ ràng, số của hạt ở mặt trước của mắt, số đăng ký ghi phía sau.

BẢNG MÀU THEO TỈNH

Biên Hòa.....Đỏ viền đen	Vĩnh Long..... Vàng viền đỏ
Sài Gòn.....Đỏ	Châu Đốc.....Xanh
Mỹ Tho.....Đen viền đỏ	Hà Tiên.....Xanh viền vàng

SỐ CỦA HẠT THANH TRA

Thủ Dầu Một...1	Tân an.....9	Vĩnh Long.....17
Thủ Đức.....2	Sài Gòn.....10	Bến Tre.....18
Biên Hòa.....3	Trảng Bàng..11	Trà vinh.....19
Long Thành.....4	Tây Ninh.....12	Sóc Trăng.....20
Bà Rịa.....5	Chợ Gạo.....13	Sa Đéc.....21
Chợ Lớn.....6	Mỹ Tho.....14	Châu Đốc.....22
Cần Giuộc.....7	Cai Lậy.....15	Hà Tiên.....23
Gò Công.....8	Cần Lố.....16	Rạch Giá.....24

Sài Gòn ngày 16 Tháng 8 1867.

Giám Đốc Nội Vụ

Đã ký: P. Vial.

Theo đề nghị của Giám đốc Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Các đội chịu trách nhiệm chỉ huy các đồn hẻo lánh sẽ được hưởng thêm lương 10, 15 hoặc 20 franc mỗi tháng, sẽ được ấn định theo từng người trong sổ họ bởi Giám đốc Nội vụ, theo tầm quan trọng của sự chỉ huy.

Sài Gòn, ngày 21 tháng 9 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 151 – quyết định liên quan đến việc tăng số lượng dân quân dự kiến theo nghị định ngày 29 tháng 8 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Quân số điều chỉnh của dân quân được quy định trong nghị định ngày 20 tháng 8 năm 1867, sẽ được tăng lên bởi:

1 đội II Dành cho Bà Rịa. Lý do chiếm đóng đồn Bảo Thạnh

1 cai II.....

1 đội II

1 cai II Dành cho Châu Đốc

28 người

Một đại đội gồm 50 người cho Vĩnh Long

1 đội II

1 cai II..... Dành cho Rạch Giá (Chiếm đóng Cà Mau)

1 cai II

18 người.....

Sài Gòn, ngày 21 tháng 9 năm 1867
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 152 – QUYẾT ĐỊNH thanh toán chi phí tòa án quân sự.

Chúng tôi, Phó đô đốc, Toàn quyền, Tổng tư lệnh,

Liên quan đến sắc lệnh ngày 21 tháng 6 năm 1858 về nhân sự, tài liệu lưu trữ và chi tiêu của tòa án quân sự;

Theo đề nghị của Trưởng tòa bố, cùng với Giám đốc Nội vụ; [...]

SỐ 153 – Quyết định ấn định thuế ruộng muối của hạt Bà Rịa năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Xét báo cáo của Thanh tra bản xứ vụ Bà Rịa,

Theo đề nghị của Giám đốc Nội vụ;

QUYẾT ĐỊNH:

Thuế ruộng muối của quận Bà Rịa được ấn định như sau cho năm 1867:

Hạng 1, 180 franc mỗi ha;

Hạng 2, 150 franc mỗi ha;

Hạng 3, 120 –

Sài Gòn, ngày 24 tháng 9 năm 1867.
Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,
Đã ký: DE LA GRANDIÈRE

SỐ 154 – QUYẾT ĐỊNH qui định đèn hiệu được duy trì tại Châu Đốc và áp dụng theo nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1866.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Theo nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1866, quy định các đèn hiệu sẽ được duy trì để thấp sáng các vị trí khác nhau ở Nam Kỳ và xác định các quy tắc cho việc phân bổ nội thất cho công việc này;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Dịch vụ hành chính,

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH:

ĐIỀU 1.- Các quy tắc được thiết lập bởi nghị định ngày 20 tháng 12 năm 1866 được áp dụng cho đồn Châu Đốc.

ĐIỀU 2.- Số lượng đèn được duy trì trong đồn này vẫn cố định theo bảng đính kèm.

ĐIỀU 3.- Trưởng tòa bố chịu trách nhiệm thông báo và thi hành quyết định này, sẽ được đăng kí khắp nơi cần thiết và được đăng trên Công báo.

Sài Gòn, ngày 25 tháng 9 năm 1867.

Phó đô đốc, thống đốc, tổng tư lệnh,

Đã ký: DE LA GRANDIÈRE,

Theo lệnh Thống đốc,

Giám đốc hành chính,

Ký tên: JORE

Tình trạng của những chiếc đèn hiệu được duy trì ở quảng trường Châu Đốc, theo từng Dịch vụ đặc biệt ở Nam Kỳ, và ấn định giờ chiếu sáng.

Chỉ định địa phương và phân công đèn hiệu	Số lượng đèn hiệu	Số giờ chiếu sáng mỗi đêm	quan sát
Đồn cảnh sát.....	1	10g. 30	
Quân đội bảo vệ thành			
Đèn giao thông	2	21g.	
	1	10g. 30	

Thơ của Nguyễn Đình Chiểu sáng tác ai điếu Phan Thanh Giản

DOCUMENT ANNEXE 24 (1 page)

Thơ Nguyễn Đình Chiểu
 Chiếu Phan Thanh Giản

Nam Nước tan tành, hỡi bầy dân?!
 Dân dẫu mấy bạc cõi Ngao châu!
 Bã khén công cán, đời kháng đội...
 Sáu tiếng lương? Khổng một gánh thêu.
 Trăm Bắc, ngàn chiều, tin hiệp vãng?
 Ở kinh Nam, đêm gươm, tiếng gươm thêu.
 Minh bình chân chữ, lòng son tạc!
 Trời đất từ nay mặc gươm & thêu.

11-8-1847 Nguyễn Đình Chiểu.

哀吊潘清簡大正殉節
 志士阮廷紹 系作越文
 伏學竹風放錯漢文
 桑變山河大繫漢
 蒼洲莫公雪漢
 三朝功幹双竹疏
 六省個常往石收
 坊站黃昏奇噪遠
 南城深夜吟鵲愁
 端旌九宇遺孤嘯
 天堤風塵別此秋

Đi Chiếu Phan Thanh Giản
 - Phan Thanh Giản
 Chiếu Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản

Tung biến山河 đại hệ Hán!
 Càng châu mỗ công tuyết Hán
 Tam triều công幹 đôi trúc thưa
 Lục tỉnh cá thể thường thạch thu
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản
 Phan Thanh Giản

***Le Monde Illustré* tháng 7 năm 1867: bản đánh lại từ bài của
báo *Moniteur*, bài này đã khơi ra một tuyên bố của Đô đốc
Grandière gở tội cho Phan Thanh Giản (xem tr. 242)**

[Để bài viết gốc dễ đọc như mong muốn, chúng tôi đã quyết định sao chép ở định dạng tốt hơn, thuận tiện cho người đọc]

Chúng tôi viết từ Sài Gòn:

Tờ Monitor đã thông báo rằng đô đốc, bộ trưởng hải quân và thuộc địa, đã nhận tin từ phó đô đốc La Grandière, điện văn xác nhận việc chiếm hữu ba tỉnh miền tây Hạ Đàng trong.

Quân đội chúng ta chiếm đóng trong nháy mắt thành phố Vĩnh Long, Sa Đéc, Châu Đốc và Hà Tiên, các quan lại mở cửa cho chúng tôi với sự hỗ trợ nhất trí của dân chúng, theo tiến trình của phó đô đốc de La Grandière tiếp cận với quan lớn Phan tan giang (sic), Đô ngự sử của vương quốc An Nam và tổng đốc của ba tỉnh.

Các điểm chiến lược khác của Hạ Đàng trong đã bị chiếm đóng mà không gặp phải sự kháng cự nào, và ngày nay, do cuộc chinh phục quan trọng này, chúng tôi làm chủ không bàn cãi tất cả vùng đồng bằng Campuchia giàu có, đẹp nhất và màu mỡ nhất thế giới này.

Bức tranh được từ *le Monde Illustré* minh họa thể hiện sự hình ảnh cảng Vĩnh Long, tại thời điểm Ngài Phan tan giang, cựu thượng thư triều đình Huế, và tổng đốc ba tỉnh An Nam đến để đầu hàng và giao cho phó đô đốc de La Grandière, thống đốc và tổng tư lệnh trên tàu *Ondine*, chìa khóa của thành Vĩnh Long.

Báo cáo về việc chiếm hữu ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ

Nguồn: *Le Monde Illustré*, tháng 7 năm 1867

DOCUMENT ANNEXE 26 (3 pages)

LE MONDE ILLUSTRÉ

COLONIES FRANÇAISES
COCHINCHINE

Saigon, 30 juillet 1867.

Monsieur le Directeur,

Je vous envoie un récit succinct des derniers événements qui se sont passés dans la Cochinchine. C'est la surprise de Vinh-long par l'escadrille et le corps expéditionnaire sous les ordres de M. de la Grandière, vice-amiral, gouverneur et commandant en chef.

Depuis longtemps l'annexion des trois provinces de l'ouest, Hation, Chandoc et Vinh-long était réclamée par l'opinion publique et jugée nécessaire par le gouvernement de la Cochinchine française.

Seule l'annexion de ces trois provinces pouvait amener à tout jamais notre établissement en Cochinchine, et notre prépondérance dans cette partie de l'Asie, en nous rendant maîtres de tout le delta du Mékong.

Notre sécurité exigeait aussi impérieusement que les intérêts de notre commerce et notre puissance, l'annexion de ces territoires. A chaque instant partaient de Vinh-long et de Chandoc des pirates et des agents venant ou piller nos Annamites, ou les exciter à la révolte. Les arsenaux de ces deux villes bien approvisionnés en armes et en munitions fournissaient du matériel de guerre à tous ceux qui suscitaient des troubles à l'intérieur ou chez nos protégés du Cambodge.

Ces excitations, ces secours, venant de points placés sur nos flancs, à nous toucher et qui servaient en cas d'insuccès de refuge aux rebelles, aux pirates, aux voleurs de toute espèce, entravaient dans une large mesure l'essor de notre colonie.

L'expédition résolue en juin, a été menée avec un secret, une habileté, et une rapidité foudroyantes pour les autorités des provinces, car le peuple des travailleurs, des commerçants, semble plutôt content que contrarié de son annexion, en fait ils étaient assez près pour comparer les deux gouvernements, et la comparaison n'était peut-être pas en faveur du gouvernement indigène ; de plus ils ressentaient, malgré le régime de compression et de restriction sous lequel ils étaient placés, le contre-coup de la prospérité que nous avons amenée dans le pays en y créant le commerce.

C'est donc au moins avec indifférence, sinon avec joie que travailleurs et commerçants ont changé de maîtres. Il restera bien quelques mécontents, surtout dans la classe des notables et des lettrés ; il restera encore de ces gens qui ont tout à gagner au désordre, pour amener quelques troubles ; mais le bon sens plus pratique qu'on ne croit du petit peuple saura faire justice de toute les excitations qu'il recevra et opposer la force d'inertie, peut-être même davantage, comme nous l'avons vu, notamment cette année, dans nos anciennes provinces.

Nous aurons d'abord, dans ces trois provinces de précieux auxiliaires, les chrétiens d'abord, assez nombreux. Dans la province de Vinh-long, et les Cambodgiens, restes de la race conquise qui n'en est pas encore arrivée à aimer ses conquérants. Citons pour mémoire les Chinois, qui occupent cependant deux centres très-commerçants et très-peuplés, Sadec et Rach-gia, et les Malais nombreux à Hatien.

Les moins clairvoyants, les plus indifférents ne peuvent s'empêcher de voir quel essor notre colonie va prendre à la suite des derniers événements, surtout un nouveau marché celui du Japon avec ses 40,000,000 d'habitants venant de s'ouvrir sous l'initiative française aux produits de nos possessions.

COMPOSITION DE L'EXPÉDITION.

Commandant en chef : vice-amiral de la Grandière.
 Chef d'état-major : M. de Maudhuy, capitaine de frégate.

Escadrière : sous les ordres directs du gouverneur.

CORPS DE DÉBARQUEMENT.

Colonel Rebaul, commandant des troupes. Fusiliers marins, capitaines Wits, Hamelin, Gaillard, lieutenants de vaisseau.

Deuxième régiment d'infanterie de marine : M. Brière de l'Isle, chef de bataillon.

Troisième régiment d'infanterie de marine : M. Nasseroli, lieutenant-colonel.

Quatrième régiment d'infanterie de marine : M. Domange, chef de bataillon.

Compagnie indigènes : capitaine M. d'Avvergas.

Artillerie de marine : M. de Guilhermy, chef d'escadron.

Génie : M. Bouet, chef de bataillon.

Milices locales : M. Vial, directeur de l'intérieur commandant toutes les milices.

Inspecteurs des nouvelles provinces commandant les compagnies de milices indigènes : M. Bourchet, capitaine d'infanterie de marine pour Vinh-long.

M. Vigne, lieutenant d'infanterie de marine pour Sadec.

M. Cocu, capitaine d'infanterie de marine pour Chaudoc.

M. Palasne de Champeaux, enseigne de vaisseau pour le Lac-Noa.

M. Labellivière, enseigne de vaisseau pour Hatien.

M. Lemonnier de la Croix, lieutenant d'infanterie de marine pour Long-Xuyen.

M. Dalieu, lieutenant d'infanterie de marine pour Mac-Bat.

A. DE MARVOT.

Cáo thư của 6 tỉnh Nam Kỳ (An Nam) về cái chết của quan lớn Phan Thanh Giản năm 1868

*Nguồn: Tài liệu tư nhân do ông Nguyễn Đình Đầu chuyển giao;
bản tiếng Việt là do ông dịch từ tiếng Pháp*

DOCUMENT ANNEXE 27 (5 pages)

NÓI VỀ SỰ ÔNG LỚN PHAN THANH GIẢN CHẾT

Ngày mồng năm tháng sáu năm 1867, có được tin buồn lắm, đây thép đánh nói rằng: ông quan lớn Phan thanh Giản chết tại Vinh-long, người sông được bảy mươi bốn tuổi mà làm việc giỏi lắm ròng lâu dài.

Thiên hạ thương ông ấy lắm, mấy người Langsa có quen với ông thì đều cũng thương.

Bụng ông ấy từ từ quá chừng, rộng rãi, thanh liêm, cũng thông minh lắm, trung thần, lại sct mến nhà nước Annam cùng dân Annam hết.

Ông ấy đã biết hổ giặc cùng Langsa lâu dài, thì phải thiệt hại cho nhà nước Annam. ông ấy đã lo liệu mà làm cho hai nước được yên, giúp đỡ với nhau, bất vì nhiều khi lại vắng

các nơi, cho nên đã biết tài lực Langsa, cùng làm chứng, đều nước ấy khác nước Annam, song le dân cũng có một lòng một ý với nhau, lại chúc người thương nhà nước Annam vì đã có sự đổi trong phép thời.

Vì các lễ ấy ông quan lớn Phan thanh Giảng ước ao cho dân Annam được phước cùng đáng thành lợi, lại có ý làm cho người ta được thông biết các phép mới gặp mà giúp đỡ người ta cho dễ hơn, và ích lợi hơn, cũng làm cho người ta nhìn biết kính trọng đạo thành; người lại ra sức cho các quan Annam được hiểu phải sửa cách học hành Annam mà làm bạn với nước khác y theo phép tác mới người ta đã biết là phép lịch sự hơn, bởi vì dân Annam có lậu ở một mình ra yếu đuối và phải nhiều điều khổ nạn.

Nhưng mà những điều thiết người ta biết, rồi thì chẳng dạy dỗ người ta cho hết được, khi người ấy thiên hạ không nghe lời, muốn phá phép hòa ước, binh có sức lực chẳng bao nhiêu, mà muốn kinh chống với Langsa, người thầy vậy, thì lấy làm buồn lắm, những quân hoang lang như dịp ấy, thì hiệp nhau ăn cướp, còn phá táng làng xóm, cho nên ở cho được yên trong địa hạt, thì Phalangsa là buồn cho đủ sáu tình.

Quan Phan thanh Giảng, biết thế, chẳng có lẽ nào mà đánh lại; những quân ăn cướp, hiệp nhau trúa lên trúa trong các tỉnh phía tây, chẳng có lẽ làm gì được, cho nên dân Gia-định được thành lợi, và được thông thả buôn bán lại làm cho dân biết phép tác lịch sự cùng được phép binh ~~tr~~ cho khỏi-kẻ cướp; người cho phép dân ra đầu phục, ~~ch~~ phải chống trả kéo khôn nạn, bởi vì người muốn cho dân được bình yên mà thôi.

Những người thông thái cùng biết sâu, thì bằng lòng mà vưng lời người, cứ việc làm ăn, buôn bán, cấy cấy, ăn nghiệp, những dân trong ba tỉnh khỏi chịu ~~ti~~ phản thù, khỏi thuế rượu, khỏi phản sưu nặng.

Song le cũng có người không biết sâu, quen theo thói cũ, lấy phép tử tử không có bằng lòng, thì vì điều ấy người phải chết làm vậy.

Khi người chết thì có bà con ứng trư ~~tr~~ lòng mọi sự xứng đáng người dạy là con người phải ở ~~th~~ Phalangsa, lại người

có gởi một thư tạ ơn cùng nói nhiều điều lịch sự cho quan Nguyên Soái; đến khi người gần chết, người hãy còn lo việc bốn phần mà tính việc nhà nước Phalangsa đáng có lợi cho nhà nước Annam.

Sự chết ông quan Phan thanh Giảng thì làm cho Phalangsa buồn rầu lắm, lại bên Phalangsa thì sẽ nhớ cũng kính trọng người hoài như trong nước Annam.

Quan Nguyên soái đã viết thư mà gởi cho con cái quan Phan thanh Giảng nói rằng: người cũng lấy làm rầu rĩ về sự tang, lại quan Nguyên Soái dạy tàu thiết dúc ghe chở xác ông quan Phan thanh Giảng mà đi chôn, và lại có lính Phalangsa đưa xác.

Tại Vinh-long có cái đường đi sẽ đặt tên ông quan lớn ấy, theo thói Langsa những người có danh tiếng thì thường thường đặt tên làm vậy, khi người ta nghe kêu tên sang trọng làm vậy, thì nhớ lại là tên người đã làm cho người ta được ích lợi.

Ồi ước ao danh tiếng ông Phan thanh Giảng đứng sông lâu dài cùng làm cho dân Annam được yên, ở một lòng một ý với nhau.

Khi người còn sống thì Annam chưa hiểu ý người làm sao; bây giờ người chết rồi thì sẽ biết: người ta tưởng lời này thì là lời người ước ao trước qua đời.

Bài của Huỳnh Thúc Kháng về Phan Thanh Giản

Nguồn: Trích từ tờ Tiếng Dân, số 1685, ngày 9 tháng 6 năm 1941

Trang 474-475 file PDF

DOCUMENT ANNEXE 28 (2 pages)

7 Juin 1941

TIẾNG-DÂN

Ấp hàng tạp
thời thế.

Vài dặt sự của Cụ
Phan - Thanh - Giản

Cụ Phan-thanh-Giản-, một danh thần triều Nguyễn, trải 3 triều Minh-mạng, Thiệu-trị. Tự-dức, trên 40 năm tậ trung với nước nhà, văn học, chánh trị, đức độ, danh vọng, đồng thời các danh nhân đều tôn như bậc thầy. Cho đến sau cụ qua đời mà cái gương tiên lịch sử nhỏ nhắn, người sau trong như nói, Thái-sou, sao Bắc-dẩu. Lịch sử của cụ đã có trong Liệt-truyện và Thực-lục, gần đây thấy người ta thường thuật lại ít nhiều.

Kể nhân vật tiên thời vào khoảng cận đại, cụ Phan-thanh-Giản ở triều Minh-mạng. Tự-dức đến nay dưới 100 năm, mà nhiều người thuật còn có những điều thất thiệt và có chuyện lơ mơ không rõ, không căn cứ. Kỳ giả có thấy mấy bản do những tay danh như gần Cụ, chép lại in thành tập, như là bản Lương Khê văn tập do Học Lung - thiện vương ấn hành, cũng tập Kỳ-xuyến của ông Nguyễn-Thổ. g. và tập Chá viên Phạm-phù-Thư, có nhận thấy một ít dặt sự có thể định chính những điều truyền khẩu sai lầm:

một ít dặt sự có, theo định chính những điều truyền khẩu sai lầm:

Nhân cách và đức tính cụ Phan - thanh - Giản trong khuôn khổ đạo Khổng

Đời cụ, từ trong gia đình, đối với cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài đời với bằng hữu, cho đến ra đời làm tôi đối với vua với nước, toàn thực hành đúng theo một bài sách ở thiển đẩu Luận ngữ mà thấy Từ-Hạ đã nói:

« Hiên kẻ hiền đời lòng hào sảng, thờ cha mẹ hay hết sức, thờ vua không kẻ đến mình, cùng bạn giao mà giữ điều tin... » (賢者以孝事君，以忠事父，以信事友。)

Chứng lời nói trên, không gì hơn là bằng theo thi văn của cụ là dịch xác (Lương-khe thi thảo). Vậy trước hết xin nói đại lược về bản di thảo của cụ:

Bài tựa của cụ

Bản này do ngài Tùng-thiện-vương ấn hành sau lúc cụ đã tuôn

CỤ PHAN-THANH-GIAN

4 JUN 1941

(Tiếp theo trang 1)

Bài tự của Đức Tàng-thiện-vương

Bài này làm biên mẫu, như văn đời
Lục-triều, một bài trường thiên
điền cổ nhiều, không tiện dịch hết.
Bài này viết năm Đinh-mẹo Tỵ-
Đức thứ 20 (1847) ngày 12 tháng
12. Miên - Thâm thuật. (Tên đức
Tàng-Thiện).

Sau có mấy câu đề (tượng cụ):

(Dịch) « Học sách thành nhân,
nhận cái chức thủ thần, ngón ngổ
đức hạnh làm căn thức cho nước
Nam. Kẻ không biết xem, làm người
xưa mà khổ tiếc không mấy ai
được trình kiến như thế. Nói « an
nước » nói « bản nước », không
thể định trong một lời nói, 5 trăm
năm sẽ có lời định luận công thi
công phi sau này.

Miên-Thâm viết.

tiết. Trước đầu có bài tựa vẫn vẫn
của cụ:

«Lược dịch»:

« Nhà nghèo ở miền quê, có
chỉ ham học mà khổ vì không
có sách, lại gặp vận nhà truân.
Từ ra làm việc quan, vâng mệnh
vua đi đông, đi tây, không có
ngày tháng nghỉ ngơi, cho đến tuổi
già, bao nhiêu vẫn lạ, lúc rảnh xét
lại, đều không đủ xem; định sẽ phò
cho ngọn lửa. Đời sống trong cảnh
đóng tây đông ruid, không phải
làm văn chương, chỉ chép đường đi
mà thôi. Nay đã già, nếu không đề
lại thì tâm tích đời mình, con cháu
bằng vào đâu mà biết được? Thì
văn này tuy không đủ bảo với
người đời, nhưng há không đủ bảo
con cháu nhà hay sao? »

« Nhân thế, kiếm lại đưa cho các
con theo năm trước sau, chia ra
từng thảo, được bao nhiêu thiên,
và viết vài lời đầu tập, khiến con
cháu sau có thể biết qua khoảng
dời lịch thiệp của ông cha, chúng
nó là thế thế ».

Năm bình-dậu, Tỵ-Đức năm thứ
19 (1806) trước tiết trung thu 3
ngày, Lương-khe Tịnh-bá 卞 卞
(biệt hiệu cụ) thảo.

(Xem qua trang 2 cột 4)

